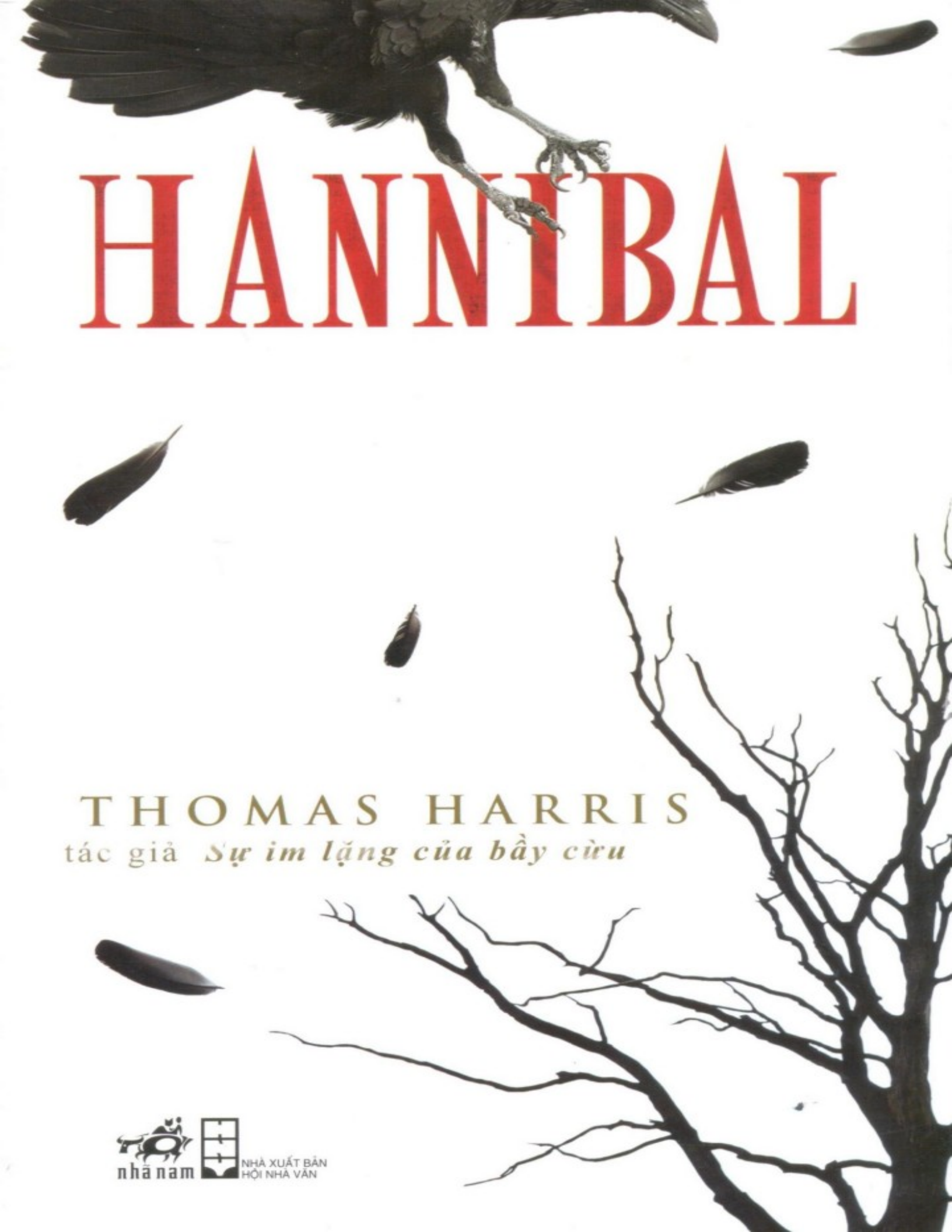




HANNIBAL

THOMAS HARRIS

tác giả *Sự im lặng của bầy cừu*



nhà nam



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

HANNIBAL



Tác giả
THOMAS HARRIS

Người dịch
THU LÊ

Phát hành
NHÃ NAM

Nhà xuất bản
HỘI NHÀ VĂN

ebook©vctvegroup

13-05-2020



I

WASHINGTON, D.C

CHƯƠNG 1

Hắn bạn sẽ nghĩ một ngày như thế sẽ khởi đầu trong run rẩy...

Chiếc Mustang của Clarice Starling nảy lên trên đoạn dốc vào Cục Rượu bia, Thuốc lá và Vũ khí (BATF) trên đường Massachusetts, một sở chỉ huy thuê của Đức Cha Sun Myung Moon vì lợi ích kinh tế.

Lực lượng xung kích đang chờ đợi trên ba chiếc xe, một chiếc xe tải nguy trang méo mó dẫn đầu, theo sau là hai chiếc xe tải đen của đội đặc vụ. Họ đang thực thi nhiệm vụ, và giờ là lúc phải phục kích trong ga ra trống huếch trống hoác.

Starling lôi túi đồ nghề khỏi xe rồi chạy đến chiếc xe dẫn đầu hai bên có căng áp phích màu trắng lấm lem với dòng chữ TIỆM CỦA MARCELL.

Từ cánh cửa sau để mở của xe tải, bốn người đàn ông đang quan sát Starling tiến đến. Dáng vẻ mảnh mai đầy mệt mỏi, cô vẫn di chuyển thật nhanh dù đang lặc lè đồ đạc, mái tóc sáng lên trong ánh huỳnh quang rờn rợn.

“Đúng là phụ nữ. Lúc nào cũng tới trễ,” một viên cảnh sát thủ đô nói.

Đặc vụ John Brigham của BATF đang ở vị trí chỉ huy.

“Không phải cô ấy trễ đâu. Xe thắng lại tôi mới nhấn cho cô ấy,” Brigham nói. “Hắn cô ấy đã tức tốc từ Quantico đến đây. Đây, Starling, đưa cái túi cho tôi.”

“Chào, John.” Cô đập tay với anh.

Brigham bàn bạc với viên cảnh sát ngồi ghế tài xế nguy trang luộm thuộm. Cửa sau còn chưa kịp khép, chiếc xe tải đã lăn bánh, hòa vào không khí chiều thu dễ chịu bên ngoài.

Clarice Starling, vốn đã quá quen với những xe tải theo dõi, dầm mình dưới chiếc kính tiềm vọng và lùi về phía sau, sát bên khối nước đá khô nặng hơn sáu mươi cân vẫn dùng làm điều hòa nhiệt độ khi xe phải tắt máy để tắt nắp.

Chiếc xe tải cũ kỹ ngai ngái mùi sợ hãi và mồ hôi không thể nào tẩy sạch. Trước nay nó đã từng được dán cơ man nào là nhãn mác. Bảng hiệu dơ dáy bạc màu trên cửa mới được dán ba mươi phút trước. Những lỗ đạn được trám lại bằng Bond-O thì lâu hơn.

Cửa sổ sau xe đều là gương một chiều xỉn màu vừa phải. Starling có thể quan sát hai chiếc xe to đen của đội đặc vụ theo sau. Cô hy vọng họ sẽ không phải kẹt ở trong xe hàng giờ đồng hồ.

Mỗi khi cô quay ra cửa sổ, các nam sĩ quan lại nhìn cô dò xét.

Đặc vụ FBI Clarice Starling, ba mươi hai tuổi, trông lúc nào cũng trẻ đúng tuổi và xinh đẹp ngay cả những lúc mệt mỏi.

Brigham lấy lại tập hồ sơ từ ghế trước.

“Sao lúc nào cô cũng bắt trúng mấy vụ tào lao này vậy Starling?” anh hỏi và mỉm cười.

“Vì anh cứ kêu đến tôi,” cô đáp.

“Vụ này thì tôi cần đến cô. Nhưng lạy Chúa, tôi thấy cô vẫn hay thực hiện các vụ bắt giữ khẩn cấp. Không cần hỏi tôi cũng đoán được rằng có ai đó ở Điểm Điều Hâu căm ghét cô. Cô nên sang làm việc cho tôi. Đây là nhân viên của tôi, đặc vụ Marquez Burke và John Hare, còn đây là sĩ quan Bolton của Sở Cảnh sát Thủ đô.”

Một đội đột kích liên minh giữa Cục Rượu bia, Thuốc lá và Vũ khí và Cục Phòng chống Ma túy (DEA) cùng với FBI là một đội hình gượng ép trong thời buổi kinh phí hạn hẹp này, khi mà ngay cả Học viện FBI cũng phải đóng cửa vì thiếu ngân sách hoạt động.

Trông Burke và Hare đúng là giống đặc vụ. Còn viên cảnh sát thủ đô thì nhìn như một anh mỗ tòa. Anh ta trạc độ bốn lăm, béo ục và bốc mùi chua lòm.

Sau lần bị kết án dính líu đến ma túy, Thị trưởng Washington nóng lòng tỏ ra rắn tay với chất nghiện này, ông khẳng khẳng rằng cảnh sát thủ đô phải được chia sẻ công lao trong những vụ đột kích lớn ở thành phố Washington. Thế nên Bolton mới có mặt ở đây.

“Hôm nay bọn Drumgo sẽ nấu hàng,” Brigham lên tiếng.

“Evela Drumgo, biết ngay mà,” Starling nói không mấy hồ hởi.

Brigham gật đầu. “À ta mở một xưởng ‘đá’ trên sông bên cạnh chợ cá Feliciano. Người của ta cho biết hôm nay ả sẽ nấu một mẻ ‘đá’. Và ả đã đặt sẵn vé đi đảo Grand Cayman ngay tối nay. Chúng ta không thể chần chừ được nữa.”

Crystal methamphetamine, tiếng lóng là “đá”, tạo một cơn phê ngắn nhưng siêu mạnh và gây nghiện khủng khiếp.

“Ma túy là việc của DEA nhưng chúng ta cần Evelda trong vụ vận chuyển vũ khí hạng ba liên bang. Lệnh bắt ghi chi tiết một số súng máy Beretta và vài khẩu MAC 10, mà ả biết rõ phần lớn số còn lại ở đâu. Starling, tôi muốn cô tập trung vào Evelda. Cô đã từng giáp mặt với ả rồi. Máy người này sẽ hỗ trợ cho cô.”

“Một nhiệm vụ dễ dàng,” sĩ quan Bolton nói với vẻ hài lòng.

“Starling, tôi nghĩ cô nên kể cho họ nghe về Evelda,” Brigham nói.

Starling chờ cho chiếc xe lắc rầm rập qua đường ray xe lửa. “Evelda sẽ đánh trả,” cô nói. “Nhìn bề ngoài thì không có vẻ gì là như thế, vì ả từng là người mẫu mà. Nhưng ả sẽ đánh trả. ả là góa phụ của Dijon Drumgo. Tôi đã từng bắt ả hai lần vì tội tổ chức bảo kê, lần đầu tiên là cùng với Dijon.

Lần gần đây nhất ả mang một khẩu chín ly với ba băng đạn và chai xịt hơi cay trong túi xách. ả còn có một con dao gấp nhét bên trong áo ngực. Không biết lần này ả sẽ mang những gì.

Lần đó, tôi nhã nhặn yêu cầu ả đầu hàng và ả làm theo. Sau đó trong trại tạm giam thủ đô ả đã dùng cán muỗng giết một tù nhân tên Marsha Valentine. Cho nên chả biết được đâu... về mặt ả khó đoán lắm. Và đại bồi thẩm đoàn đã phán là ả giết người vì tự vệ.

ả đã thoát được tội bảo kê và xin giảm án còn lại. Tội buôn vũ khí cũng được miễn bởi ả có con nhỏ và chồng vừa chết trong vụ độ súng ở đường Pleasant, có thể do bọn Spliffs gây ra.

Tôi sẽ kêu ả đầu hàng. Hy vọng là ả sẽ nghe theo - chúng ta phải diễn một màn. Nhưng hãy nghe tôi, nếu chúng ta phải không chế Evelda Drumgo thì tôi cần trợ giúp thật sự. Không cần yểm trợ cho tôi, tôi muốn không chế ả. Song các anh đừng tưởng là sẽ được xem tôi và Evelda đấu vật.”

Đã có thời Starling chắc chắn sẽ nhượng bộ những người này. Lúc này họ không hứng thú với những gì cô đang nói và cô cũng đã bị đối xử như thế mãi rồi nên chẳng buồn để tâm.

“Evelda Drumgo liên hệ với băng Trey-Eight thông qua Dijon,” Brigham nói. “Theo người của ta thì ả có một băng nhóm tên là Crip và chúng tàn sát trên bờ biển. Mục đích chính của băng này là để đề phòng bọn Spliffs. Tôi không biết chúng sẽ phản ứng thế nào một khi trông thấy chúng ta. Nếu có thể, chúng sẽ không bao giờ giáp mặt cảnh sát.”

“Các anh nên biết rằng Evelda bị nhiễm HIV,” Starling nói. “Ả lây từ Dijon qua đường kim tiêm. Biết được việc này lúc ở trong trại giam, ả đã phát rồ lên. Chính vì thế hôm đó ả đã giết Marsha Valentine rồi đánh nhau với cai ngục. Nếu ả đánh nhau mà không có vũ khí, các anh nên chuẩn bị tinh thần bị dính phải bất cứ chất lỏng nào ả phun ra. ả sẽ nhổ nước bọt và cắn các anh. Còn nếu các anh tìm cách vật ả xuống, thể nào ả cũng tiểu và ị lên người các anh. Cho nên cần thiết phải đeo găng tay và mặt nạ. Nếu các anh dúi ả vào trong xe cảnh sát, khi đặt tay lên đầu ả nhớ coi chừng kim tiêm trong tóc ả và nhớ trói chân ả lại.”

Mặt Burke và Hare dài thườn ra. Sĩ quan Bolton ra vẻ không thích lắm. Anh ta hướng cái cằm xệ về phía vũ khí của Starling, một khẩu Colt .45 kiểu Government* với miếng dán dùng cho

ván trượt trên băng, nằm trong bao súng Yaqui bên thắt lưng phải của cô. “Lúc nào cô cũng đi lại với cái thứ đã lên nòng kia à?” anh thắc mắc.

“Lên nòng và khóa vào bất cứ phút nào trong ngày,” Starling đáp.

“Thật nguy hiểm,” Bolton nói.

“Vào bãi tập bắn rồi tôi sẽ giải thích với anh.”

Brigham cắt ngang. “Bolton, tôi từng huấn luyện Starling, cô ấy đã vô địch đấu súng lục liên ngành ba năm liền đấy. Không phải lo lắng về vũ khí của cô ấy đâu. Mấy gã ở Đội Giải cứu Contin, Cao bồi Velcro đã gọi cô là gì ấy nhỉ Starling, sau lần cô hạ gục họ ấy? Annie Oakley* à?”

“Oakley Độc Địa,” cô đáp và nhìn ra cửa sổ.

Starling cảm thấy nhức nhối và cô đơn trong chiếc xe theo dõi đầy mùi dê chứa toàn đàn ông này. Đàn ông, rượu, hương liệu cũ, mồ hôi và da thuộc. Cô cảm thấy một nỗi sợ hãi mơ hồ, như là có một đồng xu vương bên dưới lưỡi. *Một hình ảnh hiện lên trong đầu: bố cô, sặc mùi thuốc lá và sục nức xà bông, gọt một quả cam bằng con dao bỏ túi có mũi gậy thành mũi vuông, rồi bỏ cam cho cô trong gian bếp. Đèn chiếu hậu chiếc xe chở hàng của ông đã biến mất khi ông ra đi vào cái đêm tuần tra - cái đêm đã cướp đi mạng sống của ông. Quần áo của ông trong tủ áo. Chiếc áo sơ mi vũ hội của ông. Một vài thứ đồ xinh xinh trong tủ áo của cô mà cô chưa mặc lần nào. Đồ tang treo trên móc áo, như những đồ chơi trên gác xép.*

“Khoảng mười phút nữa,” tài xế nói vọng ra sau.

Brigham nhìn ra kính chắn gió rồi kiểm tra đồng hồ đeo tay. “Sơ đồ đây,” anh nói. Anh có một sơ đồ thô được vẽ vội bằng bút

dạ và một bản vẽ mờ mờ được fax đến từ Sở Xây dựng. “Khu chợ cá nằm trong dãy cửa hàng và nhà kho dọc bờ sông. Đầu đường Parcell giao với con lộ Riverside trong khu nhà nhỏ này ở ngay trước chợ cá.

Thấy không, tòa nhà có cái chợ cá trên mặt nước ấy. Dọc theo mặt sau của tòa nhà là một bến tàu, ngay chỗ này đây. Cạnh chợ cá ở tầng trệt là phòng pha chế của Evelda. Lối vào ở phía trước, ngay chỗ này đây, sát mái hiên của chợ cá. Trong khi chế thuốc, Evelda sẽ chốt người canh chừng bên ngoài, ít nhất là trong vòng ba dãy nhà xung quanh. Đã có lần chúng báo động kịp thời cho ả ta phi tang mọi thứ xuống bồn cầu. Vì thế, đội đột kích của DEA ở xe thứ ba sẽ đột nhập vào từ một chiếc tàu câu cá trên bến tàu vào đúng mười lăm giờ. Bằng chiếc xe tải này chúng ta có thể tiếp cận gần nhất, ngay tận cửa phòng pha chế, chỉ trước cuộc đột kích có ít phút thôi. Nếu Evelda chạy ra phía trước, chúng ta sẽ tóm ả. Nếu ả trốn bên trong, chúng ta sẽ tấn công vào cửa hông ngay sau khi họ tấn công mé bên kia. Xe thứ hai yểm trợ cho chúng ta có bảy người; bọn họ sẽ đến vào đúng mười lăm giờ trừ phi chúng ta gọi họ sớm hơn.” “Làm sao chúng ta phá cửa được?” Starling nói.

Burke lên tiếng. “Nếu không nghe thấy gì thì tức là ta tông cửa. Nếu có tiếng nổ lớn hay tiếng súng thì nghĩa là ‘tiếng gọi Avon’.” Burke vỗ vỗ khẩu súng lục của mình.

Starling đã từng thấy thứ này - “tiếng gọi Avon” là một kiểu vỏ đạn súng ngắn chứa đầy thuốc nổ có thể làm nổ tung ổ khóa mà không gây tổn thương tới người ở bên trong.

“Mấy đứa con của Evelda đang ở đâu vậy?” Starling nói.

“Theo người nằm vùng của chúng ta thì ả gửi chúng ở nhà trẻ,” Brigham nói. “Người nằm vùng của chúng ta rất tường tận về hoàn cảnh gia đình ả, giống như là các anh tường tận về tình dục an toàn vậy.”

Điện đàm của Brigham bíp lên trong tai nghe của anh, anh bèn dò xét khoảng trời bên ngoài thấy được qua cửa sổ sau. “Có lẽ nó chỉ đi ngang qua.” Anh nói vào micrô. Anh gọi tài xế. “Đội hai thấy một chiếc trực thăng tin tức một phút trước. Anh có thấy gì không?”

“Không.”

“Tốt hơn hết là nó chỉ đi ngang qua. Chuẩn bị lên đường nào.”

Một trăm năm mươi cân đá khô không thể làm mát năm con người trong thùng xe tải kim loại vào một ngày nóng bức, nhất là khi họ đang mang giáp bảo hộ trên người. Khi Bolton giơ cánh tay lên, anh ta đã chứng tỏ rằng xịt thuốc khử mùi không thể bì với tắm được.

Clarice Starling đã may miếng lót vai vào bên trong chiếc áo sơ mi rộng của mình để đỡ sức nặng của bộ giáp Kevlar, mong rằng sẽ chống được đạn. Bộ giáp càng nặng thêm vì một lớp gôm ở cả sau lẫn trước.

Những kinh nghiệm đau lòng đã cho thấy giá trị của lớp gôm sau lưng. Tham gia đột kích với một đội hình chưa quen biết gồm những thành viên có trình độ khác nhau là một việc nguy hiểm. Đạn bắn từ phe ta có thể chọc vỡ xương sống nếu anh đi vào trước một đám người sợ hãi thiếu kinh nghiệm.

Cách con sông hai dặm, chiếc xe tải thứ ba thả đội đột kích của DEA xuống điểm hẹn cùng với chiếc thuyền câu cá. Xe yểm

trợ dừng cách chiếc xe ngựa trang màu trắng một khoảng kín đáo.

Khu phố càng lúc càng nhếch nhác. Một phần ba các tòa nhà bị vây kín bằng ván, và đám xe hồng nằm trên những thùng hàng cạnh vỉa hè. Đám thanh niên lảng vảng ở góc đường trước mấy quán bar và những khu chợ nhỏ. Mấy đứa trẻ chơi xung quanh một tấm nệm nóng hầm hập ở lề đường.

Nếu những tên cảnh giới của Evelda đang ở ngoài thì chúng hẳn đang ẩn nấp kỹ trong đám người trên hè phố. Quanh những quầy bán rượu và bãi đậu xe của cửa hàng tạp phẩm, người ta ngồi trên xe tán chuyện.

Một chiếc Impala mui trần gầm thấp chở bốn gã choai người Mỹ gốc Phi hòa vào dòng xe thưa thớt và theo sát đuôi chiếc xe tải. Bọn chúng cứ mặc xe nảy lên xóc xuống trên lề đường để dọa bọn con gái đi ngang qua. Tiếng nhạc phát ra từ chiếc xe dội inh ỏi vào những phiến kim loại trong xe tải.

Quan sát qua lớp kính một chiều ở cửa sổ sau, Starling nhận thấy mấy gã choai trên chiếc mui trần không phải là mối đe dọa. Bọn Crip lúc nào cũng đi một chiếc mui kín hừng hỏ hoặc xe tải con cũ kỹ để hòa nhập vào khu vực này và cửa sổ sau xe lúc nào cũng kéo kín. Xe của bọn chúng sẽ chở một đoàn ba tên, đôi khi bốn tên. Nếu bạn lúc nào cũng đa nghi thì ngay cả một đội bóng rổ ngồi trong một chiếc Buick trông cũng có vẻ tiềm ẩn tai họa.

Khi họ đang đợi ở một giao lộ, Brigham mở nắp đậy của chiếc kính tiềm vọng rồi vỗ vào đầu gối Bolton.

“Nhìn quanh xem có ai đáng chú ý trên lề đường không,” Brigham nói.

Ống kính tiềm vọng được giấu trong chỗ thông gió trên nóc xe. Nó chỉ nhìn được hai bên.

Bolton xoay đúng một vòng rồi dừng lại, dụi dụi mắt. “Động cơ chạy làm mọi thứ rung quá cỡ,” anh ta nói.

Qua điện đàm, Brigham kiểm tra lại với toán trên tàu. “Bốn trăm mét xuôi dòng và đang đến gần,” anh lặp lại với đội của mình trong xe tải.

Chiếc xe tải phải dừng lại một lúc tưởng như dài đằng đẳng vì đèn đỏ khi còn cách đường Parcell một lô nhà và đối mặt với chợ cá. Người tài xế quay sang vờ như kiểm tra kính chiếu hậu bên phải và kín đáo nói với Brigham. “Xem ra không có nhiều người mua cá lắm. Đi nào.”

Đèn bật xanh vào lúc hai giờ năm mươi bảy phút chiều, đúng ba phút trước giờ hẹn, chiếc xe tải theo dõi rách nát dừng trước chợ cá Feliciano ở một vị trí thuận lợi ngay bên vệ đường.

Trong khoang sau, mọi người nghe tiếng bánh xe rít lên khi tài xế thắng phanh tay lại.

Brigham trả lại kính tiềm vọng cho Starling. “Xem xem.”

Starling quét chiếc kính tiềm vọng qua mặt trước tòa nhà. Nhiều quầy hàng và ngăn chứa cá lót đá lạnh ở dưới lấp lánh sau một mái hiên bằng vải bạt trên lề đường. Cá hồng đánh từ bờ sông Carolina được bày khéo léo giữa những đồng đá bào. Lũ cua khua khoắng cang trong những chiếc sọt bạt nắp và tôm hùm trèo lên nhau trong một cái thùng. Người bán cá khôn ngoan đặt miếng giữ ẩm lên mắt những con cá lớn hơn để giữ

cho mắt chúng vẫn trong cho tới lúc các bà nội trợ sành sỏi sinh ra ở vùng Caribê đến thăm soi vào buổi tối.

Ánh mặt trời chiếu xuống tia nước trên bàn rửa cá bên ngoài tạo thành một dải cầu vồng, cạnh bàn một người đàn ông có vẻ gốc Nam Mỹ với hai cẳng tay vạm vỡ đang khéo léo dùng con dao cong chặt một con cá mập xanh, đoạn xối con cá to dưới cái vòi xịt mạnh. Cả nước lẫn máu chảy xuống rãnh và Starling còn nghe thấy nó chảy cả xuống gầm xe tải.

Starling nhìn người tài xế đang hỏi chuyện người bán cá. Người bán cá xem đồng hồ, nhún vai, rồi chỉ một quán ăn trưa địa phương. Người tài xế vào chợ ngó nghiêng một chút, châm một điếu thuốc rồi đi về phía quán ăn.

Một chiếc máy hát trong chợ đang chơi bản *La Macarena* đủ lớn để Starling dù ngồi trong xe tải vẫn nghe rõ mồn một. Cô tự nhủ mình không thể chịu đựng cái bản nhạc này một lần nào nữa.

Cái cửa cần theo dõi nằm ở bên phải. Đó là hai cánh cửa kim loại được lắp vào khung cũng bằng kim loại với duy nhất một bậc xi măng.

Starling định rời kính tiềm vọng thì cửa mở ra. Một gã da trắng to lớn mặc áo chim cò và mang xăng đan bước ra. Gã có một cái túi da đeo chéo qua ngực, một tay để ở đằng sau túi. Một tên da đen trông dẻo dai, cầm áo mưa đi phía sau gã.

“Chú ý,” Starling nói.

Với chiếc cổ dài và gương mặt đẹp như hoàng hậu Ai Cập Nefertiti, Evelda Drumgo lấp ló sau vai hai gã đàn ông.

“Evelda đang đi ra sau hai gã kia, trông như chúng đang che cho ả,” Starling nói.

Chưa kịp bỏ kính tiềm vọng xuống, Starling đã đụng phải Brigham. Cô đội mũ bảo hộ lên.

Brigham nói vào điện đàm. “Bước một, tất cả các đội. Hành động. Hành động. ả từ phía này đi ra rồi. Chúng tôi đang hành động.”

“Khống chế chúng càng êm càng tốt,” Brigham nói. Anh lên đạn khẩu súng chống bạo động. “Thuyền sẽ tới trong vòng ba mươi giây, đi thôi.”

Starling ra ngoài đầu tiên, bím tóc của Evelda tung ra khi ả quay ngoắt lại phía cô. Starling thấy hai gã cạnh ả móc súng ra và hét lên “Nằm xuống, nằm xuống!”

Evelda từ giữa hai gã đàn ông bước ra.

Ả đang dịu một đứa bé trong cái dịu đeo trên cổ.

“Đợi chút, đợi chút, tôi không muốn rắc rối,” ả nói với hai gã bên cạnh. “Đợi chút, đợi chút.” ả bước tới như một bà hoàng, nâng đứa bé lên trước mặt trong tầm kéo căng của cái dịu, một cái mền rũ xuống.

Chừa cho ả một lối thoát. Starling cất súng vào bao, dang hai tay, lòng bàn tay xòe ra. “Evelda! Đầu hàng đi. Đến đây với tôi nào.” Đằng sau Starling, tiếng động cơ V8 và tiếng bánh xe rít lên. Cô không thể quay lại. *Cầu trời đó là nhóm yểm trợ.*

Phớt lờ cô, Evelda tiến về phía Brigham, chiếc mền em bé tung lên khi khẩu MAC 10 nổ đằng sau nó và Brigham ngã xuống, tấm kính bảo hộ mặt đầy máu.

Gã da trắng to xác thả túi xuống. Nhìn thấy khẩu súng máy của gã, Burke liền nâng súng bắn ra một đám bụi chì vô hại từ băng đạn Avon. Anh ta lên đạn nhưng không kịp. Gã kia đã xả một tràng đạn xuyên qua phần bẹn ngay dưới áo chống đạn của Burke, rồi chĩa súng về phía Starling, cô chạy lên bắn hai phát vào giữa chiếc áo chim cò của gã trước khi gã kịp bóp cò.

Có tiếng súng đằng sau Starling. Gã da đen dẻo dai thả cái áo mưa che vũ khí xuống và nấp lại vào tòa nhà, vừa lúc một đòn thúc tựa như cú đâm mạnh vào lưng xô Starling về phía trước khiến cô kêu hự một tiếng. Quay lại, cô thấy chiếc xe chiến đấu của băng Crip chinh ình trên đường. Đó là một chiếc Cadillac mui kín, cửa sổ mở. Hai tay súng giống dân da đỏ Cheyenne ngồi ở bệ cửa sổ phía xa mà bắn qua nóc xe; tên thứ ba bắn từ băng ghế sau. Khói lửa bốc lên từ ba họng súng lẫn những viên đạn đoàn đoàn xung quanh cô.

Starling nấp giữa hai chiếc xe đang đậu và nhìn thấy Burke co giật trên đường. Brigham nằm bất động, một vũng máu chảy ra từ nón bảo hộ của anh. Hare và Bolton bắn từ giữa những chiếc xe đầu đó bên kia đường, đằng xa kính xe vỡ tan rơi loảng xoảng xuống đường cùng tiếng bánh xe nổ bụp khi súng tự động từ chiếc xe Cadillac nhả tới. Starling, một chân vục trong rãnh nước đang chảy, ló đầu ra để nhìn.

Hai tay súng ngồi lên cửa sổ bắn qua trần xe còn gã tài xế xả đạn bằng một khẩu súng ngắn trong tay còn rảnh. Kẻ thứ tư ngồi ở ghế sau mở tung cửa, kéo Evelda và đứa bé vào. Ả mang theo cái túi. Chúng đang bắn vào Bolton và Hare ở bên kia đường, khói tuôn ra từ bánh sau của chiếc Cadillac và xe bắt đầu lăn bánh. Starling đứng dậy lao theo bắn vào một bên đầu

tên tài xế. Cô bắn hai phát vào tay súng ngồi ở cửa sổ trước làm hắn bật ngửa ra. Không rời mắt khỏi chiếc xe, cô tháo băng đạn khỏi khẩu .45 và lắp xong băng khác khi băng đạn rỗng còn chưa chạm đất.

Chiếc Cadillac va vào một hàng xe bên kia đường rồi dừng phắt lại.

Starling bước đến gần chiếc Cadillac. Một tay súng vẫn còn ngồi ở cửa sổ sau, đôi mắt chờ đợi đi còn hai tay đang ra sức đẩy trần xe lên. Ngực hắn bị ép giữa chiếc Cadillac và một chiếc xe đang đậu. Súng của hắn bị trượt khỏi trần xe. Một đôi tay trống không xuất hiện gần cửa sổ sau. Một gã đàn ông đội chiếc khăn rằn xanh lam nhảy từ trong xe ra, giơ tay lên chạy biến đi. Starling bỏ qua hắn.

Súng nổ bên phải cô và kẻ đang chạy kia nhào tới phía trước, trượt sấp rồi cố bò vào gầm một chiếc xe. Trục thẳng vỗ cánh phản phật trên đầu cô.

Từ bên trong chợ cá có ai đó la lên. “Nằm xuống. Nằm xuống.” Mọi người liền sụp xuống sau quầy, thế là nước từ bàn rửa cá bỏ trống xối tung lên trời.

Starling tiến đến chiếc Cadillac. Có tiếng động đằng sau xe. Chiếc Cadillac chuyển động. Cả chiếc xe rung lên. Đứa trẻ hét lên trong xe. Tiếng súng vang lên và cửa sổ sau vỡ ra rớt vào trong.

Starling giơ tay hét lên mà không hề ngoái đầu lại. “DỪNG LẠI. Đừng bắn. Coi chừng cánh cửa. Đằng sau tôi. Coi chừng cánh cửa chợ cá.”

“Evelda.” Có tiếng động ở phía đuôi xe. Đứa trẻ hét lên bên trong. “Evelda, đưa tay ra ngoài cửa sổ đi.”

Evelda Drumgo đang bước ra. Đứa trẻ vẫn khóc ré lên. Bản *La Macarena* nện oàng oàng vào những cái loa bên trong chợ cá. Bước ra đến ngoài, Evelda, đầu cúi thấp, tiến về phía Starling, hai tay ôm lấy đứa bé.

Burke giãy giụa trên khoảng đường giữa hai người. Những cơn co giật ít dần và máu bắt đầu chảy ra. Bản *La Macarena* cũng giật đùng đùng cùng với Burke. Có ai đó lom khom chạy vội về phía anh, nằm xuống bên cạnh và ấn gạc lên vết thương.

Starling chìa súng xuống đất trước mặt Evelda. “Evelda, đưa tay ra, nào, đưa tay ra cho tôi.”

Có gì đó nhô lên trong chăn. Evelda với đôi bím tóc và cặp mắt Ai Cập sẫm màu ngược đầu lên nhìn Starling.

“Ra là cô, Starling,” ả nói.

“Evelda, đừng làm thế. Hãy nghĩ cho đứa bé.”

“Hãy đổi máu đi, con điếm.”

Cái chăn tung lên và một tiếng đùng vang lên trong không trung. Starling bắn xuyên qua môi trên Evelda Drumgo khiến ót ả nổ tung.

Starling cố ngồi xuống, thở hắt ra bởi một bên thái dương có cảm giác đau nhói khủng khiếp. Evelda cũng đổ gập người xuống mặt đường, máu từ miệng ả tuôn hết lên đứa bé, tiếng khóc của đứa bé nghẹn lại bên cạnh xác ả. Starling bò lại gần, giật cái khóa bấm trơn tuột của túi địu xuống. Cô kéo phăng con dao gấp ra khỏi áo ngực của Evelda, mở lên mà không kịp nhìn

rồi cắt đứt ra khỏi đứa bé. Đứa bé nhộp nhúa trong máu đỏ khiến Starling phải rất vất vả mới giữ được.

Starling ôm đứa bé trong tay, nhướn mắt lên vì đau đớn. Trông thấy nước xịt lên từ phía chợ cá, cô liền bế đứa trẻ đầy máu me chạy đến đó. Gạt đồng dao và ruột cá sang một bên, cô đặt đứa trẻ lên mặt thớt rồi bật ống nước xịt lên người nó. Đứa bé da đen nằm trên mặt thớt trắng giữa ngổn ngang dao, ruột cá và một cái đầu cá mập, đang được tẩy rửa khỏi dòng máu nhiễm HIV dương tính, máu của Starling rỏ xuống đứa trẻ cũng bị tẩy trôi đi cùng với máu của Evelda hòa thành một dòng mặn như nước biển.

Nước bắn lên thành dải cầu vồng, lời hứa của Chúa dành cho Noah, giờ giống như một dải sáng lấp lánh mĩa mai tác phẩm tạo ra dưới cây búa mù quáng của Ngài. Starling không thấy vết đạn nào trên người đứa trẻ. Loa vẫn oang oang bản *La Macarena*, ánh đèn flash nháy lên liên tục cho đến khi Hare lòi tên chụp hình đi.

CHƯƠNG 2

MỘT CON HÈM CỤT trong một xóm lao động ở Arlington, Virginia, quá nửa đêm một chút. Đó là một đêm thu oi bức sau cơn mưa. Không khí di chuyển nặng nề trước khi cơn lạnh đến. Giữa mùi đất ẩm và đám lá, một chú đế đang chơi nhạc. Bỗng chú im bật bởi một rung động tới gần. Ấy là tiếng nổ nghèn nghẹt của một chiếc Mustang 5.0 lít với đầu xe bằng thép khi rẽ vào con hẻm cụt, theo sau là xe của cảnh sát tư pháp. Hai chiếc xe rẽ vào lối đi của một tòa nhà đôi thì dừng lại. Chiếc Mustang rung lên khe khẽ chuẩn bị tắt máy. Khi động cơ đã tắt hẳn, chú đế chờ đợi một lát rồi mới tiếp tục bản giao hưởng của mình, bản giao hưởng cuối cùng trước kỳ sương giá và cũng là bản nhạc cuối đời của chú.

Trong bộ đồng phục, một viên cảnh sát tư pháp bước ra khỏi ghế lái của chiếc Mustang. Ông đi vòng sang bên để mở cửa xe cho Clarice Starling. Cô bước ra, đầu quần băng trắng giữ một miếng gạc ở bên tai. Trên cổ chiếc áo bệnh viện màu xanh lá cô mặc thay áo sơ mi loang lỗ vết Betadine cam đỏ.

Cô cầm tư trang trong chiếc túi nhựa có khóa kéo. Một vài đồng xu và chìa khóa, thẻ nhân viên FBI, một khẩu liên thanh còn chứa năm băng đạn và một chai xịt hơi cay nhỏ hiệu Mace.

Ngoài chiếc túi, cô còn mang thêm đai lưng và một bao súng rỗng.

Viên cảnh sát đưa cho cô chìa khóa xe.

“Cảm ơn ông, Bobby.”

“Cô có muốn tôi và Pharon vào trong ngồi với cô một lát không? Hay là tôi gọi Sandra nhé? Cô ấy đang đợi tôi. Tôi sẽ chờ cô ấy đến ngay thôi, cô có cần ai ở cùng...”

“Không cần đâu, tôi vào luôn đây. Ardelia sẽ về nhà sớm thôi. Cảm ơn ông nhé Bobby.”

Viên cảnh sát bước vào chiếc xe đang đợi cùng với đồng sự, khi ông thấy Starling đã vào nhà an toàn, xe liền lăn bánh rời đi.

Phòng giặt bên trong nhà Starling ẩm áp và thơm mùi nước xả vải. Máy giặt và máy sấy được khóa vào đúng chỗ bằng những vòng khóa nhựa. Cô đặt tư trang lên trên máy giặt. Chùm chìa khóa bằng kim loại va vào nhau lanh canh. Cô lấy đồ trong máy giặt ra dồn vào máy sấy, sau đó trút bỏ chiếc quần bụi bặm, chiếc áo bệnh viện màu xanh và cái áo ngực loang vết máu vào trong máy giặt rồi ấn nút cho máy chạy. Giờ trên người cô chỉ còn đôi vớ với quần lót, một khẩu .38 Special và một khẩu khác trong bao súng giấu ở mắt cá. Trên lưng và xương sườn cô hằn đầy những vết bầm tím còn cùi chỏ thì trầy xước. Mắt và má phải sưng húp lên.

Máy giặt khởi động và bắt đầu nhào quần áo. Trùm chiếc khăn tắm lên người, Starling đi vào phòng khách. Cô quay ra mang theo chiếc cốc vại sạch sẽ đổ whiskey Jack Daniel đầy đến lưng cốc. Trong bóng tối, cô ngồi xuống tắm thảm cao su trước máy giặt, tựa người vào đó trong khi chiếc máy nóng vẫn tiếp

tục rung bần bật và nhào từng hồi. Cô cứ ngồi trên sàn nhà, ngược mặt lên và nấc vài tiếng khô nghẹn trước khi nước mắt trào ra. Nước mắt bỏng rát trên má, chảy xuống mặt cô.

Bạn trai của Ardelia Mapp đưa cô về đến nhà lúc mười hai giờ bốn năm phút sáng, sau một chặng đường dài từ quận Cape May, rồi cô từ giã anh ở cửa. Mapp đang ở trong phòng tắm thì nghe thấy tiếng nước chảy ào ào trong đường ống lúc máy giặt quay.

Cô bước ra sau nhà, bật đèn căn bếp mà cô và Starling vẫn dùng chung. Cô nhìn thấy phòng giặt, thấy cả Starling đang ngồi trên sàn với băng quấn quanh đầu.

“Ôi *Starling* bé bỏng.” Cô lập tức quỳ xuống bên cạnh. “Chuyện gì vậy?”

“Tớ bị bắn sượt qua tai, Ardelia ạ. Họ đã chữa trị cho tớ ở Walter Reed. Đừng bật đèn lên được không?”

“Được mà. Để tớ pha gì cho cậu nhé. Tớ chưa nghe thấy gì hết. Chúng tớ nghe nhạc trong xe. Kể cho tớ nào.”

“Ardelia ơi, John chết rồi.”

“Không phải *Johnny Brigham* chứ!” Mapp và Starling đều phải lòng Brigham khi anh còn là thầy dạy bắn súng tại Học viện FBI. Cả hai đã từng cố nhìn cho rõ hình xăm của anh qua tay áo sơ mi.

Starling gật đầu và lấy mu bàn tay quạt nước mắt hết như một đứa trẻ. “Evela Drumgo và vài thằng trong băng Crip. Evela bắn anh ấy. Chúng cũng hạ luôn cả Burke, Marquez Burke trong đội BATF ấy. Bọn tớ đã cùng tiến vào. Evela đã

được báo động trước và đám phóng viên truyền hình đến đó cùng lúc với bọn tớ. Tớ tóm được ả rồi nhưng ả không chịu đầu hàng, Ardelia ạ. ả không chịu đầu hàng, trong tay lại đang ẵm đứa trẻ. Bọn tớ bắn nhau. Giờ thì ả chết rồi.”

Mapp chưa bao giờ thấy Starling khóc.

“Ardelia, hôm nay tớ đã giết năm người.”

Mapp ngồi xuống sàn bên cạnh Starling rồi vòng tay ôm lấy cô. Họ cùng dựa vào cái máy giặt đang chạy. “Con của Evelda thế nào rồi?”

“Tớ đã rửa hết máu khỏi người nó. Tớ không thấy vết thương nào trên da nó cả. Bệnh viện bảo là sức khỏe nó vẫn bình thường. Mấy ngày nữa, họ sẽ trao nó lại cho mẹ của Evelda. Cậu có biết Evelda nói gì với tớ lần sau cùng không, Ardelia? ả nói ‘Hãy đổi máu đi, con điểm.’ “

“Để tớ nấu gì cho cậu nhé,” Mapp nói.

“Gì cơ?” Starling hỏi.

CHƯƠNG 3

Ngày mới xam xít bắt đầu với các tin buổi sớm trên báo đài.

Mapp mang mấy cái bánh xốp đến thì thấy Starling đang rất kích động, cả hai cùng xem ti vi.

CNN và những đài khác đều mua bản quyền từ WFUL, đài này đã đặt máy quay trên trục thẳng để ghi lại mọi chi tiết. Từ trên cao, cảnh quay nhìn thật ngoạn mục.

Starling đã xem qua một lần. Cô phải coi cho được cảnh Evelda đã bắn trước. Starling nhìn sang Mapp, thấy sự giận dữ hằn lên khuôn mặt ngăm nâu của cô.

Starling chạy vụt đi để nôn.

“Xem lại thật là khó khăn.” Starling nói lúc quay trở lại, hai chân run rẩy, mặt tái xanh.

Như thường lệ, Mapp đi thẳng vào vấn đề. “Cậu hỏi là tớ cảm thấy thế nào khi cậu giết ả đàn bà Mỹ gốc Phi kia trong lúc ả đang ôm đứa trẻ hả. Cậu trả lời đây. ả bắn cậu trước. Tớ muốn cậu còn sống. Nhưng Starling ạ, hãy nghĩ xem ai đã tạo ra cái chính sách điên rồ này. Cái thứ suy nghĩ ngu ngốc nào đã đặt cậu và Evelda Drumgo đối mặt nhau tại cái nơi đáng thương kia, để hai người giải quyết vụ điều tra ma túy này bằng súng đạn? Khôn ngoan cái kiểu gì thế? Tớ nghĩ rằng cậu nên xem lại liệu cậu còn muốn làm nanh vuốt cho chúng nữa không?” Mapp rút

trà để nghỉ một lúc. “Cậu có muốn tớ ở bên cạnh không? Tớ sẽ lấy lý do bận việc riêng để xin nghỉ một ngày.”

“Cảm ơn cậu. Cậu không phải làm thế đâu. Gọi cho tớ nhé.”

Tờ *National Tattler*, chiến lợi phẩm chính từ thời kỳ bùng nổ tạp chí những năm 1990 ra thêm một phụ bản - một điều khác thường ngay cả với tiêu chuẩn của tờ báo. Ai đó đã quảng tờ báo vào nhà giữa buổi sáng. Starling thấy nó khi cô đi kiểm tra ngón cái về. Cô đang đợi điều tồi tệ nhất và giờ thì nó đã đến:

“THIÊN THẦN CHẾT: CLARICE STARLING, CỔ MÁC GIẾT NGƯỜI CỦA FBI.” Cái tit trên trang nhất cỡ chữ bảy mươi hai kiểu Railroad Gothic đập vào mắt. Hình trên ba trang đầu: Clarice Starling trong bộ trang phục chiến đấu bắn khẩu .45, Evelda Drumgo khuyu xuống đường đê lên người đứa bé, đầu nghiêng sang bên như Thánh nữ Maria trong tranh Cimabue, óc văng ra ngoài, rồi lại tới cảnh Starling đặt đứa trẻ da màu trần truồng trên tấm thớt trắng giữa lổn nhổn dao, ruột cá và cái đầu cá mập.

Dòng chú thích bên dưới những hình ảnh viết, “*Đặc vụ FBI Clarice Starling, sát tinh của kẻ giết người hàng loạt Jame Gumb, đã thêm ít nhất năm khía lên súng của cô**. Bà mẹ ôm theo con nhỏ và hai cảnh sát đã thiệt mạng sau một cuộc đột kích địa điểm nấu ma túy thất bại.”

Câu chuyện chính xoay quanh sự nghiệp buôn bán ma túy của Evelda và Dijon Drumgo, cùng sự xuất hiện của băng Crip trong bối cảnh chiến tranh tương tàn ở Washington D.C. Bài báo cũng nhắc qua sự nghiệp phục vụ quân đội của cố cảnh sát John Brigham và liệt kê các huân chương của anh.

Starling được dành hẳn một cột bên dưới tấm hình cô trong chiếc váy cổ chữ U ở một nhà hàng với vẻ mặt đầy sức sống.

Clarice Starling, đặc vụ FBI từng có một thời gian ngắn nổi tiếng vì đã bắn chết tên sát nhân hàng loạt Jame Gumb, kẻ giết người có biệt danh "Bill Bò Mộng", trong tầng hầm nhà hắt bảy năm về trước. Giờ đây cô có thể phải đối mặt với án kỷ luật ngành và nghĩa vụ dân sự do liên quan đến cái chết hôm thứ Năm của một bà mẹ ở Washington bị buộc tội sản xuất trái phép amphetamine. (Xem nội dung ở trang 1.)

Theo một nguồn tin từ Cục Rượu Bia, Thuốc lá và Vũ khí, một cơ quan mật thiết với FBI thì "đây có thể là dấu chấm hết cho sự nghiệp của cô". "Chúng tôi không rõ diễn biến sự việc ra sao nhưng lẽ ra lúc này John Brigham phải còn sống. Đây là điều FBI không bao giờ mong đợi sau vụ Ruby Ridge" một nguồn tin từ chối tiết lộ danh tính cho biết.

Sự nghiệp phong phú của Clarice Starling bắt đầu khi cô tập sự tại FBI. Là một thạc sĩ tốt nghiệp danh dự ngành tâm lý và tội phạm học từ Đại học Virginia, cô được phân công thẩm vấn tên cuồng sát Hannibal Lecter, kẻ được tờ báo này gán cho biệt danh "Kẻ Ăn Thịt Người Hannibal", từ đó thu được thông tin quan trọng trong việc tìm kiếm Jame Gumb và giải thoát con tin của hắn ta, Catherine Martin, con gái cựu nghị sĩ bang Tennessee.

Đặc vụ Starling đã ba năm liền vô địch trong cuộc thi bắn súng liên ngành trước khi cô rút lui khỏi cuộc thi. Mĩa mai làm sao, sĩ quan Brigham, người đã hy sinh bên cạnh Starling, từng là giáo viên dạy bắn súng ở Quantico trong thời gian cô được đào tạo ở đó và cũng từng là huấn luyện viên của cô trong cuộc thi trên.

Một phát ngôn viên FBI nói rằng đặc vụ Starling sẽ bị đình chỉ công tác có hưởng lương trong khi chờ kết quả điều tra nội bộ của FBI. Trong tuần này, một phiên xét xử sẽ diễn ra trước Văn phòng Trách nhiệm Nghiệp vụ, tổ điều tra đáng gờm của chính FBI.

Thân nhân của Evelda Drumgo nói họ sẽ đòi chính phủ Mỹ phải bồi thường dân sự và kiện Starling tội giết nhầm người.

Đứa con trai ba tháng tuổi của Drumgo, nằm trong vòng tay mẹ trên những tấm hình đầy thương cảm của cuộc đấu súng như quý độc giả đã thấy, không bị thương tích gì.

Luật sư Telford Higgins, người từng biện hộ cho gia đình Drumgo trong nhiều vụ hình sự trước đây, cáo buộc rằng vũ khí của đặc vụ Starling, khẩu Colt .45 bán tự động nâng cấp, không được phép sử dụng trong hành pháp ở thành phố Washington. "Đó là một công cụ nguy hiểm chết người không phù hợp với việc hành pháp," Higgins phát biểu. "Việc sử dụng công cụ này là một hành động liều lĩnh làm nguy

hiểm đến tính mạng con người," vị luật sư bào chữa nổi tiếng cho hay.

Tờ *Tattler* đã mua lại số điện thoại nhà Clarice Starling từ một trong những người cung cấp tin tức của cô và réo điện thoại nhiều đến mức Starling phải rút dây đầu nối ra, chuyển sang dùng điện thoại di động FBI cấp cho để nói chuyện với văn phòng.

Starling không thấy đau ở tai và vết sưng trên mặt lắm nếu cô không động đến miếng băng. Ít nhất cô cũng không bị co giật. Hai viên Tylenol đã giúp cô cầm cự. Cô không cần dùng thuốc giảm đau Percocet mà bác sĩ kê cho. Cô dựa vào đầu giường thiu thiu ngủ, tờ *Washington Post* rơi ra trải xuống sàn, thuốc súng còn sót lại trên tay và những giọt nước mắt đã khô bám lại trên má.

CHƯƠNG 4

Bạn yêu FBI nhưng FBI không yêu bạn.

- CHÂM NGÔN TRONG TƯ VẤN LÝ THÂN CỦA FBI

Phòng tập thể hình của FBI ở tòa nhà J. Edgar Hoover hầu như vắng tanh vào sáng sớm như thế này. Hai người đàn ông trung niên đang chạy tốc độ chậm trên máy chạy bộ. Tiếng leng keng của máy cử tạ ở một góc xa cùng tiếng vùn vụt của trận đấu quần vợt dội lại trong căn phòng lớn.

Tiếng nói của hai người chạy bộ không truyền ra xa. Jack Crawford đang chạy với giám đốc của FBI là Tunberry theo lời yêu cầu của ông. Họ đã chạy được hai dặm và đang bắt đầu thở hổn hển.

“Blaylock của ATF phải uốn theo chiều gió vì vụ Waco^{*}. Giờ thì vẫn chưa có chuyện nhưng hấn xong đời rồi và hấn biết vậy,” giám đốc nói. “Tốt hơn hấn nên báo với Đức Cha Moon là hấn sẽ dọn đi.” Việc Cục Rượu bia, Thuốc lá và Vũ khí thuê văn phòng ở Washington từ Đức Cha Sun Myung Moon là một chuyện nực cười đối với FBI.

“Và Farriday đã nhúng tay vào vụ Ruby Ridge,” giám đốc tiếp tục.

“Tôi không thấy vậy,” Crawford nói. Ông đã phục vụ ở New York cùng với Farriday hồi thập niên 1970 khi bọn du đảng bao

vây văn phòng FBI tại đại lộ số 3 và đường 69. “Farriday là người đang hoảng. Anh ấy không đặt ra luật lệ chiến đấu.”

“Sáng hôm qua tôi đã nói với anh ta rồi.”

“Anh ấy cứ im lặng thế mà ra đi à?” Crawford hỏi.

“Cứ coi như là anh ta đang bảo vệ lợi ích của mình đi. Thời buổi nguy hiểm mà Jack.”

Cả hai đều vừa chạy vừa ngoảnh đầu lại. Tốc độ tăng lên đôi chút. Liếc mắt nhìn, Crawford thấy ngài giám đốc đang ước chừng thể trạng của ông.

“Anh bao nhiêu tuổi rồi Jack, năm mươi sáu à?”

“Đúng rồi.”

“Một năm nữa là đến tuổi về hưu theo quy định rồi. Rất nhiều người xuất ngũ lúc bốn tám, năm mươi mà vẫn kiếm được việc đấy. Anh thì chưa bao giờ muốn thế. Sau khi Bella mất, anh muốn mình lúc nào cũng bận rộn.”

Giám đốc nhận ra mình đã lỡ lời khi Crawford sau cả nửa vòng chạy vẫn không trả lời ông.

“Tôi không có ý xem nhẹ điều đó, Jack ạ. Chỉ là hôm nọ Doreen đã nói rằng anh rất...”

“Có vài việc cần làm ở Quantico. Chúng ta muốn sắp xếp hệ thống VICAP* trên trang web sao cho cảnh sát nào cũng dùng được. Anh đã thấy nó trong ngân sách rồi đấy.”

“Có bao giờ anh muốn thành giám đốc không Jack?”

“Tôi nghĩ công việc đó không hợp với tôi.”

“Đúng là không hợp, Jack à. Anh không phải tí người giỏi ngoại giao. Anh không thể làm giám đốc được. Anh không thể

thành Eisenhower hay Omar Bradley được Jack ạ.” Ông ra hiệu cho Crawford dừng lại và họ đứng thờ khò khè bên cạnh đường chạy. “Nhưng anh có thể là Patton, Jack ạ. Anh có thể chỉ huy bọn họ và làm cho bọn họ yêu quý anh. Đó là một tài năng mà tôi không có. Tôi phải lèo lái bọn họ.” Tunberry nhìn quanh, nhặt cái khăn trên băng ghế lên rồi quấn quanh vai như cái áo chùng của một vị quan tòa. Mắt ông sáng lên.

Một số người phải tự chọc giận để trở nên cứng rắn, Crawford ngẫm lại khi ông quan sát miệng Tunberry.

“Về vụ bà vợ Drumgo bị bắn chết trong khi đang bế con nhỏ cùng khẩu MAC 10 và xướng ma túy - giám sát tư pháp cần vài vật hi sinh. Vài con cừu thể thân. Và báo đài cũng thế. DEA phải quăng ra vài cái. ATF phải giao ra vài cái. Và chúng ta cũng phải giao ra ít nhiều. Nhưng trong trường hợp của chúng ta, chỉ cần gà vịt thể mạng có lẽ cũng làm bọn họ vừa lòng rồi. Krendler cho rằng chúng ta có thể nộp Clarice Starling thế là họ sẽ để yên mọi chuyện. Tôi đồng ý với nó anh ta. ATF và DEA bị đổ trách nhiệm vì việc lập kế hoạch tấn công. Starling thì bị đổ thừa rằng đã nổ súng.”

“Vào kẻ đã giết cớm và bắn vào cô ta trước.”

“Vì mấy tấm hình, Jack à. Anh không hiểu sao. Công chúng không thấy Evelda Drumgo bắn John Brigham. Họ cũng chẳng thấy Evelda bắn Starling trước. Nếu không biết mình đang nhìn vào cái gì, anh sẽ không nhìn thấu được sự việc đâu. Hai trăm triệu người, chiếm một phần mười cử tri cả nước, thấy Evelda Drumgo ngồi trên đường trong tư thế bảo vệ cho đứa con và bị bắn văng óc. Đừng nói thế Jack ạ. Tôi biết anh từng nghĩ rằng

Starling sẽ là người anh đỡ đầu. Nhưng Jack à, cô ta có cái miệng quá độc địa và có khởi đầu sai lầm với một số người.”

“Krendler là thứ bỏ đi.”

“Anh hãy nghe tôi, đừng bình luận gì cho đến khi tôi nói xong. Sự nghiệp của Starling suy cho cùng cũng không tiến triển được. Cô ta sẽ bị cho thôi việc mà không gây ra chút định kiến nào. Trên giấy tờ sẽ chỉ ghi là vi phạm về giờ giấc thôi và cô ta sẽ vẫn kiếm được một công việc khác. Anh đã làm được một việc tuyệt vời cho FBI, ban Khoa học Hành vi, Jack ạ. Rất nhiều người cho rằng nếu để tâm hơn chút xíu thôi thế nào anh cũng tiến xa hơn cái chức trưởng bộ phận và anh xứng đáng hơn thế nhiều. Tôi sẽ là người đầu tiên nói ra điều này. Anh sẽ về hưu với cương vị phó giám đốc, Jack ạ. Tôi đảm bảo với anh đấy.”

“Anh muốn nói rằng nếu như tôi không chõ mũi vào vụ này?”

“Đó là chuyện bình thường thôi Jack. Nó tất sẽ xảy ra vì hòa bình của vương quốc. Nhìn tôi đây Jack.”

“Vâng thưa Giám đốc Tunberry?”

“Không phải tôi đang cầu xin anh, đây là mệnh lệnh trực tiếp. Đừng dính vào vụ này. Đừng có vứt bỏ tất cả, Jack ạ. Đôi khi người ta phải quay mặt đi. Tôi đã từng phải thế. Hãy nghe tôi, tôi biết là thật khó nhưng hãy tin rằng tôi hiểu được cảm giác của anh.”

“Cảm giác của tôi ư? Tôi cảm giác muốn tắm một cái,” Crawford đáp.

CHƯƠNG 5

Starling là một người nội trợ đặc dụng nhưng không phải người tỉ mỉ. Chỗ của cô trong căn nhà hai tầng thật sạch sẽ và cô có thể tìm thấy mọi thứ. Nhưng đồ đạc có khuynh hướng chất đống với nào là quần áo đã giặt nhưng chưa gấp và mở tạp chí còn nhiều hơn chỗ để cất chúng. Cô là người chỉ đến phút cuối mới ủi quần áo và cô không cần trang điểm cho nên luôn kịp giờ.

Khi cần ngăn nắp, cô chỉ cần xuyên qua gian bếp chung đến chỗ của Ardelia Mapp. Nếu Ardelia ở đó, cô sẽ được khuyên can, những lời khuyên thường rất có ích dù đôi khi có hơi quá mức riêng tư hơn cô muốn. Nếu Ardelia không có ở đấy thì mặc định là Starling có thể ngồi trong sự ngăn nắp tuyệt đối nơi gian nhà của Mapp để suy nghĩ miễn sao cô không *bỏ* vương vãi lại thứ gì. Và hôm nay cô đã ngồi ở đó. Gian nhà luôn luôn như có người ở dù Mapp có ở đó hay không.

Starling nhìn vào các điều khoản bảo hiểm nhân thọ của bà Mapp treo trên tường trong một cái khung làm thủ công y như là nó đã được treo trong căn nhà ở nông trang cho thuê của bà và trong căn hộ của gia đình Mapp khi Ardelia còn bé. Bà cô bán rau và hoa trong vườn nhà, tích góp từng đồng để đóng tiền bảo hiểm hằng tháng. Bà đã vay tiền theo chính sách trả trước để giúp Ardelia vượt qua trở ngại cuối cùng khi cô đang nỗ lực vào

đại học. Có một bức hình bà cụ bé xiu mỉm cười rất hồn hậu, cổ áo còn cứng hồ trắng, đôi mắt đen bên dưới chiếc nón rơm sáng lên sự từng trải.

Ardelia cảm nhận được nguồn gốc của mình và tìm thấy sức mạnh ở đó mỗi ngày. Giờ đây, Starling đang cố tập trung tinh thần để tự cảm nhận. Cô nhi viện Lutheran ở Bozeman đã cho cô cơm ăn áo mặc và dạy cô biết cách cư xử đàng hoàng. Nhưng việc cần thiết lúc này là cô phải xem xét gốc gác của mình.

Bạn có những gì khi xuất thân nghèo khó, từ một nơi mà công cuộc tái kiến thiết chỉ kết thúc vào thập niên 1950? Nếu như bạn xuất thân từ tầng lớp mà mọi người ở trường vẫn hay gọi là bọn miền Nam, bọn nhà quê hay chiếu cố hơn là tầng lớp công nhân hay dân nghèo miền núi Appalachian. Nếu ngay cả những kẻ chẳng rõ có phải là trâm anh thế phiệt miền Nam, những kẻ coi khinh lao động chân tay, gọi gia đình bạn là đồ miền Nam quê mùa, thì bạn sẽ lấy đâu ra truyền thống để mà kể lể? Chúng ta đã đánh chúng té đái lần đầu tiên ở trận Bull Run* chẳng? Hay cha ông đã rất đúng đắn ở trận Vicksburg và một góc của Shiloh sẽ mãi là thành phố Yazoo?

Thành công luôn vẻ vang và ý nghĩa hơn nhiều nếu được gây dựng từ những gì còn sót lại, làm nên chuyện bốn mươi mẫu đất khô ho cò gáy và một con la lấm lem, nhưng bạn phải nhìn thấy được điều đó. Sẽ chẳng ai bảo bạn đâu.

Starling đã thành công trong chương trình huấn luyện của FBI vì cô không còn chỗ dựa nào khác. Cô đã vượt qua hầu hết quãng thời gian trong học viện bằng cách tuân phục, nỗ lực thật nhiều và thật nghiêm túc theo luật lệ. Cô luôn vượt trội, luôn giành học bổng và luôn được lựa chọn. Sự thất bại khi không

thể phát triển sự nghiệp với FBI sau một xuất phát điểm xuất sắc như vậy là một trải nghiệm thật mới mẻ và kinh khủng đối với cô. Cô đập phải tấm rào cản tiến thân vô hình như một con ong bị nhốt trong lọ.

Cô đã đau buồn bốn ngày vì John Brigham bị bắn chết ngay trước mắt. Trước đó, John Brigham từng bày tỏ tình cảm với cô và cô đã khước từ. Sau đó anh lại đề nghị làm bạn bè, và thật lòng anh muốn vậy. Cô đã gật đầu và cũng thật lòng muốn thế.

Cô đã chấp nhận được sự thật rằng chính tay mình đã giết chết năm mạng người ở chợ cá Feliciana. Cô đã nổ súng liên tiếp vào bọn Crip khiến một tên bị kẹt nghiêng giữa mấy chiếc xe, hẳn phải bò lên nóc xe và tuột súng khỏi tay.

Để lòng nhẹ bớt, có một lần cô đã đến bệnh viện để ngắm đứa con của Evelda. Mẹ Evelda đang chuẩn bị bế đứa bé về nhà. Bà ta đã nhận ra Starling trước đó nhờ đọc báo chí. Bà ta trao đứa trẻ cho y tá và khi Starling chưa kịp định thần xem bà ta tính làm gì, thì bà ta đã tát thật mạnh vào bên mặt còn băng bó của cô.

Không đánh trả lại nhưng Starling còng tay bà ta vào cửa sổ phòng bảo sanh cho đến lúc bà ta thôi vùng vẫy, khuôn mặt méo mó chịn vào mặt kính đầy nước bọt và xà phòng. Máu chảy xuống cổ Starling và còn đau làm cô hoa mày chóng mặt. Tai cô được khâu lại tại phòng cấp cứu và cô bỏ qua không khiêu nại gì. Một nhân viên phòng cấp cứu đã bán tin cho tờ *Tattler* lấy ba trăm đô la.

Cô phải ra ngoài hai lần nữa để lo hậu sự cho John Brigham và dự tang lễ của anh tại nghĩa trang quốc gia Arlington. Họ

hàng của Brigham vốn đã ít ỏi lại đều ở xa, nên trong di ngôn cuối cùng anh ghi tên Starling là người lo hậu sự cho mình.

Mức độ thương tích ở mặt của anh đòi hỏi phải có quan tài đóng kín, song cô cũng đã chăm chút cho diện mạo của anh chu đáo hết mức có thể. Cô để anh mặc bộ quân phục hải quân màu xanh dương với ngôi sao bạc và những cuống huân huy chương.

Sau tang lễ, chỉ huy của Brigham chuyển cho Starling một hộp chứa các vũ khí cá nhân của anh, các huy hiệu và một số vật dụng trong chiếc bàn làm việc lúc nào cũng bừa bộn của anh, có cả con chim đang uống nước trong một cái cốc ngó ngắn nữa.

Trong vòng năm ngày, Starling phải đối mặt với một phiên xử có nguy cơ hủy hoại sự nghiệp của cô. Trừ một tin nhắn của Jack Crawford, điện thoại công của cô lúc nào cũng im lìm vì giờ không còn Brigham để trò chuyện nữa.

Cô gọi cho người đại diện của mình ở Hiệp hội Đặc vụ FBI. Lời khuyên của ông ta là không đeo khuyên tai và không mang giày hở mũi khi ra tòa.

Ngày nào cũng như ngày nào, báo đài đều tóm lấy câu chuyện về cái chết của Evelda Drumgo và nhả nó như nhả một con mồi.

Giờ đây trong sự ngăn nắp tuyệt đối bên nhà Mapp, Starling đang cố ngẫm nghĩ.

Con sâu hủy hoại bạn chính là cám dỗ của việc ngả theo những kẻ chỉ trích bạn để nhận được sự đồng tình của chúng.

Có tiếng ồn vọng lên.

Starling cố nhớ lại chính xác những lời lẽ trên chiếc xe tải nguy trang. Cô có nói gì không cần thiết không? Có tiếng ồn vọng lên.

Brigham bảo cô kể tóm tắt về Evelda cho những người khác. Không biết cô có biểu hiện thù hằn gì không, có gièm pha lời nào không...

Có tiếng ồn vọng lên.

Cô sực tỉnh và nhận ra đó là tiếng chuông cửa nhà mình ngay bên cạnh. Có lẽ là một phóng viên. Cô cũng đang chờ trát đòi hầu tòa. Cô vén tấm rèm che cửa cái nhà Mapp ra nhìn thì thấy người đưa thư đang quay lại xe. Cô mở cửa nhà Mapp và bắt kịp người đưa thư. Quay lưng về phía chiếc xe nhà báo với ống kính tele bên kia đường, cô ký tên nhận bức thư chuyển phát nhanh. Bì thư màu hoa cà thêu chỉ lụa trên nền giấy vải lanh thanh nhã. Mặc dù cô không tập trung lắm, nó vẫn gọi nhớ trong cô một điều gì đó. Vào trong nhà rồi, cô liếc nhìn phần địa chỉ. Một dòng chữ viết tay đẹp mắt bằng bút máy.

Trong nỗi sợ ong ong cả đầu óc cô, một lời cảnh báo lóe lên. Cô cảm thấy da bụng thắt lại như có cái gì lạnh buốt nhỏ từ trên xuống.

Starling cầm góc bì thư đem vào bếp. Cô lấy trong túi xách ra đôi găng tay trắng lúc nào cũng để sẵn đó để cầm vật chứng. Cô ấn bì thư lên mặt bàn bếp và cẩn trọng sờ nắn toàn bộ. Mặc dù giấy khá nặng, cô vẫn cảm nhận được một cục pin đồng hồ u lên chuẩn bị làm nổ tung một tấm thuốc nổ dẻo C4 nếu có. Cô biết lẽ ra nên rọi nó bằng tia X-quang. Nếu mở nó ra, có thể cô sẽ gặp rắc rối. Rắc rối. Đúng thế. Là đạn.

Cô lấy con dao làm bếp khui bì thư rồi lấy tờ giấy lụa bên trong ra. Chưa cần nhìn vào chữ ký, cô đã biết ngay ai là kẻ viết cho mình.

Clarice yêu quý,

Tôi đã nhiệt tình theo dõi quá trình bị giáng chức và bị điều tiếng của cô. Tôi thì chả bao giờ phiền muộn gì ngoại trừ thấy đôi chút bất tiện vì bị giam cầm. Nhưng có thể cô chả hình dung được đâu nhỉ.

Trong cuộc tranh luận của chúng ta dưới hầm, tôi thấy rõ rằng bố cô, một người gác đêm đã qua đời, có tầm ảnh hưởng lớn đến hệ thống giá trị của cô. Tôi nghĩ rằng thành công của cô trong việc kết thúc sự nghiệp thiết kế thời trang của Jame Gumb đã làm cô hài lòng hơn cả vì cô có thể tưởng tượng rằng bố mình đang làm việc đó.

Giờ đây cô đã trở nên bốc mùi đối với FBI. Cô có hay mơ tưởng rằng bố cô đã ra đi trước cô? Cô có bao giờ hình dung rằng ông ấy, một trưởng khu hoặc có thể còn ở chức cao hơn Jack Crawford - một PHÓ GIÁM ĐỐC chẳng hạn - đang theo dõi bước tiến của cô đầy tự hào? Và giờ đây, cô thấy ông ta hổ thẹn và sùng sốt bởi nỗi ô nhục do cô gây nên? Sự thất bại của cô? Một kết thúc đáng tiếc và không ra gì cho một sự nghiệp đầy triển vọng? Có khi nào cô nhìn thấy bản thân mình sẽ làm công việc lau chùi dọn dẹp như mẹ cô từng phải làm sau khi mấy tên nghiện bắn chết BỐ cô không? Hử?

Liệu thất bại của cô có phản ánh lên họ không? Liệu người ta có mãi quan niệm sai lầm rằng bố mẹ cô là những kẻ nghèo mạt

sống cuộc đời du mục? Hãy nói thật lòng với tôi, đặc vụ Starling.

Hãy dừng một lát trước khi tiếp tục.

Bây giờ tôi chỉ cho cô thấy một phẩm cách sẽ giúp đỡ cô: cô không khóc lóc đến mù mắt, cô có đủ dũng khí để đọc tiếp.

Đây là một bài tập có thể cô sẽ thấy có ích. Tôi muốn cô thực sự tập cùng với tôi. Cô có cái chảo gang đen nào không? Cô là một cô gái vùng núi miền Nam, tôi biết thể nào cô cũng có.

Hãy đặt chảo lên bàn bếp. Bật đèn trần lên.

Mapp thừa hưởng một cái chảo từ bà của cô và rất hay dùng. Bề mặt nó đen bóng chưa từng chạm phải xà phòng. Starling đặt chiếc chảo lên mặt bàn trước mặt.

Hãy nhìn vào trong chảo, Clarice. Cúi đầu nhìn vào trong chảo. Nếu đây là cái chảo của mẹ cô, có thể vậy lắm chứ, nó sẽ giữ được tất cả mọi rung động dù là nhỏ nhất của những cuộc đàm thoại diễn ra trước sự hiện diện của nó. Tất tần tật những trao đổi, những khó chịu vụn vặt, những tiết lộ chết người, những thông cáo vô cảm về thảm họa, những tiếng cầu nhau và cả những tình thi.

Ngồi xuống đi, Clarice. Nhìn vào trong chảo nào. Nếu được giữ gìn tốt, nó sẽ chẳng khác gì một cái hồ đen đúng không? Tựa như đang nhìn xuống giếng vậy. Bóng cô in ở dưới đáy không được rõ nét lắm nhưng cũng thấy lơ mơ, phải không? Ánh sáng đằng sau cô và nhìn kìa, cô trong bộ mặt bôi đen với một quầng sáng trông như tóc cô đang bốc cháy.

Chúng ta đều là phức thể carbon Clarice ạ. Cô, cái chảo và người bố nằm dưới lòng đất lạnh như cái chảo của cô. Vẫn còn đó cả. Nghe này. Thật sự họ - người bố, người mẹ vất vả của cô - đã nói, và sống ra sao. Những ký ức cụ thể, chứ không phải là cái hình ảnh phóng đại trong trái tim cô.

Tại sao bố cô không phải là phó cảnh sát trưởng, có mối quan hệ thân mật với đám đông ở tòa án? Vì cơ gì mẹ cô lại chọn công việc quét dọn nhà trọ để nuôi cô, ngay cả khi bà không thể nuôi cô cho đến khi cô trưởng thành?

Ký ức sinh động nhất của cô về căn bếp là gì? Không phải về cái bệnh viện, mà là căn bếp ấy.

Mẹ chùi rửa máu ở nón của bố.

Ký ức đẹp nhất của cô trong căn bếp là gì?

Bố gọt cam bằng con dao bỏ túi cũ bị gãy mũi của ông và chia cho chúng tôi.

Clarice, bố cô là người gác đêm. Mẹ cô là hầu phòng.

Có phải một sự nghiệp lớn tại chính phủ liên bang là hy vọng của cô và họ hay không? Bố cô sẽ quy lụy được đến đâu trong cái chế độ quan liêu thối rữa này? Ông ta sẽ phải bỏ đỡ bao nhiêu người? Cô đã bao giờ thấy ông xu nịnh hay luôn cúi chưa?

Sếp của cô có chứng tỏ được giá trị nào chưa Clarice? Còn bố mẹ cô, họ đã chứng tỏ được gì chưa? Nếu rồi thì những giá trị đó có như nhau không?

Hãy nhìn vào chiếc chảo gang và cho tôi biết. Có phải cô đã làm các cụ thân sinh quá cố thất vọng hay không? Họ có muốn cô âm thầm chịu đựng không? Họ nghĩ sao về nghị lực của cô? Cô có thể mạnh mẽ như cô muốn kia mà.

Cô là một chiến binh, Clarice. Kẻ thù đã chết, đứa bé được an toàn. Cô chính là một chiến binh.

Clarice, những nguyên tố bền vững nhất hiện lên trong bảng tuần hoàn hóa học, trong khoảng giữa sắt và bạc.

Ở khoảng giữa sắt và bạc. Tôi nghĩ như vậy là hợp với cô nhất.

Hannibal Lecter

Tái bút: Cô còn nợ tôi một số thông tin đấy. Hãy kể tôi nghe xem cô có còn tỉnh giấc bởi nghe thấy tiếng cừu kêu hay không. Trên mỗi tuần báo Chủ nhật hãy đăng một tin trong mục tâm sự của tờ Times, tờ International Herald Tribune và tờ China Mail. Ghi chuyển tới A.A. Aaron để nó được ưu tiên, và ký tên Hannah.

Vừa đọc, Starling vừa nghe thấy cái giọng nói đã từng mỉa mai và xuyên thấu tâm can cô, dò xét và khai sáng cô trong phòng giam nghiêm ngặt ở trại tâm thần, khi cô phải đánh đổi một phần nhạy cảm trong cuộc đời mình cho Hannibal Lecter để có những hiểu biết quan trọng của hắn về Bill Bò Mộng. Cái tiếng ken két trong giọng nói hiếm thấy ấy vẫn còn vang vọng trong những giấc mơ của cô.

Có một mạng nhện mới giăng ở góc trần bếp. Đầu óc mông lung, Starling cứ nhìn chăm chăm vào đó. Vừa vui vừa tiếc, vừa tiếc vừa vui. Vui vì sự giúp đỡ, vì cô đã tìm được cách chữa lành

vết thương. Vừa vui vừa tiếc vì dịch vụ chuyển thư tín còn sót lại của bác sĩ Lecter ở Los Angeles ắt là dùng nhân công rẻ tiền - lần này họ đóng dấu bưu điện. Jack Crawford, cơ quan bưu chính cũng như phòng hóa nghiệm sẽ rất vui sướng khi được xem lá thư này.

CHƯƠNG 6

Căn phòng của Mason tuy tĩnh lặng nhưng vẫn có nhịp đập khê của riêng nó - tiếng hút và thở của chiếc máy hô hấp mà hắn phải dùng. Trời tối đen như mực, chỉ có ánh sáng phát ra từ bể cá lớn có con lươn kỳ lạ liên tục uốn éo thành những vòng số tám. Bóng của nó chuyển động như một dải ruy băng giăng khắp phòng.

Mái tóc thắt bím của Mason xếp thành cuộn dày trên chiếc máy hô hấp, bao lấy ngực hắn trên chiếc giường xếp. Một thiết bị nhiều ống như những cái kèn treo phía trước hắn.

Cái lưỡi dài của Mason thè ra giữa hai hàm răng. Hắn uốn lưỡi lại xung quanh đầu ống và thở hắt ra cùng với nhịp kế tiếp của máy hô hấp.

Ngay lập tức một giọng nói vang lên từ cái loa trên tường. “Vâng, thưa ngài.”

“Báo *Tattler*.” vắn *t* đầu tiên bị mất đi nhưng giọng nói thật trầm và vang, một giọng nói trên đài phát thanh.

“Trang nhất có...”

“Đừng đọc cho tôi. Để lên máy chiếu đi.” Âm *đ* và *m* bị mất đi trong câu nói của Mason.

Màn hình máy chiếu to kêu tách một tiếng. Ánh sáng xanh dương biến thành màu hồng khi biểu tượng đỏ của tờ *Tattler* hiện ra.

“THIÊN THẦN CHẾT: CLARICE STARLING, CỐ MÁY GIẾT NGƯỜI CỦA FBI”. Mason đọc được qua ba nhịp thở chậm chạp của máy hô hấp. Hắn có thể phóng lớn những hình ảnh lên.

Hắn chỉ thò độc một cánh tay ra dưới tấm chắn. Hắn cử động bàn tay. Như một con cua nhện nhột nhật, bàn tay nhúc nhích, nhờ vào chuyển động của những ngón tay chứ không phải lực của cánh tay bị tàn phế. Vì đầu Mason không cử động được nhiều, ngón trỏ và ngón giữa như là cái ăng ten tìm hướng trong khi ngón cái, ngón đeo nhẫn và ngón út kéo bàn tay đi. Bàn tay hắn tìm thấy chiếc điều khiển từ xa có thể phóng to và chuyển trang.

Mason đọc chậm rãi. Kính trên con mắt độc nhất của hắn cứ một phút lại xì xì phun khí ẩm hai lần lên cái nhãn cầu không có mí mắt và liên tục làm mắt kính mờ đi. Hắn mất những hai mươi phút mới đọc hết được bài báo chính và những tí phụ.

“Bật X-quang lên,” hắn ra lệnh sau khi đã đọc xong.

Mất một lúc. Để nhìn rõ tờ phim X-quang to trên màn hình cần phải có một bàn sáng nhỏ. Đây là một bàn tay người rõ ràng đã bị hủy hoại. Đây là một góc nhìn khác cho thấy bàn tay với cả cánh tay. Một mũi tên dán lên tấm phim chỉ ra một vết gãy cũ ở xương cánh tay trong khoảng giữa cùi chỏ và vai.

Mason vừa thở thều thào một lúc lâu vừa nhìn vào đó. “Để bức thư lên,” cuối cùng hắn nói.

Bức thư viết tay đẹp mắt hiện lên trên màn hình. Những dòng chữ viết tay được phóng đại cực lớn.

“Clarice yêu quý,” Mason đọc, *“tôi đã nhiệt tình theo dõi quá trình bị giáng chức và bị điều tiếng của cô.”*

... Cái nhịp điệu của giọng nói làm dậy lên những suy nghĩ cũ khiến đầu óc hắn quay cuồng, chiếc giường và cả gian phòng cũng quay cuồng, bóc toạc những giấc mơ không thể thoát ra và thúc nhịp tim hắn đập nhanh hơn nhịp thở. Dường như cảm nhận được niềm phấn khích của hắn, cái máy liên bơm không khí vào phổi hắn nhanh hơn nữa.

Hắn đọc hết bức thư với một nhịp độ đau đớn. Đọc trên cái máy chuyển động cứ như là đọc trên lưng ngựa. Mason không tài nào nhắm mắt được. Tuy nhiên sau khi đọc xong, tâm trí hắn rời khỏi tầm nhìn và lạc đi một lúc để suy nghĩ. Máy hô hấp chậm lại. Rồi hắn thở vào ống.

“Vâng, thưa ngài.”

“Gọi ngay Nghị sĩ Vellmore. Mang cho tôi tai nghe. Tắt loa ngoài điện thoại đi.”

“Clarice Starling,” hắn tự nhủ trong nhịp thở kế mà máy hô hấp cho phép. Cái tên không có một âm bật nào và hắn có thể phát âm rõ ràng. Không có âm nào bị mất. Trong khi chờ điện thoại, hắn thiếp đi một lát. Cái bóng của con lươn trườn lên tấm ga giường, lên khuôn mặt và mái tóc cuộn tròn của hắn.

CHƯƠNG 7

Điểm điều hâu, chi nhánh của FBI ở Washington và quận Columbia, được đặt tên theo đám kền kền tụ họp trong một bệnh viện ở khu này thời Nội chiến.

Còn hôm nay diễn ra cuộc họp gồm toàn những sếp hạng trung của Cơ quan Quản lý Dược phẩm và Cục Rượu bia, Thuốc lá và Vũ khí cùng với FBI để bàn về số phận của Clarice Starling.

Starling đứng một mình trên tấm thảm dày trong phòng sếp của cô. Cô nghe được cả tiếng mạch đập dưới lớp băng quanh đầu, những tiếng nói lầm rầm qua lớp cửa kính mờ của phòng hội nghị kế bên.

Trên mặt kính là biểu tượng lớn của FBI với khẩu hiệu “Trung thành, can đảm, liêm chính” được làm từ vàng lá tinh xảo.

Những giọng nói đằng sau biểu tượng lên xuống đầy hăng hái; Starling chỉ nghe loáng thoáng tên mình.

Văn phòng có tầm nhìn thật đẹp từ vịnh đậu du thuyền tới pháo đài McNair, nơi treo cổ những kẻ bị cáo buộc có âm mưu ám sát Lincoln.

Starling chợt nhớ đến những bức hình của Mary Surratt mà cô từng được xem. Mary bước qua cổng quan tài của mình, bước lên giá treo cổ ở

pháo đài McNair, ả đứng đó đầu bị trùm kín, vảy được cột vòng quanh chân để tránh khiếm nhã khi ả rơi vào bóng tối trong tiếng rắc lớn.

Ở kế bên, Starling nghe thấy tiếng lê ghế khi mọi người đứng dậy. Giờ đây họ đang đổ vào văn phòng này. Cô nhận ra vài gương mặt. Lạy Chúa, có Noonan, trợ lý giám đốc.

Và có cả oan gia của cô, Paul Krendler từ Bộ Tư pháp với cái cổ dài và đôi tai tròn dỏng cao trên đầu như tai linh cầu. Krendler là một kẻ thích bon chen, một tay có quyền lực ngầm dựa dẫm vào tổng thanh tra. Từ khi cô bắt được tên giết người hàng loạt Bill Bò Mộng trước hắn trong một vụ nổi tiếng bảy năm về trước, hắn đã phá hoại hồ sơ nhân viên của cô mọi lúc có thể và to nhỏ này nọ vào tai Ban Sự nghiệp.

Không ai ở đây từng cùng phe với cô, cùng đánh một vụ với cô, cùng bị bắn hay chải những mảnh vụn thủy tinh khỏi tóc với cô.

Không một ai đếm xỉa gì đến cô cho đến khi tất cả cùng đồng loạt ngược sang nhìn, thật giống cái cách cả bày thú đột nhiên chú ý đến một con tàn tật trong đàn.

“Ngồi đi, đặc vụ Starling.” Sếp của cô, đặc vụ Clint Pearsall xoa xoa cổ tay như thể cái đồng hồ đeo tay làm ông ta đau.

Không nhìn vào mắt cô, ông ta ra hiệu cho cô ngồi vào chiếc ghế bành đối diện cửa sổ. Ghế ngồi trong một cuộc thẩm vấn thì chẳng danh dự gì.

Bảy người đàn ông vẫn đứng nguyên, bóng họ in lên khung cửa sổ sáng lóa. Giờ đây, Starling không trông thấy mặt họ nữa nhưng bên dưới ánh sáng chói mắt, cô có thể nhìn được chân họ. Có năm người đang mang giày mọi đế dày, kiểu được những

kẻ nhà quê lên tới được Washington ưa chuộng. Một đôi giày mũi bằng Thom McAn với đế Corfam và một đôi Florsheim cho chẵn bảy. Mùi xi giày trong không khí ấm lên bởi những bàn chân nóng.

“Đặc vụ Starling, phòng trường hợp cô không biết hết mọi người, đây là Trợ lý Giám đốc Noonan. Tôi chắc rằng cô biết *ông ấy*. Đây là John Eldredge của DEA, Bob Sneed từ BATE, Benny Holcomb, trợ lý của thị trưởng và Larkin Wainwright, kiểm soát viên của Văn phòng Trách nhiệm Nghiệp vụ,” Pearsall nói. “Paul Krendler - cô biết Paul rồi đó - vị khách từ văn phòng của tổng thanh tra bên Bộ Tư pháp. Paul đến đây để giúp chúng ta, anh ta có mặt nhưng cũng không hẳn là có mặt, chỉ cốt giúp chúng ta ngăn chặn rắc rối thôi, nếu cô hiểu ý tôi.”

Starling biết một câu truyền miệng trong ngành rằng kiểm soát viên liên bang là người đến chiến trường khi cuộc chiến đã kết thúc để đâm chết những người bị thương.

Có bóng vài người cúi đầu chào. Những người đàn ông nghển cổ lên dò xét người phụ nữ trẻ đã khiến họ phải tụ họp lại. Trong vài giây, không ai nói lời nào.

Bob Sneed phá vỡ sự yên lặng. Starling nhớ rằng hắn là nhân viên quan hệ công chúng cho BATF và đã từng cố che đậy thảm họa Hội Davidian ở Waco. Hắn là tay sai của Krendler và cũng được xem là một kẻ thích bon chen.

“Đặc vụ Starling, như tin tức trên báo đài thì cô bị công chúng xem là người đã bắn chết Evelda Drumgo. Thật không may là cô đã bị bôi xấu.”

Starling không trả lời.

“Đặc vụ Starling?”

“Tôi không có liên quan gì tới mấy thứ tin tức đó, ông Sneed.”

“Người đàn bà đó bế đứa bé trong tay, cô có thể thấy rắc rối phát sinh từ đó đấy.”

“Không phải bế, mà là địu trước ngực còn tay cô ta thì rúc dưới một cái mền giấu khẩu MAC 10.”

“Cô đã xem kết quả khám nghiệm tử thi chưa?” Sneed hỏi.

“Chưa.”

“Nhưng cô chưa bao giờ chối rằng mình không phải người nổ súng.”

“Ông nghĩ rằng tôi sẽ chối phăng bởi vì ông không tìm thấy đầu đạn sao?” Cô quay qua trưởng cục. “Ông Pearsall, đây là một buổi họp thân thiện phải không?”

“Dĩ nhiên.”

“Vậy tại sao ông Sneed lại đeo máy thu âm? Bộ phận kỹ thuật đã ngưng chế tạo những micrô cài cà vạt kiểu này mấy năm trước rồi. Ngài ta có một vật lờ lợ trên túi áo dùng để ghi âm. Hay là bây giờ chúng ta đều mang máy ghi âm đến văn phòng của nhau?”

Mặt Pearsall đỏ lựng lên. Nếu Sneed dùng máy thu âm thì đó là sự phản bội tồi tệ nhất. Nhưng chẳng ai muốn bị ghi âm lại là mình đã bảo Sneed tắt máy đi.

“Chúng tôi không cần luận điểm hay cáo buộc gì từ cô,” Sneed nói, tái xanh vì giận dữ. “Tất cả chúng tôi ở đây để giúp cô.”

“Giúp tôi chuyện gì? Cơ quan của ông đã gọi tới văn phòng này và phân công tôi trợ giúp *ông* trong đợt ruồng bắt đó. Tôi đã cho Evelda Drumgo hai cơ hội đầu hàng. ả ta đang cầm một khẩu MAC 10 dưới cái mền của em bé. ả đã bắn John Brigham. Tôi ước gì ả đầu hàng. Nhưng ả đã không làm thế. ả bắn tôi. Tôi bắn ả. ả chết. Có lẽ ông nên kiểm tra bộ đếm bằng* ngay chỗ đó, ông Sneed ạ.”

“Cô *biết trước* là Evelda Drumgo sẽ ở đó đúng không?” Eldredge thắc mắc.

“Biết trước ư? Trên xe đến đó, đặc vụ Brigham cho tôi biết rằng Evelda Drumgo đang nấu một mẻ ma túy trong một phòng thí nghiệm được canh gác cẩn mật. Anh ấy phân công tôi đối phó với ả.”

“Cô nên nhớ rằng Brigham đã chết” Krendler nói, “và Burke cũng thế, cả hai đặc vụ xuất sắc. Họ không có ở đây để xác nhận hay bác bỏ bất cứ điều gì.”

Bụng Starling quặn lên khi nghe Krendler nhắc đến tên của John Brigham.

“Ông Krendler, tôi không quên rằng John Brigham đã chết, rằng anh ấy *là* một đặc vụ có tài và cũng là bạn tốt của tôi. Nhưng sự thật là anh ấy đã ra lệnh cho tôi đối phó với Evelda.”

“Brigham phân công cho cô nhiệm vụ đó dù cô và Evelda Drumgo đã từng có xung đột từ trước,” Krendler nói.

“Thôi nào, Paul,” Clint Pearsall lên tiếng.

“Xung đột gì chứ?” Starling nói. “Một cuộc bắt giữ hòa bình. Trước lúc bị bắt, ả từng đánh nhau với những cảnh sát khác. ả không hề đánh trả khi bị tôi bắt giữ trước đó. Và chúng tôi còn

nói chuyện đôi chút - ả rất thông minh. Chúng tôi đã cư xử với nhau một cách văn minh. Tôi đã hy vọng rằng mình có thể làm thế lần nữa.”

“Cô có từng nói là cô sẽ đối phó với ả không?” Sneed hỏi.

“Tôi làm theo mệnh lệnh.”

Holcomb từ văn phòng thị trưởng và Sneed chạm đầu lại với nhau.

Sneed xắn tay áo lên. “Cô Starling, có tin từ sĩ quan Bolton thuộc Sở Cảnh sát Washington cho biết trên xe tải đi đến hiện trường cô đã có phát biểu kích động về bà Drumgo. Cô muốn nói gì về điều này không?”

“Theo mệnh lệnh của đặc vụ Brigham, tôi đã giải thích cho những người khác rằng Evelda có tiền sử bạo lực. ả ta thường có vũ khí và ả bị nhiễm HIV. Tôi có nói rằng chúng tôi sẽ cho ả cơ hội đầu hàng trong hòa bình. Tôi đã yêu cầu hỗ trợ chế ngự ả nếu cần thiết. Tôi có thể nói với ngài rằng không có mấy người xung phong làm việc này đâu.”

Clint Pearsall ra sức căn vặn Starling. “Sau khi xe của bọn Crip và một tên tội phạm tẩu thoát, cô có thấy chiếc xe rung chuyển và đứa bé khóc bên trong xe không?”

“Khóc thét,” Starling nói. “Tôi đã giơ tay để mọi người ngưng bắn và rời chỗ núp.”

“Điều này trái với quy định,” Eldredge nói.

Starling phớt lờ anh ta. “Tôi tiến lại chiếc xe trong tư thế sẵn sàng, vũ khí rút ra, họng súng hạ xuống. Marquez Burke đang nằm trên đường ở giữa chúng tôi. Có ai đó chạy ra bịt miếng gạc

lên vết thương của anh ấy. Evelda bế đứa trẻ bước lên. Tôi bảo ả đưa tay ra. Tôi đã nói đại khái như ‘Evelda, đừng làm thế.’ “

“Ả nổ súng, cô cũng nổ súng. Có phải ả gục ngay không?”

Starling gật đầu. “Chân ả khuyu xuống và ả đổ xuống đường, đè lên đứa trẻ. Ả đã chết.”

“Cô đã giằng lấy đứa bé và chạy tới chỗ vòi nước. Tỏ ra lo lắng,” Pearsall nói.

“Tôi không biết tôi tỏ ra thế nào. Nhưng máu me bê bết khắp người đứa bé. Tôi không biết nó có nhiễm HIV không, tôi chỉ biết là ả bị nhiễm.”

“Và cô nghĩ là viên đạn của cô có thể đã trúng đứa bé,” Krendler nói.

“Không. Tôi biết viên đạn bay đi đâu. Tôi có thể nói thoải mái không, ông Pearsall?”

Thấy ông ta không nhìn vào mắt mình, cô tiếp tục nói.

“Cuộc tấn công này là mớ hỗn loạn tồi tệ. Nó đặt tôi vào tình huống phải chọn lựa giữa hoặc sẽ chết hoặc phải bắn một người đàn bà đang bế một đứa bé. Tôi đã chọn lựa và điều tôi phải làm đã giày vò tâm can tôi. Tôi đã bắn một người đàn bà đang bế một đứa trẻ sơ sinh. Ngay cả *thú vật* hạ đẳng cũng không làm vậy. Ông Sneed, có lẽ ông nên kiểm tra lại đầu đếm bằng lần nữa, ngay chỗ tôi thừa nhận. Tôi căm ghét bị đặt vào tình huống như vậy. Tôi căm ghét cảm giác hiện giờ.” Cô nhớ lại cảnh Brigham nằm úp mặt trên đường và cô đã đi quá xa. “Việc các ông né tránh hết làm cho tôi thấy buồn nôn.”

“Starling...” Pearsall giận dữ, lần đầu tiên ông ta nhìn thẳng vào mặt cô.

“Tôi biết cô chưa có dịp viết bảng tường trình 302,” Larkin Wainwright nói. “Khi nào chúng tôi xem lại...”

“Có chứ thưa ông, tôi đã viết rồi,” Starling nói. “Một bản sao đang trên đường tới Văn phòng Trách nhiệm Nghiệp vụ. Nếu ông không muốn phải chờ đợi thì tôi có đem theo một bản đây. Trong đó tôi đã viết hết những gì tôi đã làm và nhìn thấy. Đây này, ông Sneed, ông có thể xem bất cứ lúc nào.”

Tầm nhìn của Starling hơi quá rõ ràng, nhận ra dấu hiệu nguy hiểm, cô bèn hạ thấp giọng.

“Cuộc tấn công đã thất bại vì một số nguyên nhân. Chỉ điểm của BATF đã nói dối về nơi ở của đứa bé vì quá mong chờ cuộc tấn công thất bại trước ngày trình diện đại bồi thẩm ở Illinois. Và Evelda Drumgo biết chúng ta sẽ tới. Ả xuất hiện với tiền trong túi này và ma túy trong túi kia. Máy nhắn tin của ả vẫn còn hiện số của WFUL-TV. Ả nhận được tin nhắn năm phút trước lúc chúng ta đến. Trực thăng của WFUL đến cùng lúc với chúng ta. Hãy cho đòi ghi âm điện thoại của WFUL để xem ai đã lộ tin. Phải là ai đó quan tâm đến giới chức địa phương. Nếu BATF làm rò rỉ tin như ở Waco, hay DEA làm điều đó, họ phải tiết lộ với truyền thông quốc gia chứ không phải đài truyền hình địa phương.”

Benny Holcomb thay mặt cho thành phố. “Không có bằng chứng cho thấy chính quyền địa phương hay Sở Cảnh sát Washington đã tiết lộ điều gì.”

“Cứ cho trát đòi là sẽ thấy,” Starling nói.

“Cô có máy nhắn tin của Drumgo không?” Pearsall hỏi.

“Nó đã bị niêm phong trong phòng cất giữ đồ đạc ở Quantico.”

Máy nhắn của Trợ lý Giám đốc Noonan vang lên. Ông cau mày nhìn vào số máy rồi xin phép ra khỏi phòng. Một lúc sau, ông gọi Pearsall ra ngoài với mình.

Wainwright, Eldredge và Holcomb nhìn ra cửa sổ về hướng pháo đài McNair, tay đút vào túi quần. Đáng lẽ ra họ đang phải chờ trong phòng chăm sóc đặc biệt. Paul Krendler bắt gặp ánh mắt Sneed, hần liền ra dấu thúc giục về hướng Starling.

Sneed đặt tay lên lưng ghế của Starling và cúi xuống cô. “Nếu tại phiên xử cô khai rằng trong khi cô đang thi hành nhiệm vụ tạm thời mà FBI giao cho, vũ khí của cô đã giết chết Evelda Drumgo, BATF sẵn sàng chứng nhận rằng Brigham đã ra lệnh cho cô... đặc biệt để ý đến Evelda để bắt giữ ả một cách êm thấm. Vũ khí của cô đã giết chết ả và trách nhiệm thuộc về nhiệm vụ của cô. Như vậy sẽ không có tranh cãi liên ngành nào về điều lệ chiến đấu và chúng ta không phải nhắc đến những phát biểu cũ đầy kích động của cô trên xe về chuyện ả là người thế nào.”

Trong giây lát, Starling nhìn thấy Evelda Drumgo bước ra khỏi cửa, ra khỏi xe, nhìn thấy tư thế đầu của ả, và bất chấp sự ngu ngốc cũng như sự lãng phí sinh mạng của Evelda, nhìn thấy ả quyết định giữ lấy con, đối đầu với những kẻ hành hạ mình chứ không né tránh.

Starling kề sát vào micrô trên cà vạt của Sneed và nói rõ ràng, “Ông Sneed, tôi hoàn toàn vui mừng khi nhận thức được ả ta là con người thế nào. ả còn tốt đẹp hơn ông đấy.”

Pearsall trở lại văn phòng mà không đi cùng Noonan và đóng cửa lại. “Trợ lý Giám đốc Noonan đã về văn phòng. Các vị, tôi sẽ ngưng cuộc họp ở đây và sẽ liên lạc lại với mọi người qua điện thoại,” Pearsall nói.

Krendler ngẩng đầu lên. Đột nhiên, hắn ta nhận ra mùi chính trị trong đó.

“Chúng ta phải quyết định một vài chuyện,” Sneed bắt đầu.

“Không, chúng ta không làm gì cả.”

“Nhưng...”

“Hãy tin tôi Bob, chúng ta không phải quyết định gì hết. Tôi sẽ trả lời anh sau. Và, Bob này...”

“Vâng?”

Pearsall giật cái dây sau cà vạt của Sneed và kéo mạnh xuống, tắt nút đi. Áo sơ mi của Sneed và cuộn băng bị giật rời ra khỏi người hắn. “Nếu anh còn đem máy thu âm đến chỗ tôi, tôi sẽ đá dít anh.”

Trong khi rời đi, không ai nhìn Starling ngoại trừ Krendler.

Đi ra cửa, lê bước để không phải nhìn xem là đang đi đâu, hắn ta hơi ngoái cái cổ dài để quay mặt về phía cô như một con sói lẩn gần bầy gia súc, nhắm vào con mồi. Về đôi mồi lướt qua mặt hắn. Theo bản năng, Krendler vừa ái mộ cặp chân của Starling nhưng lại vừa muốn cắt đứt sợi gân kheo của nó.

CHƯƠNG 8

Khoa học hành vi là một ban xử lý án giết người hàng loạt của FBI. Không khí bên dưới tầng hầm các văn phòng u ám và tĩnh lặng. Trong những năm gần đây, các nhân viên trang trí đã cố gắng vận dụng kiến thức về màu sắc của mình để làm cho không gian dưới hầm sáng sủa lên. Kết quả không khả quan hơn trang điểm cho xác chết là mấy.

Văn phòng trưởng ban vẫn còn giữ màu nâu gốc và nâu sạm với màn cửa ca rô màu cà phê trên những khung cửa sổ cao. Trong đó, với những tập hồ sơ quái quỷ bao quanh, Jack Crawford đang ngồi viết trên bàn giấy.

Có tiếng gõ cửa. Ngẩng lên, Crawford trông thấy bóng dáng làm ông hài lòng. Clarice Starling đang đứng ở cửa.

Crawford mỉm cười đứng dậy. Ông và Starling thường đứng nói chuyện. Đó là một trong những thỏa thuận bất thành văn trong quan hệ giữa họ. Họ không cần bắt tay.

“Tôi nghe nói ông đã đến bệnh viện,” Starling nói. “Xin lỗi vì đã không gặp được ông.”

“Tôi rất mừng khi bọn họ để cô đi nhanh như vậy,” ông nói. “Tai cô sao rồi, ổn chưa?”

“Nếu ông thích tai dị dạng thì nó ổn rồi. Họ bảo tôi là phần lớn cái tai sẽ xẹp xuống.”

Tóc cô che lấy tai. Cô không muốn cho ông xem.

Một thoáng im lặng.

“Họ bắt tôi chịu trách nhiệm cho thất bại của vụ tấn công, ông Crawford. Cho cái chết của Evelda Drumgo, tất cả mọi chuyện. Họ đang như những con linh cầu thì bỗng nhiên lần đi mất. Có gì đó đã đẩy họ đi.”

“Starling, có lẽ cô có một thiên thần hộ mệnh đấy.”

“Có lẽ thế. Ông đã mất gì cho chuyện này vậy, Crawford?”

Crawford lắc đầu. “Đóng cửa giùm tôi đi Starling.” Crawford lôi một miếng khăn giấy nhàu nát trong túi áo ra chùi mắt kính.

“Nếu có thể, tôi đã làm thế. Một mình tôi không đủ sức. Nếu Thượng Nghị sĩ Martin vẫn còn tại chức, cô sẽ được che chở phần nào... Họ đã mất John Brigham trong cuộc tấn công đó - chỉ đơn thuần vứt bỏ anh ta. Thật là xấu hổ nếu họ lại mất cô như đã từng mất John. Tôi thấy như mình đã chôn xác cô và John lên một chiếc xe jeep vậy.”

Gò má Crawford đỏ lên và cô nhớ lại khuôn mặt ông trong cơn gió mạnh bên mộ của John Brigham. Crawford chưa từng kể với cô về cuộc chiến của ông.

“Ông đã làm *gì đó*, Crawford.”

Ông gật đầu. “Tôi đã làm vài chuyện. Tôi không biết là cô sẽ vui như vậy. Công việc thôi.”

Công việc. *Công việc* là một từ hay trong thuật ngữ riêng của họ. Nó có nghĩa là một nhiệm vụ cụ thể và ngay lập tức, nó phá vỡ bầu không khí nặng nề. Họ sẽ không đời nào nói ra nếu vẫn có thể chịu đựng cái lối quan liêu rối rắm của FBI. Crawford và

Starling như những nhân viên y tế nhân đạo ít tin tưởng vào thần học. Người nào người nấy đều hết sức tập trung vào đứa bé trước mặt họ, thừa biết Chúa sẽ chẳng giúp được gì nhưng không buồn nói ra. Ngay cả vì mạng sống của năm mươi ngàn trẻ sơ sinh Ibo, Ngài cũng chẳng màng làm mưa.

“Starling, một cách gián tiếp thì ân nhân của cô là người viết thư cho cô gần đây đây.”

“Bác sĩ Lecter.” Từ lâu cô cứ nghĩ rằng Crawford ghét cái tên đó.

“Đúng vậy, vẫn là hắn. Hắn luôn lẩn tránh chúng ta. Hắn đã thoát tội và giờ lại viết thư cho cô. Tại sao vậy?”

Đã bảy năm từ khi bác sĩ Hannibal Lecter, kẻ đã giết mười mạng người, trốn thoát khỏi trại giam Memphis và giết thêm năm mạng nữa trong quá trình chạy trốn.

Cứ như thể Lecter đã bốc hơi khỏi mặt đất. Vụ án cứ để lửng tại FBI và sẽ để lửng mãi mãi trừ phi hắn bị bắt. Ở Tennessee cũng như các khu pháp lý khác đều như thế. Thế nhưng không có lực lượng nào được phân công truy bắt hắn ta nữa cho dù người thân của các nạn nhân đã lau nước mắt căm hờn trước mặt cơ quan lập pháp Tennessee và đòi hỏi hành động.

Các tuyển tập nghiên cứu phỏng đoán về tâm thần của hắn ta xuất hiện. Hầu hết các tác giả đều là những nhà tâm lý học chưa một lần được tiếp xúc trực tiếp với hắn. Xuất hiện một vài tác phẩm được viết bởi những bác sĩ tâm thần mà hắn từng chỉ trích trên các tạp chí chuyên ngành. Rõ ràng số người này đã cảm thấy giờ là lúc an toàn để lộ mặt. Một số cho rằng thể nào

sự điên loạn cũng sẽ khiến hắn tự sát và rất có thể hắn đã chết rồi cũng nên.

Ít nhất là trên mạng, sự hiếu kỳ về bác sĩ Lecter vẫn còn rất nhiều. Môi trường mạng đã làm cho những lý thuyết của Lecter sinh sôi như nấm độc và số lượng hình ảnh về tay bác sĩ này chiếm ưu thế hơn cả Elvis. Những kẻ mạo danh lan tràn khắp phòng chat. Và trong cái vũng tù mù thuộc bề tối của mạng, những bức ảnh của cảnh sát về tội ác của hắn được bán lậu cho những tay sưu tầm bí sử. Chúng nổi tiếng chỉ sau bức ảnh vụ hành quyết Fou-Tchou-Li.

Sau bảy năm trời, dấu vết duy nhất của tay bác sĩ chính là bức thư gửi Clarice Starling khi cô đang bị các tờ báo lá cải đưa lên.

Bức thư không có dấu vân tay nào nhưng FBI khá chắc chắn rằng đây là đồ thật. Clarice Starling chắc chắn về điều đó.

“Tại sao hắn làm thế, Starling?” Crawford gần như nổi giận với cô. “Tôi chưa bao giờ giả vờ là hiểu hắn như mấy tay bác sĩ tâm thần nhảm nhí. Cô nói tôi nghe xem nào.”

“Hắn nghĩ rằng những chuyện xảy ra sẽ hủy hoại... và làm tôi vỡ *mộng* về Cục, và hắn vui sướng khi nhìn thấy niềm tin bị phá vỡ. Đó là thú vui của hắn. Giống như hắn đã từng sưu tầm những mảnh vỡ của nhà thờ. Ấy là đồng gạch vụn ở Ý khi nhà thờ bị đổ lên những cụ già tại một buổi lễ đặc biệt và một người đã cắm một cây thông Giáng sinh lên đỉnh đồng đổ nát đó. Hắn thích chuyện đó. Tôi đã làm hắn thích thú, hắn đang đùa nghịch với tôi. Khi tôi thăm vấn hắn, hắn thích chỉ ra lỗ hổng trong giáo dục của tôi. Hắn nghĩ tôi khá nai tơ.”

Crawford hỏi dựa vào kinh nghiệm tuổi tác và không theo ngữ cảnh: “Starling, đã bao giờ cô nghĩ là có lẽ hẳn thích cô chưa?”

“Tôi nghĩ rằng tôi làm hẳn thích thú. Cái gì cũng vậy, hoặc là làm hẳn thích thú hoặc là không. Nếu chúng không làm hẳn thích...”

“Có từng *cảm thấy* hẳn thích cô không?” Crawford nhấn mạnh sự khác biệt giữa suy nghĩ và xúc cảm như một tín đồ Baptist nhất mực phải ngâm mình trong nước để rửa tội.

“Khi mới biết sơ sơ về nhau, hẳn đã nói với tôi một điều về bản thân tôi và rất đúng. Tôi nghĩ là rất dễ hiểu làm giữa thấu hiểu và đồng cảm. Chúng ta ai cũng tha thiết được đồng cảm. Có lẽ học cách phân biệt điều đó là một phần của sự trưởng thành. Thật khó khăn và tẻ nhạt khi biết rằng có ai đó có thể thấu hiểu mà không cần yêu quý mình. Khi sự thấu hiểu chỉ được dùng như một công cụ sát nhân thì đó là điều tồi tệ nhất. Tôi... tôi không biết bác sĩ Lecter cảm thấy thế nào về tôi cả.”

“Hẳn đã nói với cô điều gì, cô không ngại thì nói cho tôi được chứ?”

“Hẳn nói tôi là một người tham vọng, kẻ nhà quê bon chen và mắt tôi sáng như những viên đá hoàng đạo rẻ tiền. Hẳn nói tôi mang giày rẻ tiền nhưng tôi cũng có chút gu thẩm mỹ.”

“Và cô thấy điều đó đúng phải không?”

“Vâng, có lẽ vẫn còn đúng. Tôi đã cải thiện vấn đề giày dép.”

“Starling, cô có nghĩ rằng hẳn gửi bức thư động viên ấy vì có lẽ thích thú muốn biết xem cô có lòng được ra hẳn không?”

“Hẳn biết rằng tôi sẽ lòng được ra hẳn. Hẳn nên biết thế.”

“Sau khi bị kết tội, hắn đã sát hại thêm sáu người nữa.” Crawford nói. “Trong trại, hắn đã giết Miggs vì dám quăng tinh dịch vào mặt cô, và năm người khác khi hắn đào tẩu. Trong bối cảnh hiện thời, nếu bị tóm, tên bác sĩ sẽ bị xử tiêm thuốc độc.” Crawford mỉm cười trước ý nghĩ đó. Ông đã tiên phong trong việc nghiên cứu về sát nhân hàng loạt. Giờ đây, ông đang sắp phải về hưu mà con quái vật đã từng thử thách ông nhiều nhất vẫn đang nhõn nhơ ngoài vòng pháp luật. Viễn cảnh cái chết của bác sĩ Lecter làm cho ông vui sướng hết sức.

Starling biết Crawford nhắc đến hành động của Miggs để khuấy lên sự chú ý của cô, gợi nhớ lại chuỗi ngày kinh hoàng khi cô cố gắng thẩm tra Tên Ăn Thịt Người Hannibal ở tầng hầm của Bệnh viện Tội phạm Tâm thần Baltimore. Khi Lecter đang đùa cợt với cô thì một cô gái đang phải nằm co chờ chết trong giếng của Jame Gumb. Crawford vẫn thường khiến người khác phải chú ý cao độ hơn khi ông đang nói tới điểm chính, giống như lúc này.

“Starling, cô có biết một trong những nạn nhân đầu tiên của bác sĩ Lecter vẫn còn sống không?”

“Cái tên giàu sụ. Gia đình hắn đã treo giải thưởng.”

“Đúng, Mason Verger. Hắn đang phải sống bằng máy hô hấp ở Maryland. Cha hắn mới qua đời năm nay và để lại gia tài sản xuất thịt hộp cho hắn. Ông già Verger cũng để lại cho Mason một hạ nghị sĩ Mỹ và một thành viên trong ủy ban Giám sát Tòa án. Những người này không thể đủ sống nếu thiếu ông ta. Mason nói là hắn có vài thứ có thể giúp chúng ta tìm được tên bác sĩ. Hắn muốn nói chuyện với cô.”

“Với *tôi* ấy à.”

“Đúng, với cô. Mason muốn thế và bỗng nhiên mọi người đều đồng tình rằng đó là một ý kiến hay.”

“Mason muốn thế sau khi ông đã gợi ý cho hẳn đúng không?”

“Họ đang định tống cổ cô Starling ạ. Rũ bỏ cô như một miếng giẻ. Cô rồi cũng sẽ bị bỏ phí như John Brigham thôi. Chỉ để cứu vớt mấy tên công chức ở BATF. Sợ hãi. Áp lực. Đó là tất cả những gì chúng hiểu được bây giờ. Tôi nhờ một người mách qua điện thoại với Mason và nói cho hẳn biết cuộc săn đuổi Lecter sẽ bị ảnh hưởng như thế nào nếu cô bị kỷ luật. Chuyện gì xảy ra sau đó, Mason đã gọi ai đó nữa tôi không muốn biết, có lẽ là đại diện Vollmer.”

Nếu như là một năm trước đây, hẳn Crawford đã không làm thế. Starling cố tìm kiếm trên gương mặt ông một chút điên điên thỉnh thoảng vẫn xảy ra với những người sắp về hưu. Cô không tìm thấy được gì nhưng ông trông rõ mệt mỏi.

“Mason chả có gì đẹp đẽ đâu Starling. Và ý tôi nói không chỉ là về mặt mũi gã ta. Hãy tìm xem gã có những gì. Dem về đây và chúng ta sẽ làm việc với nó. Sau hết thả mọi sự.”

Starling đã biết từ lâu, từ cái thuở cô vừa tốt nghiệp Học viện FBI, rằng Crawford cố đưa cô vào Ban Khoa học Hành vi.

Giờ đây, là cựu binh của FBI cũng như cựu binh của nhiều nhiệm vụ bên lề khác, cô có thể nhận ra chiến thắng ban đầu của mình khi bắt được tên giết người hàng loạt Jame Gumb là một phần của quá trình tách rời với Cục. Cô là một ngôi sao đang lên nhưng bị mắc kẹt trên đường. Trong quá trình bắt được Gumb, cô đã tạo ra ít nhất một kẻ thù đầy thế lực và đã

khuyến khích sự ghen ghét của một số đồng nghiệp nam trẻ tuổi. Điều đó và một số rắc rối khác, đã dẫn đến những năm làm trinh sát ngoại tuyến, trinh sát phản ứng bắt cướp ngân hàng và những năm ngồi trên súng ống thi hành lệnh bắt giữ ở Newark. Cuối cùng bị cho là quá nóng tính không thể làm việc theo nhóm, cô trở thành một đặc vụ kỹ thuật chuyên cài bọ nghe trộm vào điện thoại và xe hơi của đám giang hồ và bọn chụp hình khiêu dâm trẻ em, phải ngồi hàng tiếng cô đọc theo dõi đường dây nghe lén số Ba. Khi bất kỳ sở bạn nào cần đến sự trợ giúp tin cậy cho một vụ tấn công, họ luôn mượn cô. Cô có sức khỏe dẻo dai, nhanh nhẹn và cẩn trọng với súng ống.

Crawford thấy đây là một cơ hội cho cô. Ông nghĩ rằng cô vẫn luôn muốn truy bắt Lecter. Sự thật phức tạp hơn thế nhiều.

Crawford đang ngắm cô. “Cô chưa bao giờ tẩy thuốc súng khỏi mặt.”

Bụi thuốc súng từ súng của Jame Gumb đã để lại trên má cô một chấm đen.

“Chưa có thời gian,” Starling nói.

“Cô có biết người Pháp gọi cái nốt ruồi duyên, cái *mouche* như thế phía trên má là gì không? Cô có biết nó có ý nghĩa gì không?” Crawford có cả một thư viện các hình xăm, ký hiệu cơ thể và vết xăm tôn giáo.

Starling lắc đầu.

“Họ gọi nó là ‘dũng cảm’,” Crawford nói tiếp. “Cô có thể giữ nó trên người. Nếu tôi là cô, tôi sẽ giữ nó.”

CHƯƠNG 9

Trang trại Muskrat có một vẻ đẹp ma quái - đó là biệt thự của gia đình Verger gần sông Susquehanna ở Bắc Maryland. Để chế thịt hộp Verger mua lại trang trại này vào những năm 1930 khi họ từ Chicago dời về phía Đông để được gần Washington hơn, và họ dư sức mua nó. Sự nhạy bén trong kinh doanh và chính trị đã giúp nhà Verger nuốt chửng những hợp đồng thịt của quân đội Mỹ từ thời Nội chiến.

Vụ xì căng đan “thịt đông lạnh” trong cuộc chiến Tây Ban Nha - Hoa Kỳ chẳng ảnh hưởng gì đến nhà Verger. Khi Upton Sinclair và đám nhà báo điều tra những nhà xưởng đóng hộp có điều kiện nguy hiểm, họ phát hiện nhiều công nhân của Verger đã bị nghiền thành mỡ một cách vô tình; mỡ này được đóng hộp và bán với tên gọi Mỡ Lá Durham, nhãn hiệu yêu thích của những nhà làm bánh. Lời buộc tội không ích gì với nhà Verger. Vụ việc chẳng làm gia đình này mất bất cứ một hợp đồng với chính phủ nào.

Nhà Verger tránh mọi bê bối có thể xảy ra bằng cách chi tiền cho giới chính trị. Lần thiết thòi duy nhất của họ là Luật Thanh tra Thịt vào năm 1906.

Hiện nay nhà Verger giết mổ tám mươi sáu ngàn con bò một ngày, và khoảng ba mươi sáu ngàn con lợn, con số này thay đổi

chút ít tùy theo mùa.

Bãi cỏ mới cắt của trang trại Muskrat với hương hoa tử đinh hương khuấy lên trong gió không giống mùi của một bãi chăn thả chút nào. Thú vật chỉ có vồn vện những chú ngựa lùn cho đám trẻ tham quan và mấy đàn ngỗng trông ngồ ngộ đang gặm cỏ, đầu cắm xuống cỏ, cái mông lúc lắc. Không có con chó nào. Ngôi nhà, chuồng gia súc và sân vườn nằm gần trung tâm một khu rừng quốc gia rộng sáu dặm vuông, và sẽ tồn tại ở đó lâu dài dưới chính sách miễn thuế đặc biệt của Sở Nội vụ.

Giống như mọi khu đất riêng của những kẻ giàu sụ, trang trại Muskrat rất khó tìm khi ta tới lần đầu tiên. Clarice Starling đi mãi trên một dốc ra trên xa lộ. Quay lại theo đường phụ trợ*, cô gặp lối vào để giao hàng trước nhất - đó là một cánh cổng lớn có xích khóa giữa hàng rào cao bao quanh khu rừng. Sau cánh cổng, một con đường cho xe cứu hỏa mất hút sau lùm cây. Không có trạm điện thoại nào. Đi tiếp hai dặm, cô tìm thấy chòi gác thụt vào khoảng một trăm thước dọc theo một lối đi tuyệt đẹp. Người gác mặc đồng phục ghi tên cô vào bảng danh sách.

Cô đi thêm hai dặm đường được chăm sóc kỹ càng để đến trang trại.

Starling thắng chiếc Mustang kêu ì ì của cô lại cho một bầy ngỗng băng qua đường. Cô trông thấy một đám con nít cưỡi những chú ngựa lùn Shetland ục ịch rời khỏi chuồng ngựa xinh xắn cách nhà một phần tư dặm. Tòa nhà chính trước mặt cô là một lâu đài do Stanford White thiết kế được dựng khéo léo giữa những quả đồi thoải thoải. Nơi đây trông thật vững chắc và màu mỡ, đúng là lãnh thổ của những giấc mơ ngọt ngào. Nó làm Starling dâng trào cảm xúc.

Gia đình Verger đủ hiểu biết để duy trì căn nhà y như cũ ngoại trừ một chỗ thêm thắt duy nhất mà Starling chưa nhìn thấy. Một chái nhà hiện đại lòi ra ở mặt phía Đông giống như một cái chân thừa được gắn vào trong một thí nghiệm y khoa kỳ quặc.

Starling đậu xe bên dưới cổng chính. Khi động cơ tắt rồi, cô nghe được cả tiếng thở của chính mình. Qua gương, cô nhìn thấy một người đang cưỡi ngựa tiến đến. Giờ thì tiếng vó ngựa đã lóc cóc bên vệ đường kể bên xe trong khi Starling bước ra.

Một người vai rộng, tóc vàng cắt ngắn nhảy xuống yên ngựa rồi đưa dây cương cho một gã bồi mà không hề liếc nhìn hẳn. “Dẫn nó về đi.” Người cưỡi ngựa nói bằng giọng trầm thô ráp. “Tôi là Margot Verger.” Lại gần nhìn hóa ra đó là một phụ nữ. Ả dang rộng tay ra ngang vai. Rõ ràng Margot Verger là một người chịu khó tập thể hình. Bên dưới cái cổ gân guốc là một bờ vai khổng lồ và hai cánh tay kéo căng cả cái áo thun chơi quần vợt ả mặc. Mắt ả ánh lên khô khốc và có vẻ khó chịu như là bị thiếu nước mắt. Ả mang đôi ủng đi ngựa không có đinh thúc với quần túm ống bằng vải chéo.

“Cô đi gì tới đây vậy?” ả hỏi. “Mustang cổ hả?”

“Kiểu của năm tám tám.”

“Loại năm lít à? Cái loại xe thấp tè mà bánh to đùng chứ gì.”
“Vâng. Nó là một chiếc Roush Mustang.”

“Cô thích nó chứ?”

“Rất thích.”

“Nó thì làm được gì?”

“Tôi không rõ. Vừa đủ, tôi nghĩ vậy.”

“Cô sợ nó à?”

“Tôi trân trọng nó. Phải nói là tôi sử dụng nó một cách trân trọng,” Starling đáp.

“Cô có biết về nó à? Hay chỉ mua đại vậy thôi?”

“Tôi biết đủ để mua được nó ở một cuộc đấu giá khi tôi thấy nó. Tôi học hỏi thêm sau đó.”

“Cô nghĩ liệu nó có đánh bại được chiếc Porsche của tôi không?”

“Tùy xem là xe Porsche nào. Cô Verger, tôi cần nói chuyện với anh trai cô.”

“Năm phút nữa họ mới tắm xong cho anh ấy. Lúc đó chúng ta sẽ bắt đầu.” Chiếc quần tím vải chéo kêu sột soạt khi cạ vào cặp đùi to cơ của Margot Verger lúc ả bước lên cầu thang. Mái tóc vàng óng màu bắp của ả có đường chân tóc cao bất thường khiến Starling phải thắc mắc không biết có phải ả đã uống steroid* và phải bó nhỏ cái âm vật lại không.

Đối với Starling, một người đã sống cả thời thơ ấu trong trại mồ côi Lutheran thì căn nhà này trông như một bảo tàng với không gian rộng lớn và những thanh xà sơn màu; trên tường treo chân dung của những người quá cố có vẻ đều là nhân vật quan trọng. Đồ sứ Trung Hoa để ngay đầu cầu thang và những tấm thảm Ma rốc dài trải khắp các sảnh.

Có một sự chuyển biến đột ngột trong phong cách của chái nhà mới xây trong dinh thự nhà Verger. Qua lớp cửa đôi kính mờ là một cấu trúc hiện đại không phù hợp với tòa sảnh hình vòm.

Margot Verger dừng lại ngoài cửa. Ánh liếc Starling, ánh mắt lóe lên vẻ khó chịu.

“Vài người gặp khó khăn khi nói chuyện với Mason” ả nói. “Nếu cô thấy phiền hay không chịu nổi, tôi có thể cho cô biết thêm sau về bất cứ điều gì cô quên không hỏi anh ấy.”

Có một cái cảm giác thông thường mà chúng ta đều nhận thấy nhưng chưa đặt tên - sự mong đợi niềm vui sướng khi ta có thể coi khinh ai đó. Starling thấy điều ấy trên mặt Margot Verger. “Cảm ơn,” cô chỉ nói vậy.

Starling ngạc nhiên khi thấy phòng đầu tiên của chái nhà là một căn phòng đồ chơi rộng rãi, được trang bị hiện đại. Hai đứa trẻ người Mỹ gốc Phi đang chơi giữa đồng thú nhồi bông quá cỡ, một đứa đang lái chiếc xe đạp ba bánh có bánh trước to đùng còn đứa kia đang đẩy một chiếc xe tải trên sàn nhà. Có đủ các loại xe ba bánh và xe tải để đầy trong góc và ngay chính giữa là một phòng tập thể hình to có sàn lót rất dày.

Trong góc phòng đồ chơi, một người đàn ông dáng cao cao mặc đồng phục y tá ngồi trên chiếc ghế yêu thích đọc tờ *Vogue*. Rất nhiều máy quay gắn trên tường, cái cao cái vừa tầm mắt. Có một máy đặt ở góc cao trên phòng quay Starling và Margot Verger với ống kính xoay để lấy nét.

Starling đã qua cái thời nhói lòng trước sự xuất hiện của một đứa trẻ da màu, tuy nhiên cô nhận thấy rõ ràng sự có mặt của những đứa trẻ này. Thật dễ chịu khi ngắm nhìn chúng chơi đùa vui vẻ trong lúc Margot Verger và cô đi ngang căn phòng.

“Mason thích ngắm nhìn lũ trẻ,” Margot Verger nói. “Tụi nó sợ phải nhìn thấy anh ấy, trừ những đứa quá bé nên anh ấy phải

làm vậy. Chút nữa chúng sẽ cười ngửa. Ban ngày chúng được gửi ở đây bằng tiền phúc lợi nhi đồng của Baltimore.”

Muốn vào phòng của Mason Verger phải đi qua nhà tắm. Nó như là một spa chiếm hết chiều rộng của chái nhà. Trông nó chẳng khác nào một trụ sở với tất cả những đồ bằng thép, crôm, thảm công nghiệp, với những phòng tắm vòi sen cửa rộng, những bồn thép không gỉ có thiết bị nâng ở trên, những cuộn ống nước màu cam, những phòng tắm hơi và những tủ kính lớn chứa thuốc bôi từ Farmacia* của Santa Maria Novella ở Florence. Trong phòng tắm vẫn còn hơi nước do có ai đó mới sử dụng. Mùi nhựa thơm và lộc đề vẫn còn vương vất trong không khí.

Starling thấy ánh sáng dưới cửa phòng Mason Verger. Ánh sáng tắt đi khi em gái hấn động vào tay nắm cửa.

Dây ghế ngồi ở góc phòng của Mason Verger được chiếu sáng gay gắt từ phía trên. Một tiêu bản tranh “The Ancient of Days” (Đấng Thượng cổ) được lưu hành của William Blake treo phía trên trường kỷ - Chúa đang đo đạc bằng chiếc compa của người. Bức tranh được che màn đen để tưởng niệm người chủ gia đình Verger mới qua đời gần đây. Phần còn lại của căn phòng tối đen.

Từ bóng tối vọng lên tiếng máy chạy đều đều, có tiếng thở ra theo mỗi nhịp đập.

“Chào buổi chiều, đặc vụ Starling.” Một giọng nói vang vang bởi máy khuếch âm, phụ âm *b* trong chữ *buổi* bị mất hút.

“Chào ông Verger,” Starling nói vào bóng tối, ánh đèn nóng rát trên đỉnh đầu cô. Buổi chiều hẳn là đang ở đâu đó. Buổi

chiều chưa vào tới nơi đây.

“Ngồi đi.”

Phải làm thôi. Bây giờ là tốt nhất. Bây giờ là hợp lý nhất.

“Ông Verger, cuộc thảo luận này của chúng ta là một lời cung khai và tôi cần phải thu âm lại. Ông thấy được không?”

“Sao lại không?” Tiếng nói vang ra giữa những nhịp thở của máy. “Margot, giờ cô có thể để yên cho chúng tôi được rồi.”

Không nhìn Starling lấy một cái, Margot Verger rời khỏi phòng với cái quần cưỡi ngựa kêu rin rít.

“Ông Verger, nếu ông không phiền, tôi muốn gắn cái micro lên áo hay gối của ông. Hay là tôi gọi y tá gắn cho ông vậy nếu ông muốn.”

“Cô muốn thế nào cứ bảo tôi,” hần nói, không có âm *m* và âm *b*. Hần chờ lực từ nhịp thở kế tiếp của máy thở. “Cô có thể tự làm, đặc vụ Starling. Tôi ở ngay đây.”

Starling không tìm thấy công tắc bật đèn ngay. Cô nghĩ mình sẽ nhìn rõ hơn nếu không có ánh sáng làm mắt chói lòa và cô bước vào bóng tối, một tay vịn về phía trước, về hướng mùi lộc đề và nhựa thơm.

Khi hần bật đèn lên, cô đã ở gần giường hơn cô tưởng.

Mặt Starling không biến sắc. Bàn tay cầm micro giật lại khoảng ba phân.

Ý nghĩ đầu tiên của cô tách rời cảm giác ở ngực và bụng; cô nhận ra rằng sự dị thường trong tiếng nói của hần là do mất hết cả hai môi. Ý nghĩ thứ hai là cô nhận biết được hần không bị mù. Con mắt duy nhất của hần nhìn cô qua một cái kính đơn có

gắn ống giữ ẩm vì nó không có mi mắt. Còn lại thì bác sĩ phẫu thuật nhiều năm về trước đã làm mọi thứ có thể để vá da bao lại xương.

Mason Verger không có mũi và môi, không có phần mềm nào trên mặt cả, chỉ toàn là răng như một con thú dưới đại dương sâu thẳm. Với những ai đã quen nhìn thấy mặt nạ, độ sốc khi trông thấy hắn sẽ giảm đi phần nào. Sự kinh hoàng chỉ ủa đến khi ta nhận ra đây là gương mặt người có tâm trí. Bạn cảm thấy thất lại vì chuyển động của gương mặt, cách phát âm của bộ hàm, cái quay mắt nhìn bạn, nhìn vào gương mặt bình thường của bạn.

Tóc của Mason Verger khá đẹp và, oái oăm thay, lại là thứ khó nhìn thấy nhất. Mái tóc có cả màu đen lẫn xám được tết thành bím dài vừa đủ chạm đất nếu không đặt lên gối. Hôm nay, bím tóc của hắn xoắn thành cuộn lớn trên ngực bên trên cái máy thở hình con rùa. Một mái tóc con người trên thân xác bị hủy hoại, bím tóc sáng lên như vảy cá xếp chồng lên nhau.

Dưới tấm mền, cơ thể tê liệt của Mason Verger teo lại nhỏ xíu trên chiếc giường xếp.

Trước mặt hắn là thiết bị điều khiển trông như chiếc khèn hay một chiếc harmonica bằng nhựa trong. Hắn cong cái lưỡi hình ống cuộn lấy một đầu ống thở và thở mạnh ra theo nhịp của máy hô hấp. Cái giường kêu lên khi hắn quay nhẹ sang nhìn Starling và nhắc đầu lên.

“Tôi cảm ơn Chúa vì những gì đã qua,” Verger nói. “Đó là sự cứu rỗi dành cho tôi. Cô có tin Chúa không cô Starling? Cô có đức tin không?”

“Tôi được nuôi dạy trong môi trường tín ngưỡng, ông Verger ạ. Tôi có bất kỳ thứ gì ông có,” Starling nói. “Bây giờ nếu như ông không phiền, tôi sẽ kẹp cái này vào gối. Đặt nó ở đây sẽ không vướng víu gì, đúng không?” Giọng cô đầy vẻ sôi nổi và tận tình, không giống cô chút nào.

Cô đặt tay dưới đầu hấn và thấy rằng sự đụng chạm đó không giúp đỡ gì hơn cho mình cũng như cho nhịp đập trong những mạch máu chảy lên xương mặt hấn để bơm máu vào. Chúng dần nở như những con giun đang nuốt thức ăn.

Một cách khoan thai, cô thả dây ra và quay về cái bàn có máy ghi âm cùng với micrô của cô.

“Đây là đặc vụ Clarice M. Starling, số thẻ FBI 5143690, lấy lời khai của Mason R. Verger, số an sinh xã hội 475989823, tại nhà của ông ấy vào ngày đóng dấu bên trên, đã tuyên thệ và xác thực. Ông Verger hiểu rằng ông đã được Viện Chương lý Mỹ quận Ba mươi sáu và chính quyền địa phương đặc miễn truy tố theo bản điều khoản liên kết đính kèm, đã tuyên thệ và xác thực. Bây giờ, ông Verger...”

“Tôi muốn kể cho cô về chuyện cấm trại,” hấn ngắt lời ở hơi thở kế tiếp. “Thực ra, đó là một trải nghiệm tuổi thơ tuyệt vời mà tôi được trở về.”

“Chúng ta sẽ nói chuyện đó sau, ông Verger, nhưng tôi nghĩ rằng chúng ta...”

“Ồ, chúng ta có thể nói chuyện đó ngay *bây giờ*, cô Starling. Cô biết đấy, mọi chuyện đều liên quan đến nhau. Tôi đã gặp Chúa như thế nào và tôi sẽ không kể cho cô chuyện gì quan trọng hơn thế.” Hấn ngừng lại để máy thở ra. “Đó là một cuộc cấm trại của

nhà thờ mà cha tôi đã tài trợ tiền. Ông ấy trả tất cả, cho cả đám một trăm hai mươi lăm người tham gia cắm trại trên hồ Michigan. Vài đứa trong số đó rất bất hạnh và chúng có thể làm bất kỳ việc gì chỉ vì một thanh kẹo. Có lẽ tôi đã lợi dụng điều đó, có lẽ tôi đã cộc cằn với chúng khi chúng không ăn sô cô la hay làm những gì tôi muốn. Tôi không giấu giếm điều gì vì mọi chuyện giờ đều ổn thỏa rồi.”

“Ông Verger, hãy xem qua một số tài liệu có cùng...”

Hắn không thèm nghe cô nói. Hắn chỉ chờ cái máy cung cấp hơi thở. “Cô Starling, tôi có lệnh miễn truy tố, và mọi chuyện bây giờ ổn cả rồi. Tôi được đặc cách miễn xá của Giêsu. Tôi được miễn xá từ Viện Chương lý của Mỹ. Tôi được miễn xá từ Viện Chương lý ở Owing Mills, lạy Chúa. Tôi được tự do, cô Starling ơi và mọi thứ bây giờ ổn cả. Tôi đã đúng mực với Ngài và bây giờ mọi thứ ổn cả. Ngài là Chúa hồi sinh và ở trại chúng tôi gọi ngài là Đức Riz. Không ai có thể đánh bại Đức Riz. Cô biết đấy, chúng tôi đã tạo nên người đương thời, chính là Đức Riz. Tôi đã phụng sự Ngài ở châu Phi, lạy Chúa. Tôi đã phụng sự Ngài ở Chigaco, tán dương tên tuổi Ngài và giờ đây tôi đang phụng sự Ngài rồi Ngài sẽ nâng tôi dậy khỏi cái giường này và Ngài sẽ trừng phạt những kẻ thù của tôi, bắt chúng quỳ trước tôi và tôi sẽ nghe tiếng than khóc từ những người đàn bà của chúng, và mọi thứ giờ đây đều ổn cả.” Bị sặc nước bọt, hắn liền ngừng lại. Những gân máu trên trán hắn sẫm lại và giãn giãn.

Starling đứng dậy kêu y tá nhưng trước khi đến được cửa thì tiếng hắn cất lên ngăn cô lại.

“Tôi ổn rồi, mọi việc giờ ổn rồi.”

Có lẽ đưa ra câu hỏi trực tiếp sẽ tốt hơn là cố gắng dẫn dắt hắn. “Ông Verger, trước khi tòa trao ông cho bác sĩ Lecter chữa trị thì ông có biết hắn không? Ông có biết hắn trong quan hệ xã giao không?”

“Không.”

“Cả hai người đều trong ban điều hành dàn nhạc giao hưởng Baltimore.”

“À không, vị trí tôi có được là do chúng tôi đóng góp tiền. Tôi đưa luật sư của mình đi dự cùng mỗi khi có bỏ phiếu.”

“Ông chưa phát biểu lần nào trong phiên xét xử sơ thẩm bác sĩ Lecter.” Cô bắt đầu biết cách hỏi từ từ để hắn có thể thở kịp mà trả lời.

“Họ bảo rằng có đủ chứng cứ để buộc tội hắn sáu đến chín lần. Nhưng hắn đã lấy cớ là điên loạn để chối bỏ tất cả.”

“Tòa thấy hắn bị điên. Bác sĩ Lecter không có van xin gì.”

“Cô thấy sự phân biệt đó có gì quan trọng không?” Mason hỏi.

Với câu hỏi đó, lần đầu tiên cô cảm ra được tâm tư của hắn, thấu rõ và sâu sắc, khác biệt với những từ ngữ hắn tuôn ra trước cô.

Con lươn bự giờ đã làm quen với ánh sáng, ngóc đầu lên từ bờ đá trong hồ cá và bắt đầu cuộn vòng liên tục như một dải ruy băng lay động màu nâu điểm những điểm sáng màu kem bất thường tuyệt đẹp.

Qua khóe mắt, Starling thấy rõ con lươn đang bò.

“Nó là giống *Muraena Kidako*,” Mason nói. “Có một con bắt được ở Tokyo còn to hơn con này. Đây là con lớn thứ hai. Tên thường gọi của nó là Lươn Sát Thủ, cô có muốn biết tại sao không?”

“Không,” Starling đáp và lật một trang trong cuốn sổ của cô. “Vây là thể theo liệu pháp tâm lý của tòa án, ông Verger, ông đã mời bác sĩ Lecter đến nhà.”

“Tôi không xấu hổ gì nữa. Tôi sẽ kể cô nghe mọi chuyện. Mọi chuyện giờ ổn rồi. Tôi sẽ được miễn tội vu khống quấy rối nếu phục vụ công ích năm trăm giờ đồng hồ, làm việc tại trạm giữ chó đi lạc và để cho cho bác sĩ Lecter trị liệu. Tôi đã nghĩ là nếu cứ để vị bác sĩ làm việc gì đó, tôi sẽ được nghỉ xả hơi và không có vi phạm cam kết nếu tôi luôn luôn có mặt hoặc giả như tôi bị kẹt cuộc hẹn nào đó một chút.”

“Chuyện này xảy ra khi ông còn căn nhà ở Owings Mills.”

“Đúng vậy. Tôi đã kể cho bác sĩ Lecter mọi chuyện, về châu Phi, Idi và tất cả. Tôi còn nói sẽ cho hắn xem vài đồ vật của tôi.”

“Ông cho hắn xem...?”

“Đồ trang bị cá nhân. Đồ chơi. Trong góc đằng kia là một cái máy chém xách tay nhỏ tôi dùng để chơi trò tổng thống Idi Amin*. Cô cứ quăng nó vào phía sau xe jeep rồi đi đến bất cứ đâu, những làng quê xa xôi nhất. Lấp nó chỉ cần mười lăm phút. Mất khoảng mười phút để dùng tời tời nó lên, nếu là phụ nữ hay trẻ em thì lâu hơn một chút. Tôi không xấu hổ gì về chuyện đó vì tôi đã rửa tội rồi.”

“Vây là bác sĩ Lecter đã đến nhà ông.”

“Vâng. Cô biết đấy, tôi mặc một bộ đồ da ra mở cửa. Quan sát coi có phản ứng gì không nhưng không thấy gì cả. Tôi cứ lo là hấn sợ tôi nhưng xem ra không phải vậy. *Sợ* tôi ư - bây giờ thấy thật buồn cười. Tôi mời hấn lên lầu. Tôi chỉ cho hấn xem mấy con chó tôi đã mang từ trại về nuôi, hai con rất thân với nhau nên tôi nhốt chung vào một cũi với rất nhiều nước nhưng không có thức ăn. Tôi tò mò muốn biết chuyện gì sẽ xảy ra sau đó. Tôi chỉ cho hấn thấy cái thòng lọng của tôi, cô biết đấy, thủ dâm làm ngạt. Như là cô tự treo cổ mình nhưng không phải thế và cảm thấy thật tuyệt trong khi... Cô vẫn đang nghe tôi nói đấy chứ?”

“Tôi vẫn nghe đây.”

“Ừm, xem chừng hấn không hiểu được. Hấn hỏi tôi nó hoạt động thế nào và tôi nói rằng nếu không biết điều đó thì hấn đúng là một bác sĩ tâm thần kỳ quặc. Và hấn nói, tôi không bao giờ quên được nụ cười mỉm của hấn, hấn nói ‘Chỉ tôi xem’ Thế là tôi nghĩ rằng, *Cẩn câu rồi con ạ!*”

“Và ông đã chỉ cho hấn.”

“Tôi không xấu hổ về việc đó. Chúng ta trưởng thành từ những lỗi lầm. Tôi đã được rửa tội.”

“Cứ tiếp tục đi ông Verger.”

“Thế là tôi kéo thòng lọng lại trước cái gương lớn, trông cổ vào và buông tay rồi tôi lấy tay kia thủ dâm và theo dõi phản ứng của hấn. Nhưng tôi không thấy gì cả. Thông thường tôi có thể đọc được suy nghĩ của người khác. Hấn ngồi trên ghế ở góc phòng. Hai chân bắt chéo còn hai tay đan vào nhau đặt trên đầu gối. Sau đó hấn đứng lên, thò tay vào túi, lịch lãm như James Mason* và móc hộp quẹt ra. Hấn nói ‘Ông muốn xài thuốc ngủ

amyl popper* không?’ Tôi nghĩ *Oa!* - hẳn cho tôi bây giờ thì sẽ phải cho tôi mãi để giữ giấy phép hành nghề. Đúng là bọn buôn thuốc. Nếu cô đọc bản báo cáo, cô sẽ thấy nó không chỉ có amyl nitrite.”

“Angel Dust* và một số loại ma túy tổng hợp và axít,” Starling nói.

“Phải nói là *chu choa!* Hẳn tiến đến cái gương tôi đang soi, đá vỡ chân gương để lấy một mảnh vỡ. Tôi đang bay bổng. Hẳn đến gần đưa tôi một mảnh gương. Hẳn nhìn tôi và bảo tôi dùng nó lột da mặt mình. Hẳn thả chó ra. Tôi cho chúng ăn khuôn mặt của mình. Mất một lúc lâu, đấy là người ta nói thế. Tôi thì chả nhớ nữa. Bác sĩ Lecter lấy cái thòng lọng bẻ cổ tôi. Ở trại, người ta phải bom bao tử của mấy con chó ra để lấy lại cái mũi của tôi. Nhưng cấy ghép lại thì không được.”

Starling phải mất một lúc lâu hơn cần thiết mới sắp xếp lại được đồng giấy tờ trên bàn.

“Ông Verger, gia đình ông đã treo giải thưởng sau khi bác sĩ Lecter trốn khỏi trại giam ở Memphis.”

“Đúng, một triệu đô la. Một triệu. Chúng tôi đăng quảng cáo trên toàn cầu.”

“Và ông cũng treo giải cho bất kỳ thông tin liên quan nào, không chỉ là bắt giữ và xử phạt thông thường. Ông dự định chia sẻ những thông tin đó với chúng tôi. Có phải ông luôn làm thế không?”

“Không hẳn thế. Nhưng chưa bao giờ có gì hay để chia sẻ cả.”

“Làm sao ông biết được? Có phải tự ông đã theo dấu một vài đầu mối không?”

“Chỉ vừa tới mức để biết rằng tất cả đều vô dụng. Và tại sao chúng tôi... các người không bao giờ nói gì cho chúng tôi. Chúng tôi nhận được một tin chả ra gì từ Crete và một từ Uruguay mà không tài nào xác nhận được. Cô Starling, tôi muốn cô hiểu rằng đây không phải là trả thù. Tôi đã tha thứ cho bác sĩ Lecter cũng giống như Chúa cứu thế đã tha thứ cho bọn lính La Mã.”

“Ông Verger, ông đã nói với cơ quan của tôi là ông đang có một số thứ.”

“Cô hãy nhìn vào ngăn kéo bàn trong cùn.”

Starling lấy đôi găng trắng bằng sợi bông trong túi xách ra rồi xỏ vào. Trong ngăn kéo có một bao thư lớn màu kem, cứng và nặng. Lấy ra một tấm hình X-quang, cô giơ lên ngọn đèn chói sáng trên đầu. Tấm hình X-quang của một bàn tay trái bị thương. Cô đếm các ngón tay. Bốn ngón và một ngón cái.

“Hãy nhìn xương bàn tay. Cô có biết tôi đang nói gì không?”

“Biết.”

“Đếm mấy cái đốt đi.”

Có năm đốt. “Tính cả ngón cái thì người này có sáu ngón ở bàn tay trái. Giống như bác sĩ Lecter.”

“Giống như bác sĩ Lecter.”

Phần góc của tấm phim X-quang có đề số và xuất xứ đã bị xén bỏ.

“Cái này ở đâu ra vậy ông Verger?”

“Rio de Janeiro. Để biết rõ hơn, tôi phải trả tiền. Rất nhiều tiền. Cô có thể nói cho tôi biết liệu đây có phải của bác sĩ Lecter không? Tôi cần phải biết có nên trả tiền không.”

“Tôi sẽ cố, ông Verger. Chúng tôi sẽ cố hết sức. Ngài có cái bao bì của tờ phim X-quang không?”

“Margot cất trong túi nhựa. Nó sẽ đưa cho cô. Cô Starling, nếu cô không phiền, giờ tôi hơi mệt và tôi cần được chăm sóc.”

“Cơ quan tôi sẽ trả lời ông, ông Verger.”

Starling ra khỏi phòng không lâu thì Mason Verger thối cái ống trong cùng và nói “Cordell à?” Người trợ lý từ phòng đồ chơi bước vào đọc cho hắn một tập hồ sơ đề chữ “SỞ PHÚC LỢI NHI ĐỒNG, THÀNH PHỐ BALTIMORE”.

“Phải *Franklin* không? Gọi *Franklin* vào đây,” Mason nói và tắt đèn.

Cậu bé đứng một mình dưới ánh đèn chói ở dãy ghế ngồi, liếc vào bóng tối đáng sợ.

Một giọng nói vang lên, “Con là *Franklin* à?”

“Franklin,” cậu bé đáp.

“Con ở đâu hả *Franklin*?”

“Ở với mẹ, Shirley và Stringbean.”

“Stringbean luôn ở đó à?”

“Anh ấy đi đi về về.”

“Con nói ‘Anh ấy đi đi về về’ sao?”

“Vâng.”

“Bà mẹ không phải là mẹ ruột của con đúng không *Franklin*?”

“Bà ấy là mẹ nuôi.”

“Bà ta không phải là người mẹ nuôi đầu tiên phải không?”

“Vâng ạ.”

“Con thích ở nhà đó không, *Franklin*?”

Cậu bé tươi tắn hẳn lên. “Chúng con có mèo Kitty. Mẹ nướng bánh nhân trong lò.”

“Con đã ở nhà mẹ con bao lâu rồi?”

“Con không biết.”

“Con đã đón lễ sinh nhật nào ở đó chưa?”

“Có một lần. Shirley đã pha nước ngọt Kool-Aid.”

“Con thích nước ngọt Kool-Aid à?”

“Mùi dâu.”

“Con có thương mẹ và Shirley không?”

“Có ạ, à và cả mèo Kitty nữa.”

“Con có muốn ở đó không? Con có thấy an toàn khi đi ngủ không?”

“À, con ngủ với Shirley. Shirley là một chị gái lớn rồi.”

“*Franklin*, con không thể ở đó với mẹ, với Shirley và mèo Kitty nữa. Con phải ra đi.”

“Ai nói vậy ạ?”

“Chính phủ. Mẹ con đã bị mất việc và mất luôn quyền nuôi dưỡng. Cảnh sát tìm thấy ma túy ở nhà con. Sau tuần này, con sẽ không được gặp mẹ con nữa. Sau tuần này, con cũng sẽ không được gặp cả Shirley và mèo Kitty.”

“Không đâu,” Franklin nói.

“Hoặc có thể họ không cần con nữa *Franklin* ạ. Có phải con đã làm gì sai không? Có phải con bị thương ở đâu đó hay có gì bấn

thiếu không? Có phải vì da con đen quá nên họ không yêu thương con nữa?”

Franklin kéo áo lên và nhìn vào bụng mình. Cậu lắc đầu. Rồi òa khóc.

“Con có biết điều gì sẽ xảy đến với mèo Kitty không? Tên của mèo Kitty là gì?”

“Nó được gọi là mèo Kitty. Đó là tên của nó.”

“Con có biết chuyện gì sẽ xảy đến với nó không? Cảnh sát sẽ bắt nó đến trại súc vật và bác sĩ sẽ tiêm cho nó một mũi. Con đã bị tiêm ở nhà trẻ bao giờ chưa? Y tá có tiêm cho con không? Bằng một cái kim sáng loáng ấy? Bọn họ sẽ tiêm mèo Kitty. Nó sẽ rất sợ khi thấy cây kim. Bọn họ sẽ đâm vào. Mèo Kitty sẽ đau và chết.”

Franklin nắm lấy vạt áo kéo lên bên mặt. Cậu bé ngậm ngón tay cái, cậu đã không làm vậy cả năm sau khi mẹ cậu bảo thế.

“Lại đây,” giọng nói trong bóng tối gọi. “Lại đây rồi chú sẽ chỉ con làm thế nào để mèo Kitty không bị tiêm. *Franklin*, con có muốn mèo Kitty bị tiêm không? Không chứ gì. Thế thì lại đây *Franklin*.”

Nước mắt rùng rùng, Franklin bước chậm chạp vào bóng tối, miệng vẫn còn ngậm ngón tay cái. Khi cậu bé chỉ còn cách giường chừng hai mét, Mason liền thổi vào cây kèn harmonica của hắn và đèn sáng lên.

Nhờ sự can đảm vốn có, hoặc cũng có thể do ước nguyện cứu lấy mèo Kitty hay nhận thức tội nghiệp rằng không còn nơi nào để chạy đi, Franklin không hề rùng mình. Cậu bé không bỏ chạy. Cậu cứ đứng yên nhìn vào mặt Mason.

Nếu như Mason còn lông mày thì chắc hẳn chúng phải cau lại vì diễn biến đầy thất vọng này.

“Con có thể cứu mèo Kitty khỏi bị tiêm nếu con cho nó uống thuốc chuột,” Mason nói. Âm *ch* bị mất đi nhưng Franklin vẫn hiểu được.

Franklin rút ngón cái khỏi miệng.

“Ông là một bãi phân hôi thối,” Franklin nói. “Và ông cũng xấu xí nữa.” Cậu bé quay đầu bước ra khỏi phòng, qua cái sảnh có những cuộn ống nước màu cam về phòng đồ chơi.

Mason dõi theo cậu trên băng ghi hình.

Người y tá trông thấy cậu, ngắm cậu thật kỹ trong lúc giả vờ đọc tờ *Vogue*.

Franklin không màng đến đồ chơi nữa. Cậu tiến đến ngòai bên dưới con hươu cao cổ, quay mặt vào tường. Đó là tất cả những gì cậu có thể làm để không phải ngậm ngón tay cái.

Cordell theo dõi cậu bé thật kỹ để xem cậu có khóc không. Khi thấy vai đứa trẻ rung lên, người y tá đến bên cậu lau nước mắt cho cậu bằng vải tiệt trùng. Anh đặt những mẫu vải thấm ướt vào chiếc ly martini của Mason đang để lạnh trong tủ lạnh của phòng đồ chơi kế bên nước cam và Coca Cola.

CHƯƠNG 10

Tìm kiếm thông tin bệnh án của bác sĩ Hannibal Lecter không dễ dàng chút nào. Nếu kể đến sự coi thường tuyệt đối của hắn đối với nền móng y khoa và những y bác sĩ khác thì không có gì đáng ngạc nhiên khi hắn chưa từng có bác sĩ riêng nào.

Bệnh viện Tội phạm Tâm thần Baltimore mà bác sĩ Lecter từng ở cho đến khi được chuyển đến Memphis đã không còn nữa. Chỉ còn lại một tòa nhà vô chủ đang chờ phá sập.

Cảnh sát tiểu bang Tennessee là những người quản giáo cuối cùng của Lecter trước khi hắn trốn thoát. Nhưng họ nói rằng không hề nhận được hồ sơ bệnh án nào của hắn. Máy viên chức áp tải hắn từ Baltimore tới Memphis đã qua đời. Họ cũng chỉ ký vào hồ sơ tù nhân chứ không có hồ sơ bệnh án nào cả.

Starling bỏ một ngày bên điện thoại và máy tính, sau đó là tận tay tìm kiếm trong phòng lưu trữ chứng cứ ở Quantico và cao ốc J. Edgar Hoover. Suốt buổi sáng, cô leo trèo quanh quất gian phòng lưu trữ bằng chứng cồng kềnh bụi bặm và hôi hám của Sở Cảnh sát Baltimore. Cô cũng mất cả buổi chiều bấn loạn vì xem xét bộ sưu tập lẻ tẻ về Hannibal Lecter ở Thư viện Văn kiện Luật Fitzhugh, đó cũng là nơi thời gian như đứng lại trong khi những người gác cổng cố tìm chìa khóa.

Cuối cùng, cô tìm được một tờ giấy đơn - tờ kiểm tra sức khỏe sơ bộ của bác sĩ Lecter khi hắn bị cảnh sát tiểu bang Maryland bắt lần đầu. Không đính kèm tiền sử bệnh án nào cả.

Inelle Corey sống sót trong lần Bệnh viện Tội phạm Tâm thần Baltimore bị sập và chuyển tới chỗ tốt hơn tại Hội đồng Bệnh viện bang Maryland. Cô không muốn để Starling phỏng vấn trong văn phòng vì thế họ gặp nhau ở quán cà phê tầng trệt.

Thói quen của Starling là đến sớm hơn cuộc hẹn để quan sát chỗ gặp mặt từ một quãng xa. Corey hết sức đúng giờ. Cô tầm ba mươi lăm tuổi, nặng nề và xanh xao nếu không trang điểm và phục sức. Tóc cô dài gần tới eo như thời cô còn đi học. Cô mang xăng đan trắng với vớ da.

Starling lấy mấy gói đường trên giá gia vị và theo dõi Corey ngồi vào bàn đã hẹn trước.

Có lẽ bạn sẽ có suy nghĩ sai lầm rằng mọi tín đồ Tin Lành trông đều giống nhau. Không phải thế. Cũng như một người Caribê có thể phân biệt hòn đảo này với hòn đảo kia, Starling, một người được những tín đồ Lutheran nuôi dưỡng, nhìn người phụ nữ này và tự nhủ, *nếu nhìn bề ngoài thì người này theo Hội Thánh Đấng Christ, cũng có lẽ là Nazarene.*

Starling tháo hết trang sức ra, một vòng tay giản dị và khuyên tai vàng ở bên tai không bị thương. Cô bỏ chúng vào trong túi xách. Đồng hồ của cô bằng nhựa, tốt rồi. Cô không thể làm gì nhiều hơn với vẻ bề ngoài của mình.

“Inelle Corey phải không? Uống cà phê chứ?” Starling đang bê hai ly.

“Độc là *Eyenelle*. Tôi không uống cà phê.”

“Tôi sẽ uống cả hai ly. Cô uống gì khác không? Tôi là Clarice Starling.”

“Tôi không uống gì đâu. Cô muốn cho tôi xem vài tấm ảnh thẻ phải không?”

“Đúng rồi,” Starling nói. “Cô Corey, tôi có thể gọi cô là Inelle không?”

Người phụ nữ nhún vai.

“Inelle à, tôi cần cô giúp một việc chẳng liên quan gì đến cô cả. Tôi chỉ cần hướng dẫn để tìm một số hồ sơ ở bệnh viện Baltimore.”

Inelle Corey nói năng quá ư gãy gọn để thể hiện sự đúng đắn hay giận dữ.

“Hồi đóng cửa bệnh viện, chúng tôi đã xem qua với ban quản trị rồi, cô...”

“Starling.”

“Cô Starling, không có bệnh nhân nào ra viện mà không có hồ sơ. Cô sẽ thấy rằng không một hồ sơ nào có thể ra khỏi bệnh viện mà không được cấp trên phê chuẩn. Nếu là người chết, Sở Y tế không cần hồ sơ, Cục Thống kê cũng không cần và theo như tôi biết thì hồ sơ chết, nghĩa là hồ sơ của những người chết vẫn còn ở tại Bệnh viện Bang Baltimore sau khi tôi đi và tôi gần như là người cuối cùng rời khỏi đó. Những hồ sơ đào tẩu sẽ được chuyển tới cảnh sát thành phố và phòng cảnh sát quận.”

“Đào tẩu?”

“Là khi có ai đó chạy trốn. Tù đặc ân lâu lâu cũng trốn mất tăm.”

“Có khi nào bác sĩ Hannibal Lecter là một trường hợp đào tẩu không? Cô có nghĩ là hồ sơ của hắn đã chuyển đến bên hành pháp không?”

“Hắn *không* có trong hồ sơ đào tẩu đâu, không bao giờ. Khi bỏ trốn, hắn không nằm trong sự quản lý của *chúng tôi*. Tôi có xuống hầm thăm hắn một lần, giới thiệu hắn cho em gái tôi khi nó đang ở đấy với mấy đứa con trai. Tôi thấy thật buồn nôn và lạnh người khi nghĩ về điều đó. Hắn đã kích động một trong những người bệnh khác xit...” - cô ta hạ giọng - “*ting** vào chúng tôi. Cô có biết là gì không?”

“Tôi có biết,” Starling nói. “Có phải là ông Miggs không? Ông ta có cánh tay khỏe lắm.”

“Tôi đã bỏ chuyện đó ra khỏi đầu rồi. Tôi nhớ ra *cô* rồi. Cô đã đến bệnh viện nói chuyện với Fred - bác sĩ Chilton và còn xuống hầm thăm Lecter, đúng không?”

“Đúng.”

Bác sĩ Frederick Chilton, viện trưởng Bệnh viện Tội phạm Tâm thần Baltimore, đã mất tích trong một kỳ nghỉ sau khi bác sĩ Lecter trốn thoát.

“Cô đã biết là Fred mất tích rồi đúng không?”

“Vâng, tôi có nghe nói.”

Corey ứa nước mắt. “Anh ấy là hôn phu của tôi,” cô nói. “Anh ấy ra đi sau đó là bệnh viện đóng cửa. Cứ như là trời sập vậy. Nếu mà không có nhà thờ có lẽ tôi không vượt qua nỗi mất.”

“Tôi rất tiếc,” Starling nói. “Bây giờ cô đã có một công việc tốt rồi.”

“Nhưng tôi không còn Fred nữa. Anh ấy là một người đàn ông tuyệt vời trên cả tuyệt vời. Chúng tôi có một tình yêu hiếm thấy. Thời trung học, anh ấy còn được bầu là chàng trai của năm ở Canton.”

“Vậy ư! Cô cho tôi hỏi cô điều này nhé, Inelle, anh ấy có giữ hồ sơ trong văn phòng không hay là nó ở quầy tiếp tân chỗ bàn làm việc của cô...”

“Chúng nằm trong chiếc tủ tường trong văn phòng anh ấy, sau này khi có quá nhiều hồ sơ thì chúng tôi đựng trong tủ hồ sơ lớn bên ngoài ở khu tiếp tân. Dĩ nhiên lúc nào nó cũng được khóa lại. Khi chúng tôi dọn đi, có một phòng gây tê dọn vào tạm thời và rất nhiều thứ bị chuyển đi.”

“Cô có từng trông thấy và quản lý hồ sơ của bác sĩ Lecter không?”

“Chắc chắn rồi.”

“Cô nhớ xem có phim X-quang nào trong đó không? Phim X-quang lưu chung hay riêng rẽ với bệnh án?”

“Chung. Lưu chung với nhau. Thường chúng to hơn tập hồ sơ và làm nó cồng kềnh hơn. Chúng tôi có máy X-quang nhưng không có bác sĩ X-quang làm việc toàn thời gian để lưu giữ hồ sơ riêng. Thật sự tôi không nhớ rõ là có phim trong hồ sơ của hắn hay không. Có một cuộn băng ghi điện tim mà Fred từng cho mọi người xem. Bác sĩ Lecter, tôi không muốn kêu hắn là bác sĩ, được nối dây với máy điện tim khi hắn bắt được cô y tá tội nghiệp. Cô biết đấy, thật là quái đản. Nhịp mạch của hắn chẳng tăng mấy khi hắn tấn công cô ấy. Hắn bị trật khớp vai, cô biết đấy, khi mấy người trợ lý túm lấy hắn và kéo ra khỏi cô ấy. Họ

nên chụp X-quang cho hẳn mới phải. Tôi nghĩ là hẳn bị nặng hơn chứ không chỉ là trật khớp vai.”

“Nếu cô nhớ ra điều gì, bất kỳ chỗ nào có thể có hồ sơ, cô gọi tôi nhé?”

“Chúng tôi sẽ làm một cuộc tìm kiếm toàn cầu nhé?” Cô Corey nói và nhăm nháp cụm từ. “Nhưng tôi nghĩ là chúng tôi sẽ không tìm thấy gì cả. Có rất nhiều thứ bị bỏ đi song không phải chúng tôi làm mà là những người ở phòng gây mê.”

Cốc cà phê có vành miệng thật dày đang nhỏ giọt xuống. Starling nhìn Inelle Corey bước đi thật nặng nề tựa như địa ngục là sự chọn lựa của bản thân cô ấy, đoạn uống nốt nửa cốc cà phê với khăn giấy lót dưới cằm.

Starling thoáng trở về với bản thân mình. Cô biết mình đã mệt mỏi vì điều gì đó. Có lẽ là sự tồi tàn, tệ hơn thế nữa, sự nhạt nhẽo, phải chăng là thế. Một sự thờ ơ với những gì đẹp đẽ. Có lẽ cô đang khao khát một phong cách nào đó. Ngay cả một phong cách dĩ hòa cũng còn hơn là không có gì. Đó là một quan điểm dù bạn có muốn lắng nghe hay không.

Starling tự ngẫm về thói hợm hĩnh và kết luận rằng cô có quá ít thứ để hợm hĩnh. Và, khi nghĩ về phong cách, cô lại nghĩ đến Evelda Drumgo, một người đầy phong cách. Với ý nghĩ đó, cô muốn được thoát ra khỏi chính bản thân mình đến điên cuồng.

CHƯƠNG 11

Và thế là Starling trở về nơi bắt đầu của cô, Bệnh viện Tội phạm Tâm thần Baltimore, giờ đây đã hoang tàn. Tòa nhà cũ màu nâu, một căn nhà thương đau, đang bị xích khóa và niêm phong. Tòa nhà đầy những dấu vẽ bậy và đang chờ đập đi.

Nó đã xuống cấp từ nhiều năm trước vụ mất tích trong kỳ nghỉ mát của viện trưởng, bác sĩ Frederick Chilton. Những vỡ lở sau đó về sự hoang phí và quản lý thiếu sót cộng với sự đổ nát của khu nhà đã làm cho nghị viện nhanh chóng cắt bỏ ngân sách. Một số bệnh nhân được chuyển đến những viện công khác. Một số chết và một vài lang thang ngoài đường phố Baltimore như những thây ma theo chương trình bệnh nhân tại ngoại và số người chết trong đó đã nhiều hơn một.

Chờ ở trước tòa nhà cũ mèm, Clarice Starling nhận ra cô đã nghiên cứu kỹ những khả năng khác trước vì không muốn đến chỗ này thêm nữa.

Người bảo vệ đến trễ bốn mươi lăm phút. Đó là một ông già thấp, đậm người với một đôi giày đóng kều lộp cộp và mái tóc kiểu Đông Âu có lẽ tự cắt ở nhà. Ông thở khò khè, dẫn cô đến cánh cổng phụ cách lề đường vài bậc thang đi xuống. Khóa đã bị những kẻ lang thang nạy ra, cánh cổng được khóa bằng xích và hai ổ khóa. Trên những vòng xích là những đám mạng nhện mờ

mở. Cỏ mọc từ những khe nứt của bậc thang cù vào mắt cá chân Starling trong lúc người bảo vệ đang dò dẫm tìm chìa khóa. Chiều muộn u ám với những hạt ánh sáng heo hắt không đủ làm nên bóng râm.

“Tôi không rành tòa nhà này lắm. Tôi chỉ kiểm tra chuông báo cháy,” người đàn ông nói.

“Ông có biết giấy tờ gì được lưu giữ ở đây không? Có tử giấy, hồ sơ nào không?”

Ông nhún vai. “Sau bệnh viện thì chỗ này được dùng làm phòng gây mê trong vài tháng. Họ bỏ mọi thứ trong tầng hầm, một vài cái giường, một vài cái chăn, tôi cũng không biết có gì nữa.

Trong đó không tốt cho bệnh hen của tôi, nấm mốc, nấm mốc rất tồi tệ. Những tấm nệm trên giường đầy nấm mốc, giường cũng mốc thối. Vào đó tôi không thở được. Bậc cầu thang lại cao quá đối với tôi. Tôi sẽ dẫn đường cho cô, nhưng...?”

Starling sẽ rất vui nếu có người đi cùng, ngay cả khi đó là một ông già, nhưng ông ấy sẽ làm chậm tiến độ của cô. “Không cần đâu. Văn phòng ông ở đâu?”

“Dưới đây kia, chỗ cục cấp phát bằng lái hồi trước đấy.”

“Nếu một tiếng nữa mà tôi không trở lên...”

Ông nhìn đồng hồ đeo tay. “Nửa giờ nữa là tôi tan ca rồi.”

Thật là đủ lắm rồi. “Vậy thì ông làm ơn đợi lấy chìa khóa ở văn phòng nhé. Nếu một tiếng nữa mà tôi không trở lên thì ông hãy gọi số này trên danh thiếp và chỉ cho họ tôi đã đi đâu. Còn nếu khi tôi quay lại mà ông không ở đó, hoặc giả ông đóng cửa về nhà, tôi sẽ đích thân đến báo cáo với sếp của ông vào sáng hôm

sau. Thêm nữa... thêm nữa ông sẽ bị Cục Thuế Nội địa kiểm soát và Sở Di trú và... nhập tịch thẩm tra. Ông có hiểu không? Tôi thật cảm kích nếu ông trả lời tôi, thưa ông.”

“Dĩ nhiên tôi sẽ đợi cô. Cô không phải nói những điều này.”

“Cảm ơn ông rất nhiều,” Starling đáp.

Người bảo vệ bám bàn tay to bản lên tay vịn để trở lên lề đường. Starling nghe thấy bước đi khập khiễng của ông chìm vào im lặng. Cô đẩy cửa ra rồi bước vào bậc nghỉ của cầu thang cứu hỏa. Ánh sáng xám xịt rọi qua những ô cửa sổ cao có chấn song ở khu vực cầu thang. Cô cân nhắc xem có nên khóa cửa hay không và quyết định cột dây xích bên trong để vẫn mở được ra nếu như đánh mất chìa khóa.

Trong chuyến đến thăm trại tâm thần lần trước để thẩm tra bác sĩ Hannibal Lecter, Starling đi bằng cổng trước và giờ đây cô phải mất một lúc mới định hướng được.

Cô trèo lên cầu thang cứu hỏa đến tầng lầu chính. Cửa sổ kính mờ càng làm giảm đi ánh sáng yếu ớt và khiến căn phòng chìm trong cảnh tranh tối tranh sáng. Với cái đèn pin nặng trĩu, Starling lần ra công tắc điện rồi bật đèn trần lên. Ba bóng đèn trong chiếc đui vỡ vẫn còn sáng. Đầu dây điện thoại nằm chỏng chơ trên bàn tiếp tân.

Vài kẻ phá hoại đã mang sơn xịt vào tòa nhà. Tường phòng tiếp tân được trang trí bằng một hình vẽ dương vật to hai mét rưỡi và tinh hoàn cùng với dòng chú thích MẸ FARON THỦ DÂM TAO.

Cánh cửa vào phòng viện trưởng để mở. Starling đứng ngay lối vào. Đây chính là nơi cô đã đến để thực hiện công vụ FBI đầu

tiên khi là một thực tập viên còn tin tưởng vào mọi thứ, còn nghĩ rằng nếu bạn làm được việc, nếu bạn có thể hoàn thành nó, bạn sẽ được chấp nhận cho dù thuộc dân tộc, tín ngưỡng, màu da, nguồn gốc nào, dù bạn từng là một đứa trẻ ngoan hay không. Trong tất cả những thứ đó giờ chỉ còn lại một thứ cô vẫn tin tưởng. Cô tin rằng mình có thể hoàn thành nó.

Chính tại đây, Viện trưởng Chilton đã đưa bàn tay vuốt mồ hôi của ông ra bắt tay cô và chào đón cô. Tại đây ông đã bán bí mật, nghe lén và tin rằng mình cũng thông minh như Hannibal Lecter, nên đã quyết định để cho Lecter trốn thoát với rất nhiều máu đổ.

Trong văn phòng vẫn còn bàn làm việc của Chilton nhưng không có ghế, thứ vừa đủ nhỏ gọn để đánh cắp. Ngăn kéo bàn trống không chỉ có một viên sỏi Alka-Seltzer* vỡ. Hai tủ hồ sơ vẫn còn trong văn phòng. Khóa tủ rất đơn giản và cực đặc vụ kỹ thuật Starling mất không đến một phút đã mở được rồi. Có một miếng bánh sandwich sấy khô trong túi giấy, vài mẫu đơn của phòng gây mê trong ngăn kéo dưới cùng, cùng với thuốc xịt miệng, một ống thuốc dưỡng tóc, một chiếc lược và mấy bao cao su.

Starling nghĩ ngợi về cái tầng hầm như nhà ngục mà bác sĩ Lecter đã sống trong tám năm. Cô không muốn xuống đó. Cô có thể dùng điện thoại di động yêu cầu một đội cảnh sát thành phố xuống cùng. Cô có thể yêu cầu chi nhánh Baltimore gửi một đặc vụ FBI đi cùng. Nhưng đã khá trễ vào buổi chiều xám xịt và ngay cả bây giờ, cũng không có cách nào tránh khỏi kẹt xe giờ cao điểm ở Washington. Nếu cô cứ chờ đợi có thể còn tồi tệ hơn nữa.

Mặc cho bụi bặm, cô tựa người vào bàn của Chilton và cố đưa ra quyết định. Có phải cô thật sự nghĩ rằng có hồ sơ dưới tầng hầm hay chỉ là cô bị lôi kéo về nơi đầu tiên gặp Hannibal Lecter?

Nếu kinh nghiệm khi còn ở trong ban hành pháp đã dạy cho cô điều gì về bản thân thì đó chính là đây: cô không phải là người thích tìm kiếm sự ly kỳ và sẽ chẳng bao giờ thấy thích thú vì cảm thấy sợ sệt một lần nào nữa. Nhưng có thể có hồ sơ trong tầng hầm. Cô có thể tìm ra chúng trong năm phút.

Cô vẫn nhớ được tiếng cửa sắt an toàn kêu lách cách sau lưng khi xuống đó ba năm về trước. Phòng trường hợp có cánh cửa nào đóng lại sau lưng lần này, cô gọi đến chi nhánh Baltimore báo cho họ biết cô đang ở đâu và sắp xếp để gọi lại trong vòng một tiếng đồng hồ thông báo cô đã ra ngoài.

Đèn vẫn còn hoạt động ở cầu thang nơi Chilton từng dẫn cô xuống tầng hầm nhiều năm trước. Tại đây ông đã giảng giải về kỹ thuật an toàn dùng để đối phó với Hannibal Lecter. Và tại đây, dưới cái đèn này, ông đã dừng lại chỉ cho cô xem tấm hình trong ví về người y tá đã bị bác sĩ Lecter ăn mất lưỡi trong một lần định thăm bệnh hắn. Nếu vai của Lecter đã bị trật khi hắn bị khuất phục, chắc chắn phải có phim X-quang.

Một luồng khí chạm vào cổ cô như thể có một cửa sổ bị mở ra ở đâu đó.

Một hộp bánh hamburger McDonald ở ngay bậc nghỉ với khăn giấy vương vãi. Một cái cốc ố chứa đậu. Thức ăn bỏ đi. Phân và khăn giấy ở trong góc. Đèn tắt ở đầu cầu thang tầng dưới cùng, trước một cánh cửa thép lớn dẫn tới phòng bạo lực

giờ đang để mở, móc vào trong tường. Đèn của Starling xài năm cục pin D, phát sáng rộng và tốt.

Cô rọi đèn xuống hành lang dài của khu an ninh tối đa xưa kia. Có cái gì đó cồng kềnh ở góc xa. Thật kỳ quái khi cửa ngục tự mở. Sàn nhà đầy rác vỏ bao bánh mì và ly nước. Một lon soda đen kịt vì bị dùng làm ống hút thuốc phiện nằm chổng chơ trên chiếc bàn từng là bàn giấy của hộ lý.

Starling bật công tắc đèn phía sau bàn hộ lý. Không thấy gì cả. Cô móc điện thoại ra. Ánh sáng đỏ dường như chói hơn trong bóng tối. Điện thoại không dùng được dưới lòng đất nhưng cô vẫn nói to vào đó. “Barry, lùi xe vào lối đi hông. Đem một cái đèn chiếu cho tôi. Anh sẽ cần mấy xe đẩy để chuyển đồng đồ này lên cầu thang... Đúng, hãy xuống đây.”

Rồi Starling nói vọng vào bóng tối. “Bên trong đó nghe đây. Tôi là đặc vụ liên bang. Nếu bạn ở trong đây bất hợp pháp, bạn có thể tự do đi chỗ khác. Tôi sẽ không bắt bạn. Tôi không quan tâm đến bạn. Nếu bạn quay về sau khi tôi đã hoàn thành công việc, cũng không vấn đề gì với tôi. Bạn có thể lộ diện bây giờ. Nếu bạn cố can thiệp vào chuyện của tôi, bạn sẽ phải chịu thương tích nghiêm trọng khi bị tôi bắn một phát vào mông. Xin cảm ơn.”

Tiếng của cô dội dọc xuống hành lang nơi từng rền rĩ vô số lời nguyên rủa và thanh âm găm nhấm song sắt khi răng đã không còn.

Starling nhớ rằng sự có mặt của người hộ lý to cao Barney làm cho cô cảm thấy yên tâm khi cô đến thẩm tra bác sĩ Lecter. Sự hiếu kỳ mà Barney và bác sĩ Lecter dành cho nhau. Giờ đã

không còn Barney. Theo thông lệ, những chuyện ở trường đột nhiên hiện về trong trí nhớ, và cô hồi tưởng lại:

Tiếng dậm chân vang lên trong ký ức

Xuống dưới lối đi mà chúng ta không bước tới.

Tiến về cánh cổng không bao giờ mở

Vào trong vườn hồng.

Vườn hồng, đúng rồi. Chắc chắn là đây không phải vườn hồng.

Những bài báo gần đây đã làm cho Starling cảm ghét khẩu súng của cô cũng như bản thân cô, nhưng cô nhận ra là khi cảm thấy bất an thì động đến vũ khí không phải điều đáng ghét chút nào cả. Cô giữ khẩu .45 sát chân và bắt đầu đi vào sảnh sau ánh đèn pin. Thật khó khăn khi phải quan sát cả hai bên và nhất thiết là không được để ai theo sau. Nước rỉ ở đâu đó.

Khung giường đã tháo ra chất đống trong các buồng giam. Trong mấy buồng khác là nệm. Có vũng nước ở giữa sàn hành lang. Sợ bắn giày, Starling bước chéo từ bên này sang bên kia vũng nước nhỏ để tiến lên. Cô nhớ lại lời khuyên của Bamey nhiều năm trước khi những buồng giam còn đầy người. *Lúc xuống hãy đi vào chính giữa.*

Những tủ hồ sơ, đúng rồi. Tới tận cùng chính giữa hành lang, màu ô liu đục trong ánh đèn pin của cô.

Đây là buồng giam của Multiple Miggs, nơi cô ghét đi qua nhất. Miggs - kẻ đã thì thầm những lời tục tĩu với cô và bắn tinh vào cô. Miggs - kẻ đã bị bác sĩ Lecter giết chết bằng cách dạy

hắn nuốt chính cái lưỡi kinh tởm của mình. Và khi Miggs chết, Sammie đang ở trong buồng giam. Bác sĩ Lecter đã khuyến khích những vần thơ của Sammie một cách hiệu quả đến giết mình. Ngay đến bây giờ, Starling vẫn có thể nghe thấy Sammie hú gào lên những câu thơ của hắn:

TÔI MUỐN ĐẾN VỚI GIÊSU

TÔI MUỐN ĐI VỚI CHÚA

TÔI MUỐN ĐI VỚI CHÚA

NẾU TÔI LÀM VIỆC TỐT.

Cô vẫn còn giữ những dòng chữ bằng chì màu đầy công phu ở đâu đó.

Phòng giam giờ đây chất đống những tấm nệm còn đồng ga trải giường được trải phẳng ra rồi bó gọn lại.

Và cuối cùng là buồng giam của bác sĩ Lecter.

Cái bàn chắc chắn ở chỗ hắn ngồi đọc sách vẫn còn bắt vít dính vào sàn ở giữa phòng. Những miếng ván trên kệ sách của hắn đã mất nhưng phần khung vẫn còn lòi ra trên tường.

Đáng lẽ Starling nên đến chỗ tử hờ sơ nhưng cô như bị đóng đinh tại buồng giam này. Tại đây cô đã có một cuộc chạm trán đáng nhớ nhất trong đời. Tại đây cô đã bị hốt hoảng, bị sốc và kinh ngạc.

Tại đây cô đã nghe được những chuyện rất thật bản thân đến nỗi nhịp tim vang lên như tiếng chuông lớn sâu thẳm.

Cô muốn vào bên trong. Cô muốn đi vào cứ như là người ta muốn nhảy từ ban công xuống khi ánh sáng lấp lóa của đường

ray khuyến dụ ta lúc nghe thấy con tàu đang đến gần.

Starling rọi đèn xung quanh, nhìn vào mặt sau của dây tủ hồ sơ và quét ánh đèn qua những buồng giam lân cận.

Sự hiếu kỳ đã mang cô vượt khỏi giới hạn. Cô đang đứng giữa buồng giam mà bác sĩ Hannibal Lecter đã sống tám năm trời. Cô đang ở chỗ của hắn, chỗ cô đã thấy hắn đứng đấy, cô chờ đợi cảm giác bị kích thích nhưng không thấy, cẩn thận đặt súng và đèn lên trên bàn sao cho cái đèn không bị lặn đi, cô đặt tay áp vào bàn của hắn và chỉ cảm nhận được những mẫu bánh vụn dưới hai bàn tay.

Nói chung, sự ảnh hưởng đầy thất vọng. Buồng giam không còn một ai từng trú ngụ ở đó trông như thể bộ da lột đi của một con rắn. Khi ấy Starling chợt ngộ ra cô đã hiểu được điều gì đó. Cái chết và nguy hiểm không nhất thiết phải đi cùng với cảm bầy. Nó có thể đến trong hơi thở ngọt ngào của người mà ta yêu thương. Hay vào một buổi chiều nắng trong chợ cá với bản *La Macarena* đang phát trên đài.

Trở lại với công việc. Có tất cả bốn tủ hồ sơ, rộng tầm hai mét rưỡi, cao tới cằm. Mỗi cái có năm ngăn kéo và được cài bởi một ổ khóa bốn chốt bên cạnh ngăn trên cùng. Không có cái nào bị khóa cả. Tất cả đều đầy hồ sơ, có mấy cái rất to, tất thảy đều đựng trong bìa. Những bìa hồ sơ cũ giấy cảm thạch mềm rũ theo thời gian, còn những cái mới hơn bọc trong bìa màu nâu kem. Hồ sơ về những người chết từ hồi bệnh viện mở cửa năm 1932. Chúng được sắp xếp gần như theo bảng chữ cái với một vài giấy tờ chất lộn xộn phía sau những bìa hồ sơ trong ngăn kéo dài. Starling liếc nhanh qua chúng. Giữ chiếc đèn pin nặng trĩu trên vai, cô lấy tay còn lại lật qua chồng hồ sơ và ước rằng

phải chỉ mình mang theo cái đèn nhỏ hơn thì đã có thể ngậm nó bằng miệng. Và khi đã phần nào rành đồng hồ sơ, cô bỏ qua cả mấy ngăn, qua vắn *J*, một số rất ít vắn *K* để lần đến vắn *L* và uych: Lecter, Hannibal.

Kéo cái bìa dài màu nâu ra, cảm thấy tờ phim X-quang cứng ngay, cô liền đặt cái bìa lên đồng hồ sơ khác để mở ra xem, song lại thấy trong đó là bệnh sử của I.J. Miggs. Mẹ kiếp. Miggs cứ quấy rầy cô từ địa ngục. Cô đặt bìa hồ sơ lên nóc tủ và nhanh chóng rà đến vắn *M*. Bìa hồ sơ màu nâu của Miggs ở đó, theo mẫu tự chữ cái. Nó trống không. Lỗi lưu trữ chẳng? Có phải ai đó đã vô tình để hồ sơ của Miggs vào trong túi của Hannibal Lecter? Cô xem qua tất cả hồ sơ vắn *M* một lượt tìm cái nào không có bìa đựng. Cô quay trở lại vắn *J*. Nhận thấy sự bức bối tăng lên. Cái mùi của nơi này làm cô khó chịu hơn. Người bảo vệ nói đúng, ở dưới này thật khó thở. Cô đang dò được nửa chừng vắn *J* thì cảm thấy mùi hôi... tăng lên nhanh chóng.

Một ánh sáng lóe lên sau lưng, cô liền đảo người, đèn pin giương lên sẵn sàng giáng đòn, tay nhanh chóng luồn vào áo cầm lấy báng súng. Một người đàn ông quần áo rách rưới bẩn thỉu đang đứng trong ánh sáng chiếc đèn của cô, một bàn chân sưng to khiếp của hắn đặt trên vũng nước. Một tay hắn cầm mảnh đĩa vỡ. Một cẳng chân và cả hai bàn chân quấn đầy ga giường.

“Xin chào,” hắn nói, lưỡi lở loét hết cả. Cách xa đến mét rưỡi mà Starling vẫn ngửi thấy hơi thở của hắn. Bên trong áo, tay cô chuyển từ khẩu súng sang bình xịt cay.

“Xin chào,” Starling đáp lại. “Ông làm ơn đứng ra kia dựa vào song sắt.”

Người đàn ông không nhúc nhích. “Ngài là Giêsu phải không?” hấn hỏi.

“Không,” Starling nói. “Tôi không phải Giêsu.” Giọng nói. Starling nhớ giọng nói này.

“Ngài có phải Giêsu không!” Mặt hấn có chuyển động.

Giọng nói đó. Coi nào, nghĩ đi nào. “Chào Sammie,” cô nói. “Anh khỏe không? Tôi cũng đang nghĩ về anh đây.”

Chuyện gì về Sammie chứ? Thông tin nhanh chóng hiện ra không hẳn chính xác theo thứ tự. Đặt đầu của mẹ hấn vào cái đĩa quyền tiền trong khi dàn đồng ca nhà thờ đang hát bài “Give of Your Best to the Master” (Hãy dâng hiến điều tốt nhất cho Đấng tối cao). Nói đó là vật đẹp nhất hấn từng có. Ở nhà thờ Highway Baptist nằm đâu đó. Giận dữ, bác sĩ Lecter nói, vì Giêsu đến quá trễ.

”Ngài có phải Giêsu?” lần này hấn nói thật rầu rĩ. Hấn cho tay vào túi móc ra một đầu lọc thuốc lá loại tốt dài hơn năm phân. Hấn để nó lên mảnh đĩa vỡ rồi đưa ra mời mọc.

“Sammie, tôi xin lỗi, tôi không phải. Tôi...”

Sammie bỗng nhiên tái mét, giận dữ vì cô không phải Giêsu, giọng hấn dội vào hành lang ướt:

CON MUỐN ĐI VỚI GIÊSU

CON MUỐN ĐI VỚI CHÚA!

Hấn giơ mảnh đĩa vỡ có cạnh nhọn như một cái cuốc lên và tiến đến chỗ Starling, cả hai chân hấn giờ đang đứng trong

nước còn mặt thì nhả lại, tay kia nắm chặt lấy khoảng không ở giữa họ.

Cô cảm thấy những cái tủ cứng sau lưng.

“ANH CÓ THỂ ĐI VỚI GIÊSU... NẾU ANH LÀM VIỆC TỐT.” Starling dẫn lại câu nói đó to rõ cứ như cô nói với hắn từ một một nào xa lắm.

“Ừ hử.” Sammie bình thản nói và ngưng lại.

Starling tìm thanh kẹo trong túi xách. “Sammie, tôi có một thanh sô cô la Snickers. Anh có thích Snickers không?”

Hắn không nói gì.

Cô đặt thanh Snickers lên một bìa hồ sơ màu nâu rồi đưa ra cho hắn khi hắn giờ đĩa lên.

Chưa bóc hết giấy, hắn đã cắn miếng đầu tiên rồi nhả giấy gói ra và cắn tiếp hết cả nửa thanh kẹo.

“Sammie, có ai khác xuống đây chưa?”

Không thèm để ý đến câu hỏi của cô, hắn đặt miếng kẹo còn lại lên đĩa và biến mất sau chòng nệm vào buồng giam cũ của mình.

“Cái quái gì thế này?” Một giọng phụ nữ. “Cảm ơn Sammie.” “Cô là ai?” Starling nói với vào.

“Không phải chuyện của cô.”

“Cô ở đây với Sammie à?”

“Dĩ nhiên là không. Tôi có hẹn ở đây. Cô có thể để chúng tôi yên không?”

“Được. Hãy trả lời tôi. Cô đã ở đây bao lâu rồi?”

“Hai tuần.”

“Có ai khác tới đây không?”

“Mấy gã lang thang bị Sammie đuổi đi.”

“Sammie bảo vệ cô à?”

“Cứ gây lộn với tôi đi rồi biết. Tôi có thể đi đàng hoàng. Tôi có đồ ăn và anh ấy có chỗ an toàn để ăn. Nhiều người vẫn có những thỏa thuận kiểu như thế.”

“Trong hai người có ai thuộc chương trình trợ giúp nào không? Cô có muốn vào chương trình nào không? Tôi giúp được đấy.”

“Anh ấy đã trải đủ rồi. Ra ngoài làm mấy trò nhảm nhí để rồi cũng trở lại với cái mà cô biết là cái gì rồi đấy. Cô muốn kiếm gì? Cô muốn gì?”

“Mấy cái hồ sơ.”

“Nếu không có ở đó tức là đã bị lấy mất rồi. Có cần phải thông minh lắm để hiểu điều này không?”

“Sammie à?” Starling gọi. “Sammie à?”

Sammie không trả lời. “Anh ấy ngủ rồi,” người bạn của hắn trả lời.

“Nếu tôi để ít tiền lại đây, cô có mua thức ăn không?” Starling hỏi.

“Không, tôi sẽ mua rượu. Cô có thể *tìm* được thức ăn chứ rượu thì không. Đừng để tay nắm cửa đập vào móng lúc đi ra đó.”

“Tôi để tiền trên bàn ấy,” Starling nói. Cô cảm thấy muốn chạy, nhớ lại lúc rời khỏi bác sĩ Lecter, nhớ lại lúc cô đã cố gắng

giữ bình tĩnh khi đi về phía chỗ ngồi yên tĩnh của hộ lý Barney hồi đó.

Trong ánh sáng chỗ cầu thang, Starling lấy tờ hai mươi đô ra khỏi ví. Cô để tiền lên cái bàn trà tựa bô không của Barney và chặn bằng một chai rượu rỗng. Cô mở một túi nhựa đi chợ ra, bỏ bìa hồ sơ của bác sĩ Lecter có chứa hồ sơ của Miggs và cái bìa không có hồ sơ của Migg vào.

“Tạm biệt. Tạm biệt Sammie.” Cô chào gã đàn ông đã từng đi vòng quanh trái đất rồi trở về địa ngục của mình. Cô muốn nói với hắn rằng cô mong Chúa sẽ đến nhưng nói vậy nghe có vẻ thật ngớ ngẩn.

Starling leo trở lên với ánh sáng để tiếp tục vòng xoay cuộc sống.

CHƯƠNG 12

Nếu như có bến xe đến âm phủ thì ắt hẳn nó sẽ giống lối vào phòng cấp cứu của Bệnh viện Đa khoa Maryland-Misericordia. Giữa tiếng còi hụ rền rĩ, tiếng rên khóc của những kẻ đang hấp hối, tiếng khua của băng ca rỏ máu, tiếng la khóc, những cột khói từ hố ga bị nhuộm đỏ bởi ánh đèn nê ông to của bảng hiệu Cấp cứu dựng lên như cột lửa của Moses trong bóng tối và biến thành mây vào ban ngày.

Barney bước ra khỏi làn khói, rùn đôi vai lực lưỡng để khoác nhanh áo khoác lên người. Cái đầu tròn cúi về phía trước khi anh sỏi bước trên vỉa hè nứt vỡ về phía Đông với bình minh.

Anh tan ca trễ hai mươi lăm phút do cảnh sát đưa một tên ma cô cứng đờ bị bắn một phát súng. Hắn thích đánh lộn với phụ nữ nên người y tá trưởng phải yêu cầu anh ở lại. Mọi người luôn bảo Barney ở lại khi có bệnh nhân dữ tợn.

Từ trong nón trùm áo khoác, Clarice Starling nhìn chăm chăm vào Barney và cứ để cho anh đi trước một nửa tòa cao ốc bên kia đường rồi mới quấy túi đeo lên vai và bước theo. Khi anh đi qua bãi đậu xe và trạm xe buýt, cô thở phào. Đi bộ theo Barney sẽ dễ dàng hơn. Cô không biết chắc anh sống ở đâu và cô cần biết điều đó trước khi anh trông thấy cô.

Khu phố sau bệnh viện thật tĩnh lặng dù đây là khu của công nhân và người nhiều chủng tộc khác nhau. Một khu phố mà người ta sẽ cài hệ thống báo động vào xe hơi nhưng ban đêm không cần phải đem thùng pin vào nhà và lũ trẻ có thể chơi ngoài đường.

Sau ba tòa nhà, Barney đợi một chiếc xe tải vượt qua phần đường dành cho người đi bộ rồi rẽ qua phía Bắc về hướng một con phố có nhiều ngôi nhà nhỏ, vài nhà có những bậc tam cấp bằng cẩm thạch và khu vườn gọn gàng phía trước. Một vài cửa hàng trống với những ô cửa sổ còn bột xà phòng vẫn chưa hoạt động. Máy cửa hàng khác bắt đầu mở và có vài người ra đường. Những chiếc xe tải đậu qua đêm ở cả hai bên đường chắn tầm nhìn của Starling cả nửa phút nên cô vượt qua Barney rồi mới nhận ra anh đã dừng lại. Khi nhìn thấy anh thì cô đã ở ngay bên kia đường. Có lẽ anh cũng nhìn thấy cô, nhưng cô không chắc lắm.

Anh đang đứng, tay đút vào túi áo khoác, đầu hướng về trước, nhìn về một vật đang di chuyển ở giữa đường. Một con chim bồ câu nằm chết trên đường, một cánh bị hơi gió của những chiếc xe chạy ngang qua thổi bay lất phất. Bàn tình của nó vẫn quấn quanh cái xác, giương mắt lên nhìn, cái đầu bé giần giật theo mỗi bước chân hồng. Quẩn quanh quẩn quẩn, khẽ kêu, tiếng kêu nhẹ của loài bồ câu. Một vài xe hơi với một chiếc xe tải chạy ngang qua và chỉ đến phút cuối con chim còn sống mới chịu bay đi né dòng xe.

Có lẽ Barney liếc về phía cô, Starling cũng không chắc. Cô phải đi tiếp nếu không sẽ bị phát hiện. Khi ngoái đầu nhìn lại,

cô thấy Barney đang ngồi xổm giữa đường, tay giơ lên theo dòng xe.

Cô rẽ vào góc khuất, cởi áo khoác có mũ trùm, lấy từ trong túi ra một chiếc áo len, cái nón lưỡi trai và túi thể thao rồi thay đồ nhanh gọn sau đó tống cái áo khoác cùng với túi xách tay vào trong túi thể thao và nhét mớ tóc vào trong nón. Cô trà trộn vào mấy người phụ nữ dọn vệ sinh trên đường về nhà và rẽ vào con phố của Barney.

Anh để con bồ câu đã chết trong hai bàn tay khum lại. Bận tình của nó vỗ cánh bay lên dây điện phía trên đầu, dõi theo anh. Đặt con chim đã chết lên bãi cỏ, Barney vuốt phẳng bộ lông của nó. Anh ngược khuôn mặt to lớn nhìn con chim trên dây điện và nói gì đó. Khi anh bỏ đi, con chim còn sống đáp xuống cỏ và tiếp tục lẩn quẩn trên cỏ vòng quanh cái xác. Barney không ngoái đầu lại. Khi anh leo lên cầu thang của một căn hộ cách đó hơn một trăm mét và móc chìa khóa ra, Starling chạy hộc tốc từ khoảng cách một nửa tòa nhà để bắt kịp anh trước khi anh mở cửa.

“Chào Barney.”

Không chút vội vã, anh quay đầu lại trên bậc thang nhìn xuống phía cô. Starling quên mất rằng hai mắt của Barney cách xa nhau một cách khác thường. Cô nhìn thấy sự thông minh trong đó và cảm nhận được một luồng điện liên kết.

Cô bỏ nón và thả tóc ra. “Tôi là Clarice Starling. Còn nhớ tôi không? Tôi là...”

“G,” Barney nói mà không biểu lộ cảm xúc gì.

Starling áp hai lòng bàn tay vào nhau và gật đầu. “À, vâng. Barney, tôi là G. Barney, tôi cần nói chuyện với anh. Chỉ là trò chuyện bình thường. Tôi cần hỏi anh vài thứ.”

Barney bước xuống cầu thang. Khi anh đã đứng ở lề đường trước mặt Starling, cô vẫn phải ngược lên nhìn mặt anh. Cô không thấy bị đe dọa gì bởi dáng vóc của anh như người khác vẫn thấy.

“Sĩ quan Starling, để ghi lại, cô có đồng ý rằng tôi vẫn chưa đọc qua quyền lợi của tôi không?” Giọng anh cao và thô như giọng của Tarzan do Johnny Weismuller thủ vai.

“Đương nhiên rồi. Tôi chưa thông báo cho anh. Tôi biết điều đó.”

“Hay là cô nói vào túi của cô đi?”

Starling mở túi ra rồi nói vào đó lớn tiếng như thể trong đó chứa một ông thần. “Tôi chưa thông báo cho Barney nên anh ấy chưa biết quyền lợi của mình.”

“Trên đường này có quán cà phê được lắm,” Barney nói. “Cô có mấy cái mũ trong túi?” anh hỏi trong lúc bước đi.

“Ba cái,” cô đáp.

Khi chiếc xe tải mang bảng đề người khuyết tật chạy ngang, Starling nhận thấy những người trong xe đang nhìn cô. Những người đau khổ thì hay bị kích thích và họ hoàn toàn có quyền như thế. Những đàn ông trẻ trên chiếc xe bên cạnh cũng liếc nhìn cô nhưng không nói gì vì có Barney. Tất cả mọi thứ nhô ra từ cửa sổ đều thu hút sự chú ý tức thì của Starling. Cô đề phòng bọn Crip trả thù nhưng họ chỉ im lặng nhìn lên thì phải chịu thôi.

Khi cô và Barney vào quán cà phê, xe tải lùi vào hẻm và quay đầu trở lại đường cũ.

Họ phải đợi chỗ trong khu bán thịt và trứng đông đúc trong lúc người bồi bàn la hét bằng tiếng Hindi với người đầu bếp đang gấp thịt bằng chiếc đũa dài với vẻ mặt đầy tội lỗi.

“Chúng ta ăn thôi,” Starling nói khi họ ngồi xuống. “Chính phủ trả tiền mà. Anh thế nào rồi, Barney?”

“Công việc ổn cả.”

“Công việc gì?”

“Hộ lý, y tá thực hành có chứng nhận.”

“Tôi tưởng bây giờ anh đã là y tá chính thức hay có lẽ là đang học trường y rồi chứ.”

Barney nhún vai và với lấy hộp kem. Anh nhìn lên Starling. “Họ đẩy cô chịu trận vì bắn Evelda đúng không?”

“Để xem xem. Anh biết ả ta à?”

“Tôi có thấy ả một lần khi họ đem gã chồng Dijon của ả vào viện. Hắn đã chết. Hắn chảy hết máu vào người họ trước khi họ kịp đưa hắn lên xe cấp cứu. Khi tới chỗ chúng tôi thì hắn chảy máu cấp bốn rồi. ả không chịu rời bỏ hắn lại còn đánh nhau với y tá nữa. Tôi phải... cô biết đấy... Phụ nữ đẹp cũng mạnh lắm. Họ không đem cô ta vào sau khi...”

“Không, ả bị phán có mặt tại hiện trường.”

“Tôi cũng nghĩ thế.”

“Barney, sau khi anh giao bác sĩ Lecter cho bên Tennessee...”

“Họ không mấy lịch thiệp với hắn ta.”

“Sau khi anh...”

“Và họ chết cả rồi.”

“Đúng vậy. Những người canh giữ hắn chỉ sống được ba ngày. Anh đã trải qua được tám năm canh chừng bác sĩ Lecter.”

“Sáu năm thôi - trước khi tôi đến, ông ta đã ở đó rồi.”

“Anh đã làm thế nào, Barney? Nếu anh không ngại tôi hỏi. Anh đã làm thế nào với hắn? Không chỉ là lịch thiệp không thôi.”

Barney nhìn vào hình ảnh của mình trên gương, ban đầu lồi sau đó thì lõm, và suy nghĩ một lúc. “Bác sĩ Lecter có tính cách thật hoàn hảo, không hề cứng nhắc, ngược lại rất dễ chịu và lịch lãm. Tôi đang học một khóa viết lách và ông ta đã chia sẻ với tôi. Không có nghĩa là ông ta sẽ không *giết* tôi bất cứ lúc nào có cơ hội - một tính cách này trong con người không nhất thiết là xóa bỏ tính cách kia. Chúng có thể tồn tại song song, tốt đẹp và xấu xa. Socrates nói hay hơn thế. Trong trường hợp giam cầm tối cần, chúng ta không bao giờ được quên điều đó. Nếu cô luôn nhớ điều này, cô sẽ ổn thôi. Chắc hẳn bác sĩ Lecter phải hối tiếc lắm vì đã chỉ cho tôi về Socrates.” Đối với Barney, một người không được học hành đàng hoàng thì Socrates là một trải nghiệm hoàn toàn mới mẻ, có giá trị của kinh nghiệm thực tiễn.

“An ninh hoàn toàn tách biệt với trò chuyện,” anh nói. “An ninh không bao giờ thân mật, ngay cả khi tôi phải giữ thư của ông ta lại hay cưỡng chế ông ta.”

“Anh có nói chuyện nhiều với bác sĩ Lecter không?”

“Đôi khi mấy tháng trời ông ta không nói gì, và thỉnh thoảng chúng tôi nói chuyện vào lúc đêm khuya khi những tiếng kêu khóc đã dứt. Thực ra tôi học khóa học đó qua thư từ và tôi chỉ

hiều được tí chút. Ông ta chỉ cho tôi cả một thế giới, theo nghĩa đen, những thứ như Suetonius*, Gibbon*, tất cả những thứ đó.” Barney cầm cốc lên. Có một vết thuốc Betadine màu cam trên một vết xước còn mới dọc theo mu bàn tay anh.

“Có bao giờ anh nghĩ là khi nào trốn thoát hẳn sẽ tìm anh không?”

Barney lắc cái đầu khổng lồ. “Có một lần ông ta nói với tôi, khi nào ‘có thể’, ông ta thích ăn thịt ‘mấy kẻ thô lỗ thả rông’. ‘Những kẻ thô lỗ thả rông’, ông ta gọi họ như vậy.” Barney cười to, cảnh này hiếm thấy. Anh có hàm răng nhỏ của trẻ con và vẻ vui mừng có vẻ hơi điên, như một đứa trẻ vui sướng khi quăng thức ăn vào mặt người chú yêu quý.

Starling tự hỏi không biết có phải là anh đã ở dưới lòng đất với mấy kẻ điên loạn quá lâu rồi chẳng.

“Còn cô thì sao, đã bao giờ cảm thấy... rùng mình sau khi ông ta bỏ trốn chưa? Cô có nghĩ ông ta sẽ theo cô không?” Barney hỏi.

“Không.”

“Tại sao?”

“Hắn nói là sẽ không làm thế.”

Câu trả lời có vẻ làm vừa ý cả hai một cách kỳ quặc.

Trứng đã dọn ra. Barney và Starling đều đói meo nên cả hai cứ ăn tì tì trong mấy phút liền. Sau đó...

“Barney này, khi bác sĩ Lecter được chuyển tới Memphis, tôi có nhờ anh đem mấy bức vẽ của hắn ở buồng giam đến cho tôi. Còn những thứ còn lại thì sao, sách và giấy tờ ấy? Bệnh viện không có cả bệnh án của hắn nữa.”

“Có một thay đổi lớn.” Barney ngáp ngừng, gõ hũ muối vào lòng bàn tay. “Cô biết đấy, có một xáo trộn lớn ở bệnh viện. Tôi bị sa thải, rất nhiều người bị sa thải, và đồ đạc vương vãi. Không thấy nói gì...”

“*Xin lỗi*,” Starling nói. “Trong đây ồn quá nên tôi không nghe rõ anh nói gì. Tối qua tôi phát hiện ra chú thích của bác sĩ Lecter và một cuốn *Từ điển Ẩm thực* của Alexandre Dumas có ký tên, được tìm ra tại một bữa tiệc chiêu đãi ở New York hai năm về trước. Nó được một nhà sưu tập mua về với giá mười sáu ngàn đô la. Biên bản quyền sở hữu được ký tên ‘Cary Phlox’. Anh có biết ‘Cary Phlox’ không Barney? Tôi mong là anh biết vì ông ta đã viết vào đơn xin việc của anh ở bệnh viện anh đang làm việc nhưng lại ký tên là ‘Barney’. Viết cả bản kê khai thuế của anh nữa. Xin lỗi tôi không nghe anh nói gì trước đó. Anh muốn nói lại không? Anh được bao nhiêu từ cuốn sách hả Barney?”

“Khoảng một chục,” Barney nói và nhìn thẳng vào cô.

Starling gật đầu. “Hóa đơn ghi mười lăm. Anh được bao nhiêu từ buổi phỏng vấn với tờ *Tattler* sau khi bác sĩ Lecter trốn thoát?”

“Mười lăm G*.”

“Tốt. Tốt lắm. Anh đã bịa ra những gì anh kể với mọi người.”

“Tôi biết là bác sĩ Lecter sẽ không trách gì chuyện đó. Hắn sẽ thất vọng nếu tôi không chọc họ.”

“Hắn ta tấn công người y tá trước khi anh chuyển đến bang Baltimore đúng không?”

“Đúng.”

“Hắn bị trật vai.”

“Theo tôi biết là như vậy.”

“Có chụp phim X-quang không?”

“Chắc là có.”

“Tôi cần tấm phim X-quang đó.”

“Ừm.”

“Tôi phát hiện bản thảo của Lecter chia làm hai loại, một loại viết bằng mực trước khi bị tổng giam, và một loại bằng chì màu hoặc bút dạ viết trong trại giam. Loại viết bằng chì màu đáng giá hơn, tôi nghĩ là anh cũng biết điều đó. Barney, tôi nghĩ anh có đầy đủ mấy thứ đó và anh đang tìm cách tổng hợp nó lại để bán.”

Barney nhún vai không nói gì.

“Tôi nghĩ anh đang chờ hắn trở thành đề tài nóng hổi lần nữa. Anh *muốn* sao Barney?”

“Tôi muốn thấy mọi bức họa của Vermeer có trên thế giới trước khi tôi chết.”

“Tôi có cần hỏi ai đã tạo cảm hứng cho anh về Vermeer?”

“Chúng tôi nói rất nhiều chuyện lúc nửa đêm.”

“Anh có nói về việc hắn muốn làm gì nếu được tự do không?”

“Không. Bác sĩ Lecter không thích giả thuyết. Ông ta không tin vào thuyết tam đoạn luận* hay tổng hợp hay bất cứ thứ gì tuyệt đối.”

“Thế hắn tin vào gì?”

“Sự hỗn loạn. Và cô không cần phải tin vào nó nữa. Nó đã tự chứng minh rồi.”

Starling muốn chiều ý Barney một chút.

“Anh nói như thể anh tin vào điều đó vậy,” cô nói, “nhưng công việc của anh ở Baltimore là giữ gìn trật tự. Anh là *hộ lý* trưởng. Anh và tôi đều làm công việc giữ trật tự. Bác sĩ Lecter chưa bao giờ trốn thoát khỏi tay anh.”

“Tôi đã giải thích với cô rồi.”

“Bởi vì anh không bao giờ mất cảnh giác. Mặc dù hai người đã kết thân tới một mức nào đó...”

“Tôi không *kết thân* với ai hết,” Barney nói. “Ông ta không thân thiết với ai cả. Chúng tôi chỉ bàn luận những vấn đề cùng sở thích. Ít ra thì những thứ đó rất hay ho đối với tôi sau khi tôi biết được chúng.”

“Đã bao giờ bác sĩ Lecter trêu anh vì không biết một cái gì đó không?”

“Không. Ông ta trêu cô à?”

“Không,” cô đáp vậy để tránh làm tổn thương Barney, vì lần đầu tiên cô nhận ra lời khen ngợi ẩn chứa trong lời giễu cợt của con quái vật. “Nếu muốn, hẳn đã trêu tôi rồi. Anh có biết mấy thứ đồ đó ở đâu không Barney?”

“Nếu tìm ra thì có được thưởng gì không?”

Cô xếp khăn ăn lại rồi nhét xuống dưới mép đĩa. “Phần thưởng là tôi sẽ không kết tội anh ngăn cản người thi hành công vụ. Tôi đã tha cho anh cái lần mà anh đặt bọ nghe trộm dưới bàn làm việc của tôi ở bệnh viện.”

“Con bọ đó là của bác sĩ quá cố Chilton.”

“*Quá cố ư?* Sao anh biết là quá cố?”

“À, ông ta đã mất bảy năm rồi,” Barney nói. “Tôi nghĩ sẽ không bao giờ gặp lại ông ấy. Hỏi cô điều này nhé, cái gì có thể làm cô hài lòng, đặc vụ Starling?”

“Tôi muốn xem bản phim X-quang. Tôi cần cái đó. Nếu có những cuốn sách của bác sĩ Lecter, tôi cũng muốn được xem nữa.”

“Giả sử như chúng ta tìm thấy những thứ đó, chuyện gì sẽ xảy ra với chúng?”

“À, sự thật là tôi cũng không chắc lắm. Viện Chưởng lý Mỹ có thể sẽ tịch thu tất cả để làm bằng chứng điều tra vụ trốn thoát. Và nó sẽ bám rêu trong Phòng Vật chứng Mênh mông của ông ta. Nếu như tôi kiểm tra những thứ đó và không tìm thấy gì hữu dụng và tôi khẳng định như vậy, anh có thể nói rằng chính bác sĩ Lecter cho anh những thứ đó. Hắn đã *vắng mặt* bảy năm trời nên anh có thể tiến hành tố tụng dân sự. Hắn không có bà con thân thích nào.

Tôi sẽ đề nghị giao lại cho anh những vật dụng vô hại. Anh nên biết rằng đề nghị của tôi là từ cấp bậc thấp. Có thể anh sẽ không lấy lại được phim X-quang hay hồ sơ bệnh án vì không phải là hắn cho anh.”

“Và nếu như tôi giải thích với cô là tôi không có những thứ đó?”

“Những vật dụng của Lecter sẽ trở nên rất khó bán vì chúng tôi sẽ đặt thông cáo và báo với thị trường rằng chúng tôi sẽ tịch thu và xử phạt những trường hợp nhận và sở hữu chúng. Tôi sẽ tiến hành kiểm soát và thi hành lệnh tịch thu tại nơi ở của anh.”

“Giờ thì cô biết nơi ở của tôi rồi đó. Mà đó có gọi là nơi ở không nhỉ?”

“Tôi không chắc. Tôi có thể nói với anh là nếu giao nộp tài liệu, anh sẽ không phải hối tiếc vì điều đó một khi tính đến những gì có thể xảy ra nếu anh để chúng ở chỗ cũ. Còn về chuyện hứa với anh là anh có thể lấy lại những thứ đó, tôi không thể hứa chắc được.”

Starling lục lọi trong túi xách để hoãn binh một lúc. “Anh biết đấy Barney, tôi có cảm giác anh chưa lấy được bằng y là vì anh chưa chuyên tâm. Có lẽ anh có sự ưu tiên khác. Thấy không? Bây giờ nhìn lại, tôi chưa bao giờ lập hồ sơ phạm tội của anh, tôi chưa bao giờ điều tra anh.”

“Không. Cô chỉ xem qua bản khai thuế và đơn xin việc của tôi. Chỉ có vậy. Tôi thật sự cảm động đấy.”

“Nếu anh có việc ưu tiên, có lẽ Bộ Nông nghiệp Mỹ trong phạm vi quyền hạn có thể nói một lời, xóa tên anh khỏi danh sách.”

Barney quẹt sạch đĩa bằng một miếng bánh mì. “Cô sắp xong rồi đúng không? Đi dạo một lát nhé.”

“Tôi đã gặp Sammie, anh ta đã thế chỗ buồng giam của Miggs đó, có nhớ không? Anh ta vẫn còn ở đó,” Starling nói khi họ đã ra ngoài.

“Tôi tưởng nơi đó đã bị bỏ hoang rồi.”

“Đúng thế.”

“Có phải Sammie thuộc về chương trình nào không?”

“Không. Hắn chỉ sống ở đó trong bóng tối mà thôi.”

“Tôi nghĩ cô nên báo động với hần. Hần bị tiểu đường, hần sẽ chết mất. Cô có biết tại sao bác sĩ Lecter làm cho Miggs nuốt lưỡi của chính mình không?”

“Tôi nghĩ là tôi biết.”

“Ông ta giết hần vì dám xúc phạm cô. Đó chỉ là một việc cụ thể. Cô đừng áy náy gì cả - dù thế nào ông ta cũng có thể sẽ làm thế.”

Họ tiếp tục đi qua căn hộ của Barney đến bãi cỏ nơi con chim bồ câu vẫn đang đi vòng quanh xác bạn tình. Barney lấy tay xua nó. “Đi đi,” anh nói với con chim. “Đau khổ như thế là đủ lắm rồi. Mà cứ đi vòng vòng thế, mèo sẽ bắt mày thôi.” Con chim gù gù rồi vỗ cánh bay mất. Họ không nhìn thấy nó bay đi đâu. Barney nhặt con chim chết lên. Cái xác lông mịn màng tuột dễ dàng vào túi áo anh.

“Có một lần, bác sĩ Lecter nói đôi chút về cô đấy. Có lẽ đó là lần cuối tôi nói chuyện với ông ta, một trong những lần cuối. Con chim đã gợi nhắc lại cho tôi. Cô muốn biết ông ta nói gì không?”

“Dĩ nhiên rồi,” Starling nói. Bữa sáng bắt đầu nôn nao trong bụng nhưng cô nhất quyết không nao núng.

“Chúng tôi nói chuyện về bản tính di truyền bẩm sinh. Ông ta đang lấy bộ gien của loài bồ câu nhào lộn làm ví dụ. Chúng trình diễn màn bay vút lên không rồi lộn vòng vòng về phía sau và đáp xuống dần. Có loài lộn xuống nông, có loài lộn sâu xuống sát đất. Cô không thể lai hai loài lộn sâu với nhau, bằng không con của chúng sẽ rớt thẳng xuống đất mà chết. Ông ta đã nói

rằng ‘Đặc vụ Starling là một loài lộn sâu, Barney ạ. Hy vọng là bố hoặc mẹ cô ấy không thế.’ “

Starling phải nghĩ một lúc về câu nói đó. “Anh sẽ làm gì với con chim?” cô hỏi.

“Vật lông ăn thịt,” Barney nói. “Đến nhà tôi đi, tôi sẽ đưa phim X-quang và mấy quyển sách cho cô.”

Trên đường mang bạch hồ sơ dài trở về bệnh viện rồi vào xe của mình, có một lần Starling nghe thấy tiếng rên khóc của con chim còn sống từ trên cây.

CHƯƠNG 13

NHỜ sự lưu tâm của một kẻ điên loạn và nỗi ám ảnh của một kẻ khác, giờ đây Starling đã có được thứ cô luôn ao ước, một văn phòng ở hành lang tầng hầm tại ban Khoa học Hành vi. Thật cay đắng khi có được văn phòng bằng cách này.

Starling chưa bao giờ mong đợi sẽ được lên thẳng ban Khoa học Hành vi ưu tú khi tốt nghiệp Học viện FBI nhưng cô vẫn tin rằng mình có thể giành được một chỗ ở đấy. Cô biết rằng cô sẽ phải bỏ vài năm ở các cơ quan hiện trường trước.

Tuy làm việc rất hiệu quả nhưng Starling lại không giỏi về giao tế, và phải mất nhiều năm cô mới nhận ra mình sẽ không bao giờ được vào đội Khoa học Hành vi dù rằng sếp của đội ngũ, Jack Crawford rất muốn điều đó.

Cô không hề biết nguyên nhân chính của sự việc cho đến lúc, như một nhà thiên văn định vị được lỗ đen vũ trụ, cô hiểu ra đó chính là do Phó Trợ lý Tổng Thanh tra Paul Krendler dựa vào ảnh hưởng của hắn ta đối với những cơ quan xung quanh. Hắn ta chưa bao giờ tha thứ cho cô về việc tìm ra kẻ sát nhân hàng loạt Jame Gumb trước hắn, và hắn không thể chịu được sự chú ý mà báo chí dành cho cô.

Có một lần, Krendler gọi lúc cô đang ở nhà vào một đêm mùa đông mưa gió. Cô trả lời điện thoại khi vẫn mặc áo choàng tắm

và mang dép đi trong nhà, tóc quấn trong khăn bông. Cô nhớ chính xác ngày tháng vì đó là tuần đầu tiên của chiến dịch Bão táp Sa mạc*. Khi ấy, Starling đang là một đặc viên kỹ thuật và cô vừa từ New York trở về sau khi đã cài đặt máy truyền thanh trong chiếc Limousine của phái đoàn đặc vụ Liên Hiệp Quốc người Iraq. Cái máy truyền thanh mới y hệt như cái cũ ngoại trừ việc nó có thể truyền sóng trực tiếp những cuộc đàm thoại trong xe tới vệ tinh của Bộ Quốc phòng trên trời. Đó là một hành động nguy hiểm trong một ga ra tư nhân và cô vẫn còn thấy căng thẳng.

Trong một giây, cô tưởng rằng Krendler gọi để khen cô đã làm rất tốt.

Cô còn nhớ mưa dội vào cửa sổ, tiếng của Krendler trong điện thoại có chút lắp bắp và có tiếng ồn trong quán bar.

Hắn mời cô ra ngoài. Hắn nói nửa tiếng nữa sẽ đến. Hắn đã lập gia đình.

“Tôi nghĩ là không cần làm vậy đâu, ông Krendler,” cô nói và nhấn nút thu âm trên máy trả lời tự động, nó bíp lên tiếng quen thuộc và điện thoại cúp máy.

Sau nhiều năm, giờ đây ngồi trong văn phòng hằng ao ước, Starling viết tên cô lên giấy nháp rồi dán vào cánh cửa. Chẳng có gì vui, cô lại xé nó đi quẳng vào thùng rác.

Có một lá thư trong khay nhận của cô. Đó là bảng câu hỏi từ bên xuất bản cuốn *Kỷ lục Guinness thế giới*, cuốn sách này chuẩn bị đưa tên cô vào vì đã hạ được nhiều tội phạm hơn tất cả những cảnh sát nữ trong lịch sử nước Mỹ. Phía xuất bản có giải thích họ đã cân nhắc kỹ lưỡng từ *tội phạm* vì tất cả những kẻ chết đều

gây nhiều trọng án và ba trong số chúng có lệnh bắt khẩn cấp. Bảng câu hỏi cũng đi vào thùng rác cùng tên của cô.

Cô đã ngồi hai giờ đồng hồ gõ máy tính. Cô thổi sợi tóc bay khỏi mặt vừa lúc Crawford gõ cửa thò đầu vào.

“Starling, Brian ở phòng hóa nghiệm gọi lên. Tấm X-quang của Mason và tấm cô lấy của Barney trùng khớp với nhau. Nó là tay của Lecter. Họ đã số hóa hình ảnh và so sánh với nhau nhưng không có nghi ngờ gì. Chúng ta sẽ gửi tất cả vào hồ sơ mật VICAP của Lecter.”

“Còn Mason Verger thì sao?”

“Chúng ta sẽ nói sự thật với hắn,” Crawford nói. “Starling, tôi và cô đều biết rằng hắn sẽ chỉ tiết lộ một khi lấy được những thứ hắn không thể tự mình tiếp tục. Nhưng nếu chúng ta cố giành lấy đầu mối ở Brazil vào thời điểm này, nó sẽ bốc hơi.”

“Ông bảo tôi để kệ nó và tôi đã làm thế.”

“Cô đã làm được *gì đó* ở đây rồi.”

“Phim X-quang của Mason được gửi đến bằng chuyển phát nhanh DHL. DHL đã lấy được mã vạch, thông tin nhận và xác định địa điểm nhận. Ở khách sạn Ibarra ở Rio.” Starling giơ tay chặn trước sự cắt ngang. “Giờ thì toàn là nguồn từ New York. Không có điều tra gì ở Brazil nữa.

Mason thực hiện các cuộc điện đàm, ý tôi là hầu hết, qua tổng đài của một trung tâm cá độ thể thao ở Las Vegas. Ông có thể tưởng tượng được lượng cuộc gọi họ nhận được rồi đấy.”

“Tôi muốn biết làm thế nào cô biết thông tin đó?”

“Tuyệt đối hợp pháp,” Starling nói. “Ừm, khá là hợp pháp - tôi không để lại bất cứ gì trong nhà hắn. Tôi chỉ lấy mã số để coi

hóa đơn điện thoại của hắn, tất cả chỉ có thể. Các đặc vụ kỹ thuật đều có nó. Giả sử hắn cản trở công lý. Với ảnh hưởng của hắn, trong bao lâu chúng ta mới xin xỏ được lệnh truy bắt? Và nói cho cùng ông có thể làm gì hắn nếu như hắn phạm tội? Nhưng hắn đang sử dụng một trung tâm cá độ *thể thao*.”

“Tôi biết,” Crawford nói. “Ủy ban Thể thao Nevada có thể tiếp cận cuộc gọi hoặc bắt trung tâm cá độ đó đưa ra danh sách các cuộc gọi đến mà chúng ta cần.”

Cô gật đầu. “Tôi sẽ để yên cho Mason như lời ông nói.”

“Tôi biết,” Crawford nói. “Cô có thể nói với Mason rằng chúng ta trông đợi sự giúp đỡ của cảnh sát quốc tế và đại sứ quán. Nói với hắn là chúng ta cần phải chuyển người xuống đó và bắt đầu thiết lập dẫn độ. Có thể Lecter đã phạm tội ở Nam Phi nên tốt hơn cả chúng ta nên dẫn độ trước khi cảnh sát Rio lục lại hồ sơ của họ về *Vụ án ăn thịt người*. Nếu như hắn có ở Nam Phi. Starling, cô có thấy ghê tởm khi nói chuyện với Mason không?”

“Tôi buộc phải theo thời thôi. Ông đã dẫn dắt tôi khi chúng ta theo vụ xác trôi ở Tây Virginia. Tôi đang nói gì nhỉ, ‘xác trôi’. Cô ta tên là Fredericka Bimmel và, đúng vậy, Mason làm cho tôi thấy tởm. Đạo gàn đây rất nhiều thứ khiến tôi thấy tởm lợm, Jack ạ.”

Starling tự cảm thấy ngạc nhiên. Cô chưa từng gọi trưởng phòng Jack Crawford bằng tên. Cô chưa bao giờ có ý định gọi ông là Jack và nó làm cho cô sốc. Cô ngấm kỹ mặt ông, gương mặt nổi tiếng khó đoán.

Ông gật đầu, cười méo xệch buồn bã. “Tôi cũng thế Starling. Cô có muốn vài viên Pepto-Bismol* trước khi nói chuyện với

Mason không?”

Mason Verger không buồn nhận cuộc gọi của Starling. Một viên thư ký cảm ơn tin nhắn của cô và nói hắn sẽ đáp lại cuộc gọi. Nhưng hắn không đích thân gọi lại. Đối với Mason, trong danh sách báo cáo có nhiều tin quan trọng hơn là Starling và tấm X-quang trùng khớp chỉ là tin tức cũ rích.

CHƯƠNG 14

MASON biết tấm phim X-quang của hắn chính là tay của bác sĩ Lecter từ rất lâu trước khi Starling được báo cáo, vì nguồn tin của hắn trong Bộ Tư pháp tốt hơn cô.

Mason nhận được một email có tên hiển thị là Token287. Đó là tên hiển thị của trợ lý cho nghị viên Parton Vellmore trong ủy ban Tư pháp Hạ viện. Văn phòng của Vellmore đã nhận được email từ Cassius199, tên hiển thị của Paul Krendler trong Bộ Tư pháp.

Mason rất phấn khởi. Hắn không nghĩ bác sĩ Lecter lại ở Brazil, thế nhưng tấm X-quang lại chứng tỏ rằng giờ đây tên bác sĩ đã có số ngón bàn tay trái bình thường. Thông tin đó khớp với đầu mối mới từ châu Âu về hành tung của gã bác sĩ. Mason tin rằng đầu mối là từ cảnh sát Ý và đó là hơi hướm rõ nhất về Lecter mà hắn có được từ nhiều năm nay.

Mason không hề có ý định tiết lộ đầu mối của hắn với FBI. Nhờ vào nỗ lực không ngừng trong bảy năm qua, tiếp cận hồ sơ liên bang mật, phát tờ roi rộng rãi, không giới hạn quốc tế và tung tiền không tiếc tay, Mason đã vượt xa FBI trong cuộc truy đuổi Lecter. Hắn chỉ tiết lộ thông tin cho FBI khi muốn rút tin từ họ.

Để nắm bắt được diễn tiến của việc điều tra, hân hướng dẫn thư ký của mình liên tục quấy rối Starling, sổ ghi nhớ của Mason nhắc người thư ký gọi cho cô ít nhất ba lần một ngày.

Mason lập tức chuyển khoản năm ngàn đô la cho người đưa tin của hân ở Brazil để theo nguồn của tấm X-quang. Quỹ dự phòng hân chuyển sang Thụy Sĩ còn nhiều hơn gấp bội và hân còn chuẩn bị chuyển thêm khi có được thông tin cụ thể trong tay.

Hân tin rằng nguồn tin từ châu Âu đã tìm được bác sĩ Lecter nhưng do bị lừa nhiều lần nên hân đã học được bài học phải cẩn trọng. Chứng cứ rồi sẽ sớm lòi ra. Và cho đến khi đó, để giải tỏa sự phẫn nộ vì phải chờ đợi, Mason tự ngẫm về những gì sẽ xảy ra một khi tên bác sĩ rơi vào tay hân. Sự sắp xếp này đã được vạch ra từ rất lâu vì Mason là môn đồ của đức cam chịu hành hạ...

Lựa chọn của Chúa trong việc bắt con người ta phải cam chịu không bao giờ làm hài lòng chúng ta, cũng như không thể nào hiểu được, trừ phi sự vô tội khiến Ngài cắn rứt. Rõ ràng là Ngài cần giúp đỡ trong việc điều chỉnh sự phẫn nộ mù quáng mà Ngài đã dùng để trừng phạt trái đất.

Mason đã thấu hiểu được vai trò của mình trong tất cả việc này vào năm thứ mười hai bị liệt, vào lúc mà cơ thể hân dưới tấm chăn không còn lại là bao và biết rằng mình sẽ không bao giờ ngồi dậy được nữa. Một phần tư cuộc đời hân ở lâu đài nông trại Muskrat đã trôi qua và hân có của cải nhưng không phải vô tận bởi trưởng họ của nhà Verger là Molson vẫn còn đang nắm giữ quyền hành.

Thời điểm bác sĩ Lecter trốn thoát là vào Giáng sinh. Do cảm xúc thường thấy vào dịp này, Mason ao ước một cách cay đắng phải chỉ mình đã bố trí ám sát bác sĩ Lecter trong trại giam. Mason biết rằng ở nơi nào đó bác sĩ Lecter đang đi lại trên mặt đất, bước lên bước xuống và rất có thể là đang tận hưởng những giờ phút vui vẻ.

Mason nằm dưới máy hô hấp phủ kín chắn. Một người y tá đứng bên, đổi chân qua lại, chỉ mong được ngồi xuống. Mấy đứa trẻ tội nghiệp được đưa đến nông trại Muskrat bằng xe buýt để hát thánh ca. Được bác sĩ cho phép, cửa sổ phòng Mason mở ra trong chốc lát để đón gió mát, và, bên dưới cửa sổ, mấy đứa trẻ cầm nến trên tay mà hát.

Đèn trong phòng Mason vụt tắt. Trên màn trời đen của nông trại, sao chiếu thật gần.

“Ô ngôi làng Bethlehem bé nhỏ, làm thế nào ta thấy được ánh sáng!”

Làm thế nào ta thấy được ánh sáng.

Làm thế nào ta thấy được ánh sáng.

Lời hát nhạo báng đè nén lên hẳn. Làm thế nào ta thấy được ánh sáng, Mason!

Ngoài cửa sổ, những ngôi sao đêm Giáng sinh vẫn lặng im đến ngọt ngào. Những ngôi sao không nói lời nào với hẳn khi hẳn nhìn lên cầu khỉ qua mắt kính và vẫy chào chúng bằng những ngón tay vẫn còn động đậy được. Mason nghĩ rằng hẳn

không thở được. Hắn ngấm nghĩ nếu như hắn bị ngạt thở trong không gian, điều cuối cùng hắn thấy được là bầu trời chân không tĩnh lặng tuyệt đẹp đầy sao. Hắn nghĩ là hắn đang ngạt thở và máy hô hấp không chạy kịp, hắn phải *chờ để thở* theo nhịp sống của đêm Giáng sinh, nhịp điện tâm đồ màu xanh lá, những cây xanh bé nhỏ trong bóng đêm rừng thẳm của nhịp tâm đồ. Nhịp tim đập, nhịp tim thu, nhịp tim trương.

Người y tá hoảng hốt định nhấn nút báo động và chuẩn bị lấy thuốc kích thích adrenaline.

Lời hát ngao nghệ, làm thế nào ta thấy được ánh sáng, Mason.

Sự hiển linh đã xảy ra vào Giáng sinh. Trước khi người y tá kịp bấm chuông hay lấy thuốc, cơn gió giận dữ thù hận đầu tiên của Mason đã lướt qua bàn tay móng vuốt xanh xao trông như hồn ma bóng quế của hắn và xoa dịu hắn.

Trong buổi lễ Giáng sinh trên trái đất, kẻ mộ đạo tin vào điều kỳ diệu của sự hóa thể và họ đã ăn thân xác và máu thật của Chúa*. Mason đã bắt đầu chuẩn bị cho một nghi lễ ẩn tượng hơn nhiều mà không cần phải hóa thể. Hắn chuẩn bị để bác sĩ Hannibal Lecter bị ăn sống.

CHƯƠNG 15

NỀN TẢNG GIÁO DỤC của Mason thật là kỳ quái nhưng nó lại vô cùng phù hợp với cuộc sống mà cha hắn đã vạch ra cho hắn cũng như cho nhiệm vụ trước mặt hắn giờ đây.

Khi còn là một đứa trẻ, hắn học ở trường nội trú mà cha hắn đã tài trợ không tiếc tiền và việc hắn vắng mặt thường xuyên luôn được bỏ qua. Thỉnh thoảng, Verger bố tiến hành buổi học thực tế cho Mason. Ông ta dẫn cậu bé đến bãi chăn nuôi và lò mổ, nền móng cho của cải của mình.

Molson Verger là người tiên phong trong nhiều lĩnh vực của sản xuất gia súc, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế. Những thực nghiệm đầu tiên của ông ta với thức ăn rẻ tiền được xếp ngang hàng với của Batterham năm mươi năm trước đó. Molson Verger đã pha trộn thức ăn cho lợn thiến, pha loãng gà với phân bón ở mức có thể xem là táo bạo vào thời bấy giờ. Vào thập niên bốn mươi, ông ta được xem là một kẻ liều lĩnh khi lần đầu tiên xóa bỏ việc cho lợn uống nước sạch và bắt chúng uống nước rãnh chế từ phân thú lên men để chúng mau tăng trọng. Tiếng cười nhạo báng tắt đi khi ông ta bắt đầu có lợi nhuận và những kẻ cạnh tranh vội vàng bắt chước.

Thế chủ đạo của Molson Verger trong ngành công nghiệp thịt hộp không chỉ dừng lại ở đó. Bằng túi tiền của mình, ông ta đã

dũng cảm đấu tranh chống lại điều luật sát sinh nhân đạo hoàn toàn theo cái nhìn kinh tế, đồng thời cố xây dựng danh tiếng hợp pháp dù phải tốn rất nhiều tiền cho nghị viện. Với Mason bên cạnh, ông ta đã điều khiển nhiều cuộc thử nghiệm tâm cơ trong khu nhốt gia súc để xác định xem có thể bỏ gia súc đói khát trong bao lâu trước khi xẻ thịt mà không làm chúng sụt cân đáng kể.

Nghiên cứu di truyền do Verger tài trợ cuối cùng đã đạt được giống lợn nặng cân Bỉ không bị chứng mất nước vốn phổ biến ở giống lợn này. Molson đã đem chúng ra toàn thế giới và tài trợ cho nhiều chương trình lai tạo nước ngoài.

Tuy nhiên lò mổ là nền móng của công việc kinh doanh và không ai thấu hiểu điều đó hơn Molson Verger. Ông ta đã tìm cách qua mặt lãnh đạo công đoàn khi họ cố xâm phạm vào lợi nhuận của ông ta bằng yêu sách về lương bổng và an toàn. Trong việc này thì quan hệ mật thiết của ông ta với tội phạm có tổ chức đã phát huy tác dụng suốt ba mươi năm trời.

Với đôi lông mày rậm sáng loáng trên đôi mắt xanh đồ tể nhợt nhạt và đường chân tóc thấp xeo xéo từ phải sang trái trán, Mason rất giống cha hắn lúc bấy giờ. Molson Verger thường thích nâng gương mặt con trai trên tay một cách âu yếm chỉ để sờ nắn nó, cứ như thể ông ta đang xác nhận quan hệ cha con thông qua diện mạo như ông ta vẫn sờ nắn mặt của một con lợn mà nói được nguồn giống của nó thông qua kết cấu xương.

Mason học rất giỏi và ngay cả sau khi bị thương phải nằm liệt giường, hắn vẫn đưa ra được những quyết định kinh doanh khôn ngoan được đám thuộc hạ thi hành. Để cho Chính phủ Mỹ và Liên Hiệp Quốc giết mổ toàn bộ số lợn địa phương ở Haiti với

lý do nguy hiểm từ cúm lợn châu Phi chính là ý tưởng của Mason Con. Sau đó hắn đã bán lợn trắng của Mỹ cho chính phủ để thay thế cho lợn địa phương. Giống lợn quý tộc, khi phải đối mặt với điều kiện ở Haiti, nhanh chóng chết sạch và được thay thế hết lần này đến lần khác bằng hàng của Mason cho đến khi Haiti thay giống lợn của họ bằng giống lợn bé từ Cộng hòa Dominic.

Giờ đây, bằng hiểu biết và kinh nghiệm cả đời, Mason cảm thấy như nghệ nhân làm đàn Stradivarius đang tiến đến bàn làm việc trong lúc hắn đang xây dựng phương tiện trả thù của mình.

Đúng là có một bờ thông tin và tiềm lực bên trong cái sọ không mặt của Mason! Nằm trên giường suy tính cách trả thù như nhạc sĩ điếc Beethoven soạn nhạc trong đầu, hắn nhớ lại lúc dạo qua chợ lợn với cha hắn xem xét qua cuộc thi. Con dao bạc nhỏ xíu của Molson lúc nào cũng sẵn sàng rút ra khỏi áo cộc rồi cắm vào mõng lợn để kiểm tra độ sâu của lớp mỡ mõng. Rồi ông ta rời đi trong tiếng lợn kêu giận dữ, quá đường hoàng nên không thể bị làm chùn bước, tay ông ta rút lại vào túi, ngón tay cái đánh dấu lên lưỡi dao.

Nếu vẫn còn môi, chắc hẳn Mason sẽ mỉm cười khi nhớ lại cảnh cha hắn thọc một con lợn dự thi 4-H - con vật nghĩ rằng ai cũng là bạn của mình, còn đứa trẻ là chủ của con lợn thì la khóc. Cha đứa trẻ giận dữ tiến đến và mấy tên lưu manh của Molson kéo ông ra khỏi lều. Ô, thật là một màn vui thú hay ho.

Tại chợ lợn, Mason đã thấy rất nhiều loài lợn ngoại lai từ khắp nơi trên thế giới. Với một mục tiêu mới, hắn thu mua tất cả những con tốt nhất mà hắn từng thấy.

Mason bắt đầu chương trình lai tạo ngay sau lễ Giáng sinh và tập trung vào một nhà máy nuôi lợn nhỏ của gia đình Verger ở Sardinia* ngoài khu bờ biển nước Ý. Hẳn chọn nơi này vì nó nằm ở vị trí xa xôi và thuận tiện khi sang châu Âu.

Mason tin tưởng rất đúng rằng nơi dừng chân đầu tiên của bác sĩ Lecter sau khi trốn thoát là Nam Mỹ. Tuy nhiên hẳn đã bị thuyết phục rằng châu Âu mới là nơi định cư của một kẻ như bác sĩ Lecter và hàng năm đã tung những kẻ thám thính tại lễ hội âm nhạc Salzburg và các sự kiện văn hóa khác.

Đây là thứ Mason đã gửi đến những công nhân lai tạo của hẳn ở Sardinia để chuẩn bị cho màn khai tử bác sĩ Lecter:

Giống heo rừng khổng lồ, *Hylochoerus meinertzhageni*, sáu vú và ba mươi tám nhiễm sắc thể, một giống phàm ăn, một giống ăn tạp cơ hội giống con người. Họ hàng ở miền cao nguyên của giống này dài hai mét và nặng khoảng hai trăm bảy mươi lăm ki lô gam. Giống heo rừng khổng lồ là con cờ bí mật của Mason.

Giống lợn hoang châu Âu nguyên thủy, *S. scrofa scrofa*, có ba mươi sáu nhiễm sắc thể trên giống thuần chủng nhất, không có mụn trên mặt, đầy lông cứng và có ngà lớn tuyệt đẹp. Đó là một loài thú to nhanh nhẹn, hung tợn, có thể giết một con rắn hổ lục bằng cái bụng to của nó và ăn con rắn như ăn bánh que Slim Jim. Khi bị kích động hay nổi cáu hoặc phải bảo vệ lợn con, nó sẽ tấn công tất cả những gì có vẻ đe dọa. Lợn nái có mười hai vú và là những bà mẹ tốt. Ở loài *S. scrofa scrofa*, Mason tìm thấy chủ đề của hẳn và một khuôn mặt thích hợp để tạo cho bác sĩ Lecter một viễn cảnh kinh hoàng cuối cùng khi thấy chính mình bị nuốt chửng. (Xem *Harris bàn về lợn, 1881.*)*

Hắn mua loài lợn đảo Ossabaw* vì bản chất hung hăng của chúng và loài Jiaxing Black vì lượng estradiol* cao.

Nhưng thật sai lầm khi hắn đem loài Babirusa vào, *Babyrussa babyrussa* từ miền Đông Indonesia, được biết đến là loài nai lợn vì bộ ngà dài quá mức. Giống lợn này đẻ chậm, chỉ có hai vú và quá đắt đỏ với hắn khi chỉ đạt được một trăm ki lô gam. Cũng chẳng mất thời gian gì vì đã có những loài khác, mấy lứa lợn nuôi cùng không phải loài Babirusa.

Về răng lợi thì Mason không có nhiều chủng loài để chọn. Hầu như loài nào cũng có bộ răng vừa đủ cho nhiệm vụ, ba cặp răng cửa bén nhọn, một cặp răng nanh dài, bốn cặp răng tiền hàm và ba cặp răng hàm mạnh mẽ cả trên lẫn dưới, tổng cộng bốn mươi bốn cái răng cả thảy.

Con lợn nào cũng sẽ ăn thịt người chết nhưng để cho nó ăn thịt người sống thì cần một chút huấn luyện. Lũ lợn Sardinia của Mason đã sẵn sàng hoàn thành nhiệm vụ đó.

Giờ đây, sau những nỗ lực trong bảy năm trời và rất nhiều lứa lợn, kết quả đạt được thật... đáng kể.

CHƯƠNG 16

Với tất cả các diễn viên - ngoại trừ bác sĩ Lecter - đều sẵn sàng trên vùng núi Gennargentu ở Sardinia, Mason đã hướng sự tập trung vào việc ghi lại cái chết của tên bác sĩ để cho hậu thế cũng như để cho chính hắn tiêu khiển. Kế hoạch của hắn đã được sắp xếp từ lâu nhưng giờ đây phải cảnh giác.

Hắn thi hành phi vụ nhảy cảm này trên điện thoại thông qua tổng đài của trung tâm cá độ thể thao hợp pháp gần Castaways ở Las Vegas. Những cuộc gọi của hắn chỉ là những dòng nhỏ xíu lạc trong khối lượng lớn những hoạt động cuối tuần ở đó.

Trừ đi những phụ âm bật và phụ âm sát, tiếng nói như trên đài phát thanh của Mason bật lên từ rừng quốc gia gần bờ biển Chesapeake tới sa mạc và dội lại xuyên qua Đại Tây Dương, đầu tiên đến Ý:

Trong một căn hộ trên tầng bảy của một tòa nhà trên phố Via Archimede, phía sau một khách sạn cùng tên, điện thoại đang reo lên, giọng trong điện thoại khàn đặc tiếng Ý. Trong bóng đêm, những giọng nói ngái ngủ.

“Cosa? Cosa c’e?”

“Accendi la luce, idiota”*

Đèn ngủ bật lên. Ba người đang ở trên giường. Gã trai trẻ ở gần điện thoại nhất bắt máy rồi đưa cho một người đàn ông to

béo lớn tuổi hơn ở giữa. Phía bên kia là một cô ả tóc vàng cỡ hai mươi mấy. ả ngẩng khuôn mặt ngái ngủ lên ánh đèn rồi lại hạ xuống.

“Pronto, chi? Chi parla?”*

“Oreste, anh bạn của tôi. Mason đây.”

Người đàn ông nặng nề ngồi hẳn dậy, ra hiệu cho gã trẻ tuổi lấy một ly nước khoáng.

“À, anh Mason, xin lỗi, tôi đang ngủ, ở bên đó mấy giờ rồi?”

“Ở đâu cũng trễ rồi, Oreste. Anh có nhớ tôi nói tôi sẽ làm gì cho anh và anh phải làm gì cho tôi không?”

“A, dĩ nhiên rồi.”

“Giờ đã đến lúc rồi anh bạn. Anh biết tôi muốn gì. Tôi muốn dàn dựng hai máy quay, tôi muốn chất lượng âm thanh tốt hơn mấy phim sex của anh, và anh phải có nguồn điện riêng cho nên tôi muốn máy phát điện phải sẵn sàng. Tôi cũng muốn vài dấu ấn thiên nhiên đẹp để sau còn biên tập, và tiếng chim nữa. Tôi muốn anh xem lại địa điểm vào ngày mai để dựng bối cảnh. Anh có thể để lại đồ ở đó, tôi sẽ cung cấp bảo vệ và anh cứ quay lại Rome cho đến khi bắt đầu quay. Nhưng anh phải sẵn sàng vào cuộc khi có thông báo trước hai tiếng đồng hồ. Anh hiểu không, Oreste? Phiếu chuyển tiền đang chờ anh ở Citibank tại EUR, hiểu rồi chứ?”

“Mason, vào lúc này, tôi đang làm...”

“Anh có muốn làm không Oreste? Anh bảo đã mệt mỏi với việc làm phim thẳng gù, phim sát nhân và mấy phim lịch sử rác rưởi cho RAI. Anh có nghiêm túc muốn làm phim truyện này không, Oreste?”

“Có, Mason.”

“Vậy thì đi hôm nay đi. Tiền đang ở Citibank. Tôi muốn anh đi ngay.”

“Ở đâu Mason?”

“Sardinia. Hãy bay đến Cagliari, sẽ có người gặp anh ở đó.”

Cuộc điện thoại kế tiếp là gọi đến thành phố Porto Torres ở bờ biển Đông của Sardinia. Cuộc điện thoại rất ngắn. Không có nhiều chuyện để nói vì máy móc đã được lắp đặt từ lâu và chỉ có năng suất cỡ như cái máy chém xách tay của Mason. Nó cũng lành lặn hơn, về mặt sinh thái, nhưng không nhanh bằng.



II

FLORENCE

CHƯƠNG 17

Đêm ở trung tâm thành phố Florence, thành phố cũ kỹ được thắp sáng một cách nghệ thuật.

Biệt điện Vecchio mọc lên từ quảng trường tối tăm, ngập tràn ánh sáng đặc kiểu Trung cổ với cửa sổ vòm và tường có rãnh tựa như hàm răng của đèn ma trôi quả bí cùng với tòa tháp chuông vút lên bầu trời đen.

Mấy con dơi đuổi muỗi ngang qua mặt đồng hồ chiếu sáng cho đến tận bình minh khi những cánh én lượn trong không trung run rẩy bởi tiếng chuông.

Tổng Thanh tra Rinaldo Pazzi của Questura* trùm áo mưa đen tựa vào bức tượng đá cẩm thạch tạc hành động cưỡng hiếp giết người. Ông bước ra khỏi bóng tối của Loggia*, băng qua quảng trường, gương mặt nhợt nhạt biến sắc như một bông hoa hướng dương hướng về phía ánh sáng của tòa nhà. Ông đứng vào đúng nơi nhà cách mạng Savonarola* bị thiêu cháy và nhìn lên những ô cửa sổ nơi các bậc tiền bối của ông đã từng vật vã đau khổ.

Ngay đó, từ khung cửa sổ phía trên cao, Francesco de' Pazzi đã bị đẩy xuống không manh vải che thân với thòng lọng quấn quanh cổ, chết quằn quại và xoay vòng đập vào bức tường nhám. Tổng giám mục bị treo cổ bên cạnh Pazzi trong bộ lễ

phục thánh chẳng còn vẻ thanh thản linh thiêng gì; mắt lờ ra, hoang dại như bị ngạt, vị tổng giám mục cắn hàm răng của ngài vào da thịt Pazzi.

Cả gia tộc Pazzi đã sa sút kể từ Chủ nhật ngày 26 tháng Tư năm 1478 vì đã giết Giuliano de' Medici* và cố giết Lorenzo vĩ đại trong buổi lễ tại tòa thánh.

Giờ đây Rinaldo Pazzi, một trong những Pazzi của gia tộc Pazzi, người căm ghét chính phủ cũng nhiều như tổ tiên của ông vậy, bị giáng chức và khuynh gia bại sản, lắng nghe lời thì thầm của lưỡi rìu, ông đến nơi đây để quyết định làm sao tận dụng tối đa may mắn duy nhất:

Tổng Thanh tra Pazzi tin rằng ông đã phát hiện Hannibal Lecter đang sống ở Florence. Ông có cơ hội lấy lại danh tiếng của mình và tận hưởng vinh dự của cuộc trao đổi bằng việc bắt giữ con quỷ hung ác. Pazzi có thể bán Hannibal Lecter cho Mason Verger và được nhiều tiền hơn ông tưởng tượng - nếu như kẻ tình nghi thật sự là Lecter. Dĩ nhiên, Pazzi cũng sẽ bán cả cái danh dự giẻ rách của mình nữa.

Pazzi không lãnh đạo đội điều tra Questura với tinh thần không vụ lợi - ông là một thiên tài và vào thời của mình bị thúc đẩy bởi cơn đói mãnh liệt đòi thành công trong sự nghiệp. Ông cũng mang những vết sẹo của một kẻ trong lúc vội vã và tham vọng đã rạch lưỡi dao vào tài năng của ông.

Ông chọn nơi này để chia sẻ số phận vì từng chứng kiến một khoảnh khắc linh thiêng ở đây - nơi đã mang lại danh tiếng và cũng là nơi hủy hoại ông sau đó.

Bản chất mỉa mai của người Ý rất mạnh mẽ trong con người Pazzi: tiết lộ định mệnh của ông dưới cửa sổ này, nơi những linh hồn giận dữ của tổ tiên ông có lẽ vẫn còn xoay tròn vào tường, mới hợp làm sao. Cũng tại chốn này, ông có thể thay đổi vận mệnh của gia tộc Pazzi mãi mãi.

Cuộc săn đuổi một tên giết người hàng loạt khác, *Il Mostro**, đã làm Pazzi trở nên nổi tiếng nhưng rồi chính vinh quang đó lại chọc vào tim ông. Việc đó đã giúp ông khám phá ra nhiều điều. Tuy nhiên, kết cục của vụ án *Il Mostro* vẫn là tàn tro đắng nghét trong mồm Pazzi và giờ đây hướng ông tới một cuộc chơi nguy hiểm ngoài vòng pháp luật.

Il Mostro, con Quái Vật của Florence, là nỗi ám ảnh của những người yêu nhau ở Tuscany trong mười bảy năm trời từ thập niên 1980 đến thập niên 1990. Con quái vật rình mò những đôi đang ôm nhau trong mấy ngõ hẻm tình nhân ở Tuscany. Hắn thường giết những kẻ yêu nhau bằng một khẩu súng lục nhỏ, rồi dàn dựng tỉ mỉ thành một hoạt cảnh với hoa và để lộ ngực trái của người phụ nữ. Hoạt cảnh của hắn lúc nào cũng có sự tương đồng một cách kỳ quặc và để lại một cảm giác ngờ ngợ.

Áp lực của công chúng đối với Questura về việc bắt được *Il Mostro* rất dữ dội và khiến cho người tiền nhiệm của Rinaldo Pazzi phải cuốn gói khỏi văn phòng. Khi Pazzi kế nhiệm chức tổng thanh tra, ông như một kẻ phải chiến đấu với bầy ong, với mấy tay nhà báo chen chúc trong văn phòng ông bất kỳ lúc nào họ được phép và mấy tên săn ảnh rình rập trong Via Zara phía sau trụ sở cảnh sát Questura chỗ ông lái xe ra ngoài.

Du khách đến Florence vào thời đó sẽ nhớ áp phích dán khắp nơi với hình một con mắt đang theo dõi để nhắc các cặp đôi đề phòng tên Quái Vật.

Pazzi làm việc như bị ám.

Ông gọi đến ban Khoa học Hành vi của FBI Mỹ để cầu giúp đỡ trong việc lập hồ sơ tên sát nhân và đọc tất cả mọi thứ ông có thể tìm thấy về phương pháp lập hồ sơ của FBI.

Ông áp dụng thế chủ động: mấy ngõ hẻm tình nhân và những nơi hò hẹn ngoài nghĩa địa có nhiều cảnh sát còn hơn những tình nhân ngồi thành cặp trong xe. Không có đủ nữ cảnh sát. Vào lúc trời nóng bức, mấy cặp cảnh sát nam phải thay phiên đội tóc giả và rất nhiều hàng ria mép bị hi sinh. Pazzi làm gương bằng cách cạo đi hàng ria mép của chính mình.

Tên Quái Vật rất cẩn trọng. Hắn vẫn hành động nhưng nhu cầu không buộc hắn ra tay thường xuyên.

Pazzi nhận thấy có một thời gian dài - trong khoảng tám năm liền - gã Quái Vật không tấn công lần nào. Pazzi chớp lấy điểm này. Ông cần cù và miệt mài nài ép trợ giúp văn phòng từ tất cả mọi cơ quan mình có thể đe dọa, thậm chí còn tịch thu cả máy tính của thằng cháu để dùng cùng lúc với máy của Questura để lên danh sách từng tội phạm ở Bắc Ý có thời gian bị tổng giam trùng khớp với khoảng thời gian ngưng hành động trong chuỗi sát nhân của *Il Mostro*. Con số đó là chín mươi bảy.

Pazzi thừa hưởng một chiếc Alfa-Romeo GTV cũ nhanh và tiện nghi của một tên cướp ngân hàng bị tổng giam. Trong một tháng, ông đã lái chiếc xe đi hơn năm ngàn cây số để đích thân

gặp mặt chín mươi bốn tên tù và tra hỏi chúng. Số còn lại là những kẻ tàn tật hoặc đã chết.

Hầu như chẳng có được chứng cứ nào tại hiện trường hung án giúp ông thu hẹp phạm vi danh sách. Không có dịch thể nào của kẻ tội phạm. Không có dấu vân tay nào.

Một vỏ đạn được tìm ra ở hiện trường hung án tại Impruneta. Đó là một đầu đạn Tây Winchester .22 với vết móc trên vỏ đạn* trùng khớp với một khẩu Colt bán tự động, có lẽ là một khẩu Woodsman. Đạn trong tất cả các vụ đều cỡ .22 từ cùng một khẩu súng. Không có dấu tích của thiết bị giảm âm trên đạn nhưng không thể loại trừ việc dùng giảm âm.

Pazzi là một thành viên nhà Pazzi mang tham vọng ngút trời, và ông có một cô vợ trẻ đẹp với cái miệng không ngừng mở. Những nỗ lực đã lấy đi hơn năm cân khối thân hình gầy gò của ông. Các thành viên trẻ của Questura thường bàn tán sau lưng ông về sự giống nhau của ông với nhân vật hoạt hình Wile E. Coyote.

Khi có mấy tên trẻ tuổi ranh ma cài chương trình ghép hình mặt vào máy tính ở Questura, cái chương trình có thể đổi gương mặt của tam ca Three Tenors thành một con lừa, một con lợn và một con dê, Pazzi đã chăm chú vào chương trình này một lúc lâu và cảm thấy gương mặt chính mình đổi qua lại thành mặt của một con lừa.

Cửa sổ của phòng hóa nghiệm Questura treo tời để xua đuổi tà ma. Khi đã thăm hỏi kẻ tình nghi cuối cùng và không moi ra được kết quả gì, Pazzi đứng ở cửa sổ nhìn xuống cái sân bụi bặm trong tâm trạng tuyệt vọng.

Ông nghĩ về cô vợ mới, về đôi mắt cá chân cứng rắn xinh đẹp của cô và về cái bót phía sau lưng cô. Ông nghĩ đến bộ ngực rung rinh nảy lên của cô khi cô đánh răng và cách cô cười khi thấy ông nhìn mình. Ông nghĩ về những thứ ông muốn cho cô. Ông tưởng tượng cảnh cô mở quà. Ông nghĩ tới hình ảnh của vợ; cô cũng thật thơm tho và tuyệt vời khi chạm vào, nhưng hình ảnh là thứ đầu tiên hiện lên trong ký ức của ông.

Ông tính toán xem nên xuất hiện thế nào trong mắt cô. Hẳn nhiên không phải với vai trò hiện thời là trò cười cho mấy tên nhà báo - trụ sở chính của Questura đặt tại nơi từng là bệnh viện tâm thần, và mấy tên vẽ tranh biếm họa đã lợi dụng triệt để điều này.

Pazzi tưởng tượng rằng thành công đến từ cảm hứng. Ký ức hình ảnh của ông thật xuất sắc và, giống như nhiều người có giác quan chính là thị giác, ông nghĩ rằng khám phá là sự phát triển của hình ảnh, ban đầu mờ và sau đó trở nên rõ nét. Ông ngẫm về cách đa số mọi người tìm một vật thất lạc: chúng ta ôn lại hình ảnh trong đầu và so sánh hình ảnh đó với cái chúng ta thấy, dùng tâm trí làm mới lại hình ảnh đó nhiều lần trong một phút và xoay xoay nó trong không gian.

Sau đó, một vụ nổ bom chính trị sau bảo tàng Uffizi đã thu hút chú ý của công chúng và cả thời giờ của Pazzi, khiến ông không còn có thể tập trung vào vụ án *Il Mostro*.

Ngay cả khi điều tra vụ án nổ bom bảo tàng được xem là quan trọng kia, *Il Mostro* vẫn để lại những hình ảnh trong tâm trí Pazzi. Ông nhìn những hoạt cảnh của tên Quái Vật trong tầm nhìn ngoại biên, như cách chúng ta nhìn một vật thể qua khóe

mắt để thấy nó trong bóng tối*. Ông đặc biệt chú tâm đến một cặp bị giết trên thùng một chiếc xe bán tải ở Impruneta, xác chết được tên Quái Vật sắp lại tỉ mỉ, được rắc hoa và quần những vòng hoa, ngực trái của người phụ nữ để lộ ra.

Vào đầu buổi chiều nọ, Pazzi rời khỏi bảo tàng Uffizi và trong khi đang băng qua khu Quảng trường Signoria lân cận thì một hình ảnh từ chỗ trưng bày của một hàng bán bưu thiếp đập vào mắt ông.

Không chắc chắn hình ảnh đó đến từ đâu, ông dừng lại đứng ngay chỗ Savonarola bị thiêu. Ông quay lại, nhìn xung quanh. Du khách đang bu kín quảng trường. Pazzi thấy lạnh sau lưng. Có lẽ tất cả là từ trong đầu ông, cái hình ảnh đó, thứ đánh thức sự chú ý của ông. Ông lùi lại và bước tới lần nữa.

Ngay đó là một bức tranh lốm đốm ruồi và nước mưa của Botticelli vẽ *Primavera** Bản gốc của bức vẽ ở đằng sau ông trong bảo tàng Uffizi. *Primavera*. Nữ thần tượng trưng cho mùa xuân bên phải bức tranh có ngực trái để trần, hoa tuôn ra từ miệng nàng khi thần gió Tây Zephyrus từ trong rừng vươn tới nàng.

Đó. Hình ảnh của cặp nam nữ bị chết trên thùng xe bán tải, quần vòng hoa, những bông hoa trong miệng cô gái. Khớp rồi. Khớp rồi.

Tại đây, nơi tổ tiên của ông xoay mòng mòng vào tường đến ngạt thở, ý tưởng đã đến, đó là hình ảnh chủ chốt mà Pazzi đã tìm kiếm. Và đó là hình ảnh được tạo ra năm trăm năm trước bởi Sandro Botticelli cũng là người họa sĩ vẽ hình Francesco de' Pazzi bị treo cổ trên tường nhà ngục Bargello trên những đồng

bốn mươi hào. Làm thế nào Pazzi cưỡng lại được những cảm hứng này khi nguồn gốc của nó hấp dẫn đến vậy?

Ông phải ngồi xuống. Các băng ghế đều có người. Ông phải đưa thẻ ra để trưng dụng một chỗ trên băng ghế của một ông cụ, ông thật sự không trông thấy đôi nạng của ông ta cho đến lúc ông già đứng dậy bằng một chân và căn nhắc về chuyện đó.

Pazzi đang rất hứng khởi vì hai nguyên nhân. Tìm ra hình ảnh *Il Mostro* sử dụng là một thắng lợi nhưng quan trọng hơn thế, Pazzi đã nhìn thấy một bản sao của bức *Primavera* trong những lần đi điều tra tội phạm tình nghi.

Ông biết thừa không thể ép buộc trí nhớ, nên chỉ dựa vào ghế, cứ thông thả mà mời gọi ký ức. Ông quay lại Uffizi và đứng trước bức vẽ gốc *Primavera* nhưng không lâu lắm. Ông đi bộ đến chợ rơm* và sờ vào mõm con lợn đồng *Il Porcellino*, rồi lái ra Ippocampo, đứng tựa vào mui chiếc xe nhám bụi của mình, ngấm lũ trẻ đang chơi bóng, mùi của dầu nhớt nóng trong mũi ông...

Ông thấy cái cầu thang hiện lên trước tiên trong tâm trí rồi bậc nghỉ bên trên, phần trên bức *Primavera* hiện ra trước khi ông leo lên bậc thang; ông có thể quay lại và nhìn thấy khung cửa lối vào trong một thoáng, nhưng không thấy gì dưới đường, và không thấy khuôn mặt nào.

Rất khôn khéo trong việc thẩm tra, ông tự hỏi mình, dựa vào linh giác:

Khi nhìn thấy bức tranh, ông đã nghe thấy những gì?... Những cái nôi loảng xoảng trong bếp dưới tầng trệt. Khi đi lên bậc nghỉ, đứng trước bức tranh, ông đã nghe thấy gì? Ti vi. Một

cái ti vi trong phòng khách. Robert Stack đóng Eliot Ness trong xê ri phim *Gli intoccabili*. Ông có ngửi thấy mùi nấu nướng không? Có, nấu ăn. Ông có ngửi thấy mùi gì nữa không? Tôi đã nhìn thấy bức tranh - KHÔNG, không phải những gì nhìn thấy. Ông còn *ngửi* thấy gì nữa? Ông vẫn còn ngửi thấy mùi chiếc Alfa nóng, vẫn còn trong mũi, mùi dầu nhớt nóng, nóng từ... Raccordo, lướt nhanh trên Raccordo Autostrada tới đâu? San Casciano. Ông cũng nghe thấy tiếng chó sủa nữa, ở San Casciano, một tên trộm và hiệp dân tên là Girolamo gì đó.

Khoảnh khắc sự liên kết được thực hiện, khoảnh khắc mà ý nghĩ xuyên qua cái cầu chì đỏ để làm sáng tỏ lời giải cho bài toán học búa, là lúc khoan khoái nhất. Rinaldo Pazzi đã có được khoảnh khắc tuyệt vời nhất trong đời.

Trong một tiếng rưỡi, Pazzi đã bắt giam được Girolamo Tocca. Vợ của Tocca ném đá vào chiếc xe áp tải nhỏ chở chồng bà ta đi.

CHƯƠNG 18

TOCCA là một kẻ tình nghi lý tưởng. Khi còn trẻ, hắn từng ở tù chín năm về tội giết một gã đàn ông mà hắn bắt quả tang đang ôm vị hôn thê của mình trong một con hẻm tình nhân. Hắn cũng bị buộc tội quấy rối tình dục con gái mình cùng tội lạm dụng khác trong gia đình và cũng từng ở tù vì tội cưỡng hiếp.

Questura gần như phá tan nhà Tocca khi cố tìm bằng chứng. Sau cùng, đích thân Pazzi lục lọi nhà Tocca và tìm ra một vỏ đạn là một trong những vật chứng công tố viên nộp lên tòa.

Phiên sơ thẩm là một sự kiện giật gân. Nó diễn ra trong một tòa nhà bảo vệ cẩn mật tên Boongke vốn là nơi xử những tên khủng bố vào thập niên bảy mươi, đối diện văn phòng của tờ báo *La Nazione* ở Florence. Bồi thẩm đoàn gồm năm nam và năm nữ kết án Tocca không dựa trên bằng chứng nào ngoài bản chất của hắn. Hầu hết công chúng tin hắn vô tội nhưng nhiều người nói Tocca là một tên khốn và đáng bỏ tù. Vào tuổi sáu mươi lăm, hắn lãnh bản án bốn mươi năm tù tại Volterra.

Những tháng kế tiếp đúng là vàng ngọc. Trong năm trăm năm qua, chưa người nhà Pazzi nào từng ăn mừng như thế ở Florence kể từ lúc Pazzo de' Pazzi trở về từ cuộc thập tự chinh thứ nhất với những hòn đá lửa từ Mộ Thánh Chúa*.

Khi Rinaldo Pazzi và cô vợ xinh đẹp của ông đứng cạnh vị tổng giám mục ở Duomo tại buổi lễ phục sinh truyền thống, mấy hòn đá lửa này được dùng để đánh lửa cho một con bò câu động cơ tên lửa bay ra khỏi nhà thờ cùng với dây điện của nó và nổ pháo bông cho đám đông ăn mừng.

Báo chí tường thuật lại từng lời của Pazzi khi ông kể có chủ đích công trạng của các nhân viên về những công việc vất vả họ đã làm. Phu nhân Pazzi được tìm đến để tư vấn về thời trang vì bà thực sự rất tuyệt vời trong những bộ cánh mấy nhà thiết kế khuyến khích bà trưng diện. Hai ông bà được mời dự những tiệc trà tẻ ngắt ở những gia tộc quyền thế và dùng bữa tối với một bá tước trong lâu đài của ông ta cùng mấy bộ giáp sắt đứng quanh.

Pazzi được nhắc đến trong cơ quan chính trị và được tăng bốc giữa ồn ào huyên náo của nghị viện Ý; ông cũng nhận được chiếu thư về việc liên minh hợp tác với FBI Mỹ chống bọn xã hội đen.

Chiếu thư đó cùng với một học bổng nghiên cứu và tham gia hội thảo tội phạm học ở Đại học Georgetown đã đưa nhà Pazzi đến Washington, D.C. Ngài tổng thanh tra tốn rất nhiều thời giờ tại ban Khoa học Hành vi ở Quantico và mơ ước sẽ lập một ban Khoa học Hành vi ở Rome.

Và rồi, sau hai năm, thảm họa ập đến: trong không khí bình đạm hơn, không cần sức ép quần chúng, một tòa án kháng cáo chấp thuận xem lại tội án của Tocca. Pazzi được triệu về nước để thẩm tra. Trong đám đồng nghiệp cũ mà ông từng rời bỏ, có kẻ đã chìa mũi dao vào ông.

Ban kháng cáo hủy bỏ tội án của Tocca và khiển trách Pazzi, tuyên bố tòa án tin rằng ông đã tạo chứng cứ giả.

Những người có địa vị cao lúc trước ủng hộ ông cũng tránh xa ông chẳng khác nào tránh xa xú khí. Ông vẫn là một nhân viên quan trọng của Questura nhưng là một con vịt què và mọi người đều biết điều đó. Chính phủ Ý làm việc chậm chạp nhưng sớm muộn lưỡi rìu cũng sẽ giáng xuống.

CHƯƠNG 19

QUẢNG thời gian Pazzi chờ đợi lưới riu giáng xuống quả là héo mòn tốt độ và lần đầu tiên ông đã gặp gỡ người đàn ông được biết đến trong giới học giả Florence với cái tên Tiến sĩ Fell...

Rinaldo Pazzi, leo trèo cầu thang trong biệt điện Vecchio để chạy việc vặt, một trong số rất nhiều việc được nhân viên cấp dưới cử tìm ra cho ông vì họ rất thích thú tận hưởng cú ngã trong sự nghiệp của ông. Pazzi chỉ nhìn thấy mũi giày của chính mình trên nền đá mà không thấy được sự tuyệt diệu của nghệ thuật khi ông leo lên bên cạnh bức tường vẽ đầy tranh bích họa. Năm trăm năm trước, tổ tiên ông đã từng bị kéo lê rướm máu lên những bậc thang này.

Tại bậc nghỉ, ông thẳng vai ra để đúng với khí chất chính con người mình và buộc mình bắt gặp ánh mắt của những người trong tranh. Vài người trong số đó là họ hàng của ông. Ông đã có thể nghe được cuộc cãi cọ từ phòng Huệ tây trên đầu nơi các lãnh đạo của triển lãm Uffizi và ủy ban Belle Arti* đang nhóm họp.

Công việc hôm nay của Pazzi là thế này: giám tuyển lâu năm của Biệt điện Capponi đang mất tích. Người ta cho rằng ông già đã trốn đi với một người đàn bà hay với tiền của ai đó hoặc cả

hai. Ông đã không gặp mặt ban quản lý ở đây tại biệt điện Vecchio trong cả bốn cuộc họp hằng tháng vừa qua.

Pazzi được gửi tới để tiếp tục điều tra. Tổng Thanh tra Pazzi, người từng nghiêm nghị giảng giải cho những bộ mặt xám quen thuộc của các giám đốc của Uffizi này và những thành viên của Ủy ban Belle Arti đối thủ về an ninh sau vụ nổ bom bảo tàng, giờ đây phải xuất hiện dưới một tình cảnh khiêm tốn hơn để đặt câu hỏi về chuyện tình cảm của một giám tuyển bảo tàng. Ông không trông mong sẽ có ngày này.

Hai ủy ban này làm thành một nhóm bất hòa và bản tính - trong nhiều năm trời, họ không thể nhất trí về địa điểm, chẳng bên nào muốn họp mặt tại văn phòng của bên kia. Vì vậy, họ họp mặt tại gian phòng Huệ tây lộng lẫy trong biệt điện Vecchio, mỗi thành viên đều tin rằng căn phòng xinh đẹp rất thích hợp cho địa vị đức cao vọng trọng và sự xuất sắc khác thường của họ. Một khi đã yên vị ở đó, họ từ chối họp mặt ở bất kỳ nơi nào khác mặc dù biệt điện Vecchio đang ở một trong hàng nghìn lần tu bổ với giàn giáo, vải phủ và máy móc dưới chân.

Giáo sư Ricci, một bạn học cũ của Rinaldo Pazzi, đang ở sảnh ngoài gian phòng với cơn hắt xì hơi do bụi sơn tường. Khi đã qua cơn hắt hơi, ông đảo mắt về phía Pazzi.

“La solita arringa,” Ricci nói. “Bọn họ đang cãi cọ như thường lệ. Anh đến về vụ mất tích của giám tuyển Capponi phải không? Họ đang cãi cọ về công việc của ông ấy đấy. Sogliato muốn dành vị trí đó cho cháu trai hắn ta. Nhưng các học giả lại bị thu hút bởi người thay thế tạm thời mà họ bổ nhiệm một tháng trước, Tiến sĩ Fell. Họ muốn giữ ông ấy lại.”

Pazzi bỏ ông bạn đang sờ túi tìm khăn giấy để đi vào gian phòng mang hơi thở lịch sử với trần nhà có những bông huệ tây vàng. Những màn vải treo trên hai bức tường giúp làm dịu đi tiếng cãi vã.

Kẻ theo chủ nghĩa gia đình trị, Sogliato, đang là chủ xưởng và đang giữ quyền đó nhờ to mồm:

“Thư tịch của Capponi là từ thế kỷ mười ba. Tiến sĩ Fell có thể cầm trong tay, bàn tay *không phải của người Ý*, một thư tịch từ chính Dante Alighieri*. Ông ta sẽ nhận ra nó ư? Tôi *không* nghĩ vậy. Các người đã kiểm tra tiếng Ý cổ của ông ấy và tôi không thể phủ nhận rằng nó thật đáng ngưỡng mộ. Với một *người ngoại quốc*. Nhưng liệu ông ấy có quen thuộc với những đặc điểm của Florence thời tiền Phục hưng? Tôi *không* nghĩ vậy. Giả như ông ta thấy qua một thư tịch trong thư viện Capponi từ... từ Guido de' Cavalcanti* chẳng hạn, liệu ông có nhận ra không? Tôi *không* nghĩ vậy. Ông có thể cho biết ý kiến của mình không, Tiến sĩ Fell?”

Rinaldo Pazzi lướt mắt quanh phòng mà không nhìn ra ai là Tiến sĩ Fell dù ông đã coi kỹ tấm hình của hắn không đầy một tiếng đồng hồ trước. Ông không nhìn thấy Tiến sĩ Fell vì tay tiến sĩ không ngồi cùng những người khác. Pazzi nghe giọng hắn trước rồi mới định vị được hắn.

Tiến sĩ Fell đứng thật yên lặng sau bức tượng đồng lớn Judith và Holofernes, quay lưng lại với loa và đám đông. Hắn nói mà không quay đầu lại nên khó mà biết được tiếng nói vọng ra từ hình thể nào - Judith với lưỡi gươm luôn giơ lên tấn công vị hoàng đế đang say, hay Holofernes bị nắm tóc hay Tiến sĩ Fell

khẳng khiu và đứng yên bên cạnh bức tượng đồng của Donatello. Tiếng của hắn cắt xuyên qua tiếng cãi cọ như một tia laser đâm qua khói khiến đám người đang ì xèo im bật.

“Cavalcanti phản hồi công khai bài xô nê đầu trong tác phẩm *La Vita Nuova** của Dante, trong đó Dante miêu tả giấc mơ kỳ lạ của ông về nàng Beatrice Portinari,” Tiến sĩ Fell nói. “Có lẽ Cavalcanti cũng có phê bình riêng tư. Nếu ông viết cho một người nhà Capponi, đó sẽ là Andrea, ông ấy biết nhiều chữ hơn các anh em của ông ấy.” Tiến sĩ Fell quay mặt lại với cả nhóm trong khi phát biểu, sau một quãng ngắt khó chịu với tất cả mọi người trừ hắn. “Ông có biết bài thơ đầu tiên của Dante không, Giáo sư Sogliato? Ông *biết* không? Nó đã cuốn hút Cavalcanti và rất đáng cho ông bỏ thời giờ xem. Có một phần như thế này:

*Ba giờ đầu tiên của buổi đêm đã gần như trôi qua
Thời khắc mỗi một vì sao đều rơi xuống chúng ta
Khi tình yêu bất thành linh đến với tôi
Tôi vẫn còn rùng mình khi nhớ lại
Tình yêu hạnh phúc đến với tôi và thời khắc nó nắm giữ
Trái tim tôi nằm gọn trong bàn tay nó, trong cánh tay nó.
Người phụ nữ của tôi nằm ngủ quẩn trong khăn.
Nó đánh thức cô ấy và run lên khuấy phục
Cô ăn lấy quả tim cháy bỏng trong tay nó;
Tôi chảy nước mắt nhìn thấy nó rời bỏ tôi.*

“Hãy lắng nghe cung cách ngài làm thơ bằng thứ phương ngữ Ý kia, thứ mà ngài gọi là *vulgari eloquentia* của nhân dân:

*Allegro mi sembrava Amor tenendo
Meo core in mano, a ne le braccia avea
Madonna involta in un drappo dormendo.
Poi la svegliava, e d'esto core ardendo
Lei paventosa umilmente pascea
Appreso gir to ne vedea piangendo.”*

Ngay cả người Florence hay gây gỗ nhất cũng không cưỡng lại được vần thơ của Dante vang lên từ những bức tường đầy tranh bích họa bằng thứ tiếng Tuscan rành rọt của Tiến sĩ Fell. Đầu tiên là vỗ tay, sau đó là sự tán thưởng đầy cảm động, những thành viên công nhận Tiến sĩ Fell là chủ nhân của Biệt điện Capponi và để cho Sogliato tan vào mây khói. Pazzi không thể biết được chiến thắng đó có làm hài lòng tay tiến sĩ không vì hắn đã quay lưng lại lần nữa. Nhưng Sogliato vẫn chưa bị thuyết phục.

“Nếu ông ấy thật là một chuyên gia về Dante, hãy để ông ấy thuyết trình về Dante *cho hội Studiolo*.” Sogliato rít cái tên như thể đó là một Tòa án dị giáo. “Hãy để ông ta *ứng khẩu* với họ vào thứ Sáu tới nếu có thể.” Hội Studiolo, được đặt tên cho một nghiên cứu hoa mỹ tư nhân, là một nhóm nhỏ những học giả dốt đã từng phá hoại bao nhiêu danh tiếng học thuật và rất hay họp mặt ở biệt điện Vecchio. Chuẩn bị đối phó với họ là một việc đáng kể và xuất hiện trước mặt họ là một mối nguy. Chú của Sogliato đồng ý, anh vợ của Sogliato kêu gọi biểu quyết và chỉ hắn ghi lại điều đó vào biên bản. Việc bổ nhiệm Tiến sĩ Fell làm

giám tuyển mới được thông qua nhưng hẳn phải làm vừa lòng hội Studiolo thì mới mong giữ được chức ấy.

Ủy ban đã có được giám tuyển mới cho Biệt điện Capponi. Họ chẳng nhớ nhung gì người cũ và trả lời qua quýt những câu hỏi của Pazzi đang thất sủng về người bị mất tích. Pazzi vẫn kiên trì một cách đáng ngưỡng mộ.

Như bất kỳ một thanh tra có tài nào, ông xem xét tới khía cạnh lợi ích trong vụ này. Ai sẽ là người hưởng lợi khi giám tuyển cũ mất tích? Người giám tuyển mất tích vẫn còn độc thân, là một học giả trầm lặng được người ta trọng vọng với một cuộc sống ngăn nắp. Ông có dành dụm được ít tiền, không nhiều lắm. Tất cả những gì ông có là công việc và đặc quyền được ở trên gác xép của Biệt điện Capponi.

Đây là người mới được bổ nhiệm, được ban giám đốc quyết định sau khi đã đặt câu hỏi kỹ càng về lịch sử Florence và Ý cổ xưa. Pazzi đã xem đi xem lại đơn xin việc của Tiến sĩ Fell và giấy khám sức khỏe của hẳn.

Pazzi lại gần hẳn khi ban giám đốc đang thu dọn cặp đi về.

“Tiến sĩ Fell.”

“Vâng thưa *Commendatore**”?

Giám tuyển mới nhỏ con và sáng láng. Mắt kính của hẳn bị mờ một nửa trên và bộ đồ tối màu được cắt đẹp đẽ ngay cả đối với chuẩn của Ý.

“Tôi đang thắc mắc rằng ông đã bao giờ gặp người tiền nhiệm của ông chưa?” Ánh ten của một cảnh sát giàu kinh nghiệm được chỉnh đến bằng tần số hải. Theo dõi Tiến sĩ Fell kỹ lưỡng, Pazzi vẫn biểu lộ vẻ bình tĩnh tuyệt đối.

“Tôi chưa gặp ông ấy bao giờ. Tôi có đọc vài bản chuyên khảo của ông ấy trong *Nuova Antologia*.” Tiếng Tuscan của tay tiến sĩ rõ ràng như là tiếng ngâm thơ của hắn vậy. Nếu có dấu hiệu về giọng thì Pazzi cũng không thể nhận ra.

“Tôi biết là cảnh sát điều tra vụ này lúc đầu đã kiểm tra tất cả mọi ghi chú, thư tạm biệt hay thư tự sát ở Biệt điện Capponi và không tìm thấy gì. Nếu ông thấy bất kỳ giấy tờ gì riêng tư ngay cả những thứ nhỏ nhất, hãy gọi tôi nhé?”

“Chắc chắn rồi, *Commendatore* Pazzi.”

“Những đồ đạc riêng tư của ông ấy vẫn còn ở biệt điện chứ?”

“Xếp trong hai va li với một bảng danh sách kiểm kê.”

“Tôi sẽ cho người... tôi sẽ ghé qua lấy chúng.”

“Ông cứ gọi cho tôi trước thưa *Commendator*. Tôi sẽ tắt hệ thống bảo vệ trước khi ông đến, tiết kiệm thời gian cho ông.”

Kẻ này thật bình thản. Bình thường đáng ra hắn phải e dè mình một chút. Hắn còn kêu mình gọi hắn trước khi đến.

Ủy ban đã làm méch lòng Pazzi. Ông không thể làm gì được. Giờ ông lại bị sự kiêu căng của kẻ này chạm vào tự ái. Ông đáp trả lại.

“Tiến sĩ Fell, tôi có thể hỏi ông một câu riêng tư không?”

“Nếu nhiệm vụ của ông đòi hỏi vậy thưa *Commendator*.”

“Ông có một vết sẹo khá mới ở mu bàn tay trái.”

“Và ông có một cái nhăn cười mới trên tay: *La Vita Nuova*, một cuộc đời mới chăng?” Tiến sĩ Fell mỉm cười. Hắn có hàm răng nhỏ rất trắng. Trong khắc giây Pazzi còn ngạc nhiên chưa kịp nghĩ mình bị xúc phạm, Tiến sĩ Fell đã giơ bàn tay bị sẹo lên tiếp lời:

“Hội chứng ống cổ tay, thưa *Commendator*. Sử học là một ngành nghề nguy hiểm.”

“Tại sao ông không khai báo về hội chứng ống cổ tay trong giấy khám sức khỏe khi đến làm ở đây?”

“Thưa *Commendator*, tôi nghĩ là thương tích chỉ liên quan nếu người đó phải nhận trợ cấp tàn tật. Tôi thì không có thương tích nào cả. Tôi cũng không bị tàn tật.”

“Vậy phẫu thuật tiến hành ở Brazil, quê quán của ông.”

“Không phải ở Ý. Tôi không nhận gì từ chính phủ Ý cả,” Tiến sĩ Fell nói như thể tin rằng hắn đã trả lời rất đầy đủ.

Họ là những người cuối cùng rời khỏi phòng hội đồng. Pazzi vừa bước tới cửa thì Tiến sĩ Fell gọi ông.

“*Commendator* Pazzi?”

Tiến sĩ Fell là một cái bóng đen trên khung cửa sổ cao. Xa xa sau lưng hắn là tòa thánh Duomo.

“Vâng?”

“Tôi nghĩ ông là một người nhà Pazzi đúng không?”

“Vâng, sao ông biết?” Pazzi nghĩ ngay đến việc hắn đã tham khảo một bài báo lỗi mẫn đến cực đoan gần đây.

“Ông giống như một người trong tác phẩm của nhà điêu khắc Della Robbia trong nhà thờ gia tộc ông ở Santa Croce.”

“À đó là Andrea de' Pazzi được miêu tả như John the Baptist,” Pazzi nói, có một chút thỏa mãn trong trái tim chua chát của ông.

Khi Rinaldo Pazzi rời bỏ cái bóng khẳng khiu đứng trong phòng hội đồng, ấn tượng cuối của ông là sự bất động lạ thường

của Tiến sĩ Fell.

Ông sẽ sớm phải thêm vào ấn tượng đó.

CHƯƠNG 20

GIỜ ĐÂY, khi mà việc tiếp xúc liên tục đã làm ta chai cứng với những thứ dâm ô tục tĩu, thì thật hữu ích khi nhìn ra những thứ có vẻ nguy hại với chúng ta. Điều vẫn còn đánh vào nhận thức dễ bảo của ta liệu có đủ để làm ta chú ý?

Ở Florence có cuộc triển lãm gọi là Công cụ Tra tấn Man rợ và tại đây Rinaldo Pazzi đã đụng độ Tiến sĩ Fell lần nữa.

Cuộc triển lãm trưng bày hơn hai mươi dụng cụ tra tấn cổ với nhiều tư liệu bao quát được đem lên pháo đài Belvedere, một thành lũy thời Medici thế kỷ mười sáu bảo vệ thành Nam của thành phố. Triển lãm mở cửa cho một đám đông lớn không ngờ; niềm háo hức như một con cá hồi nhảy trong chiếc quần chung*.

Theo lịch là một tháng; song Công cụ Tra tấn Man rợ diễn ra trong sáu tháng trời, sức hút không thua gì bảo tàng Uffizi và còn hơn cả bảo tàng cung điện Pitti.

Ban tổ chức là hai người thợ nhồi da thú* thất bại từng phải ăn đồ thừa từ những mẫu vật họ nhồi để sống, trở thành triệu phú và làm một chuyến du lịch ăn mừng chiến thắng vòng quanh châu Âu trong bộ tuxedo mới đồng thời trưng bày dụng cụ tra tấn của họ.

Khách tham quan hầu hết đều đi theo cặp và đến từ khắp châu Âu, tận dụng thời gian gia hạn bu quanh những cỗ máy hành xác và đọc kỹ một trong bốn ngôn ngữ xuất xứ của những thiết bị và cách sử dụng chúng. Minh họa của Dürer* và những người khác cùng với những cuốn nhật ký đương đại đã làm cho mọi người sáng tỏ về những chuyện như cách thức sử dụng bánh xe hành xác.

Bản tiếng Anh từ một áp phích quảng cáo:

Các hoàng tử Ý thích làm cho nạn nhân đập nát dưới đất bằng cách dùng bánh xe sắt tấn công và khóa bên dưới chân tay như trong hình. Trong khi đó, phương pháp phổ biến ở Bắc Âu là trói nạn nhân vào bánh xe và đập bằng thanh sắt, sau đó trói tay chân vòng qua những nan hoa xung quanh bánh xe. Xương gãy sẽ tạo sự linh động cần thiết trong khi ở giữa là thân và đầu vẫn còn la hét. Phương pháp sau làm thỏa mãn khán giả hơn nhưng màn giải trí có thể bị gián đoạn nếu một ống xương đâm vào tim.

Cuộc trưng bày Công cụ Tra tấn Man rợ đã không phụ lòng những kẻ sành sỏi man rợ nhất của loài người. Nhưng bản chất tồi tệ nhất, nhựa độc thật sự của đầu óc con người không phải ở trên công cụ tra tấn Trinh Nữ Sắt hay những lưỡi nhọn sắc bén, bản tính xấu xa hiện ngay trên vẻ mặt của đám đông.

Trong vẻ tranh tối tranh sáng của gian phòng đá rộng lớn, dưới ánh đèn và những cái cũi treo đọa đày là Tiến sĩ Fell, một kẻ sành sỏi làm mặt bịp. Giữ kính mắt bằng bàn tay bị sẹo, mép chiếc tai nghe đung vào môi, mặt hắn chăm chú theo dõi mọi người đi thành hàng vào.

Rinaldo Pazzi nhìn thấy hắn ở đó.

Pazzi đang phải mua mấy thứ đồ lặt vặt lần thứ hai trong ngày. Thay vì ăn tối với vợ, ông bị xô đẩy trong đám đông để dán cảnh báo mới tới các cặp đôi về tên Quái Vật của Florence mà ông vẫn chưa bắt giữ được. Những bảng cáo thị như thế được những cấp trên mới để đầy trên bàn ông cùng với các cáo thị truy nã từ khắp nơi trên thế giới.

Hai thợ nhồi da thú đang cùng nhau theo dõi quầy bán vé đều hơn hờ khi bỏ thêm một chút ly kỳ thời đại vào buổi trưng bày, nhưng họ bảo Pazzi tự dán cáo thị lên vì không ai muốn để người kia một mình với đồng tiền. Một vài người trong vùng nhận ra Pazzi và xùy xùy khinh bỉ ông từ giữa đám đông vô danh.

Pazzi ấn ghim vào góc bức cáo thị màu xanh dương có hình một con mắt nhìn chăm chăm để giữ nó trên bảng thông báo gần lối ra, nơi thu hút sự chú ý nhất, rồi bật ngọn đèn bên trên đó lên. Ngắm những cặp đôi đang ra về, Pazzi nhận ra nhiều người đang hứng tình mơn trớn nhau trong đám đông ở lối ra. Ông không muốn thấy thêm một hoạt cảnh nào nữa, không muốn thấy thêm máu me hay hoa hoét gì nữa.

Pazzi không muốn nói chuyện với Tiến sĩ Fell - sẽ rất tiện để ông thu thập những đồ vật của người giám tuyển bị mất tích lúc ở gần Biệt điện Capponi như thế này. Nhưng khi Pazzi vừa quay ra khỏi bản thông báo, tay tiến sĩ đã đi mất. Hắn không có trong đám đông ở lối ra. Chỉ còn lại bức tường đá nơi hắn đã đứng bên dưới mấy cái củi treo bỏ đói có bộ xương cong cong của bào thai vẫn còn đang van xin được ăn.

Pazzi thấy bức bối. Ông chen qua đám đông cho tới khi ra được bên ngoài nhưng cũng không tìm thấy tay tiến sĩ đâu.

Người gác cổng ở lối ra nhận ra Pazzi và không nói gì khi ông bước qua dây thừng ra khỏi lối đi xuống mặt sân tối của pháo đài Belvedere. Ông đi đến tường chắn mái nhìn về phía Bắc qua con sông Arno. Thành phố Florence cổ kính đang ở dưới chân ông, gò đất lớn của tòa thánh Duomo, pháo đài của Biệt điện Vecchio vươn lên trong ánh sáng.

Pazzi, một tâm hồn già cỗi, quần quai trong cái tình cảnh lố bịch. Thành phố của ông nhạo báng ông.

Cảnh sát FBI Mỹ đã đâm một nhát sau cùng vào lưng Pazzi khi phát biểu trên báo chí rằng tư liệu của FBI về *Il Mostro* không hề giống kẻ bị Pazzi bắt giữ. Tờ *La Nazione* còn thêm rằng Pazzi đã chụp mũ Tocca vô tội.

Lần cuối Pazzi dán cáo thị màu xanh dương về *Il Mostro* là ở Mỹ. Đó là một chiến tích tự hào ông treo trên tường của ban Khoa học Hành vi và ông đã ký tên vào theo yêu cầu của các đặc vụ FBI Mỹ. Họ biết tất cả về ông, ngưỡng mộ ông vào mỗi mọc ông. Ông và vợ đã từng là khách trên bờ biển Maryland.

Đứng ở bức tường mái tối tăm, nhìn xuống thành phố cổ, ông ngửi thấy mùi muối biển từ vịnh Chesapeake, thấy vợ ông trên bờ biển trong đôi giày thể thao mới trắng tinh.

Có một bức ảnh Florence ở ban Khoa học Hành vi tại Quantico, người ta đưa cho ông xem vì nó là bức ảnh gây nhiều tò mò. Quang cảnh của nó giống hệt như những gì ông đang thấy bây giờ. Florence cổ xưa nhìn từ pháo đài Belvedere, quang cảnh đẹp nhất từng có. Nhưng không phải tranh màu. Không,

một bức vẽ chì được tạo bóng bằng than. Bức vẽ ở trong một tấm hình, ở phông nền của tấm hình. Đó là tấm hình của tên giết người hàng loạt ở Mỹ, bác sĩ Hannibal Lecter. Kẻ Ăn Thịt Người Hannibal. Lecter đã vẽ Florence từ hồi ức và bức vẽ được treo trong phòng giam của hắn ở trại, một nơi cũng đầy sát khí như chính chỗ này.

Từ lúc nào nó đã đến với Pazzi, cái ý tưởng chín muồi này? Hai hình ảnh, Florence thật sự nằm trước mặt ông và bức vẽ ông hồi tưởng lại. Lúc dán cáo thị của *Il Mostro* vài phút trước. Cáo thị của Mason Verger về Hannibal Lecter trên tường văn phòng của ông với phần thưởng khổng lồ và lời cảnh báo:

BÁC SĨ LECTER SẼ PHẢI GIẤU TAY TRÁI VÀ CÓ THỂ SẼ CỐ PHẪU THUẬT THAY ĐỔI NÓ VÌ KIỂU THỪA NGÓN VỚI MỘT NGÓN TAY DƯ HOÀN HẢO NHƯ HẮN CỰC KỲ HIẾM VÀ CÓ THỂ NHẬN RA NGAY LẬP TỨC.

Tiến sĩ Fell đưa mắt kính lên môi bằng bàn tay sứt sẹo.

Một bức vẽ chi tiết của quang cảnh này trên tường buồng giam của Hannibal Lecter.

Có phải ý tưởng đó đến với Pazzi khi ông đang nhìn xuống thành phố Florence bên dưới hay từ bóng tối tràn về trên những ngọn đèn? Và tại sao dấu hiệu của nó lại là mùi gió biển từ vịnh Chesapeake?

Thật kỳ quặc đối với một kẻ có trí nhớ trực quan tốt khi sự liên kết đến cùng với một âm thanh, âm thanh của một giọt nước rơi xuống một cái hồ đặc quánh.

Hannibal Lecter đã chạy đến Florence.

Tồm.

Hannibal Lecter là Tiến sĩ Fell.

Tiếng nói bên trong Rinaldo Pazzi nói với ông rằng ông có thể sẽ nổi điên trong cái lồng của định mệnh. Đầu óc điên loạn của ông có thể sẽ nghiền song sắt đến gãy cả răng như bộ xương trong cái cũi bỏ đói.

Không hề nhớ là mình đang bước đi, ông nhận ra mình đang ở cổng Phục hưng dẫn từ pháo đài tới con dốc Costa di San Giorgio, một con phố hẹp cuộn xuống trung tâm Florence cổ xưa trong tầm gần tám trăm mét. Không hề chủ định, bước chân như đưa ông xuống con đường sỏi dốc. Ông đi nhanh hơn ông tưởng, luôn nhìn thẳng về trước tìm kiếm kẻ được gọi là Tiến sĩ Fell. Vì đường về nhà chỉ còn phân nửa, Pazzi rẽ vào Costa Scarpuccia, đi thẳng xuống cho đến khi ra đến phố Via de' Bardi gần sông. Gần Biệt điện Capponi, nơi ở của Tiến sĩ Fell.

Pazzi thở hổn hển vì xuống dốc, ông tìm thấy một chỗ khuất ánh đèn đường, một lối vào căn hộ phía bên kia của biệt điện. Nếu có ai đến, ông có thể quay lại và giả vờ bấm chuông.

Biệt điện tối đen. Pazzi nhận thấy bên trên cánh cửa đôi lớn là đèn đỏ của máy quay theo dõi. Ông không biết chắc chiếc máy có hoạt động liên tục không hay chỉ khi có ai đó nhấn chuông. Nó ở ngay lối vào có mái che. Nó có thể nhìn khắp mặt tiền.

Ông chờ nửa tiếng, lắng nghe tiếng thở của chính mình và tay tiến sĩ không xuất hiện. Có lẽ hắn ở bên trong mà không bật đèn.

Con phố vắng tanh. Pazzi băng qua thật nhanh rồi đứng dựa sát vào tường.

Khẽ khàng, khẽ khàng, có tiếng động nhỏ phát ra từ bên trong. Pazzi dựa đầu vào song cửa sổ lạnh ngắt lắng nghe. Tiếng dương cầm cổ, *Các biến khúc Goldberg* của Bach chơi rất khá.

Pazzi phải chờ đợi, ẩn náu và suy tính. Giờ mà rút dây động rừng thì quá sớm. Ông phải quyết định xem cần làm gì. Ông không muốn làm kẻ ngốc một lần nữa. Khi ông đi lùi về bóng tối phía bên kia đường, cái mũi ông là thứ cuối cùng mất dạng.

CHƯƠNG 21

TRUYỀN THUYẾT kể rằng thánh tử đạo San Miniato đã nhặt chiếc đầu đứt lìa của mình từ nền cát đầu trường La Mã ở Florence và cắp trên tay đi đến vùng núi phía bên kia sông nơi ngài an nghỉ trong giáo đường lộng lẫy của mình.

Chắc hẳn thân xác San Miniato, dù đứng hay nằm, cũng đã điếu qua con phố cổ Via de' Bardi nơi ta đang đứng. Trời sắp tối, đường phố vắng tanh, những viên sỏi xếp hình rẽ quạt lấp loáng trong màn mưa phùn mùa đông không đủ rét mướt để xua tan mùi của lũ mèo. Ta đang ở giữa dãy cung điện xây từ sáu trăm năm trước bởi các phú thương và những phe phái lũng đoạn hoàng quyền thời Florence Phục hưng. Cách một tầm cung phía bên kia con sông Arno sừng sững đỉnh tháp Signoria nơi tu sĩ Savonarola bị treo cổ và hỏa thiêu cùng bảo tàng Uffizi, mồ chôn thân xác những con chiên Kitô giáo bị treo cổ.

Những biệt điện san sát nhau trên con phố cổ, đóng băng trong chế độ quan liêu Ý đương thời, có bề ngoài như nhà khám nhưng bên trong lại là một không gian to lớn trang nhã, với những đại sảnh cao vợi im lìm chưa từng thấy được bao phủ bởi những lớp lụa mục nát, thấm đẫm nước mưa nơi các tác phẩm của những bậc thầy thời Phục hưng treo trong bóng tối đã nhiều

năm. Chúng trở nên lấp lánh trong ánh chớp khi lớp vải phủ rơi ra.

Ngay cạnh bên bạn là Biệt điện của gia tộc Capponi ngàn năm danh tiếng, kẻ đã xé nát tối hậu thư của một vị hoàng đế Pháp ngay trước mặt ngài và lập nên một giáo hoàng.

Các cánh cửa sổ của dãy Biệt điện Capponi giờ đã chìm vào bóng tối phía sau lưới sắt. Những vòng đuốc không có đuốc. Trên mặt kính cửa sổ bề nát còn in dấu lỗ đạn từ thập niên 1940. Hãy tiến gần lại, áp tai vào phần sắt lạnh lẽo như viên cảnh sát và lắng nghe. Loáng thoáng tiếng đàn dương cầm chơi *Các biến khúc Goldberg* của Bach, tuy không hoàn hảo nhưng cũng tuyệt hay với khả năng thẩm âm tốt. Không hoàn hảo nhưng cũng tuyệt và dường như bàn tay trái có phần cứng nhắc.

Nếu tin mình bất khả xâm phạm, liệu bạn có bước vào không? Liệu bạn có vào tòa lâu đài đầm máu và huyền thoại này, đi xuyên qua bóng tối đầy mạng nhện hướng về tiếng ngân thanh thoát của chiếc dương cầm cổ? Chuông báo động không phát hiện ra ta. Viên cảnh sát ướt mưa ẩn mình ở lối vào cũng không nhìn thấy ta. Nào hãy tiến lên...

Bên trong phòng chờ tối đen như mực. Một cầu thang đá dài ngoằn với tay vịn lạnh toát và những bậc thang vòng xuống bởi vô số những bước chân hàng trăm năm nay, chênh vênh dưới chân khi ta tiến đến gần tiếng nhạc.

Nếu bị mở ra, hai cánh cửa phòng khách sẽ vang lên kéo kẹt. Nhưng chúng đã mở sẵn. Tiếng nhạc ngân nga tí tặn trong góc phòng nơi ánh lên tia sáng duy nhất của những ngọn nến hắt

ánh đỏ quạch qua cánh cửa nhỏ của một nhà nguyện khuất ở một góc.

Xuyên qua tiếng nhạc. Ta mơ hồ cảm thấy như vừa đi qua cơ man nào là đồ đạc được trùm kín tạo nên những hình thù mơ hồ lung linh trong ánh nến trông như một bầy gia súc đang say ngủ. Phần trên căn phòng mất hút vào bóng tối.

Ánh sáng đỏ rọi lên chiếc dương cầm cổ chạm trổ hoa văn và lên người nổi danh trong giới học giả Phục hưng, Tiến sĩ Fell. Tay tiến sĩ lịch lãm, lưng thẳng ra nghiêng người theo điệu nhạc. Ánh sáng phản chiếu lên tóc, lên lưng chiếc áo choàng lụa phủ da thú óng ả.

Nắp đàn đang mở được trang trí bằng hoạt cảnh một yến tiệc, các nhân vật bé nhỏ dường như lơ lửng trên những dây đàn trong ánh nến. Đôi mắt nhắm nghiền, hấn đánh đàn mà không cần nhìn vào bản nhạc. Trước mặt hấn, trên chiếc giá nhạc hình đàn lia, là một tờ tạp chí khổ nhỏ của Mỹ, tờ *National Tattler*. Tờ báo bị gấp lại chỉ đủ để thấy khuôn mặt trên trang nhất, khuôn mặt của Clarice Starling.

Gã nhạc công mỉm cười, kết thúc bản nhạc, lặp lại phần vũ điệu sarabande đầy hứng thú, và khi rung động của sợi dây đàn cuối cùng dần tắt trong gian phòng rộng lớn cũng là lúc hấn mở mắt, đôi đồng tử lóe đỏ. Hấn nghiêng đầu sang nhìn vào tờ báo trước mặt.

Hấn đứng lên không một tiếng động, cầm tờ tạp chí của Mỹ đi vào nhà nguyện chạm khắc nhỏ xíu được xây lên từ trước thời khám phá ra châu Mỹ. Khi hấn mở báo ra dưới ánh nến, những bức tranh thánh trên án thờ dường như cũng ghé qua vai hấn

mà đọc, như mọi người vẫn thường làm khi đứng xếp hàng. Dòng chữ kiểu Railroad Gothic cỡ bảy hai hiện lên: *THIÊN THẦN CHẾT: CLARICE STARLING, CỐ MÁY GIẾT NGƯỜI CỦA FBI.*

Hắn vụt thổi tắt nến. Những khuôn mặt đầy giận dữ và phúc tướng trên án thờ biến mất. Không cần ánh sáng, hắn đi xuyên qua đại sảnh. Một luồng gió thổi qua khi bác sĩ Hannibal Lecter đi ngang. Cánh cửa lớn khẽ rít lên rồi đóng sập lại. Mọi thứ chìm vào im lặng.

Có tiếng chân tiến vào một gian phòng khác. Những bức tường dường như sát vào nhau hơn dưới sự cộng hưởng thanh âm ở nơi này, mái trần vẫn cao vợi - âm thanh vang vọng chậm chạp từ trên cao xuống - không khí cô đặc mùi da thuộc và mùi bắc nền bị dập tắt.

Tiếng giấy sột soạt trong bóng tối, tiếng ghế kêu kèn kẹt. Bác sĩ Lecter ngồi trên một chiếc ghế bành to trong thư viện Capponi huyền thoại. Hai mắt hắn phản chiếu ánh sáng đỏ nhưng không lóe lên trong đêm tối, như những tay quân ngục vẫn thề là có. Bóng đêm tuyệt đối. Và hắn đang suy tính...

Quả đúng là bác sĩ Lecter đã giành lấy vị trí bỏ trống ở Biệt điện Capponi bằng cách loại bỏ giám tuyển bảo tàng trước đây - một phi vụ ngon ơ, chỉ mất vài giây để xử lý một ông lão và một chút tiền mua hai bao tải xi măng - một khi đã rộng đường, hắn nghiêm nhiên giành lấy vị trí một cách công bằng, chứng tỏ với Ủy ban Belle Arti sự am hiểu ngôn ngữ uyên bác, khả năng dịch thuật tiếng Ý và tiếng Latinh Trung cổ từ những bản viết tay dày đặc chữ Gothic.

Tại nơi đây hắn đã tìm được sự bình yên mà hắn cố giữ gìn - trong suốt quãng thời gian ở Florence, hắn gần như chưa giết ai ngoại trừ người tiền nhiệm của mình.

Vị trí biên dịch và giám tuyển trong thư viện Capponi là một niềm tự hào lớn lao đối với hắn bởi những lý do sau:

Sự cao lớn, rộng rãi của những gian phòng trong biệt điện có ý nghĩa quan trọng với bác sĩ Lecter sau nhiều năm co quắp ở chốn giam cầm. Hơn thế nữa, hắn như cảm thấy được sự đồng điệu từ tòa biệt điện. Đó là tòa nhà riêng duy nhất mà hắn gặp từ trước đến nay giống cả về kích thước lẫn chi tiết với tòa lâu đài ấp ủ trong ký ức thời niên thiếu của hắn.

Trong thư viện, bộ sưu tập những bản thảo và thư tịch có một không hai từ thế kỷ mười ba đủ để hắn thỏa mãn tính hiếu kỳ về chính bản thân.

Từ những tư liệu rời rạc về thân thế, bác sĩ Lecter tin rằng mình là hậu nhân của Giuliano Bevisangue, một nhân vật đáng sợ của thế kỷ mười hai ở Tuscany, hậu nhân của nhà Machiavelli cũng như Visconti. Đây là nơi lý tưởng để tìm tòi. Hắn có một sự hiếu kỳ khó lý giải về vấn đề này mặc dù nó chẳng liên quan gì đến bản ngã. Bác sĩ Lecter không cần sự khích lệ thông thường. Bản ngã của hắn giống như trí thông minh và mức độ lý tính của hắn, bản ngã của hắn không thể đo đếm được bằng cách thông thường.

Thật sự chẳng ai trong cộng đồng tâm thần học xem bác sĩ Lecter là một con người. Đã từ rất lâu, những đồng nghiệp trong giới tâm thần học, những người khiếp sợ ngòi bút cay độc của

Lecter trên những tạp chí chuyên ngành, đã cho hắn là Thứ Khác. Để gọi hơn thì chính là Quái Vật.

Con quái vật ngồi giữa thư viện tối tăm, tâm trí hắn đang tô vẽ cho bóng đêm và không khí Trung cổ đang ngập tràn trong đầu hắn. Hắn đang nghĩ về viên cảnh sát.

Công tắc đánh tách và đèn bật sáng.

Giờ đây ta có thể nhận ra bác sĩ Lecter ngồi bên chiếc bàn ăn của thế kỷ mười sáu trong thư viện Capponi. Đằng sau hắn là bức tường đầy những bản thảo xếp xó và những sổ cái kế toán bọc bằng vải bạt từ tám trăm năm trước. Chồng trước mặt hắn là thư từ qua lại vào thế kỷ mười bốn với một bộ trưởng của nước Cộng hòa Venice, được dẫn lại bằng một tiêu bản tượng Moses có sừng nho nhỏ mà Michelangelo đã làm để nghiên cứu, và trước giá bút là một chiếc máy tính xách tay có thể nối mạng nghiên cứu qua Đại học Milan.

Giữa chồng giấy và da thuộc vàng oạch là tờ *National Tattler* xanh đỏ nổi bật. Bên cạnh là tờ *La Nazione* của Florence.

Bác sĩ Lecter cầm tờ báo và đọc được lời chỉ trích gần nhất về Rinaldo Pazzi, nhắc lại lời phân bua của FBI trong vụ án *Il Mostro*. “Hồ sơ điều tra của chúng tôi chẳng bao giờ khớp với Tocca,” một phát ngôn viên FBI phát biểu.

Tờ *La Nazione* trích tiểu sử của Pazzi và quá trình rèn luyện của ông ở Học viện Quantico nổi danh tại Mỹ và cho rằng nhẽ ra ông ta phải hiểu rõ vấn đề hơn.

Bác sĩ Lecter không mấy quan tâm đến vụ *Il Mostro* nhưng tiểu sử của Pazzi làm hắn chú ý. Thật bất hạnh cho hắn khi

chạm trán với một cảnh sát xuất thân từ Quantico nơi Hannibal Lecter là một vụ kinh điển.

Khi đối mặt Rinaldo Pazzi tại Biệt điện Vecchio và đứng gần đủ để người thấy ông, Lecter biết chắc rằng Pazzi không may nghi ngờ dù đã hỏi về vết sẹo trên tay Lecter. Pazzi thậm chí không hề chú ý đến hấn khi xảy ra sự mất tích của người giám tuyển.

Viên cảnh sát đã thấy hấn trong buổi triển lãm dụng cụ tra tấn. Phải chi gặp phải ông ta ở buổi triển lãm hoa lan thì tốt biết mấy.

Bác sĩ Lecter biết rất rõ rằng trong đầu viên cảnh sát có đầy đủ các yếu tố để đột nhiên nhận ra hấn, mặc dù chúng vẫn đang lẫn lộn với hàng triệu thứ khác.

Nên chàng để Rinaldo Pazzi hội ngộ với người giám tuyển trước đây của Biệt điện Vecchio ở dưới cống? Hay để cho thi thể của Pazzi được tìm thấy sau một vụ tự sát? Tờ *La Nazione* sẽ vui mừng khôn xiết mà sẵn lòng hấn đến chết mới thôi.

Nhưng không phải lúc này. Gã quái vật sức tỉnh và quay lại với những cuộn bản thảo bằng da.

Bác sĩ Lecter không hề lo lắng. Hấn phấn chấn với giọng văn của Neri Capponi, chủ ngân hàng và đặc phái viên tới Venice vào thế kỷ mười lăm. Và hấn đọc những lá thư của Neri, thỉnh thoảng lại đọc lớn lên cho đến tận đêm khuya, tự lấy làm thích thú.

CHƯƠNG 22

TRƯỚC KHI mặt trời mọc, Pazzi đã có trong tay hình chụp giấy phép lao động của Tiến sĩ Fell, gắn cùng âm bản *permesso di soggiorno** trong hồ sơ của Carabinieri*. Pazzi cũng có những tấm hình chụp tội phạm rõ ràng in lại trên cáo thị của Mason Verger. Hai khuôn mặt có hình dáng giống nhau, nhưng nếu Tiến sĩ Fell là bác sĩ Hannibal Lecter thì mũi và hai gò má chắc chắn đã được chỉnh sửa lại, có thể được bơm collagen.

Hai cặp tai nhìn có vẻ hứa hẹn. Như Alphonse Bertillon* một trăm năm trước, Pazzi đắm mình vào hai cặp tai với chiếc kính lúp. Nhìn chúng tựa tựa nhau.

Trên cái máy tính lạc hậu của Questura, ông gõ mã đăng nhập Interpol của mình vào VICAP của FBI Mỹ. Chửi tốc độ chậm chạp của cái modem xong, ông lại gắng đọc đồng chữ mờ mờ trên màn hình cho tới khi chúng rõ lên. Ông biết phần lớn vụ án. Có hai tin khiến ông phải ngưng lại một chút. Một mới một cũ. Thông tin cập nhật gần đây nhất trích dẫn rằng một bản X-quang chỉ ra có thể Lecter đã phẫu thuật bàn tay. Tin cũ: một bản sao tường trình viết tay của cảnh sát Tennessee lưu ý rằng khi giết người canh giữ mình ở Memphis, Hannibal Lecter đã mở băng *Các biến khúc Goldberg*.

Cáo thị được nạn nhân Mỹ giàu có là Mason Verger phát đi đã khuyến khích một cách đầy trách nhiệm người báo tin gọi đến số điện thoại mà FBI cung cấp. Nó đưa ra cảnh báo kiểu mẫu về việc bác sĩ Lecter có vũ trang và nguy hiểm. Có cả một số điện thoại cá nhân - ngay dưới đoạn về phần thưởng hậu hĩnh.

Vé máy bay từ Florence tới Paris quá đắt song Pazzi phải trả bằng tiền túi. Ông không tin cảnh sát Pháp sẽ cho ông sử dụng tính năng phone patch* mà không động tay động chân vào, song ông cũng không biết cách nào khác nữa. Từ một buồng điện thoại của hãng American Express gần nhà hát, ông gọi tới số điện thoại riêng trên cáo thị của Mason. Ông ngờ rằng đường dây sẽ bị theo dõi. Pazzi nói tiếng Anh khá tốt, nhưng giọng của ông sẽ để lộ ra ông là người Ý.

Giọng nói đàn ông, giọng Mỹ, rất trầm tĩnh.

“Xin ông vui lòng cho biết lý do gọi tới đây?”

“Tôi có thể có thông tin về Hannibal Lecter.”

“Vâng, vậy xin cảm ơn ông. Ông có biết hắn đang ở đâu không?”

“Tôi tin là có. Phần thưởng vẫn còn hiệu lực chứ?”

“Vâng vẫn còn. Ông có bằng chứng rõ ràng nào rằng đó là hắn không? Xin ông hiểu cho chúng tôi gặp rất nhiều cuộc gọi giả mạo.”

“Tôi cho ông biết rằng hắn đã phẫu thuật thẩm mỹ mặt và bàn tay trái. Hắn vẫn còn chơi *Các biến khúc Goldberg*. Hắn có thể cản cước Brazil.”

Im lặng một lát. Rồi, “Tại sao ông không gọi cảnh sát? Tôi được yêu cầu phải khuyến khích ông làm điều đó.”

“Phần thưởng có hiệu lực dưới mọi hoàn cảnh phải không?”

“Phần thưởng dành cho thông tin dẫn tới việc bắt giữ và buộc tội.”

“Vậy phần thưởng có trả trong... những trường hợp đặc biệt không?”

“Ý của ông là phần thưởng cho cái chết của bác sĩ Lecter? Ví như trong trường hợp ai đó không được phép nhận phần thưởng một cách bình thường?”

“Đúng vậy.”

“Chúng ta có chung một mục đích. Vui lòng giữ máy khi tôi đề nghị với ông điều này. Treo giải thưởng cho cái chết của ai đó là vi phạm công ước quốc tế và luật của Mỹ. Xin vui lòng đừng cúp máy. Có phải ông đang gọi từ châu Âu?”

“Phải. Và đó là điều duy nhất tôi có thể nói cho ông.”

“Tốt, xin nghe tôi, tôi đề nghị ông liên lạc với một công tố viên để bàn về tính pháp lý của phần thưởng và xin đừng có bất cứ hành động trái pháp luật nào đối với bác sĩ Lecter. Tôi có thể giới thiệu một công tố viên không? Có một người ở Geneva rất giỏi về những chuyện này. Tôi có thể cho ông số gọi miễn phí không? Tôi tha thiết đề nghị ông gọi và nói chuyện thẳng thắn với ông ta.”

Pazzi mua một thẻ điện thoại trả trước và gọi tiếp từ buồng điện thoại trong khu thương mại Bon Marché. Ông nói chuyện với một người có giọng Thụy Sĩ khô khan chỉ chưa đầy năm phút.

Mason sẽ trả một triệu đô la Mỹ cho đầu và tay của bác sĩ Hannibal Lecter. Hắn sẽ trả cùng món tiền đó cho thông tin giúp bắt giữ được Lecter. Hắn sẽ trả riêng ba triệu đô la để bắt sống tên bác sĩ, không hỏi bất cứ điều gì, đảm bảo giữ bí mật. Điều khoản bao gồm một trăm ngàn đô la trả trước. Để lấy được khoản trả trước, Pazzi phải đưa ra dấu vân tay có thể nhận dạng được của bác sĩ Lecter, dấu vân tay *in situ** trên một vật thể. Nếu làm thế, ông sẽ thấy phần còn lại của số tiền mặt tạm giữ trong một hộp ký thác an toàn ở Thụy Sĩ bất cứ lúc nào.

Trước khi rời Bon Marché tới phi trường, Pazzi mua một áo khoác bằng lụa mềm cho vợ mình.

CHƯƠNG 23

BẠN sẽ phản ứng như thế nào khi thứ danh dự như người ta vẫn quan niệm chỉ là phế thải? Khi bạn đã tin tưởng hoàng đế La Mã Marcus Aurelius rằng ý kiến của thế hệ tương lai cũng chẳng đáng giá hơn ý kiến của thế hệ hiện tại? Vậy thì có thể cư xử đúng đắn không? Đáng để cư xử đúng đắn không?

Giờ thì Rinaldo Pazzi, một Pazzi của nhà Pazzi, tổng thanh tra của Questura ở Florence, phải quyết định danh dự của ông đáng giá ra sao, hay có không một sự khôn ngoan còn tồn tại lâu hơn những trần trở về danh dự.

Ông trở về từ Paris sau giờ cơm tối rồi ngủ một chút. Ông muốn hỏi chuyện vợ nhưng không thể, mặc dù cảm thấy yên lòng bên cô. Ông thao thức một lúc lâu sau đó, sau khi hơi thở cô trở nên nhẹ nhàng. Tới khuya ông không cố ngủ nữa mà ra ngoài đi dạo và nghĩ ngợi.

Lòng tham không phải là thứ hiếm ở Italy, và Rinaldo Pazzi đã hấp thụ nhiều không khí bản địa. Thế nhưng tính hám lợi và tham vọng ăn sâu trong bản chất con người ông lại được khơi lên ở Mỹ, nơi mọi ảnh hưởng được cảm nhận nhanh chóng hơn, kể cả cái chết của Chúa và sự lên ngôi của chủ nghĩa tôn thờ vật chất.

Sau khi Pazzi ra khỏi bóng tối của Loggia và đứng ngay nơi Savonarola đã bị thiêu ở Quảng trường Signoria, khi ông nhìn lên cửa sổ biệt điện Vecchio sáng ánh đèn nơi tổ tiên đã chết, ông tin rằng mình đang suy xét. Thật ra không phải. Ông đã quyết định từng bước một trước đó rồi.

Chúng ta thường gán quyết định vào một khoảnh khắc, tôn quá trình đó lên như là kết quả đúng lúc của tư duy đúng đắn và sáng suốt. Tuy vậy tư duy được tạo ra từ nhiều nhận biết được nhào nặn vào nhau; chúng thường là một khối hơn là một tổng.

Pazzi đã quyết định khi ông lên máy bay tới Paris. Và ông đã quyết định một giờ trước, sau khi vợ ông miễn cưỡng tiếp nhận ông trong chiếc áo ngủ mới. Và vài phút sau, nằm trong bóng tối, khi trườn qua nệm má cô và hôn âu yếm chúc cô ngủ ngon, ông cảm thấy một giọt nước mắt trong lòng bàn tay. Khi đó, cô đã chiếm trọn trái tim ông mà không hay biết.

Danh dự nữa ư? Một cơ hội nữa để chịu đựng hơi thở của tổng giám mục trong khi đá thánh đánh lên động cơ tên lửa gắn phía sau những con chim bồ câu bằng vải ư? Thêm những lời ca tụng từ đám chính trị gia mà ông quá rành đời sống riêng tư? Trở thành viên cảnh sát bắt được bác sĩ Hannibal Lecter thì đáng giá ra sao? Với một cảnh sát viên, công trạng thật ngắn ngủi. Tốt nhất là BÁN HẮN.

Suy nghĩ đó khoét vào và giày xéo Rinaldo, làm ông nhột nhạt và kiên định. Khi Rinaldo đưa ra quyết định, ông có hai hình ảnh lẫn lộn trong đầu: vợ ông và bờ biển vịnh Chesapeake.

BÁN HẮN. BÁN HẮN. BÁN HẮN. BÁN HẮN. BÁN HẮN. BÁN HẮN.

Năm 1478 Francesco de' Pazzi đã không dám mạnh hơn khi ông túm lấy Giuliano trên sàn giáo đường, trong cơn điên giận ông đã đâm nhâm vào đùi mình.

CHƯƠNG 24

THẺ vân tay của bác sĩ Hannibal Lecter là một thứ lý thú và một cái gì đó được sùng bái. Bản gốc được đóng khung trên tường ở bộ phận nhận dạng của FBI. Theo quy định của FBI, trên thẻ vân tay dành cho người có trên năm ngón tay, ngón cái và bốn ngón kế được in ở mặt trước, ngón thứ sáu ở mặt kia.

Bản sao của thẻ vân tay rải khắp thế giới khi tay bác sĩ trốn thoát lần đầu tiên và vân tay cái được phóng to trên cáo thị truy nã của Mason Verger với đầy đủ chi tiết để một người thẩm tra được đào tạo tối thiểu cũng nhận ra được.

Kỹ thuật lấy dấu vân tay đơn giản không phải là việc gì khó, Pazzi có thể khéo léo lấy vân và thực hiện một so sánh thô để cho chắc ăn. Nhưng Mason Verger đòi một vân tay mới, *in situ* mà không phải là vân tay lấy ở hiện trường để chuyên viên của hắn tự khám nghiệm; Mason đã từng bị lừa bằng những dấu vân tay cũ lấy ở những hiện trường gây án đầu tiên của bác sĩ Lecter nhiều năm trước.

Nhưng làm thế nào để lấy dấu vân tay của Tiến sĩ Fell mà không để hắn biết? Trên tất cả, ông không được rút dây động rừng. Tay tiến sĩ có thể biến mất rất tài tình và Pazzi sẽ không còn gì cả.

Tay tiến sĩ không hay rời khỏi Biệt điện Capponi và còn một tháng nữa mới tới cuộc họp kế tiếp của Belle Arti. Còn phải chờ quá lâu để cài một cốc nước ở chỗ hân hay ở bất kỳ chỗ nào, vì Ủy ban không cấp mấy thứ đó.

Một khi đã quyết định bán Hannibal Lecter cho Mason Verger, Pazzi phải hành động một mình. Ông không thể mạo hiểm để cho Questura chú ý đến Tiến sĩ Fell bằng cách xin lệnh khám xét để vào biệt điện, và tòa nhà cũng canh gác quá cẩn mật với chuông báo động nên ông khó mà đột nhập vào lấy dấu vân tay được.

Thùng rác của Tiến sĩ Fell sạch và mới hơn rất nhiều so với những cái khác trong cùng dãy nhà. Pazzi mua một thùng rác mới và đến khuya ông tráo nắp thùng này với thùng ở Biệt điện Capponi. Bề mặt mạ kẽm không lý tưởng chút nào và sau cả đêm mày mò, Pazzi thu được một cơn ác mộng toàn những đường vân hình chấm li ti mà ông không tài nào giải mã nổi.

Sáng hôm sau, ông xuất hiện ở trên Ponte Vecchio* với đôi mắt đỏ kè. Trong tiệm trang sức trên cây cầu cổ, ông mua một chiếc vòng tay bạc đánh bóng loáng và một cái đế bằng nhung để trưng nó. Ở khu thủ công phía Nam sông Arno, trên con phố hẹp phía bên kia điện Pitti, ông nhờ một người thợ bạc cạo tên nhà sản xuất khỏi chiếc vòng. Người thợ bạc đề nghị phun một lớp chống xỉn lên bạc nhưng Pazzi không chịu.

Sollicciano Hải Hùng - nhà tù ở Florence - nằm trên đường đến thành phố Prato.

Trên tầng hai của khu nữ, Romula Cjesku đang dựa vào một bồn giặt cao, xát xà phòng lên ngực tắm rửa và lau khô cẩn thận trước khi mặc chiếc áo sơ mi rộng bằng cotton sạch sẽ. Một ả Digan khác trở về từ phòng thăm thân nhân nói bằng tiếng Digan tóm lấy Romula khi đi ngang. Một nếp nhăn nhỏ xiu hiện lên giữa hai mắt Romula. Khuôn mặt xinh đẹp của ả giữ nét nghiêm nghị như thường lệ.

Ả được phép xuống lầu vào tám rưỡi sáng như thường lệ nhưng khi vừa đến phòng thăm thân nhân, ả đã bị một người giữ trại chặn lại và dắt sang một bên vào phòng thăm tra riêng ở tầng trệt của nhà tù. Bên trong, thay vì người y tá như thường lệ, Rinaldo Pazzi đang ẵm đứa con trai của ả.

“Chào, Romula,” ông nói.

Ả tiến thẳng về phía người cảnh sát cao to và không cần hỏi han gì, ông trao đứa trẻ cho ả ngay. Đứa bé muốn bú sữa liền rúc đầu vào người ả.

Pazzi hất hàm về phía bình phong ở góc phòng. “Ở kia có ghế đấy. Chúng ta có thể nói chuyện trong lúc cô cho nó bú.”

“Nói chuyện gì hả *Dottore**?” Tiếng Ý của Romula cũng tạm như tiếng Pháp, tiếng Anh, Tây Ban Nha và tiếng Digan của ả. ả nói mà không bị ảnh hưởng gì - bộ dạng đẹp đẽ nhất của ả không giúp ả tránh khỏi ba tháng tù vì tội móc túi.

Ả đi lại phía sau bình phong. Trong cái túi nhựa giấu trong tả lót em bé là bốn mươi liều thuốc và sáu mươi lăm ngàn lia, hơn bốn mươi một đô la một chút, toàn tiền nhăn nhúm. Ả phải lựa chọn. Nếu đã khám người đứa bé, ngài cảnh sát có thể phạt ả khi ả lấy ra mở hàng lậu và tất cả quyền lợi của ả sẽ bị tước bỏ. Ả

cân nhắc một lúc, nhìn lên trần nhà trong khi đứa bé đang bú. Tại sao ông ta phải quan tâm? Đẳng nào ông ta cũng có lợi. Ắ lấy cái túi ra và nhét vào trong đồ lót. Giọng ông vang qua bình phong.

“Romula, thật phiền phức cho cô khi phải ở đây. Những người mẹ còn cho con bú mà phải ở trong tù thật là phí thời giờ. Có những người bệnh hợp pháp ở đây cần sự chăm sóc của y tá. Cô có ghét việc phải trao con lại khi hết thời gian thăm thân?”

Ông ta muốn gì? Ắ biết ông ta là ai, đúng rồi - một cảnh sát trưởng, *Pezzo da novanta* - một khẩu .90* khôn nạn.

Công việc của Romula là theo dõi đường phố để sống, và móc túi là một trong những việc đó. Cô ả ba mươi lăm tuổi dạn dày sương gió và có ăng ten như của loài bướm đêm màu xanh lục lớn. *Viên cảnh sát* - ả ngắm kỹ ông qua tấm bình phong - *trông thật gọn gàng, cái nhăn cười, đôi giày bóng lộn, sống với vợ nhưng có người giúp việc giỏi giang* - đồ cổ định cổ áo được nhét vào sau khi ủi cổ áo xong. *Ví trong túi áo khoác, chìa khóa ở túi phải đằng trước, tiền ở túi trái đằng trước được gấp phẳng có lẽ có buộc dây thun. Dương vật ở giữa. Ông ta thẳng thắn và đầy nam tính, bên tai hơi sưng và một vết sẹo ở đường chân tóc do bị đánh vào đầu. Ông ta sẽ không đòi lên giường với ả - nếu có ý định đó, ông ta đã không đem đứa bé vào. Ông ta không cao quý gì nhưng ả nghĩ rằng ông ta không việc gì phải lên giường với đàn bà trong tù. Tốt hơn không nên nhìn vào đôi mắt đen cay đắng của ông ta trong lúc đứa bé đang bú. Tại sao ông ta lại mang đứa bé đến đây? Vì ông ta muốn ả thấy sức mạnh của mình, ngụ ý rằng ông ta có thể lấy nó đi khỏi ả. Ông ta muốn gì? Thông tin? Ắ sẽ kể cho ông ta nghe về mười lăm kẻ Digan chưa bao giờ tồn tại. Được rồi, mình*

sẽ được gì từ tất cả những việc này? Để xem. Hãy cho ông ta thấy một chút về người da nâu.

Lúc từ sau bình phong bước ra, ả theo dõi gương mặt ông, một vầng hào quang lười liềm bên cạnh khuôn mặt đứa bé.

“Bên trong đó nóng quá,” ả nói. “Ông có thể mở cửa sổ được không?”

“Tôi còn làm được nhiều hơn thế, Romula. Tôi có thể mở cả *cổng* và cô biết điều đó.”

Im lặng trong gian phòng. Bên ngoài tiếng ồn của nhà giam Sollicciano như một con đau đầu âm ỉ, dai dẳng.

“Cho tôi biết ông muốn gì. Tôi rất vui được làm điều gì đó nhưng không phải bất cứ điều gì.” Bản năng cho ả biết chính xác rằng ông sẽ tôn trọng ả vì đã báo trước.

“Chỉ là *la tua solita cosa* - chuyện bình thường cô vẫn làm thôi,” Pazzi nói, “nhưng tôi cần cô làm hỏng nó.”

CHƯƠNG 25

CẢ NGÀY, họ theo dõi mặt tiền Biệt điện Capponi từ cửa sổ chớp trên cao của một căn hộ bên kia đường - Romula và một người đàn bà Digan giúp coi đứa bé và có lẽ là chị họ của ả, cùng với Pazzi trốn khỏi văn phòng lâu hết mức ông có thể.

Cánh tay gỗ mà Romula dùng trong công việc của ả vẫn nằm chờ trên ghế trong phòng ngủ.

Pazzi đã giành được quyền sử dụng căn hộ vào ban ngày từ một giáo viên của trường Dante Alighieri gần đó. Romula kiên quyết đòi một ngăn trong cái tủ lạnh nhỏ cho mình và đứa bé.

Họ không phải chờ lâu.

Lúc chín rưỡi sáng ngày thứ hai, người giúp việc của Romula “suyt” từ ghế ngay cửa sổ. Một khoảng hư không màu đen xuất hiện bên kia đường khi một trong những cánh cửa lớn của biệt điện mở toang vào bên trong.

Hắn đó, kẻ được nhiều người ở Florence biết đến là Tiến sĩ Fell, nhỏ con và khảng khiu trong bộ quần áo màu tối, đẹp mã như một con chồn lúc hắn ra ngoài trời đứng trên bậc thềm quan sát đường từ cả hai hướng. Hắn bật điều khiển từ xa để cài báo động rồi đóng cửa lại bằng cách kéo quả đấm cửa lớn bằng sắt rèn, lỗ chỗ gỉ sét và không thể nào lấy dấu vân. Hắn mang một cái giỏ đi chợ.

Thấy tay tiến sĩ lần đầu tiên qua khe cửa chớp, ả Digan lớn tuổi hơn nắm chặt lấy tay Romula như thể muốn ngăn cô ả. ả nhìn vào mặt Romula và lắc đầu một cái thật nhanh khi người cảnh sát không để ý.

Pazzi biết ngay là hắn muốn đi đâu.

Trong đồng rác của Tiến sĩ Fell, Pazzi nhìn thấy mấy tờ giấy gói đặc biệt của cửa hàng thực phẩm thượng hạng tên Vera dal 1926 trên đường Via San Jacopo gần cầu Santa Trinita. Tay tiến sĩ giờ đang đi về hướng đó, trong lúc Romula khoác bộ đồ vào còn Pazzi đang theo dõi bên ngoài cửa sổ.

“À, tạp hóa,” Pazzi nói. Ông không thể không lặp lại chỉ dẫn cho Romula đến lần thứ năm. “Bám theo, Romula. Chờ ở bên này Ponte Vecchio. Cô sẽ đón được hắn khi hắn quay lại tay cầm một giỏ đầy. Tôi sẽ ở trước hắn khoảng nửa dặm nhà, cô sẽ thấy tôi trước. Tôi sẽ bám sát. Nếu có gì trục trặc, nếu cô bị bắt, tôi sẽ lo. Nếu hắn đi chỗ nào nữa thì hãy trở về căn hộ. Tôi sẽ gọi cô. Để thẻ này trên kính chắn gió của taxi rồi đến chỗ tôi.”

“*Eminenza*,”^{*} Romula nói, nâng giọng kính cẩn theo cái kiểu chế giễu của Ý. “Nếu có gì xảy ra và ai đó giúp đỡ tôi, đừng hại anh ta, bạn tôi không lấy gì đâu, hãy để cho anh ta chạy.”

Pazzi không đợi thang máy, ông chạy xuống cầu thang trong bộ quần áo bảo hộ đầy dầu mỡ, đầu đội nón. Thật khó bám đuôi ai đó ở Florence vì lề đường rất hẹp và mạng sống của bạn không đáng giá gì trên đường phố. Pazzi có một chiếc *motorino*^{*} cổ lỗ sĩ ở vệ đường cột một bó mười hai cái chổi. Mới đạp cái đầu tiên, chiếc xe đã nổ máy và trong làn khói xanh ngài tổng thanh tra bắt đầu xuống con đường sỏi. Chiếc xe máy nhỏ bên dưới

ông nảy bần bật trên mặt đường sỏi như một con lừa chạy nước kiệu.

Pazzi lái xe chậm chậm và bị dòng xe đông nghịt bóp còi inh ỏi. Ông mua thuốc lá, giết thời gian để ở lại phía sau cho đến khi biết chắc Tiến sĩ Fell đang đi đâu. Ở cuối đường Via de' Bardi là con đường một chiều Borgo San Jacopo hướng về phía ông. Pazzi bỏ xe máy trên vệ đường và đi bộ theo, lách người qua đám đông du khách ở cuối chân cầu phía Nam của cây cầu Ponte Vecchio.

Người Florence bảo rằng cửa tiệm Vera dal 1926 - với cơ man phó mát và nấm - thơm như bàn chân của Chúa.

Hắn nhiên gã tiến sĩ cứ chậm rãi ở trong. Hắn đang chọn những cục nấm trắng đầu tiên của mùa này. Pazzi thấy lưng hắn qua cửa sổ sau chỗ trưng bày thịt và mì pasta đầy hấp dẫn.

Pazzi vòng qua góc đường để quay lại. Ông rửa mặt trong đài phun có khuôn mặt với ria mép và đôi tai sư tử đang phun nước ra. “Ông phải cạo râu đi để làm việc cho tôi,” ông nói với đài phun nước qua cái bụng bị lạnh của mình.

Tay tiến sĩ đã ra ngoài, trong giỏ hắn có vài túi giấy nhẹ. Hắn bắt đầu trở xuống con phố Borgo San Jacopo hướng về nhà. Pazzi di chuyển trước phía bên kia đường. Đám đông trên lề đường hẹp buộc Pazzi phải xuống lòng đường. Kính của một chiếc xe Carabinieri tuần tra đi ngang đụng vào đồng hồ tay của ông đau điếng. “*Stronzo! Analfabeta!*”* gã lái xe chửi qua cửa sổ và Pazzi cũng chửi trả. Khi đến cầu Ponte Vecchio, ông đã dẫn trước bốn mươi mét.

Romula ở ngay lối đi, tay gõ bông con, tay kia chìa về phía đám đông. Cánh tay rảnh bên dưới lớp áo rộng sẵn sàng để nâng thêm một cái ví nữa thêm vào tổng số hơn hai trăm cái ả từng lấy trong đời. Cánh tay giấu đi đeo một vòng tay lớn bằng bạc sáng bóng.

Chỉ lát nữa thôi nạn nhân sẽ đi qua đám đông đổ xuống từ cây cầu cổ. Ngay khi hắn vừa ra khỏi đám đông lên đường Via de' Bardi, Romula sẽ giáp mặt hắn, làm việc của ả là trà trộn vào dòng du khách đi qua cầu.

Trong đám đông, Romula có một người bạn mà ả có thể tin cậy. ả không biết gì về nạn nhân và không tin tên cảnh sát sẽ bảo vệ ả. Giles Prevert, được biết đến trong hồ sơ cảnh sát là Giles Dumain, hay Roger LeDuc nhưng ở trong vùng là Gnocco, đang chờ trong đám đông ở phía Nam cầu Ponte Vecchio để Romula lần đi. Gnocco tong teo đi do những tật xấu và mặt gã bắt đầu gây trở xương sọ, nhưng gã vẫn còn dẻo dai và đủ khả năng giúp Romula nếu cuộc lần trốn của ả gặp khó khăn.

Trong bộ đồ nhân viên văn phòng, gã trà trộn vào đám đông, thi thoảng lại lộ ra như thể đám đông là một bày sóc chó. Nếu nạn nhân đã nhắm tùm được Romula và giữ ả, Gnocco có thể vấp ngã lên người hắn và quấn lấy hắn, xin lỗi rồi rít cho đến khi ả chạy mất. Gã đã từng làm thế.

Pazzi đi ngang qua ả, dừng lại trong hàng khách ở quầy nước trái cây để tiện bề quan sát.

Romula bước ra khỏi lối cửa. Với con mắt nhà nghề, ả ước định dòng người trên lề đường giữa ả và cái người khăng khiu đang tiến về phía mình. ả có thể di chuyển khéo léo xuyên qua

đám đông với đứa bé đang trước được đỡ bởi cánh tay giả bằng gỗ và tấm vải. Được rồi. Như thường lệ, ả sẽ hôn các ngón tay của bàn tay để lộ ra rồi đặt nụ hôn đó lên mặt hắn. Tay rảnh của ả sẽ sờ soạng xương sườn gần ví của hắn cho đến khi hắn túm được cổ tay ả. Sau đó ả sẽ chạy thoát khỏi hắn.

Pazzi đã hứa rằng người này không thể bắt ả nộp cho cảnh sát, rằng hắn muốn chạy xa khỏi ả. Trong tất cả những phi vụ móc túi của ả, chưa ai lại bạo lực với một phụ nữ đang bế con. Nạn nhân thường nghĩ đấy là một người nào khác bên cạnh đang lục lọi áo khoác của mình. Chính Romula từng tố cáo những người vô tội xung quanh là kẻ móc túi để thoát tội.

Romula di chuyển cùng đám đông, buông xuôi cánh tay được giấu đi, nhưng giữ nó bên dưới cánh tay giả đang bồng đứa bé. ả có thể thấy mục tiêu đang tiến đến trong đám đầu người nhấp nhô, mười mét, gần tới.

Đức Mẹ ơi! Tiến sĩ Fell đổi hướng ra khỏi đám đông dày đặc, đi cùng dòng du khách *lên* cầu Ponte Vecchio. Hắn không về nhà. ả chen vào đám đông nhưng không thể tới chỗ hắn. Gnocco vẫn ở phía trước tay tiến sĩ, nhìn ả ra vẻ thắc mắc. ả lắc đầu và Gnocco để hắn đi qua. Chẳng có ích gì nếu Gnocco móc túi hắn.

Pazzi càu nhàu đằng sau ả như thể đó là lỗi của ả. “Về căn hộ đi. Tôi sẽ gọi cô sau. Cô có thể taxi để qua khu phố cũ chứ? Đi. Đi!”

Pazzi lấy xe và dắt qua cây cầu Ponte Vecchio nối hai bờ dòng nước Arno, xanh màu ngọc thạch. Ông nghĩ mình đã để lạc tay tiến sĩ, nhưng kìa hắn ở đó, bên kia sông dưới mái vòm bên cạnh Lungarno*, đứng sầm soi qua vai một họa sĩ vẽ tranh một

lúc rồi lại đi tiếp bằng những bước sỏi nhanh và nhẹ nhàng. Pazzi đoán rằng tay tiến sĩ đang đi đến nhà thờ Santa Croce, ông bèn đi theo từ xa qua dòng xe đông khủng khiếp.

CHƯƠNG 26

Nhà thờ Santa Croce, thuộc dòng thánh Francis, bên trong không gian rộng lớn vang lên tám thứ tiếng khi đám du khách nườm nượp qua, bước theo những cái dù sáng chói của người hướng dẫn, lục tìm đồng hai trăm lía trong bóng tối để trả tiền chiếu sáng những bích họa tuyệt tác trong nhà nguyện trong một phút quý giá của đời người.

Romula bước vào từ buổi sáng rực rỡ ngoài kia nên phải dừng lại gần mộ của Michelangelo để cho đôi mắt bị lóa có thời gian thích nghi. Khi đã nhìn thấy mình đứng trên nấm mồ trên sàn, ả thầm nói, “*Mi displace!*”^{*} và nhanh chóng bước ra khỏi tấm đá; đối với Romula đám người chết bên dưới sàn cũng thực như những người ở trên sàn và có lẽ còn có ảnh hưởng nhiều hơn. Là con gái và cháu gái của một thầy đồng và thầy bói chỉ tay, ả cho rằng những người ở trên mặt đất và những người bên dưới là hai nhóm cách nhau có một nấm mồ. Theo ả, những người ở dưới thông minh và già dặn hơn nên đáng nể hơn.

Trong khi đứa bé đang rúc đầu vào ngực, ả nhìn quanh quất kiếm người coi nhà thờ, một người có thành kiến sâu nặng với dân Digan và trốn bên dưới cây cột đầu tiên dưới sự che chở của “*Madonna del Latte*”^{*} của Rossellino. Pazzi đang nấp gần mộ Galileo nên thấy ả ở đó.

Ông hất cằm về phía cuối nhà thờ qua cánh ngang, đèn chiếu và những máy quay bị cấm nháy lên như ánh chớp xuyên qua màn tối cao vợi trong lúc đồng hồ canh giờ đang ăn từ từ những đồng hai trăm lia và lâu lâu là đồng xu giả hay đồng hai mươi lăm cent Úc.

Lần nữa và lần nữa Đức Chúa được sinh ra, bị phản bội và bị đóng đinh vào khi những bức tranh vĩ đại xuất hiện trong ánh sáng rực rỡ rồi chìm trở lại vào bóng tối chật kín và đông đúc, những người hành hương chen chúc tay giữ sách hướng dẫn mà họ không đọc được. Mùi người và hương trầm bốc lên nung nóng cái hầm hập của những con chiên.

Ở cánh ngang trái, Tiến sĩ Fell đang làm việc trong nhà nguyện Capponi. Nhà nguyện Capponi lộng lẫy trong Santa Felicita. Nhà nguyện được trùng tu vào thế kỷ mười chín này thu hút Tiến sĩ Fell vì qua kiến trúc trùng tu này hẳn có thể nhìn xuyên thấu vào quá khứ. Hẳn đang chà chì than theo chữ khắc trên đá mòn đến nỗi ngay cả chiếu sáng chếch cũng không thể làm nổi nó lên.

Quan sát qua ống nhòm nhỏ, Pazzi khám phá ra tại sao tay tiến sĩ ra khỏi nhà chỉ với cái túi đi chợ - hẳn cất giữ những đồ nghệ thuật sau bàn thờ ở nhà nguyện. Pazzi suy nghĩ một thoáng hay là mình hủy nhiệm vụ của Romula và để cho ả đi. Có lẽ ông có thể lấy dấu vân tay từ những đồ nghệ thuật. Không, tay tiến sĩ đang mang găng tay vải để tránh chì than nhọ vào tay.

Quả là cực khó. Kỹ năng của Romula là để dùng cho đường phố. Tuy nhiên, ả quá lộ liễu, đó là thứ mà một tên tội phạm sẽ ít sợ sệt nhất. ả là người ít có khả năng làm tay tiến sĩ bỏ chạy

nhất. Không. Nếu tóm được ả, hắn sẽ giao cho người giữ nhà thờ và Pazzi có thể can thiệp sau đó.

Nhưng hắn là một kẻ điên cuồng. Nếu hắn giết ả thì sao? Nếu hắn giết cả đứa bé thì sao? Pazzi tự đặt hai câu hỏi cho mình. Ông có đánh nhau với hắn không nếu như tình thế trở nên hung hiểm? Có. Ông có dám mạo hiểm để Romula và con ả bị thương nhẹ cốt sao lấy được tiền của mình không? Có.

Họ chỉ cần đợi đến lúc Tiến sĩ Fell cởi bỏ găng tay đi ăn trưa. Đi qua đi lại dọc theo cánh ngang, Pazzi và Romula có thời gian thì thăm trò chuyện. Pazzi bắt gặp một gương mặt trong đám đông.

“Ai đang theo cô vậy, Romula? Tốt hơn hết nên nói với tôi. Tôi từng thấy mặt hắn trong tù rồi.”

“Bạn tôi, chỉ để cản đường nếu như tôi phải chạy thoát thân. Anh ta không biết gì cả. Không gì hết. Tốt hơn cho ông. Để ông khỏi phải bắn tay.”

Để giết thời gian, họ cầu nguyện trong mấy nhà nguyện. Romula thì thăm bằng thứ tiếng Pazzi không hiểu được và ông thì có một danh sách dài những thứ cần cầu nguyện, đặc biệt là ngôi nhà trên bãi biển vịnh Chesapeake và một vài thứ khác ông không nên nghĩ tới trong nhà thờ.

Những giọng ca ngọt ngào từ ban nhạc đang tập hát vang lên át tiếng ồn xung quanh.

Tiếng chuông vang lên, đã tới giờ đóng cửa giữa ngày. Những người trông coi nhà thờ xuất hiện, khóa cửa và sẵn sàng trút những hộp tiền xu.

Tiến sĩ Fell từ chỗ làm việc đứng dậy bước ra từ phía sau bức điêu khắc *Pietà** của nhà điêu khắc Andreotti trong nhà nguyện, tháo găng tay rồi mặc áo khoác vào. Một nhóm đông người Nhật tụ tập trước điện thờ đã hết tiền các đang đứng bối rối trong bóng tối chưa biết rằng họ phải rời khỏi đó.

Pazzi huých Romula một cách không cần thiết. ả biết đã đến lúc. ả hôn vào đỉnh đầu đứa bé đang ngủ trong cánh tay gối của ả.

Tay tiến sĩ đang tiến lại. Đám đông sẽ buộc hẳn phải đi gần qua ả. Và với ba sải chân dài, ả sẽ giáp mặt hẳn, đứng thẳng trước mặt hẳn và giơ tay lên tầm nhìn của hẳn để thu hút con mắt hẳn. ả hôn ngón tay mình và sẵn sàng đặt nụ hôn lên má hẳn còn cánh tay giấu bên trong đã sẵn sàng lục lạo.

Đèn mở lên vì có ai đó đã tìm được một đồng hai trăm lia, vào giây phút sờ vào Tiến sĩ Fell, ả nhìn vào mặt hẳn, cảm thấy như bị hai đồng tử đỏ lòe trong đôi mắt hẳn hút lấy, cảm thấy như có luồng khí lạnh khổng lồ lôi trái tim ả khỏi lồng ngực và bàn tay ả vụt khỏi mặt hẳn để che lấy mặt đứa bé và ả nghe thấy tiếng mình nói: *“Perdonami, perdonami, signore,”** rồi quay người bỏ chạy khi tay tiến sĩ nhìn theo một lúc lâu cho đến khi đèn tắt và hẳn trở lại là cái bóng trong ánh nến nơi nhà nguyện, rồi, với bước chân nhanh nhẹn mà nhẹ nhàng, hẳn tiếp tục đi theo hướng của mình.

Pazzi tái đi vì giận dữ khi tìm thấy Romula đang lom khom rửa đi rửa lại đầu đứa bé bằng nước thánh, rửa cả mắt nó vì sợ nó đã nhìn thấy Tiến sĩ Fell. Tiếng nguyện rửa cay độc ngưng lại khi ông nhìn thấy vẻ mặt thất thần của ả.

Hai mắt ả mở to trong bóng tối. “Đó là một con quỷ,” ả nói.
“Quỷ Satan, con trai của bình minh, tôi vừa thấy hắc thôi.”

“Tôi sẽ chở cô về lại nhà tù,” Pazzi nói.

Romula nhìn vào mặt đứa con và thở dài, một cái thở dài bại trận, thật dài và cam chịu nghe kinh khủng. ả cởi bỏ cái vòng bạc rộng để rửa trong nước thánh.

“Chưa đâu,” ả nói.

CHƯƠNG 27

NẾU Rinaldo Pazzi quyết định làm nhiệm vụ của một viên chức pháp luật, ông đã có thể giữ Tiến sĩ Fell lại và xác định nhanh chóng xem đó có phải là Hannibal Lecter không. Trong vòng nửa tiếng, ông có thể xin được lệnh tạm giam và giải Tiến sĩ Fell ra khỏi Biệt điện Capponi và tất cả hệ thống báo động của biệt điện không thể ngăn cản ông. Trong phạm vi quyền lực của mình, ông có thể giữ Tiến sĩ Fell mà không cần buộc tội đủ lâu để xác định danh tính.

Việc lấy dấu vân tay ở sở Questura sẽ có kết quả trong vòng mười phút nếu như Tiến sĩ Fell là bác sĩ Lecter. Xét nghiệm ADN sử dụng kỹ thuật RFLP* sẽ giúp khẳng định danh tính đối tượng.

Tất cả những cách đó bây giờ đều bị Pazzi khước từ. Một khi đã quyết định bán bác sĩ Lecter, vị cảnh sát trở thành một kẻ sẵn tiền thưởng, đơn thương độc mã ngoài vòng pháp luật. Ngay cả mấy tên chỉ điểm dưới tay ông cũng trở nên vô dụng bởi chúng sẽ vội vã chỉ điểm ngay chính Pazzi.

Sự trì hoãn làm Pazzi phát rồ nhưng ông rất kiên quyết. Ông chấp nhận cấu kết với mấy kẻ Digan chết tiệt này...

“Gnocco có làm thay cô được không, Romula? Cô có thể tìm hân ta không?” Họ đang ở phòng khách của căn hộ đi mượn đối

diện Biệt điện Capponi trên đường Via de' Bardi, mười hai tiếng đồng hồ sau vụ thất bại ở nhà thờ Santa Croce. Một cái đèn bàn thấp chiếu sáng căn phòng tới thắt lưng. Bên trên ánh đèn, đôi mắt đen của Pazzi hấp háy trong tranh tối tranh sáng.

“Tôi sẽ tự làm, nhưng không cùng với đứa bé,” Romula nói. “Nhưng ông phải cho tôi...”

“Không. Tôi không thể để hắn thấy cô lần nữa. Gnocco có làm thay cô được không?”

Romula mặc một cái váy dài sặc sỡ, ngồi khom xuống, bầu ngực đầy đặn của ả chạm xuống đùi và đầu ả gần như chạm gối. Cánh tay gỗ nằm chỏng chơ trên ghế. Trong góc phòng, người đàn bà lớn tuổi hơn, có lẽ là chị họ của Romula, đang bế đứa bé. Rèm cửa được kéo xuống. Nhìn qua kẽ hở nhỏ nhất, Pazzi có thể thấy một ánh sáng le lói cao cao trên tòa Biệt điện Capponi.

“Tôi có thể làm được, tôi sẽ cải trang để hắn không nhận ra. Tôi có thể...”

“Không được.”

“Vậy thì Esmeralda có thể làm.”

“Không được.”

Tiếng nói từ góc phòng, người đàn bà lớn tuổi hơn đến giờ mới cất lời. “Romula, tôi phải trông nom đứa bé đến khi chết mới thôi. Tôi không bao giờ chạm vào quỷ Satan.” Giọng Ý của bà ta hầu như Pazzi không thể hiểu được.

“Ngồi dậy đi, Romula,” Pazzi nói. “*Nhìn* tôi đây này. Gnocco có làm thay cô được không? Romula, tối nay cô sẽ trở về trại Sollicciano. Cô còn ba tháng nữa. Lần tới khi lấy tiền và thuốc lá từ quần áo em bé, có thể cô sẽ bị bắt quả tang... Tôi có thể cho

cô thêm sáu tháng nữa vì lần trước cô đã làm thế rồi. Tôi có thể dễ dàng tuyên bố cô không thích hợp làm mẹ. Chính phủ sẽ lấy đứa bé đi. Nhưng nếu tôi lấy được dấu vân tay, cô sẽ được thả, lại được hai triệu lira và hồ sơ của cô sẽ biến mất. Tôi sẽ giúp cô lấy visa Úc. Gnocco có làm thay cô được không?”

Ả không trả lời.

“Cô có tìm được Gnocco không?” Pazzi hít không khí vào mũi. “Nào hãy lấy đồ của cô đi, cô có thể lấy lại cánh tay giả tại phòng đồ đạc sau ba tháng nữa hay lúc nào đó năm sau. Đứa bé phải chuyển đến bệnh viện trẻ mồ côi. Cái bà kia có thể đến thăm nó ở đó.”

“*NÓ?* Thăm *NÓ* ư, *sếp?* Tên thằng bé là...” Ả lắc đầu, không muốn nói tên đứa trẻ với người đàn ông này. Romula ôm lấy mặt, cảm thấy hai nhịp mạch trên mặt và trên tay đập vào nhau. Rồi ả nói từ sau hai bàn tay. “Tôi có thể tìm anh ta.”

“Ở đâu?”

“Piazza Santo Spirito*, gần đài phun nước. Họ nhóm lửa và có người mang rượu đến.”

“Tôi sẽ đi với cô.”

“Tốt hơn là đừng,” ả nói. “Ông sẽ làm anh ấy mất mặt. Ông có Esmeralda và em bé ở đây - ông biết là tôi sẽ quay lại.”

Piazza Santo Spirito, một quảng trường thu hút ở bờ trái con sông Arno trở nên ử rữ vào ban đêm, nhà thờ tối đen và khóa kín vào tầm muộn như vậy, tiếng ồn và mùi thức ăn nóng tỏa ra từ tiệm Casalinga, một tiệm ăn nổi tiếng.

Gần đài phun nước, ánh bập bùng của đồng lửa nhỏ và tiếng đàn ghi ta của một gã Digan chơi với nhiệt tình nhiều hơn tài năng. Một ca sĩ nhạc *fado** tài ba ở trong đám người. Khi bị phát hiện, người ca sĩ bị đẩy ra và tưới bằng mấy chai rượu. Anh bắt đầu bằng một bài hát về số phận nhưng bị người ta cắt ngang, họ yêu cầu chơi nhạc gì đó sống động hơn.

Roger LeDuc, hay còn gọi là Gnocco, ngồi trên mép đài phun nước. Gã đang hút gì đó. Đôi mắt gã mơ hồ, nhưng thấy Romula ngay tức thì, sau lưng đám đông bên kia đồng lửa. Gã mua hai quả cam từ một người bán dạo và đi theo ả ra xa khỏi chỗ hát hò. Họ dừng lại bên dưới một đèn đường cách xa ánh lửa. Ánh sáng ở đây lạnh lẽo hơn và lốm đốm từng chấm bởi những chiếc lá còn sót lại trên một cây phong đang cố bám lấy sự sống. Ánh đèn xanh lè trên vẻ xanh xao của Gnocco. Bóng mấy cái lá trông như những vết bầm di động trên mặt gã khi Romula nhìn gã, tay để trên tay gã.

Một lưỡi dao bật ra từ nắm tay gã như cái lưỡi nhỏ sáng loáng, rồi gã gọt vỏ cam, cái vỏ biến thành một dải dài lủng lẳng. Gã đưa cho ả quả đầu tiên, ả liền bỏ vào miệng gã một múi trong khi gã gọt tiếp quả thứ hai.

Cả hai nói ngắn gọn với nhau bằng tiếng Digan. Gã nhún vai một cái...

Ả đưa cho gã một chiếc điện thoại di động và chỉ cho gã hiểu các phím. Rồi tiếng của Pazzi vang lên bên tai Gnocco. Một lúc sau, Gnocco gấp điện thoại bỏ vào túi. Romula lấy cái gì đó từ dây đeo trên cổ, hôn vào lá bùa hộ mạng nhỏ xíu rồi đeo vào cổ tên đàn ông nhếch nhác nhỏ thó. Gã nhìn xuống nó, khẽ nháy

lên, giả vờ như hình tượng linh thiêng kia làm gã bối, và chọc được Romula nhếch mép cười. Ắ tháo cái vòng tay to để đeo cho gã. Nó vừa khít. Cánh tay Gnocco chẳng to hơn cánh tay ắ là bao.

“Em có thể ở với anh một tiếng không?” Gnocco hỏi cô ắ.

“Được thôi,” ắ nói.

CHƯƠNG 28

ĐÊM lại xuống và Tiến sĩ Fell đang ở trong căn phòng đá menh mông của triển lãm Công cụ Tra tấn Man rợ tại pháo đài Belvedere, hắn dựa lưng vào tường thư giãn bên dưới cái cũi treo nguyên rủa.

Hắn đang ghi nhớ lại những khía cạnh đáng nguyên rủa từ vẻ mặt ngấu ngiến của những kẻ tò mò lúc chúng chúi quanh mấy dụng cụ tra tấn và chúi vào nhau để được chà vào cơ thể người khác trong cơn loạn dục cọ xát ướt át đê mê, lông bàn tay dựng lên, hơi thở nóng hổi trên má trên cổ người ta. Thỉnh thoảng, tay tiến sĩ áp chiếc khăn tay có mùi hương lên mặt để xua đi mùi nước hoa và mùi động đực quá nồng.

Những kẻ theo đuổi tay tiến sĩ chờ đợi bên ngoài.

Nhiều giờ đồng hồ trôi qua. Tiến sĩ Fell, người chưa từng dành cho những vật trưng bày nhiều quá một cái liếc mắt, dường như vẫn chưa chán cái đám đông. Một vài người cảm thấy sự dễ mắt của hắn đâm ra khó chịu. Thường thì phụ nữ trong đám đông hay nhìn hắn vẻ thích thú đặc biệt trước khi buộc phải đi tiếp theo hàng du khách. Trả một món tiền cho hai người thợ nhồi da, tay tiến sĩ được tha hồ thơ thẩn trong khu vực căng dây giới hạn mà không kẻ nào chạm vào người hắn được. Hắn đang lặng yên tựa vào tường đá.

Bên ngoài lối ra, chờ ở góc lan can trong mưa phún rả rích, Rinaldo Pazzi vẫn giữ cho mình tỉnh táo. Ông đã quen chờ đợi.

Pazzi biết tay tiến sĩ sẽ không đi bộ về nhà. Dưới ngọn đèn đăng sau pháo đài, trong một quảng trường nhỏ, xe của Tiến sĩ Fell đang chờ tại đó. Đó là một chiếc Jaguar Saloon đen, một chiếc Mark II ba mươi tuổi thanh lịch lấp lánh trong màn mưa, đó là chiếc xe đẹp nhất Pazzi từng thấy và nó mang biển số Thụy Sĩ. Rõ ràng Tiến sĩ Fell không cần phải làm việc vì đồng lương. Pazzi ghi lại biển số xe nhưng không thể mạo hiểm báo cho Interpol.

Trên con đường sỏi dốc Via San Leonardo giữa pháo đài Belvedere và chiếc xe, Gnocco đang chờ đợi. Con đường tối được bao cả hai bên bởi tường đá cao để bảo vệ những ngôi biệt thự đăng sau nó. Gnocco tìm được một góc tối trước cánh cổng vào bằng chấn song, ở đó gã có thể tránh dòng du khách đi xuống từ pháo đài. Cứ mười phút một lần, di động trong túi gã lại rung vào đùi và gã phải xác nhận mình đã vào vị trí.

Vài du khách phủ bản đồ và lịch trình lên đầu để che mưa khi đi ngang qua, lề đường hẹp đầy ắp người và người ta đổ xuống lòng đường cản mấy chiếc taxi chạy xuống từ pháo đài.

Trong gian phòng hình vòm chứa công cụ tra tấn, cuối cùng Tiến sĩ Fell cũng rời bức tường đang dựa, đảo mắt lên bộ xương trong cái cũi bỏ đói như thể họ cùng chia sẻ một bí mật rồi xuyên qua đám đông đi về phía cửa ra.

Pazzi thấy hần ở lối đi, và lại một lần nữa dưới ánh đèn chiếu xuống nền nhà. Ông bám theo từ xa. Khi chắc rằng tay tiến sĩ đang đi xuống chỗ xe hơi, ông mở điện thoại báo cho Gnocco.

Cái đầu của gã Digan nhô lên từ cổ áo như đầu một con rùa, mắt trũng sâu, mặt trơ xương như mặt con rùa. Gã xắn tay áo lên trên cùi chỏ, nhổ nước bọt vào cái vòng rồi lau khô bằng một miếng giẻ. Giờ đây cái vòng bạc đã được đánh bóng bằng nước bọt và nước thánh. Gã giữ cánh tay đằng sau người dưới áo choàng để giữ cho nó khô và nhìn lên đồi. Một dãy nhấp nhô đầu người đang tiến lại. Gnocco chen qua dòng người trên đường đến chỗ gã có thể đi ngược chiều với đám đông và thấy rõ hơn. Không người trợ giúp, gã phải tự thực hiện cả màn va vào lần màn móc túi. Không có gì khó hết vì gã muốn thất bại ở màn móc túi. Ôn Chúa, cái người đàn ông khăng khiu đã tới, gần vệ đường. Pazzi đang ở đằng sau tay tiến sĩ ba mươi mét và đang tiến xuống.

Gnocco di chuyển lẹ làng từ giữa đường. Lợi dụng một chiếc taxi đang chạy xuống, nhảy lên như muốn thoát khỏi dòng xe, gã nhìn lại phía sau chửi tên tài xế và va bụng vào Tiến sĩ Fell. Ngón tay gã sục sạo bên trong áo khoác ngoài của tay tiến sĩ. Gã cảm thấy cánh tay mình bị kẹp chặt kinh khủng, cảm nhận được một luồng gió và tay hắn bị xoáy đi, ra khỏi mục tiêu. Tiến sĩ Fell hầu như không ngừng sải bước và mất hút trong dòng du khách. Gnocco được thả ra.

Pazzi đến chỗ gã gần như ngay tức khắc, đứng bên cạnh trước cánh cổng sắt. Gnocco cúi xuống thật nhanh rồi lại thẳng người lên, thở mạnh.

“Tôi lấy được rồi. Hắn nắm lấy bên phải tôi. Thằng liệt dương đấy cố đánh vào bi tôi nhưng không được,” Gnocco nói.

Pazzi quỳ xuống, cẩn thận tháo cái vòng khỏi tay Gnocco trong khi Gnocco cảm thấy thứ gì đó nóng và ướt chảy xuống chân, khi gã xoay người, một dòng máu nóng từ động mạch tuôn ra từ một chỗ rách trên quần phun vào mặt và tay Pazzi lúc ông đang cầm vào gờ cái vòng cố tháo nó ra. Máu phun ra khắp nơi, lên cả mặt Gnocco lúc gã cúi xuống nhìn, hai chân gã khuyu xuống. Gã đổ vật xuống cánh cổng, bám lấy cổng bằng một tay, cố nhét cái giẻ vào háng để chặn máu chảy ra từ động mạch đùi bị cắt.

Với cảm giác đông cứng thường xuất hiện mỗi lúc hành động, Pazzi choàng tay ôm lấy Gnocco kéo gã ra khỏi đám đông, để gã xịt máu vào song cửa và cổ trần tỉnh gã nằm xuống đất.

Pazzi móc điện thoại trong túi ra và nói vào đó như thể đang gọi xe cấp cứu nhưng ông không hề bật điện thoại lên. Ông cởi áo, trải ra như một con điều hâu choàng lấy con mồi. Đám đông đang di chuyển đằng sau ông không hề để ý. Pazzi cởi cái vòng trên tay Gnocco ra, nhét vào một hộp nhỏ mang theo. Ông bỏ điện thoại của Gnocco vào túi mình.

Môi Gnocco mấp máy. “Mẹ ơi, *che freddo*.”*

Pazzi cố ý nhắc bàn tay của Gnocco khỏi vết thương và giữ lấy nó như thể đang trấn an gã và để cho gã chảy máu. Khi chắc chắn rằng Gnocco đã chết, Pazzi để gã nằm kế cánh cổng, đầu dựa trên tay như đang ngủ đoạn bước vào đám đông.

Ở quảng trường, Pazzi nhìn chăm chăm vào chỗ đậu xe trống không. Mưa chỉ vừa mới thấm ướt mặt sỏi nơi chiếc Jaguar của bác sĩ Lecter đã đậu.

Bác sĩ Lecter - Pazzi không còn nghĩ hắn là Tiến sĩ Fell nữa. Hắn chính là bác sĩ Hannibal Lecter.

Bằng chứng vừa đủ cho Mason có lẽ đang trong túi áo mưa của Pazzi. Bằng chứng đủ để Pazzi nhiều nước áo mưa lên giày của mình.

CHƯƠNG 29

Ánh ban mai trên bầu trời Genoa bị mờ đi bởi ánh chớp đăng Đông khi chiếc Alfa cũ của Rinaldo Pazzi gầm gừ xuống bến tàu. Một ngọn gió rét cồng quét qua bến cảng. Trên một tàu chở hàng ở bãi neo ngoài xa, có người đang hàn. Tia lửa cam bắn vào dòng nước đen.

Romula ở trong xe tránh gió, tay bế đứa bé trên đùi. Esmeralda đang run lập cập trên ghế sau của chiếc Berlinetta Coupe, chân để xéo sang bên. Bà ta không hề nói gì nữa kể từ lúc từ chối đựng vào quỹ Satan.

Họ đang uống cà phê đen đặc trong ly giấy và ăn bánh *pasticcini*.*

Rinaldo Pazzi vào trong văn phòng vận chuyển tàu. Ông ra ngoài cũng vừa lúc mặt trời đã lên cao, chiếu ánh sáng vàng rực xuống xuống thân tàu gỉ sét ngang dọc của tàu hàng *Astra Philogenes*, đang dỡ cho xong hàng trên bến. Ông ra hiệu cho mấy người đàn bà trong xe.

Tàu *Astra Philogenes* hai mươi bảy ngàn tấn, đăng ký ở Hy Lạp, có thể chở theo hợp pháp mười hai khách mà không cần bác sĩ trên lộ trình tới Rio. Tại đó, Pazzi đã giải thích với Romula, họ sẽ chuyển tàu đi Sydney, Úc châu. Việc chuyển tàu sẽ được người quản lý tàu *Astra* hướng dẫn. Chuyến đi đã được trả hết và dứt

khoát không hoàn tiền. Ở Ý, nước Úc được xem là một lựa chọn hấp dẫn bởi có thể tìm việc làm và có một cộng đồng lớn người Digan ở đây.

Pazzi đã hứa cho Romula hai triệu lia, khoảng một nghìn hai trăm năm mươi đô la theo tỷ giá hiện thời, ông đưa cho ả trong một bao thư dày.

Hành lý của hai người Digan không nhiều nhận gì, một va li nhỏ và cánh tay gỗ của Romula cất trong một cái rương bằng sừng.

Hai người sẽ lênh đênh trên biển và không liên lạc được trong cả tháng tới.

Gnocco sẽ đến, Pazzi đã nói với Romula lần thứ mười, tuy nhiên gã không đến hôm nay. Gnocco đã để lại lời nhắn cho họ tại bưu điện trung tâm Sydney. “Tôi sẽ giữ lời với anh ta cũng như với cô,” ông nói khi họ đang đứng cùng nhau ở chân cầu tàu. Mặt trời buổi sớm in bóng dài của họ lên bề mặt xù xì của cầu cảng.

Vào lúc chia tay, sau khi Romula và đứa bé đã leo lên cầu tàu, người đàn bà lớn tuổi cất tiếng nói lần thứ hai và cũng là lần cuối Pazzi nghe được.

Với đôi mắt đen như quả ô liu Kalamata, bà nhìn vào mặt ông. “Ông đã giao Gnocco cho quỷ Satan,” bà ta nói khẽ. “Gnocco chết rồi.” Cúi xuống một cách kiên quyết như kiểu cúi xuống một con gà trong xóm, Esmeralda thận trọng nhổ nước bọt vào cái bóng của Pazzi rồi hối hả lên cầu tàu theo Romula và đứa bé.

CHƯƠNG 30

Hộp chuyển phát nhanh của DHL được làm rất công phu. Chuyên gia về vân tay đang ngồi bên bàn dưới ánh đèn nóng hập ở khu vực chờ trong phòng Mason, cẩn thận vắn mấy con ốc ra bằng một chiếc tô vít điện.

Cái vòng tay bạc lớn được giữ trên một giá trang sức bằng nhưng ràng lại trong hộp để bề mặt ngoài của vòng không tiếp xúc với một thứ gì.

“Đem nó lại đây,” Mason nói.

Lấy dấu vân tay cái vòng sẽ dễ dàng hơn nếu làm tại phòng nhận dạng của cảnh sát Baltimore nơi chuyên viên làm việc vào ban ngày. Tuy nhiên Mason trả công rất cao cùng với phí bằng tiền mặt rút từ hầu bao của hắn và khẳng khẳng đòi phải tiến hành trước mắt hắn. Hay đúng hơn là trước một con mắt của hắn, chuyên viên nhớ lại một cách khó chịu lúc anh để cái vòng, cái giá và tất cả lên một cái đĩa sứ do một người hầu nam cầm.

Người hầu nam giữ cái đĩa trước con mắt lồi của Mason. Anh ta không thể để nó xuống cuộn tóc trên ngực Mason vì máy hô hấp làm ngực hắn động đập lên xuống liên tục.

Cái vòng tay nặng trĩu vẫn vắn và đóng đầy máu, bụi máu khô rớt lên đĩa sứ. Mason nhìn nó bằng con mắt lồi. Vì không có da mặt, hắn không có biểu cảm gì nhưng mắt hắn sáng lên.

“Phủi nó đi,” hắn nói.

Chuyên viên có một bản sao mặt trước thẻ vân tay FBI của bác sĩ Lecter. Cái vân thứ sáu ở mặt sau và đặc điểm nhận dạng không được sao lại.

Anh phủi chỗ giữa những vết máu. Bột vân tay hiệu Máu Rồng anh ưa dùng có màu rất giống máu khô trên cái vòng nên anh chuyển sang màu đen và quét thật kỹ.

“Chúng ta có vân rồi,” anh nói và dừng lại lau mặt dưới ánh đèn nóng rát ở chỗ ngồi. Ánh đèn rất hữu ích để chụp hình, anh bèn chụp hình dấu vân *in situ* trước khi nhắc lên so sánh bằng kính hiển vi. “Ngón giữa và ngón cái bàn tay trái, mười sáu điểm trùng khớp - có thể dùng tại tòa án.” Cuối cùng anh nói. “Không nghi ngờ gì nữa, đó là cùng một người.”

Mason không hứng thú gì đến tòa án. Bàn tay nhợt nhạt của hắn đã trườn qua khăn phủ giường đến chỗ điện thoại.

CHƯƠNG 31

Buổi sớm nắng đẹp trên thảo nguyên sâu trong vùng núi Gennargentu của trung tâm Sardinia.

Sáu người đàn ông, bốn người Sardinia và hai người Roma đang làm việc bên dưới mái che mát mẻ bằng gỗ cây chặt từ khu rừng xung quanh. Tiếng động nhỏ họ tạo ra dường như được khuếch đại lên trong cái im lặng mênh mang của núi rừng.

Dưới mái che, treo lên những thanh rui bằng gỗ vẫn còn đang tróc vỏ, là một tấm gương khổng lồ trong khung mạ vàng hoa hòe hoa sói. Dưới tấm gương là một rào chắn quây thành cái chuồng chắc chắn có hai cửa, một cửa mở ra bãi cỏ. Cửa còn lại làm như kiểu cửa Hà Lan, cả hai nửa trên dưới đều mở riêng được ra. Khu vực bên dưới cánh cửa Hà Lan được lát xi măng nhưng phần còn lại trong chuồng được lót rơm sạch giống như trên đoạn đầu đài.

Tấm gương có khung chạm khắc những thiên thần nhỏ có thể xoay nghiêng đi để nhìn được chuồng gia súc từ trên xuống, như cái gương bếp ở trường nấu ăn giúp học sinh nhìn được bếp nấu từ trên xuống.

Gã làm phim Oreste Pini và gã đốc công người Sardinia của Mason, một gã bắt cóc chuyên nghiệp tên Carlo, ghét nhau ngay từ đầu.

Carlo Deogracias là một gã chắc nịch hồng hào đội nón xứ Alpes có gấn lông lợn trên đai. Gã có thói quen nhai sụn của một cặp răng nai gã giữ trong túi áo gi lê.

Carlo là kẻ đứng đầu bảng trong cái nghề bắt cóc lâu đời của người Sardinia và cũng là tên trả thù chuyên nghiệp.

Những người Ý giàu có sẽ nói với bạn rằng, nếu như có bị bắt cóc tống tiền, tốt hơn là rơi vào tay bọn Sardinia. Ít nhất bọn chúng chuyên nghiệp và không giết bạn vì lỡ tay hay vì sợ hãi. Nếu thân nhân của bạn trả tiền, bạn sẽ được trả về mà không bị tổn hại, không bị cưỡng hiếp và cắt xén. Nếu không trả tiền, thân nhân của bạn sẽ chờ nhận từng mảnh của bạn gửi đến qua đường bưu điện.

Carlo không hài lòng với sự sắp xếp chi tiết của Mason. Gã có kinh nghiệm trong chuyện này và thật ra đã từng cho lợn ăn thịt một người ở Tuscan hai mươi năm trước - một tên đảng viên Đức Quốc xã về hưu và là một bá tước giả mạo có quan hệ tình dục với trẻ con trong làng, trai cũng như gái. Carlo được tham gia nhiệm vụ và đã bắt gã kia ra khỏi vườn nhà gã, đi lòng vòng trong vòng ba dặm quanh tu viện cổ Badia di Passignano rồi đem hũn cho năm con lợn địa phương to lớn ăn thịt trong một nông trại bên dưới biệt thự Poggio alle Corti. Dù hũn đã phải cho lũ lợn nhịn ăn trong ba ngày, trước tên đảng viên Đức Quốc xã vùng vẫy trong xiềng xích, hai chân đã đặt vào trong chuồng, van xin đồ mờ hôi, lũ lợn vẫn e dè khởi đầu với mấy ngón chân quằn quại của hũn cho tới khi Carlo, vì cần rút tội lỗi mà vi phạm thỏa hiệp, đã cho tên đảng viên Đức Quốc xã ăn sống loại rau trộn ngon lành khoái khẩu của bầy lợn rồi sau đó cắt cổ hòng hũn để phục vụ chúng.

Bản chất Carlo vui vẻ và nhiệt huyết nhưng sự có mặt của tên làm phim gây khó chịu cho hắn - Carlo đã lấy cái gương từ một nhà chứa của hắn ở Cagliari theo lệnh của Mason chỉ để cung cấp cho tên làm phim khiêu dâm này, Oreste Pini.

Cái gương là một yêu cầu đối với Oreste, kẻ đã dùng gương như một công cụ yêu thích trong những phim khiêu dâm của hắn và trong một bộ phim giết người thật sự hắn làm ở Mauritania. Lấy cảm hứng từ một lời răn in trên kính xe của mình, hắn đã tiên phong trong việc dùng gương cong để làm cho mọi vật có vẻ to hơn so với khi nhìn bằng mắt thường.

Oreste phải dàn dựng hai máy quay với âm thanh ngon lành như Mason đã ra lệnh, và hắn phải quay được ngay lần đầu tiên. Ngoài những thứ khác, Mason còn muốn một màn cận cảnh khuôn mặt liên tục, không bị gián đoạn.

Đối với Carlo, có vẻ như Oreste Pini không ngừng làm những trò vớ vẩn.

“Ông có thể đứng đó nói huyền thuyên với tôi như một mục đàn bà hoặc có thể xem tôi làm và hỏi bất kỳ chỗ nào ông không hiểu,” Carlo nói với hắn.

“Tôi muốn *quay* màn thực tập.”

“*Va bene.** Hãy chuẩn bị mớ rác của ông và bắt đầu đi.”

Trong khi Oreste dựng máy quay, Carlo và ba người Sardinia im thin thít đi cùng hắn chuẩn bị đồ của họ.

Oreste, một kẻ háms tiền, luôn kinh ngạc với những thứ mà tiền có thể mua được.

Tại cái bàn dài ở một bên chuồng gia súc, em trai Carlo, Matteo, đang mở một mớ quần áo cũ. Hắn chọn trong đó áo sơ

mi và quần trong khi hai người Sardinia khác, anh em Piero và Tommaso Falcione, đẩy băng ca cấp cứu qua bãi cỏ vào trong chuồng. Cái băng ca bị lấm bẩn và méo mó.

Matteo đã có sẵn mấy xô thịt xay, mấy con gà chết vẫn còn lông và một ít trái cây hư đã bắt đầu hút lũ ruồi, một xô bao tử và ruột bò.

Matteo trải cái quần kaki cũ lên băng ca và bắt đầu nhồi mấy con gà, thịt và trái cây vào trong. Rồi hắn lấy một đôi găng vải dòn thịt xay và quả sồi vào. Hắn cẩn thận nhồi từng ngón, đoạn đặt đôi găng vào chỗ ống quần. Hắn chọn một cái áo sơ mi cho nguyên bộ và trải lên băng ca, rồi nhồi bao tử, ruột vào cái sơ mi và cải thiện mấy đường cong bằng bánh mì trước khi cài nút áo, đút gọn găng vào trong quần. Một đôi găng tay nhồi để ở đầu ống tay áo. Trái dưa hắn dùng làm đầu được phủ lưới tóc, nhồi bằng thịt xay ở phần khuôn mặt cùng với hai quả trứng luộc làm hai mắt. Khi hắn hoàn tất, thành quả trông như một con ma nơ canh đầy u bướu. Trên băng ca, trông nó còn hơn cả bộ dạng của mấy anh nhảy dù được người ta đẩy đi. Để trang điểm lần cuối, Matteo xịt một ít nước hoa cạo râu cực đắt lên trái dưa và đôi găng ở đầu tay áo.

Carlo hất cằm về phía người trợ lý gầy gò của Oreste đang dựa vào rào chắn, vươn cây micrô chuyên dụng lên trên chuồng để đo tầm vươn của nó.

“Bảo cái thằng chó chết của ông, nếu nó té vào đó, tôi sẽ không vào theo đâu.”

Sau cùng mọi thứ cũng sẵn sàng. Piero và Tommaso gập chân băng ca hạ nó xuống rồi lăn đến cửa chuồng.

Carlo mang một máy cát xét và một âm li riêng từ nhà tối. Hắn có rất nhiều băng cát xét, một số hắn tự ghi khi cắt tai mấy nạn nhân bị bắt cóc để gửi đến cho thân nhân. Carlo luôn bật băng cho đám thú trong khi chúng ăn. Hắn sẽ không cần mấy cuộn băng khi có một nạn nhân thực cung cấp tiếng la hét.

Hai cái loa ngoài trời cũ được đóng vào cột bên dưới mái che. Mặt trời rực rỡ trên bãi cỏ êm thoải thoải chạy xuống khu rừng. Rào chắn vững chãi quay quanh bãi cỏ vẫn chạy tiếp vào tận trong rừng. Vào giữa trưa yên ả, Oreste có thể nghe tiếng ong thợ vù vù bên dưới mái che.

“Ông sẵn sàng chưa?” Carlo hỏi.

Oreste bật máy quay cố định. “*Giriamo,*”* hắn gọi người quay phim.

“*Pronti!*”* có tiếng đáp lại.

“*Motore!*”* Máy quay chạy.

“*Partito!*”* Âm thanh chạy cùng với phim.

“*Diễn!*” Oreste thọc Carlo.

Tên Sardinia nhấn nút Play của máy cát xét và một tiếng thét kinh hoàng bắt đầu, rên khóc và van nài. Người quay phim giật mình bởi tiếng động nhưng sau đó đứng vững lại. Tiếng thét nghe thật kinh khủng, nhưng lại là khúc mở màn thích hợp cho những bộ mặt từ trong rừng chạy ra, bị thu hút bởi tiếng thét báo hiệu giờ ăn tối.

CHƯƠNG 32

CHUYẾN ĐI KHỨ HỒI đến Geneva chỉ diễn ra trong vòng một ngày, để thấy tiền.

Máy bay nội địa nhỏ tới Milan, một chiếc phản lực Aerospatiale hú inh ỏi, rời khỏi Florence vào sáng sớm, lắc lư trên những vườn nho với những luống cách xa nhau như một mô hình xây dựng khu dân cư thô lậu của Tuscany. Có cái gì đó sai lệch trong màu sắc của cảnh vật - những hồ bơi mới bên cạnh mấy biệt thự của những người ngoại quốc giàu sụ có màu xanh là lạ. Với Pazzi, nhìn ra cửa sổ máy bay, những cái hồ có màu xanh đục của con mắt một người Anh già cỗi, một màu xanh lục lông giữa những cây bách sẫm và cây ô liu bạc.

Tinh thần của Rinaldo Pazzi lên cùng với máy bay khi trong thâm tâm ông biết rằng mình không phải sống tới già ở đây, phụ thuộc vào ý thích của cấp trên và cố gắng qua ngày để lấy tiền lương hưu.

Ông đã rất sợ bác sĩ Lecter sẽ biến mất sau khi giết Gnocco. Khi nhìn thấy ánh đèn làm việc của Lecter ở Santa Croce một lần nữa, ông cảm thấy như được cứu sống; tên bác sĩ cho rằng hẳn vẫn an toàn.

Cái chết của một người Digan chẳng mấy may ảnh hưởng đến sự bình yên của Questura và được cho là liên quan đến ma túy.

May mắn là có mấy ống xi lanh bỏ trên đất xung quanh gã, một cảnh thường thấy ở Florence nơi xi lanh được phát miễn phí.

Đi coi tiền. Pazzi khẳng khẳng muốn thế.

Kẻ có trí nhớ trực quan Rinaldo Pazzi ghi nhớ hình ảnh thật hoàn hảo: lần đầu tiên ông thấy dương vật của mình dựng lên, lần đầu tiên ông thấy máu của chính mình, người đàn bà đầu tiên ông thấy khóa thân, hình ảnh mờ tỏ của cú đâm đầu tiên tấn công ông. Ông nhớ đã đi dạo lòng vòng vào một nhà nguyện bên cánh của nhà thờ Sienese và bất chợt nhìn vào mặt Thánh Catherine của Siena. Cái đầu được ướp khô quấn khăn trùm màu trắng tinh của ngài đặt trong chiếc hộp thánh tích hình nhà thờ.

Nhìn thấy ba triệu đô la Mỹ cũng có ảnh hưởng tương tự đối với ông.

Ba trăm cọc tiền một trăm đô không cùng số xê ri.

Trong một căn phòng nhỏ nghiêm trang như một nhà nguyện ở ngân hàng Geneva Crédit Suisse, luật sư của Mason Verger cho Rinaldo Pazzi xem đồng tiền được đẩy trên xe từ hàm chứa lên, đựng trong bốn hộp khóa kỹ với bảng số bằng đồng. Ngân hàng Crédit Suisse cũng cung cấp máy đếm tiền, một cái cân và một thư ký để làm việc. Pazzi cho người thư ký đi. Ông đặt tay lên chồng tiền một lần.

Rinaldo Pazzi là một thanh tra rất có năng lực. Ông đã phát hiện và bắt giữ những bậc thầy lừa đảo trong hai mươi năm trời. Đứng trước sự hiện diện của đồng tiền và lắng nghe dàn xếp, ông không tìm ra sai sót nào; nếu ông giao Hannibal Lecter cho họ, Mason sẽ đưa tiền cho ông.

Trong cơn hấp tấp nóng vội nhưng ngọt ngào, Pazzi nhận ra những con người này không phải lừa đảo - Mason Verger sẽ trả công cho ông thật. Và ông không ảo tưởng về số phận của Lecter. Ông đang bán hẳn vào chỗ dọa dẫm và chết chóc. Điều đáng ngợi khen ở ông là ông đã dám tự nhìn nhận những gì mình đang làm.

Tự do của chúng ta đáng giá hơn mạng sống của con quái vật. Hạnh phúc của chúng ta quan trọng hơn nỗi thống khổ của hẳn, ông ngẫm nghĩ bằng sự ích kỷ lạnh lùng của kẻ bị dọa dẫm. “Chúng ta” ở đây nghĩa là những người có uy thế hay là Rinaldo và vợ ông, đấy là một câu hỏi khó và có lẽ không có câu trả lời rõ ràng.

Trong căn phòng này, chửi chửi theo kiểu Thụy Sĩ, gọn gàng như cái khăn trùm đầu, Pazzi lập lời thề cuối cùng. Ông quay khỏi đồng tiền và gật đầu với vị luật sư, ông Konie. Vị luật sư đếm lấy một trăm ngàn đô la trong hộp đầu tiên rồi đưa cho Pazzi.

Ông Konie nói ngắn gọn vào điện thoại đoạn đưa ống nghe cho Pazzi. “Đây là điện thoại bàn đã cài mã,” ông nói.

Pazzi nghe một giọng Mỹ có nhịp kỳ lạ. Từ ngữ ào ạt riu riu thành một hơi duy nhất có một quãng ngắt giữa chừng, và những âm bật bị mất. Tiếng nói đó làm Pazzi hơi chóng mặt như thể ông đang căng lên để thở cùng với người nói.

Mở đầu đã là câu hỏi: “Bác sĩ Lecter đang ở đâu?”

Pazzi với tiền trong tay này và điện thoại ở tay kia không hề do dự.

“Hắn là người nghiên cứu tòa Biệt điện Capponi ở Florence. Hắn là... giám tuyển của bảo tàng.”

“Ông làm ơn đưa thẻ căn cước và điện thoại cho ông Konie. Ông ấy sẽ không đọc tên ông trong điện thoại đâu.”

Ông Konie tham khảo một danh sách trong túi áo và nói mấy từ được đánh mã từ trước với Mason rồi đưa điện thoại lại cho Pazzi.

“Ông sẽ nhận số tiền còn lại khi hắn còn sống rơi vào tay chúng tôi,” Mason nói. “Ông không phải một mình bắt tên bác sĩ nhưng phải tìm ra hắn và để hắn vào tay chúng tôi. Tôi cần tài liệu của ông nữa, mọi thứ ông có về hắn. Ông sẽ về Florence trong tối nay à? Tối nay ông sẽ nhận chỉ thị về cuộc gặp ở gần Florence. Cuộc gặp mặt sẽ không trễ hơn tối mai. Lúc đó ông sẽ được chỉ thị từ người sẽ bắt bác sĩ Lecter. Hắn sẽ hỏi ông xem ông có biết một người bán hoa không. Hãy nói với hắn rằng tất cả kẻ bán hoa đều là trộm cắp. Ông nghe tôi không? Tôi muốn ông hợp tác với hắn.”

“Tôi không muốn bác sĩ Lecter trong... Tôi không muốn hắn gần Florence khi...”

“Tôi hiểu nỗi lo của ông. Đừng lo, hắn sẽ không đâu.”

Đường dây bị cúp.

Trong vài phút làm giấy tờ, hai triệu đô được đưa vào kế ước cho bên thứ ba. Mason Verger không thể lấy lại nhưng có thể chuyển sang cho Pazzi. Một nhân viên Crédit Suisse được gọi đến phòng họp để thông báo cho Pazzi ngân hàng sẽ tính lãi suất âm để tạo điều kiện cho ông mở tài khoản nếu ông chuyển sang đồng Franc Thụy Sĩ và chỉ trả ba phần trăm lãi kép cho một trăm ngàn Franc đầu tiên. Nhân viên này cho Pazzi xem bản sao Điều 47 về bảo mật ngân hàng trong *Bundesgesetz über*

Banken und Sparkassen (Luật Liên bang về Ngân hàng và Tiết kiệm Ngân hàng) và đồng ý chuyển khoản trên mạng tới Ngân hàng Hoàng gia Nova Scotia hay tới đảo Cayman ngay lập tức sau khi Mason chuyển tiền nếu như Pazzi muốn.

Với sự có mặt của một công chứng viên, Pazzi ủy nhiệm cho vợ ông được nắm giữ tài khoản nếu ông chết. Giao dịch xong xuôi, chỉ duy có nhân viên ngân hàng Thụy Sĩ chủ động bắt tay. Pazzi và ông Konie không nhìn thẳng mặt nhau mặc dù ông Konie có chào tạm biệt ngay cửa.

Trên chặng cuối về nhà, chiếc máy bay chở khách từ Milan nhấp nhô tránh một cơn dông. Cánh quạt máy bay bên phía Pazzi ngồi là một vòng tròn đen in lên nền trời xám xịt. Sấm chớp đầy trời khi họ vụt qua thành cũ, tháp chuông và mái vòm của giáo đường nằm ngay dưới họ với những tia sáng từ bình minh buổi sớm, có ánh chớp và tiếng nổ như những gì Pazzi nhớ lại thời thơ ấu khi bọn Đức cho nổ những chiếc cầu qua sông Arno, chỉ chừa lại có Ponte Vecchio. Và trong khoảnh khắc ngắn như tia chớp, ông nhớ lại khi còn là một đứa bé đã thấy một kẻ bắn tia bị bắt và xích vào tượng Đức Mẹ Xiềng Xích để cầu nguyện trước khi bị bắn.

Hạ độ cao trong mùi ozone của chớp, cảm nhận được tiếng ầm ầm của sấm trong chiếc máy bay, Pazzi của dòng họ Pazzi cổ xưa trở về thành phố cổ xưa với những mục tiêu lâu đời như chính thời gian.

CHƯƠNG 33

RINALDO PAZZI muốn duy trì việc giám sát liên tục giải thưởng của mình trong Biệt điện Capponi nhưng không thể làm thế.

Thay vì vậy, vẫn còn đắm chìm trong cảnh tượng tiền bạc, Pazzi phải chui vào bộ quần áo tiệc tối và gặp vợ tại buổi hòa nhạc được trông chờ từ lâu của Dàn nhạc Thính phòng Florence.

Nhà hát Teatro Piccolomini, bản sao tầm cỡ trung bình của nhà hát lộng lẫy Teatro La Fenice ở Venice vào thế kỷ mười chín là một hộp trang sức kỳ dị lấp lánh và lông lá với những thiên thần nhỏ giấu cột nguyên lý khí động lực qua cái trần lộng lẫy của nó.

Một điểm hay nữa là nhà hát này đẹp đẽ vì đám diễn viên luôn cần tất cả sự trợ giúp mà họ có thể có.

Thật không công bằng nhưng không thể nào tránh khỏi khi âm nhạc ở Florence bị đánh giá bởi tiêu chuẩn cao thâm căn cố đế của nghệ thuật trong thành phố. Người Florence là một cộng đồng lớn những người yêu nhạc có hiểu biết, điển hình của Ý, nhưng thỉnh thoảng họ cũng đói nghệ sĩ âm nhạc.

Pazzi lách vào chỗ ngồi bên cạnh vợ trong tiếng vỗ tay sau khúc nhạc mở màn.

Cô chìa cái má thơm tho cho ông. Ông cảm thấy tim mình lớn lên bên trong khi nhìn cô trong bộ váy dạ hội, vừa đủ khéo để tỏa ra mùi thơm ấm áp từ khe ngực của cô và từ nốt nhạc trên cái áo khoác Gucci sang trọng mà Pazzi đã tặng.

“Nghe có vẻ trăm phần trăm hay hơn người chơi đàn mới,” cô thở vào tai Pazzi. Người chơi đàn *viola* xuất sắc này được đưa vào thay thế một tên đàn độn đến phát điên, một anh em họ của nhà Sogliato đã mất tích một cách kỳ quặc vài tuần trước.

Bác sĩ Hannibal Lecter từ lô trên cao nhìn xuống, một mình, tinh tươm với cà vạt trắng. Khuôn mặt và ngực áo hằn đường như nổi rõ trong cái lô tối được viền bởi những chạm khắc kiểu ba rốc lấp lánh ánh vàng.

Pazzi nhìn thấy hấn lúc đèn bật lên chớp nhoáng sau phần một. Trong giây phút trước khi Pazzi kịp nhìn đi chỗ khác, đầu tay bác sĩ quay lại như con cú và ánh mắt họ gặp nhau. Một cách không chủ định, Pazzi siết tay vợ mạnh đến nỗi cô phải quay lại nhìn ông. Sau đó, Pazzi cương quyết chăm chú nhìn lên sân khấu, mu bàn tay áp nóng hổi vào đùi vợ khi cô giữ tay ông lại trên người mình.

Vào lúc giải lao, khi Pazzi từ quầy nước quay lại đưa nước cho cô, bác sĩ Lecter đang đứng phía sau cô.

“Xin chào, Tiến sĩ Fell,” Pazzi cất lời.

“Chào *commendatore*” tay bác sĩ đáp. Hấn chờ đợi, đầu hơi nghiêng về phía trước cho đến khi Pazzi phải giới thiệu.

“Laura, để anh giới thiệu Tiến sĩ Fell với em. Tiến sĩ, đây là signora* Pazzi, vợ tôi.”

Signora Pazzi đã quen với chuyện được khen về sắc đẹp của mình, cô nhận thấy những gì sau đó thật tò mò đáng yêu dù chồng cô không thấy thế.

“Cảm ơn vì đặc ân này thưa *commendatore*,” tay bác sĩ nói. Cái lưỡi đỏ, nhọn của hắn lộ ra một giây trước khi hắn cúi xuống tay signora Pazzi. Môi hắn có lẽ chạm sát hơn thủ tục thông thường ở Florence, sát tới nỗi cô cảm thấy cả hơi thở của hắn trên da.

Mắt hắn nhìn lên cô trước khi hắn ngẩng đầu lên.

“Signora Pazzi, tôi nghĩ bà đặc biệt hứng thú với Scarlatti.”

“Vâng, đúng vậy.”

“Thật vui khi thấy bà theo dõi bản nhạc. Hầu như không ai còn làm vậy nữa. Tôi hy vọng cái này sẽ làm bà thích.” Hắn lấy ra một tập tài liệu kẹp dưới nách. Đó là một bản nhạc cổ trên giấy da, bản viết tay. “Đây là từ nhà hát Teatro Capranica ở Rome từ năm 1688, năm bản nhạc được soạn.”

“Meraviglioso*! Nhìn đây này, Rinaldo!”

“Tôi đã đánh dấu bằng bút dạ mấy chỗ khác so với bản hiện đại trong phần một,” bác sĩ Lecter nói. “Có lẽ bà sẽ thấy thích thú dõi theo trong phần hai. Xin bà hãy nhận lấy. Tôi có thể xin lại bất kỳ lúc nào từ ông Pazzi. Được không *commendatore*?”

Trong khi Pazzi trả lời, tay bác sĩ nhìn xoáy vào ông.

“Nếu em thích, Laura,” Pazzi nói. Nghĩ một khắc. “Ông sẽ diễn thuyết trước Studiolo phải không tiến sĩ?”

“Vâng, vào tối thứ Sáu. Soglioto đang nôn nóng thấy tôi bị mất uy tín.”

“Tôi phải ở thành cũ này,” Pazzi nói. “Vậy hôm đó tôi sẽ trả lại ông bản nhạc nhé. Laura, Tiến sĩ Fell phải hát trong bữa lót dạ trước những con rồng của Studiolo.”

“Tôi chắc là ông sẽ hát *rất* hay, tiến sĩ.” Cô vừa nói vừa nhìn hắn với đôi mắt to đen láy - nhưng chỉ trong giới hạn đúng mực.

Tiến sĩ Fell mỉm cười, hàm răng nhỏ trắng lờm. “Thưa bà, nếu tôi là nhà sản xuất Fleur du Ciel, tôi sẽ đề nghị tặng bà kim cương Cape* để có vinh hạnh được bà xúc loại nước hoa đó. Hẹn gặp vào tối thứ Sáu nhé *commendatore*.”

Pazzi chắc mẩm tay bác sĩ đã trở về lô của hắn nên không nhìn hắn lần nào nữa cho đến khi họ vẫy tay tạm biệt từ xa trên bậc cầu thang nhà hát.

“Sinh nhật em, anh đã tặng Fleur du Ciel,” Pazzi nói.

“Vâng và em thích lắm, Rinaldo,” signora Pazzi nói. “Anh có gu thẩm mỹ thật tuyệt vời.”

CHƯƠNG 34

IMPRUNETA là một thị trấn Tuscan cổ xưa, vốn sản xuất gạch ngói cho những tòa thánh. Cách đó nhiều dặm từ những ngôi biệt thự trên đồi, nghĩa trang của thị trấn nhìn thật rõ trong đêm tối vì đèn luôn thấp sáng ở các ngôi mộ. Đèn xung quanh mộ rất thấp nhưng cũng đủ cho khách viếng đi lại quanh chỗ người chết, tuy thế vẫn cần đèn pin mới đọc được bia mộ.

Chín giờ kém năm phút, Rinaldo Pazzi đến với một bó hoa nhỏ ông định sẽ đặt đại trên một nấm mộ. Ông đi chậm chậm dọc theo con đường sỏi giữa những ngôi mộ.

Ông cảm nhận được sự có mặt của Carlo dù không thấy hẳn ta.

Carlo nói vọng ra từ phía bên kia của một lăng mộ cao hơn đầu người. “Ông có biết người bán hoa nào tốt trong thị trấn không?”

Nghe giọng thì gã đàn ông có vẻ như người Sardinia. Tốt, có lẽ hẳn biết việc hẳn đang làm.

“Tất cả mấy tên bán hoa đều là trộm cắp hết,” Pazzi trả lời.

Carlo bước nhanh xung quanh kiến trúc bằng đá cẩm thạch mà không hề liếc mắt nhìn.

Đối với Pazzi, trông hắn có vẻ hoang dã, thấp tròn và mạnh mẽ, tay chân lạnh lẽo. Áo gi lê của hắn làm bằng da và hắn có một sợi lông lợn trên nón. Pazzi ước chừng ông có tầm tay dài hơn Carlo tám phân và cao hơn hắn mười phân. Cân nặng thì sàn sàn nhau, ông đoán vậy. Carlo bị mất một ngón cái. Pazzi nghĩ ông có thể tìm thấy hắn trong hồ sơ của Questura trong vòng năm phút. Cả hai người đều được những ngọn đèn mờ chiếu từ dưới lên.

“Chỗ hắn sống có hệ thống báo động tốt,” Pazzi nói.

“Để tôi xem sao. Ông phải chỉ cho tôi hắn trông như thế nào đã.”

“Vào tối mai, tối thứ Sáu, hắn phải thuyết trình ở một cuộc họp. Anh có thể hành động sớm vậy không?”

“Tốt thôi.” Carlo muốn bắt nạt tên cảnh sát một chút để tạo uy. “Ông sẽ đi với hắn chứ hay ông sợ hắn? Ông phải làm những gì ông được trả thù lao để làm. Ông phải chỉ mặt hắn cho tôi.”

“Coi chừng lời nói của anh. Tôi sẽ làm những gì tôi được trả để làm và anh cũng thế. Không thì anh có thể nghỉ hưu làm một thằng chó chết ở Volterra, tùy anh thôi.”

Lúc làm việc cũng như lúc khóc lóc đau đớn, Carlo không dễ gì bị sỉ nhục. Hắn nhận ra mình đã đánh giá sai viên cảnh sát. Hắn dang tay. “Nói cho tôi những gì tôi cần biết.” Carlo đến đứng cạnh Pazzi như thể họ đang cùng thương tiếc trước một lăng mộ nhỏ. Một cặp nam nữ nắm tay nhau ngang qua lối đi. Carlo hạ nón xuống và hai người đứng cúi đầu. Pazzi đặt hoa trước cửa mộ. Có mùi gì từ cái nón âm ẩm của Carlo, mùi ôi như xúc xích làm từ một con thú không được hiến cho đền hoàng.

Pazzi ngẩng mặt lên khỏi mùi hôi. “Hắn dùng dao rất nhanh và hèn hạ.”

“Hắn có súng không?”

“Tôi không biết. Theo tôi biết thì hắn chưa dùng bao giờ.”

“Tôi không muốn phải kéo hắn ra khỏi xe. Tôi muốn hắn ở trên đường ít người qua lại.”

“Anh sẽ hạ hắn như thế nào?”

“Đó là việc của tôi.” Carlo bỏ cái răng nai vào mồm, nhai phàn sụn, liên tục chìa răng ra giữa hai môi.

“Đó cũng là việc của tôi,” Pazzi nói. “Anh sẽ hành động thế nào?”

“Đánh ngất hắn bằng súng túi đậu*, sau đó trùm lưới hắn rồi tiêm cho hắn một mũi. Tôi cần kiểm tra răng của hắn ngay phòng trường hợp hắn có độc dưới bít răng.”

“Hắn phải thuyết trình ở một buổi họp. Bắt đầu lúc bảy giờ ở Biệt điện Vecchio. Nếu làm việc ở nhà nguyện Capponi trên đường Santa Croce vào thứ Sáu, hắn sẽ đi bộ từ đó đến Biệt điện Vecchio. Anh có rành Florence không?”

“Tôi rành lắm. Ông có thể lấy cho tôi thẻ thông hành cho xe trong thành cũ không?”

“Được.”

“Tôi sẽ không lôi hắn ra khỏi nhà thờ đâu,” Carlo nói.

Pazzi gật đầu. “Tốt hơn là hắn xuất hiện ở buổi họp rồi sau đó sẽ không được nhắc đến trong vòng hai tuần. Tôi có lý do để đi cùng hắn tới Biệt điện Capponi sau buổi họp...”

“Tôi không muốn bắt hấn tại nhà riêng. Đó là địa bàn của hấn. Hấn rành nó còn tôi thì không. Hấn sẽ cảnh giác, sẽ nhìn quanh ở ngay cửa. Tôi muốn hấn ở ngay trên lề đường.”

“Hãy nghe tôi đã - chúng tôi sẽ đi ra cửa trước của Biệt điện Vecchio, phía đường Via dei Leoni sẽ đóng cửa. Chúng tôi sẽ đi dọc theo đường Via Neri và băng qua sông trên cầu Ponte alle Grazie.

Đám cây phía trước bảo tàng Bardini ở bên kia cầu sẽ che ánh sáng đèn đường. Lúc đó cũng yên ắng vì trường học đã tan.”

“Vậy chúng ta sẽ hành động trước bảo tàng Bardini, nhưng có thể tôi sẽ hành động sớm hơn nếu thấy có cơ hội, gần tòa biệt điện, hoặc sớm hơn nếu hấn giỡn mặt và chạy trốn. Có thể chúng ta sẽ ở trên xe cấp cứu. Ở lại với hấn cho đến khi túi đậu trúng hấn rồi sau đó phải rời khỏi đó thật nhanh.”

“Tôi muốn hấn ra khỏi Tuscany trước khi có gì xảy ra với hấn.”

“Tin tôi đi, hấn sẽ biến mất khỏi mặt đất, *chân trước tiên*.” Carlo nói, mỉm cười vì câu nói giỡn, thò cái răng nai ra.

CHƯƠNG 35

SÁNG THỨ SÁU. Trong một căn phòng nhỏ trên tầng thượng của Biệt điện Capponi với ba bức tường sơn trắng trơ trọi. Bức tường thứ tư treo một bức tranh Đức Mẹ Đồng trinh Maria khổ lớn từ thế kỷ mười ba của trường phái Cimabue trông thật khổng lồ trong căn phòng nhỏ xíu, đầu ngài nghiêng thành một góc đặc thù như đầu một chú chim tò mò cùng đôi mắt hạnh nhân nhìn xuống một thân hình bé nhỏ say ngủ phía dưới.

Bác sĩ Hannibal Lecter, kẻ cáo già trong nhà tù và giường bệnh tâm thần, nằm yên lặng trên cái giường chật hẹp, tay để lên ngực.

Đôi mắt hần bật mở và hần bỗng nhiên hoàn toàn tỉnh táo. Giấc mơ của hần về cô em gái Mischa, đã chết và bị phân hủy từ lâu, diễn ra song song với thực tại: nguy hiểm khi đó, nguy hiểm bây giờ.

Biết mình đang gặp nguy hiểm, cũng như việc hần đã giết tên móc túi, tất cả các thứ đó chẳng ảnh hưởng gì đến giấc ngủ của hần.

Sau khi chứng diện cho hôm nay, trông hần thanh mảnh và thật chài chuốt trong bộ com lê lụa sẫm, hần tắt cảm biến phát hiện chuyển động ở đầu cầu thang dành cho kẻ hầu rồi đi xuống vùng không gian rộng bao la của biệt điện.

Bây giờ hắn tự do xuyên qua khoảng lạng to lớn của các căn phòng trong biệt điện. Đây luôn là sự tự do đầy hứng thú dành cho hắn sau bao nhiêu năm trôi mình trong phòng giam ở tầng hầm.

Như những bức tường đầy bích họa của Santa Croce hay Biệt điện Vecchio tràn ngập trong trí óc, không khí thư viện Capponi rung lên với sự hiện diện của bác sĩ Lecter khi hắn làm việc tại bức tường vĩ đại lỗ chỗ các bản viết tay. Hắn chọn những cuộn giấy da dê, thổi bụi đi, những hạt bụi bơi trong ánh sáng mặt trời trông như những kẻ đã chết, nay đã trở thành cát bụi, sống lại để kể cho hắn nghe vận mệnh của mình và của hắn. Hắn làm việc hiệu quả nhưng không nhanh quá, bỏ vài thứ vào túi đựng, nhặt nhanh những quyển sách và minh họa cho bài giảng tối nay ở Studiolo. Có quá nhiều thứ mà hắn muốn đọc ngay.

Bác sĩ Lecter mở máy tính xách tay và kết nối với khoa tội phạm học của trường Đại học Milan, vào trang chủ của FBI ở địa chỉ www.fbi.gov như một công dân bình thường. Hắn biết được rằng Tiểu ban Tư pháp đứng ra xử vụ đột kích ma túy thất bại của Clarice Starling chưa lên được lịch trình. Hắn không có mã đăng nhập cần thiết để xem hồ sơ của chính mình ở FBI. Trong trang Truy Nã, gương mặt trước kia của hắn nhìn vào hắn, ép giữa một kẻ đánh bom và một tên phá hoại.

Bác sĩ Lecter cầm tờ báo khổ nhỏ rục rờ từ đồng giấy da dê rồi nhìn vào hình của Clarice Starling trên trang bìa và lấy ngón tay chạm vào mặt cô. Lưỡi dao sáng chói hiện ra trong tay hắn thế cho ngón tay thứ sáu. Con dao tên gọi là Harpy có lưỡi răng cưa dạng móng sư tử. Nó cắt tờ *National Tattler* ngọt như khi cắt đứt động mạch đùi của gã Digan. Lưỡi dao khứa vào và rút ra

khỏi người gã Digan nhanh đến nỗi bác sĩ Lecter không cần chùi nó.

Bác sĩ Lecter cắt hình mặt Clarice Starling ra rồi dán vào một mảnh giấy da dê còn trống.

Hắn nhặt một cây bút lên rồi vẽ một cách dễ dàng vào mảnh giấy da cơ thể một con sư tử cái có cánh, một quái vật sư tử đầu chim thể bằng gương mặt Starling. Bên dưới, hắn viết tay dòng chữ đặc trưng của mình: *Starling, cô có bao giờ nghĩ tại sao lũ người philistine chẳng hiểu mình. Đó là vì cô là câu trả lời cho câu đố của Samson: cô là mật ngọt trong sư tử.*

Cách đó năm mươi cây số, đậu kín đèo đằng sau một bức tường bằng đá cao ở Impruneta, Carlo Deogracias tiến lại chỗ đồ nghề của hắn trong khi em trai hắn Matteo đang tập một loạt thế Judo hạ đo ván trên bãi cỏ mềm cùng với hai tên Sardinia, Piero và Tommaso Falcione. Cả hai tên nhà Falcione đều nhanh và khỏe - Piero đã từng chơi cho đội bóng đá chuyên nghiệp Cagliari một thời gian ngắn. Tommaso từng học để làm cha xứ và nói tiếng Anh rất khá. Thỉnh thoảng hắn cầu nguyện với những nạn nhân.

Chiếc xe tải màu trắng hiệu Fiat của Carlo với biển số Rome được thuê hợp pháp. Gắn gọn ghẽ vào bên hông xe là bảng hiệu đề OSPEDALE DELLA MISERICORDI*. Vách và sàn xe được đệm lót phòng khi con mồi vùng vẫy.

Carlo dự định tiến hành phi vụ đúng như Mason mong muốn. Tuy nhiên nếu kế hoạch đi sai nước khiến hắn phải giết bác sĩ Lecter ở Ý và hủy vụ quay phim ở Sardinia thì không có gì để

mất cả. Carlo biết rằng hắn có thể làm thịt bác sĩ Lecter, chặt đầu và tay hắn trong vòng chưa đầy một phút.

Nếu không có nhiều thời giờ đến thế, hắn có thể lấy dương vật và một ngón tay, những thứ đó có thể kiểm chứng ADN để làm bằng chứng. Bỏ trong túi nhựa dán kín và ướp nước đá, không đến hai mươi bốn tiếng chúng sẽ đến tay Mason và sẽ đem lại cho Carlo một phần thưởng thêm vào thù lao của hắn.

Cất ngăn nắp bên dưới ghế ngồi là một cửa xích nhỏ, kéo cắt kim loại có tay cầm dài, một cửa phẫu thuật, dao sắc, túi nhựa khóa kéo, một túi đồ nghề Black & Decker để giữ tay của gã bác sĩ cùng với một thùng chuyển phát nhanh đường hàng không DHL trả phí trước. Ước lượng đầu bác sĩ Lecter nặng khoảng sáu cân và mỗi bên tay chừng một cân.

Nếu Carlo có cơ hội thu lại cảnh làm thịt khẩn cấp vào băng video, hắn tin rằng Mason sẽ trả thêm để được thấy bác sĩ Lecter bị làm thịt sống ngay cả sau khi hắn đã khắc ra một triệu đô la cho đầu và tay của gã bác sĩ. Vì mục đích đó, Carlo đã tự trang bị một máy quay phim xịn, nguồn sáng và giá máy cũng như chỉ cho Matteo sơ sơ cách hoạt động.

Đồ nghề bắt cóc của hắn được cũng được quan tâm chu đáo. Piero và Tommaso là chuyên gia về lưới, đang gấp lưới cẩn thận lại như gấp một cái dù. Carlo có một khẩu súng chích và đâm thuốc mê acepromazine dành cho thú, đủ để hạ một con thú bằng cỡ bác sĩ Lecter trong vài giây. Carlo đã bảo với Rinaldo Pazzi hắn sẽ bắn súng túi đậu trước, nó đã được nạp đạn sẵn sàng. Tuy nhiên nếu có cơ hội bắn một mũi thuốc mê vào bất kỳ chỗ nào ở mông hay chân bác sĩ Lecter thì túi đậu không cần thiết nữa.

Mấy tên bắt cóc phải vào đất liền của Ý cùng con tin trong vòng bốn mươi phút, cũng là khoảng thời gian để lái tới chỗ đậu máy bay ở tháp Pisa, ở đó có một máy bay cấp cứu chờ sẵn. Đường bằng Florence gần hơn nhưng rất ít xe cộ lưu thông nên một chuyến bay riêng sẽ dễ bị để ý hơn.

Chưa tới một tiếng rưỡi, bọn họ sẽ tới Sardinia nơi ban tiếp đón của ngài tiến sĩ đang dõi ngấu ngiên.

Carlo đã tính toán tất cả trong cái đầu thông minh và hơi hám của hắn. Mason không ngốc. Thù lao được chia ra để không có nguy hại gì đến Rinaldo Pazzi - Carlo sẽ bị thiệt tiền nếu giết Pazzi và đòi lãnh toàn bộ phần thưởng. Mason không muốn lôi kéo sự chú ý vì cái chết của một cảnh sát. Tốt hơn nên làm theo cách của Mason. Nhưng cách đó lại làm Carlo khó chịu vô cùng khi nghĩ tới những gì hắn có thể đạt được chỉ với vài nhát cửa nếu như hắn tìm thấy bác sĩ Lecter một mình trước đó.

Hắn thử cái cửa xích. Nó đã hoạt động ngay phát kéo đầu tiên.

Carlo truyền đạt ngắn gọn với mấy người khác, rồi bỏ vào thị trấn trên chiếc *motorino* nhỏ, chỉ mang theo một con dao, một khẩu súng và một ống tiêm.

Bác sĩ Hannibal Lecter khởi hành sớm từ một con phố ồn ào tới Farmacia di Santa Maria Novella, một trong những nơi thơm nhất trên địa cầu. Hắn đứng một lúc đầu ngửa ra, mắt nhắm lại, hít lấy mùi thơm của xà bông, nước dưỡng da, kem và những nguyên liệu trong nhà chế biến. Người khuân vác đã quen mặt hắn, đám thư ký vốn có phần hóm hỉnh cũng rất tôn trọng hắn.

Tiền mua hàng của Tiến sĩ Fell cao nhả trong những tháng hần ở Florence không tới hơn một trăm lia, nhưng mùi hương và tinh dầu được hần chọn lọc và kết hợp với sự nhạy cảm khiến ngạc nhiên và đẹp lòng những kẻ buôn hương này, những kẻ sống bằng mũi.

Để gìn giữ khoái cảm này, bác sĩ Lecter đã không động gì đến cái mũi bằng bất cứ kỹ thuật giải phẫu thẩm mỹ nào ngoại trừ tiêm collagen. Đối với hần không khí được tô điểm bằng những mùi hương rất đặc trưng và đầy sức sống như màu sắc vậy; hần có thể tạo lớp và phết phẩy các mùi hương ấy như thể vẽ màu ướt lên màu ướt. Tại đây không có lao tù. Tại đây không gian là âm nhạc. Tại đây những giọt hương trầm tái nhật đang chờ chiết, những quả lê vàng, gỗ đàn hương, quế và cây xấu hổ đang giao hưởng trên nền những mùi lót bèn bỉ chính cống của long diên hương, xạ hương, hương chiết từ hải ly và tinh dầu từ hươu xạ.

Thi thoảng bác sĩ Lecter hứng thú với ảo tưởng rằng hần có thể ngửi mùi hương bằng bàn tay, cánh tay và đôi má, rằng mùi hương tràn ngập hần. Rằng hần có thể ngửi bằng khuôn mặt và cả trái tim.

Theo lý lẽ hay ho của giải phẫu học, mùi hương bồi dưỡng trí nhớ hơn là những giác quan khác.

Tại đây bác sĩ Lecter có những hồi tưởng, những mảnh ghép lóe lên trong đầu khi hần đang đứng dưới ánh sáng dịu của cái đèn lớn Art Deco của Farmacia mà hít lấy hít để. Nơi đây không có gì từ nhà ngục. Ngoại trừ - Cái gì đó? Clarice Starling, tại sao vậy? Không phải mùi nước hoa 1'Air du Temps hần bắt gặp khi cô mở túi xách gần song sắt buồng giam của hần ở trại. Không

phải nó. Loại nước hoa đó không bán ở Farmacia này. Cũng không phải mùi nước dưỡng da của cô. À. Mùi *Sapone di mandorle*. Loại xà phòng hạnh nhân nổi tiếng của Farmacia. Hắn đã ngửi thấy mùi đó ở đâu rồi nhỉ? Memphis, khi hắn đang đứng ngoài buồng giam của mình, khi hắn chạm rất nhanh vào ngón tay cô không lâu trước khi tẩu thoát. Vậy là Starling rồi. Sạch sẽ và đặc quánh. Vải cotton phơi nắng và là ủi. Vậy là Clarice Starling. Hấp dẫn và ngon lành. Chán ngắt vì sự nghiêm trang và vô lý vì những nguyên tắc. Rất nhạy bén trong đầu óc. Ừm.

Mặt khác, hồi ức tồi tệ với bác sĩ Lecter còn gắn liền với những mùi khó chịu, và ở tại đây trong Farmacia có lẽ hắn đã bỏ xa cái hầm đen tối ghê tởm bên dưới tòa hồi ức của mình.

Trái với lệ thường, bác sĩ Lecter mua khá nhiều xà bông, nước dưỡng da và dầu tắm vào ngày thứ Sáu xám xịt này. Hắn tự mang về một ít và nhờ Farmacia vận chuyển số còn lại, tự đề nhãn gói hàng bằng nét chữ khắc đặc trưng của mình.

“*Dottore* có muốn bỏ thêm ghi chú không?” người nhân viên hỏi.

“Được thôi.” Bác sĩ Lecter trả lời và nhét bức vẽ quái vật sư tử đầu chim vào trong hộp.

Tiệm Farmacia di Santa Maria Novella gắn liền với một viện nữ tu ở Via Scala, và Carlo, một kẻ mộ đạo, bỏ nón và náu mình dưới bức hình của Đức Mẹ Đồng trinh gần lối vào. Hắn để ý thấy áp suất không khí từ những cánh cửa bên trong cửa phòng chờ thổi mấy cánh cửa bên ngoài hở ra mấy giây trước khi có ai đi

ra. Điều này sẽ giúp hắn có đủ thời gian nấu mình nhìn trộm ra mỗi khi có một người khách rời khỏi. Khi bác sĩ Lecter đi ra mang bì hồ sơ mỏng, Carlo đang núp kỹ phía sau một quầy bán bưu thiếp. Tay bác sĩ bắt đầu đi. Khi ngang qua hình Đức Mẹ, đầu hắn ngẩng lên, lỗ mũi nở ra lúc nhìn lên bức tượng, hắn kiểm tra không khí.

Carlo nghĩ có lẽ đó là cử chỉ mộ đạo. Hắn tự hỏi không biết bác sĩ Lecter có sùng đạo như những tên điên loạn vẫn thường hay thế không. Biết đâu chừng hắn có thể làm cho tay bác sĩ nguyện rửa Chúa vào phút cuối - điều đó có thể làm Mason vui lòng. Dĩ nhiên hắn phải đuổi tên Tommaso ngoan đạo ra khỏi tầm nghe trước.

Trong một buổi chiều muộn, Rinaldo Pazzi viết cho vợ một bức thư, lấy can đảm gửi kèm một bài thơ mà ông viết từ hồi mới hẹn hò nhưng vì quá nhát nên không dám đưa cho cô ngay khi đó. Ông cũng gửi kèm cả mã số cần thiết để lấy được số tiền ký gửi ở Thụy Sĩ cùng với một lá thư để cô gửi cho Mason nếu hắn không giữ lời hứa. Ông đặt lá thư vào chỗ cô chỉ tìm được khi đang thu lượm đồ đạc của ông.

Vào lúc sáu giờ, ông lái chiếc *motorino* nhỏ tới bảo tàng Bardini, khóa vào lan can sắt chỗ mấy đứa học sinh cuối cùng trong ngày đang lấy xe đạp. Ông thấy một chiếc xe tải trắng với biển đề xe cấp cứu đậu gần bảo tàng, liền đoán là của Carlo. Hai người đàn ông đang ngồi trên xe. Khi quay lưng đi, Pazzi cảm thấy có ánh mắt theo dõi mình.

Ông có rất nhiều thời gian. Đèn đường đã lên, ông rảo bước chậm chậm về phía sông xuyên qua bóng cây tối đen hữu ích trong bảo tàng. Băng qua cây cầu Ponte alle Grazie, ông nhìn chăm chú một lần xuống con sông Arno chảy lững lờ và đắm chìm trong những suy nghĩ miên man cuối cùng trong lúc ông vẫn còn có thời giờ dành cho chúng. Đêm sẽ tối đen. Tốt. Những đám mây thấp bay về phía Đông Florence, chỉ lướt qua đỉnh nhọn thảm khốc của tòa Biệt điện Vecchio, ngọn gió bốc cát rắc lên mấy bãi phân bò câu ở quảng trường phía trước Santa Croce mà Pazzi đang bắt đầu tiến đến. Túi ông nặng trĩu khẩu Beretta .380, một dùi cui bao da dẹt và một con dao để đâm Lecter phòng khi cần phải giết hắn ngay.

Nhà thờ Santa Croce đóng cửa lúc sáu giờ tối nhưng một người trông coi để Pazzi nấp vào cánh cửa nhỏ gần mặt tiền nhà thờ. Không muốn hỏi người đàn ông xem “Tiến sĩ Fell” có đang làm việc không nên ông cẩn thận đi vào xem. Nến cháy trên bàn thờ dọc theo tường đủ chiếu sáng cho ông. Ông đi dọc suốt nhà thờ dài dằng dặc cho đến khi nhìn được xuống cánh phải của nhà thờ. Qua ánh đèn trên bàn thờ, khó mà biết Tiến sĩ Fell có ở trong nhà nguyện Capponi không. Im lặng đi xuống cánh phải. Theo dõi. Một cái bóng lớn nhô lên trên tường nhà thờ và trong một giây Pazzi nín thở. Bác sĩ Lecter đang cúi xuống đánh bóng cái đèn trên sàn. Tay bác sĩ đứng dậy, nhìn vào bóng tối như một con cú, quay đầu lại, người vẫn giữ nguyên, chiếc đèn làm việc chiếu sáng từ dưới lên hắt cái bóng to đùng đằng sau hắn. Rồi cái bóng lại hạ thấp xuống trên tường nhà nguyện khi hắn cúi xuống tiếp tục công việc.

Pazzi cảm thấy mồ hôi nhỏ xuống lưng bên trong áo sơ mi nhưng mặt ông vẫn lạnh ngắt.

Vẫn còn gần một tiếng đồng hồ nữa mới tới giờ họp ở Biệt điện Vecchio và Pazzi muốn tới trễ.

Trong vẻ đẹp trang nghiêm, nhà nguyện mà kiến trúc sư Brunelleschi xây cho nhà Pazzi ở Santa Croce là một trong những vinh quang của kiến trúc Phục hưng. Tại đây những hình tròn và ô vuông hòa hợp với nhau. Đó là một tòa nhà riêng rẽ bên ngoài điện thờ của Santa Croce, và chỉ có thể vào qua một hành lang mái vòm.

Pazzi cầu nguyện trong nhà nguyện của nhà Pazzi, quỳ trên đá ngắm những hình thể giống hệt ông trong phù điêu tròn của Della Robbia ở cao cao trên đầu. Ông cảm thấy những lời cầu nguyện của mình bị bóp nghẹt bởi vòng tròn các tông đồ Chúa Giêsu trên trần và thầm nghĩ có lẽ những lời cầu nguyện đã thoát vào hành lang tối đằng sau ông rồi từ đó bay lên bầu trời rộng để đến với Chúa.

Ông cố gắng tưởng tượng trong đầu vài chuyện hay ho mình có thể làm với số tiền thu được từ cuộc trao đổi bác sĩ Lecter. Ông thấy mình và vợ đang phát tiền xu cho mấy đứa trẻ lang thang và mấy loại máy y tế người ta vẫn tặng cho bệnh viện. Ông thấy những con sóng ở Galilee mà theo ông rất giống ở vịnh Chesapeake. Ông thấy bàn tay xinh đẹp hồng hào của vợ ở quanh dương vật mình, siết mạnh hơn để cho đầu nó to hơn.

Nhìn quanh mình không thấy ai, ông bèn nói lớn với Chúa, “Cảm ơn Cha đã cho con loại bỏ con quái vật này ra khỏi mặt đất, con quái vật của những con quái vật. Cảm ơn thay cho

những linh hồn sẽ được thoát khỏi đau đớn. Chúng ta sẽ được cứu rỗi khỏi nỗi đau.” Cho dù đây là từ “Chúng ta” bề trên hay chỉ là hội của Pazzi, thì Chúa cũng không biết rõ và có lẽ cũng không có câu trả lời cụ thể.

Một phần không phải bạn bè trong con người ông nói với Pazzi rằng ông và bác sĩ Lecter đã cùng nhau giết người, rằng Gnocco là nạn nhân của họ vì Pazzi đã không làm gì để cứu lấy gã và đã thờ phào khi Thần Chết ngưng miệng gã lại.

Có một chút an ủi trong lời cầu nguyện, Pazzi nhớ lại khi đang rời khỏi nhà nguyện - khi đang đi ra, xuyên qua hành lang tối tăm, ông có một cảm giác rõ ràng rằng ông không phải chỉ một mình.

Carlo đang chờ đợi dưới mái hiên của Biệt điện Piccolomini và tiếp bước với Pazzi. Cả hai đều nói rất ít.

Họ đi ra sau Biệt điện Vecchio và xem lại cho chắc rằng cửa hậu đi ra đường Via del Leone đã khóa, cửa sổ chớp bên trên đã đóng.

Cánh cửa duy nhất còn mở là cửa chính đi vào biệt điện.

“Chúng ta sẽ ra đây, xuống cầu thang rồi vòng sang bên ra đường Via Neri,” Pazzi nói.

“Thằng em tôi và tôi sẽ ở mé Loggia của tòa nhà. Chúng tôi sẽ theo sau ông một quãng vừa đẹp. Mấy người khác đang ở bảo tàng Bardini.”

“Tôi có thấy họ.”

“Họ cũng thấy ông rồi,” Carlo nói.

“Cái túi đậu có gây tiếng động lớn lắm không?”

“Không lớn lắm, không như tiếng súng đâu nhưng ông sẽ nghe thấy và hắn sẽ bị gục nhanh chóng.” Carlo không nói cho ông biết rằng Piero sẽ bắn túi đậu từ trong bóng tối trước bảo tàng trong khi Pazzi và bác sĩ Lecter vẫn còn ở chỗ đèn sáng. Carlo không muốn Pazzi vì nao núng mà tránh xa tay bác sĩ nên không muốn cảnh báo ông trước khi bắn.

“Anh phải xác nhận với Mason rằng anh đã tóm được hắn. Anh phải làm trong tối nay,” Pazzi nói.

“Đừng lo. Nóng ruột về vụ này nên thể nào Mason cũng ngồi bên điện thoại cả đêm,” Carlo nói, liếc sang Pazzi, hy vọng trông thấy ông đang căng thẳng. “Đầu tiên hắn sẽ van xin Mason tha cho hắn còn sau đó hắn sẽ van xin được chết.”

CHƯƠNG 36

ĐÊM xuống và những du khách cuối cùng được lừa ra khỏi Biệt điện Vecchio. Rất nhiều người có cảm giác cái bóng lù mù của tòa lâu đài Trung cổ chiếu trên lưng khi họ tản ra bên kia quảng trường và phải quay lại nhìn lên lần cuối hàm răng của mấy cái đèn bí ngô cao cao bên trên họ.

Đèn bật sáng, quét lên vách đá xù xì, in rõ những cái bóng bên dưới dải tường răng cửa để nắp bắn trên đỉnh biệt điện. Khi những cánh én đã về tổ, những con dơi đầu tiên xuất hiện. Đang đi sẵn, chúng bị quấy rầy bởi những tiếng khoan điện rít lên liên tục của thợ sửa chữa chứ không chỉ bởi ánh đèn.

Bên trong biệt điện, công việc tu bổ bất tận sẽ tiếp tục trong một tiếng đồng hồ nữa, ngoại trừ bên trong phòng Huệ tây nơi bác sĩ Lecter đang bàn bạc với quản đốc của đội sửa chữa.

Người quản đốc, vốn đã quen với những đòi hỏi khắc nghiệt của ủy ban Belle Arti, thấy tay bác sĩ thật lịch lãm và cực kỳ phóng khoáng.

Trong vài phút, đám nhân viên của ông đã xếp gọn gàng các thiết bị, chuyển máy đánh bóng sàn và máy nén khí to đùng khỏi lối đi dựa vào tường và cuộn dây nhợ và dây điện lại. Họ nhanh chóng xếp ghế gấp cho buổi họp của Studiolo - chỉ cần

một tá ghế là đủ, và mở toang cửa sổ để bay mùi sơn, mùi đánh bóng và mùi những lớp mạ mới.

Tay bác sĩ một mực đòi cái bọc đàn hoàng, và một cái bọc to như bọc giảng kinh được tìm thấy ở văn phòng cũ của Niccolò Machiavelli gần gian phòng khách liền được đem đến bằng một xe đẩy cao cùng với một máy chiếu trên trần của biệt điện.

Màn hình nhỏ đi cùng máy chiếu không phù hợp với bác sĩ Lecter nên hắn nhờ chuyển nó đi. Hắn thế bằng cách chiếu hình ảnh với kích cỡ lớn bằng vật thật lên bức vải trướng treo bảo vệ bức tường gia cố. Sau khi đã điều chỉnh móc treo và vuốt phẳng những nếp gấp, hắn thấy màn vải thật phù hợp với mình.

Hắn đánh dấu vào một vài quyển sách nặng trĩu đang chồng trên bọc, sau đó đứng ở cửa sổ quay lưng lại phòng trong khi các thành viên hội Studiolo, diện những bộ com lê màu tối khô khan đến ngồi vào chỗ. Sự chất vấn ngầm của những học giả hiện lên rõ ràng khi họ sắp xếp lại ghế từ sơ đồ nửa vòng tròn thành hình dãy ghế bồi thẩm đoàn.

Nhìn ra những ô sổ cao, bác sĩ Lecter thấy tòa Thánh Duomo và gác chuông Giotto in bóng đen lên nền trời phía Tây nhưng không thấy được nơi rửa tội yêu dấu của Dante bên dưới. Mấy ngọn đèn chiếu ngửa lên cản tầm nhìn của hắn xuống khu quảng trường tối, nơi những sát thủ đang chờ đợi.

Khi những học giả nghiên cứu về thời kỳ Trung cổ và Phục hưng trứ danh nhất trên thế giới đã yên vị, bác sĩ Lecter soạn lại trong đầu bài diễn văn cho họ. Hắn mất hơn ba phút sắp xếp lại bài nói. Chủ đề là bài thơ *Inferno* (Địa ngục) và hình tượng Judas Iscariot của Dante.

Để phù hợp với sở thích của Studiolo về thời tiền Phục hưng, bác sĩ Lecter bắt đầu với trường hợp nhà thơ Pier della Vigna, một thần tử dưới hoàng triều Sicily mà sự tham lam đã cho hắn một chỗ trong địa ngục của Dante. Trong nửa tiếng đầu tiên, tay bác sĩ thu hút họ bằng âm mưu Trung cổ có thật ẩn phía sau sự sụp đổ của della Vigna.

“Vì lòng tham mà dám phản bội hoàng đế, della Vigna đã bị giáng chức và chọc mù mắt,” bác sĩ Lecter nói, dẫn vào đề tài chính. “Kẻ du hành Dante tìm thấy hắn ở tầng thứ bảy của địa ngục, chỗ dành cho những kẻ tự sát. Giống như Judas Iscariot, hắn chết vì treo cổ.

Judas và Pier della Vigna cùng với Ahithophel, cố vấn đầy tham vọng của Absalom, được kết nối lại với nhau trong thơ Dante bằng lòng tham lam ông thấy ở họ và bằng cái chết sau đó do treo cổ.

Lòng tham và treo cổ có mối tương quan theo suy nghĩ thời Trung cổ xa xưa: Thánh Jerome viết rằng họ của Judas, Iscariot, có nghĩa là ‘tiền bạc’ hay ‘giá trị’, trong khi Cha Origen cho rằng cái tên Iscariot có nguồn gốc Do Thái, xuất phát từ chữ ‘nghet thở’ và tên của hắn có nghĩa là ‘Judas Nghet thở.’

Từ bục giảng, bác sĩ Lecter ngược lên, nhìn cửa ra vào qua vành kính.

“À, *commendatore* Pazzi, xin mời. Vì ở gần cửa ra nhất, ông làm ơn giảm bớt ánh đèn được không? Ông sẽ hứng thú chỗ này *commendatore* ạ, vì đã có hai Pazzi trong *Inferno* của Dante...” Các giáo sư hội Studiolo cười khô khan. “Có Camicion de’ Pazzi, người đã giết một người bà con, và ông ấy đang chờ đợi sự xuất

hiện của tên Pazzi thứ hai - nhưng không phải ông, mà là Carlino, người sẽ xuống còn sâu hơn dưới địa ngục vì tội tạo phản, phản bội đảng Guelphs Trắng, đảng của Dante.”

Qua cửa sổ mở một con dơi nhỏ bay vào, lượn vài vòng quanh phòng trên đầu các giáo sư. Đó là một cảnh tượng thường thấy ở Tuscany nên chẳng ai để tâm tới.

Bác sĩ Lecter tiếp tục bài diễn thuyết. “Vây, lòng tham và treo cổ ràng chặt với nhau từ nghệ thuật cổ xưa, xuất hiện đi xuất hiện lại trong nghệ thuật.” Bác sĩ Lecter bấm điều khiển trong lòng bàn tay, máy chiếu liền bật lên chiếu vào tấm vải phủ trên tường. Hàng loạt hình ảnh hiện ra nối tiếp trong khi hắn nói:

“Đây là miêu tả đầu tiên về Chúa bị đóng đinh, được khắc trên một hộp ngà ở Gaul khoảng năm 400 Công nguyên. Nó mô tả cái chết vì treo cổ của Judas, mặt ông ta ngửa lên cảnh cây treo mình. Và đây trên một cổ quan tài của Milan, thế kỷ bốn, và trên một bộ tranh đôi màu ngà của thế kỷ thứ chín, Judas treo cổ. Ông ta *vẫn* ngửa đầu lên.”

Con dơi nhỏ đu đưa bên kia màn ảnh, đang sẵn bọ.

“Trên cái bảng lấy từ cửa nhà thờ Benevento này chúng ta thấy Judas đang treo cổ, ruột lòi ra đúng như Thánh Luke, người thầy thuốc, đã miêu tả trong sách *Công vụ Tông đồ*. Trong đây, ông ta treo cổ, vây quanh là những nữ yêu mình người cánh chim, bầu trời trên đầu là khuôn mặt của Cain-trên-mặt-trắng*; còn đây ông ta được chính Giotto* của các ngài miêu tả, một lần nữa với ruột treo lòng thòng.

Cuối cùng, ở đây, theo một dị bản *Inferno* thế kỷ mười lăm, là xác của Pier della Vigna treo trên một cái cây rỉ máu. Tôi không

cần phải nói thêm về sự tương đồng rõ ràng với Judas Iscariot nữa.

Tuy nhiên Dante không cần minh họa bằng tranh vẽ: Dante Alighieri đúng là một thiên tài vì đã tạo ra Pier della Vigna ở Địa ngục, nói bằng giọng gió căng ra và những âm xuýt tăng hăng như thể ông ta vẫn còn bị treo cổ. Hãy nghe ông ta kể về cảnh kéo lê xác chết của chính mình treo lên một cây gai cùng với những linh hồn bị dày khác:

*“Surge in vermena e in pianta silvestra:
l’Arpie, pascendo poi de le sue foglie,
fanno dolore, e al dolor fenestra.”*

Khuôn mặt bình thường vẫn trắng bệch của bác sĩ Lecter ứng hồng khi hắn tạo ra những tiếng nghẹn ngào, lục đục của Pier della Vigna lúc đau đớn cho hội Studiolo nghe, và khi hắn nhấn chiếc điều khiển từ xa, hình ảnh della Vigna và Judas ruột lòi ra lần lượt hiện ra trên màn ảnh lớn làm bằng tấm vải treo.

*“Come l’altre verrem per nostre spoglie,
ma non però ch’alcuna sen rivesta,
ché non è giusto aver ciò ch’om si toglie.*

*Qui le strascineremo, e per la mesta
selva saranno i nostri corpi appesi,
ciascuno al prun de l’ombra sua molesta.*

Vì thế Dante gợi lại bằng âm thanh cái chết của Judas qua cái chết của Pier della Vigna vì cùng một tội ác: tham lam và phản bội.

Ahithophel, Judas và Pier della Vigna của các vị. Tham lam, treo cổ, tự hủy hoại, với lòng tham thì tự hủy hoại cũng giống như treo cổ. Và cái gã Florence vô danh tự sát đã nói gì trong nỗi đau giằng xé ở cuối khổ thơ?

Io fei gibetto a me de le mie case.

Và tôi - tôi đã biến nhà mình thành giá treo cổ của mình.

Lần sau có lẽ các vị sẽ muốn luận đàm về con trai Dante, Pietro. Thật lạ thường, ông ta là tác giả duy nhất trong những tác giả đầu tiên nêu ra mối liên quan giữa Pier della Vigna và Judas trong khổ mười ba. Tôi cũng nghĩ rằng sẽ rất hay nếu luận về cảnh nhai trong thơ Dante, như là Ugolino nhai gậy vị tổng giám mục, quỷ Satan ba mặt nhai Judas, Brutus và Cassius, đều là những tên phản bội giống Pier della Vigna.

Cảm ơn vì đã chú ý lắng nghe.”

Các vị học giả nhiệt liệt vỗ tay theo cái cách khê khàng và khô ran của họ, và bác sĩ Lecter hạ thấp đèn xuống khi nói lời tạm biệt họ, gọi tên từng người. Hắn cầm sách trên tay để khỏi phải bắt tay họ. Ra khỏi ánh đèn dịu của phòng Huệ tây, có vẻ như họ vẫn còn mang theo bùa mê của bài diễn văn.

Bây giờ trong gian phòng lớn chỉ có bác sĩ Lecter và Rinaldo Pazzi, họ nghe thấy những học giả tranh luận với nhau khi đang xuống cầu thang.

“Ông có nghĩ rằng tôi sẽ giữ được công việc của mình không hả *commendatore*?”

“Tôi không phải là một học giả Tiến sĩ Fell ạ, nhưng ai cũng thấy ông gây ấn tượng với họ. Nếu tiện thì, tiến sĩ à, tôi sẽ về nhà với ông để lấy di vật của người tiền nhiệm của ông.”

“Phải chất đầy hai va li mất, thưa *commendatore*, và ông lại đang xách cặp. Ông vẫn muốn xách nữa sao?”

“Tôi sẽ gọi một xe tuần tra đến rước tôi tại Biệt điện Capponi,” Pazzi sẽ khẳng khái đòi nếu cần.

“Được thôi,” bác sĩ Lecter nói. “Một phút thôi, tôi đi cất đồ đã.”

Pazzi gật đầu rồi đi về phía những cánh cửa sổ cao, tay cầm điện thoại, mắt không hề rời khỏi Lecter.

Pazzi thấy tay bác sĩ tuyệt đối bình tĩnh. Từ tầng dưới vọng lên tiếng hàn điện.

Pazzi nhấn số gọi. Khi Carlo Deogracias trả lời, Pazzi nói, “Laura, *em yêu*, anh sắp về rồi.”

Bác sĩ Lecter nhặt sách trên bục xếp vào túi. Hắn quay về phía máy chiếu, quạt vẫn còn chạy, bụi bay trong ánh sáng.

“Lẽ ra tôi nên cho họ xem cái này, không hiểu sao tôi lại bỏ qua nó.” Bác sĩ Lecter chiếu một bức vẽ khác lên, một người đàn ông khỏa thân bên dưới bức tường rằng cửa của biệt điện. “Cái này ông sẽ thích cho mà xem, *commendatore* Pazzi, để tôi xem có thể tăng độ nét không.”

Bác sĩ Lecter chỉnh cái máy rồi đi về phía hình ảnh trên tường. Bóng hắn in đen trên tấm vải có kích thước vừa bằng

người bị treo cổ.

“Ông xem được không? Không thể phóng thêm được nữa.

Đây là nơi tổng giám mục đánh hắc. Và bên dưới có ghi tên của hắc đấy.”

Pazzi không lại gần bác sĩ Lecter, nhưng khi đến sát tường, ông ngửi thấy một hóa chất, và trong một thoáng nghĩ rằng đó là chất mà những người thợ tu bổ dùng.

“Ông có nhìn ra chữ trên đó không? Nó đề ‘Pazzi’ cùng với một bài thơ thô tục. Đây là tổ tiên của ông, Francesco, treo cổ ở ngoài Biệt điện Vecchio, bên dưới mấy cửa sổ này,” bác sĩ Lecter nói. Hắc quan sát ánh mắt Pazzi qua ánh đèn chiếu ở giữa họ.

“Cũng liên quan tới chuyện này, ông Pazzi, tôi phải thú nhận với ông: tôi đang suy nghĩ nghiêm chỉnh về việc ăn thịt vợ ông.”

Bác sĩ Lecter lật tấm vải to trùm lên Pazzi. Pazzi bị quất vào tấm màn, cổ thò đầu ra khi tim đang đập thành thạch trong ngực, và từ phía sau ông bác sĩ Lecter nhanh tay siết quanh cổ ông với sức mạnh khủng khiếp rồi chụp một miếng mút tấm ête lên gương mặt đang phủ màn của ông.

Rinaldo Pazzi, mạnh mẽ và vùng vẫy dữ dội, chân tay lúnh quính trong tấm màn, cả hai chân bị mắc vào vải, vẫn cầm được súng khi cả hai cùng ngã lên sàn. Ông cố chìa khẩu Beretta đằng sau mình, bên dưới tấm vải che, kéo cò rồi bắn xuyên qua đùi mình khi ông chìm vào bóng tối quay mòng mòng...

Khẩu .380 nhỏ nổ bên dưới tấm màn không gây tiếng động lớn hơn tiếng đập và tiếng mài ở những tầng dưới. Không ai

chạy lên lầu. Bác sĩ Lecter mở toang cửa vào phòng Huệ tây, đóng lại và cài chốt...

Khi Pazzi tỉnh lại, một cảm giác chóng mặt buồn nôn liền ập đến. Cái vị ête trong cổ họng và cảm giác nặng trĩch trong lồng ngực.

Ông nhận ra mình vẫn còn bên trong phòng Huệ tây và không thể di chuyển được. Rinaldo Pazzi bị trói thẳng đứng bằng tấm vải treo và dây thừng, cứng ngắc như cái đồng hồ treo tường cổ, dính vào chiếc xe đẩy cao mà đám thợ dùng để chuyển cái bọc. Miệng ông bị dán bằng keo. Một miếng gạc siết lại để ngưng máu chảy từ vết thương bị bắn trên đùi.

Dựa vào cái bọc quan sát ông, bác sĩ Lecter hồi tưởng lại chính mình cũng bị trói như vậy khi họ chở hắn bằng xe đẩy trong trại.

“Ông có nghe thấy tôi nói không, ông Pazzi? Hít sâu vào khi ông vẫn còn có thể và tỉnh lại đi.”

Trong lúc bác sĩ Lecter nói chuyện, tay hắn vẫn bận rộn. Hắn đã đẩy một máy đánh bóng sàn lớn vào phòng và đang bận rộn với sợi dây điện dày màu cam của nó, thắt một nút thông lọng ở đầu cắm điện. Dây điện bọc cao su kêu kèn kệt khi hắn quấn mười ba vòng như người ta vẫn làm.

Hắn giật mạnh để hoàn thành nút thông lọng rồi đặt xuống bọc. Cái phích cắm lòi ra từ trong các vòng dây ở đầu nút thắt.

Khẩu súng của Pazzi, còng tay bằng nhựa của ông, đồ trong túi và cặp tài liệu của ông đều đang nằm trên bọc.

Bác sĩ Lecter lục trong đồng giấy tờ. Hắn nhét tập hồ sơ của Carabinieri vào ngực áo, với nào là *permesso di soggiorno*, giấy phép lao động, hình và âm bản khuôn mặt mới của hắn.

Và đây là bản nhạc bác sĩ Lecter cho signora Pazzi mượn. Hắn cầm bản nhạc lên và giữ bằng hai hàm răng. Lỗ mũi nở ra và hắn hít vào thật sâu, mặt hắn sát mặt Pazzi. “Laura, nếu tôi được phép gọi bà ấy là Laura, ắt hẳn dùng một loại kem thoa tay tuyệt vời vào ban đêm, thưa ông. Bóng mượt. Đầu tiên lạnh sau đó thì nóng,” hắn nói. “Mùi hoa cam. Laura *mùi cam*. Ummm. Cả ngày nay tôi vẫn chưa ăn gì. Thật sự thì gan và thận sẽ thích hợp cho bữa tối ngay tức thời - tối nay, nhưng phần thịt còn lại nên treo một tuần với nhiệt độ lạnh như hiện thời. Tôi không xem dự báo thời tiết, ông có xem không? Tôi nghĩ rằng đó có nghĩa là ‘không’.”

“*Commendatore* à, nếu ông cho tôi biết những gì tôi cần biết thì tôi sẽ đi dễ dàng mà không cần bữa ăn. Signora Pazzi sẽ không bị tổn thương. Tôi sẽ hỏi ông một vài câu và chúng ta sẽ xem xét. Ông có thể tin tôi, ông biết đấy, dù tôi nghĩ rằng ông thấy thật khó mà tin tưởng khi ông hiểu rõ bản thân ông.

Tôi thấy trong nhà hát ông đã nhận ra tôi, thưa *commendatore*. Ông đã đổ mồ hôi khi tôi hôn tay vợ mình đúng không? Cảnh sát không đến, nên rõ ràng là ông đã bán tôi. Có phải ông bán tôi cho Mason Verger không? Chớp mắt hai lần nếu đúng.

Cảm ơn, tôi cũng nghĩ như vậy. Tôi đã gọi vào số điện thoại trên cáo thị khắp nơi của hắn, rất xa nơi này, chỉ để chơi thôi. Người của hắn chờ bên ngoài đúng không? Ừ hừm. Và một trong số bọn chúng có mùi như xúc xích heo thối đúng không. Tôi

biết. Ông có nói cho ai ở Questura về tôi chưa? Đó là một cái chớp mắt đúng không? Tôi cũng nghĩ thế. Nào, tôi muốn ông nghĩ trong một phút và cho tôi biết mật mã của ông để vào máy tính VICAP tại Quantico.”

Tên bác sĩ mở con dao khắc hình yêu nữ mình người cánh chim của hắn. “Tôi sẽ cắt băng keo đi và ông có thể nói.” Bác sĩ Lecter giơ dao lên. “Đừng cố la hét. Ông nghĩ rằng ông có thể không la lên không?”

Giọng Pazzi khản đặc vì ête. “Thề với Chúa là tôi không biết mật mã. Tôi không nghĩ được gì cả. Chúng ta có thể đi ra xe tôi, tôi có hồ sơ...”

Bác sĩ Lecter đẩy Pazzi vòng ra đối diện với màn hình và bật đi bật lại những hình ảnh Pier della Vigna và Judas treo cổ, ruột lòi ra ngoài.

“Ông thích cái nào hả *commendatore* Ruột lòi ra hay không?”

“Mật mã trong sổ ghi chép của tôi.”

Bác sĩ Lecter cầm cuốn sổ lên trước mặt Pazzi đến khi hắn thấy dòng mật mã ghi chung với những số điện thoại.

“Và ông có thể truy cập từ xa dưới hình thức là khách?”

“Phải,” Pazzi rên lên.

“Cảm ơn *commendatore*,” bác sĩ Lecter ngả cái xe đẩy ra sau và đẩy Pazzi tới bên cửa sổ lớn.

“*Hãy nghe tôi!* Tôi có *tiền*, người anh em! Ông phải có *tiền* mới đào tẩu được. Mason Verger sẽ không bao giờ bỏ cuộc. Hắn sẽ không bỏ cuộc. Ông không thể về nhà lấy *tiền*, bọn họ đang theo dõi nhà ông.”

Bác sĩ Lecter lấy hai tấm ván từ chỗ giàn giáo, kê lên ngưỡng cửa sổ thấp để làm cầu thang rồi đẩy Pazzi trên xe đẩy ra ban công bên ngoài.

Gió lạnh cảm cảm trên khuôn mặt ướt của Pazzi. Ông nói nhanh, “Ông sẽ không bao giờ còn sống ra khỏi tòa nhà này. Tôi có tiền. Tôi có *một trăm sáu mươi triệu* lia tiền mặt, *một trăm ngàn* đô la Mỹ! Để tôi gọi vợ tôi. Tôi sẽ nói cô ấy lấy tiền tôi cất trong xe rồi để xe lại trước biệt điện này.”

Bác sĩ Lecter nhặt lại thông lọng từ bọc giăng đem ra ngoài, kéo theo sau sợi dây điện màu cam. Đầu kia cột chặt bằng một loạt nút thắt vòng quanh máy đánh bóng sàn nặng trĩch.

Pazzi vẫn tiếp tục nói. “Cô ấy sẽ gọi tôi khi tới ngoài kia và sẽ để nó lại cho ông. Tôi có thể ra vào cửa cảnh sát, cô ấy có thể lái qua quảng trường tới cổng vào. Cô ấy sẽ làm theo những gì tôi bảo. Xe hơi nhả khói, người anh em, ông có thể nhìn xuống và thấy nó đang nổ máy, chìa khóa ở bên trong.”

Bác sĩ Lecter đổ Pazzi về phía tay vịn ban công. Tay vịn cao tới đùi ông.

Pazzi nhìn xuống quảng trường và nhận ra qua ánh đèn chỗ Savonarola bị thiêu cháy, nơi ông đã thề sẽ bán bác sĩ Lecter cho Mason Verger. Ông nhìn lên những đám mây trôi là đà nhuộm màu của đèn chiếu và hy vọng, hy vọng thật nhiều rằng Chúa có thể thấy.

Nhìn xuống dưới thật kinh hoàng song ông không thể cưỡng lại việc nhìn xuống, phía tử thần, hy vọng một cách vô lý rằng những tia sáng dưới kia sẽ đưa chút vật chất vào không khí,

rằng bằng cách nào đó chúng sẽ dồn vào ông, rằng có thể ông sẽ mắc lại được trong luồng sáng đó.

Vỏ cao su màu cam của nút thông lọng bằng dây điện lạnh toát quanh cổ ông. Bác sĩ Lecter đứng rất sát ông.

“Tạm biệt commendatore.”

Con dao có hình yêu nữ mình người cánh chim lóe lên trước mặt Pazzi. Một cú thật mạnh nữa làm ông càng thêm bẹp gí vào xe đẩy, rồi người ông đổ nhào qua tay vịn kéo lê dây điện màu cam, mặt đất xô gần lại, miệng thét lên, bên trong phòng, máy đánh bóng sàn bị giật đi tuồn tuột dọc sàn nhà đập vào tay vịn và dừng lại. Pazzi giãy giụa ngược đầu lên, cổ gãy, ruột lòi ra.

Pazzi và bộ lòng của ông đu đưa và quay mòng mòng trước bức tường xù xì của tòa nhà được đèn chiếu sáng, co giật trong cơn giãy chết nhưng không nghệt thở, và chết. Bóng của ông in to tướng trên bức tường bởi ánh sáng đèn, đung đưa cùng với bộ lòng đung đưa theo một vòng cung ngắn hơn và nhanh hơn. Dương vật ông đâm ra ngoài chỗ quần rách trong tư thế cương lúc chết.

Carlo đột kích qua một lối đi, Matteo theo sau hấn đi xuyên qua quảng trường tới lối vào biệt điện, va vào du khách bên đường, hai trong số họ đang chìa máy quay vào tòa nhà.

“Đó chỉ là trò đùa thôi,” ai đó nói bằng tiếng Anh khi hấn chạy ngang.

“Matteo, canh cửa sau. Nếu hấn ra, cứ giết hấn và chặt phanh ra,” Carlo vừa chạy vừa nói lúng búng vào điện thoại. Đã vào trong biệt điện, lên cầu thang tới tầng một, sau đó là tầng hai.

Cửa lớn của phòng Huệ tây để hé. Bên trong, Carlo chìa súng lên bức ảnh chiếu trên tường, chạy ra lan can, tìm khắp văn phòng Machiavelli trong vài giây.

Hắn bấm điện thoại gọi cho Piero và Tommaso, cả hai đang đợi trong xe tải bên ngoài bảo tàng. “Vào tòa nhà ngay, chặn lối trước và sau. Cứ giết rồi chặt đứt xác hắn ra.”

Carlo bấm số lần nữa. “Matteo?”

Điện thoại của Matteo kêu o e trong túi áo ngực trong khi hắn đứng lại, thở dốc trước cửa hậu của biệt điện đã bị khóa. Hắn nhìn quanh mái nhà, những khung cửa sổ tối đen, kiểm tra cửa ra, tay bên trong áo khoác để lên súng ở thắt lưng.

Hắn ấn nút mở điện thoại. “Sớm vậy!”

“Mày thấy gì.”

“Cửa khóa.”

“Trên mái thì sao?”

Matteo ngược lên lần nữa nhưng không kịp thấy lá cửa chớp mở ra trên cửa sổ ngay trên đầu hắn.

Carlo nghe một tiếng sột soạt và tiếng thét trong điện thoại. Carlo chạy xuống cầu thang, ngã ngay bậc nghỉ, lại đứng dậy chạy, qua người gác cửa trước lối vào tòa nhà mà giờ đang đứng bên ngoài, qua khỏi những bức tượng dọc hai bên lối vào, quành chỗ góc nhà rồi lại chạy uỳnh uych tới lối sau tòa nhà lác đác vài cặp đôi. Giờ đã tối trở lại. Hắn lại chạy, điện thoại kêu lên như một sinh vật nhỏ trong tay khi hắn chạy. Một hình thù ẩn sau tấm phủ trắng, chạy băng qua đường trước mặt hắn, chạy mò mẫm trên lối đi có một chiếc *motorino*, chiếc xe làm nó ngã chổng vó, hình thù kia đứng dậy lần nữa và đụng vào mặt

tiền một cửa hàng bên kia con đường hẹp của tòa biệt điện, nó đụng vào cửa kính, quay lại, mò mẫm chạy. Hình thù trắng trắng hét lên, “Carlo! Carlo”, những vết ố lớn loang khắp tấm vải rách trùm lên nó, và Carlo chụp lấy tay em trai, cắt dải còng bằng nhựa vòng quanh cổ để cột miếng vải thật chặt trên đầu hắn. Mảnh vải là cả một màn máu. Hắn cởi bỏ lớp vải trùm đầu Matteo thì thấy gã em trai bị rạch thảm hại, trên mặt, trên bụng, nhát rạch ngang ngực đủ sâu để vết thương hút mảnh vải vào. Carlo để hắn ở đó chạy đến góc đường nhìn cả hai phía, sau đó quay lại chỗ em trai.

Còi cảnh sát hú rất gần, đèn pha rọi khắp quảng trường Signoria, bác sĩ Hannibal Lecter xắn tay áo tản bộ lên một *gelateria** gần quảng trường Giudici. Xe máy xếp thành hàng trên vệ đường.

Hắn đến gần một thanh niên mặc áo khoác da của dân đua xe đang nổ máy chiếc Ducati lớn.

“Anh bạn trẻ, tôi khốn đến nơi rồi,” hắn nói mà miệng cười rầu rĩ. “Nếu tôi không đến quảng trường Bellosguardo trong mười phút nữa, vợ tôi sẽ giết tôi mất,” hắn nói, chìa ra cho người thanh niên một tờ năm mươi ngàn lia. “Mạng sống của tôi đáng giá bấy nhiêu đây.”

“Ông chỉ muốn có vậy thôi à? Đi quá giang ấy?” người thanh niên nói.

Bác sĩ Lecter xòe hai bàn tay ra. “Đi quá giang.”

Chiếc mô tô tốc độ rẽ xuyên qua dòng xe trên Lungarno, bác sĩ Lecter khom người phía sau người lái xe trẻ, đầu hắn đội chiếc nón bảo hiểm còn ám đầy mùi thuốc xịt tóc và nước hoa.

Người lái xe biết rõ hắn đang đi đâu, rời khỏi Via de' Serragli về hướng quảng trường Tasso ra đường Via Villani vào một lối nhỏ bên cạnh nhà thờ San Francesco di Paola, dẫn vào một con đường uốn quanh co lên Bellosguardo, một khu dân cư xinh đẹp trên đồi nhìn xuống Florence từ phía Nam. Tiếng động cơ của chiếc Ducati lớn dội ra từ bức tường đá chạy dọc con đường nghe như tiếng xé vải, khiến bác sĩ Lecter cảm thấy thích thú khi ngả theo những vòng cua và dần thích nghi với mùi thuốc xịt tóc và mùi nước hoa rẻ tiền trong chiếc nón bảo hiểm. Hắn bảo người thanh niên cho xuống ở lối vào quảng trường Bellosguardo, không cách lâu đài của Bá tước Montauto mà nhà văn Mỹ Nathaniel Hawthorne từng sống bao xa. Người lái xe nhét tiền công của mình vào túi ngực. Đèn sau của chiếc mô tô nhanh chóng chìm xuống con đường ngoằn ngoèo.

Sau chuyên đi, bác sĩ Lecter phấn chấn hẳn, thả bộ thêm bốn mươi mét nữa tới chỗ chiếc Jaguar đen, lấy chìa khóa đăng sau hãm xung rồi nổ máy. Hắn bị bỏng nhẹ vì cháy vải trên cườm tay chỗ găng tay tuột ra lúc hắn quăng tấm vải treo lên đầu Matteo và nhào xuống gã từ cửa sổ tầng một của biệt điện. Hắn chấm nhẹ một ít thuốc bôi diệt khuẩn hiệu Cicatrine của Ý lên đó và cảm thấy đỡ ngay.

Khi máy nóng lên, bác sĩ Lecter sục sạo đồng băng nhạc. Hắn quyết định mở nhạc của Scarlatti.

CHƯƠNG 37

MÁY BAY PHẢN LỰC cấp cứu cất cánh trên những mái ngói đỏ và vòng hướng Tây Nam về phía Sardinia, tháp nghiêng Pisa nhô lên bên trên cánh máy bay trong cú bẻ lái còn dốc hơn so với người phi công chở một bệnh nhân còn sống.

Băng ca định dùng cho bác sĩ Hannibal Lecter đang chở cái xác lạnh của Matteo Deogracias. Gã anh Carlo ngồi bên cạnh cái xác, quần áo cứng lại vì máu.

Carlo Deogracias bắt người y tá đeo tai nghe và bật nhạc lên trong lúc hắn gọi tới Las Vegas nơi một bộ chuyển tiếp mã hóa mù* chuyển cuộc gọi đến bờ biển Maryland...

Với Mason Verger, ngày hay đêm cũng như nhau. Đúng lúc hắn đang ngủ. Ngay cả cái đèn của bể cá cũng tắt. Đầu Mason xoay lại trên gối, con mắt độc nhất của hắn cứ mở hoài như mắt con lươn lớn cũng đang say giấc. Âm thanh duy nhất là tiếng hít thở đều đều của máy hô hấp, tiếng sỏi bọt khê khê của máy sục khí trong bể cá.

Trong những tiếng động đều đều nổi lên một tiếng khác, khê và gấp rút. Tiếng điện thoại riêng của Mason. Những ngón tay nhột nhật của hắn bò ra như một con cua để nhấn phím điện

thoại. Loa ngay bên dưới gối, còn micrô ở sát phần mặt bị hủy hoại của hắn.

Đầu tiên Mason nghe tiếng máy bay trong điện thoại, sau đó là một giọng phát tỏm, “*Gli Innamorati*”*

“Tôi đây. Nói đi.”

“Một cuộc chơi đẫm máu,” Carlo nói.

“Kể đi.”

“Em trai tôi Matteo chết rồi. Tôi đang để tay lên nó đây. Pazzi cũng tiêu rồi. Gã Tiến sĩ Fell giết họ, sau đó chạy thoát rồi.”

Mason không trả lời tức thì.

“Ông nợ Matteo hai trăm ngàn đô la,” Carlo nói. “Cho gia đình của nó.” Hợp đồng của người Sardinia lúc nào cũng có trợ cấp ma chay.

“Tôi hiểu.”

“Đồng phân đó sẽ đổ cho Pazzi.”

“Tốt hơn nên để cho Pazzi chịu vết nhơ,” Mason nói. “Người ta sẽ tiếp nhận nó dễ hơn nếu là hắn mang tội. Hắn có vết nhơ nào không?”

“Trừ vụ này ra, tôi không biết. Còn nếu họ điều tra từ Pazzi ra tới ông thì sao?”

“Tôi có thể lo việc đó.”

“Tôi phải lo *thân tôi*,’ Carlo nói. “Quá lố rồi. Một tổng thanh tra của Questura bị chết. Tôi không thể thoát khỏi vụ đó.”

“Anh chẳng làm gì đúng không?”

“Chúng tôi chả làm gì cả, nhưng nếu Questura cho tên tôi vào vụ này - *mẹ kiếp!* Họ sẽ theo dõi tôi đến cuối đời. Không còn ai

thuê tôi nữa. Tôi không còn có thể đánh rắm ngoài đường nữa. Còn Oreste thì sao? Hẳn có biết phải quay phim ai không?”

“Chắc là không.”

“Questura sẽ nhận dạng Tiến sĩ Fell vào ngày mai hay ngày mốt. Ngay khi xem tin tức, Oreste sẽ căn cứ vào thời điểm diễn ra vụ việc mà suy ra được ngay thôi.”

“Oreste được trả hậu hĩnh rồi. Oreste vô hại với chúng ta.”

“Đây là có lẽ với ông thôi. Tuy nhiên tháng tới Oreste sẽ đối mặt với quan tòa vì một vụ phim khiêu dâm ở Rome. Bây giờ hẳn có thứ để trao đổi. Nếu chưa biết điều đó thì ông phải làm gì đi. Ông phải giữ Oreste sao?”

“Tôi sẽ nói chuyện với Oreste,” Mason nói một cách cẩn trọng, cái giọng đặc sệt của một phát thanh viên trên radio phát ra từ khuôn mặt bị hủy hoại của hắn. “Carlo, anh vẫn còn chơi chứ? Anh vẫn muốn tìm Tiến sĩ Fell bây giờ chứ? Vì Matteo, anh phải tìm hắn.”

“Đúng, nhưng chi phí ông phải lo.”

“Vậy thì cứ giữ nông trại ở đó. Lấy chứng nhận tiêm phòng cúm heo và dịch tả cho bầy lợn. Mua sọt vận chuyển chúng. Anh còn hộ chiếu xin chứ?”

“Còn.”

“Tôi nói là cái *xịn* đó Carlo, không phải mấy thứ Trastevere rác rưởi trên lầu đầu.”

“Tôi có đồ xịn.”

“Tôi sẽ gọi cho anh sau.”

Kết thúc cuộc gọi trong chiếc máy bay kêu vo ve, Carlo vô tình nhấn nút gọi tự động trên điện thoại. Điện thoại của Matteo kêu lớn trong bàn tay lạnh giá của hắn, bàn tay vẫn nắm chặt vì sự co co của xác chết. Trong khoảnh khắc, Carlo tưởng em trai mình sẽ giờ điện thoại lên nghe. Đờ người ra khi nhận thấy Matteo không thể nào bắt máy, Carlo nhấn nút tắt. Khuôn mặt hắn trở nên méo mó khiến người y tá không thể nhìn được nữa.

CHƯƠNG 38

BỘ GIÁP Ác quỷ với nón có sừng là bộ giáp lông lầy của Ý thế kỷ mười lăm đã được treo cao trên tường nhà thờ Santa Reparata phía Nam Florence từ năm 1501. Ngoài bộ sừng đẹp đẽ như sừng sơn dương, còn bộ găng sắt có mũi nhọn gắn vào chỗ mang giày cuối xà cạp, mô phỏng móng guốc chẻ đôi của Satan.

Theo truyền thuyết địa phương, một thanh niên mặc giáp đã lấy tên của Đức Mẹ Đồng trinh ra làm trò đùa khi đi ngang nhà thờ, sau đó phát hiện anh không thể cởi giáp ra cho đến khi cầu xin Đức Mẹ tha thứ. Anh tặng bộ giáp cho nhà thờ như một món quà tạ ơn. Đó là một hiện diện ấn tượng và khi một quả pháo nổ trong nhà thờ vào năm 1942 thì dấu ấn của nó càng được tôn vinh.

Bộ giáp có phần ngoài phủ một lớp sơn như bụi giờ đang nhìn xuống điện thờ khi buổi lễ sắp kết thúc. Hương trầm bốc lên bay xuyên qua tấm che mặt trống.

Chỉ có ba người hiện diện, hai người đàn bà lớn tuổi đều mặc đồ đen và bác sĩ Hannibal Lecter. Cả ba đều nhận thánh thể Chúa dù bác sĩ Lecter chạm môi vào ly rất miễn cưỡng.

Chủ tế ban phép lành rồi buổi lễ kết thúc. Hai người đàn bà rời đi. Bác sĩ Lecter tiếp tục cầu nguyện cho đến khi chỉ còn một mình hằn trong điện thờ.

Từ gác để đàn, bác sĩ Lecter nhào người qua tay vịn, dựa vào giữa hai sừng. Hắn nhắc tấm che mặt bụi bặm trên nón sắt của bộ giáp Ác quỷ. Bên trong, một cái móc ở mảnh giáp che bông treo một sợi dây và một gói đồ treo bên trong áo giáp chỗ trái tim. Thật cẩn thận, bác sĩ Lecter rút nó ra.

Một gói đồ: hộ chiếu từ nhà sản xuất tốt nhất của Brazil, chứng minh thư, tiền mặt, sổ ngân hàng, chìa khóa. Hắn để dưới cánh tay bên trong áo khoác.

Dẫu không quá tiếc nuối nhưng bác sĩ Lecter vẫn có phần ngậm ngùi vì phải rời Ý. Có lẽ trong Biệt điện Capponi còn nhiều thứ mà hắn sẽ thích thú tìm đọc. Có lẽ hắn sẽ thích chơi dương cầm và còn sáng tác nữa. Có lẽ hắn sẽ nấu ăn cho góa phụ Pazzi khi bà ta đã vượt qua nỗi đau.

CHƯƠNG 39

TRONG KHI cái xác treo lủng lẳng của Rinaldo Pazzi vẫn còn nhiều máu lên xác còn trùng và đám khói bốc lên trên những đèn chiếu nóng hổi bên dưới Biệt điện Vecchio, cảnh sát phải gọi cứu hỏa đem ông xuống.

Đội *pompieri** kéo thang trên xe thang lên. Làm việc rất có tính toán, và khi chắc chắn người treo cổ đã chết, họ chậm rãi lấy xác Pazzi. Đó là một quá trình thật khéo léo, đòi hỏi họ phải đẩy bộ ruột toòng teng trở lại trong người và bao lưới xung quanh cả cơ thể trước khi nối dây kéo ông xuống đất.

Khi cái xác chạm tới những cánh tay đang vươn lên từ mặt đất, tờ *La Nazione* chụp được một tấm hình hết sảy, gọi cho người đọc nhớ lại bức tranh Hạ thế* vĩ đại.

Cảnh sát để nguyên thông lọng để lấy vân tay, sau đó cắt sợi dây điện chắc chắn ở giữa thông lọng để giữ nguyên trạng nút thắt.

Rất nhiều người Florence đoán chắc rằng cái chết là một vụ tự sát ngoạn mục và khẳng định là Rinaldo Pazzi trói tay theo cách tự sát trong ngục tù, bác bỏ thực tế là hai chân cũng bị trói. Trong một giờ đầu tiên, đài phát thanh Florence đưa tin rằng Pazzi đã dùng dao mổ bụng theo kiểu harakiri* cộng thêm tự treo cổ.

Ngay sau đó, cảnh sát biết rõ mối xích đứt trên ban công và xe đẩy, khẩu súng bị mất của Pazzi, nhân chứng kể lại rằng Carlo chạy vào trong biệt điện và người quán vài máu me mò mẫm chạy sau Biệt điện Vecchio cho họ biết rằng Pazzi bị ám sát.

Sau đó công chúng Ý tin rằng *Il Mostro* đã giết Pazzi.

Questura bắt đầu với tên Girolamo Tocca khốn kiếp từng bị buộc tội là *Il Mostro*. Họ tóm hắn tại nhà rồi chở đi và vợ hắn một lần nữa lại tru tréo trên đường. Bằng chứng ngoại phạm của hắn thật hữu hiệu. Hắn đang uống rượu Ramazzotti tại một quán nước và có một cha xứ trông thấy. Tocca được thả ở Florence, phải trở về San Casciano bằng xe buýt và tự trả tiền xe.

Nhân viên ở Biệt điện Vecchio bị chất vấn đầu tiên suốt mấy tiếng liền và cuộc chất vấn mở rộng ra những thành viên hội Studiolo.

Cảnh sát không tìm được Tiến sĩ Fell. Giữa trưa thứ Bảy, sự chú ý đổ dồn vào hắn. Questura nhớ lại rằng Pazzi đã được phân công điều tra vụ người tiền nhiệm của Fell mất tích.

Thư ký ở Carabinieri báo cáo rằng những ngày gần đây Pazzi đang xem xét một *giấy phép cư trú*. Hồ sơ của Fell cùng với tấm hình của hắn, những tấm phim âm bản đính kèm và dấu vân tay, tất cả được đăng ký mượn dưới tên giả có vẻ như là chữ của Pazzi. Nước Ý chưa vi tính hóa hồ sơ toàn quốc và các giấy tờ vẫn còn lưu ở cơ sở địa phương.

Hồ sơ xuất nhập cảnh cho thấy số hộ chiếu của Fell giờ đã thành vô dụng ở Brazil.

Tuy nhiên, cảnh sát vẫn chưa tìm được danh tính thật của Tiến sĩ Fell. Họ lấy dấu vân tay từ thông lọng, trên bọc giăng, xe đẩy và từ nhà bếp của Biệt điện Capponi. Có rất nhiều họa sĩ ở đó nên một bức vẽ Tiến sĩ Fell đã được phác họa trong chốc lát.

Đến sáng Chủ nhật, theo giờ Ý, một chuyên viên thẩm định dấu vân tay ở Florence đã làm việc cật lực chiếu theo từng điểm rồi đi đến nhận định rằng dấu vân tay trên bọc, trên thông lọng và trên đồ dụng nhà bếp của Tiến sĩ Fell ở Biệt điện Capponi là của cùng một người.

Vân tay của Hannibal Lecter trên cáo thị treo ở trụ sở chính Questura không được giám định.

Tối Chủ nhật, dấu vân tay từ hiện trường phạm tội được chuyển tới Interpol và theo thông lệ đến trụ sở chính FBI ở Washington, D.C cùng với bảy ngàn bộ vân tay tại các hiện trường khác. Khi nhập vào hệ thống phân loại vân tay tự động, dấu vân tay từ Florence khớp tới nỗi còi báo động hú lên trong văn phòng trợ lý giám đốc phụ trách bộ phận nhận dạng. Người cảnh sát trực đêm ngẩng khuôn mặt và vân tay của Hannibal Lecter rồi chạy ra khỏi máy in và gọi viên trợ lý giám đốc đang ở nhà. Người này sau đó gọi giám đốc trước và tiếp đến là Krendler của phòng tư pháp.

Điện thoại của Mason reng lên lúc một rưỡi sáng. Hắn lấy làm ngạc nhiên và thích thú.

Năm phút sau, điện thoại của Jack Crawford đổ chuông. Ông làm bầm mấy tiếng, đoạn lăn sang mé giường trống trơn và âm ảnh, nơi người vợ quá cố của ông, Bella vẫn thường nằm trước

đây. Bên đó thật lạnh và dường như ông có thể suy nghĩ tường tận hơn.

Clarice Starling là người cuối cùng biết được bác sĩ Lecter lại giết người. Sau khi gác máy, cô nằm yên trong bóng tối một lúc lâu. Mắt cay sè vì lý do gì không hiểu được nhưng cô không khóc. Gối đầu ngược nhìn lên, cô có thể thấy khuôn mặt hằn trong bóng đêm đặc ngột. Dĩ nhiên, đó là khuôn mặt cũ của bác sĩ Lecter.

CHƯƠNG 40

NGƯỜI PHI CÔNG lái chiếc máy bay cấp cứu không tiến vào sân bay ngắn, không có kiểm soát ở Arbatax trong bóng đêm. Họ đáp ở Cagliari, đổ thêm nhiên liệu, chờ đến khi trời sáng mới bay lên khỏi bờ biển trong ánh mặt trời rực rỡ. Ánh mặt trời chiếu một nét hồng hào giả tạo lên gương mặt đã chết của Matteo.

Một xe tải chở quan tài đang chờ sẵn ở đường băng Arbatax. Người phi công cài vĩa về tiền và trước khi Carlo vĩa vào mặt hắc thì Tommaso bước vào.

Ba tiếng đồng hồ đi vào vùng núi, và bọn hắc đã về nhà.

Carlo đi lững thững một mình đến cái lều gỗ xù xì mà hắc đã cùng xây với Matteo. Tất cả mọi thứ đều sẵn sàng ở đó. Các máy quay đã vào vị trí để quay lại cái chết của Lecter. Đứng bên dưới công trình của Matteo, Carlo ngắm mình trong tấm gương lớn hoa hòe bên trên chuồng thú. Hắc nhìn những xà gỗ bọn hắc đã từng cưa chung. Hắc nghĩ về bàn tay vuông to bản của Matteo trên cái cửa và một tiếng hét lớn vọng ra từ hắc, một tiếng thét từ trái tim giận dữ to đến nỗi làm rung chuyển cả cây cối. Những khuôn mặt răng nanh xuất hiện từ bụi cây của thảo nguyên trên núi.

Piero và Tommaso, cũng là hai anh em, để cho hấn ở một mình.

Chim hót trên thảo nguyên.

Oreste Pini từ nhà đến, một tay đang cài vạt áo, một tay quơ điện thoại di động. “VẬY là anh đã để sống Lecter. Xui thật.”

Carlo làm như không nghe thấy hấn.

“Nghe này, không phải đã mất tất cả đâu. Chuyện này vẫn còn có thể giải quyết.” Oreste Pini nói. “Tôi đang nói chuyện với Mason. Ông ấy sẽ lấy một bản mô phỏng. Một thứ ông ấy có thể cho Lecter xem khi bắt được hấn. Vì chúng ta đã sắp đặt mọi thứ. Chúng ta có một cái xác - Mason nói anh đã thuê phải một thằng du đãng. Mason nói chúng ta có thể, ờ, có thể kéo lê nó vòng quanh bên dưới rào chắn khi bọn lợn ra và bật âm thanh có sẵn lên. Đây, nói chuyện với Mason đi.”

Carlo quay người nhìn Oreste như thể hấn đến từ cung trăng. Rốt cuộc, hấn cũng cầm điện thoại. Khi hấn nói chuyện với Mason, mặt hấn dần ra và bình thản trở lại.

Carlo đập máy. “Chuẩn bị đi,” hấn nói.

Carlo nói với Piero và Tommaso và với sự giúp sức của tên quay phim, chúng khiêng quan tài tới căn lều.

“Không nên để gần quá sẽ vướng vào khung,” Oreste nói. “Hãy quay một vài cảnh của chuồng thú rồi ta sẽ đi từ đó.”

Thấy hoạt động bên trong chuồng, những con lợn đầu tiên bắt đầu xuất hiện.

“*Giriamo!*” Oreste gọi.

Chúng chạy đến, những con lợn hoang nâu và bạc, cao tới đùi người, ức lõm, lông dài chạy với tốc độ của một con sói trên mấy cái chân móng guốc nhỏ xíu. Những đôi mắt thông minh nhỏ xíu trên bộ mặt kinh khủng, những mớ cơ cổ đồ sộ bên dưới lớp lông cứng trên lưng giúp chúng có thể nhấc bổng một người bằng đôi răng nanh vĩ đại tuyệt đẹp.

“Pronti!” Gã quay phim nói.

Ba ngày liền chúng không được ăn gì. Những con khác đang tiến tới theo hàng không thêm sợ đám người đang đứng đằng sau rào chắn.

“Motore!” Oreste nói.

“Partito!” gã quay phim la lên.

Cách chuồng hơn chín mét, mấy con lợn dừng lại thành một hàng phàm ăn sục sạo, một bày móng guốc nanh dài, con lợn nái đang chữa ở chính giữa. Chúng lao tới và lùi lại như mấy vị trọng tài biên, Oreste lấy tay tạo khung hình cho chúng.

“Azione!” hấn gào lên với mấy gã Sardinia. Carlo bước đến sau hấn, lia dao lên cắt giữa hai chân hấn khiến hấn thét lên, rồi ôm ngay thắt lưng nhấc bổng hấn lên cho đầu vào chuồng và bọn lợn bắt đầu tấn công. Oreste vừa cố gượng dậy trên một đầu gối thì con lợn nái đã húc vào bẹn sườn hấn, hất hấn nằm dài ra. Rồi chúng ở trên người hấn gầm gừ eng éc, hai con lợn kéo mặt hấn, xé hàm ra và giăng nhau như giăng chạc xương đòn của loài gia cầm*. Oreste gần gượng dậy được rồi lại ngã xuống, bụng hở ra liền bị xé phanh, tay chân hấn vẩy trên lưng những con vật chạy tới chạy lui. Oreste thét lên, cái hàm đã bị ăn mất không thể nói được lời nào.

Carlo nghe thấy tiếng súng liền quay lại. Gã quay phim đã vút máy quay và đang cố bỏ chạy nhưng không kịp tránh phát súng của Piero.

Bây giờ, bày lộn đã ổn định lại, đang kéo lê bữa ăn của chúng đi.

“Azione cái đít tao,” Carlo nói và nhổ nước bọt xuống đất.



III

ĐẾN THẾ GIỚI MỚI

CHƯƠNG 41

BẦU KHÔNG KHÍ YÊN LẶNG thận trọng bao quanh Mason Verger. Đám nhân viên đối xử với hắn như thể hắn vừa bị mất con. Khi được hỏi cảm thấy thế nào, hắn nói, “Tôi cảm thấy mình vừa trả bọn tiền cho một cái xác rẻ tiền.”

Sau khi ngủ vài giờ đồng hồ, Mason muốn đưa mấy đứa trẻ vào phòng đồ chơi bên ngoài phòng hắn để nói chuyện với một hay hai đứa hư hỏng nhất trong chúng, nhưng không có đứa nào hư hỏng để đưa vào ngay, người cung cấp của hắn ở khu ổ chuột Baltimore không có thời gian để làm hư mấy đứa rồi gửi cho hắn.

Yêu cầu này không được thỏa mãn, hắn đành kêu người chăm sóc Cordell giết con cá chép cảnh rồi bỏ vào hồ cho con lươn ăn đến khi nó không thể ăn được nữa mà lui vào trong đá, nước đục màu hồng, xám và đầy những mảnh vụn màu vàng óng ánh.

Hắn cố dẫn vật Margot em gái mình, nhưng ả đã lui vào trong phòng tập và phớt lờ những tin nhắn của hắn mấy tiếng đồng hồ liền. ả là người duy nhất ở trang trại Muskrat dám phớt lờ hắn.

Một đoạn phim ngắn được chỉnh sửa rất nhiều của một du khách quay cảnh cái chết của Rinaldo Pazzi được chiếu trong

bản tin buổi tối trên ti vi vào tối thứ Bảy trước khi xác định được bác sĩ Lecter là kẻ giết người. Hình ảnh bị làm mờ một số phần nhằm không cho người xem thấy những chi tiết nội tạng.

Thư ký của Mason đi gọi điện ngay để lấy bản gốc. Nó được chuyển đến bằng trực thăng bốn tiếng sau.

Cuộn băng có nguồn gốc đầy hiếu kỳ:

Trong hai du khách đang quay tòa nhà Biệt điện Vecchio vào thời điểm Rinaldo Pazzi chết, một người đã hoảng sợ quá mà té ngã khiến máy quay bị văng đi. Còn du khách kia là người Thụy Sĩ đã giữ chắc máy quay suốt cả quá trình, thậm chí còn lia máy lên trên sợi dây điện căng ra đang đung đưa cùng cái xác.

Người quay phim nghiệp dư, một nhân viên khéo léo tên Viggert, sợ cảnh sát sẽ tịch thu cuộn băng và đài truyền hình RAI của Ý sẽ lấy được nó mà không phải trả một xu nào. Anh ta tức khắc gọi cho luật sư ở Lausanne, sắp xếp mọi thứ để lập bản quyền hình ảnh và bán bản quyền dựa trên mỗi lần phát sóng cho đài ABC sau khi đã đấu giá quyết liệt. Bản quyền in dài kỳ đầu tiên ở Bắc Mỹ rơi vào tay tờ *New York Post* sau đó là tờ *National Tattler*.

Cuộn băng nhanh chóng giành được vị trí giữa những màn rùng rợn kinh điển - phim của Zapruder quay vụ Lee Harvey Oswald ám sát Tổng thống Kennedy và phim về vụ tự sát của Edgar Bolger. Tuy nhiên Viggert sẽ tiếc cay tiếc đắng vì đã bán nó quá sớm trước khi bác sĩ Lecter bị buộc tội trong vụ án.

Bản sao cuộn băng kỳ nghỉ của gia đình Viggert này rất đầy đủ. Chúng ta nhìn thấy gia đình Viggert từ Thụy Sĩ đến chăm

chú đi vòng quanh hai tinh hoàn của David tại phòng triển lãm Accademia nhiều giờ đồng hồ trước sự kiện ở Biệt điện Vecchio.

Với con mắt lồi độc nhất, Mason xem cuộn phim mà không mấy hứng thú với miếng thịt đất tiền co quắp ở đầu dây điện. Bài lịch sử nhỏ của tờ *La Nazione* và *Corriere della Sera* về hai người họ Pazzi bị treo cổ cũng nơi khung cửa sổ này năm trăm hai mươi năm trước cũng không khiến hắn hứng khởi lên chút nào. Điều giữ hắn lại, làm hắn phải xem đi xem lại là đoạn quay lia máy dọc theo sợi dây căng lên tới ban công nơi có một dáng người khẳng khiu đứng thành một bóng mờ trên nền sáng tù mù, vẫy vẫy tay. Vẫy tay với Mason. Bác sĩ Lecter chỉ khua bàn tay để vẫy Mason theo cái cách bạn vẫy tay tạm biệt một đứa bé.

“Bái bai.” Mason trả lời trong bóng tối. “Bái bai,” giọng nói radio trầm trầm run lên trong giận dữ.

CHƯƠNG 42

ƠN CHÚA, việc xác định được bác sĩ Hannibal Lecter là hung thủ giết Rinaldo Pazzi đã cho Clarice Starling một việc nghiêm chỉnh để làm. Thực ra cô trở thành một liên lạc viên cấp thấp giữa FBI và chính quyền Ý. Thật hay khi được bèn bĩ nỗ lực làm việc gì đó.

Thế giới của Starling đã thay đổi từ vụ bắn nhau trong trận càn quét ma túy. Cô và hai người nữa còn sống ở chợ cá Feliciano bị giam giữ trong một kiểu luyện ngục hành chính, vẫn còn chờ bản tường trình của Bộ Tư pháp tới một Tiểu ban Tư pháp Hạ viện.

Sau khi tìm thấy phim X-quang của Lecter, Starling đã phải giết thời gian bằng cách làm một viên chức tạm thời trình độ cao, làm thay cho những huấn luyện viên bị ốm hay đang nghỉ ở Học viện Cảnh sát Quốc gia Quantico.

Cả mùa thu và mùa đông, Washington bị ám ảnh bởi một vụ xì căng đan ở Nhà Trắng. Những nhà cải cách sùi bọt mép tốn nhiều nước bọt hơn kẻ phạm tội nhỏ bé buồn rầu, và tổng thống Mỹ đã công khai nuốt trọn nhiều lời lăng mạ để tránh bị cáo buộc.

Trong màn diễn huyền ảo đó, sự cố nhỏ liên quan đến vụ thăm sát ở chợ cá Feliciano bị đẩy sang một bên.

Cứ mỗi ngày trôi qua, một nhận thức chắc nịch lại lớn dần bên trong con người Starling: với cô, công việc ở FBI sẽ không bao giờ còn như trước nữa. Cô đã bị đánh dấu. Đám đồng nghiệp có vẻ mặt cảnh giác khi làm việc với cô như thể cô mắc bệnh truyền nhiễm. Starling còn quá trẻ nên những thái độ kiêu này làm cô ngạc nhiên và thất vọng.

Thật tốt khi bận rộn - yêu cầu từ Ý về thông tin của Hannibal Lecter đổ vào ban Khoa học Hành vi thường thường được sao làm hai bản - một được chuyển tiếp tới Bộ Ngoại giao. Starling trả lời rất hăng say, liên tục fax và gửi email hồ sơ của Lecter. Cô ngạc nhiên thấy rất nhiều tư liệu bổ trợ đã vương vãi trong bảy năm trời từ khi tay bác sĩ trốn thoát.

Bàn làm việc nhỏ của cô ở tầng hầm ban Khoa học Hành vi tràn ngập giấy, bản fax vấy mực từ Ý và bản sao các giấy tờ từ Ý.

Cô có thể gửi cho Ý những gì có giá trị đây? Thứ họ nắm được là một truy vấn trên máy tính Questura về hồ sơ VICAP của Lecter ở Quantico một vài ngày trước lúc Pazzi chết. Báo chí Ý làm sống lại danh tiếng của Pazzi khi cho rằng ông đang bí mật hành động bắt giữ bác sĩ Lecter để lấy lại danh dự.

Mặt khác, Starling tự hỏi, thông tin nào từ vụ án Pazzi có thể sẽ hữu ích ở đây, trong trường hợp tay bác sĩ trở về Mỹ?

Jack Crawford không thường xuyên có mặt tại văn phòng để tham vấn cho cô. Ông hay ở tòa án và vì sắp nghỉ hưu, ông bị tống cho rất nhiều vụ án mở. Ông nghỉ bệnh ngày một nhiều hơn và khi ở văn phòng ông có vẻ ngày càng xa cách.

Nghĩ đến việc không còn sự khuyến bảo của ông, Starling thoáng lo sợ.

Trong những năm ở FBI, Starling đã thấy rất nhiều việc. Cô biết rằng nếu bác sĩ Lecter lại giết người ở Mỹ thì kèn trống huênh hoang sẽ lại vang lên ở Quốc hội, người ta sẽ gào thét chỉ trích ở Bộ Tư pháp và những thứ đáng ghét sẽ lại bắt đầu một cách ra trò. Hải quan và tuần tra biên giới sẽ lãnh đủ trước vì đã để hắn vào.

Chức trách địa phương nơi tội ác xảy ra sẽ yêu cầu mọi thứ liên quan đến Lecter và nỗ lực của FBI sẽ tập trung vào các vụ địa phương. Sau đó, khi tay bác sĩ lại giết người ở chỗ khác, mọi thứ sẽ di chuyển.

Nếu hắn bị bắt, các nhà chức trách sẽ tranh nhau công trạng như những con gấu vây quanh một con hải cẩu đầy máu.

Việc của Starling là chuẩn bị cho tình huống hắn sẽ đến, cho dù hắn có đến hay không, dù cô thừa biết điều gì sẽ xảy ra quanh quá trình điều tra.

Cô tự hỏi mình một câu đơn giản nghe có vẻ ủy mị đối với một người cầu tiến trong sự nghiệp ở hệ thống chính trị trung ương: bằng cách nào cô có thể làm chính xác những gì cô thề sẽ làm? Bằng cách nào cô có thể bảo vệ người dân và bắt hắn nếu hắn tới?

Rõ ràng là bác sĩ Lecter có giấy tờ hợp lệ và tiền bạc. Hắn rất xuất sắc trong việc lẩn trốn. Ví như cuộc lẩn trốn đầu tiên vừa ngon lành vừa tao nhã sau khi hắn trốn khỏi Memphis - hắn mướn phòng ở một khách sạn bốn sao kế bên viện giải phẫu thẩm mỹ lớn tại đường St Louis. Một nửa khách trọ bị băng mặt. Hắn tự băng mặt mình và sống sung sướng bằng tiền của một kẻ đã chết.

Giữa hàng trăm mở giấy tờ, cô có hóa đơn dịch vụ phòng của hân ở đường St Louis. Số tiền vô cùng lớn. Một chai Bâtard-Montrachet một trăm hai mươi lăm đô la. Chắc hân vị của nó phải rất ngon lành sau bao nhiêu năm ăn cơm tù.

Cô đã yêu cầu bản phô tô của mọi thứ từ Florence và phía Ý đã chấp thuận. Từ chất lượng bản phô tô, cô nghĩ hân là họ đã dùng muội than để phô tô.

Không có một trật tự nào cả. Đây là giấy tờ tùy thân của bác sĩ Lecter từ Biệt điện Capponi. Một vài ghi chú về Dante bằng nét chữ quen thuộc, một lời nhắn cho bà lau dọn, một hóa đơn từ tiệm tạp hóa cao cấp Vera dal 1926 ở Florence cho hai chai Bâtard-Montrachet và *tartufi bianchi*. Lại cùng một loại rượu và những thứ kia là gì đây?

Cuốn từ điển *Ý-Anh Bantam New College* của Starling cho cô biết *tartufi bianchi* là nấm cục trắng. Cô gọi cho bếp trưởng của một nhà hàng Ý nổi tiếng ở Washington để hỏi về nó. Cô phải xin cúp máy sau năm phút vì ông ấy cứ thao thao ca ngợi vị của nó.

Gu thưởng thức. Rượu, nấm cục trắng. Gu thưởng thức mọi thứ vẫn không hề thay đổi trong cuộc sống của bác sĩ Lecter ở Mỹ và châu Âu, giữa cuộc sống của một bác sĩ thành công và một con quái vật chạy trốn. Khuôn mặt hân có thể đổi thay nhưng gu thưởng thức thì không, và hân không phải là người từ chối bản thân mình.

Gu thưởng thức là một lĩnh vực nhạy cảm với Starling vì bác sĩ Lecter lần đầu tiên làm cô hơi cảm động trong chuyện này khi hân khen ngợi ngắn gọn cuốn sách bỏ túi của cô và trêu cô

về đôi giày rẻ tiền. Hắn đã gọi cô là gì ấy nhỉ? Một kẻ nhà quê bon chen sáng láng có chút gu thẩm mỹ.

Chính gu thưởng thức đã quấy rầy cô trong cuộc sống cơ quan thường ngày với những thiết bị thuần túy chức năng được sắp đặt một cách vị lợi.

Cùng lúc đó, niềm tin của cô vào *kỹ thuật* đã chết để nhường chỗ cho một điều gì đó.

Starling mệt mỏi vì kỹ thuật. Niềm tin vào kỹ thuật là một thứ niềm tin vào mua bán nguy hiểm. Đối mặt với một tên tội phạm có vũ khí trong một cuộc đấu súng hay đánh nhau với hắn trong vũng lầy, bạn phải tin vào kỹ thuật hoàn hảo và luyện tập chăm chỉ, đảm bảo sẽ không bị đánh bại. Điều này không đúng như vậy, đặc biệt là trong đấu súng. Bạn có thể chiếm ưu thế, nhưng nếu cứ đấu mãi rồi bạn sẽ bị giết ở một trong những trận đó.

Starling đã thấy điều đó.

Đã đến lúc nghi ngờ về niềm tin ở kỹ thuật, Starling có thể đi theo hướng nào đây?

Trong sự náo nê, trong chuỗi ngày giống nhau một cách mòn mỏi, cô bắt đầu nhìn vào hình dạng của sự vật. Cô bắt đầu tin rằng những phản ứng bên trong cơ thể là do các sự vật bên ngoài tác động lên, mà không định lượng hay giới hạn chúng bằng từ ngữ. Cũng vào khoảng thời gian này, cô nhận thấy sự thay đổi trong thói quen đọc sách của mình. Trước đây, cô thường đọc chú thích trước khi nhìn hình vẽ. Nhưng giờ thì không thể nữa. Thỉnh thoảng, cô còn chẳng thèm đọc chú thích.

Trong nhiều năm, cô đã đọc những bài báo về thiết kế thời trang một cách kín đáo, tội lỗi như thể chúng là sách báo khiêu

dâm. Giờ đây, cô bắt đầu thừa nhận với chính mình rằng có điều gì đó trong những hình ảnh này làm cho cô thấy khao khát. Trong khuôn khổ ý thức bị kích động bởi tư tưởng Lutheran chống lại sự thối nát, cô cảm tưởng như mình bị một sự đòi hỏi hấp dẫn khuấy phục.

Rồi cô cũng sẽ tìm được chiến lược của mình thôi, khi đến thời điểm, nhưng cô được những thay đổi to lớn bên trong hỗ trợ: nó khơi gợi cho cô ý tưởng rằng gu thưởng thức những thứ tinh tế, những thứ trong một thị trường nhỏ, có lẽ chính là cái vây lưng của gã quái vật thò lên mặt nước giúp cô phát hiện ra hần.

Dùng và so sánh bảng danh sách khách hàng được nhập vào máy tính, Starling có thể tìm được một trong những đặc điểm nhận dạng của hần. Để làm được điều này, cô phải biết sở thích của hần. Cô cần phải hiểu rõ hần hơn bất kỳ ai trên thế giới này.

Những thứ gì hần thích mà mình biết nhỉ? Hần thích âm nhạc, rượu, sách, thức ăn. Và hần thích mình.

Bước đầu tiên để phát triển gu thưởng thức là sẵn sàng tin vào ý kiến của bản thân. Trong lĩnh vực ẩm thực, rượu và âm nhạc, Starling phải theo những tiền lệ của tay bác sĩ, xem lại những gì hần đã dùng trong quá khứ, tuy nhiên trong một lĩnh vực, cô ít nhất cũng được ngang hàng với hần. Xe hơi. Starling là một kẻ sành xe và bất kỳ ai thấy chiếc xe của cô đều nhận ra điều đó.

Trước khi sa cơ, bác sĩ Lecter từng sở hữu một chiếc Bentley siêu nạp. Siêu nạp chứ không phải tăng áp. Hệ thống siêu nạp với quạt gió loại Roots nên không bị giảm độ trễ turbo. Cô

nhANH chóng nhận ra rằng thị trường xe Bentley thông dụng rất nhỏ và hắN có thể gặp rủi ro nếu quay trở lại đó.

HắN sẽ mua gì lúc này? Cô hiểu cái cảm giác mà hắN thích. Một động cơ di chuyển nhanh và mạnh V8 với tiếng tắt máy nhỏ mà không yếu. Cô sẽ mua gì trên thị trường hiện thời?

Không thắc mắc gì nữa, một chiếc xe mui kín siêu nẠP XJR Jaguar.

Cô gửi fax đến các đại lý phân phối xe Jaguar ở cả bờ Đông và Tây yêu cầu báo cáo bán hàng mỗi tuần.

Bác sĩ Lecter còn thích gì nữa mà Starling biết rõ?

HắN thích mình, *cô nghĩ*.

HắN đã phản hồi thật nhanh với cảnh ngộ của cô? Ngay cả khi tính đến sự chậm trễ do dùng dịch vụ chuyển tiếp thu để viết cho cô nhằm giấu nguồn gốc bức thư. Tiếc là đầu mối theo dấu bưu chính sớm thất bại. Máy đóng dấu bưu chính ở một nơi công cộng mà bất kỳ tên trộm nào cũng có thể sử dụng.

Tờ *National Tattler* đã tới Ý sớm như thế nào? Chính trong tờ báo đó, hắN đọc thấy rắc rối của Starling, một bản được tìm thấy ở Biệt điện Capponi. Vụ xì căng đan có website không nhỉ? Nếu có máy tính ở Ý, có lẽ hắN đã đọc tóm lược cuộc đấu súng trên website công khai của FBI. Từ máy tính của bác sĩ Lecter có thể thu được gì?

Không có máy tính nào trong danh sách những vật dụng cá nhân ở Biệt điện Capponi.

Tuy nhiên, cô đã từng thấy *gì đó*. Cô lấy mấy tấm hình trong thư viện ở Biệt điện Capponi ra. Đây là tấm hình cái bàn đẹp đẽ mà hắN từng ngồi viết thư cho cô. Trên bàn là một máy tính.

Máy tính xách tay Philips. Trong những tấm hình kế tiếp, nó đã biến mất.

Với cuốn từ điển, Starling vất vả viết một bức fax tới Questura ở Florence:

Trong số các đồ dùng cá nhân của bác sĩ Lecter, có máy tính xách tay không?

Và cứ thế, bằng những bước nhỏ, Clarice Starling bắt đầu lần theo bác sĩ Lecter dựa trên những sở thích của hắn với sự tự tin vào bản thân chứ không phải vào minh chứng hoàn toàn.

CHƯƠNG 43

CORDELL, trợ lý của Mason Verger, với một bản mẫu đóng khung trên bàn làm việc, nhận ra tuồng chữ viết tay đặc trưng ngay lập tức. Lá thư gửi từ khách sạn Excelsior ở Florence, Ý.

Giống như những người giàu có đang ngày càng tăng trong thời bom thư, Mason có máy soi thư riêng, loại giống như ở bưu điện Mỹ.

Cordell đeo găng rồi kiểm tra lá thư. Máy soi cho thấy không có pin hay dây điện. Làm theo hướng dẫn nghiêm ngặt của Mason, anh dùng máy phô tô sao lá thư và phong bì, cầm chúng bằng kẹp, và thay găng tay trước khi cầm bản sao, đưa đến cho Mason.

Dòng chữ viết tay quen thuộc của bác sĩ Lecter:

Mason thân mến,

Cảm ơn đã đăng khoản tiền thưởng khổng lồ cho cái đầu tôi. Tôi mong cậu sẽ tăng giải thưởng lên. Như một hệ thống cảnh báo sớm, giải thưởng còn tốt hơn một cái ra đa. Với những kết quả mà cậu đã thấy, nó sẽ khiến chính quyền khắp nơi bỏ bê nhiệm vụ mà xáo xào lên kiểm mình tôi thôi.

Thật ra, tôi thư để nhắc cậu nhớ lại cái mũi trước kia của cậu. Trong bài trả lời phỏng vấn chống ma túy đầy cảm hứng cho tờ

Tạp chí Gia đình của các Quý bà vào một ngày nọ, cậu nhận rằng mình đã bón mũi cùng phần còn lại của mặt mình cho lũ cún vầy đuôi ngay dưới chân, Skippy và Spot. Thật ra không phải vậy: chính cậu đã ăn nó, như một trò giải trí. Từ âm thanh giòn tan khi cậu nhai, tôi nhận thấy nó có dạng như mề gà - “Ăn như thịt gà!” chính là nhận xét của cậu lúc đó. Tôi nhớ tới âm thanh đó trong một quán ăn khi một người Pháp chúi mũi vào món mề gà trộn.

Cậu không nhớ điều đó ư Mason?

Tiện nhắc tới gà, cậu đã nói với tôi trong buổi trị liệu rằng, khi cậu làm hư hỏng lũ trẻ xấu số tại trại hè của cậu, cậu nhận ra số cô la khiến niệu đạo khó chịu. Cậu cũng không nhớ điều đó đúng không?

Cậu có nghĩ là cậu đã nói với tôi nhiều thứ mà cậu không nhớ không?

Có một sự giống nhau không thể chối cãi được giữa cậu và Jezebel. Là kẻ nghiện Kinh Thánh, chắc cậu nhớ lũ chó đã ăn khuôn mặt của Jezebel, cùng phần còn lại của ả, sau khi những thái giám quăng ả ra ngoài cửa sổ.*

Người của cậu đã có thể ám sát tôi ngoài phố. Nhưng cậu muốn bắt sống tôi đúng không? Từ mùi của lũ tay sai của cậu, tôi biết thừa là cậu sẽ chơi đùa với tôi như thế nào. Mason ơi Mason. Do cậu quá muốn gặp tôi, tôi sẽ cho cậu vài lời an ủi, và cậu biết là tôi không bao giờ nói dối.

Trước khi cậu chết cậu sẽ thấy mặt tôi.

*Chân thành,
BS. Hannibal Lecter*

Tái bút: Tuy nhiên, tôi lo rằng cậu sẽ không sống được lâu đâu Mason. Cậu phải tránh dòng vi rút viêm phổi mới. Người như cậu thì rất dễ nhiễm bệnh. Tôi đề nghị tiêm phòng ngay lập tức, cùng với việc chích ngừa viêm gan siêu vi A và B. Không muốn mất cậu sớm đâu.

Mason có vẻ khó thở sau khi đọc xong. Hắn cứ đợi hoài rồi đột nhiên nói gì đấy mà Cordell không nghe được.

Cordell nhích gần hơn liền bị phun vào mặt một phát khi Mason nói lại:

“Gọi Paul Krendler cho tao. Rồi dẫn tên nuôi lợn vào đây.”

CHƯƠNG 44

CHIẾC trực thăng chuyển báo nước ngoài hằng ngày cho Mason Verger cũng là chiếc đưa Phó Trợ lý Tổng Thanh tra Paul Krendler tới trang trại Muskrat.

Mason thâm hiểm trong căn phòng tối với máy móc kêu xì xì cùng con lươn lúc nào cũng chuyển động có lẽ đã đủ làm Krendler cảm thấy khó chịu. Nhưng hẳn ta còn phải ngồi xem đi xem lại cảnh quay cái chết của Pazzi.

Bảy lần liền Krendler phải xem nhà Viggert xoay quanh tượng David, thấy Pazzi lao mình xuống ruột xổ ra. Tới lần thứ bảy, Krendler cảm thấy như ruột của David cũng sắp xổ ra theo.

Cuối cùng thì đèn trần trên khu ghế ngồi trong phòng Mason cũng bật sáng. Ánh sáng nóng trên đầu Krendler, soi rõ da đầu qua lớp tóc cắt ngắn.

Nhà Verger hiểu rõ hơn ai hết về tính tham lam, nên Mason bắt đầu bằng thứ mà Krendler muốn. Mason nói vọng ra từ bóng tối, những câu của hắn dài bằng nhịp hít thở của máy hô hấp.

“Tôi không cần nghe... toàn bộ chương trình chính trị của anh... nó sẽ tốn bao nhiêu?”

Krendler muốn nói chuyện riêng với Mason, nhưng trong phòng không chỉ có bọn họ. Một bóng người vai rộng đầy cơ bắp

đáng sợ, in lờ mờ lên bề cá sáng rực. Krendler khó chịu khi nghĩ tới việc có một vệ sĩ đang nghe họ nói.

“Tôi muốn chỉ riêng chúng ta nói chuyện thôi, ông có phiền nếu bảo anh ta rời đi không?”

“Đây là em gái tôi, Margot,” Mason nói. “Nó có thể ở lại.”

Margot bước ra khỏi bóng tối, cái quần đi xe đạp của ả cọ sột soạt.

“Ô tôi xin lỗi,” Krendler nói, nhồm dậy trên ghế.

“Xin chào,” ả nói, nhưng thay vì bắt lấy bàn tay đang vươn ra của Krendler, Margot nhặt hai quả óc chó trong cái tô trên bàn rồi siết chặt trong tay cho tới khi chúng vang lên tiếng nứt lớn. ả quay về trước bể cá, có lẽ sẽ đứng ăn ở đó. Krendler nghe thấy tiếng vỏ rơi xuống sàn nhà.

“Rồi... nghe xem nào,” Mason nói.

“Để tôi hạ bệ được Lowenstein ở quận Hai Bảy, cần ít nhất mười triệu đô.” Krendler bắt tréo chân, nhìn vào đầu đó trong bóng tối. Hắn không biết Mason có nhìn thấy mình không. “Tôi cần nhiều đó chỉ để trả cho truyền thông thôi. Nhưng đảm bảo với ông là hắn có điểm yếu. Tôi biết như vậy.”

“Điểm yếu của hắn là gì?”

“Phải nói là cách hành xử của hắn có...”

“Nào, tiền hay gái?”

Krendler không thấy thoải mái khi nói đến chữ “gái” trước mặt Margot mặc dù điều đó chẳng làm Mason bận tâm. “Hắn có gia đình nhưng vẫn gian díu với một thẩm phán tòa phúc thẩm một thời gian dài. Thẩm phán đó đã xử có lợi cho vài cộng sự

của hắn. Có thể kết quả xét xử đó chỉ là ngẫu nhiên, nhưng điều tôi cần là truyền hình buộc tội hắn.”

“Thẩm phán là phụ nữ à?” Margot hỏi.

Krendler gật đầu. Không biết Mason có thấy mình không, hắn nói thêm. “Đúng. Phụ nữ.”

“Tệ quá,” Mason nói. “Sẽ tốt hơn nếu hắn là dân *bóng*. Đúng không Margot? Mặc dù vậy, anh cũng không thể tự khai đồng đó ra được, Krendler. Nó không thể chui ra từ anh được.”

“Chúng tôi đã lập một kế hoạch cho phép cử tri...”

“Anh không thể tự khai đồng đó ra được,” Mason nói lại lần nữa.

“Tôi chỉ đảm bảo là sẽ khiến Ban Giám sát Tư pháp biết kiểm chỗ nào, để họ bám sát Lowenstein khi vụ việc xảy ra. Vậy là ông có thể giúp tôi phải không?”

“Tôi có thể giúp anh một nửa số đó.”

“Năm sao?”

“Đừng có quăng số ‘năm’ gọn lỏn như vậy. Hãy nói với sự kính trọng mà số tiền đáng được hưởng - *năm triệu đô la*. Chúa đã cho tôi số tiền này. Và tôi sẽ làm những gì Ngài mong muốn: anh sẽ chỉ có tiền nếu Hannibal Lecter rơi gọn vào tay tôi.” Mason thở một vài nhịp. “Nếu điều đó xảy ra, anh sẽ là ngài Nghị sĩ Krendler của quận Hai Bảy, tự do và sạch sẽ. Và điều duy nhất tôi muốn anh làm là chống lại Đạo luật Giết mổ Nhân đạo. Nếu FBI có được Lecter, lũ cớm bắt hắn ở đâu đó và hắn thoát với một mũi tiêm thuốc độc thì chúng ta không còn gì để nói.”

“Nếu hắn bị bắt trong khu vực pháp lý địa phương thì tôi không giúp được gì đâu. Hoặc là đội của Crawford gặp may nên

bắt được hắn, chuyện đó tôi không kiểm soát được.”

“Có bao nhiêu tiểu bang áp dụng luật tử hình có thể tuyên án tay bác sĩ Lecter?” Margot hỏi. Giọng ả thô ráp nhưng trầm như giọng của Mason do những hoóc môn mà ả tiêm vào người.

“Ba tiểu bang, mỗi tiểu bang có luật tử hình dành cho tội giết nhiều người cấp độ một.”

“Nếu hắn bị bắt tôi muốn hắn bị xử ở cấp tiểu bang,” Mason nói. “Không bắt cóc, không xâm hại quyền dân sự, không liên bang. Tôi muốn hắn thoát án chung thân. Tôi muốn hắn bị nhốt trong một nhà tù tiểu bang, không phải một nhà lao an ninh tối đa của liên bang.”

“Tôi có phải hỏi tại sao không?”

“Không, nếu như anh không muốn tôi nói. Nó không nằm trong Đạo luật Giết mổ Nhân đạo đâu,” Mason nói rồi cười khùng khục. Nói chuyện làm hắn mệt nhoài. Hắn ra hiệu cho Margot.

Ả cầm một miếng bìa ra ngoài ánh sáng rồi đọc lên. “Chúng tôi muốn mọi thứ anh nhận được và chúng tôi muốn nó trước khi ban Khoa học Hành vi thấy nó. Chúng tôi muốn các bản báo cáo của ban Khoa học Hành vi ngay khi chúng được trình lên và chúng tôi muốn mã đăng nhập của VICAP và Trung tâm Thông tin Tội phạm Quốc gia.”

“Ông phải dùng điện thoại công cộng mỗi khi truy cập VICAP.” Krendler vẫn nói vọng vào bóng tối như thể người đàn bà không có ở đó. “Ông làm điều đó như thế nào?”

“Tôi làm được điều đó,” Margot nói.

“Nó làm được điều đó,” Mason thầm thì trong bóng tối. “Nó viết các chương trình tập luyện cho máy thể hình trong phòng tập. Đó là nghề kinh doanh nhỏ để nó không phải sống dựa vào *Anh Trai*.”

“FBI có một hệ thống kín và một phần hệ thống được mã hóa. Cô phải đăng nhập vào từ một nơi công cộng mà tôi bảo rời tải xuống một máy tính xách tay được lập trình ở Sở Tư pháp,” Krendler nói. “Sau đó nếu VICAP giấu một chương trình theo dấu vào máy của cô, nó sẽ quay về Sở Tư pháp. Mua một máy tính xách tay cấu hình cao và một modem chất lượng tốt bằng tiền mặt ở một chỗ bán sỉ và đừng gửi phiếu bảo hành đi. Mua một ổ đĩa mềm nữa. Đừng dùng nó để vào mạng. Tôi cần nó qua đêm và sẽ lấy lại sau khi cô dùng xong. Tôi sẽ gọi cho cô. Vậy đi nhé.” Krendler đứng dậy thu dọn giấy tờ.

“*Chưa* xong đâu Krendler...” Mason nói. “Lecter không cần phải lộ diện. Hắn có đủ tiền để trốn mãi mãi.”

“Hắn lấy đâu ra tiền được?” Margot hỏi.

“Trong khi hành nghề bác sĩ tâm thần hắn có vài bệnh nhân giàu có,” Krendler nói. “Hắn lừa được họ chuyển rất nhiều tiền và cổ phiếu cho hắn rồi giấu thật kỹ. Sở Thuế vụ chẳng tìm thấy được. Họ khai quật xác một vài nhà hảo tâm của hắn để xem có phải là hắn giết họ không. Nhưng chẳng thấy gì cả. Kiểm tra độc tố cho kết quả âm tính.”

“Vậy là hắn sẽ không bị bắt khi đi ăn cướp. Hắn có đủ tiền,” Mason nói. “Chúng ta phải nhử hắn ra. Đang nghĩ cách.”

“Hắn sẽ biết cuộc tấn công ở Florence đến từ đâu,” Krendler nói.

“Chắc hẳn vậy.”

“Vậy hẳn sẽ muốn ông.”

“Tôi không biết,” Mason nói. “Hẳn thích tôi như thế này. Suy nghĩ đi, Krendler.” Mason bắt đầu ngâm nga.

Tất cả những gì Phó Trợ lý Tổng Thanh tra Krendler nghe thấy là tiếng ngâm nga khi hẳn bước ra khỏi cửa. Mason thường ngâm nga Thánh ca khi đang có âm mưu: Người đã có con mồi chính rồi, Krendler, nhưng chúng ta sẽ thảo luận chuyện đó sau khi người có một khoản tiền gửi ngân hàng làm chứng cứ phạm tội - khi người thuộc về ta.

CHƯƠNG 45

CHỈ CÒN người nhà ở lại trong phòng của Mason, anh trai và em gái.

Ánh sáng và âm nhạc êm dịu. Nhạc Bắc Phi, tiếng đàn và trống. Margot ngồi trên tràng kỷ, đầu gục xuống, cùi chỏ chống lên gối. À như một vận động viên ném tạ đang nghỉ ngơi hay một người nâng tạ đang nghỉ trong phòng sau giờ tập luyện. À thở còn nhanh hơn máy hô hấp của Mason một chút.

Bản nhạc kết thúc, à liền nhòe dậy đến bên giường của hần. Con lươn thò đầu ra khỏi cái hang trên tảng đá nhân tạo để nhìn xem bầu trời bạc gọn sóng tối nay có mưa cá chép nữa không. Giọng nói gắt gỏng của Margot cất lên thật khê: “Anh vẫn thức chứ?”

Một lát sau, Mason xuất hiện sau con mắt lúc nào cũng mở. “Tới lúc nói về chuyện này rồi - một cái hít thở - *Margot* muốn gì? Ngồi xuống đây, ngồi lên đầu gối Santa đi.”

“Anh biết em muốn gì mà.”

“Nói đi.”

“Judy và em muốn có em bé. Chúng em muốn có em bé họ Verger, em bé của tụi em.”

“Sao cô không mua một đứa bé Trung Quốc? Còn rẻ hơn lợn sữa đấy.”

“Làm vậy cũng tốt. Có khi chúng em sẽ làm vậy.”

“Di chúc của ba nói gì vậy... Gửi người thừa kế xác nhận là con cháu của tôi qua kiểm tra ADN ở phòng thí nghiệm Cellmark hay chỗ tương đương. Toàn bộ bất động sản của tôi sau khi con trai yêu quý của tôi, Mason, qua đời. Con trai yêu quý, Mason, là tôi. Khi không có người thừa kế, người thừa hưởng duy nhất là Giáo hội Baptist Phương Nam với những điều lệ chi tiết liên quan đến Đại học Baylor ở Waco, Texas. Cô thật sự làm bố nổi điên với trò tình dục bằng miệng đó, Margot.”

“Có thể anh không tin điều này, Mason, nhưng không phải vì tiền đâu. Ừm, có lẽ có chút ít, nhưng anh không muốn có một người thừa kế sao? Nó cũng sẽ là người thừa kế của anh nữa, Mason.”

“Sao cô không tìm một gã tử tế và quan hệ bình thường, Margot? Có phải là cô không biết làm thế nào đâu cơ chứ.”

Tiếng nhạc Maroc lại rộ lên, tiếng đàn lặp đi lặp lại ám ảnh trong tai ả như cơn giận dữ.

“Em đã tàn phá bản thân mình, Mason. Buồng trứng em bị teo lại vì những thứ em uống. Và em muốn Judy có phần trong đó. Cô ấy muốn là mẹ đẻ. Mason, anh nói nếu em giúp anh thì anh hứa cho em tinh trùng còn gì.”

Những ngón tay như chân nhện của Mason ra hiệu. “Cứ lấy tự nhiên. Nếu như vẫn còn.”

“Mason, nếu như anh vẫn còn tinh trùng còn sống, chúng ta có thể sắp xếp để lấy nó mà không gây đau đớn...”

“*Lấy tinh trùng còn sống của tôi ư?* Nghe như là cô đang nói với ai ấy.”

“Chỉ là ở viện sản, rất bảo mật.” Mặt Margot dịu đi ngay cả trong ánh sáng lạnh lẽo của bể cá. “Bọn em có thể đối xử thật tử tế với một đứa bé, Mason. Bọn em đã học lớp làm cha mẹ. Judy có một gia đình lớn tử tế và có một nhóm ủng hộ gồm các bà mẹ.”

“Margot, thuở chúng ta còn nhỏ cô từng làm cho tôi lên đỉnh được cơ mà. Làm cho tôi bắn như cối nạp đạn. Và cũng cực nhanh nữa.”

“Còn anh từng làm em *đau* lúc em còn nhỏ, Mason. Anh làm em đau và bị trật cùi chỏ khi bắt em làm đến mỗi rạc với tay kia. Em vẫn không thể nâng quá ba mươi cân bằng tay trái.”

“Ừm, cô không lấy sô cô la được đâu. Tôi đã nói chúng ta sẽ bàn về nó sau, Em Gái à, khi xong việc.”

“Để kiểm tra anh nào,” Margot nói. “Bác sĩ có thể lấy mẫu thử mà không gây đau đớn gì...”

“Cái gì không đau chứ, tôi chẳng cảm thấy gì dưới đó nữa. Cô có ngậm nó đến tái mặt thì nó cũng không còn như lần đầu tiên nữa. Tôi đã kêu người làm thế nhưng không có gì cả.”

“Bác sĩ có thể lấy mẫu thử mà không gây đau chỉ để xem xem anh còn tinh trùng vận động không. Judy đã dùng thuốc Clomid rồi. Chúng ta sẽ lên biểu đồ vòng kinh nguyệt của cô ấy. Có rất nhiều việc cần làm.”

“Tôi vẫn chưa có hân hạnh được gặp Judy trong suốt thời gian qua. Cordell nói là cô ta bị vòng kiềng. Hai cô đã *ăn ở với nhau* bao lâu rồi hả Margot?”

“Năm năm.”

“Sao cô không dắt cô ta tới đây? Chúng ta có thể... tìm ra *giải pháp*.”

Tiếng trống Bắc Phi dừng lại với một tiếng vỗ cuối cùng và để lại một sự im lặng rung lên trong tai Margot.

“Sao anh không tự giải quyết nỗi ám ảnh của mình với Sở Tư pháp đi?” ả nói sát vào lỗ tai hắn. “Sao anh không thử nói điện thoại bằng cái máy tính chết tiệt của anh. Sao anh không trả thêm vài con heo chó chết để bắt cái gã đã cho chó ăn mất cái mặt anh? *Anh nói là anh sẽ giúp tôi, Mason.*”

“Tôi sẽ làm thế. Tôi chỉ phải tính thời điểm thôi.”

Margot đập hai hạt óc chó vào nhau và để vỏ rớt lên tấm trải giường của Mason. “Đừng nghĩ lâu quá, mặt cười.” Cái quần đạp xe của ả rít lên như hơi nước dồn lại khi ả bước ra khỏi phòng.

CHƯƠNG 46

ARDELIA MAPP nấu ăn mỗi khi hứng lên, và những khi cô bắt tay vào nấu nướng kết quả thật tuyệt vời. Cô thuộc dòng dõi Jamaica và Gullah, và lúc làm món gà nướng, cô cẩn thận cầm cuống quả ớt Scotland để lấy hạt đi. Không chịu trả thêm tiền cho gà chặt sẵn, cô đã làm cho Starling bận bịu với thớt và dao chặt.

“Starling, nếu cậu để nguyên con, nó sẽ không thấm gia vị như chặt ra đâu.” Không phải lần đầu cô nói thế. “Đây,” cô nói, cầm dao chặt vào lưng con gà mạnh đến nỗi vụn xương bắn cả vào tạp dề. “Như thế này này. Cậu đang làm gì đó, quãng mấy cái cổ đi à? Mang cái thứ ngon lành đó lại đây đi.”

Và một phút sau, “Hôm nay tớ sẽ qua bưu điện để gửi giày cho mẹ tớ,” Mapp nói.

“Tớ cũng qua đó đấy, lẽ ra đã có thể đem hộ cậu.”

“Cậu có *nghe thấy* gì ở bưu điện không?”

“Không có gì.”

Mapp gật đầu mà không lấy gì làm ngạc nhiên. “Gã đánh trống nói rằng họ đang giấu thư của cậu.”

“Ai cơ?”

“Chỉ thị nội bộ từ thanh tra bưu điện. Cậu không biết đúng không?”

“Không.”

“Vậy thì tìm ra bằng cách khác, tụi mình phải giấu cho bạn của tớ ở bưu điện nha.”

“Được thôi.” Starling đặt dao xuống một lúc. “Chúa ơi, Ardelia.”

Starling đã đứng ở quầy bưu điện mua tem mà chẳng thấy gì trên vẻ mặt của những nhân viên bận bịu. Phần đông họ là người Mỹ gốc Phi và cô biết một vài người trong số đó. Rõ ràng có ai đó muốn giúp đỡ cô nhưng thật là mạo hiểm nếu phải lãnh án trong khi sắp hưởng lương hưu. Rõ ràng ai đó đã tin tưởng Ardelia hơn là Starling. Tuy có phần lo lắng nhưng Starling vẫn cảm thấy vui một chút khi nhận được giúp đỡ từ đường dây nóng Phi-Mỹ. Có lẽ nó biểu lộ một nhận định ngầm về tự vệ trong việc bắn Evelda Drumgo.

“Nào đập dập tụi tây bằng cán dao rồi để đây cho tớ đi. Đập cả phần lá xanh nữa,” Ardelia nói.

Khi đã xong phần chuẩn bị, Starling rửa tay rồi đi ra gian phòng cực kỳ ngăn nắp của Ardelia và ngồi xuống. Một phút sau, Ardelia vừa bước vào vừa lau tay bằng một cái khăn lau đĩa.

“Cái mả mẹ gì thế này?” Ardelia nói.

Cả hai đều có thói quen nói tục mạnh miệng khi sắp đối mặt với chuyện chẳng lành, một kiểu huýt sáo trong bóng tối* cuối thế kỷ.

“Trời đánh thánh vật tớ nếu tớ biết,” Starling nói. “Đứa chó chết nào kiểm tra thư của tớ.”

“Bạn tớ có thể điều tra tới văn phòng thám tử tư thôi.”

“Không phải là vụ bắn nhau, không phải vụ Evelda,” Starling nói. “Nếu họ kiểm tra thư của tớ chắc hẳn là vì bác sĩ Lecter.”

“Bạn đã nộp mọi thứ hẳn gửi cho cậu rồi còn gì. Cậu với Crawford đã lần tìm nó mà.”

“Quá rõ rồi. Nếu Văn phòng Trách nhiệm Nghiệp vụ của FBI đang kiểm tra thì tớ nghĩ sẽ có cách biết được. Còn nếu đó là Văn phòng Trách nhiệm Nghiệp vụ của bên tư pháp thì tớ không biết.”

Bộ Tư pháp và cơ quan trực thuộc của nó là FBI có văn phòng trách nhiệm nghiệp vụ riêng biệt hợp tác với nhau trên lý thuyết và thỉnh thoảng cũng đụng nhau. Những tranh chấp như vậy trong nội bộ gọi là những giao tranh không có điểm dừng, và những đặc vụ nào bị vướng vào đó đôi khi sẽ bị chìm bẹp gì. Thêm vào đó, tổng thanh tra bên tư pháp, một người được bổ nhiệm vì chính trị có thể nhảy vào bất kỳ lúc nào mà đảm nhiệm mấy vụ nhạy cảm.

“Nếu họ biết Hannibal Lecter đang âm mưu gì, nếu họ nghĩ hẳn đang đến gần, họ phải cho cậu biết để tự bảo vệ bản thân. Starling, có bao giờ cậu cảm thấy hẳn ở đâu đó quanh cậu không?”

Starling lắc đầu. “Tớ không lo về hẳn lắm. Không phải như vậy. Một thời gian dài tớ không mấy may nghĩ gì về điều đó. Cậu biết cái cảm giác nặng như chì, cái cảm giác xám xịt nặng nề khi sợ sệt điều gì đó không? Tớ chưa từng cảm thấy như vậy. Tớ chỉ nghĩ là tớ sẽ biết nếu có rắc rối gì đó.”

“Bạn sẽ *làm* gì hả Starling? Bạn sẽ làm gì nếu thấy hắn trước mặt? Bất thành lời. Bạn đã định được trong đầu sẽ làm gì chưa? Bạn có tấn công hắn không?”

“Tôi sẽ vật hắn xuống ngay, nhanh như túm ống quần của tôi vậy.”

Ardelia cười to. “Rồi sau đó thì sao?”

Nụ cười của Starling biến mất. “Sẽ tùy thuộc vào hắn.”

“Bạn có bắn hắn không?”

“Để ruột gan tôi được giữ nguyên vẹn sao, cậu đùa à? *Chúa* ơi, tôi cầu cho chuyện đó không bao giờ xảy ra, Ardelia. Tôi sẽ vui biết chừng nào nếu hắn bị bắt lại mà không ai thương tích gì, kể cả hắn. Nói để cậu biết luôn, thả lỏng tôi nghĩ nếu như hắn bị dồn vào chân tường tôi sẽ không ngại vào giúp hắn.”

“Đừng có nói như vậy chứ.”

“Với tôi, hắn sẽ có cơ hội sống sót. Tôi sẽ không bắn hắn vì tôi sợ hắn. Hắn không phải người sói. Còn tùy vào hắn.”

“Bạn sợ hắn á? Tốt hơn là cậu nên sợ hắn *vừa vừa thôi*.”

“Bạn biết sợ là gì không Ardelia? Thật đáng sợ khi ai đó nói cho cậu biết sự thật. Tôi muốn thấy hắn thoát án tử hình. Nếu được như vậy và hắn được vào tù, sở thích nghiên cứu đủ khả năng giúp hắn được đối xử tốt. Và hắn cũng không có rắc rối gì với bạn tù. Nếu hắn bị bỏ tù, tôi sẽ cảm ơn hắn về lời nhắc của hắn. Không thể bỏ phí một người điên tới nỗi nói lên sự thật.”

“Có lý do khiến người ta kiểm tra thư của cậu. Họ nhận được lệnh từ tòa án và nó đã được duyệt qua. Chúng ta sẽ không mạo hiểm nếu chưa thấy được nó,” Ardelia nói. “Tôi sẽ không cho qua

việc mấy đứa khốn nạn biết là hắn đến mà không nói với cậu. Ngày mai rồi cậu xem.”

“Hắn là Crawford phải nói với chúng ta. Họ không thể chuẩn bị tấn công Lecter mà không được Crawford chấp thuận.”

“Jack Crawford là *quá khứ* rồi Starling. Cậu đã bị che mắt. Nếu như họ âm mưu chống lại *cậu* thì sao? Vì miệng lưỡi quá sắc sảo, vì không chịu ngủ với Krendler? Nếu như ai đó muốn loại bỏ cậu thì sao? Ê, tớ nghiêm chỉnh về việc giấu kín nguồn tin của tớ nha.”

“Chúng ta có thể làm gì cho người bạn của cậu ở bưu điện không? Chúng ta có cần làm gì không?”

“Cậu nghĩ ai sẽ đến ăn tối nào?”

“*Được rồi Ardelia!*... Chờ chút, tớ nghĩ là tớ qua ăn tối chứ.”

“Cậu có thể gói về.”

“Đa tạ vì việc đó.”

“Không có gì đâu. Thực sự tớ rất vui khi làm vậy.”

CHƯƠNG 47

KHI Starling còn nhỏ, cô chuyển từ một căn nhà tạm bợ ghép bằng tấm gỗ kê kê kệt khi trời nổi gió đến một căn nhà tường gạch đỏ chắc chắn ở cô nhi viện Lutheran.

Chỗ tồi tàn nhất mà gia đình ở trong giai đoạn đầu của tuổi thơ là căn bếp ẩm áp nơi cô có thể ăn chung một quả cam với cha. Nhưng Thần Chết biết những ngôi nhà bé nhỏ nằm ở đâu, nơi mọi người làm đủ việc nguy hiểm để kiếm một chút tiền. Cha cô đã chết vào cái đêm ông lái chiếc xe bán tải cũ kỹ của mình rời khỏi nhà để đi tuần tra.

Starling rời khỏi gia đình đỡ đầu trên một con ngựa sắp bị giết thịt trong khi họ đang giết những con cừu. Và cô tìm thấy nơi trú ẩn ở cô nhi viện Lutheran. Kể từ lúc đó kiến trúc to lớn và vững chãi của hội từ thiện khiến cô cảm thấy an toàn. Những người sống ở Lutheran mặc dù có thể ít nhiệt tâm, ít cam và nhiều tình yêu cho Chúa nhưng luật là luật và nếu bạn hiểu rõ chúng thì sẽ không sao cả.

Cho tới khi nào thách thức còn là những cuộc thi không liên quan đến cá nhân ai hoặc nhiệm vụ đều được tiến hành ngoài đường phố thì cô biết còn có thể giữ chỗ của mình. Nhưng Starling không có năng khiếu gì về chính trị trong các cơ quan.

Hiện tại, khi cô ra khỏi chiếc Mustang cũ kỹ vào đầu ngày, mặt tiền cao của Quantico không còn là nơi trú ẩn an toàn vững chãi cho cô nữa. Xuyên qua không khí ù ù bên trên bãi giữ xe, những lối vào trông thật méo mó.

Cô muốn gặp Jack Crawford, nhưng không đủ thời gian. Việc quay phim ở thao trường Hogan's Alley bắt đầu ngay khi trời đủ sáng.

Vụ điều tra cuộc thám sát ở chợ cá Feliciano bắt buộc phải được dựng lại với từng phát súng, từng đường đạn và quay phim ở thao trường Hogan's Alley tại Quantico.

Starling phải diễn phần của mình. Cái xe tải theo dõi mà họ dùng chính là chiếc nguyên bản, đã được đánh bóng phần thân, không sơn sửa gì, và trám lại những lỗ đạn mới nhất. Họ phải lao ra khỏi chiếc xe cũ hết lần này tới lần khác. Cảnh đặc vụ diễn vai John Brigham té đập mặt xuống đường và người đóng vai Burke quần quai trên mặt đất cũng lặp đi lặp lại. Quá trình dùng đạn mã tử gây tiếng nổ này vắt kiệt sức của cô.

Họ kết thúc vào xế trưa.

Starling treo bộ dụng cụ đặc vụ của mình lên rồi tìm Jack Crawford trong phòng làm việc.

Cô lại gọi ông là “Ngài Crawford”, còn ông càng ngày càng mơ hồ và xa cách với mọi người.

“Muốn một viên thuốc giảm đau Alka-Seltzer không Starling?” ông hỏi khi thấy cô ở cửa văn phòng. Một ngày Crawford uống không biết bao nhiêu viên thuốc tào lao. Ông uống cả Ginkgo Biloba, Saw Palmetto, St John's Wort và aspirin

liều thấp. Ông uống chúng theo thứ tự nhất định trong lòng bàn tay, đầu ngửa ra sau giống như đang uống một ngụm rượu.

Trong những tuần gần đây, ông bắt đầu treo áo khoác trong văn phòng và mặc chiếc áo len mà bà vợ quá cố Bella đan cho. Trông ông già hơn mọi kỷ ức mà cô có về cha của mình.

“Ngài Crawford, vài lá thư của tôi đã bị mở. Họ không quá giỏi chuyện đó. Nhìn như là họ xông hơi hồ dán bằng một ấm trà.”

“Cô đã bị theo dõi thư từ kể từ khi Lecter viết cho cô.”

“Họ chỉ soi những lá thư. Điều đó thì không sao, nhưng tôi phải được đọc thư từ riêng tư của mình. Chẳng ai nói với tôi chuyện này cả.”

“Không phải người của Văn phòng Trách nhiệm Nghiệp vụ làm chuyện này.”

“Cũng không phải Phó phòng Dawg làm, ngài Crawford - phải là ai đó có quyền hành mới được trát xét Khoản III đối với giấy tờ bị niêm phong.”

“Nhưng trông như là bọn nghiệp dư mở ra đúng không?” Cô im lặng đủ lâu để ông nói thêm. “Tốt nhất là cô nhận thấy theo kiểu đó, đúng không, Starling?”

“Vâng thưa ngài.”

Ông cong môi lên và gật đầu. “Tôi sẽ xem xét chuyện này.” Ông sắp xếp những chai lọ đựng thuốc tào lao vào ngăn kéo trên cùng của bàn làm việc. “Tôi sẽ nói với Carl Schirmer bên Tư pháp, chúng ta sẽ làm rõ chuyện này.”

Schirmer chỉ là một con vịt què. Có tin đồn rằng ông ta sẽ nghỉ hưu vào cuối năm - các bạn cùng vây cánh của Crawford đều sắp nghỉ hưu.

“Cảm ơn ngài.”

“Có ai trong lớp cảnh sát của cô có nhiều triển vọng không? Có ai đáng để bên tuyển dụng nói chuyện không?”

“Bên pháp y thì tôi chưa nói được - bọn họ khá rụt rè với tôi về những tội ác liên quan đến tình dục. Có một vài người bắn khá tốt.”

“Chúng ta đã có đủ loại đó rồi.” Ông liếc nhanh cô. “Tôi không có ý nói cô.”

Vào cuối ngày sau khi diễn lại cảnh cái chết của John Brigham, cô đến mộ anh ở Nghĩa trang Quốc gia Arlington.

Starling đặt tay lên tấm bia mộ vẫn còn nhám vết đục. Bỗng nhiên cô cảm thấy trên môi cảm giác đặc biệt lúc hôn lên trán anh, lạnh như đá cẩm thạch và ram ráp bột, khi cô đến bên chiếc quan tài, đặt vào đôi tay đi găng trắng của anh chiếc huy chương cuối cùng của chính cô trong cuộc thi Vô địch Bắn súng Mở rộng.

Bây giờ lá đang rụng, phủ kín mặt đất chật chội ở Arlington. Starling, tay đặt trên bia mộ của John Brigham, nhìn qua hàng dặm các ngôi mộ, tự hỏi bao nhiêu người như anh đã bị lãng phí vì sự ngu dốt, ích kỷ và những giao kèo của các lão già mệt mỏi.

Cho dù anh có tin vào Chúa hay không nhưng nếu đã là một chiến sĩ thì Arlington là một nơi thiêng liêng, và bi kịch không phải là bị chết mà là bị lãng phí.

Cô cảm thấy sự gắn kết với Brigham không hề suy yếu đi chỉ vì họ chưa từng là tình nhân. Quỳ một chân bên bia mộ anh, cô

nhớ lại: anh đã từng khẽ hỏi cô điều gì đó và cô đã nói không, rồi anh lại hỏi cô thật lòng rằng họ có thể là bạn không, và cô cũng thật lòng trả lời rằng có.

Quỳ xuống ở Arlington, cô nghĩ tới mộ cha mình ở cách xa đây. Cô đã không tới đó kể từ khi tốt nghiệp hạng nhất đại học và tới mộ để kể cho ông biết. Cô tự hỏi không biết giờ có phải lúc quay lại không.

Ánh mặt trời lặn xuyên qua cành lá đen ngòm ở Arlington có màu như quả cam cô đã ăn chung với cha mình; tiếng tù và xa xa làm cô nổi gai ốc, tấm bia mộ lạnh ngắt dưới tay.

CHƯƠNG 48

TA có thể thấy nó xuyên qua màn hơi thở - trong đêm quang đãng ở Newfoundland một điểm sáng rực treo trên chòm Orion rồi chậm chậm băng qua trên đầu, một chiếc Boeing 747 tiến về phía Tây ngược chiều gió tốc độ một trăm sáu mươi ki lô mét một giờ.

Ở chỗ hạng chót dành cho hành khách dùng trọn gói có năm mươi hai thành viên tham gia chuyến du lịch Old World Fantasy, một chuyến du lịch qua mười một nước trong bảy ngày, đang trở về Detroit và Windsor ở Canada. Bề rộng chỗ ngồi và giữa hai chỗ gác tay là hơn năm mươi phân. Rộng hơn năm phân so với chỗ của một nô lệ trong một chuyến đi qua Đại Tây Dương.

Hành khách bị nhét cho những miếng bánh mì kẹp lạnh cóng chứa những miếng thịt trơn tuột cùng thực phẩm chế biến với pho mát. Họ phải hít vào mùi đánh rắm và hơi thở của người khác lảng vảng trong không khí được lọc một cách rẻ tiền giống như cách những nhà buôn lợn và gia súc đặt làm tiêu chuẩn hồi thập niên 1950.

Bác sĩ Hannibal Lecter ngồi ở trung tâm hàng ghế giữa khu hành khách, trẻ con ở cả hai bên và một phụ nữ bế một đứa trẻ mới sinh ở cuối hàng. Sau nhiều năm trong nhà tù và trại giam,

bác sĩ Lecter không thích bị hạn chế. Máy chơi điện tử trên đùi một chú nhóc cạnh hắn đang kêu bíp bíp không ngừng.

Như nhiều người khác ngồi rải rác ở những ghế rẻ tiền nhất, bác sĩ Lecter đeo một huy hiệu mặt cười màu vàng tươi với dòng chữ đỏ to dùng ghi CAN-AM-TOUR, và giống như khách du lịch hắn mặc áo gió thể thao giả. Cái áo gió mang huy hiệu của đội khúc côn cầu Toronto Maple Leafs. Dưới lớp áo, một khoản tiền mặt đáng kể được cột chặt vào người hắn.

Bác sĩ Lecter đã đi với đoàn du lịch được ba ngày sau khi mua lại vé từ một chỗ môi giới những chuyến bị hủy vào giờ chót ở Paris. Người đáng lẽ đã ngồi ở chỗ này phải trở về Canada trong một cái hộp sau khi tim ông ta ngừng đập trong lúc leo lên mái vòm của đại giáo đường Thánh Peter.

Khi tới Detroit, bác sĩ Lecter phải đối mặt với hải quan và nhân viên kiểm tra hộ chiếu. Hắn chắc chắn rằng mỗi nhân viên hải quan ở bất kỳ sân bay quan trọng nào ở phương Tây đều được cảnh báo phải để ý tới hắn. Nếu hình của hắn không được dán vào tường tại nơi kiểm tra hộ chiếu thì thể nào cũng nằm dưới nút khẩn cấp của máy tính của hải quan và cơ quan di trú.

Mặc dù vậy, hắn nghĩ mình có thể may mắn một chút: những tấm hình mà nhà cầm quyền sử dụng có thể là khuôn mặt trước kia của hắn. Hộ chiếu giả mà hắn dùng để vào Ý không có hồ sơ nào ở nước sở tại để cung cấp hình hiện tại. Ở Ý, Rinaldo Pazzi đã gắng làm đơn giản cuộc sống của ông ta và làm hài lòng Mason Verger bằng cách lấy hồ sơ của Carabinieri bao gồm hình và phim âm bản dùng trên *giấy phép cư trú* và giấy phép lao

động của “Tiến sĩ Fell”. Bác sĩ Lecter tìm thấy trong cặp của Pazzi và đã hủy chúng đi.

Trừ phi Pazzi lén lút chụp hình “Tiến sĩ Fell”, có khả năng cao là trên thế giới này không hiện hữu một tấm hình nào chụp khuôn mặt hiện tại của bác sĩ Lecter. Nó không quá khác gương mặt cũ của hắn - một chút collagen thêm vào quanh mũi và gò má, kiểu tóc được thay đổi, cùng kính mắt nhưng cũng đủ khác nếu không ai chú ý. Vết sẹo trên mu bàn tay được hắn che bằng mỹ phẩm và chất làm sạm da vĩnh cửu.

Hắn đoán trước ở sân bay thủ đô Detroit Cơ quan Nhập cư sẽ chia người đến thành hai hàng, Hộ Chiếu Mỹ và Loại Khác. Hắn đã chọn một thành phố biên giới để hàng Loại Khác sẽ đầy. Chiếc máy bay này đầy những người Canada. Bác sĩ Lecter nghĩ rằng mình có thể đi qua trót lọt cùng đám đông, miễn sao đám đông chấp nhận hắn. Hắn đã du lịch qua những địa danh lịch sử cùng họ. Hắn đã bay trong cái máy bay ngộp thở cùng họ. Nhưng cái gì cũng có giới hạn của nó. Hắn không thể ăn những thứ rác rưởi của hãng hàng không này cùng họ.

Mệt mỏi và đau chân, chán ngất với đồ đặc và bạn đồng hành, đám khách du lịch cắm đầu vào những túi thức ăn khuya, và trong những miếng bánh mì kẹp, bọn họ lôi ra đám xà lách đen lại vì lạnh.

Không mong muốn thu hút sự chú ý về mình, bác sĩ Lecter đợi đến khi những hành khách khác đã ăn xong đồ ăn kham khổ, đợi đến khi họ đã đi vào nhà tắm, và cho tới khi đa số đã ngủ say. Xa xa phía trước đang chiếu một bộ phim cũ rích. Hắn vẫn đợi với sự kiên nhẫn của một con trăn. Bên cạnh hắn, cậu

bé đã ngủ say trên chiếc máy chơi điện tử của mình. Trong chiếc máy bay rộng lớn, đèn đọc sách từ từ tắt đi.

Chỉ tới lúc đó, lén lút nhìn xung quanh, bác sĩ Lecter lấy từ dưới chỗ ngồi đằng trước ra bữa trưa đựng trong một cái hộp lịch sự màu vàng viền nâu hiệu Fauchon, một nơi cung cấp thức ăn ở Paris. Chiếc hộp được buộc hai cái nơ bằng lụa mỏng với hai màu hợp nhau. Bác sĩ Lecter đã mua cho mình một miếng patê gan ngỗng thơm mùi nấm cục, vài trái sung Anatolia vẫn còn chảy nhựa từ cuống mới cắt. Hắn lấy nửa chai rượu St Estephe mà hắn thích. Chiếc nơ lụa phát ra tiếng sột soạt.

Bác sĩ Lecter đang chuẩn bị thưởng thức trái sung, ngậm nó trên môi, hai cánh mũi phập phồng theo mùi hương, đang băn khoăn xem nên ăn hết trái sung bằng một miếng ngoạm hay chỉ ăn phân nửa thì chiếc máy chơi điện tử bên cạnh hắn kêu lên. Nó lại kêu lên. Không quay đầu lại, tay bác sĩ cầm trái sung trong lòng bàn tay, nhìn xuống đứa bé cạnh hắn. Mùi của nấm cục, gan ngỗng và rượu cô nhắc tỏa ra từ cái hộp đang mở.

Đứa bé trai ngử ngử không khí. Đôi mắt nhỏ và sáng như loài gặm nhấm của nó trượt sang bên cạnh nhìn vào bữa trưa của bác sĩ Lecter. Nó nói với giọng chói tai của một đứa trẻ hay phải giành đồ với anh chị em:

“Này, ông. Này, ông.” Nó sẽ không dừng lại.

“Chuyện gì vậy?”

“Đây có phải một trong những bữa ăn đặc biệt không?”

“Không phải.”

“Thế ông có gì trong đó vậy?” vẻ ngon ngọt, đứa trẻ quay mặt đối diện bác sĩ Lecter. *“Cho cháu một miếng đi ạ.”*

“Ta rất muốn làm vậy,” bác sĩ Lecter trả lời, nhận thấy dưới cái đầu to, cổ của nó chỉ nhỏ như một miếng thịt heo thăn, “nhưng mà cháu sẽ không thích đâu. Đây là *gan* đấy.”

“*Xúc xích gan! Tuyệt vời! Mẹ sẽ không nói gì đâu, meeeee....!*” Đứa trẻ kỳ lạ, thích xúc xích gan và nếu không rên rỉ thì la hét.

Người phụ nữ bế em bé ở cuối hàng liền tỉnh dậy.

Du khách ở hàng trên hạ ghế xuống cho đến khi bác sĩ Lecter ngửi thấy mùi tóc của họ rồi nhìn qua khe hở giữa hai ghế. “Chúng tôi đang cố ngủ đấy.”

“Meeeeeee... con ăn mấy miếng bánh mì của ông ấy nha?”

Đứa trẻ trên đùi bà mẹ tỉnh dậy và bắt đầu khóc. Bà mẹ thọc một ngón tay vào trong tã của nó, thấy không có gì, bèn đưa cho nó một cái núm vú.

“Ông tính cho con tôi *ăn* gì vậy thưa ông?”

“Là gan thưa bà,” bác sĩ Lecter nói nhỏ hết mức có thể. “Tôi không cho...”

“Xúc xích gan, món con khoái, con muốn ăn, ông ấy nói con có thể ăn một chút...” Đứa bé kéo dài tiếng cuối ra thành một tiếng rên rỉ chói tai.

“Thưa ông, nếu ông cho *con* tôi ăn gì đó, tôi có thể xem không?”

Nữ tiếp viên với bộ mặt sưng sả vì giấc ngủ ngắn bị đánh thức đi tới chỗ người phụ nữ khi đứa bé tru tréo lên. “Mọi việc ổn chứ? Tôi có thể mang gì đó cho bà không? Hâm nóng bình sữa nhé?”

Người phụ nữ lấy một chai sữa đầy nắp rồi đưa cho nữ tiếp viên. Mở đèn đọc sách lên và trong khi kiểm núp vú giả, bà ta gọi với lên bác sĩ Lecter. “Ông chuyển nó xuống cho tôi được không? Nếu ông cho *con* tôi ăn gì thì tôi muốn thấy nó. Xin lỗi ông, nhưng bao tử của nó hơi yếu.”

Ta thường xuyên để lũ trẻ ở trung tâm giữ trẻ cùng những người lạ. Cùng lúc đó, vì cảm thấy tội lỗi, ta biểu lộ sự sợ hãi thái quá đối với người lạ và khiến lũ trẻ hoảng hốt. Trong những lúc như thế này, một con quái vật thật sự cũng phải coi chừng, ngay cả với một con quái vật chẳng quan tâm gì tới trẻ con như bác sĩ Lecter.

Hắn chuyển hộp Fauchon của mình cho bà mẹ.

“Bánh mì ngon thật đấy,” bà ta nói, chọc ngón tay vừa mới kiểm tra tã vào.

“Bà có thể *giữ* nó thừa bà.”

“Tôi không muốn uống *rượu*,” bà ta nói rồi nhìn quanh tìm sự đồng tình. “Tôi không biết là có thể mang rượu theo. Đây có phải là whiskey không? Họ có *cho* ông uống trên máy bay không? Tôi nghĩ tôi sẽ giữ cái ruy băng nếu ông không cần.”

“Thưa *ông*, ông không thể khai đồ uống có cồn trên máy bay,” nữ tiếp viên nhắc nhở. “Tôi sẽ giữ hộ ông, ông có thể lấy lại nó ở cổng.”

“Vâng tất nhiên. Cảm ơn cô rất nhiều,” bác sĩ Lecter đáp.

Bác sĩ Lecter có thể chiến thắng ngoại cảnh. Hắn có thể làm nó biến mất hết. Tiếng kêu títtít của máy chơi điện tử, tiếng ngáy và tiếng rầm chả là gì so với những tiếng thét khủng khiếp hắn nghe thấy trong phòng bạo lực. Chiếc ghế ngồi không chật

hơn dụng cụ chế ngự. Như đã từng làm vô số lần trong phòng giam, bác sĩ Lecter ngửa đầu ra sau, nhắm mắt lại và lui về tìm sự yên bình trong cái tĩnh lặng của cung điện kỳ ỨC, một cung điện đa phần là khá đẹp.

Trong khoảnh khắc ngắn ngủi này, chiếc máy bay gào rú bay ngược gió về phía Đông chứa một cung điện rộng cả ngàn phòng.

Như đã từng viếng thăm bác sĩ Lecter trong Biệt điện Capponi, chúng ta sẽ đi theo hắn vào cung điện trí óc...

Tiền sảnh là nhà nguyện Norman ở Palermo, nghiêm trang đẹp đẽ vượt thời gian, sự nhắc nhở duy nhất về cái chết là hình đầu lâu tạc vào sàn. Trừ phi đang hết sức vội vã tìm kiếm thông tin trong cung điện, bác sĩ Lecter thường dừng lại ở đây như hắn đang làm để chiêm ngưỡng nhà nguyện. Đằng sau nó, xa xôi và phức tạp, nửa sáng nửa tối, là kiến trúc to lớn do bác sĩ Lecter tạo lên.

Cung điện kỳ ỨC là một hệ thống ghi nhớ nổi tiếng với những học giả cổ đại và đa số thông tin đã được họ bảo tồn qua Thời kỳ Đen tối khi những kẻ phá hoại thiêu hủy sách. Như những học giả trước mình, bác sĩ Lecter lưu giữ một lượng khổng lồ thông tin gắn kết với những vật thể trong cả ngàn căn phòng của hắn, nhưng khác với những tiền nhân cổ đại, bác sĩ Lecter có một mục đích khác cho cung điện của mình; đôi khi hắn sống trong đó. Hắn đã trải qua nhiều năm giữa những bộ sưu tập tinh tế của nó, trong khi cơ thể hắn bị trói buộc trong phòng bạo lực với những tiếng thét làm rung động các thanh sắt như âm đàn hạc từ địa ngục.

Cung điện của Hannibal Lecter thật rộng lớn ngay cả với tiêu chuẩn Trung cổ. Nếu chuyển sang thế giới hữu hình thì kích thước và sự phức tạp của nó có thể sánh với cung điện Topkapi ở Istanbul.

Ta bắt kịp hắn vừa đúng lúc trí óc nhanh nhẹn của hắn lướt qua tiền sảnh để vào Đại Hội trường Bốn mùa. Cung điện được xây dựa theo những quy luật do Simonides Ceos khám phá ra và Cicero trau chuốt bốn trăm năm sau; trông thoáng đãng với trần nhà cao, cung điện được trang trí bởi những vật thể và cảnh sắp đặt sống động, nổi bật, đôi khi gây sốc, vô lý và thường tuyệt đẹp. Các vật trưng bày được để cách nhau một khoảng hợp lý và chiếu sáng tốt như trong một bảo tàng vĩ đại. Nhưng những bức tường không có màu trung hòa như các bức tường bảo tàng mà được bác sĩ Lecter vẽ đầy bích họa như Giotto đã làm.

Khi ở trong cung điện trí óc, hắn đã quyết định lấy địa chỉ nhà của Clarice Starling, nhưng không vội làm điều đó, do vậy hắn dừng ở chân cầu thang vĩ đại nơi đặt những bức tượng đồng của Riace. Những chiến binh bằng đồng vĩ đại này, được cho là do Phidias tạo ra, đưa lên từ đáy biển vào chính thời của chúng ta, là trung tâm của khoảng không đầy bích họa đủ để diễn tả lại toàn bộ các câu chuyện của Homer và Sophocles.

Nếu muốn, bác sĩ Lecter có thể làm cho những bộ mặt đồng kể lại câu chuyện về Meleager nhưng hôm nay hắn chỉ muốn nhìn chúng.

Một ngàn gian phòng, hàng dặm hành lang, hàng trăm sự kiện gắn liền với từng đồ vật trang trí phòng, một nơi thư giãn

dễ chịu luôn đợi bác sĩ Lecter mỗi khi hắn chọn nghỉ ngơi ở đây.

Nhưng chúng ta cũng cần phải chia sẻ với tay bác sĩ chuyên này: trong những mái vòm của trái tim và khối óc ta, nguy hiểm luôn chờ. Không phải mọi gian phòng đều đẹp đẽ, sáng trưng và cao ráo. Sàn nhà của trí óc cũng có những lỗ hổng như sàn nhà ngục tối thời Trung cổ - những ngục tối hôi thối mà trong tiếng Pháp có nghĩa là sự lãng quên, những gian xà lim thắt cổ chai với cửa sập trên trần. Không có gì trong đó thoát ra yên lặng để làm ta thoải mái. Một trận động đất, vài hành động phản bội của những kẻ hộ tống cho ta sẽ khiến tia lửa của ký ức bùng lên đốt cháy những đám khí độc hại - những thứ được nhốt nhiều năm trời sẽ thoát ra, sẵn sàng nổ tung lên đau đớn, khiến ta gây ra những hành động nguy hiểm.

Vừa sợ hãi vừa hứng thú, ta theo hắn di chuyển thật nhanh dọc theo hành lang hắn tạo ra, xuyên qua hương cây dành dành, qua sự hiện hữu o ép của những bức tượng điêu khắc, và qua ánh sáng của những bức tranh.

Đường hắn đi vòng về mé phải ngang qua tượng bán thân của Pliny và lên một cầu thang để vào Đại sảnh Cửa Những Địa Chỉ, một căn phòng với những pho tượng và bức tranh xếp dài theo thứ tự nhất định, cách xa nhau và chiếu sáng đầy đủ như Cicero đề nghị.

Đây rồi... Hốc tường thứ ba bên phải từ cửa chêm chệ một bức tranh Thánh Francis đút một con ngài cho một con chim sáo. Trên sàn dưới bức tranh là cảnh sắp đặt theo kịch cỡ thật bằng cẩm thạch sơn màu:

Một cuộc điều hành ở Nghĩa trang Quốc gia Arlington do Giêsu dẫn đầu, ba mươi ba tuổi, lái một chiếc xe tải Ford mẫu T đời 1927, được đặt tên “kẻ hầu đáng tin”, J. Edgar Hoover mặc một bộ váy ba lê đứng trên thùng xe và vẫy về phía một đám đông xa xa.

Đi đằng sau hắn, Clarice Starling khoác trên vai khẩu súng trường Enfield .308.

Bác sĩ Lecter có vẻ hài lòng khi thấy Starling. Thông qua Hội Cựu Sinh viên Đại học Virginia, hắn có được địa chỉ nhà của Starling đã lâu. Hắn giấu địa chỉ trong cảnh sắp đặt này. Và bây giờ, một cách thoải mái, hắn gọi ra số nhà và tên đường nơi Starling ở:

3327 Tindal

Arlington, VA 22308

Bác sĩ Lecter có thể di chuyển qua những đại sảnh cung điện ký ức của hắn với tốc độ siêu nhiên. Với phản xạ nhanh, với sức mạnh, sự linh hoạt đầy đủ về thế giới và trí óc nhanh nhạy, bác sĩ Lecter được vũ trang đầy đủ để chống lại thế giới thực tại. Thế nhưng có những chỗ trong chính mình mà hắn không thể đi tới một cách an toàn, nơi những quy luật về logic, về trật tự của ánh sáng và không gian của Cicero không được áp dụng...

Hắn quyết định thăm bộ sưu tập vải sợi cổ. Để viết một lá thư cho Mason Verger, hắn muốn xem lại một văn bản của Ovid về lĩnh vực dầu bôi mặt có hương thơm được đưa vào những tấm vải.

Hắn đi dọc theo một miếng vải trang trí dệt phẳng hấp dẫn về phía sảnh chứa khung dệt và vải sợi.

Trong thế giới của chiếc 747, bác sĩ Lecter mắt nhắm lại ngả đầu trên ghế. Đầu hắn khễ nhúc nhích theo nhịp không khí xoáy va vào máy bay.

Ở cuối hàng, đứa bé đã uống xong chai sữa mà vẫn chưa ngủ. Mặt nó đỏ lên. Bà mẹ cảm thấy cơ thể bé nhỏ của nó hơi gồng lên trong mền rồi thả lỏng. Không cần chọc ngón tay vào tóc, bà ta cũng biết chuyện gì đã xảy ra. Ở hàng ghế trên, ai đó thốt lên: “Lạy Chúa.”

Mùi hôi như trong phòng tập thể dục của máy bay lại được thêm một lớp mùi. Đứa bé trai ngồi kế bác sĩ Lecter chẳng lạ gì với thói quen của em bé nên cứ tiếp tục ăn bữa trưa trong cái hộp Fauchon.

Ở dưới cung điện ký ức, các cửa sập bật mở, những xà lim phả ra hơi thở hôi thối kinh khủng...

Một vài con thú đã gắng sống sót dưới những phát súng đại bác và súng máy trong trận đánh giết chết cha mẹ của Hannibal Lecter, làm khu rừng rộng lớn trong lãnh địa của họ bị thổi tung lên và đầy vết lõm.

Một đám lộn xộn những kẻ đào ngũ đang dùng cái chòi săn ở nơi hẻo lánh để ăn những gì chúng tìm thấy. Một lần nọ, chúng thấy một con hươu bé nhỏ khốn khổ, gầy còm và bị dính một mũi tên, nó đã cố ăn cỏ dưới lớp tuyết để sống sót. Chúng dẫn nó về khu trại để khỏi phải vác.

Hannibal Lecter, sáu tuổi, nhìn xuyên qua khe hở chuồng ngựa khi chúng dẫn con hươu vào, kéo đầu nó bằng sợi dây quấn quanh cổ. Không muốn nổ súng, chúng đã vật ngã nó khỏi bốn chân khảng khiu rồi cắt cổ bằng rìu, sau đó, lại dùng nhiều thứ tiếng chửi bới lẫn nhau đòi mang ra một cái tô để không bỏ phí máu hươu.

Con hươu còi cọc chẳng được bao nhiêu thịt nên sau hai hay ba ngày, giấu mình trong những cái áo khoác dài, với hơi thở hôi hám và bốc khói, những kẻ đào ngũ đi xuyên qua tuyết từ căn lều sẵn, mở khóa chuồng ngựa và lại lựa chọn giữa đám trẻ co quắp trong đống rơm. Chưa có đứa nào chết cồng nên chúng chọn một đứa còn sống.

Chúng sờ nắn đùi, bắp tay và ngực của Hannibal Lecter, nhưng chúng không chọn hắn mà là đứa em gái, Mischa và dẫn con bé đi. Đi chơi, chúng bảo thế. Chưa đứa nào được dẫn đi chơi lại trở về cả.

Hannibal giữ chặt Mischa, dùng nắm tay rắn rỏi để giữ lấy Mischa cho tới khi chúng đập cánh cửa chuồng ngựa nặng vào làm hắn choáng váng và bị rạn xương cánh tay.

Chúng dẫn cô bé đi xuyên qua đám tuyết vẫn còn dính máu của con hươu.

Hắn đã ra sức khẩn cầu xin được gặp lại Mischa lần nữa, lời cầu nguyện chiếm hết trí óc của đứa bé sáu tuổi nhưng cũng không làm tắt đi tiếng cây rìu. Lời cầu nguyện xin được gặp lại cô bé cũng có đôi chút linh nghiệm - hắn thấy vài cái răng sữa của Mischa trong hố phân bốc mùi mà bọn bắt giữ hắn sử dụng giữa cái lều nơi chúng ngủ và chuồng ngựa nơi chúng giữ lũ trẻ bị bắt để làm đồ ăn trong năm 1944 sau khi Tiền tuyến phía Tây sụp đổ.

Kể từ khi nhận được câu trả lời dở dang cho lời cầu nguyện, Hannibal Lecter chẳng thêm để ý gì đến thánh thần ngoài việc nhận thấy việc ăn thịt người nhỏ nhoi của hắn chẳng là gì so với việc làm của Chúa, người mà trở trêu thay lại không có đối thủ và thích đùa giỡn ác ý không ai bằng.

Trong chiếc máy bay bị va đập nặng nề, đầu bác sĩ Lecter gục gặc lên xuống nhẹ nhàng chỗ tựa đầu, hắn bị treo lơ lửng giữa đám tuyết đầy máu và âm thanh của cái rìu. Hắn bị giữ ở đó và không thể chịu nổi nữa. Trong máy bay, tiếng thét sắc nhọn mỏng manh the thé của hắn vang lên từ khuôn mặt ướt đầm mồ hôi.

Hành khách ngồi đằng trước hắn quay lại, vài người tỉnh ngủ. Vài người ngồi hàng ghế trước càu nhàu. “Nè nhóc, lạy Chúa, mày *bị sao* vậy? Chúa ơi!”

Đôi mắt bác sĩ Lecter mở to, nhìn về phía trước. Một bàn tay để trên tay hắn. Đó là bàn tay của đứa bé trai.

“Ông gặp ác mộng hả?”

Đứa trẻ không sợ, cũng không quan tâm tới những lời phàn nàn từ những hàng ghế phía trước.

“Đúng vậy.”

“Cháu cũng gặp ác mộng rất nhiều lần. Cháu sẽ không cười ông đâu.”

Bác sĩ Lecter hít thở vài hơi, đầu tựa vào ghế. Không lâu sau, sự diêm tĩnh trở lại với hắn như thể vừa trôi từ chân tóc xuống mặt. Hắn nghiêng đầu về phía đứa bé, nói bằng giọng tự tin, “Cháu biết không, cháu không ăn thứ rác rưởi này là đúng. Đừng bao giờ ăn nó.”

Các hãng hàng không chẳng cung cấp giấy bút nữa. Khi hoàn toàn kiểm soát được chính mình, bác sĩ Lecter lấy giấy bút dùng trong khách sạn từ túi áo ngực và bắt đầu viết một lá thư cho Clarice Starling. Đầu tiên, hắn vẽ gương mặt cô. Bức vẽ sau này nằm trong một bộ sưu tập cá nhân của trường đại học Chicago

và được đưa ra cho các học giả nghiên cứu. Trong bức vẽ, Starling trông như một đứa trẻ và tóc cô, hệt như tóc của Mischa, dính bết nước mắt trên má...

Ta có thể thấy chiếc máy bay xuyên qua màn hơi thở, một điểm sáng rực rỡ trong đêm quang đăng. Thấy nó vượt qua sao Bắc đẩu, vượt qua điểm không thể vãn hồi, quyết tâm bay một đường cong vĩ đại tới ngày mai trong Tân Thế giới.

CHƯƠNG 49

GIẤY TỜ, hồ sơ và băng đĩa trên bàn Starling đã chất thành một đống to. Yêu cầu thêm chỗ của cô không có hồi âm. *Đủ rồi.* Không sợ tối tăm, cô đã trưng dụng căn phòng rộng dưới tầng hầm ở Quantico. Căn phòng được dành để làm phòng tối riêng cho ban Khoa học Hành vi khi nghị viện vừa dành được ít tiền. Phòng không có cửa sổ nhưng lại có rất nhiều kệ và vì được xây để làm phòng tối, nó có màn tối hai lớp thay cho cửa.

Một kẻ chung văn phòng giấu mặt đã in một bảng bằng kiểu chữ Gothic đề NHÀ CỦA HANNIBAL và ghim nó trên tấm màn ở lối vào. Sợ sẽ mất phòng, Starling đã bỏ cái bảng vào trong.

Gần như ngay lập tức, cô tìm thấy một kho tư liệu hữu ích tại Thư viện Tư pháp Hình sự Đại học Columbia nơi có một phòng của Hannibal Lecter. Trường đại học có giấy hành nghề bác sĩ tâm lý gốc và bản sao các vụ thưa kiện dân sự của hắn. Lần đầu tiên đến thư viện, Starling phải chờ bốn mươi lăm phút để mấy người trông coi lục lợi chìa khóa vào phòng Lecter mà không tìm thấy. Lần thứ hai, cô gặp một sinh viên cao học thờ ơ đang coi ở đó với những hồ sơ không được sắp xếp.

Ở tuổi ngoài ba mươi, tính kiên nhẫn của Starling chẳng có tiến bộ gì. Với sự giúp đỡ của Trưởng khoa Jack Crawford tại văn phòng Chứng lý Mỹ, cô xin được lệnh tòa án cho dời toàn

bộ bộ sưu tập của trường về căn phòng dưới hầm ở Quantico. Cảnh sát tư pháp chỉ cần một chuyến xe tải là di dời xong tất cả.

Lệnh tòa án gây ra làn sóng như cô vẫn sợ. Kết quả là làn sóng đẩy đến Krendler...

Sau hai tuần, Starling đã sắp xếp gần hết đồng tài liệu thư viện trong cái trung tâm Lecter tạm thời của cô. Vào buổi chiều muộn ngày thứ Sáu, cô rửa mặt và tay cho sạch đất và bụi sách, tắt bớt đèn rồi ngồi trên sàn nhà trong góc nhìn những kệ đầy sách và giấy tờ. Có thể cô đã gà gât một lúc...

Mùi gì đó đánh thức cô và cô biết rằng mình không ở một mình. Đó là mùi xi đánh giày.

Trong căn phòng tranh tối tranh sáng, Phó Trợ lý Tổng thanh tra Paul Krendler đang đi chậm chậm dọc theo mấy cái kệ, ngắm soi mớ sách và hình ảnh. Hắn chẳng màng gõ cửa - không có chỗ để gõ trên mấy cái màn và dù sao thì Krendler cũng chẳng bao giờ gõ cửa, đặc biệt là tại những cơ quan cấp dưới. Ở đây, trong tầng hầm tại Quantico, nhất định hắn sẽ thăm thú như thăm mấy khu ổ chuột.

Một bức tường của căn phòng được dành cho bác sĩ Lecter ở Ý, với một bức ảnh lớn hình Rinaldo Pazzi bị treo cổ từ cửa sổ bảo tàng Biệt điện Vecchio, ruột lòi ra ngoài. Bức tường đối diện là tội ác ở Mỹ và phần lớn là những hình ảnh của cảnh sát về người thợ săn bằng cung tên bị bác sĩ Lecter giết chết nhiều năm trước. Cái xác bị treo trên một tấm bảng treo đồ đục lỗ và có đầy đủ thương tích như trong bức minh họa *Wound man* (Người bị thương) thời Trung cổ. Rất nhiều hồ sơ vụ án chất trên

kệ cùng với hồ sơ dân sự về những vụ kiện Lecter giết người sai trái do gia đình nạn nhân gửi đến.

Những sách vở cá nhân của bác sĩ Lecter thời còn làm bác sĩ cũng ở đây và được xếp theo trình tự y hệt như trong văn phòng bác sĩ tâm thần khi xưa của hắn. Starling đã sắp xếp chúng bằng cách dùng kính lúp nghiên cứu những hình ảnh cảnh sát chụp văn phòng kia.

Ánh sáng trong căn phòng tờ mờ phát ra từ tấm phim X-quang đầu và cổ của tay bác sĩ. Nó tỏa sáng trong một hộp đèn trên tường. Nguồn sáng khác là từ màn máy tính ở góc bàn giấy. Màn hình cài đặt theo chủ đề “Sinh vật nguy hiểm”. Thỉnh thoảng máy tính lại kêu khò khò.

Chất đồng bên cạnh máy tính là kết quả lượm lặt của Starling. Những mảnh giấy thu lượm một cách vất vả bao gồm toàn hóa đơn và hóa đơn, chúng liệt kê những món hàng và qua đó tiết lộ bác sĩ Lecter đã sống như thế nào ở Ý và ở Mỹ trước khi bị đưa vào trại tâm thần. Đó là một catalog tạm thời về gu thưởng thức của hắn.

Dùng một máy scan phẳng để làm bàn, Starling sắp xếp bộ đồ ăn lấy từ nhà hắn ở Baltimore: đồ sứ, bạc, pha lê, khăn ăn trắng tinh, một chân nến - gần nửa mét vuông tao nhã đối lập với mấy thứ treo lơ lửng của căn phòng.

Krendler cầm một ly rượu lớn lên và búng “tinh” một tiếng.

Chưa bao giờ giáp mặt tội phạm, chưa từng đánh tay đôi với một tên nào, Krendler nghĩ rằng bác sĩ Lecter chỉ là một thứ ông kệ truyền thông và là một cơ hội. Hắn ta có thể nhìn thấy hình của chính mình cũng được trưng bày như thế này trong

bảo tàng FBI một khi Lecter chết. Hẳn ta nhìn ra được cái giá trị vận động khổng lồ của nó. Krendler giở sát mũi lên tấm X-quang chụp xương sọ to của tay bác sĩ. Và khi Starling cất tiếng nói, hẳn ta giật nảy người làm mồ hôi dầu trên mũi dính vào cả tờ X-quang.

“Tôi có giúp gì được ông không, ông Krendler?”

“Sao cô lại ngồi trong bóng tối?”

“Tôi đang suy nghĩ, ông Krendler.”

“Mọi người trong quốc hội muốn biết chúng ta đang làm gì với Lecter.”

“Đây là những gì chúng ta đang làm.”

“Tóm tắt cho tôi, Starling. Cập nhật cho tôi.”

“Ông không muốn ông Crawford...”

“Crawford *đang ở* đâu?”

“Crawford đang ở tòa án.”

“Tôi nghĩ là ông ta đang vượt mặt vụ này. Cô có bao giờ nghĩ vậy không?”

“Không thưa sếp, tôi không nghĩ vậy.”

“Cô đang làm gì ở đây vậy? Cái trường mà cô tịch thu hết mất thứ này ra khỏi thư viện đã gửi lời phản nản đấy. Mọi việc có thể được xử lý tốt hơn thế.”

“Chúng ta đã thu thập mọi thứ có thể tìm được về bác sĩ Lecter tại đây trong chỗ này, cả đồ vật lẫn hồ sơ. Vũ khí của hắn đang ở phòng Vũ khí và Dấu vết Công cụ, nhưng chúng ta có bản sao. Chúng ta có những giấy tờ tùy thân còn sót lại của hắn.”

“Ích gì chứ? Cô đang bắt kẻ gian hay đang viết sách?” Krendler ngừng lại để ghi câu nói dễ nhớ của mình vào sổ tay từ vựng. “Giả dụ như có một nghị viên cao cấp của đảng Cộng hòa trong Hội Giám sát Tư pháp hỏi tôi là đặc vụ Starling đang làm gì để bắt Hannibal Lecter thì tôi phải nói gì với ông ta?”

Starling bật hết các bóng đèn lên. Cô có thể thấy Krendler vẫn mua những bộ vest đắt tiền nhưng lại tiết kiệm tiền cho áo sơ mi và cà vạt. Cục xương trên cái cổ tay lông lá của hắn thò ra khỏi ống tay áo.

Starling nhìn một lúc xuyên qua tường tới nơi bắt tận và trấn tĩnh lại. Cô để mình xem Krendler như một học viên ở học viện cảnh sát.

“Chúng ta biết là bác sĩ Lecter có giấy chứng minh thư y như thật,” cô bắt đầu. “Hắn ắt hẳn phải có tối thiểu một giấy chứng minh thư sơ cua có thể xài được. Hắn cẩn thận như vậy đó. Hắn sẽ không phạm lỗi nào ngu xuẩn đâu.”

“Vào vấn đề đi.”

“Hắn là người có gu thưởng thức tinh tế, một số gu rất kỳ lạ, đó là với thức ăn, rượu và âm nhạc. Nếu đến đây, hắn sẽ cần tất cả những thứ đó. Hắn phải có những thứ đó. Hắn sẽ không từ chối bản thân mình.

Ông Crawford và tôi đã xem qua tất cả các hóa đơn giấy tờ trong cuộc sống của Lecter ở Baltimore trước khi hắn bị bắt lần đầu tiên và những hóa đơn cảnh sát Ý có thể cung cấp, đơn kiện của các chủ nợ sau khi hắn bị bắt. Chúng tôi đã lập danh sách một vài thứ hắn thích. Ông có thể thấy ở đây: trong tháng mà bác sĩ Lecter phục vụ món lá lách của người thổ sáo Benjamin

Raspail* cho Dân nhạc Giao hưởng Baltimore, hắn đã mua hai thùng rượu Château Pétrus Bordeaux với giá ba ngàn sáu trăm đô một thùng. Hắn đã mua năm thùng Batard-Montrachet với giá một nghìn một trăm đô một thùng và rất nhiều loại rượu rẻ tiền hơn.

Sau khi trốn thoát, hắn đã gọi cùng một loại rượu như vậy từ phục vụ phòng ở St Louis và đặt hàng loại đó với Vera dal 1926 ở Florence. Loại này khá hiếm. Chúng tôi đang kiểm tra danh sách các thùng đã bán của mấy nhà nhập khẩu và bán hàng.

Tại nhà hàng Iron Gate ở New York, hắn gọi gan ngỗng loại A giá hai trăm đô một cân. Và ở quầy của Grand Central Oyster, hắn đã ăn hào xanh của Gironde. Bữa ăn của Dân nhạc Giao hưởng bắt đầu với loại hào này, kế đến là lá lách, kem chanh và sau đó, ông có thể đọc trong cuốn *Thị trấn và Đất nước* này những gì họ ăn” - cô đọc lớn thật nhanh - “*ragu đen bóng trứ danh thành phần không bao giờ xác định được dùng cùng cơm nấu với nghệ tây. Vị của nó đen tối kỳ kỳ với những nốt trầm tuyệt vời mà chỉ có sự gia giảm nước hầm vô cùng kỹ lưỡng mới tạo ra được.* Không nạn nhân nào được xác định là có trong ragu. Vân vân và vân vân. Phần này mô tả những đồ dùng trên bàn ăn đặc sắc của hắn rất chi tiết. Chúng tôi đang kiểm tra chéo kỷ lục mua hàng bằng thẻ tín dụng tại những nơi cung cấp đồ sứ và pha lê.”

Krendler khịt mũi.

“Ông nhìn đây, trong vụ kiện dân sự này, hắn vẫn còn nợ một cái đèn chùm Steuben và công ty motor Galeazzo của Baltimore đã kiện đòi lại chiếc Bentley của hắn. Chúng tôi đang theo dõi doanh số bán hàng của xe Bentley cả mới toanh lẫn xe đã qua sử dụng. Không có nhiều lắm. Và doanh số bán hàng của xe

Jaguar siêu nạp. Chúng tôi đã gửi fax đến nhà cung cấp thịt thú cho nhà hàng hỏi về việc mua lợn rừng và chúng tôi sẽ làm một bản thông cáo trước khi gà gô chân đỏ nhập vào từ Scotland.” Cô gõ vào bàn phím và tham khảo một danh sách rồi bước ra xa khỏi máy tính khi cảm thấy hơi thở của Krendler quá gần ở phía sau.

“Tôi đã bỏ tiền mua sự hợp tác từ mấy tên đầu cơ vé hạng nhất xem các sự kiện văn hóa, những kẻ si mê nghệ thuật ở New York và San Francisco. Có một số buổi hòa nhạc và tứ tấu đàn dây hẳn đặc biệt thích thú. Hẳn thích ngồi ở dãy thứ sáu hay thứ bảy và luôn luôn ngồi ở ghế gần lối đi. Tôi đã phân phát những bức chân dung rõ nhất đến trung tâm Lincoln, Kennedy và hầu hết các phòng hòa nhạc. Ông Krendler, có lẽ ông có thể giúp chúng tôi việc đó bằng quỹ của Sở Tư pháp đấy.” Thấy hẳn ta không trả lời, cô tiếp tục. “Chúng tôi đã kiểm tra chéo những đơn đặt mua báo dài hạn mới của vài tờ báo văn hóa hẳn đã từng mua trước đây: Nhân loại học, ngôn ngữ học, *Physical Review* (Tập chí Vật lý), toán học và âm nhạc.”

“Hẳn có gọi gái bạo dâm không, mấy thứ đó đó? Hay là trai bao?”

Starling cảm nhận được sự hứng thú của Krendler trong câu hỏi. “Theo chúng tôi biết thì không, ông Krendler. Hẳn bị bắt gặp tại những buổi hòa nhạc ở Baltimore nhiều năm trước với mấy phụ nữ hấp dẫn, vài người trong số họ rất nổi tiếng trong giới làm từ thiện ở Baltimore. Sinh nhật của họ được trang hoàng bằng quà tặng. Theo chúng tôi biết thì chưa ai bị hại cả và cũng không ai đồng ý kể về hẳn. Chúng tôi không biết gì về sở thích tình dục của hẳn.”

“Tôi vẫn cứ nghĩ hắn đồng tính.”

“Sao ông lại nói vậy ông Krendler?”

“Tất cả mấy thứ đồ nghệ thuật kỳ dị này. Nhạc thính phòng và thức ăn cho tiệc trà. Nếu cô rất thông cảm cho những người đó hay có bạn bè kiểu thế thì tôi phải nói là tôi không ám chỉ riêng tư gì đâu nhé. Cái chính là tôi nhấn mạnh với cô điều này, Starling: *tốt hơn hết* là để cho tôi thấy sự hợp tác ở đây. Không có chuyện những phạm vi nhỏ. Tôi muốn bản sao của tất cả các báo cáo 302, tôi muốn báo cáo mọi lúc, tôi muốn toàn bộ đầu mối. Cô có hiểu không Starling?”

“Vâng thưa sếp.”

Ở ngay cửa, hắn ta nói, “Hãy bảo đảm là cô sẽ làm thế. Có thể cô sẽ có cơ hội cải thiện tình trạng này. Cô cần tận dụng mọi sự giúp đỡ khả dĩ để có lợi cho cái gọi là sự nghiệp của cô.”

Căn phòng tối tương lai đã được trang bị quạt thông gió. Mắt vẫn nhìn thẳng vào hắn ta, Starling bật hệ thống thông gió, hút bớt mùi nước hoa cạo râu và mùi xi đánh giày của hắn. Krendler đi qua những tấm rèm chắn sáng mà không hề nói lời tạm biệt.

Không khí nhảy nhót trước mặt Starling như hơi nóng là đà trên bãi tập bắn.

Ở đại sảnh, Krendler nghe tiếng của Starling phía sau.

“Tôi tiễn ông ra ngoài, ông Krendler.”

Xe và tài xế đang đợi Krendler. Vẫn còn ở cấp được dùng xe hành chính, hắn ta đã chấp nhận dùng một chiếc mui kín Mercury Grand Marquis.

Trước khi hắn ta lên xe, bên ngoài không khí trong lành, cô nói, “Đợi đã, ông Krendler.”

Krendler quay về phía cô thắc mắc. Có thể là một ý nghĩ mơ hồ về điều gì đó ở đây. Một sự khuấy phục giận dữ? Ảng ten của hắn dựng lên.

“Chúng ta đang ở ngoài trời rộng lớn,” Starling nói. “Không có thiết bị nghe trộm nào xung quanh trừ phi ông đang mang trong mình.” Có điều gì đó thúc đẩy mà cô không sao cưỡng lại được. Làm việc với mấy cuốn sách bụi bặm, cô mặc một cái áo sơ mi rộng bên trong là áo sát nách.

Không nên làm điều này. *Mẹ kiếp.*

Cô đập một cái lên áo sơ mi và cười nó ra. “Nhìn xem, tôi không đeo máy ghi âm đâu.”

Cô cũng không mặc cả áo ngực. “Đây có lẽ là lần duy nhất chúng ta nói chuyện riêng và tôi muốn hỏi ông. Tôi làm việc ở đây đã nhiều năm và bất cứ dịp nào có thể ông đều muốn đàm thoại một chút. Có chuyện gì với ông vậy, ông Krendler?”

“Cô cứ tự nhiên nói về chuyện đó... Tôi sẽ dành thời gian cho cô nếu cô muốn xem lại...”

“Chúng ta sẽ nói về chuyện đó ngay bây giờ.”

“Cô tự nghĩ xem, Starling.”

“Có phải bởi vì tôi không gặp ông ngoài giờ làm việc? Có phải vì tôi đã bảo ông về nhà với vợ?”

Hắn ta nhìn cô lần nữa. Thật sự là cô không đeo máy ghi âm.

“Đừng tâng bốc chính mình, Starling... thành phố này đầy rẫy gái quê.”

Hắn ta ngồi vào kế bên tài xế rồi gõ vào bảng khí cụ và chiếc xe hơi to lớn rời đi. Mãi hẵn ta mất mấy khi hẵn ta ước mình đã nói: “Mấy con miền Nam như mày!” Trong tương lai Krendler còn phải nói chuyện chính trị nhiều, hẵn ta tin như vậy và muốn làm sắc bén món võ mồm của mình để thành thạo trong khi nói chuyện.

CHƯƠNG 50

“TÔI cam đoan với ông là được,” Krendler nói vào bóng tối khò khè chỗ Mason nằm. “Mười năm trước thì có thể là không nhưng cô ta có thể chuyển danh sách khách hàng qua máy tính như thể cút trong bụng ngỗng vậy.” Trên trường kỷ, hắn xê dịch dưới ánh đèn chói lóa ở chỗ ngồi tiếp khách.

Krendler nhìn thấy bóng của Margot in lên bề cá. Hắn ta đã quen với việc vắng tục trước mặt ả, lại còn lấy làm thích thú với chuyện đó. Hắn ta cá là Margot chỉ mong ả có một cái cu. Thích nói từ *cu* trước mặt ả, hắn ta đã nghĩ ra được một cách. “Đó là cách cô ta xây dựng trường dữ liệu và so sánh những sở thích của Lecter. Có lẽ cô ta có thể nói cho ông biết hắn cầm cu như thế nào.”

“Nếu như vậy, Margot hãy dắt Tiến sĩ Doemling vào đi,” Mason nói.

Tiến sĩ Doemling đã chờ trong phòng đồ chơi giữa đồng thú nhồi bông. Nhìn qua băng video, Mason thấy ông ta đang tỉ mỉ ngắm soi hòn dái bằng nhung của con hươu cao cổ lớn y như cái nhà Viggert đã đi lòng vòng bức tượng David. Trên màn hình, trông ông ta nhỏ hơn rất nhiều so với mấy con thú đồ chơi như thể đang cố nén mình lại. Tốt hơn là moi móc tuổi thơ của kẻ khác chứ không phải ông ta.

Nhìn dưới ánh sáng chỗ tiếp khách của Mason, nhà tâm lý học là người khô khan. Ông ta cực kỳ sạch sẽ nhưng lại lấm gàu với nhúm tóc chải ngang che cái da đầu hói nhìn rõ mòn một, chiếc chìa khóa Phi Beta Kappa móc trên dây đồng hồ. Ông ta ngồi xuống đối diện với Krendler ở bàn tiếp khách và có vẻ quen thuộc với căn phòng.

Có một lỗ sâu đục trên quả táo trong tô trái cây và quả hạch ở phía ông ta. Tiến sĩ Doemling xoay cái lỗ sang phía khác. Sau cặp mắt kính, ông ta theo dõi Margot với chút ngạc nhiên và khoanh vùng vào vòng eo lúc ả lấy thêm hai quả óc chó rồi trở về chỗ của ả gần bể cá.

“Tiến sĩ Doemling là trưởng khoa Tâm lý học ở Đại học Baylor. Ông ta giữ cái ghế của nhà Verger,” Mason nói với Krendler. “Tôi đã hỏi ông ấy về mối liên kết có thể có giữa bác sĩ Lecter và đặc vụ FBI Clarice Starling. Ông tiến sĩ...”

Từ chỗ ngồi, Doemling nhìn thẳng cứ như thể đó là chỗ nhân chứng và quay đầu về phía Mason như cách ông ta sẽ làm với một bồi thẩm viên. Krendler có thể nhìn thấy bên trong con người ông ta phong cách được tập luyện, tinh thần đảng phái cẩn trọng của một nhân chứng chuyên gia hai ngàn đô la một ngày.

“Ông Verger rõ là biết được trình độ của tôi. Ông có muốn nghe không?” Doemling hỏi.

“Không,” Krendler đáp.

“Tôi đã xem lại những ghi chú của người đàn bà tên Starling trong cuộc thẩm vấn Hannibal Lecter, những lá thư hản gửi cô

ta và tư liệu ông cung cấp cho tôi về lý lịch của họ,” Doemling bắt đầu.

Đến đây, Krendler nhăn mặt lại, Mason bèn nói, “Tiến sĩ Doemling đã ký thỏa thuận giữ bí mật.”

“Ông tiến sĩ, Cordell sẽ chiếu slide của ông lên màn hình khi ông muốn,” Margot nói.

“Một chút về lý lịch trước.” Doemling tham khảo ghi chú của mình. “Chúng ta *biết* Hannibal Lecter sinh ra ở Lithuania. Cha hắn là một bá tước, một tước hiệu từ thế kỷ thứ mười. Mẹ hắn thuộc dòng dõi quý tộc Ý, một thành viên tộc Visconti. Trong thời kỳ Đức rút khỏi Nga, một số quân lính thuộc sư đoàn thiết giáp đóng ở gần Vilnius từ đường chính đã giết cả cha mẹ và gần hết người hầu. Bọn trẻ bị mất tích sau đó. Có hai đứa là Hannibal và em gái hắn. Chúng ta không biết chuyện gì đã xảy ra với em hắn. Điểm chính là Lecter là trẻ mồ côi giống như Clarice Starling.”

“Cái này tôi đã nói với *ông*,” Mason sốt ruột nói.

“Nhưng từ đó ông đã kết luận được gì?” Tiến sĩ Doemling hỏi. “Tôi không nói đến sự cảm thông giữa hai đứa trẻ mồ côi, ông Verger. Đây không phải là về cảm thông. Cảm thông không xen vào đây. Và lòng thương bị bỏ chảy máu ngoài cát bụi. Hãy lắng nghe tôi. Những trải nghiệm thương tình của một đứa trẻ mồ côi đã cho bác sĩ Lecter khả năng thấu hiểu cô ta hơn và sau cùng là có thể kiểm soát được cô ta. Hoàn toàn là về *sự kiểm soát*.”

Người đàn bà Starling sống cả thời thơ ấu trong các cô nhi viện và từ những gì ông cho tôi biết thì không có bằng chứng nào cho thấy cô ta gắn bó với một người đàn ông nào cả. Cô ta

sống với một người bạn cùng lớp cũ, một cô gái trẻ người Mỹ gốc Phi.”

“Rất có vẻ như là một vấn đề tình dục,” Krendler nói.

Nhà tâm lý học không mấy may liếc mắt đến Krendler - Krendler nghiêm nhiên bị gạt ra ngoài. “Ông không thể quả quyết rằng tại sao hai người lại sống với nhau.”

“Đó là một trong những thứ bị che giấu, như Kinh Thánh đã nói,” Mason nói.

“Starling trông khá ngon lành đấy chứ, nếu như các ông thích lúa mì,” Margot lên tiếng.

“Tôi nghĩ sự hấp dẫn là từ phía Lecter chứ không phải cô ta,” Krendler nói. “Ông gặp cô ta rồi đó. Đó là một con cá lạnh lùng.”

“Cô ta là một con cá lạnh hả ông Krendler?” Margot có vẻ thích thú.

“Cô nghĩ cô ta đồng tính chắc Margot?” Mason hỏi.

“Làm thế quái nào em biết được? Dù có là gì đi nữa thì cô ta cũng xử sự theo cái kiểu đó là việc của cô ta - đó là ấn tượng của em. Em nghĩ cô ta cứng rắn nhưng chỉ tỏ ra vậy thôi chứ cô ta không phải là con cá lạnh lùng. Bọn em không nói chuyện nhiều nhưng đó là những gì em rút ra được. Đó là trước khi anh cần em giúp *anh*, Mason - anh không ủng hộ em, anh nhớ không? Em sẽ không nói cô ta là con cá lạnh lùng. Con gái nhìn giống Starling phải giữ vẻ xa cách vì mấy thằng khốn lúc nào cũng ve vãn cô ta.”

Lúc này Krendler cảm thấy Margot nhìn mình hơi lâu mặc dù hẳn chỉ nhìn thấy dáng người của ả.

Những tiếng nói trong phòng này mới đáng tò mò làm sao. Giọng FBI cẩn trọng của Krendler, tiếng nói inh tai thông thái rởm của Doemling, tiếng nói trầm vang của Mason với những âm bật bị mất và âm xuýt xì ra. Và Margot nữa, giọng của ả cứng đờ và hạ thấp, cái miệng nói cứng nhắc như một con ngựa non cái kình, lại có hơi hướng hận thù. Bên dưới tất cả là cái máy hỗn hển theo nhịp thở của Mason.

“Dựa trên biểu hiện tâm lý thần tượng người cha, tôi nghĩ thế này về cuộc sống riêng tư của cô ta,” Doemling tiếp tục. “Tôi sẽ vào đề nhanh thôi. Bây giờ chúng ta có ba hồ sơ của bác sĩ Lecter về Clarice Starling. Hai lá thư và một bức vẽ. Bức vẽ cái đồng hồ Chúa đóng đinh trên thánh giá là do hắc thiết kế hồi còn ở trong trại.” Tiến sĩ Doemling nhìn lên màn hình. “Làm ơn chiếu hình giúp tôi.”

Từ ngoài phòng, Cordell bỏ một bức vẽ kỳ lạ lên màn hình đặt trên cao. Bản gốc vẽ bằng than trên giấy gói hàng. Bản sao của Mason tạo ra bằng máy in phôi và đường nét có màu xanh thâm tím.

“Hắc cố bắt chước cái này,” Tiến sĩ Doemling nói. “Như các vị thấy, đây là Chúa bị đóng đinh trên mặt đồng hồ và cánh tay của Ngài xoay để chỉ giờ giống như đồng hồ chuột Mickey. Thật ngộ nghĩnh vì bộ mặt với cái đầu quay ra trước là của Clarice Starling. Hắc vẽ nó trong buổi thẩm vấn. Đây là hình của người đàn bà này, các vị có thể xem. *Cordell* phải không? Cordell làm ơn để hình lên.”

Rõ ràng cái đầu Chúa Giêsu là của Starling.

“Một chỗ dị thường nữa là người bị đóng đinh vào thánh giá ở cổ tay chứ không phải lòng bàn tay.”

“Chính xác,” Mason nói. “Ông phải đóng đinh vào cổ tay và dùng vòng đệm to bằng gỗ không thì nó sẽ bị lỏng và động đậy được. Idi Amin và tôi đã rất vất vả mới phát hiện ra khi chúng tôi diễn lại toàn bộ câu chuyện ở Uganda vào lễ Phục sinh. Đức Chúa cứu sinh của chúng ta thật ra bị đóng đinh vào cổ tay. Tất cả những bức tranh Chúa bị đóng đinh đều sai hết. Đó là do dịch sai giữa Kinh Thánh Hebrew và Latinh.”

“Cảm ơn,” Tiến sĩ Doemling nói không có chút thành ý. “Chúa bị đóng đinh rõ ràng là biểu tượng cho một vật tôn kính bị phá hủy. Chú ý cánh tay làm kim phút chỉ số sáu, e lệ che đi âm hộ. Kim giờ chỉ số chín hay quá một chút. Số chín rõ ràng ám chỉ giờ truyền thống khi Chúa Giêsu bị đóng đinh.”

“Và khi đặt sáu với chín với nhau chúng ta có số 69, một tư thế phổ biến trong quan hệ tình dục,” Margot không nhận được phải cất lời. Để đáp lại cái liếc sắc bén của Doemling, ả bóp vỡ hạt óc chó khiến vỏ rơi lách tách xuống sàn nhà.

“Giờ thì bắt đầu với bức thư bác sĩ Lecter viết cho Clarice Starling. Cordell, anh để lên đi.” Tiến sĩ Doemling lấy chiếc bút laser trong túi ra. “Các vị có thể thấy chữ viết tay mềm mại bằng bút viết ngòi vuông đều như máy. Các vị có thể thấy nét chữ viết tay như vậy trong những bức thư của giáo hoàng thời Trung cổ. Rất đẹp nhưng đều một cách quái dị. Không có gì tự phát ở đây hết. Hắn đã có kế hoạch. Hắn viết lá đầu tiên không lâu sau khi đào tẩu và đã giết năm người trên đường. Hãy đọc xem:

Ừm, Clarice, bây giờ đã ngưng la hét chưa?

Cô nợ tôi một thông tin, cô biết đấy, đó là điều tôi muốn.

Một mẫu quảng cáo trong tờ Times ấn hành toàn quốc và trên tờ Herald-Tribune Quốc tế trong ngày đầu tiên của tháng nào cũng được. Tốt hơn nên để trên tờ China Mail nữa.

Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu câu trả lời là được và không được. Bây giờ bây giờ sẽ im lặng. Tuy nhiên Clarice ạ, cô phải phân xét chính mình với tất cả lòng độ lượng của hàm ngực tại Threave; cô phải giành lại nó hết lần này đến lần khác, sự im lặng thiêng liêng. Vì đó là cảnh ngộ đã lái cô đi, khi cô còn thấy cảnh ngộ đó thì cảnh ngộ đó chưa kết thúc, không bao giờ kết thúc.

Tôi không có ý định chọn cô, Clarice, thế giới thú vị hơn khi có cô trong đó. Hãy nhớ cũng lịch sự với tôi như vậy nhé...

Tiến sĩ Doemling đẩy cặp kính không gọng lên trên mũi và hắng giọng. “Đây là thí dụ cổ điển của thuật ngữ tôi đưa ra trong cuốn *Thúc bá hệ* đã xuất bản của mình - giới văn chương cũng bắt đầu nhắc đến nó bằng cái tên *Thuyết Thúc bá hệ của Doemling*. Có thể nó sẽ được kể đến trong cuốn *sổ tay Thống kê và Chẩn đoán* tới đây. Đối với những người không chuyên, nó được định nghĩa là giả bộ làm một người đỡ đầu khôn ngoan và chu đáo để tiến xa trong âm mưu của mình.

Tôi đoán rằng bằng ghi chú vụ án câu hỏi về bây giờ gào thét là nói về thời thơ ấu của Clarice Starling, lò giết mổ cừu ở trại chăn nuôi tại Montana, gia đình đỡ đầu của cô ta,” Tiến sĩ Doemling tiếp tục bằng giọng khô khan.

“Cô ta đang trao đổi thông tin với Lecter,” Krendler nói. “Hắn biết một số chuyện về kẻ giết người hàng loạt Bill Bò Mộng.”

“Lá thư thứ hai gửi đến bảy năm sau, về bề ngoài là một lá thư chia buồn và ủng hộ,” Doemling nói. “Hắn chế nhạo cô ta bằng cách dẫn cha mẹ cô ta ra, những người mà cô ta rõ ràng tôn kính. Hắn gọi cha cô ta là ‘người gác đêm chết toi’ và mẹ là ‘hầu phòng’. Và rồi hắn khoác cho họ những đức tính tuyệt vời cô ta có thể tưởng tượng được. Sau đó lại khoác thêm những phẩm chất để bào chữa cho sự thất bại của cô ta trong sự nghiệp. Đây chính là tạo cảm tình, là kiểm soát.

Tôi nghĩ có lẽ người đàn bà Starling có một sự gắn bó kéo dài với cha cô ta, một *hình tượng*, điều đó đã khiến cô ta gặp khó khăn trong việc quan hệ tình dục và có lẽ đã hướng cô ta tới bác sĩ Lecter qua một thứ thần giao cách cảm mà hắn tóm lấy ngay vì cái tính tai ác của hắn. Trong lá thư thứ hai này, một lần nữa hắn khuyến khích cô ta liên lạc với hắn bằng một mẫu quảng cáo cá nhân, và hắn cung cấp một mã tên.”

Chúa ơi ông ta cứ tiếp tục! Bài nói thao thao bất tuyệt và tẻ nhạt là cực hình với Mason vì hắn sốt ruột không chịu được. “Tiến sĩ, được rồi, tốt lắm, tốt lắm,” Mason cắt ngang. “Margot mở cửa sổ ra một lát đi. Tôi có nguồn tin mới về Lecter, Tiến sĩ Doemling. Có người biết cả Starling và Lecter, thậm chí còn nhìn thấy họ cùng nhau, và anh ta đã ở cùng Lecter lâu hơn ai hết. Tôi muốn ông nói chuyện với anh ta.”

Krendler vặn người trên trường kỷ. Ruột hắn ta bắt đầu quặn lên vì hắn ta biết việc này đang dẫn tới đâu.

CHƯƠNG 51

MASON nói vào máy bộ đàm xong thì một người cao lớn bước vào phòng. Anh cũng lực lưỡng như Margot và mặc đồ trắng.

“Đây là Barney,” Mason nói. “Anh ta phụ trách phòng bạo lực tại Bệnh viện Tội phạm Tâm thần Baltimore trong sáu năm trời Lecter ở đó. Giờ thì anh ta làm việc cho tôi.”

Barney muốn đứng trước bể cá với Margot nhưng Tiến sĩ Doemling lại muốn anh ở chỗ sáng. Anh chọn một chỗ bên cạnh Krendler.

“*Barney* phải không? Nào *Barney*, anh có bằng cấp gì?”

“Tôi có bằng y tá thực hành.”

“Anh là một *y tá thực hành*? Tốt. Hết rồi à?”

“Tôi có bằng cử nhân khoa Nhân văn của trường Cao đẳng Báo chí Mỹ.” Barney nói mà không biểu lộ cảm xúc gì. “Và một chứng nhận tham gia trường Khoa học Tang lễ Cummins. Tôi là nhân viên xét nghiệm. Tôi học buổi tối trong thời gian ở trường y tá.”

“Anh đã đạt được bằng y tá thực hành khi là nhân viên nhà xác à?”

“Vâng, đem xác chết ra khỏi hiện trường và hỗ trợ pháp y.”

“Trước đó.”

“Công ty hàng hải.”

“À. Và khi đang làm việc tại bệnh viện nhà nước, anh nhìn thấy Clarice Starling và Hannibal Lecter giao tiếp với nhau - ý tôi là anh thấy họ nói chuyện với nhau?”

“Có vẻ như họ...”

“Hãy bắt đầu với chính *những gì* anh thấy chứ không phải những gì anh *nghĩ* là anh thấy, được không?”

Mason cắt ngang. “Anh ta đủ thông minh để đưa ra ý kiến của mình. Barney, anh biết Clarice Starling phải không?”

“Phải.”

“Anh biết Hannibal Lecter sáu năm rồi.”

“Đúng vậy.”

“Vậy quan hệ giữa họ là gì?”

Đầu tiên Krendler thấy thật khó khăn mới nghe được cái giọng cao thô ráp của Barney. Tuy nhiên chính Krendler đã hỏi câu hỏi đi thẳng vào vấn đề. “Lecter đã hành động khác đi trong buổi thẩm vấn với Starling đúng không Barney?”

“Đúng vậy. Hầu như hắn không có phản ứng gì với tất cả những người đến thăm,” Barney nói. “Thì thoảng, hắn sẽ mở mắt đủ lâu để sỉ nhục những kẻ nghiên cứu cố gắng nắm bắt đầu óc của hắn. Hắn đã làm cho một giáo sư đến thăm khóc thét. Hắn rất ngoan cố với Starling nhưng lại trả lời cô ấy nhiều hơn hầu hết mọi người. Hắn hứng thú với cô ấy. Cô ấy kích thích hắn.”

“Như thế nào?”

Barney nhún vai. “Hắn không được gặp phụ nữ. Cô ấy thật sự rất đẹp...”

“Tôi không cần ý kiến của anh về việc đó,” Krendler nói. “Đó là tất cả những gì anh biết sao?”

Barney không trả lời. Anh ta nhìn Krendler như thể hai bán cầu não trái và phải của Krendler là hai con chó đánh vào nhau.

Margot bóp một quả óc chó nữa.

“Tiếp tục đi Barney,” Mason nói.

“Họ rất thẳng thắn với nhau. Hắn không cảnh giác vì thế. Ông sẽ có cảm giác hắn không hạ mình nói dối.”

“Hắn không gì nói dối cơ?” Krendler hỏi lại.

“Hạ mình,” Barney đáp.

“H-A-M-Ì-N-H,” Margot Verger nói từ trong bóng tối. “Hạ mình hay *chiếu cố*, ông Krendler ạ.”

Barney tiếp tục. “Bác sĩ Lecter nói với cô ấy một vài điều không hay về bản thân cô ấy và sau đó là những điều hay. Cô ấy có thể đối mặt với những mặt xấu rồi thích thú hơn với những mặt tốt vì biết rằng nó không phải chỉ là nhảm nhí. Hắn nghĩ rằng cô ấy quyến rũ và buồn cười.”

“*Anh* có thể nhận thấy những thứ Hannibal Lecter thấy buồn cười sao?” Tiến sĩ Doemling nói. “Làm sao anh biết được, hả Y tá Barney?”

“Vì nghe thấy hắn cười, Tiến sĩ *Dumling* ạ. Ở trường y tá, chúng tôi được dạy một bài giảng tên ‘Trị bệnh và thái độ vui vẻ.’”

Hoặc là Margot khịt mũi hoặc là bể cá sau lưng ả gây tiếng động.

“Hay lắm Barney. Kể chúng tôi nghe nốt đi,” Mason nói.

“Vâng, thưa ông. Thịnh thoảng về đêm bác sĩ Lecter và tôi nói chuyện rất khuya khi không gian trở nên im ắng. Chúng tôi nói về khóa học tôi đang tham gia và những chuyện khác nữa. Hẳn...”

“Có khi nào các anh nói về cái khóa đặt hàng qua mạng gì đó trong *tâm lý học* không?” Doemling phải lên tiếng.

“Không thưa ông, tôi không nghĩ tâm lý học là khoa học. Bác sĩ Lecter cũng vậy.” Barney nhanh chóng tiếp tục trước khi máy hô hấp của Mason cho phép hắn thốt ra lời quả trách. “Tôi chỉ lặp lại những gì hắn nói với tôi. Hẳn có thể thấy cô ấy sẽ *trở thành* thế nào. Cô ấy đáng yêu như con cọp con, một con cọp con mà khi trưởng thành sẽ thành một con cọp lớn mà anh không thể chơi cùng nữa. Cô ấy có một vẻ nghiêm trang của loài cọp, hắn nói. Cô ấy có đầy đủ vũ khí ở dạng thu nhỏ và đang lớn dần lên. Và tất cả những gì cô ấy biết từ trước tới giờ chỉ là vật lộn với những con cọp con khác. Điều đó làm cho hắn buồn cười.

Cung cách họ bắt đầu cuộc thẩm vấn sẽ cho ông thấy điều gì đó. Đầu tiên hắn rất nhã nhặn nhưng rồi lại đuổi cô ấy đi - sau đó khi cô ấy đang rời khỏi thì một tên tù khác xịt tinh dịch vào mặt cô ấy. Việc này đã làm Lecter bối rối và ngượng ngùng. Đó là lần duy nhất tôi thấy hắn khó chịu. Cô ấy cũng thấy điều đó và cố lợi dụng nó. Hẳn hàm mộ sự gan dạ của cô ấy, tôi nghĩ thế.”

“Thái độ của hắn với tên tù đã xịt tinh dịch như thế nào? Họ có mối quan hệ nào không?”

“Không hẳn thế,” Barney nói. “Bác sĩ Lecter giết hắn ngay trong đêm đó.”

“Hai người họ ở hai buồng giam khác nhau mà?” Doemling hỏi. “Hắn đã làm cách nào?”

“Ba buồng giam tách bạch ở hai phía đối diện của lối đi. Barney nói. “Đang nửa đêm, bác sĩ Lecter nói chuyện với hắn một hồi rồi bảo hắn nuốt lưỡi của chính mình.”

“Vì lẽ đó mà Clarice Starling và Hannibal Lecter trở nên... thân nhau sao?” Mason nói.

“Dưới một dạng hình thức hợp lý,” Barney nói. “Họ trao đổi thông tin. Bác sĩ Lecter cung cấp cho cô ấy những hiểu biết về tên giết người hàng loạt cô ấy đang săn lùng còn cô ấy trả lại bằng những thông tin cá nhân. Bác sĩ Lecter nói với tôi rằng Starling gan dạ một cách liều lĩnh, ‘dư nhiệt huyết’, hắn bảo thế. Hắn cho rằng cô ấy dám hành động liều lĩnh nếu cô ấy nghĩ là công tác đó đòi hỏi vậy. Và một lần hắn nói rằng cô ấy khổ sở vì gu thẩm mỹ. Tôi không hiểu nó có nghĩa gì.”

“Tiến sĩ Doemling, hắn có muốn làm tình với cô ta hay giết chết hay ăn thịt cô ta hoặc gì đó không?” Mason hỏi, cố liệt kê hết những khả năng hắn có thể nhìn thấy.

“Có thể là cả ba,” Tiến sĩ Doemling nói. “Tôi không muốn đoán cái thứ tự hắn muốn làm những việc đó. Tôi chỉ có thể nói với ông ý chính. Dù cho báo lá cải và những kẻ viết báo lá cải muốn lãng mạn hóa nó thế nào đi nữa, có cố làm thành *Người đẹp và Quái vật* thì mục tiêu của hắn là hủy hoại cô ta, là nổi

thống khổ và cái chết của cô ta. Hắn đã phản ứng với cô ta hai lần: khi cô ta bị xúc phạm vì bị xịt tinh dịch lên mặt và khi cô ta bị giày vò trên mặt báo sau khi bắn mấy người kia. Hắn đến trong cái lốt của một cố vấn nhưng *nỗi đau đớn* mới làm hắn hứng thú. Khi lịch sử của Hannibal Lecter được viết ra và nó sẽ được viết ra, chuyện này sẽ được ghi lại như một trường hợp của thuyết *Thúc bá hệ của Doemling*. Để lôi kéo hắn, cô ta phải đau khổ.”

Một nếp nhăn xuất hiện trên khoảng Sơn căn rộng giữa hai con mắt của Barney. “Ông Verger, vì ông đã hỏi, tôi có thể nói thêm gì ở đây không?” Anh không chờ ai cho phép. “Trong trại, bác sĩ Lecter phản ứng với cô ấy khi cô ấy vẫn bình tĩnh đứng đó lau mặt và làm việc của mình. Trong thư, hắn gọi cô ấy là chiến binh và chỉ ra là cô ấy đã cứu đứa trẻ trong vụ bắn nhau. Hắn ái mộ và tôn trọng sự can đảm và tính kỷ luật của cô ấy. Chính hắn đã nói rằng hắn không sẽ không thay đổi ý kiến. Có một điều hắn *không* làm, đó là nói dối.”

“Đó chính xác là suy nghĩ của loại báo lá cải tôi đang nói đến,” Doemling nói. “Hannibal Lecter không có những cảm xúc như là ái mộ hay tôn trọng. Hắn không cảm thấy ấm áp hay yêu thương gì. Đó là một sự hoang tưởng lãng mạn và nó cho thấy sự nguy hiểm của việc ít học.”

“Tiến sĩ Doemling, ông không nhớ tôi đúng không?” Barney nói. “Tôi phụ trách phòng bạo lực khi *ông* cố gắng nói chuyện với bác sĩ Lecter, rất nhiều người cố làm điều đó nhưng theo như tôi nhớ thì ông chính là người đã khóc lóc khi rời khỏi. Lúc đó, hắn phê bình cuốn sách của ông trong tờ *Tâm lý học Mỹ*. Tôi không trách ông được nếu lời phê bình làm cho ông khóc.”

“Đủ rồi, Barney,” Mason nói. “Xem lại bữa trưa cho tôi đi.”

“Một kẻ tự học nửa vời, không còn gì tệ hơn thế,” Doemling nói khi Barney đã ra khỏi phòng.

“Tiến sĩ, ông không nói với tôi là ông đã từng phỏng vấn Lecter,” Mason nói.

“Khi đó hẳn bị rối loạn tâm lý và tôi không thu thập được gì.”

“Và việc đó làm cho ông khóc sao?”

“Đó không phải sự thật.”

“Và ông bác bỏ những gì Barney nói.”

“Anh ta cũng lừa bịp như con nhỏ đó.”

“Có lẽ Barney cũng thích Starling,” Krendler nói.

Margot cười với chính mình nhưng đủ lớn để Krendler nghe được.

“Nếu ông muốn làm cho Clarice Starling lòi cuốn bác sĩ Lecter, hãy để hẳn thấy cô ta *đau khổ*,” Doemling nói. “Hãy để cho sự hủy hoại hẳn *trông thấy* gọi lên sự hủy hoại hẳn có thể gây ra. Việc thấy cô ta bị thương với bất kỳ cách tượng trưng nào cũng sẽ kích động hẳn như là thấy cô ta thủ dâm. Khi con cáo nghe tiếng thét của một con thỏ, nó sẽ chạy đến nhưng không phải để giúp đỡ.”

CHƯƠNG 52

“TÔI không thể giao Clarice Starling,” Krendler nói khi Doemling đi khỏi. “Tôi có thể nói cho ông biết cô ta đang ở đâu nhưng tôi không thể kiểm soát công vụ của FBI. Và nếu FBI để cô ta ra làm mồi, họ sẽ bảo vệ cô ta, tin tôi đi.”

Krendler chỉ tay vào trong bóng tối của Mason để nói suy nghĩ của hắn. “Ông không thể xen vào vụ đó được đâu. Ông không thể bèn mảng tới vòng bảo vệ đó và chạm trán với Lecter. Máy tên theo dõi sẽ phát hiện ra người của ông ngay. Thứ hai, FBI sẽ không chủ động khởi xướng trừ phi hắn liên lạc với cô ta lần nữa hay có bằng chứng là hắn đã đến gần. Hắn đã từng viết cho cô ta trước đó nhưng chưa bao giờ tới gặp. Sẽ phải tốn ít nhất mười hai người để giám sát cô ta và như vậy rất tốn kém. Sẽ tốt hơn nếu như ông không lôi cô ta thoát khỏi rắc rối trong vụ bắn nhau. Sẽ rất rách việc nếu đảo ngược tình thế rồi lại cố treo cổ cô ta lần nữa.”

“Nên, sẽ và có thể,” Mason nói sau khi suy tính kỹ càng, âm s được phát ra khá tốt. “Margot, xem trong tờ báo Milan, *Corriere Della Sera*, ngày thứ Bảy, sau ngày Pazzi bị giết, kiểm tra bài đầu tiên trong cột rao vặt. Đọc lên đi.”

Margot cầm tờ báo chỉ chút chữ giơ lên ánh đèn. “Viết bằng tiếng Anh, gửi tới A. A. Aaron. Nhấn là: *Hãy tự thú tại một cơ quan*

chính quyền gần nhất, kẻ thù đang ở gần. Hannah. Ai là Hannah?"

“Đó là tên con ngựa của Starling hồi còn bé,” Mason nói. “Đó là một lời cảnh báo của Starling tới Lecter. Trong thư, hắn nói với cô ta làm sao để liên lạc với hắn.”

Krendler đứng dậy. “*Mẹ kiếp*. Không lẽ nào cô ta đã biết về Florence. Nếu đã biết, chắc hắn cô ta cũng biết tôi đã đưa những thứ này cho ông.”

Mason thở dài, bắn khoản không biết Krendler có đủ thông minh để làm một chính trị gia có ích. “Cô ta không biết gì cả. Tôi đã đăng quảng cáo trên tờ *La Nazione*, *Corriere della Sera* và *Herald-Tribune* quốc tế sau ngày chúng ta hành động với Lecter. Bằng cách đó nếu chúng ta thất bại, hắn sẽ nghĩ là Starling đã cố giúp hắn. Chúng ta vẫn còn một ràng buộc nữa với hắn qua Starling.”

“Không ai nhận ra điều đó cả.”

“Không. Ngoại trừ có lẽ là Hannibal Lecter. Có lẽ hắn sẽ cảm ơn cô ta vì chuyện đó - bằng thư, hay tận mặt ai mà biết được? Bây giờ thì hãy nghe tôi: ông vẫn còn kiểm soát thư từ của cô ta chứ?”

Krendler gật đầu. “Chắc chắn rồi. Nếu hắn gửi gì cho cô ta, ông sẽ thấy trước cả cô ta.”

“Hãy nghe kỹ điều này Krendler: Dựa theo cách mẫu quảng cáo này được đặt hàng và trả tiền, Clarice Starling không thể chứng minh là cô ta *không* tự mình đăng nó và đó là một trọng tội. Như thế là dính chàm rồi. Bằng việc đó, ông có thể đánh gục cô ta, Krendler. Ông biết là FBI sẽ xử ông thế nào khi ông rời khỏi đó. Ông có thể chỉ là rác rưởi. Cô ta sẽ không thể lấy được

giấy phép mang vũ khí giấu kín. Ngoài tôi ra, không có ai giám sát cô ta cả. Và Lecter sẽ biết cô ta ở ngoài một mình. Chúng ta sẽ thử mấy thứ trước.” Mason ngừng lại để thở rồi lại tiếp tục. “Nếu chúng không hiệu quả, chúng ta sẽ làm như Doemling nói và khiến cô ta khốn khổ với mẫu quảng cáo này - làm cho cô ta *đau khổ*, mẹ kiếp, ông có thể đập cô ta ra làm hai mảnh với mẫu quảng cáo đó. Giữ lại cái nửa có con bướm, đó là lời khuyên của tôi. Nửa kia thì nghiêm chỉnh đến Chúa cũng nản. Bỏ mẹ - tôi không có ý báng bổ đâu.”

CHƯƠNG 53

CLARICE STARLING đang chạy băng qua đám lá rơi trong công viên quốc gia Virginia cách nhà cô một tiếng đồng hồ. Một nơi cô ưa thích, không có bóng ai khác trong công viên vào ngày mùa thu giữa tuần này, một ngày cần được nghỉ ngơi. Cô chạy theo con đường quen thuộc trên những ngọn đồi rậm rạp bên cạnh sông Shenandoah. Không khí ấm lên nhờ mặt trời buổi sớm trên đỉnh đồi và trong những thung lũng đột nhiên mát lạnh, đôi lúc không khí vừa ấm trên mặt cô lại vừa mát ở chân cô cùng một lúc.

Trong những ngày này, mặt đất bên dưới Starling khi cô bước đi không hoàn toàn bình lặng. Nó có vẻ vững vàng hơn khi cô chạy.

Starling chạy băng qua ngày chói chang, nắng rực rỡ nhảy nhót xuyên qua đám lá, con đường lốm đốm hạt nắng, vài chỗ khác lại in sọc mấy bóng cây dưới vầng mặt trời còn thấp của buổi sớm. Phía trước cô ba con nai, hai con cái và một con đực bất chợt bị giật mình tránh đường bằng một cú nhảy đẹp đến ngỡ ngàng, những cái đuôi vồng lên trắng muốt trong chốn thâm u rừng thẳm. Cảm thấy hân hoan, Starling cũng nhảy lên.

Bất động như một hình người trên thảm thêu Trung cổ, Hannibal Lecter ngồi giữa đám lá rụng trên ngọn đồi phía trên

con sông. Hắn có thể thấy hơn một trăm ba mươi mét của con đường chạy. Ống nhòm của hắn có tấm che tự chế bằng giấy để phản quang. Đầu tiên hắn thấy con nai giật mình nhảy qua mặt hắn lên ngọn đồi. Và rồi lần đầu tiên trong vòng bảy năm qua, hắn nhìn thấy Clarice Starling trọn vẹn.

Sau cặp kính, mặt hắn không biến sắc. Nhưng lỗ mũi hắn nở ra hít vào một hơi sâu tựa như hắn ngửi thấy mùi hương của cô từ xa.

Luồng khí hắn hít vào mang mùi lá khô với một chút hương quế, mùi lá mục bên dưới, mùi quả sồi rừng chớm thối, mùi phân thỏ từ xa bay lại, mùi xạ hương nồng của da sóc bị xé vụn bên dưới lớp lá, tuy nhiên không phải là mùi hương của Starling mà hắn có thể xác định ở bất cứ đâu. Hắn thấy con nai nhảy lên đằng trước cô và thấy chúng bật thật xa sau khi đã ra khỏi tầm mắt cô.

Cô nằm trong tầm nhìn của hắn chưa đầy một phút, chạy nhẹ nhàng chứ không phải đang đánh vật với mặt đất. Một chai nước đặt trong túi nhỏ đeo trên vai. Ngược sáng, ánh sáng buổi sớm phía sau làm nhòa đi dáng cô như thể cô bị phủ bụi một lớp phấn trên da. Theo dõi cô, ống nhòm của Lecter thu được một tia sáng từ mặt nước phía xa làm cho hắn thấy toàn đốm là đốm trong một lúc. Cô mất hút khi con đường dốc xuống chạy ra xa. Điều cuối cùng hắn nhìn thấy là sau gáy cô, cái đuôi ngựa lúc lắc qua lại như đuôi một chú nai trắng.

Bác sĩ Lecter vẫn đứng im chứ không cố theo cô. Hình ảnh cô đang chạy hiện lên rõ mồn một trong đầu hắn. Cô sẽ chạy trong đầu hắn miễn là hắn vẫn muốn thế. Đây là hình bóng thật của cô lần đầu tiên trong bảy năm qua nếu không tính đến những

hình ảnh trên báo lá cải, không tính đến những lần ghé đầu ra nhìn từ trong xe. Hắn nằm xuống lá, gối đầu lên tay ngằm nhìn tán lá mỏng của một cây phong trên cao đang rung rinh trên nền trời. Bầu trời tối đến mức gần như tím thẫm. Tím thẫm, tím thẫm, chùm nho dại hắn hái lúc leo lên chỗ này đây cũng màu tím, những quả nho căng tròn còn bám bụi giờ đã bắt đầu teo lại. Ăn xong vài quả, hắn bóp một ít ra lòng bàn tay rồi liếm thử nước đó như một đứa trẻ liếm cả lòng bàn tay mình. Tím thẫm, tím thẫm.

Màu tím thẫm trong vườn cà.

Giữa trưa, không có chút nước nóng nào trong chòi sẵn ở trên cao nên y tá của Mischa phải đem chậu đồng vào trong bếp để mặt trời hong nóng nước tắm cho đứa bé hai tuổi. Mischa ngồi trong cái chậu sáng bóng, giữa đám rau quả dưới ánh mặt trời ấm áp, cải trắng và bươm bươm xung quanh nó. Nước chỉ sâu đủ ngập tới cặp chân mũm mĩm của nó nhưng người anh trai nghiêm nghị Hannibal và con chó to đã được cắt đặt nghiêm chỉnh để canh chừng con bé trong khi người y tá vào trong lấy tắm mền.

Đối với một số người giúp việc, Hannibal Lecter là một đứa trẻ đáng sợ, dữ dội một cách đáng sợ và có hiểu biết siêu nhiên. Nhưng hắn không hề đáng sợ với người y tá già thạo việc và cũng không đáng sợ với Mischa, cô nhóc hay đặt bàn tay thơ bé xòe thật rộng lên má hắn và cười lớn vào mặt hắn. Mischa với tay qua người hắn lấy mấy quả cà tím mà nó rất thích ngằm dưới ánh mặt trời. Mắt nó không có màu hạt dẻ giống anh trai Hannibal mà có màu xanh da trời, và khi nhìn vào những quả cà tím, đôi mắt nó như hút lấy màu từ đó mà sậm màu lại. Hannibal Lecter biết cái màu đó là niềm say mê của Mischa. Sau khi nó được bế vào trong và người phụ bếp đi ra vừa cầu nhàu vừa đổ thau

nước vào vườn, Hannibal quỳ bên cạnh luống cà, đám bong bóng xà phòng đầy những hình ảnh phản chiếu, tím và xanh lá cho đến khi vỡ ra trên đất xới. Lấy ra một con dao bỏ túi, hắn cắt cuống quả cà, rồi cầm khăn tay chùi sạch quả cà ấm áp hơi nắng trong tay, ấm như một con thú khi hắn cầm nó đến phòng của Mischa, để ở chỗ con bé nhìn thấy được. Mischa yêu màu tím thẫm, màu của trái cà tím hồi con bé vẫn còn sống.

Hannibal Lecter nhắm mắt để lại nhìn thấy con nai phóng đi trước mặt Starling, nhìn thấy cô phóng xuống con đường, ánh mặt trời vàng tràn ngập đằng sau. Nhưng đó là một con nai khác, một con nai nhỏ với cung tên trên mình, đang kéo căng cái dây buộc quanh cổ trong khi chúng dắt nó đến chỗ cái riu, con nai nhỏ chúng đã xới tái trước khi ăn thịt Mischa. Và hắn không thể ngồi im được nữa, hắn đứng dậy, hai bàn tay và miệng dính đầy màu tím của nho rừng, miệng hắn há ra như một cái mặt nạ Hy Lạp. Hắn nhìn theo Starling xuống con đường. Hắn hít một hơi thật sâu qua mũi để lấy hương vị trong sạch của cánh rừng. Hắn nhìn chăm chú vào chỗ Starling đã biến mất. Con đường của cô đi qua đường như sáng hơn khu rừng xung quanh, như thể cô đã để lại một nơi sáng chói phía sau.

Hắn leo thật nhanh lên đỉnh và hướng thẳng xuống đồi ở mé bên kia, về phía bãi đậu xe gần chỗ cắm trại nơi hắn để chiếc xe tải. Hắn muốn rời khỏi công viên trước khi Starling quay lại, xe của cô đậu cách đó hơn ba ki lô mét chỗ khu chính gần chòi gác rừng đã đóng cửa vào mùa này.

Cần tối thiểu mười lăm phút thì cô mới chạy trở lại xe được.

Bác sĩ Lecter đậu xe bên cạnh chiếc Mustang và cứ để xe hằn nổ máy. Hắn đã có vài cơ hội xem xét xe của cô ở chỗ đậu của tiệm tạp hóa gần nhà cô. Miếng vé giảm giá cả năm của công viên quốc gia dán trên cửa sổ chiếc Mustang cũ của Starling giúp Hannibal Lecter biết cô hay tới nơi này. Hắn đã mua bản đồ công viên ngay tức thì và nhẩn nha khám phá nó.

Chiếc xe đã bị khóa, chêm chệ trên mấy cái bánh to giống như đang ngủ. Chiếc xe của cô làm hắn thích thú. Nó kỳ dị và hiệu quả kinh khủng. Trên tay nắm cửa xe bằng crôm, ngay cả khi cúi sát hắn cũng không ngửi thấy gì. Hắn mở cây mở khóa bằng thép dẹt ra, luồn vào bên trong cánh cửa phía trên ổ khóa. Chuông báo động? Có hay không? *Tách* một cái. Không có.

Bác sĩ Lecter leo vào trong xe, vào trong không gian đầy mùi của Clarice Starling. Vô lăng dày bọc da có chữ MOMO ở trên trục. Hắn nhìn vào chữ đó, đầu nghiêng qua như một con vẹt còn hai môi chúm thành hình chữ “MOMO”. Hắn dựa lưng vào ghế, nhắm mắt lại, hít thở, lông mày nhướng lên như thể đang lắng nghe hòa nhạc.

Sau đó, như là vật có trí óc, cái đầu lưỡi nhọn màu hồng của hắn thè ra như con rắn nhỏ tìm đường ra khỏi khuôn mặt hắn. Sắc mặt không đổi, như thể không nhận thức được chuyển động của mình, hắn cúi người về trước, tìm cái vô lăng da qua mùi của nó, rồi lấy cái lưỡi cong liếm vòng quanh nó. Lưỡi hắn khum lại chỗ vết tì ngón tay ở mặt dưới vô lăng. Hắn liếm vào vị trí hai giờ bị bong nhẵn trên vô lăng mà bàn tay cô đặt lên. Rồi hắn dựa lưng lại vào ghế, lưỡi thụt vào chỗ cũ. Cái miệng hắn ngậm lại động đập như đang thưởng thức rượu. Hắn hít một hơi sâu và giữ lấy trong lúc đi ra rồi khóa chiếc Mustang của Clarice

Starling lại. Hắ không thở ra. Hắ giữ cô lại trong miệng, trong phổi cho đến khi chiếc xe tải cũ kỹ của hắ ra khỏi công viên.

CHƯƠNG 54

CHÂM NGÔN của khoa học hành vi là ma cà rồng thì ở địa phương trong khi kẻ ăn thịt người thì rải rộng ra khắp cả nước.

Đời sống du mục này là đặc trưng của bác sĩ Lecter. Thành công của hắn trong việc tránh né các cơ quan thẩm quyền chủ yếu nhờ vào chất lượng của những giấy tờ tùy thân dài hạn giả của hắn, sự sẵn sàng để duy trì chúng và lúc nào hắn cũng sẵn tiền. Việc di chuyển thường xuyên và ngẫu nhiên không có gì liên quan.

Với hai cái chứng minh thư dùng luân phiên được tạo ra từ lâu, mỗi cái đều có độ đáng tin tuyệt hảo cộng thêm cái thứ ba để quản lý xe cộ, hắn dễ dàng lót cho mình một cái ổ thoải mái tại nước Mỹ trong vòng một tuần sau khi đến đây.

Hắn chọn Maryland, khoảng một giờ lái xe từ phía Nam đến trang trại Muskrat của Mason Verger và khá tiện lợi khi đến những chốn biểu diễn âm nhạc, nhà hát ở Washington và New York.

Khi hắn lộ mặt, không có gì để thu hút chú ý, và hai cái chứng minh thư chính của hắn đều có khả năng cao vượt qua kiểm duyệt tiêu chuẩn. Sau khi ghé thăm một trong những hộp khóa* của mình ở Miami, hắn thuê một căn nhà xinh đẹp xa xôi trên bờ biển Chesapeake của một gã vận động hành lang người Đức.

Với cuộc gọi có nhạc chuông đặc trưng chuyển tiếp từ hai máy điện thoại trong một căn hộ rẻ tiền ở Philadelphia, hần có thể cung cấp một lý lịch sáng chói bất kỳ lúc nào cần thiết mà không cần phải rời khỏi sự tiện nghi của ngôi nhà mới.

Luôn trả tiền mặt, hần nhanh chóng có được vé hạng nhất từ những kẻ phe vé để tham dự những buổi giao hưởng, ba lê, nhạc thánh phòng mà hần thích.

Một trong những thứ đáng mơ ước ở ngôi nhà mới của hần là cái ga ra đôi có xưởng và những cửa nâng đẹp mắt. Ở đó, hần để hai chiếc xe. Một chiếc bán tải Chevrolet sáu năm tuổi có một khung ống bắc qua thùng xe và gắn ê tô hần mua của một thợ sửa ống nước và một thợ sơn nhà, một chiếc xe mui kín siêu nạp Jaguar thuê qua một công ty cổ phần ở Delaware. Cái xe tải của hần mỗi ngày lại có một bề ngoài khác nhau. Hần có thể để vào trong thùng xe hay trên khung ống những dụng cụ như cái thang của người thợ sơn nhà, ống nước, PVC, một cái bếp nướng và một bình ga.

Sau khi sắp xếp đời sống đâu vào đấy, hần tự thưởng cho mình một tuần lễ âm nhạc và du hí bảo tàng ở New York và gửi mấy cuốn catalog của những buổi trình diễn nghệ thuật hay nhất cho người anh họ Balthus, một họa sĩ nổi tiếng ở Pháp.

Tại cửa hàng Sotheby ở New York hần mua hai nhạc cụ tuyệt hảo, cả hai đều là hàng hiếm. Cái đầu tiên là một cây đàn clavico kiểu Flanders thế kỷ mười tám gần giống như cây 1745 Dulkan của bảo tàng Smithsonian với một dây phím cao để chơi nhạc Bach. Đó là một vật kế vị đáng giá thay cho cây đàn *gravicembalo** của hần ở Florence. Cái kia là một nhạc cụ điện có

từ rất sớm, một chiếc theremin do chính giáo sư Theremin sản xuất vào những năm 1930. Theremin đã lôi cuốn bác sĩ Lecter từ lâu. Hồi còn bé, hắn từng làm một cái. Nó được chơi bằng cách di chuyển tay trong một điện trường. Chỉ cần di chuyển tay là có thể tạo ra âm thanh.

Giờ đây hắn đã ổn định mọi thứ và có thể thư giãn.

Sau buổi sáng trong rừng, bác sĩ Lecter lái xe về nhà, đến nơi trú ẩn xinh đẹp của hắn ở bờ biển Maryland. Hình ảnh Clarice Starling chạy băng qua đám lá rơi trên lối mòn trong rừng giờ đã khắc rõ trong cung điện ký ức của tâm trí hắn. Đó là một nguồn khoái cảm đối với hắn, có thể chạm tới chỉ trong một giây bắt đầu từ tiền sảnh. Hắn nhìn thấy Starling chạy, và ký ức trực quan của hắn thật đáng ngưỡng mộ khi hắn có thể tìm kiếm trong khung cảnh những chi tiết mới, có thể nghe tiếng những con hươu đuôi trắng to lớn khỏe mạnh nhảy vượt qua hắn để lên dốc, thấy những cục chai ở cùi chỏ chúng, một lá cỏ trên lông bụng của con ở gần nhất. Hắn đã lưu giữ cái ký ức này trong một căn phòng cung điện đầy nắng xa hết mức có thể từ chỗ con nai nhỏ bị thương...

Lại về nhà rồi, lại về nhà rồi. Cánh cửa ga ra hạ xuống tạo ra tiếng rền nhỏ đằng sau chiếc xe bán tải.

Khi cánh cửa nâng lên lần nữa vào giữa trưa, chiếc Jaguar đen chạy ra chở tay bác sĩ bảnh bao vào thành phố.

Bác sĩ Lecter rất thích mua sắm. Hắn lái thẳng đến Hammacher Schlemmer, nhà cung cấp phụ tùng thể thao, phụ kiện trong nhà cao cấp và thiết bị nấu nướng, và hắn nhón nhơ

trong đó. Vẫn mang tâm trạng trong rừng, với một cây thước bỏ túi hẳn đo đạc ba cái giỏ lớn dùng khi đi cắm trại. Cả ba đều đan bằng mây được quét sơn, quai bằng da và các mối nối bằng đồng đặc. Cuối cùng, hẳn chọn một cái giỏ cỡ trung bình vì nó chỉ cần chứa đủ một người.

Chiếc giỏ mây chứa một bình giữ nhiệt, mấy cái cốc vại nồi đồng cối đá, đồ sứ tốt và dao nĩa bằng thép không gỉ. Cái giỏ chỉ bán chung với đồ phụ kiện. Bạn bắt buộc phải mua chúng.

Trong những điểm dừng chân mua sắm tiếp theo ở Tiffany và Christofle, tay bác sĩ có thể thay thế những cái đĩa picnic nặng trĩu bằng đồ sứ Gien của Pháp có họa tiết theo đề tài *chasse** về lá và chim. Ở Christofle, hẳn chọn được một bộ đồ ăn bằng bạc thế kỷ mười chín theo kiểu Cardinal mà hẳn thích, logo nhà sản xuất rập trên lòng muỗng, phía dưới cán muỗng có cái đuôi chuột Paris*. Mấy cái nĩa cong vênh lên, răng cách xa nhau và những con dao có cán rất vừa ý dài đến lòng bàn tay. Những dụng cụ này cầm trên tay cứ như những khẩu súng dùng trong cuộc độ súng tay đôi tuyệt hảo. Về đồ pha lê, tay bác sĩ dẫn đo giữa các kích cỡ ly rượu khai vị, cuối cùng hẳn chọn một cái ly *ballon* ống khói* để uống brandy. Nhưng ly rượu vang thì không có gì để cân nhắc. Tay bác sĩ chọn ly của hãng Riedel và mua hai cỡ đủ rộng để mũi có thể cúi vào trong miệng ly.

Tại Christofle, hẳn cũng tìm thấy khăn trải bằng vải lanh màu trắng sữa và mấy cái khăn ăn thêu hoa tuyệt đẹp với một đóa hồng Damask bé xíu như giọt máu ở góc khăn. Bác sĩ Lecter thấy trò chơi với đồ Damask thật thú vị, bèn mua luôn sáu cái khăn ăn để luôn có cái dùng khi những cái khác giặt còn chưa khô.

Hắn mua hai bếp gas du lịch xịn 35000 BTU* loại dùng để nấu tại bàn ăn trong nhà hàng, một cái chảo chiên bằng đồng được làm rất tinh xảo và một *fait-tout** làm nước xốt, cả hai đều sản xuất cho công ty Dehillerin ở Paris và hai cái phới đánh trứng. Hắn không tìm thấy dao bằng thép carbon mà hắn thích dùng hơn là loại bằng thép không gỉ. Hắn cũng không tìm thấy mấy loại dao chuyên dụng hắn buộc phải bỏ lại ở Florence.

Trạm dừng cuối cùng là một công ty cung cấp dược phẩm cách Bệnh viện Đa khoa Mercy không bao xa. Ở đó, hắn mua được một món hời: một cái cửa sổ xác Stryker gần như mới tinh bỏ vừa vào giỏ cầm trại chỗ bình giữ nhiệt. Nó vẫn còn bảo hành, đi kèm với lưỡi cửa đa năng và lưỡi cửa sọ cũng như một cái khóa sọ*. Những thứ này gần như đã đủ cho bộ đồ nghề nấu nướng của hắn.

Cánh cửa kiểu Pháp của bác sĩ Lecter mở ra khoảng không mát lạnh buổi tối. Bờ vịnh đen lấp lánh ánh bạc dưới trăng và những bóng mây chuyển động. Hắn rót rượu vang vào cái ly mới rồi đặt lên chân nến bên cạnh cây đàn clavico. Mùi rượu lẫn với mùi không khí mặn, bác sĩ Lecter có thể tận hưởng nó mà không cần nhấc tay khỏi phím đàn.

Trong đời mình hắn đã từng sở hữu đàn clavico, đàn virginal và những loại đàn phím lâu đời khác. Hắn thích âm thanh và cảm giác của đàn clavico hơn vì nó không thể điều chỉnh âm thanh của những sợi dây được gảy lên. Tiếng nhạc vang lên như thật, đột ngột và tròn vẹn.

Bác sĩ Lecter ngấm cây đàn, mở ra và nắm tay lại. Hắn tiếp cận cây clavico mới tựu mà như tiếp cận một kẻ xa lạ quyến rũ

bằng một nhận xét hời hợt - hẳn chơi một khúc của Henry VIII, Cây nhựa ruồi xanh tươi.

Được cổ vũ, hẳn chơi tiếp bản *Sonata cung Si giáng trưởng* của Mozart. Hẳn và cây clavico vẫn chưa thân thiết, nhưng phản ứng của nó dưới tay nói cho hẳn biết rằng cả hai sẽ sớm thân thôi. Gió thổi làm nến cháy bùng lên. Nhưng mắt bác sĩ Lecter đã nhắm lại tránh ánh sáng, khuôn mặt hẳn ngẩng lên trong khi hẳn đang chơi đàn. Bàn tay xòe rộng của Mischa phẩy phẩy cho bong bóng trên miệng chậu bay lên. Và khi hẳn bắt đầu chơi phần thứ ba, xuyên qua cánh rừng bay là là, Clarice Starling đang chạy liên tục, tiếng lá sột soạt dưới chân cô, tiếng gió vi vu trên những tán cây đang mùa lá chín, và ba con hươu nhảy phía trước cô, một hươu đực và hai hươu cái nhảy qua lối mòn như trái tim nhảy múa. Mặt đất đột nhiên lạnh hơn và những người đàn ông rách rưới dẫn con hươu nhỏ ra khỏi rừng, một mũi tên cắm trên người nó, con hươu giằng co sợi dây thừng xoắn quanh cổ, và mấy gã đàn ông kéo con hươu bị thương để khỏi phải vác nó đến chỗ cái rìu. Tiếng nhạc vang rền tắt ngấm trên tuyết máu me. Bác sĩ Lecter nằm mép ghế. Hẳn thở sâu, thở sâu, đặt tay lên bàn phím, cố gắng đàn một tiết nhạc rồi hai tiết và để chúng vang vào im lặng.

Hẳn thét một tiếng mỏng và cao, rồi ngưng đột ngột như tiếng nhạc. Hẳn ngồi thật lâu đầu gục vào bàn phím. Hẳn đứng dậy không gây ra tiếng động, rời khỏi phòng. Không thể nhận ra hẳn đang ở đâu trong ngôi nhà tối đen. Gió thổi từ vịnh Chesapeake mạnh dần lên quất vào ánh nến cho đến khi chúng tắt phụt, hát bằng dây của cây đàn clavico trong bóng tối - giờ

đây là một giai điệu bất chợt, giờ đây là một tiếng thét mỏng
vọng về quá khứ xa xăm.

CHƯƠNG 55

TRIỂN LÃM Súng và Dao khu vực trung Đại Tây Dương trong hội trường tưởng niệm chiến tranh. Một thảo nguyên bàn, một bình nguyên súng chủ yếu là súng lục và súng ngắn tấn công. Ánh sáng laser đỏ lập lòe trên trần nhà.

Một vài người mê săn bắn thật sự đến buổi triển lãm vì sở thích. Những cây súng giờ đen sì còn buổi triển lãm thật ảm đạm, nhạt phèo, không có gì hứng thú, y như nội tâm của những kẻ đến dự.

Hãy nhìn đám người này: nhếch nhác, hờ hững, tắc vùi trứng thật sự, những kẻ tim bằng nhựa. Bọn họ là mối nguy hiểm chính cho quyền được sở hữu súng của một công dân.

Những gì bọn họ trầm trồ là những vũ khí tấn công được thiết kế để sản xuất hàng loạt, được sản xuất rẻ tiền bằng khuôn để cung cấp hỏa lực lớn cho những kẻ không được rèn luyện và dốt nát.

Giữa những cái bụng bự, những gã chơi súng trong nhà nhào nhoẹt và trắng nhợt là bác sĩ Hannibal Lecter gầy bệ vệ. Súng không khiến hắn hứng thú. Hắn đi thẳng đến kệ trưng bày của nhà buôn dao tốt nhất tại buổi triển lãm.

Nhà buôn tên là Buck. Gã nặng gần một trăm năm mươi cân. Buck có rất nhiều thanh gươm kỳ lạ, bản sao những đồ vật

Trung cổ và nhiều đồ vật của man dân, nhưng gã cũng có những con dao thật, với dùi cui hảo hạng và bác sĩ Lecter nhanh chóng nhìn thấy gần hết các món trong danh sách của hắn, những thứ hắn đã phải để lại ở Ý.

“Tôi có thể giúp ông không?” Buck có đôi má, cái miệng thân thiện và một đôi mắt hiểm ác.

“Vâng, tôi muốn cái con yêu nữ mình người cánh chim đỏ, một con dao Spyderco thẳng, có răng cưa, lưỡi dài mười phân, và một con dao găm lột da thú ở phía sau kia.”

Buck lấy những thứ mà Lecter yêu cầu.

“Tôi cần một cái cưa săn thú tốt. Không phải cái đó, một cái tốt. Cho tôi sờ thử cái dùi cui bao da dẹt đó, cái màu đen...” Bác sĩ Lecter cân nhắc cái lò xo trên tay cầm. “Tôi lấy cái này.”

“Còn gì nữa không?”

“Còn. Tôi muốn một con dao Spyderco Civilian*, nhưng không thấy nó đâu cả.”

“Không phải ai cũng biết nó. Tôi không bao giờ trữ hàng nhưng có một con đấy.”

“Tôi chỉ cần một con thôi.”

“Bình thường nó có giá hai trăm hai mươi đô, song tôi có thể bán cho ông với giá một trăm chín mươi kèm theo bao đựng.”

“Tốt. Anh có dao làm bếp bằng thép carbon không?”

Buck lắc cái đầu to đùng của gã. “Ông phải tìm đồ cũ ở chợ trời thôi. Cái của tôi cũng là mua ở đó. Ông có thể mài dao bằng tròn đĩa.”

“Đóng gói đi, vài phút nữa tôi sẽ quay lại lấy.”

Không mấy khi Buck được yêu cầu đóng gói vì thế gã làm mà lông mày nhướng lên.

Dựa vào tính chất đặc thù thì buổi triển lãm súng không phải là triển lãm gì cả mà là một hội chợ. Có mấy bàn trưng bày những đồ vật đầy bụi của Chiến tranh thế giới thứ hai. Bạn có thể mua súng trường M-1, mặt nạ chống hơi cay phần kính trên mắt bị nứt và bị đông nước. Như thường lệ có cả gian hàng tưởng niệm quân Đức Quốc xã. Nếu thích, bạn có thể mua cả một bình ga độc Zyklon B thật sự.

Hầu như không có thứ gì trong Chiến tranh Việt Nam hay Hàn Quốc và không một thứ gì từ trận Bão táp Sa mạc.

Rất nhiều người mua mặc đồ nguy trang cứ như họ chỉ mới vừa từ tiền tuyến trở về tham dự triển lãm, và đồ nguy trang được bày bán còn nhiều hơn bao gồm một bộ áo cây nguy trang cho lính bắn tỉa hay thợ săn bằng cung tên. Một phần lớn của triển lãm là thiết bị dành cho việc săn bắn bằng cung.

Bác sĩ Lecter đang xem xét một bộ áo cây nguy trang thì nhận ra những bộ đồng phục gần sát bên cạnh hắn. Hắn cầm đôi găng bắn cung lên. Khi quay người và giơ mác nhà sản xuất lên ánh đèn, hắn nhìn thấy hai cảnh sát bên cạnh mình từ Sở Thú săn và Ngư nghiệp Nội địa Virginia - cơ quan này đang mở một quầy bảo tồn ở triển lãm.

“Donnie Barber kia,” người già hơn trong hai người hất cằm nói. “Nếu anh có bắt hắn ra tòa thì cho tôi biết nhé. Tôi muốn cứu thằng khốn ấy ra khỏi nguy hiểm mà.” Họ đang theo dõi một gã khoảng ba mươi tuổi ở phía bên kia phòng trưng bày cung tên. Gã đang quay mặt về phía họ mà theo dõi bằng hình.

Donnie Barber mặc đồ rằn ri. Hai tay áo cột vòng quanh bụng. Gã đang mặc áo thun sát nách màu kaki khoe hình xăm và đội ngược nón bóng chày trên đầu.

Bác sĩ Lecter di chuyển chậm chậm khỏi hai cảnh sát, vừa đi vừa ngắm hết món đồ này đến món đồ khác. Hắn dừng lại ở chỗ trưng bày ống ngắm súng laser cách một lối đi, qua giàn lưới treo những bao súng, tay bác sĩ theo dõi cuốn phim nhấp nháy đã thu hút sự chú ý của Donnie Barber.

Đó là một cuộn phim về cuộc săn hươu tai lừa bằng cung tên.

Rõ ràng là ai đó không có trong khuôn hình đang xông khổi một con hươu dọc theo hàng rào từ một dải đất trồng cây trong lúc tay thợ săn kéo cung tên. Tay thợ săn được cài máy ghi âm. Hơi thở của hắn nhanh hơn. Hắn thì thầm vào micrô, “Không thể tốt hơn được nữa.”

Con hươu cong mình khi bị trúng tên, chạy đụng vào hàng rào hai lần trước khi lao vào dây micrô và biến mất.

Đang theo dõi, Donnie Barber giật nảy mình và cầu nhàu về phát tên.

Giờ thì trong phim, tay thợ săn chuẩn bị móc ruột con hươu. Hắn bắt đầu ở chỗ hắn gọi là ANN-US.

Donnie Barber dừng phim và mở đi mở lại đoạn bắn tên cho đến khi chủ gian hàng nói chuyện với hắn.

“Mẹ thằng khốn,” Donnie Barber gào lên. “Tao đếch bao giờ thèm mua mấy thứ cứt đái của mày.”

Ở quầy kế, gã mua mấy mũi tên màu vàng, có một cái phi tiêu phần đầu to. Có một hộp rút thăm trúng thưởng và với món

hàng vừa mua Donnie Barbe nhận được một tờ tham dự bốc thăm. Giải thưởng là hai ngày thuê hươu.

Điền vào tờ giấy của mình xong, Donnie Barbe bỏ vào khe hộp, giữ cây bút của người bán và ôm cái hộp dài đựng món hàng vừa mua biến mất vào trong đám đông những thanh niên mặc đồ rằn ri.

Như con mắt ếch phát hiện ra chuyển động, con mắt người bán hàng nhìn thấy bất kỳ sự dừng lại nào trong đám đông đi qua. Người đàn ông trước mặt anh ta đang đứng như trời trồng.

“Đó là cái nỏ tốt nhất của anh à?” bác sĩ Lecter hỏi người bán hàng.

“Không phải.” Anh ta lấy một cái hộp bên dưới quầy lên. “Đây là cái tốt nhất. Tôi thích loại một dây có cánh cung cong hai đầu hơn là loại ba dây. Với trục quay, ông có thể xoay bằng điện hay bằng tay đều được. Ông có biết là không thể dùng nỏ săn hươu ở Virginia trừ phi ông bị tàn tật không?” anh ta hỏi.

“Anh tôi mất một tay và đang rất trông đợi giết một thứ gì đó bằng tay kia.” bác sĩ Lecter nói.

“Ồ, tôi hiểu.”

Trong vòng năm phút, tay bác sĩ mua một cái nỏ hảo hạng và hai tá tên, loại tên ngắn và dày.

“Gói hàng lại cho tôi đi,” bác sĩ Lecter nói.

“Điền vào cái phiếu này, biết đâu ông có thể giành được một cuộc săn hươu thì sao. Hai ngày thuê miễn phí đấy,” người bán hàng nói.

Bác sĩ Lecter điền tờ phiếu rồi bỏ vào khe hộp. Ngay khi người bán hàng đang tiếp một khách khác, bác sĩ Lecter quay

lại phía anh ta.

“Người anh em!” hắ nói. “Tôi quên ghi số điện thoại trên tấm vé rồi. Tôi có thể ghi lại không?”

“Dĩ nhiên, cứ tự nhiên.”

Bác sĩ Lecter gỡ nắp hộp lấy hai phiếu trên cùng ra. Hắ thêm thông tin giả vào phiếu của mình và nhìn rất lâu vào cái phiếu bên dưới, chớp mắt một lần như cái máy chụp hình tách một cái.

CHƯƠNG 56

PHÒNG tập thể hình tại trang trại Muskrat màu đen hiện đại và có hình vòm cung với một loạt máy Nautilus, tạ tay, thiết bị aerobic và một quây nước trái cây.

Gần xong bài thể dục, Barney đang làm mát cơ thể trên xe đạp thì nhận ra anh không ở trong phòng một mình. Ở góc phòng, Margot Verger đang khởi động. Ả mặc quần soóc co dãn và áo sát nách bên ngoài áo ngực thể thao, giờ đang đeo thêm đai cử tạ. Barney nghe tiếng tạ lanh canh trong góc, tiếng ả thở khi tập bài khởi động.

Barney đang đạp xe không có lực cản và lau đầu thì ả lại chỗ anh trong lúc nghỉ giải lao.

Ả nhìn cánh tay anh rồi nhìn lại mình. Chúng gần như bằng nhau. “Anh có thể nằm đẩy tạ được bao nhiêu?” ả hỏi.

“Tôi không biết.”

“Tôi nghĩ là anh biết, thôi được rồi.”

“Có lẽ một trăm bảy mươi lăm, cỡ đó.”

“*Một trăm bảy mươi lăm?* Tôi không nghĩ thế, anh chàng to xác ạ. Tôi nghĩ anh không thể nâng được mức tạ một trăm bảy mươi lăm đâu.”

“Có lẽ cô đúng đấy.”

“Tôi có một trăm đô la và cá là anh không thể nâng được mức tạ một trăm bảy mươi lăm.”

“Cá với gì?”

“Với một trăm đô la, thế anh nghĩ là cái quái gì chứ? Và tôi sẽ quan sát anh.”

Barney nhìn ả, cái trán phẳng như cao su của anh nhăn lại. “Được thôi.”

Họ gấn tạ vào. Margot đếm những đầu tạ mà Barney gấn vào như thể anh có thể ăn gian ả. Anh đáp lại bằng cách đếm rất kỹ càng đầu bên Margot.

Nằm bệt xuống băng ghế trong khi Margot đang đứng phía trên, đầu anh ngay quần soóc thun của ả. Khớp nối giữa đùi và bụng dưới của ả tạo thành đường rãnh xuống như một cái khung kỳ dị và thân mình đồ sộ của ả dường như đung tới trần.

Barney ổn định tư thế, nằm chắc chắn trên băng ghế. Chân Margot có mùi dầu xoa bóp mát lạnh. Tay ả đặt hờ lên đòn tạ, móng tay sơn màu cam, bàn tay cân đối thật mạnh mẽ.

“Sẵn sàng chưa?”

“Rồi.” Anh đẩy tạ lên phía mặt ả, ả đang cúi xuống anh.

Không khó khăn gì với Barney. Anh để tạ trở lại giá đỡ trước Margot. ả lấy tiền từ trong túi tập thể dục.

“Cảm ơn,” Barney nói.

“Tôi gánh tạ được nhiều hơn anh” là tất cả những gì ả nói.

“Tôi biết.”

“Sao anh biết?”

“Tôi có thể đứng tè.”

Cái cổ đồ sộ của ả đồ ửng lên. “Tôi cũng vậy.”

“Một trăm đô?” Barney nói.

“Làm cho tôi một ly sinh tố,” ả nói.

Có một tô trái cây và quả hạch trên quầy nước. Barney làm sinh tố trong máy xay. Margot cầm hai quả óc chó trong nắm tay rồi bóp vỡ.

“Cô có thể chỉ bóp một quả với tay không được chứ?” Barney nói. Anh đập hai quả trứng trên miệng máy xay rồi bỏ vào.

“Anh làm được không?” Margot hỏi và đưa cho anh một quả óc chó.

Quả hạch nằm trong lòng bàn tay Barney. “Tôi không biết.” Anh dọn chỗ trên quầy trước mặt và một quả cam lăn xuống chân Margot. “Úi, xin lỗi,” Barney nói.

Ả nhặt lên và bỏ lại vào tô.

Bàn tay to của Barney nắm chặt. Mắt Margot chuyển từ nắm tay anh lên mặt anh rồi sau đó đưa qua lại trong khi cổ anh nổi gân lên, mặt đỏ bừng. Anh bắt đầu run lên và từ nắm tay anh một tiếng vỡ khê bật ra. Margot cúi xuống. Anh di chuyển nắm tay đang run lên về phía cối xay và tiếng vỡ nghe lớn hơn. Lòng đỏ và lòng trắng trứng roi tồm vào máy xay. Barney bật máy lên và liếm đầu ngón tay. Margot cười lớn.

Barney rót nước sinh tố vào ly. Từ phía bên kia căn phòng, trông họ như vận động viên đấu vật hay cử tạ ở hai nhóm cân nặng.

“Cô cảm thấy cô *phải* làm được mọi thứ đàn ông làm được đúng không?” anh nói.

“Không phải mấy thứ ngu ngốc.”

“Cô có muốn trải nghiệm thử sự thân thiện giữa đàn ông với nhau không?”

Nụ cười của Margot vụt tắt. “Đừng có dụ tôi vào những trò đùa tục tĩu, Barney.”

Anh lắc cái đầu đồ sộ. “Thử coi,” anh nói.

CHƯƠNG 57

TRONG nhà Hannibal, tin tức lượm lặt nhiều dần lên khi càng ngày Clarice Starling càng cảm thấy rõ con đường dọc theo hành lang gu thưởng thức của bác sĩ Lecter:

Rachel DuBerry hình như già hơn bác sĩ Lecter khi bà còn là người bảo trợ tích cực của Dàn nhạc Giao hưởng Baltimore và bà rất xinh đẹp vì Starling có thể nhìn thấy ảnh trên tờ *Vogue* vào thời đó. Trước từng có hai người chồng giàu có. Hiện giờ, bà là bà Franz Rosencranz của công ty dệt may Rosencranzes. Thư ký xã hội nổi máy cho bà.

“Bây giờ tôi chỉ gửi tiền cho dàn nhạc thôi, cô gái. Chúng tôi ở xa quá nên tôi không tham gia tích cực *được*,” bà Rosencranz, nhũ danh DuBerry, trả lời Starling. “Nếu là câu hỏi về thuế thì tôi có thể cho cô số kế toán của tôi.”

“Bà Rosencranz, khi còn hoạt động trong hội đồng của Dàn nhạc Giao hưởng và trường Westover, bà biết bác sĩ Hannibal Lecter chứ.”

Một khoảng lặng đáng kể.

“Bà Rosencranz?”

“Tôi nghĩ tốt hơn là nên lấy số của cô và gọi lại cho cô qua tổng đài FBI.”

“Chắc chắn rồi.”

Khi cuộc nói chuyện trở lại:

“Vâng tôi có quen biết xã giao với Hannibal Lecter nhiều năm trước và từ đó đến giờ báo chí cứ cầm rế ở cửa nhà tôi vì chuyện này. Đó là một người đàn ông cực kỳ đáng yêu, tuyệt đối khác thường. Cái kiểu làm cho lông của một cô gái *kêu lách tách*, nếu như cô biết tôi muốn nói gì. Phải mất nhiều năm tôi mới tin được cái mặt kia của ông ấy.”

“Hắn có bao giờ tặng quà cho bà không, bà Rosencranz?”

“Tôi thường nhận được lời nhắn từ ông ấy vào dịp sinh nhật, ngay cả sau khi ông ấy bị tạm giam. Thỉnh thoảng một món quà, ấy là trước khi ông ấy bị kết án. Ông ấy tặng tôi những món quà trang nhã *nhất*.”

“Và bác sĩ Lecter đã tặng bà một bữa tối sinh nhật nổi tiếng. Với rượu vang được sản xuất đúng trong ngày sinh nhật của bà.”

“Vâng,” bà ta đáp. “Suzy gọi đó là một bữa tiệc đáng nhớ kể từ Dạ tiệc đen và trắng của Capote*.”

“Bà Rosencranz, nếu có tin gì từ hắn, bà làm ơn gọi cho FBI theo số tôi đưa cho bà sau đây được không? Một việc nữa tôi muốn hỏi và nếu như được phép, bà có ngày kỷ niệm đặc biệt nào với bác sĩ Lecter không? Và bà Rosencranz, tôi cần phải hỏi sinh nhật của bà là ngày nào.”

Một sự lạnh lùng rõ rệt qua điện thoại. “Tôi nghĩ là cô dễ dàng có được thông tin đó thôi.”

“Vâng thưa bà, tuy nhiên có một số chỗ không nhất quán giữa ngày trong sổ chứng minh, giấy khai sinh và bằng lái xe của bà. Trên thực tế, tất cả đều không giống nhau. Tôi xin lỗi

nhưng chúng tôi nhập vào những món cao cấp cho tới ngày sinh của những người quen thân đã biết của bác sĩ Lecter.”

“*Những người quen thân đã biết.* Tôi giờ là người *quen thân đã biết*, một tên gọi kinh khủng thật.” Bà Rosencranz cười khùng khục. Bà ta thuộc thể hệ của tiệc rượu và thuốc lá và giọng bà trầm đục. “Đặc vụ Starling, cô bao nhiêu tuổi rồi?”

“Ba mươi hai thưa bà Rosencranz. Đến Giáng sinh này tôi sẽ ba mươi ba tuổi hai ngày.”

“Với tất cả lòng thành, tôi chỉ muốn nói là tôi hy vọng cô sẽ có một vài người quen thân đã biết trong cuộc đời cô. Chắc chắn họ sẽ giúp cô tồn tại trên đời này.”

“Vâng thưa bà, và sinh nhật của bà là ngày nào vậy?”

Cuối cùng bà Rosencranz chào tạm biệt với thông tin chính xác, gọi nó là “ngày mà bác sĩ Lecter đã quen thuộc”.

“Thưa bà, nếu được phép hỏi, tôi có thể hiểu được tại sao bà thay đổi năm sinh nhưng còn ngày tháng thì vì cớ gì?”

“Tôi muốn mình thuộc cung Xử nữ vì như vậy hợp với ông Rosencranz hơn, khi đó chúng tôi đang hẹn hò mà.”

Những người bác sĩ Lecter đã gặp trong thời gian ở trại giam lại nhìn ông ta theo một cách khác:

Starling đã cứu thoát con gái của cựu thượng nghị sĩ Ruth Martin là Catherine từ căn hầm kinh hoàng của tên giết người hàng loạt Jame Gumb và nếu thượng nghị sĩ Martin không bị đánh bại trong kỳ bầu cử kế tiếp, bà ta có thể làm nhiều chuyện tốt đẹp cho Starling. Bà ta thật nhiệt thành trong điện thoại, cho cô biết tin tức về Catherine và muốn biết tin của cô.

“Cô chưa bao giờ đòi hỏi gì tôi Starling. Nếu cô cần việc làm bất kỳ lúc nào...”

“Cảm ơn thượng nghị sĩ Martin.”

“Về cái gã Lecter đáng nguyên rủa ấy, thì chưa có gì cả, nếu có tin gì từ hắn thì tôi đã báo cho cục điều tra rồi và tôi sẽ để số của cô ở ngay đây gần điện thoại. Charlsie biết cách xử lý thư từ. Tôi không mong sẽ nhận được gì từ hắn. Lời cuối cùng tên điên đó nói với tôi ở Memphis là ‘*Thích bộ đồ của bà.*’ Hắn đã làm một việc độc ác nhất trong những việc mà người ta từng làm đối với tôi từ trước tới giờ, cô có biết là gì không?”

“Tôi biết hắn chế nhạo bà.”

“Khi Catherine còn đang mất tích, khi chúng tôi đang tuyệt vọng thì hắn nói có thông tin về Jame Gumb và khi tôi van nài hắn, hắn đã hỏi tôi, hắn nhìn vào mặt tôi với cặp mắt rần rờ hỏi rằng tôi có cho Catherine bú không. Hắn muốn biết tôi có cho Catherine *bú* không. Tôi trả lời rằng có. Sau đó, hắn nói, ‘Một công việc khát nước nhỉ?’ Đột nhiên chuyện đó ùa về, khi tôi bỗng nó lúc còn bé, khát nước, chờ cho nó bú no, cảnh tượng ấy đâm vào tôi đau nhói không giống bất cứ thứ gì tôi từng cảm thấy và hắn *hút lấy nỗi đau đớn của tôi.*”

“Loại nào hả thượng nghị sĩ Martin?”

“Xin lỗi - loại gì cơ?”

“Bộ đồ bà mặc mà bác sĩ Lecter thích là loại gì vậy?”

“Để tôi nghĩ xem nào - một bộ Givenchy màu hải quân, rất vừa vặn.” Thượng nghị sĩ Martin nói, có chút tự ái vì sự ưu tiên của Starling. “Khi cô bắt hắn vào tù lại, hãy đến gặp tôi, Starling, chúng ta sẽ cưới ngựa nhé.”

“Cảm ơn, thượng nghị sĩ. Tôi nhớ rồi.”

Hai cuộc điện thoại, mỗi cuộc cho thấy một bộ mặt của bác sĩ Lecter. Một cuộc cho thấy bộ mặt đáng yêu của hắn, cuộc kia cho thấy vảy rắn. Starling ghi lại:

Rượu vang ủ đúng ngày sinh nhật đã có trong danh sách của cô. Cô ghi chú thêm Givenchy vào danh sách những hàng hóa cao cấp. Rồi chợt nghĩ ra, cô ghi tiếp *cho con bú* mà không biết nguyên nhân vì sao. Và cô không có thời gian nghĩ về nó nữa vì cái điện thoại mã hóa đầu cuối chống nghe trộm của cô đang reo lên.

“Có phải ban Khoa học Hành vi không? Tôi muốn nói chuyện với Jack Crawford, tôi là cảnh sát trưởng Dumas ở hạt Clarendon, Virginia.”

“Cảnh sát trưởng, tôi là trợ lý của Jack Crawford. Hôm nay, ông ấy ở tòa án. Tôi có thể giúp ông. Tôi là đặc vụ Starling.”

“Tôi cần nói chuyện với Jack Crawford. Trong nhà xác của chúng tôi có một người đàn ông bị lóc *thịt*, tôi có gọi đúng phòng không vậy?”

“Đúng rồi thưa ông, chắc chắn là đúng - nếu ông nói chính xác là ông đang ở đâu, tôi sẽ đến ngay và sẽ báo động cho ông Crawford ngay khi ông ấy làm chứng xong.”

Chiếc Mustang của Starling lao vọt khỏi Quantico để lại vệt cao su của bánh xe khiến người gác cổng mặc đồng phục màu xanh chỉ còn biết nhăn mặt, xua tay và cố nhịn cười.

CHƯƠNG 58

NHÀ XÁC ở hạt Clarendon phía Bắc Virginia nối liền với bệnh viện của hạt qua một căn phòng kín có quạt thông gió trên trần và cửa lớn ở mỗi đầu để di chuyển xác chết. Trợ lý cảnh sát trưởng đứng trước cửa để ngăn năm phóng viên và người quay phim đang bu xung quanh ông.

Từ phía sau đám phóng viên, Starling nhón chân và giơ thê lên. Khi người trợ lý trông thấy và gật đầu, cô bèn lườn qua. Đèn chớp nháy lên và đèn rọi chiếu phía sau cô.

Trong phòng mổ xác lặng yên chỉ có tiếng lanh canh của dụng cụ đặt xuống khay kim loại.

Nhà xác của hạt có bốn bàn mổ xác bằng thép không gỉ, mỗi cái đều có cân và bồn rửa riêng. Hai bàn có đậy khăn, tấm khăn nhô lên rất kỳ quặc bởi cái thi hài nằm bên dưới. Một ca mổ xác theo thủ tục của bệnh viện đang được tiến hành trên cái bàn gần cửa sổ nhất. Nhà nghiên cứu bệnh học và trợ lý của ông đang thực hiện một ca tinh vi và không nhìn lên khi Starling bước vào.

Tiếng rít mỏng của cái cửa điện trần ngập căn phòng. Và chỉ trong chốc lát, nhà nghiên cứu bệnh học đặt chóp xương sọ sang bên rồi nâng bộ óc trong hai tay đặt vào cân. Ông thì thầm số cân nặng vào micrô gắn trên người, xem xét bộ óc trong đĩa

cân và chọc nó bằng ngón tay có đeo găng. Khi nhìn thấy Starling qua vai người trợ lý, ông bỏ bộ óc vào khoang ngực mở của xác chết, bắn đôi găng cao su vào thùng rác như một thằng nhóc bắn dây thun, đoạn bước vòng qua bàn về phía cô.

Starling cảm thấy hơi sồn ọc khi bắt tay ông.

“Clarice Starling, đặc vụ FBI.”

“Tôi là tiến sĩ Hollingsworth, giám định viên pháp y, chuyên viên nghiên cứu bệnh học của bệnh viện, bếp trưởng và người rửa chai.” Hollingsworth có đôi mắt xanh sáng rực, sáng như quả trứng bóc khéo. Ông nói với người trợ lý mà không quay mặt khỏi Starling. “Marlene, bà làm ơn nhắn tin cho cảnh sát trưởng trong phòng chăm sóc tim đặc biệt và lột khăn trùm cho mấy cái xác kia.”

Theo kinh nghiệm của Starling, giám định viên pháp y thường thông minh nhưng lại hay ngớ ngẩn và bất cẩn trong giao tiếp thông thường, và họ thích khoe mẽ. Hollingsworth nhìn theo ánh mắt của Starling. “Cô thắc mắc về bộ óc đó phải không?”

Cô gật đầu và xòe đôi bàn tay ra chiều không biết.

“Đặc vụ Starling, không phải chúng tôi bất cẩn. Tôi đã giúp cho nhà tang lễ khi không bỏ lại bộ óc vào sọ. Trường hợp này, họ dùng quan tài mở và có một lễ thức canh người chết kéo dài rất lâu, cô không thể ngăn không cho bộ óc chảy ra gối, vì thế chúng tôi nhồi cái sọ bằng tã giấy Huggies hay bất kỳ thứ gì chúng tôi có rồi đóng nó lại, sau đó tôi sẽ đặt một cái chốt trong chóp sọ trên cả hai tai để nó không bị trượt. Thân nhân sẽ lấy lại nguyên cả xác và ai cũng đều vui vẻ.”

“Tôi hiểu.”

“Cứ cho tôi biết nếu cô hiểu *điều đó* nhé,” ông nói. Phía sau Starling, trợ lý của bác sĩ Hollingsworth đã lật tấm phủ trên bàn mổ xác.

Starling quay lại và nhìn thấy độc nhất một hình ảnh sẽ bám theo cô cho tới tận cuối đời. Nằm kế nhau trên hai bàn mổ xác bằng thép không gỉ là một con hươu và một người đàn ông. Từ con hươu nhô ra một mũi tên màu vàng. Đuôi tên và sừng hươu đội tấm phủ nhô lên như những cái cột lều.

Người đàn ông bị một mũi tên màu vàng dày hơn, ngắn hơn xuyên ngang đầu ngay vành tai. Hắn vẫn còn đội một thứ, một cái nón bóng chày đội ngược ghim vô đầu bằng mũi tên.

Nhìn người đàn ông, Starling cảm thấy một cơn mắc cười thật vô lý được nén lại quá nhanh đến nỗi có lẽ giống như bị hết hồn. Tư thế giống nhau của hai cái xác, về vị trí trên cơ thể chứ không phải vị trí giải phẫu học, cho thấy cả hai đã bị giết gần như y hệt nhau. Thăn và thắt lưng bị lấy ra rất gọn gàng và tiết kiệm cùng với những miếng nạc nhỏ bên dưới xương sống.

Một bộ lông hươu trên bàn sắt không gỉ. Đầu hươu ngóc lên nhờ cặp sừng đặt trên ổ đỡ kim loại. Cái đầu quay ra và con mắt trắng dã như thể đang cố nhìn lại mũi tên sáng lóa đã giết chết nó - con vật nằm nghiêng trên cái bóng phản chiếu của nó trong cái trật tự ám ảnh của nơi này trông có vẻ hoang dã hơn, xa lạ với con người hơn một chú hươu trong rừng.

Hai mắt người đàn ông mở ra, máu từ tuyến lệ chảy ra như nước mắt.

“Thật kỳ quặc khi thấy người và thú cùng với nhau,” bác sĩ Hollingsworth nói. “Tim của cả hai nặng chính xác bằng nhau.” Ông nhìn Starling thì thấy cô vẫn thản nhiên. “Có một chỗ khác biệt trên người đàn ông. Cô có thể thấy ở đây chỗ xương sườn ngăn phân ra từ xương sống và hai lá phổi nhô ra từ lưng. Nhìn như đôi cánh phải không?”

“Một con ó máu me,” Starling lẩm bẩm sau một hồi suy nghĩ.

“Tôi chưa từng thấy bao giờ.”

“Tôi cũng vậy,” Starling nói.

“Có một cụm từ gọi nó à? Cô đã gọi nói là gì nhỉ?”

“Con ó máu me. Sách ở Quantico có nói đến điều này. Đó là tục tế thần của Na Uy. Chặt xuyên qua xương sườn ngăn rồi kéo phổi ra đằng sau lưng, làm đẹp nó ra như thế để tạo thành đôi cánh. Có một gã tân Viking đã làm thế ở Minnesota hồi thập niên ba mươi.”

“Cô hẳn đã thấy thứ này nhiều rồi. Ý tôi không phải *cái này* mà là mấy thứ như vậy.”

“Vâng, thỉnh thoảng.”

“Nó nằm ngoài chuyên môn của tôi một chút. Chúng ta thấy rõ ràng đây là một vụ sát nhân - bị bắn và bị đâm, nhưng cô có muốn biết tôi nghĩ gì không?”

“Tôi rất muốn biết, thưa tiến sĩ.”

“Tôi nghĩ người đàn ông này, giấy chứng minh thư của hắn ghi là Donnie Barber, đã giết con hươu bất hợp pháp ngày hôm qua, trước khi mùa săn bắt đầu - tôi biết đó là thời điểm nó chết. Cái mũi tên đó phù hợp với những thứ còn lại trong thiết bị

cung tên của hắn. Hắn đã vội vàng xẻ con hươu. Tôi chưa làm xét nghiệm vết máu trên tay hắn nhưng đó là máu hươu. Hắn đang định lấy cái phần mà thợ săn hươu gọi là bít tết hươu và làm rất qua quýt, vết cắt nông nham nhở ở chỗ này. Rồi hắn bị kinh ngạc, như thể cái mũi tên này xuyên qua đầu hắn vậy. Cùng màu nhưng khác loại. Không có khác ở đuôi. Cô nhận thấy không?”

“Nhìn giống như là tên của nó,” Starling nói.

“Một người khác, có lẽ người mang nó, đã hoàn tất việc mổ con nai nhưng đã làm khéo hơn và rồi, Chúa ạ, hắn xẻ luôn người đàn ông ra. Nhìn xem việc lột da thật chính xác còn phản ánh ở đây, những vết cắt mới *quả quyết* làm sao. Không có gì bị hư hay bỏ phí. Michael DeBakey* cũng không thể làm tốt hơn thế. Không có dấu hiệu gì của việc xâm hại tình dục với cả hai. Chỉ đơn giản là mổ lấy thịt.”

Starling đặt khớp ngón tay lên môi. Trong một thoáng, nhà nghiên cứu nghĩ rằng cô đang hôn một tấm bùa hộ mạng.

“Tiến sĩ Hollingsworth, các lá gan có bị mất không?”

Sau một lát, ông vừa trả lời vừa nhìn chăm chăm vào cô qua cặp kính. “Gan *của con hươu* bị mất. Gan Barber rõ ràng là không đạt tiêu chuẩn. Nó bị cắt ra kiểm tra, có một vết cắt chỉ vừa dọc theo động mạch chính. Gan hắn bị xơ và đổi màu. Nó vẫn còn trong người, cô muốn xem không?”

“Không cần, cảm ơn. Còn tuyển ước thì sao?”

“Lá lách hả, phải, cả hai đều bị mất. Đặc vụ Starling chưa biết ai làm đúng không?”

“Chưa,” Starling nói. “Vẫn chưa.”

Một luồng gió thổi ra từ gian phòng kín, một người đàn ông gầy gò sương gió mặc áo phong thể thao bằng vải tuyết và quần ka ki đứng ngay lối ra.

“Cảnh sát trưởng, Carleton thế nào rồi?” Hollingsworth nói. “Đặc vụ Starling, đây là cảnh sát trưởng Dumas. Anh trai của cảnh sát trưởng đang ở trong phòng chăm sóc tim đặc biệt trên lầu.”

“Anh ấy đã thoát hiểm. Họ nói anh ấy đã ổn định, anh ấy được ‘bảo vệ’, theo nghĩa gì cũng được,” ngài cảnh sát trưởng nói. Ông gọi với ra ngoài, “Vào đây đi Wilburn.”

Ngài cảnh sát trưởng bắt tay Starling rồi giới thiệu người kia. “Đây là cảnh sát Wilburn Moody, anh ta là người gác khu cấm săn bắn.”

“Cảnh sát trưởng, nếu ông muốn ở gần anh trai mình, chúng ta có thể trở lên lầu,” Starling nói.

Cảnh sát trưởng Dumas lắc đầu. “Trong vòng một tiếng rưỡi nữa, họ sẽ không để cho tôi gặp anh ấy đâu. Không có ý gì đâu thưa cô, nhưng tôi đã gọi cho Jack Crawford. Ông ta có đến không?”

“Ông ấy bị kẹt ở tòa án. Khi ông gọi thì ông ấy đang cung cấp lời khai. Chắc ông ấy sẽ sớm gọi lại cho chúng ta thôi. Chúng tôi thật sự cảm kích vì ông đã gọi cho chúng tôi nhanh như vậy.”

“Ông thầy cũ Crawford dạy tôi ở Học viện Cảnh sát Quốc gia

Ở Quantico rất nhiều năm về trước. Một tay cừ khôi. Nếu ông ấy cử cô đến thì ắt hẳn cô phải biết làm gì. Cô muốn tiếp tục không?”

“Vâng, phiền ngài, ngài cảnh sát trưởng.”

Ngài cảnh sát trưởng lấy một cuốn sổ tay ra khỏi áo khoác. “Người bị mũi tên xuyên qua đầu là Donnie Leo Barber, ba mươi hai tuổi sống trong một xe tải ở công viên Trail’s End ở Cameron. Không tìm thấy hấn làm nghề gì. Giải ngũ khỏi lực lượng Không quân chẳng lấy gì làm vinh dự bốn năm về trước. Hấn có chứng chỉ nghề sửa chữa khung máy bay và điện máy bay của Cục Hàng không Liên bang. Thỉnh thoảng làm thợ sửa máy bay. Bị phạt nhẹ vì khai hỏa trong phạm vi thành phố, bị phạt vì tội xâm nhập mùa săn vừa rồi. Nhận tội săn trộm hươu ở hạt Summit, chuyện đó xảy ra khi nào Wilburn?”

“Cách đây hai mùa săn, hấn vừa mới có lại giấy phép. Hấn nổi tiếng khắp cục. Không thêm lần theo dấu vết sau khi bắn. Nếu nó không gục thì chờ con khác và... một lần...”

“Hãy kể lại những gì anh thấy hôm nay đi Wilburn.”

“À, vào tầm bảy giờ sáng nay tôi đang đi dọc theo đường 47 của hạt, khoảng hơn một ki lô mét về phía Tây của cây cầu thì ông già Peckman vẫy tôi lại. Ông ta đang thở dốc ôm lấy ngực. Tất cả những gì ông ta có thể làm là mấp máy mồm và chỉ về phía khu rừng bên kia. Tôi đi có lẽ không tới một trăm bốn mươi mét vào trong rừng rậm thì thấy cái tên Barber này nằm sõng soài dựa vào một gốc cây với một mũi tên xuyên qua đầu và con hươu đó bị một mũi tên cắm vào thân. Cả hai đều đã cứng ngắc ít nhất là từ hôm qua.”

“Tôi phải nói là sáng sớm hôm qua, lạnh như nó vốn vậy,” bác sĩ Hollingsworth nói.

“Mùa săn chỉ mới bắt đầu sáng *nay*,” người gác khu cấm săn bắn nói. “Cái gã Donnie Barber này có đem theo một cái bệ leo

cây mà hắn vẫn chưa gắn vào. Có vẻ như hắn tới đó hôm qua để chuẩn bị cho hôm nay, nếu không thì hắn đi săn trộm. Tôi không biết vì sao hắn lại đem theo cung tên nếu như chỉ tính gắn bệ leo cây. Chắc con hươu béo tốt này chạy đến và hắn không thể cưỡng lại được - tôi thấy người ta như vậy nhiều rồi. Hành vi này cũng thường thôi. Sau đó, một người khác tấn công hắn trong khi hắn đang xẻ thịt. Tôi không thể luận ra được gì từ dấu vết, có một trận mưa rất lớn ở đây và mặt đất mất dấu ngay sau đó...”

“Đó là lý do chúng tôi chụp một số hình ảnh rồi kéo xác đi,” cảnh sát trưởng Dumas nói. “Ông già Peckman sở hữu cánh rừng. Cái tên Donnie này có một hợp đồng thuê hợp pháp trong hai ngày bắt đầu từ hôm nay với chữ ký của Peckman trên đó. Peckman luôn bán một hợp đồng thuê mỗi năm, ông ta đã quảng cáo và gửi nó cho mấy cò mồi. Donnie cũng có một lá thư ở túi sau ghi *Xin chúc mừng. Bạn đã giành được hợp đồng thuê rừng săn hươu*. Giấy tờ bị ướt cô Starling ạ. Không phải có ác cảm gì với mấy người này, nhưng tôi thắc mắc không biết có nên lấy dấu vân tay của họ ở phòng hóa nghiệm của cô không. Mấy cái mũi tên nữa, toàn bộ đều bị ướt hết khi chúng tôi đến. Chúng tôi đã cố gắng không đụng vào chúng.”

“Cô có muốn đem những mũi tên này đi không, đặc vụ Starling? Cô muốn tôi lấy ra thế nào?” bác sĩ Hollingsworth hỏi.

“Ông hãy lấy kẹp giữ rồi cửa làm hai ở chỗ nó cắm vào thịt ở đầu có lông, rồi đẩy phần còn lại xuyên qua. Tôi sẽ cột vào tấm ván bằng dây thiếc.” Starling nói và mở va li ra.

“Tôi nghĩ là gã không đánh nhau đâu, nhưng cô có muốn lấy mẫu móng tay không?”

“Tôi muốn cắt móng để thử ADN. Không cần phải xác định là ngón nào, nhưng ông làm ơn để riêng ra từng ngón, thưa tiến sĩ.”

“Cô có làm kiểm tra PCR-STR* không?”

“Họ có thể làm trong phòng hóa nghiệm chính. Chúng tôi sẽ báo lại với ông trong vòng ba hay bốn ngày, cảnh sát trưởng.”

“Cô có thử máu con hươu được không?” ông gác khu cấm săn bắn Moody hỏi.

“Không, chúng tôi chỉ có thể xác định đó là máu thú,” Starling đáp.

“Nếu giả sử cô chỉ tìm thấy thịt hươu trong tủ lạnh của một người,” ông gác Moody nói. “Cô cần phải biết xem số thịt ấy có phải là của con hươu đó không, đúng không? Đôi lúc *chúng tôi* cần phải xác định từng con hươu bằng máu để theo vụ săn trộm. Mỗi một con hươu có máu khác nhau. Cô không nghĩ thế đúng không? Chúng tôi phải gửi mẫu máu tới Portland, Oregon, Sở Ngư nghiệp và Thú săn, họ có thể cho biết kết quả nếu như cô chờ được. Họ sẽ trả lời lại ‘Đây là con hươu số một’, họ sẽ nói thế, hoặc chỉ gọi là ‘Hươu A’ với một con số vụ án dài ngoằng, vì cô biết đấy, hươu làm gì có tên. Đó là những gì *chúng tôi* biết.”

Starling thích gương mặt dày dặn sương gió của Moody. “Ông Moody, chúng ta sẽ gọi con này là ‘John Doe’. Thông tin về Oregon rất hữu ích, có lẽ chúng tôi sẽ phải làm việc với họ, cảm ơn ông,” cô nói và mỉm cười cho đến khi mặt ông đỏ bừng lên, ông bèn lóng ngóng sờ nón.

Khi cô cúi đầu lục lọi trong túi, bác sĩ Hollingsworth để ý cô vì sự dễ chịu mà việc đó mang đến cho ông. Mặt cô sáng lên một

lúc khi nói chuyện với ông cụ Moody. Nốt ruồi duyên trên má cô nhìn giống như thuốc súng bị cháy. Ông muốn hỏi nhưng lại thôi.

“Ông bỏ giấy tờ vào cái gì vậy, không phải nhựa hả?” cô hỏi người cảnh sát trưởng.

“Túi giấy nâu. Một túi giấy nâu không bao giờ làm mất thứ gì.” Ngài cảnh sát trưởng xoa gáy và nhìn lên Starling. “Cô biết tại sao tôi gọi tới cơ quan cô không, tại sao tôi muốn Jack Crawford đến đây. Tôi rất vui vì cô đến bởi giờ đây tôi đã được biết cô là ai. Không ai nói ‘kẻ ăn thịt người’ ngoài căn phòng này vì bọn phóng viên sẽ giẫm bẹp khu rừng ngay khi điều đó lộ ra. Họ chỉ biết rằng đó có thể là một tai nạn săn bắn. Có lẽ họ nghe được là có một cái xác bị tung xẻo. Họ không biết rằng Donnie Barber bị xẻo để lấy thịt. Không có nhiều ‘kẻ ăn thịt người’ như vậy, đặc vụ Starling ạ.”

“Đúng thế ngài cảnh sát trưởng. Không có nhiều kẻ như vậy.”

“Đó thật sự là một tác phẩm gọn gàng kinh khủng.”

“Vâng thưa ngài, đúng vậy.”

“Có lẽ tôi nghĩ về hấn vì hấn đã lên báo quá nhiều. Cái này cô thấy có giống Hannibal Lecter không?”

Starling ngẩng một con nhện chân dài trốn ở ống của cái bàn mổ bỏ trống. “Nạn nhân thứ sáu của bác sĩ Lecter là một thợ săn bằng cung tên,” Starling nói.

“Hắn có ăn gà không?”

“Người đó hả, không. Hắn treo gà ta trên một bức tường với lỗ chỗ thương tích trên người. Hắn để cho gà ta trông như bức

minh họa y học thời Trung cổ gọi là *Người đàn ông bị thương*. Hẳn thích đồ Trung cổ.”

Nhà nghiên cứu bệnh học chỉ vào lá phổi bị kéo ra sau lưng Donnie Barber. “Cô nói đây là một nghi lễ cổ.”

“Tôi nghĩ vậy,” Starling nói. “Tôi không biết có phải bác sĩ Lecter làm không. Nếu hắn đã làm thì miếng thịt xẻ ra không dùng làm vật tế thần - sự sắp xếp này không mang tính bắt buộc đối với hắn.”

“Vậy thì là cái gì?”

“Thật kỳ quái,” cô nói và nhìn quanh xem mình đã dùng đúng từ chưa. “Điều này thật *kỳ quái*, và đó chính là thứ làm cho hắn bị bắt lần trước.”

CHƯƠNG 59

PHÒNG xét nghiệm ADN còn mới, có mùi rất mới và đám nhân viên trẻ hơn Starling. Đó là việc cô phải làm quen, cô nghĩ mà thấy nhói lòng - không lâu nữa cô sẽ già thêm một tuổi.

Người phụ nữ trẻ có bảng tên đề A. BENNING ký nhận hai mũi tên Starling đem đến.

Chắc hẳn A. Benning đã gặp những thứ tồi tệ khi nhận vật chứng. Điều này lộ rõ qua cái thở phào của cô khi nhìn thấy hai mũi tên được cột cẩn thận bằng dây thiếc xoắn trên bảng vật chứng của Starling.

“Cô sẽ không muốn biết những thứ mà thỉnh thoảng tôi nhìn thấy khi mở mấy cái đồ này ra đâu,” A. Benning nói. “Cô phải hiểu rằng tôi không thể nói với cô những câu như là: chỉ trong năm phút...”

“Không đâu,” Starling nói. “Không có đối chiếu của bản đa hình chiều dài đoạn cắt giới hạn của bác sĩ Lecter. Hẳn đã trốn thoát quá lâu rồi, các vật chứng đã bị quấy nhiễu và qua tay cả trăm người.”

“Thời gian xét nghiệm rất quý giá nên không thể thử tất cả các mẫu, như là bốn mươi sợi tóc từ một phòng trọ chẳng hạn. Nếu như cô đem đến cho tôi...”

“Hãy nghe tôi trước đã,” Starling cắt ngang, “rồi cô nói sau. Tôi đã yêu cầu Questura ở Ý gửi cho tôi cái bàn chải đánh răng mà họ nghĩ là của bác sĩ Lecter. Cô có thể lấy tế bào biểu mô má từ đó. Hãy thử cả kiểm tra đa hình chiều dài đoạn cắt giới hạn và tế bào kép ngắn lặp lại trên đó. Cái mũi tên này đã bị ướt mưa, tôi nghĩ là cô sẽ không thu lượm được gì nhiều, nhưng nhìn đây...”

“Xin lỗi, tôi nghĩ rằng cô không hiểu...”

Starling gượng cười. “Đừng lo A. Benning, chúng ta sẽ làm tốt thôi. Nhìn xem, cả hai mũi tên đều màu vàng. Mũi tên nỏ màu vàng vì được sơn bằng tay, không xấu lắm nhưng vẫn có vết. Cô xem này, dưới lớp sơn nhìn giống cái gì?”

“Có lẽ là một sợi lông của cây cọ?”

“Có lẽ. Nhưng hãy nhìn xem một đầu nó cong như thế nào còn một đầu lại có hạt nhỏ tròn tròn. Nếu như nó là lông mi thì sao?”

“Nếu nó có nang lông...”

“Đúng rồi.”

“Này, tôi có thể thử thí nghiệm phản ứng khuếch đại gien-tế bào kép ngắn lặp lại - ba màu trên một bản gel và cho cô ba vùng ADN một lúc. Tòa án đòi mười ba vùng nhưng chỉ vài ngày thôi là đủ để biết khá rõ có phải là hấn không.”

“A. Benning, tôi biết là cô có thể giúp tôi mà.”

“Cô Starling. Ý tôi là đặc vụ Starling. Lúc đầu tôi không có ý gây khó khăn đâu. Tôi đã thấy rất nhiều vật chứng kém chất lượng cảnh sát gửi đến. Không có liên quan gì đến cô đâu.”

“Tôi biết.”

“Tôi cứ nghĩ là cô phải lớn tuổi hơn. Tất cả bọn con gái - phụ nữ đều biết về cô. Ý tôi là mọi người đều biết nhưng cô thuộc loại...” A. Benning nhìn đi chỗ khác, “thuộc loại đặc biệt đối với chúng tôi.”

A. Benning giơ ngón cái nhỏ mồm mĩm lên. “Chúc may mắn với những Người Khác. Nếu cô không ngại tôi nói thế?”

CHƯƠNG 60

QUẢN GIA của Mason Verger, Cordell, là một người đàn ông cao to với những nét quá khổ, gã có lẽ sẽ đẹp trai hơn nếu nét mặt sinh động hơn. Gã ba mươi bảy tuổi và không thể tiếp tục làm việc trong ngành y tế ở Thụy Sĩ hay có công việc nào gần gũi với trẻ con ở đó.

Mason trả cho gã một khoản lương lớn để coi sóc chái nhà của hắn và nhận trách nhiệm chăm sóc phục vụ hắn ăn uống. Hắn thấy Cordell tuyệt đối đáng tin và có thể làm bất cứ gì. Cordell đã trông thấy những hành động dã man trên phim khi Mason thẩm tra mấy đứa trẻ - hành động có thể làm cho bất kỳ người nào phải tức giận hay chảy nước mắt.

Hôm nay Cordell hơi lo lắng về điều duy nhất thiêng liêng đối với gã, tiền.

Gã gõ hai tiếng quen thuộc lên cửa rồi vào phòng Mason. Căn phòng tối đen như mực trừ bề cá phát sáng. Biết gã ở đó, con lươn trồi lên từ cái lỗ của nó, trông đợi.

“Ông Verger?”

Một lúc sau, Mason mới tỉnh.

“Tôi cần phải nói với ông vài điều. Tuần này, tôi phải trả thêm ở Baltimore cho một người chúng ta đã nói đến lúc trước. Không có gì khẩn cấp nhưng nếu thận trọng thì nên làm. Đứa

trẻ da đen Franklin đó đã ăn phải thuốc chuột và đang trong tình trạng *nguy kịch* từ đầu tuần này. Nó nói với mẹ nuôi của nó rằng chính ông đã bảo nó đầu độc con mèo của nó để cảnh sát khỏi hành hạ nó. Vì thế, nó đưa con mèo cho một người hàng xóm và tự mình uống thuốc chuột.”

“Thật vô lý,” Mason nói. “Tôi không liên quan gì đến chuyện này.”

“Dĩ nhiên là chuyện rất vô lý, ông Verger.”

“Ai khiếu nại vậy, người đàn bà đã trao cho anh đứa trẻ phải không?”

“Bà ta là người phải được trả tiền ngay.”

“Cordell, anh không có dính gì đến thằng nhãi ranh đó chứ? Ở bệnh viện, họ không tìm thấy gì trong người nó đúng không? Tôi sẽ tìm ra, anh biết đấy.”

“Không thưa ông, ở nhà của ông ư? Không bao giờ, tôi thề. Ông biết đấy, tôi không phải thằng ngu. Tôi yêu công việc của tôi.”

“*Franklin* ở đâu?”

“Bệnh viện Maryland-Misericordia. Khi ra viện, nó sẽ đến một nhà tập thể. Ông biết đấy, người đàn bà nó sống cùng bị loại khỏi danh sách cha mẹ đỡ đầu vì hút ma túy. Bà ta là người khiếu nại ông. Có lẽ chúng ta sẽ phải điều đình với bà ta.”

“Con nghiện à, sẽ không khó giải quyết đâu.”

“Bà ta không có ai mà dựa dẫm. Tôi nghĩ bà ta cần giải quyết thật trọng. Khéo léo mềm mỏng. Tên nhân viên phúc lợi muốn bà ta câm họng.”

“Tôi sẽ cân nhắc việc đó. Cứ tiến hành trả cho tên nhân viên phúc lợi.”

“Một ngàn đô la hả?”

“Chỉ cần đảm bảo rằng bà ta biết đó là tất cả những gì bà ta có thể nhận được.”

Nằm trên cái trường kỷ của Mason trong bóng tối, hai má cứng đờ vì nước mắt đã khô, Margot Verger nghe Cordell nói chuyện. Ả đã cố gắng lý luận với Mason trong khi hắn thiếp đi. Rõ ràng Mason nghĩ là ả đã đi khỏi. Ả mở miệng thở thật khẽ, cố gắng canh hơi thở trùng với tiếng hít xì xì của máy hô hấp. Một vệt sáng xám xịt trong phòng khi Cordell rời khỏi. Margot nằm bẹp trên trường kỷ. Ả chờ gần như hai mươi phút đến khi cái bơm đều đều trong nhịp điệu giấc ngủ của Mason trước lúc rời khỏi phòng. Con lươn thấy ả đi nhưng Mason thì không.

CHƯƠNG 61

MARGOT VERGER và Barney đã chơi với nhau. Không nói nhiều nhưng cả hai đã xem đá bóng trong phòng giải trí, phim *Gia đình Simpson* và nghe nhạc giao hưởng trong chương trình giáo dục trên ti vi rồi cùng theo dõi xê ri phim *I, Claudius*. Khi ca làm việc của Barney làm cho anh lờ vài tập thì họ lại thuê đĩa về xem.

Margot thích Barney, thích cái cách anh xem ả là một gã đàn ông. Anh là người duy nhất ả biết cử khôi đến thế. Barney rất thông minh và ở anh có cái gì đó hơi khác người. ả cũng thích điều đó nữa.

Margot được đào tạo bài bản về nhân văn cũng như khoa học máy tính. Barney tự học và có cả những ý kiến trẻ con lẫn sâu sắc. ả có thể đưa ngữ cảnh cho anh. Hiểu biết của Margot là một miền đồng bằng bao la mở rộng, được lý trí phân định rạch ròi. Nhưng miền đồng bằng ấy nằm trên đỉnh trí năng của ả như thế giới của anh chàng tin rằng trái đất hình đĩa nằm trên lưng rùa.

Margot Verger bắt Barney trả tiền cho trò ngồi xổm tè. ả tin là chân mình mạnh hơn chân anh và thời gian đã chứng minh ả đúng. Bằng cách giả vờ có tật phần dưới, ả dụ anh cá cược cử tạ chân và thắng lại một trăm đô. Ngoài ra, lợi dụng việc mình nhẹ cân, ả đánh bại anh khi thi lên xà bằng một tay nhưng ả chỉ cá

tay phải, bởi tay trái ả yếu hơn do chấn thương từ nhỏ trong một lần đánh nhau với Mason.

Thỉnh thoảng vào ban đêm, sau khi ca làm việc của Barney với Mason kết thúc, họ tập thể thao với nhau, chấp nhau trên băng ghế cử tạ. Đó là buổi tập luyện nghiêm chỉnh, im lặng hoàn toàn ngoại trừ tiếng thở. Đôi lúc họ chỉ chào tạm biệt trong khi ả xếp giỏ tập rồi mất hút về phía khu nhà gia đình, ra khỏi giới hạn của nhân viên.

Đêm nay, ả bước vào phòng tập màu đen có mái vòm thẳng từ phòng Mason mà mặt đầy nước mắt.

“Ê, ê,” Barney nói. “Cô không sao chứ?”

“Chỉ là mấy chuyện buồn trong nhà thôi, tôi có thể nói được gì đây? Tôi ổn cả.” Margot nói.

Ả tập như một con quỷ, quá nhiều cân, quá nhiều vòng.

Chợt, Barney tiến lại lấy một quả tạ ra và lắc đầu. “Cô sẽ phá tan thứ gì đó mất,” anh nói.

Ả vẫn còn đập thành thịch trên xe khi anh đã nghỉ tập và đứng dưới vòi sen bốc hơi của phòng tập, để cho nước nóng chảy từ từ xuống cống. Đó là một vòi sen công cộng với bốn vòi trên đầu cùng vài vòi gắn thêm ở tầm thắt lưng và đùi. Barney thích bật hai vòi và tụ tía nước lại trên thân người to lớn của anh.

Không lâu sau, Barney đã bị bao bọc bởi một màn sương dày che hết mọi thứ trừ nước gội xuống đầu. Barney thích suy ngẫm trong lúc đang tắm. Những đám mây hơi nước. *Những đám mây*. Aristophanes*. Bác sĩ Lecter đã giảng giải về con thần lẩn tè vào Socrates. Ý nghĩ chợt đến với anh rằng, trước khi anh

được rèn đúc dưới cây búa lý luận gay gắt của bác sĩ Lecter, một kẻ như Doemling đã có thể đẩy anh qua chỗ khác.

Khi nghe thấy tiếng một vòi nước nữa chảy, anh không mấy chú ý và tiếp tục cọ người. Những nhân viên khác dùng phòng tập nhưng phần lớn là vào sáng sớm hay chiều muộn. Đó là phép xã giao của nam giới, không chú ý nhiều đến người đang tắm khác trong một phòng tắm thể thao công cộng. Nhưng Barney thắc mắc đó là ai. Anh hy vọng không phải là Cordell - kẻ vốn làm anh thấy rùng mình. Hiếm có ai đó khác dùng chỗ này vào ban đêm. Đứa quái nào đây? Barney quay người cho nước xối vào sau cổ. Đám hơi nước, những mảnh của con người kế bên anh xuất hiện giữa sóng nước như những mảnh của bức bích họa trên bức tường bị tróc. Đây một bờ vai đồ sộ, kia là chân. Một bàn tay đẹp chà cái cổ và đôi vai cơ bắp, móng tay màu cam, đó là bàn tay của Margot. Kia là những ngón chân son màu. Là chân của Margot.

Barney lại cúi đầu vào dòng nước xối xả và hít một hơi sâu. Bên cạnh, cái bóng xoay người, chà sát người đầu vào đấy. Ắ đang gội đầu. Đó là sườn bụng của Margot. Bầu ngực nhỏ trên cơ ngực to lớn, núm vú nhô ra phía tia nước phun. Đó là háng của Margot, lôm vào ở khớp nối giữa mình và đùi, và đó phải là âm hộ của Margot, bao quanh là một vòng lông được tỉa tót màu vàng. Barney hít một hơi sâu hết mức có thể và giữ lấy... anh cảm thấy trong anh có vấn đề. Ắ đang tỏa sáng như một con ngựa được căng phòng hết mức vì tập luyện quá sức. Khi sự hứng thú của Barney tăng lên rõ ràng, anh quay lưng về phía ả. Có lẽ anh có thể phớt lờ cho đến khi ả đi khỏi.

Vòi nước kể bên ngừng chảy. Nhưng tiếng ả vọng lên. “Ê, Barney, điểm chênh lệch dự đoán của Patriots là bao nhiêu đấy?”

“Vói... với anh chàng của tôi, cô có thể ăn đứt Miami và năm điểm rưỡi.”

Anh nhìn qua vai.

Ả đang lau người ngay sau màn nước của Barney. Tóc ả ộp xuống. Khuôn mặt giờ nhìn tươi tỉnh và nước mắt đã khô ráo. Margot có làn da tuyệt đẹp.

“Vậy anh sẽ cá độ chứ?” ả nói. “Cái cuộc đánh cá ở văn phòng của Judy...”

Barney không thể chú ý đến những thứ còn lại. Lộn lông của Margot lấp lánh những giọt nước bao quanh bởi màu hồng. Mặt Barney nóng lên và anh đang cương cứng. Anh bối rối lo lắng. Cái cảm giác đông cứng đó. Anh chưa từng bị đàn ông hấp dẫn bao giờ. Nhưng Margot với những cơ bắp rõ ràng không phải là đàn ông và anh thích ả.

Cái quái quỷ gì xảy ra với anh trong lúc tầm thế này?

Anh tắt vòi nước và đối mặt với ả lúc này đang ướt sũng. Đầu óc trống rỗng, anh đặt bàn tay to lên má ả. “Vì Chúa, Margot,” anh nói, hơi thở đặc trong cổ.

Ả nhìn xuống phía anh. “*Mẹ kiếp* Barney. Dừng...”

Barney vươn cổ cúi về trước cổ hôn thật nhẹ lên mặt mà không chạm dương vật vào người ả nhưng nó vẫn chạm phải. Ả lúi lại nhìn xuống dòng chất lỏng trong giữa anh và bụng ả. Ả đẩy bộ ngực rộng của anh bằng cẳng tay to như một trung vệ

bóng bầu dục. Đôi chân anh khuyu xuống và anh ngồi phịch xuống sàn phòng tắm.

“Đồ khốn nạn,” ả rít lên, “đáng lẽ tao phải biết. Đồ lại cái! Lấy cái đó và nhét nó vào...”

Barney lồm cồm bò dậy, đi ra khỏi phòng tắm, mặc bộ đồ ướt vào và rời phòng tập mà không nói một lời.

Chỗ ở của Barney ở trong một tòa nhà tách biệt, một chuồng ngựa cũ mái ngói giờ là một ga ra có phòng trên mái xép. Đêm đã khuya, anh ngồi gõ máy tính xách tay, học một khóa viết thư trên mạng. Anh cảm thấy nền nhà rung lên vì có một người nặng nề đang bước lên cầu thang.

Có tiếng gõ cửa nhẹ. Khi anh mở ra, Margot đang đứng đó lúng búng, mồ hôi vã ra dưới cái nón len.

“Tôi vào một lát được không?”

Barney nhìn xuống chân một lát rồi tránh khỏi cửa.

“Barney. Ê, tôi xin lỗi về chuyện trong phòng tập,” ả nói. “Tôi thực sự hoảng quá. Ý tôi là tôi đã phá đám và rồi tôi hoảng lên. Tôi muốn là bạn.”

“Tôi cũng vậy.”

“Tôi nghĩ là chúng ta sẽ, anh biết đấy, là bạn bè.”

“Coi *nào* Margot. Tôi nói chúng ta là bạn nhưng tôi không phải một thằng hoạn quan chó chết. Cô vào cái phòng tắm chết tiệt với tôi. Với tôi, cô trông thật xinh đẹp. Tôi không dừng được. Cô vào phòng tắm mà không mặc gì và tôi thật sự *thích* khi nhìn thấy hai thứ cùng một lúc.”

“Tôi và một cái âm hộ,” Margot nói.

Thật ngạc nhiên, cả hai cùng cười lớn với nhau.

Ả tiến lại ôm chầm lấy anh chặt đến nỗi nếu là một người ít dẻo dai hơn thì hẳn đã bị đau rồi. “Nghe này, nếu là đàn ông thì nhất định phải là anh. Nhưng đó không phải là thứ của tôi. Thật sự là không. Không phải bây giờ, không bao giờ.”

Barney gật đầu. “Tôi biết điều đó. Tự nhiên nó bộc phát thôi.”

Họ đứng yên một lúc mà ôm nhau.

“Anh có muốn cố gắng làm bạn bè không?” ả hỏi.

Anh nghĩ một lúc. “Có chứ. Nhưng cô phải giúp tôi một chút. Đây là thỏa thuận: tôi sẽ cố quên những gì đã thấy trong phòng tắm và cô đừng cho tôi thấy nó nữa. Cũng đừng cho tôi thấy ngực vú gì nữa. Sao, thế nào?”

“Tôi có thể là một người bạn tốt, Barney. Đến nhà tôi ngày mai nhé. Tôi và Judy cùng nấu.”

“Ừ nhưng có lẽ cô không nấu ngon hơn tôi đâu.”

“Thử xem,” Margot nói.

CHƯƠNG 62

BÁC SĨ Lecter giở chai Château Pétrus lên ánh sáng. Một ngày trước, hắn đã để nó thẳng đứng và lật ngược lại phòng khi bị chặn. Nhìn đồng hồ, hắn quyết định đã đến lúc mở rượu.

Đây là điều bác sĩ Lecter xem là sự mạo hiểm nghiêm trọng hơn những gì hắn muốn liều. Hắn không muốn vội vàng. Hắn muốn tận hưởng màu rượu trong bình pha lê. Nếu như sau khi bật nút chai quá sớm hắn lại không muốn chút mùi thiêng liêng nào bị mất đi thì sao? Ánh đèn soi thấy một chút chặn.

Cẩn trọng, hắn mở nút chai như khoan một hộp sọ rồi để rượu trong một đồ rót điều khiển bằng một tay quay và con vít làm cái chai nghiêng từng chút một. Hãy để mùi mặn của biển làm việc của nó rồi hắn sẽ quyết định sau.

Hắn nhóm lửa bằng những khúc than hoa ngổn ngang và tự nấu ít nước, rượu khai vị Lillet và một lát cam để trên đá trong khi hắn ngẫm nghĩ về thứ *fond** hắn đã kỳ công làm trong nhiều ngày. Bác sĩ Lecter đã theo sự chỉ dẫn đầy cảm hứng của Alexandre Dumas để tạo thứ nước xúp này. Chỉ ba ngày trước đây, ngay sau khi trở về từ khu rừng cho thuê săn hươu, hắn đã bỏ thêm một con quạ béo nhồi đầy dâu rừng vào nồi xúp. Những con vịt nhỏ màu đen bởi trên mặt nước phẳng lặng của

bờ vịnh. Con đầu đàn hấn để dành làm móng gảy cho cây đàn clavico của mình.

Giờ bác sĩ Lecter đang nghiền mấy quả dâu rừng và bắt đầu đun hẹ trong chảo đồng. Bằng một nút phẫu thuật* gọn gàng, hấn buộc sợi dây vải quanh bó rau thơm tươi và mức nước xúp vào chảo.

Bác sĩ Lecter gấp từ bình men sậm màu lên một miếng thịt thăn, nước ướp nhiều từng giọt. Hấn vẩy cho khô, gấp phần đầu nhọn vào rồi cột lại để miếng thịt trông tròn trịa.

Lửa đun vừa đúng lúc, khoảng không cách đồng than cháy một bước chân nóng rực. Miếng thịt kêu xèo xèo trên thanh sắt nóng và khói xanh bay thành cuộn ra vườn. Làn khói như chuyển động theo tiếng nhạc trên loa của bác sĩ Lecter. Hấn đang mở bản nhạc cảm động của Henry VIII, *Nếu tình yêu thật sự lên ngôi*.

Vào lúc đêm khuya, trên môi dính màu rượu Chateau Pétrus đỏ, ly pha lê nhỏ mang màu mật ong của rượu Chateau d'Yquem để trên chân nến, bác sĩ Lecter chơi nhạc của Bach. Trong đầu hấn, Starling đang chạy băng qua đám lá. Đằng trước cô, con hươu bắt đầu chạy lên sườn đồi băng qua chỗ hấn đang ngồi im lặng. Chạy, chạy, hấn đã vào khúc thứ hai của *Các biến khúc Goldberg*. Ánh nến nhảy nhót trên hai bàn tay đang di chuyển của hấn - một vết khâu trong tiếng nhạc, hình ảnh thoáng hiện của mặt tuyết máu me và hàm răng dơ bẩn, lần này chỉ có một hình ảnh mất hút cùng với một âm thanh đặc biệt, một tiếng *thịch* chắc nịch, tiếng mũi nổ xuyên qua hộp sọ - rồi chúng ta lại

thấy khu rừng xinh đẹp và tiếng nhạc trôi chảy, Starling phủ trong thứ ánh sáng như phấn hoa đang chạy khỏi tầm mắt, cái đuôi ngựa của cô lúc lắc như đuôi một chú hươu. Không hề ngừng lại, hắn chơi cho hết khúc nhạc, sau đó bao trùm là sự im lặng ngọt ngào đặc quánh như rượu Château d'Yquem.

Bác sĩ Lecter giờ ly dưới ánh nến. Ánh nến lóa phía sau nó như ánh mặt trời lấp loáng trên mặt nước. Rượu có màu của mặt trời mùa đông chiếu trên làn da của Clarice Starling, sắp tới ngày sinh nhật của cô, tay bác sĩ nhớ lại. Hắn ngẫm nghĩ không biết có còn chai Château d'Yquem nào sản xuất vào năm sinh của cô. Có lẽ một món quà đang được đặt hàng cho Clarice Starling, người trong ba tuần nữa sẽ sống lâu như đức Chúa.

CHƯƠNG 63

TRONG lúc bác sĩ Lecter nâng ly rượu dưới ánh nến thì A. Benning đang ở lại trễ trong phòng xét nghiệm ADN, nâng bản gel mới nhất lên ánh sáng và nhìn vào những đường điện di có những chấm đỏ, xanh và vàng. Mẫu thử là tế bào biểu mô từ bàn chải đánh răng đem từ bảo tàng Biệt điện Capponi trong một túi ngoại giao của Ý.

“Ừmmm ừmm ừmm,” cô nói và gọi số của Starling ở Quantico. Eric Pickford trả lời máy.

“Xin chào, làm ơn cho tôi nói chuyện với Clarice Starling.”

“Cô ấy về rồi, tôi đang trực ca. Tôi có thể giúp gì cô không?”

“Anh có số máy nhắn tin của cô ấy không?”

“Máy cô ấy đang bận. Cô muốn nói gì?”

“Anh làm ơn báo cho cô ấy là Benning từ phòng xét nghiệm ADN gọi đến. Làm ơn báo cho cô ấy là bàn chải và cái lông mi lấy trên mũi tên trùng khớp với nhau. Là của bác sĩ Lecter. Và nói cô ấy gọi cho tôi.”

“Cho tôi số đuôi điện thoại văn phòng của cô đi. Chắc chắn rồi. Tôi sẽ báo với cô ấy ngay bây giờ. Cảm ơn.”

Máy nhắn tin của Starling không hề bận. Pickford gọi cho Paul Krendler đang ở nhà.

Thấy Starling không gọi đến phòng xét nghiệm cho mình, A. Benning hơi thất vọng. A. Benning đã làm thêm nhiều giờ. Cô về nhà rất lâu rồi Pickford mới gọi cho Starling.

Mason biết tin trước Starling một tiếng đồng hồ.

Hắn ngắn gọn nói với Paul Krendler một cách từ tốn để còn thở được. Đầu óc hắn rất tỉnh táo.

“Tôi lúc phải để Starling xuất hiện trước khi họ chủ động để cô ta ra làm mồi. Hôm nay là thứ Sáu, anh có ngày cuối tuần để làm việc này. Hãy bắt đầu đi, Krendler. Báo cho đám người Ý về mẫu quảng cáo để lôi cô ta ra ngoài. Đã đến lúc để cô ta đi. Này Krendler...”

“Tôi mong là chúng ta có thể chỉ...”

“Cứ làm đi và khi anh nhận được cái bưu thiếp ảnh nữa từ Caymans, sẽ có một con số mới viết bên dưới con tem.”

“Được rồi, tôi sẽ...” Krendler vừa nói thì liền nghe tiếng bíp điện thoại.

Cuộc nói chuyện ngắn ngủi mệt mỏi một cách bất thường đối với Mason.

Cuối cùng, trước khi chìm vào giấc ngủ vừa bị phá vỡ, hắn gọi Cordell đến và bảo gã, “Hãy chuyển bày lộn đến.”

CHƯƠNG 64

DI CHUYỂN một con lợn bán hoang dã còn khó khăn hơn là bắt cóc một người. Lợn khó giữ hơn người, những con lợn thì mạnh hơn cả người mà lại không thể hăm dọa chúng bằng súng. Bên cạnh đó còn phải coi chừng răng nanh nếu như muốn giữ toàn vẹn cái bụng và đôi chân.

Theo bản năng, những con lợn có răng nanh sẽ moi ruột khi tấn công những loài đứng thẳng như người và gấu. Chúng không tự nhiên biết cắt gân chân nhưng có thể học cái đó rất nhanh.

Nếu muốn giữ cho con vật còn sống thì không thể chích điện, lợn rất dễ chết vì chứng tắc động mạch vành.

Carlo Deogracias, chủ nhân của lũ lợn, kiên nhẫn như cá sấu. Hắn đã từng thử nghiệm gây mê thú bằng cách dùng cùng loại thuốc acepromazine mà hắn định dùng với bác sĩ Lecter. Giờ hắn đã biết chính xác cần bao nhiêu thuốc để làm cho một con lợn rừng một trăm cân chìm hòng và khoảng cách giữa các liều như thế nào mới giữ cho nó chìm hòng lâu đến mười bốn tiếng đồng hồ mà không để lại hậu quả.

Vì công ty của nhà Verger là một công ty xuất nhập khẩu thú quy mô lớn và là một đối tác có uy tín với Bộ Nông nghiệp trong những chương trình thử nghiệm lai giống nên việc di chuyển lũ

lợn của Mason trở nên dễ dàng. Đơn dịch vụ thú y 17-129 được fax đến Cục Kiểm tra Y tế Động Thực vật ở Riverdale, Maryland, theo yêu cầu cùng với tờ khai thú y từ Sardinia và 39,5 đô la phí sử dụng cho năm mươi ống tinh dịch đông lạnh mà Carlo muốn mang theo.

Giấy phép cho lợn và tinh dịch gửi qua fax hồi đáp cùng với giấy miễn kiểm dịch phía Tây theo lệ thường cho lợn và một tờ xác nhận rằng một nhân viên kiểm định tại chỗ sẽ kiểm định lũ lợn tại sân bay quốc tế Baltimore-Washington.

Carlo và hai tên trợ lý của hắn, anh em Piero và Tommaso Falcione, xếp những cái lồng với nhau. Đó là những cái lồng hảo hạng với cửa trượt ở mỗi đầu và đệm lót chứa cát. Vào phút cuối, bọn chúng cũng nhớ mang theo cái gương thổ tả. Có gì đó ở cái khung gương hoa hòe hoa sỏi quanh hình ảnh lũ lợn làm Mason hứng thú với nhiếp ảnh.

Một cách cẩn thận, Carlo chích mười sáu con lợn: năm con lợn đực nuôi trong cùng một chuồng và mười một con lợn nái trong đó có một con đang chữa và không con nào trong thời kỳ động dục. Khi chúng đã bất tỉnh, hắn kiểm tra lại thật cẩn thận. Hắn dùng ngón tay thử hàm răng sắc nhọn và đầu những răng nanh lớn của chúng. Hắn giữ những cái mặt khùng khiếp của chúng trong tay, nhìn vào những con mắt tí xíu đờ đẫn và lắng nghe để cho chắc rằng hô hấp của chúng bình thường, rồi buộc mấy cái cổ chân nhỏ thanh nhã của chúng lại. Sau đó, hắn kéo chúng trên miếng ván vào trong lồng và kéo cửa lại.

Mấy chiếc xe tải rên rĩ đi từ núi Gennargentu xuống Cagliari. Chờ sẵn ở sân bay là một chiếc phản lực chở hàng của hãng Count Fleet Airlines chuyên chở ngựa đua. Máy bay này thường

chở ngựa của Mỹ đi về từ những cuộc đua ở Dubai. Nó đang chở một con ngựa sẽ được đón ở Rome. Con ngựa không chịu đứng yên lúc người thấy đàn lợn có mùi hoang dại. Nó hí lên và đá vào cái lồng kín được lót đệm cho đến khi nhân viên phải cho nó xuống và bỏ ở đó, việc này còn tốn nhiều tiền của Mason về sau. Hắn phải vận chuyển con ngựa về nhà cho chủ nó và trả tiền bồi thường để tránh kiện tụng.

Carlo và trợ lý của hắn ở chung với bầy lợn trên khoang hàng hóa điều áp. Cứ mỗi nửa tiếng trên mặt biển nhấp nhô, Carlo lại thăm từng con lợn một, đặt tay lên phần có lông của chúng và nghe nhịp đập của những trái tim hoang dại.

Ngay cả khi chúng đang khỏe và đói là thì cũng không thể trông đợi mười sáu con lợn ăn thịt nguyên cả bác sĩ Lecter trong một bữa. Chúng phải mất một ngày mới ăn hết hoàn toàn gã làm phim.

Ngày đầu tiên, Mason muốn bác sĩ Lecter xem chúng ăn hai chân của chính hắn. Lecter sẽ được truyền dịch để duy trì qua đêm và chờ đợi đợt kế tiếp.

Mason đã hứa sẽ cho Carlo gặp hắn một tiếng trong lúc chờ.

Trong đợt thứ hai, lũ lợn sẽ ăn thịt hắn hoàn toàn và sẽ ngấu nghiến hết phần bụng và mặt trong vòng một tiếng, đó là lúc ca đầu tiên của mấy con lợn to nhất và con nái đang chữa kết thúc no say và ca thứ hai bắt đầu. Đến lúc đó thì cuộc vui cũng kết thúc.

CHƯƠNG 65

BARNEY chưa bao giờ vào chuồng ngựa. Anh vào bằng cửa hông dưới mấy dãy ghế bao quanh ba mặt một sân khấu cũ. Ngoài tiếng của mấy con bò câu trên xà, sân khấu vắng tanh và yên ắng vẫn còn giữ một không khí trông đợi. Phía sau chỗ đứng của những người đấu giá là một chuồng ngựa mở. Hai cánh cửa lớn mở ra chái chuồng và phòng chứa đồ.

Nghe thấy tiếng động, Barney gọi to, “Xin chào.”

“Trong phòng chứa đồ, Barney, vào đây đi.” Giọng nói trầm trầm của Margot.

Phòng chứa đồ là một nơi vui nhộn, treo đầy những còng kéo xe và những yên cương nhiều kiểu dáng thanh nhã. Có mùi da thuộc. Ánh mặt trời ấm áp từ mấy ô cửa sổ bụi bặm ngay dưới mái hiên chiếu vào làm bốc lên mùi da, mùi cỏ khô. Góc xép chạy dọc theo một bên tường mở vào vựa cỏ khô của chuồng ngựa.

Margot đang nhặt mấy cái bàn chải ngựa và vài dây cương lên. Tóc ả nhợt hơn cả cỏ khô. Mắt ả xanh như dầu kiểm dịch trên thịt.

“Chào,” Barney lên tiếng ngay từ cửa. Anh thấy gian phòng có chút giả tạo, được sắp xếp cho lũ trẻ đến thăm. Chiều cao và ánh

sáng chiếu từ những ô cửa sổ cao xiên vào làm cho nó trông như một nhà thờ.

“Chào Barney. Chờ lát rồi khoảng hai mươi phút nữa chúng ta sẽ dùng bữa nhé.”

Tiếng của Judy Ingram vọng ra từ gác xép bên trên. “Barneeeeeey. Chào buổi sáng. Chờ xem anh sẽ được ăn gì vào bữa trưa nhé! Margot, cô có muốn ăn thử ở ngoài không?”

Mỗi thứ Bảy, Margot và Judy lại chải lông những con ngựa con Shetlands mập mạp đầy màu sắc để cho bọn trẻ đến thăm cười. Họ luôn mang theo bữa trưa.

“Hãy thử mé phía Nam chuồng ngựa, trong ánh nắng,” Margot nói.

Mọi người đều có vẻ hơi quá vui tính. Một người đã quá quen với bệnh viện như Barney biết rõ rằng sự vui tính thái quá không chứng tỏ là những người vui tính.

Phòng chứa đồ bị chiếm hữu bởi một cái sọ ngựa treo cao hơn một chút so với đầu người trên tường, dây cương và đồ che mắt vẫn còn đeo trên đó và trùm bằng vải trùm lưng ngựa đua của nhà Verger.

“Đó là con Bóng Lướt đã thắng trận Lodgepole Stakes vào năm 52, con ngựa duy nhất của cha tôi thắng trận,” Margot nói. “Nó quá rẻ tiền nên không được nhồi bông.” Ả nhìn lên cái sọ. “Rất giống Mason phải không?”

Có một quạt sưởi và ống bể ở góc, Margot đã lấy than nhóm một ngọn lửa nhỏ để chống lạnh. Trên ngọn lửa là một nồi như nồi xúp.

Một bộ dụng cụ đầy đủ của thợ đóng móng ngựa nằm trên bàn thợ. A cầm cây búa đóng móng ngựa có cán ngắn và đầu búa nặng trịch lên. Với đôi cánh tay và bộ ngực lực lưỡng, Margot có thể là một anh thợ đóng móng ngựa hay là một thợ rèn có bộ ngực đặc biệt nhô ra.

“Cô thấy cho tôi mấy tấm phủ đi!” Judy gọi vọng xuống.

Margot nhặt một bó những tấm phủ yên cương mới giặt và chỉ hất một cái bằng cánh tay to khỏe là đã quăng nó lên gác xép.

“Được rồi, tôi đi rửa ráy và lấy đồ ăn trong xe Jeep ra đây. Mười lăm phút nữa chúng ta sẽ ăn được chứ?” Judy nói khi xuống cầu thang.

Cảm thấy Margot đang nhìn dò xét nên Barney không để ý phía sau Judy. Có mấy đồng cỏ khô với tấm phủ ngựa xếp lên trên làm ghế ngồi. Margot và Barney ngồi xuống.

“Anh không kịp trông thấy mấy con ngựa con. Chúng được đưa tới chuồng ngựa ở Lester rồi,” Margot nói.

“Sáng nay tôi nghe thấy tiếng xe tải. Sao vậy?”

“Chuyện kinh doanh của Mason.” Im lặng một lát. Im lặng vẫn luôn làm cho họ thấy dễ chịu nhưng không phải lần này. “Ừm, Barney. Sẽ có lúc anh không thể nói gì thêm trừ phi anh định làm gì đó. Có phải là chúng ta đã đến lúc đó rồi không?”

“Như là một *cuộc tình* hay sao đó,” Barney nói. Không khí ảm đạm tràn ngập xung quanh.

“*Cuộc tình*,” Margot nói. “Tôi muốn cho anh một thứ còn tốt hơn thế bộn lần. Anh biết chúng ta đang nói gì không?”

“Biết kha khá,” Barney đáp.

“Nhưng nếu anh quyết định không muốn làm chuyện gì đó nhưng dù sao đi nữa nó vẫn xảy ra, anh có hiểu là anh không bao giờ được nhắc với tôi về nó không?”

Ả vỗ lòng bàn tay lên cái búa đóng móng ngựa, có lẽ không chủ định, và nhìn anh với đôi mắt xanh của tên đồ tể.

Barney đã đôi lần nhìn thấy vẻ mặt này và nhờ đọc được chúng mà còn giữ được mạng sống. Anh hiểu rằng ả đang nói thật.

“Tôi biết điều đó.”

“Nếu chúng ta làm việc đó thì kết cục cũng giống vậy thôi. Tôi sẽ cực kỳ hào phóng một lần và chỉ một lần thôi. Nhưng thế cũng đủ rồi. Anh có muốn biết bao nhiêu không?”

“Margot, dưới sự theo dõi của tôi thì sẽ không có chuyện gì hết. Trong khi tôi đang nhận tiền để chăm sóc hân ta thì sẽ không đâu.”

“Tại sao, *Barney*?”

Ngồi trên kiện cỏ, anh nhún vai. “Làm ăn là làm ăn.”

“Anh gọi nó là *làm ăn* sao? Đây cũng là một vụ *làm ăn*,” Margot nói. “*Năm triệu đô*, Barney. Nếu anh muốn biết thì nó bằng số tiền mà năm gã Krendler sẽ nhận được khi bán rở FBI đấy.”

“Chúng ta đang nói về việc lấy đủ tinh dịch của Mason để làm cho Judy có thai.”

“Chúng ta cũng đang nói về chuyện khác nữa. Anh biết đấy, nếu anh lấy tinh dịch của Mason và để cho anh ta sống thì anh

ta sẽ tóm anh. Anh không chạy xa được đâu. Anh sẽ bị đưa đến cho lũ lợn khôn kiếp.”

“Tôi sẽ làm gì nào?”

“Gì thế Barney, *semper fi** như chữ trên cánh tay anh à?”

“Khi nhận tiền của anh ta, tôi đã nói là sẽ chăm sóc anh ta. Còn làm việc cho anh ta thì tôi sẽ không đời nào hãm hại anh ta.”

“Anh không phải... *làm* gì anh ta hết ngoài việc tiến hành các thao tác y tế, sau khi anh ta chết. Lúc đó thì tôi không thể đụng vào anh ta. Không một lần nào nữa. Có lẽ anh phải giúp tôi xử trí với Cordell.”

“Nếu giết Mason thì cô chỉ lấy được tinh dịch một lần thôi,” Barney nói.

“Chúng ta sẽ lấy năm cc, ngay cả lượng tinh trùng thấp, nếu bỏ thuốc bảo quản tinh trùng vào, chúng ta vẫn thử được năm lần thụ tinh nhân tạo. Chúng ta có thể làm trong ống nghiệm - nhà Judy rất miễn dẽ.”

“Cô có nghĩ đến việc mua chuộc Cordell không?”

“Không. Hắn sẽ không giữ lời đâu. Lời nói của hắn là rác rưởi. Sớm muộn gì hắn cũng phản lại tôi. Phải loại hắn đi.”

“Cô đã suy nghĩ rất kỹ về chuyện này.”

“Đúng vậy, Barney, anh phải kiểm soát bàn y tá. Có một cuộn băng sao lưu trên màn hình, thu hình từng giây. Có ti vi truyền hình trực tiếp nhưng không chạy băng. Chúng ta - tôi sẽ ấn tay xuống máy hô hấp và giữ yên ngực anh ta. Màn hình theo dõi sẽ cho thấy máy hô hấp vẫn còn hoạt động. Đến khi nhịp tim và huyết áp của anh ta thay đổi, anh liền xông vào thì anh ta đã bất

tình. Anh có thể cố làm cho anh ta sống lại. Chỉ có điều duy nhất là anh không nhìn thấy tôi. Tôi chỉ đè lên ngực anh ta cho tới khi anh ta chết thì thôi. Anh đã khám xác nhiều rồi, Barney. Khi nghi ngờ là nạn nhân bị ngạt, họ sẽ tìm những gì?”

“Xuất huyết sau mí mắt.”

“Mason không có mí mắt.”

Ả đã tính toán kỹ lưỡng và đã quen với việc mua chuộc bất kỳ thứ gì, bất kỳ người nào.

Barney nhìn vào mặt ả nhưng khi trả lời lại dán mắt vào cây búa ở cạnh: “Không, Margot.”

“Nếu trước đó tôi để anh làm tình với tôi thì anh có làm vụ này không?”

“Không.”

“Nếu tôi từng làm tình với *anh*, anh có làm không?”

“Không.”

“Nếu anh không làm việc ở đây, nếu anh không có trách nhiệm y khoa gì với anh ta thì anh có làm không?”

“Có lẽ là không.”

“Đây là đạo đức hay nhất chết?”

“Tôi không biết.”

“Hãy tìm hiểu xem. Anh bị sa thải, Barney.”

Anh gật đầu mà không lấy gì làm ngạc nhiên.

“Sao nào, Barney?”

Ả giơ một ngón tay lên môi. “Suyt. Hứa với tôi đi? Tôi có phải nói là tôi có thể giết anh vì chuyện đó ở California không? Tôi không cần nói vậy đúng không?”

“Cô không phải lo,” Barney nói. “Tôi mới phải lo lắng- Tôi không biết Mason để người ta đi như thế nào. Có lẽ họ cứ thế mà mất tích thôi.”

“Anh cũng không phải lo. Tôi sẽ nói với Mason là anh bị viêm gan. Anh không biết nhiều về chuyện của anh ta trừ việc anh ta đang cố gắng giúp đỡ pháp luật - và anh ta biết chúng tôi nắm thóp được anh rồi, anh ta sẽ để anh đi.”

Barney không biết bác sĩ Lecter sẽ hứng thú trị liệu cho ai hơn, Mason Verger hay là em gái hắn.

CHƯƠNG 66

KHI chiếc xe dài màu bạc thặng lại tại chuồng ngựa trang trại Muskrat thì trời đã tối om. Bọn họ đã trễ và đang cáu kỉnh.

Ban đầu, mọi sắp đặt ở sân bay quốc tế Baltimore-Washington đều ổn thỏa, chuyên viên kiểm tra trên máy bay đến từ Bộ Nông nghiệp đóng dấu kiện hàng mười sáu con lợn. Dù am hiểu về loài lợn, chuyên viên này cũng chưa từng thấy những con lợn như vậy bao giờ.

Rồi Carlo Deogracias nhìn vào bên trong xe tải. Đó là xe chở gia cầm có mùi đặc trưng với những vết dơ trong kẽ nứt do nhiều người chở trước để lại. Carlo không để cho bày lợn của hắn xuống. Máy bay chờ đợi trong khi phi công nổi giận, Carlo và Piero Falcione tìm thấy một xe tải gia cầm khác thích hợp hơn để vận chuyển lòng, ở đó có một xe rửa xe với ống phun hơi và khoang hàng hóa được phun hơi sạch sẽ.

Khi đến cổng chính của trang trại Muskrat cả bọn lại gặp phải một việc gây bực mình. Sau khi kiểm tra trọng lượng xe, tên gác cổng nhất định không cho họ vào, còn nêu ra giới hạn cân trên cây cầu trang trí. Hắn bảo họ đổi hướng, đi theo đường phụ trợ xuyên qua rừng. Mấy nhánh cây cọ vào chiếc xe tải cao lúc nó đang trườn trên ba cây số đường cuối cùng.

Carlo thích chuồng ngựa to đùng sạch sẽ ở trang trại Muskrat. Hắn thích cái xe nâng hàng nhỏ đã nhẹ nhàng khiêng những cái lồng vào chuồng ngựa con.

Khi tên tài xế xe tải gia cầm đem một cây chích điện trâu bò đến mấy cái lồng và đề nghị chích một con lợn để xem chúng bị say thuốc đến đâu, Carlo đã giật ngay cây chích khỏi tay gã làm cho gã hãi đến nỗi không dám đòi lại.

Carlo để cho cả bầy lợn nung núc lông xù tỉnh thuốc mê trong chỗ tranh tối tranh sáng, không để chúng ra khỏi lồng cho đến khi chúng tỉnh táo và đứng dậy được. Hắn sợ rằng những con tỉnh dậy trước sẽ cắn những con còn đang say thuốc. Khi cả bầy không ngủ cùng nhau thì tất cả những vật đang nằm sắp đều thu hút chúng.

Piero và Tommaso phải cẩn thận gấp đôi vì cả bầy đã ăn thịt tên quay phim Oreste và sau đó là tên trợ lý bị tê cứng của hắn. Chúng không thể ở trong chuồng hay trên bãi cỏ cùng với lũ lợn. Lũ lợn không đe dọa, chúng không nghiêng răng như bọn lợn rừng, chúng chỉ theo dõi hai kẻ kia với sự tập trung khủng khiếp của loài lợn rồi rón rén tiến đến cho tới khi đã ở đủ gần để tấn công.

Carlo, cũng tập trung không kém, chỉ dám nghỉ ngơi khi đã đi bộ theo ánh đèn chiếu dọc hàng rào bao quanh đồng cỏ của Mason tiếp giáp rừng quốc gia rộng lớn.

Đào đất bằng con dao bỏ túi xong, Carlo xem xét một quả sồi dưới cỏ và tìm thấy hạt sồi. Hắn đã nghe thấy tiếng chim giẻ cùi trong lúc lái một đoạn đường ngắn vào đây và chắc hẳn thể nào cũng có hạt sồi. Quả vậy, đúng là có sồi trắng mọc trên cánh

đồng được đóng hàng rào, nhưng không nhiều lắm. Hẳn không muốn lũ lợn tìm thấy thức ăn trên mặt đất như chúng vẫn thường dễ dàng tìm thấy trong rừng sâu.

Mason đã dựng một rào chắn kiên cố ngang qua đầu để mở cửa chuồng ngựa lắp một cánh cổng Hà Lan ở bên trong giống như cánh cổng của Carlo ở Sardinia.

Từ phía sau rào chắn an toàn này, Carlo có thể cho chúng ăn, liệng qua hàng rào những bộ quần áo nhồi bằng gà chết, chân cừu và rau quả vào giữa bầy lợn.

Không bị thuần hóa nhưng chúng không sợ người hay tiếng động. Ngay cả Carlo cũng không dám vào chuồng với chúng. Lợn không như những con thú khác. Có một chút thông minh và tính thực tế khủng khiếp ở lợn. Đó không phải là sự hung hăng. Chúng chỉ thích ăn thịt người. Chúng đi rất nhẹ nhàng và có thể xé xác một con chó chăn cừu, và cách chúng di chuyển quanh người coi sóc toát lên một sự hung hãn đầy toan tính. Piero suýt toi khi lấy lại cái áo đã vứt vào chuồng lợn mà chúng nghĩ có thể còn dùng được.

Chưa có bầy lợn nào như thế trước đây, to hơn lợn rừng châu Âu và cũng dữ dằn không kém. Carlo cảm thấy hẳn đã tạo ra chúng. Hẳn biết rõ việc bọn chúng đang làm, con ác quỷ bọn chúng phải tiêu diệt sẽ là tất cả sự vẻ vang hẳn mong muốn trong kiếp sau.

Đến nửa đêm, tất cả đều đã ngủ trong chuồng ngựa: Carlo, Piero và Tommaso ngủ mà không nằm mê man gì trên gác xép chứa đồ ăn còn bọn lợn đang ngáy khò khò trong lồng, những cái chân nhỏ thanh mảnh của chúng bắt đầu phi nước kiệu

trong mơ và một hay hai con khuấy động tấm vải trùm sạch sẽ. Sợ của con ngựa đưa nước kiệu, con Bóng Lướt được chiếu sáng yếu ớt bởi đồng lửa trong lò của thợ đóng móng, đang theo dõi tất cả.

CHƯƠNG 67

ĐỐI VỚI Krendler, công kích một đặc vụ của FBI bằng chứng có giả mạo của Mason là một hành động hết sức liều lĩnh. Nó làm cho hắn muốn hết hơi. Nếu Tổng Chương lý phát hiện ra, bà ta sẽ bóp nát hắn như một con gián.

Ngoại trừ mối nguy hiểm cho bản thân, việc hủy hoại Clarice Starling không hề khiến Krendler phải day dứt rằng mình sẽ hủy hoại một con người. Một người đàn ông phải chu cấp cho gia đình - Krendler cũng phải chu cấp gia đình hắn, những kẻ tham lam và vô ơn từ trong máu.

Và Starling nhất định phải biến đi. Nếu cứ để yên thì bằng kỹ năng nội trợ tầm thường và kiểu cách của một phụ nữ, Clarice Starling sẽ lần theo những dấu vết mà tìm ra Hannibal Lecter. Và giả dụ điều đó xảy ra, Mason Verger sẽ không cho Krendler tí gì.

Cô ta càng sớm bị tách khỏi những nguồn thông tin và bị đẩy ra làm con mồi thì càng tốt.

Trên con đường vươn đến quyền lực của mình, Krendler đã từng đổ vỡ sự nghiệp, đầu tiên là một công tố viên quốc gia rất tích cực trong chính trị và sau đó là ở bên Tư pháp. Bằng kinh nghiệm của mình, hắn biết chắc rằng phá hỏng sự nghiệp của một người đàn bà dễ hơn hủy hoại một gã đàn ông. Nếu một

người đàn bà đạt được sự thăng tiến vốn không nên dành cho phụ nữ, cách hiệu quả nhất là nói rằng cô ta đã giành được nó bằng cách nằm ngửa ra.

Không thể đổ tội đó lên người Clarice Starling, Krendler nghĩ ngợi. Thực ra hẳn không thể nghĩ ra còn có bất kỳ ai *cần* đến cách làm tình qua đường hậu môn hơn. Thỉnh thoảng, hẳn vẫn nghĩ đến hành động lỗ mãng đó trong khi đang ngoáy mũi.

Krendler không thể giải thích được sự thù hận của hẳn với Starling. Nó hẳn trong gan ruột và nằm ở nơi sâu kín mà hẳn không sao tới được. Một nơi có bao ghế, một bóng đèn bầu, tay nắm cửa, tay vặn cửa sổ và một cô gái có hình dáng của Starling nhưng không mang ý thức của cô, quần của cô gái đã tuột đến mắt cá chân và hỏi hẳn có bị cái chết tiệt gì không, sao hẳn không lại mà làm chuyện đó đi. Có phải hẳn bị *đồng tính không? Đồng tính? Đồng tính?*

Nếu người ta không biết Starling đáng ghét thế nào thì biểu hiện của cô ta trên giấy trắng mực đen tốt hơn nhiều so với một vài lần thăng chức của cô, Krendler ngẫm nghĩ như vậy. Phần thưởng ít ỏi dành cho cô khiến hẳn thỏa mãn: bằng cách nhỏ một giọt độc được kỳ quặc lên hồ sơ của cô suốt nhiều năm, Krendler đã gây ảnh hưởng đến ban sự nghiệp của FBI đủ mức có thể ngăn chặn nhiều nhiệm vụ béo bở mà đáng ra cô phải được nhận. Và thái độ phóng túng cùng cái miệng sắc bén của cô càng giúp ích cho mục đích của hẳn.

Mason sẽ không chờ đợi vận mạng của chợ cá Feliciano. Không có gì chắc chắn là Starling sẽ bị xuống bùn tại phiên tòa. Việc bắn Evelda Drumgo và những kẻ khác rõ ràng là một sự thất bại trong an ninh. Thật kỳ diệu là Starling lại đi cứu lấy đứa

bé khốn nạn đó. Thêm một đứa nữa mà xã hội phải nuôi báo cô. Kéo cái cửa nọ kia ra khỏi tình cảnh nguy cấp thì dễ mà đưng tới Starling thì không dễ chút nào.

Tốt hơn nên dùng cách của Mason. Hiệu quả rất nhanh và cô ta sẽ bị hất cẳng. Thời điểm thật thuận lợi:

Có một câu châm ngôn của Washington đã được chứng minh còn nhiều lần hơn cả định lý Pitago nói rằng trong không khí, một tiếng đánh rầm lớn từ một thủ phạm rõ ràng sẽ che lấp nhiều tiếng nhỏ khác trong cùng phòng miễn là chúng xảy ra gần như cùng một lúc.

Vậy thì, phiên tòa xét xử Starling đã đủ làm rối trí Bộ Tư pháp để hấn kết tội bừa cho cô.

Mason muốn có vài bài báo để bác sĩ Lecter xem. Tuy nhiên Krendler phải làm cho có vẻ như là một sự tình cờ đáng buồn. May mắn thay sẽ có một sự kiện có thể phục vụ tốt cho mục đích này: ngày kỷ niệm thành lập FBI.

Krendler có một lương tâm nhu mì luôn có thể tự tha thứ cho bản thân.

Giờ đây nó đang trấn an hấn: nếu Starling mất việc thì tình cảnh tệ nhất cũng chỉ là cái ổ đồng tính khốn nạn nơi cô phải sống mà không có ti vi màn hình lớn để xem thể thao thôi. Tệ nhất cũng chỉ là hấn đã dọn đường để một khẩu đại bác bị lỏng dây* lẩn qua một bên và không còn đe dọa ai nữa.

Một “khẩu đại bác bị lỏng dây” nằm một bên sẽ “ngưng làm thuyền tròn thành”, hấn nghĩ, lấy làm hài lòng và thoải mái như thể hai hình ảnh ẩn dụ về hải quân tạo nên một phương

trình logic. Việc con thuyền tròn trĩnh làm khẩu đại bác di chuyển chẳng làm cho hắn bận tâm chút nào.

Krendler có một cuộc sống ảo tưởng sinh động nhất mà trí tưởng tượng của hắn cho phép. Giờ đây, để làm hài lòng bản thân, hắn đã vẽ ra trong đầu hình ảnh Starling già khú, hai vú chảy xệ, cặp chân thon giở đầy gân xanh và cục u, đang chậm chạp lên xuống cầu thang khiêng đồ giặt, quay mặt đi khi nhìn thấy những vết ố trên ga trải giường, làm việc kiếm cơm tại một nhà trọ của một cặp đồng tính già chết tiệt.

Hắn tưởng tượng ra câu kế tiếp hắn sẽ nói với cô trong chiến thắng trước một “con miền Nam nhà quê”.

Trang bị sự hiểu biết của Tiến sĩ Doemling, hắn muốn đứng sát cô sau khi cô bị tước vũ khí và nói mà không động đậy miệng, “Cô già khú ngay với cả thằng cha chết tiệt của cô, ngay cả với mấy thằng giẻ rách miền Nam.” Hắn lặp lại câu nói trong đầu và nghĩ đến việc ghi nó vào sổ tay.

Krendler có dụng cụ, thời gian và nọc độc cần thiết để nghiền nát sự nghiệp của Starling. Và khi bắt đầu thì hắn lại được sự trợ giúp khổng lồ của những cơ hội và thư từ đến từ Ý.

CHƯƠNG 68

NĂM ở ngoại ô thành phố Hubbard, nghĩa trang Battle Creek là một vết sẹo trên làn da màu sứ tử của trung tâm Texas vào tháng Mười hai. Như lệ thường, gió lúc này đang rú rít lên ở đó. Bạn không thể chờ cho nó ngừng lại được.

Khu mới của nghĩa trang có bia đá trơn để dễ nhổ cỏ. Một quả bóng bay hình trái tim màu bạc đang nhảy múa ở đó, phía trên ngôi mộ của một cô bé, hôm nay là sinh nhật của cô. Ở khu cũ hơn của nghĩa trang, người ta thường xuyên xén cỏ trên lối đi và giữa những bia mộ. Mấy dải ruy băng, mấy cành hoa khô lẫn lộn trên đất. Đằng sau nghĩa trang là đồng phân trộn mà người ta sẽ trồng mấy cây hoa cũ vào. Giữa quả bóng bay hình trái tim đang nhảy múa và đồng phân trộn là chiếc xe xúc đứng yên, một gã thanh niên đang ngồi trong khoang lái, một gã khác đang ở dưới đất khum tay che gió để châm điếu thuốc...

“Ông Closter, tôi muốn ông đến đây trong khi chúng tôi đang làm để ông thấy rõ chúng tôi gặp phải vấn đề gì. Tôi tin chắc ông sẽ tránh cho người thân khỏi bất kỳ sự nhòe ngó nào,” ông Greenlea, giám đốc nhà tang lễ Hubbard nói. “Cái quan tài đó - và tôi lại muốn khen con mắt thẩm mỹ của ông lần nữa - cái quan tài đó sẽ là một sự trình diện đáng tự hào và nó là cái tốt nhất người ta có thể thấy. Tôi rất sẵn lòng bớt tiền cho ông trong

khoản này. Khi cha tôi qua đời, ông cũng an nghỉ trong một cỗ quan tài như vậy.”

Ông ta gạt đầu với gãi lái xe và cánh tay của chiếc máy liên xúc một miếng trên nắm mồ trũng đầy cỏ dại.

“Ông chắc chắn về bia đá phải không ông Closter?”

“Vâng,” bác sĩ Lecter đáp. “Mấy đứa con đang giữ một bia đá được làm cho cả cha mẹ chúng.”

Gió táp vào gấu quần, họ đứng mà không nói gì với nhau cho đến khi chiếc xe xúc ngừng lại ở độ sâu hơn sáu mươi phân.

“Từ đây chúng ta sẽ dùng xẻng,” ông Greenlea nói. Hai người đào huyệt nhảy xuống cái hố và bắt đầu xúc đất ra thật dễ dàng và thành thực.

“Cẩn thận đấy,” ông Greenlea nhắc. “Cái đó không phải quan tài tử tế đâu. Không hề giống như cái chúng ta đang có.”

Cái quan tài ván ép rẻ tiền thực ra đã đổ sụp lên người nằm bên trong. Greenlea bảo hai người đào huyệt của mình phải sạch đất xung quanh rồi luồn một tấm vải xuống dưới đáy cỗ quan tài vẫn còn nguyên vẹn. Bọc trong miếng vải lủng lảng này, cỗ quan tài được nhắc lên rồi treo vào đuôi một chiếc xe tải.

Ở cái bàn kê trên niềng trong nhà xe của nhà tang lễ Hubbard, những mảnh vỡ của nắp quan tài ọp ẹp được nhặt ra để lộ một bộ xương khá lớn.

Bác sĩ Lecter kiểm tra ngay. Một viên đạn ghim vào xương sườn cụt trên lá gan, có một chỗ gãy lõm xuống và một lỗ đạn ở bên trái trán. Cái sọ bám đầy rêu và bị bít lại chỉ để lộ ra một phần có đôi gò má cao và đẹp mà hắn đã từng thấy.

“Lòng đất không để lại nhiều lắm,” ông Greenlea nói.

Mấy mẫu quần bị mục nát và cái áo cao bồi rách bươm che lấy bộ xương. Khuy áo sơ mi rớt vào trong khe sườn. Một cái nón cao bồi lông hải ly loại 3x* với vành và chóp mũ gấp kiểu Fort Worth nằm trên ngực. Có một vết rách ở vành và một lỗ trên chóp nón.

“Ông có biết người chết không?” bác sĩ Lecter hỏi.

“Chúng tôi chỉ mới mua cái nhà xác này và tiếp quản nghĩa trang bên cạnh việc quản lý tập đoàn của chúng tôi vào năm 1989,” ông Greenlea nói. “Tôi hiện sống ở đây nhưng trụ sở chính của tập đoàn thì ở St Louis. Ông có muốn bảo quản quần áo không? Hay là tôi đưa cho ông một bộ đồ nhưng tôi không nghĩ là...”

“Không,” bác sĩ Lecter nói. “Hãy dọn sạch bộ xương, không giữ lại thứ gì trừ cái nón, chốt đai lưng và đôi boots. Hãy cho xương bàn tay bàn chân vào túi và gói chúng lại cùng với hộp sọ và những xương dài trong vải liệm bằng thứ lụa tốt nhất mà ông có. Ông không cần phải trải ra, cứ tùm cả lại cũng được. Ông cứ giữ lại cái bia mộ, coi như là công lắp mộ được không?”

“Vâng, ông chỉ cần ký tên vào đây, tôi sẽ đưa bản sao của những giấy tờ khác cho ông,” ông Greenlea nói, rất hài lòng về cái quan tài đã bán đi. Hầu hết các giám đốc nhà tang lễ đến vì một xác chết đều đã cho bộ xương vào thùng các tông và bán cho gia quyến người chết quan tài của chính người đó.

Hồ sơ khai quật của bác sĩ Lecter tuân thủ chặt chẽ điều 711.004 Bộ luật Y tế và An toàn của Texas như hắn đã định

trước. Hắn đã tải những yêu cầu và mẫu đơn fax từ Thư viện Hiệp hội Tham chiếu Luật nhanh các hạt của Texas.

Hai người đào huyệt rất khoái cửa sau tự động của chiếc xe tải bác sĩ Lecter đi thuê. Họ lặn cái quan tài vào bệ và buộc nó lại cạnh món đồ duy nhất trong xe, một tủ áo treo bằng giấy bồi.

“Dem theo tủ áo của mình đúng là một ý hay. Tránh làm nhẵn bộ lễ phục phải không?” ông Greenlea nói.

Ở Dallas, tay bác sĩ lấy hộp đàn viola từ tủ áo ra rồi bỏ gói lụa đựng xương vào đó. Cái nón đặt vừa vặn vào phần dưới hộp và cái sọ được nhét vào trong đó.

Hắn đẩy quan tài ra phía sau nghĩa trang Bầy Cá rồi trả chiếc xe ở sân bay Dallas-Fort Worth nơi hắn gửi thùng đàn đến thẳng Philadelphia.



IV

NHỮNG DIP ĐÁNG CHÚ Ý TRONG NĂM THÁNG KINH SỢ

CHƯƠNG 69

THỨ HAI, Clarice Starling phải kiểm tra danh sách các vụ mua sắm đặc biệt vào cuối tuần, và hệ thống của cô gặp vài trục trặc cần đến sự giúp đỡ của kỹ thuật viên máy tính từ bên Kỹ thuật. Ngay cả khi cô đã chốt lọc kỹ càng hai hay ba loại vang chính vụ từ năm nhà bán rượu vang, giảm xuống chỉ còn hai nguồn cung cấp gan ngỗng Mỹ và năm nhà bán tạp phẩm đặc biệt, danh sách mua bán vẫn dài dằng dặc. Cô phải chép tay lại những trao đổi với từng cửa hàng bán rượu có số trên bản thông báo.

Dựa vào nhận dạng của bác sĩ Lecter trong vụ giết thợ săn hươu ở Virginia, Starling giảm danh sách xuống chỉ còn những đồ mua sắm ở bờ Đông ngoại trừ gan ngỗng Sonoma. Tiệm Fauchon ở Paris từ chối hợp tác. Không hiểu được người của tiệm Vera dal 1926 ở Florence nói gì qua điện thoại, cô fax cho Sở Cảnh sát phòng trường hợp bác sĩ Lecter đặt mua năm cục trắng.

Vào cuối buổi làm việc thứ Hai, ngày 17 tháng Mười hai, Starling có mười hai trường hợp triển vọng cần kiểm tra kỹ hơn. Đó là những lần kết hợp mua sắm bằng thẻ tín dụng. Một người đàn ông đã mua một thùng rượu Pétrus và một chiếc xe hơi Jaguar dùng động cơ tăng áp, cả hai đều được trả bằng thẻ tín dụng American Express.

Một người nữa đặt hàng một thùng rượu Batard-Montrachet và một thùng hào Gironde.

Starling chuyển hai vụ này cho cơ quan địa phương để kiểm tra tiếp.

Starling và Eric Pickford làm khác ca nhưng gối lên nhau để lúc nào cũng có người ở văn phòng vào giờ bán hàng.

Đó là ngày thứ tư Pickford tham gia công việc và gã đã tranh thủ đặt phím quay số tự động trên điện thoại. Gã không đặt tên cho các phím.

Khi gã ra ngoài mua cà phê, Starling nhấn phím trên cùng trên điện thoại của gã. Đích thân Paul Krendler trả lời.

Starling cúp máy và ngồi trong im lặng. Đã đến lúc phải về nhà. Ngồi trên ghế xoay vòng quanh, cô nhìn trù mến từng vật trong nhà Hannibal. Những bản X-quang, những quyển sách, bàn ăn cho một người. Rồi cô tung màn bước ra ngoài.

Văn phòng Crawford mở cửa và trống không. Cái áo len người vợ quá cổ đan cho ông treo trên giá trong góc. Starling vươn tay về phía cái áo nhưng lại thôi không đụng vào nó. Cô quàng áo khoác qua vai rồi đi bộ một quãng xa về chỗ đỗ xe.

Cô sẽ không bao giờ nhìn thấy Quantico nữa.

CHƯƠNG 70

BUỔI TỐI ngày 17 tháng Mười hai, chuông cửa nhà Clarice Starling vang lên. Cô thấy xe của cảnh sát tư pháp đằng sau chiếc Mustang trên lối vào nhà.

Viên cảnh sát đó là Bobby, người đã đưa cô từ bệnh viện về nhà sau vụ bắn nhau ở chợ cá Felicia.

“Chào Starling.”

“Chào Bobby. Mời vào.”

“Tôi rất muốn, nhưng tôi phải nói trước là có một thông báo cần gửi cho cô.”

“Ừm, mặc kệ. Vào nhà rồi hãy đưa cho tôi, trong này ấm hơn,” Starling nói, cồng người khi đứng giữa cửa.

Bản thông báo, ghi tên Tổng Thanh tra Sở Tư pháp trên phần người gửi, yêu cầu cô đến dự phiên xử vào sáng hôm sau, ngày 18 tháng Mười hai vào lúc chín giờ sáng tại Tòa nhà J. Edgar Hoover.

“Sáng mai cô muốn tôi chở đi không?” viên cảnh sát tư pháp hỏi.

Starling lắc đầu. “Cảm ơn Bobby. Tôi sẽ tự lái xe. Cà phê không?”

“Không, cảm ơn. Tôi rất tiếc Starling.” Viên cảnh sát rõ ràng là muốn rời đi. Có một quãng im lặng ngượng ngịu. “Tai cô trông khá hơn rồi đấy,” sau cùng ông nói.

Cô chào tạm biệt khi ông quay trở lại xe.

Lá thư đơn giản chỉ bảo cô có mặt mà không đưa ra lý do gì.

Ardelia Mapp, cựu binh trong những trận chiến nổi da xáo thịt của Cục, và là cái gai bên sườn của một đám đầy toa rập, ngay lập tức nấu một bình trà thảo mộc đậm đặc nhất của bà ngoại cô, với khả năng tăng cường sự minh mẫn. Vốn ghét loại trà này nhưng Starling không thể nào thoát được.

Mapp gõ gõ tay lên phần người gửi. “Viên tổng thanh tra không *muốn* nói với cậu cái quái gì hết,” Mapp vừa nhấp trà vừa nói. “Nếu Văn phòng Trách nhiệm Nghiệp vụ của chúng ta có kết tội, hay Văn phòng Trách nhiệm Nghiệp vụ của Bộ Tư pháp có gì với cậu, họ sẽ gửi văn bản cho cậu. Họ sẽ phải gửi bản thông báo 645 hay 644 với những tội danh ngay trên đó. Và nếu đó là tội hình sự thì cậu sẽ có luật sư, công khai toàn bộ, mọi thứ mà lũ lừa đảo có, phải không?”

“Hoàn toàn chính xác.”

“Vậy thì với kiểu như vậy cậu chỉ được biết trước có chút xíu. Tổng thanh tra là kẻ dính dáng tới chính trị, ông ta có thể nhận bất kỳ vụ nào.”

“Ông ta đã nhận vụ này.”

“Vì Krendler thúc vào mông ông ta. Gì cũng được, nếu cậu quyết định muốn có một vụ xử với Cơ Hội Công Bằng, tớ có mọi số điện thoại. Bây giờ nghe tớ này Starling, cậu phải bảo họ là cậu muốn ghi âm. Tổng thanh tra không dùng lời cung có chữ

ký. Lonnie Gains sa vào vũng lầy với họ cũng vì chuyện đó. Họ lưu một bản ghi lại những gì cậu nói, và đôi khi nó thay đổi sau khi cậu nói. Cậu không hề được thấy cả bản ghi chép.”

Khi Starling gọi cho Jack Crawford, giọng ông nghe như đang ngủ.

“Tôi không biết đó là gì, Starling,” ông nói. “Tôi sẽ hỏi vòng vòng xem sao. Nhưng chắc chắn một điều, ấy là ngày mai tôi sẽ ở đó.”

CHƯƠNG 71

BUỔI SÁNG, tòa nhà Hoover như một cái lồng bê tông bọc sắt nằm thiếu não dưới nền trời trắng đục.

Vào kỷ nguyên của bom xe này, cổng và sân trước hầu như ngày nào cũng đóng, và tòa nhà được bao bọc bởi những chiếc xe cũ của Cục như một lớp hàng rào ngăn xe tùy tiện.

Cảnh sát thủ đô tuân theo một chính sách đơn giản, ngày này qua ngày khác viết vé phạt lên vài chiếc xe làm rào chắn. Xấp giấy ngày càng dày và bị gió cuốn xuống đường.

Một kẻ vô gia cư đang cố làm ấm người trên một tấm vỉ sắt ở vệ đường gọi với Starling và chìa tay ra khi cô đi ngang qua. Một bên mặt gã loang màu cam dính từ kháng sinh Betadine ở phòng cấp cứu nào đó. Gã chìa ra cái ly xộp mòn cạnh. Starling lấy tiền trong túi, cúi xuống phía luồng hơi ấm hôi hôi để cho hắt hai tờ một đô.

“Cầu chúc cô mọi điều tốt lành,” gã nói.

“Tôi cần điều đó,” Starling nói. “Một chút xiu cũng được.”

Starling mua một ly cà phê lớn ở Au Bon Pain trên đường Mười bên hông tòa nhà Hoover như cô đã từng làm vô số lần những năm qua. Muốn uống cà phê sau một giấc ngủ chập chờn nhưng lại không muốn phải đi tiểu trong phiên xử, cô quyết định uống nửa ly.

Qua cửa sổ, cô thấy Crawford và bắt kịp ông ở vỉa hè. “Ông muốn chia ly cà phê lớn này không, ông Crawford? Họ sẽ đưa cho tôi một cái ly không nữa.”

“Có phải loại cà phê đã lọc hết cafêin rồi không?”

“Không.”

“Tốt hơn là không uống, không thì tôi nhảy dựng lên mất.” Ông nhìn già cả tiêu tụy. Mũi chảy ra một giọt trong suốt. Họ đứng tách khỏi dòng người đang đổ vào cửa phụ trụ sở chính của FBI.

“Tôi không biết cuộc họp này để làm gì Starling ạ. Không ai trong vụ bắn giết Feliciano bị gọi cả. Tôi chỉ biết đến thế thôi. Tôi sẽ ở bên cô.” Starling đưa cho ông một tờ khăn giấy rồi họ bước vào dòng người lũ lượt bắt đầu làm ca ban ngày.

Starling nghĩ các nhân viên văn phòng trông có vẻ bảnh bao hơn thường ngày.

“Lễ kỷ niệm chín mươi năm FBI. Hôm nay Tổng thống Bush sẽ đến nói chuyện,” Crawford nhắc cô mới nhớ ra.

Có bốn chiếc xe tải vệ tinh của các hãng truyền thông ở bên đường.

Một tổ quay phim từ đài truyền hình WFUL-TV đặt ở bên đường quay một thanh niên để tóc kiểu tía đuôi đang nói vào micrô cầm tay. Một trợ lý sản xuất ngồi trên nóc xe thấy Starling và Crawford đi trong đám đông.

“Cô ấy kia kìa, người mặc cái áo khoác Hải quân ấy,” anh ta chồm xuống nói.

“Chúng ta bắt đầu thôi,” Tóc Đuôi nói. “Đi nào.”

Cả nhóm gây ra một con sóng trong dòng người để chìa máy quay vào mặt Starling.

“Đặc vụ Starling, cô có thể nói gì về vụ điều tra thám sát ở chợ cá Feliciano không? Bản báo cáo đã được nộp chưa? Cô có phải là người bị kết tội giết năm...” Crawford bỏ nón đi mưa ra, vờ như che ánh nắng khỏi mắt rồi xoay xở để lắp ống kính máy quay trong khoảnh khắc. Tổ truyền hình chỉ bị chặn lại ở cửa an ninh.

Bọn khốn này đã được mách nước.

Sau khi qua khỏi nhân viên an ninh, họ dừng ở tiền sảnh. Sương mù bên ngoài phủ lên Starling và Crawford những giọt nước nho nhỏ. Crawford uống một viên thuốc cao bạch quả tăng tuần hoàn não mà không cần nước.

“Starling, tôi nghĩ họ chọn hôm nay bởi có sự kiện náo động là phiên tòa xét xử và lễ kỷ niệm. Bất cứ thứ gì họ muốn làm cũng có thể bị bỏ lỡ.”

“Vậy sao lại còn mách nước cho báo chí?”

“Bởi vì không phải ai trong phiên xử này cũng đều nhất trí với nhau. Cô còn mười phút, muốn dậm lại phần trên mũi không?”

CHƯƠNG 72

STARLING hiếm khi lên đến tầng bảy, tầng dành cho ban điều hành tòa nhà J. Edgar Hoover. Bảy năm về trước, cô và các thành viên cùng khóa tốt nghiệp đã tụ hợp ở đó để chứng kiến giám đốc chúc mừng Ardelia Mapp đạt thủ khoa, và có lần một trợ lý giám đốc đã cho gọi cô để trao huân chương Vô địch Đấu súng.

Thảm trong văn phòng Trợ lý Giám đốc Noonan sẫm hơn cô tưởng. Trong bầu không khí như một câu lạc bộ với những chiếc ghế da tại phòng họp của ông, có mùi đặc trưng của khói thuốc lá. Cô tự hỏi không biết có phải họ vừa đổ tàn thuốc và làm thoáng khí trước khi cô đến không.

Khi cô và Crawford bước vào phòng, ba người đàn ông đứng dậy còn một người thì không. Những người đứng là sếp cũ của Starling, Clint Pearsall từ văn phòng đại diện ở Washington, Diễm Điều Hâu; Trợ lý Giám đốc đương nhiệm Noonan của FBI, và một người đàn ông cao tóc đỏ trong bộ com lê vải lụa thô. Ngồi trên ghế là Paul Krendler của Văn phòng Tổng Thanh tra. Trên cái cổ dài, đầu Krendler quay về phía cô như thể hẳn xác định vị trí của cô bằng mùi. Khi đã đối diện với hẳn, cô có thể thấy cả hai hòn dái của hẳn. Lạ thay lại có một viên cảnh sát tư pháp cô không biết là ai đứng trong góc phòng.

FBI và nhân viên tư pháp thường ăn mặc chỉnh tề, nhưng những người này hôm nay chưng diện để lên truyền hình. Starling nhận ra rằng lát nữa họ phải có mặt trong buổi lễ ở dưới nhà với cựu Tổng thống Bush. Nếu không thì cô đã bị triệu tập tới Bộ Tư pháp chứ không phải tòa nhà Hoover.

Krendler nhíu mày khi thấy Jack Crawford ở bên cạnh Starling.

“Ông Crawford, tôi không nghĩ sự hiện diện của ông là cần thiết cho cuộc họp này.”

“Tôi là quản lý trực tiếp của đặc vụ Starling. Chỗ của tôi là ở đây.”

“Tôi không nghĩ vậy,” Krendler nói. Hắn quay qua Noonan. “Clint Pearsal là sếp trên giấy tờ của cô ta, cô ta chỉ được phân công nhiệm vụ tạm thời với Crawford. Tôi nghĩ đặc vụ Starling nên được thẩm vấn riêng,” hắn nói. “Nếu cần thêm thông tin, chúng ta có thể yêu cầu Trưởng phòng Crawford ở gần chỗ nào mà chúng ta dễ gọi.”

Noonan gật đầu. “Dĩ nhiên là sau khi nghe lời chứng độc lập của đặc vụ Starling chúng tôi rất hoan nghênh ý kiến của anh Jack à. Jack, tôi muốn anh ở cạnh bên. Nếu anh muốn đợi ở phòng đọc trong thư viện, hãy làm thế, tôi sẽ gọi anh.”

Crawford đứng dậy. “Giám đốc Noonan, tôi có thể nói...”

“Ông *có thể* ra ngoài, đó là điều ông *có thể* làm,” Krender nói.

Noonan đứng dậy. “Vui lòng đợi một chút, chừng nào tôi chưa chuyển cho anh thì đây vẫn là cuộc họp của tôi, anh Krendler. Jack, anh và tôi biết nhau đã lâu. Quý ông từ Tư pháp này tại nhiệm quá sớm nên không hiểu được chuyện này. Anh

sẽ được trình bày phần của mình. Bây giờ xin hãy rời khỏi chỗ chúng tôi và để Starling biện hộ cho chính mình,” Noonan nói. Ông nghiêng về Krendler thì thầm vào tai khiến mặt hắn đỏ lựng lên.

Crawford nhìn Starling. Tất cả những gì ông có thể làm là tuân theo lệnh.

“Cảm ơn đã tới, thưa ngài,” cô nói.

Viên cảnh sát tư pháp dẫn Crawford ra ngoài.

Nghे tiếng cửa đóng lại phía sau, Starling thẳng sống lưng lên và một mình đối mặt đám đàn ông.

Bắt đầu từ lúc đó cuộc hợp tiếp tục với sự khẩn trương của một cuộc phẫu thuật chi hồi thế kỷ mười tám.

Noonan là chuyên viên FBI có thẩm quyền nhất trong phòng, nhưng Tổng Thanh tra có thể bác bỏ ông, và ngài thanh tra hiển nhiên đã gửi Krendler tới làm đại diện toàn quyền của mình.

Noonan cầm lấy hồ sơ trước mặt. “Cô vui lòng tự giới thiệu được không? Để ghi vào biên bản.”

“Đặc vụ Clarice Starling. Có biên bản ư, Giám đốc Noonan? Tôi rất vui mừng nếu có biên bản.”

Thấy ông không trả lời, cô nói tiếp, “Ông có phiền không nếu tôi ghi âm cuộc hợp?” Cô lấy trong túi xách ra một cái máy ghi âm nhỏ loại bền hiệu Nagra.

Krendler lên tiếng. “Thông thường những cuộc hợp sơ bộ như thế này sẽ được tiến hành ở Văn phòng Tổng Thanh tra bên tư pháp. Chúng ta hợp ở đây để tiện cho mọi người vì hôm nay có lễ kỷ niệm. Nhưng luật của Tổng Thanh tra vẫn được áp

dụng. Việc này có phần nhạy cảm về mặt ngoại giao. Không được ghi âm.”

“Nói cho cô ấy nghe các lời buộc tội đi anh Krendler,” Noonan nói.

“Đặc vụ Starling, cô bị buộc tội làm lộ thông tin nhạy cảm trái luật cho một tên tội phạm lưu vong,” Krendler nói, kiểm soát nét mặt cẩn thận. “Cụ thể là cô bị buộc tội đăng mẫu quảng cáo này trên hai tờ báo Ý để cảnh báo tên lưu vong Hannibal Lecter rằng hắn đang có nguy cơ bị bắt.”

Viên cảnh sát tư pháp mang tới cho Starling một trang báo nhòe mực của tờ *La Nazione*. Cô xoay nó sang mé cửa sổ để đọc phần được khoanh tròn:

A. A. Aaron - Hãy tự thú tại một cơ quan chính quyền gần nhất, kẻ thù đang ở gần. Hannah.

“Cô nghĩ thế nào?”

“Không phải tôi làm. Tôi chưa thấy cái này bao giờ.”

“Vậy cô giải thích thế nào về chuyện mẫu tin dùng bí danh ‘Hannah’ chỉ có bác sĩ Hannibal Lecter và Cục biết? Bí danh mà Lecter yêu cầu cô dùng?”

“Tôi không biết. Ai đã phát hiện chuyện này?”

“Dịch vụ Hồ sơ ở Langley tình cờ thấy nó trong lúc dịch bài viết của tờ *La Nazione* về Lecter.”

“Nếu bí danh là một bí mật trong Cục thì tại sao Dịch vụ Hồ sơ ở Langley lại nhận ra trong tờ báo? CIA điều hành Dịch vụ Hồ sơ. Hãy hỏi họ ai khiến họ chú ý tới ‘Hannah’.”

“Tôi chắc rằng người dịch khá quen thuộc với án này.”

“Quen thuộc tới mức *đó* sao? Tôi ngờ lắm. Hãy hỏi hẳn ta xem ai đề nghị hẳn để ý chuyện này. Làm sao tôi biết được bác sĩ Lecter đã ở Florence?”

“Cô là người tìm ra lệnh truy vấn hồ sơ VICAP của Lecter từ Sở Cảnh sát Florence,” Krendler nói. “Lệnh truy vấn có từ vài ngày trước vụ giết Pazzi. Chúng tôi không biết cô phát hiện nó lúc nào. Nếu không tại sao Sở Cảnh sát Florence lại hỏi về Lecter?”

“Lý do gì khiến tôi phải cảnh báo hẳn chứ? Giám đốc Noonan, tại sao đây lại là vấn đề của Tổng Thanh tra? Tôi sẵn sàng tiến hành kiểm tra nói dối bất cứ lúc nào. Cứ việc đẩy cái máy vào đây.”

“Người Ý trình một phản đối ngoại giao về mưu toan cảnh báo cho một tên tội phạm được biết đến trong đất nước của họ,” Noonan nói. Ông chỉ vào người đàn ông tóc đỏ ngồi cạnh mình. “Đây là ông Montenegro từ Đại Sứ quán Ý.”

“Chào ngài. Và tại sao *người Ý* lại biết được chuyện này?” Starling nói. “Không phải từ Langley.”

“Lời phản đối ngoại giao cho chúng tôi quyền quyết định,” Krendler nói trước khi Montenegro kịp mở lời. “Chúng tôi muốn chuyện này được tẩy sạch sẽ để làm thỏa mãn nhà cầm quyền Ý, thỏa mãn tôi và Tổng Thanh tra, và chúng tôi muốn ngay lập tức. Tốt hơn cho tất cả mọi người nếu chúng ta cùng xem xét các sự kiện. Giữa cô và bác sĩ Lecter có chuyện gì vậy thưa cô Starling?”

“Tôi phỏng vấn bác sĩ Lecter nhiều lần theo lệnh của Trưởng phòng Crawford. Từ khi bác sĩ Lecter trốn thoát, trong vòng bảy

năm tôi nhận được hai lá thư của hắn. Ông có cả hai lá thư đó,” Starling trả lời.

“Thật ra chúng tôi có nhiều hơn,” Krendler nói. “Hôm qua, chúng tôi vừa nhận được cái này. Chúng tôi không biết cô đã nhận được những gì khác nữa.” Hắn với lấy hộp bìa cứng méo mó đầy con dấu bưu điện ở đằng sau.

Krendler làm bộ thích thú mùi hương từ cái hộp tỏa ra. Hắn trở vào địa chỉ người nhận mà không thèm cho Starling xem. “Gửi tới nhà cô ở Arlington, đặc vụ Starling. Ông Montenegro, ông vui lòng nói cho chúng tôi biết những thứ này là gì?”

Nhà ngoại giao người Ý chỉ vào những món đồ bọc giấy lụa mỏng, trên tay ông ta có chiếc khuy măng séc lấp lánh.

“Vâng, đây là các sản phẩm dưỡng da, *sapone di mandorle*, xà phòng hạnh nhân nổi tiếng của Santa Maria Novella ở Florence, từ nhà thuốc ở đó, và vài loại nước hoa. Đây là những thứ người ta tặng nhau khi đang yêu.”

“Những thứ này đã được kiểm tra độc tố và chất kích thích rồi phải không Clint?” Noonan hỏi người quản lý cũ của Starling.

Pearsall trông có vẻ xấu hổ. “Vâng,” ông nói. “Chúng chẳng có gì bất thường cả.”

“Một quà tặng của tình yêu,” Krendler nói có phần thỏa mãn. “Bây giờ chúng ta có một lá thư tình.” Mở một tấm da dê mỏng trong hộp, hắn cầm nó lên, đưa tấm hình vẽ gương mặt Starling với thân hình một con sư tử cái có cánh ra. Hắn xoay mảnh giấy để đọc chữ viết tay của bác sĩ Lecter: “*Starling, cô có bao giờ nghĩ*

tại sao lũ người philistine chẳng hiểu mình không? Đó là vì cô là câu trả lời cho câu đố của Samson: cô là mật ngọt trong sư tử.”

*“Il miele dentro la leonessa,** thật hay,” Montenegro nói, cất câu đó đi để dùng sau này.

“Nó thế nào?” Krendler hỏi.

Ông người Ý phẩy tay không trả lời khi nhận thấy Krendler sẽ chẳng bao giờ nghe ra âm điệu trong phép ẩn dụ của bác sĩ Lecter, cũng như sẽ chẳng cảm nhận được những điều nó gọi lên rõ mồn một ở bất cứ nơi nào nữa.

“Ngài Tổng Thanh tra muốn kiểm soát chuyện này vì nó dính dáng tới quốc tế,” Krendler nói. “Nó sẽ đi tới mức nào, cáo buộc hành chính hay hình sự tùy vào việc chúng tôi sẽ tìm thấy gì trong cuộc thăm dò đang được tiến hành. Nếu nghiêm trọng đến mức hình sự, đặc vụ Starling ạ, nó sẽ được chuyển cho Phòng Công liêm của Bộ Tư pháp, và Phòng Công liêm sẽ khởi kiện. Cô sẽ được báo trước để chuẩn bị. Giám đốc Noonan...”

Noonan hít một hơi dài và ra phán quyết. “Clarice Starling, tôi yêu cầu cô nghỉ phép hành chính cho tới khi việc này được giải quyết. Cô phải nộp lại vũ khí và thẻ FBI. Cô chỉ được vào những nơi công cộng liên bang. Cô sẽ được hộ tống ra khỏi tòa nhà. Vui lòng trao vũ khí và giấy tờ cho đặc vụ Pearsall. Nào.”

Đi tới chỗ bàn, Starling nhìn đám đàn ông trong một giây như nhìn những mục tiêu trong một cuộc thi bắn súng. Cô có thể giết cả bốn người bọn họ trước khi bất kỳ người nào kịp rút súng. Một khoảnh khắc qua đi. Cô lấy khẩu súng .45 ra, nhìn chằm chằm vào Krendler khi thả rơi băng đạn vào tay, đặt nó

lên bàn rồi lấy viên đạn ra khỏi ổ. Krendler chụp nó trên không và nắm chặt tới nỗi khớp tay trắng bệch.

Tiếp theo là huy hiệu và thẻ.

“Cô có súng dự phòng đúng không?” Krendler hỏi. “Và một khẩu súng săn nữa?”

“Kìa Starling?” Noonan nhắc.

“Được cất trong xe tôi.”

“Các thiết bị chiến thuật khác?”

“Một cái nón bảo hộ và một áo giáp chống đạn.”

“Ông cảnh sát tư pháp, ông hãy lấy lại những thứ đó khi hộ tống cô Starling ra xe,” Krendler nói. “Cô có một cái điện thoại di động mã hóa đúng không?”

“Phải.”

Krendler nhượng mày về phía Noonan.

“Hãy nộp nó đi,” Noonan nói.

“Tôi muốn nói vài điều, tôi nghĩ tôi có quyền đó.”

Noonan nhìn đồng hồ. “Cứ nói.”

“Đây là một cái bẫy. Tôi nghĩ Mason Verger đang muốn tự bắt bác sĩ Lecter vì mục đích báo thù cá nhân. Tôi nghĩ hắn bắt huyệt bác sĩ Lecter ở Florence. Tôi nghĩ ông Krendler đang bắt tay với Verger và dùng nỗ lực của FBI chống lại bác sĩ Lecter để làm việc cho Verger. Tôi nghĩ Paul Krendler thuộc Bộ Tư pháp đang kiếm tiền từ việc này và tôi nghĩ ông ta sẵn sàng hủy diệt tôi để làm điều đó. Trước đây ông Krendler đã đối xử không đúng đắn với tôi còn hiện giờ đang hành xử vì thù hận và tài chính cá nhân. Ngay trong tuần này, ông ta đã gọi tôi là ‘con nhà quê’.

Trước hội đồng này, tôi thách ông Krendler tham dự kiểm tra nói dối cùng tôi về những vấn đề này. Tôi sẽ hoàn toàn nghe theo các ông. Chúng ta có thể làm ngay bây giờ.”

“Đặc vụ Starling, cũng may là hôm nay cô không thể nói thật...” Krendler bắt đầu.

“Tôi *thề*. Ông cũng phải *thề*.”

“Tôi cam đoan với cô, nếu chứng cứ thiếu thuyết phục, cô được phục hồi nguyên vị không thành kiến,” Krendler nói với giọng tử tế nhất. “Trong lúc này, cô sẽ vẫn nhận lương và được bảo hiểm cùng quyền lợi y tế. Kỳ nghỉ hành chính này không phải để trừng phạt cô, đặc vụ Starling, hãy dùng nó theo ý của cô,” Krendler nói với giọng thân mật. “Thật ra, nếu muốn cô có thể dùng kỳ nghỉ để lấy hạt đất kia ra khỏi gò má, tôi chắc là y tế...”

“Nó không phải là đất,” Starling nói. “Đó là thuốc súng. Hèn chi ông không nhận ra.”

Viên cảnh sát tư pháp đang đợi, tay ông ta chìa về phía cô.

“Tôi rất tiếc Starling,” Clint Pearsall nói, tay đầy tư trang của cô.

Cô nhìn ông ta rồi lại ngó ra chỗ khác. Paul Krendler lướt về phía cô khi những người đàn ông khác đợi nhà ngoại giao Montenegro rời phòng trước. Krendler bắt đầu thì thầm gì đó, hẳn đã chuẩn bị trước: “Starling, cô quá già để...”

“Xin lỗi.” Đó là Montenegro. Quay lại ở cửa, nhà ngoại giao cao lớn tiến đến chỗ cô.

“Xin lỗi,” Montenegro lặp lại, nhìn vào mặt Krendler cho tới khi hẳn nhận nhó quay mặt đi.

“Tôi rất lấy làm tiếc vì chuyện này lại xảy đến với cô,” ông nói. “Tôi hy vọng cô vô tội. Tôi hứa sẽ thúc ép Sở Cảnh sát Florence tìm ra xem *inserzione*, mẫu quảng cáo, được trả tiền bằng cách nào ở tờ *La Nazione*. Nếu cô nghĩ ra điều gì, tôi có thể giúp... trong tầm ảnh hưởng của tôi ở Ý, hãy nói với tôi và tôi sẽ giúp đến cùng.” Montenegro đưa cho cô một tấm danh thiếp cứng nhỏ có in chữ nổi và phốt lờ bàn tay chìa ra của Krendler khi ông ra khỏi phòng.

Đám phóng viên, đi qua cổng chính dành cho buổi lễ kỷ niệm sắp tới, đang tụ tập ở trong sân. Một vài người có vẻ biết phải đợi ai.

“Ông có cần phải giữ cùi chỏ của tôi không?” Starling hỏi viên cảnh sát tư pháp.

“Không thưa bà, tôi không cần,” ông nói và dọn đường cho cô đi qua đám micrô và hàng tá câu hỏi quăng ra.

Lần này Tóc Đuối hình như biết được sự việc. Câu hỏi mà hần hét lên chính là “Có phải là cô bị đình chỉ vì vụ Hannibal Lecter không? Cô có nghĩ sẽ bị kết tội hình sự không? Cô có gì để nói về những cáo buộc của người Ý không?”

Trong bãi đậu xe, Starling nộp áo giáp chống đạn, nón bảo hiểm, súng săn và khẩu súng lục dự phòng. Viên cảnh sát tư pháp đứng đợi trong khi cô tháo đạn ra khỏi khẩu súng lục nhỏ và lau bằng vải lem luốc dầu.

“Tôi đã xem cô bắn ở Quantico, đặc vụ Starling,” ông nói. “Tôi vào đến vòng tứ kết trong cuộc thi giữa các cảnh sát tư pháp. Tôi sẽ lau kỹ khẩu .45 của cô trước khi cất đi.”

“Cảm ơn ông.”

Ông lần chân sau khi cô đã vào xe. Ông nói gì đó trong tiếng nổ của chiếc Mustang. Cô hạ cửa sổ xuống và ông nhắc lại.

“Tôi ghét chuyện xảy ra cho cô.”

“Cảm ơn ông. Tôi rất biết ơn vì câu nói này.”

Một chiếc xe báo chí chuyên dùng để đeo bám đã đợi ở ngoài cửa bãi đậu xe. Starling nhấn ga để bỏ rơi nó và bị phạt quá tốc độ cách tòa nhà J. Edgar Hoover ba khu nhà. Phóng viên chụp hình trong khi tuần cảnh thủ đô viết giấy phạt.

Sau khi cuộc họp kết thúc, Trợ lý Giám đốc Noonan ngồi ở bàn làm việc, xoa xoa vết hằn của kính trên mũi.

Việc loại bỏ Starling chẳng làm ông phiền lòng. Ông tin rằng có yếu tố tình cảm trong phụ nữ khiến họ không phù hợp với Cục. Nhưng ông đau lòng khi thấy Jack Crawford bị hạn chế. Jack là một trong những gã cừ. Có lẽ Jack không nhìn thấu được cô Starling này, nhưng mà chuyện đó có thể xảy ra khi mà vợ Jack đã mất. Noonan đã từng có một tuần lễ không thể rời mắt khỏi một cô gái viết tốc ký hấp dẫn khiến ông phải đuổi việc cô ta trước khi cô ta gây ra rắc rối.

Noonan đeo kính vào rồi đi thang máy xuống thư viện. Ông thấy Jack Crawford ở khu vực đọc sách, ngồi trên ghế dựa đầu vào tường. Ban đầu Noonan tưởng ông đang ngủ. Mặt Crawford xám xịt và đang đầm đìa mồ hôi. Ông tròn mắt và há hốc miệng.

“Jack?”

Noonan vỗ vai ông rồi sờ vào cái cằm lạnh ngắt. Giọng của Noonan vang lên trong thư viện. “Thủ thư, gọi cấp cứu!”

Crawford được đưa tới bệnh viện của FBI rồi tới Bệnh viện Chăm sóc Tim Đặc biệt Tưởng niệm Jefferson.

CHƯƠNG 73

KRENDLER không thể yêu cầu một màn đưa tin tốt hơn thế.

Lễ kỷ niệm chín mươi năm thành lập FBI được kết hợp với một chuyến tham quan của những phóng viên ở trung tâm xử lý khủng hoảng. Tin tức truyền hình đã tận dụng hết mức cơ hội hiếm có được vào tòa nhà J. Edgar Hoover. Đài C-SPAN đưa lời phát biểu đầy đủ của cựu Tổng thống Bush và của ngài giám đốc trên chương trình trực tiếp. CNN trích dẫn bài diễn văn trên những tit chạy và mạng lưới truyền thanh đăng vào bản tin buổi tối. Như những kẻ chúc sắc luân phiên nhau lên bục phát biểu, Krendler đã có những giờ phút của mình. Tóc Đuối đứng gần sân khấu đặt câu hỏi: “Ông Krendler, có đúng là đặc vụ Clarice Starling đã bị đình chỉ trong vụ điều tra Hannibal Lecter không?”

“Tôi nghĩ là thật hấp tấp và không công bằng cho nhân viên đó nếu bình luận về điều ấy ngay lúc này. Tôi chỉ nói rằng Văn phòng Tổng Thanh tra đang xem xét vụ Lecter. Chưa có hình phạt nào đối với ai cả.”

CNN cũng đánh hơi được. “Ông Krendler, tin tức phía Ý nói rằng bác sĩ Lecter có lẽ đã nhận được tin tức không hợp lệ từ phía chính phủ cảnh báo hẩn chạy trốn. Có phải đó là lý do đặc vụ Starling bị đình chỉ không? Có phải đó là lý do tại sao Văn

phòng Tổng Thanh tra can thiệp vào mà không phải là Văn phòng Trách nhiệm Nghiệp vụ nội bộ không?”

“Tôi không thể bình luận tin tức nước ngoài Jeff ạ. Tôi *có thể* nói là Văn phòng Tổng Thanh tra đang điều tra lời cáo buộc cho đến giờ vẫn chưa được chứng minh. Chúng tôi có trách nhiệm đối với nhân viên của chúng tôi cũng như đối với đồng nghiệp nước ngoài,” Krendler nói, xia ngón tay vào không khí như là một ông Kennedy. “Vụ án Hannibal Lecter đang trong tay những người ưu tú, không chỉ là Paul Krendler mà còn rất nhiều chuyên viên từ mọi chuyên môn của FBI và Bộ Tư pháp. Chúng tôi đang có một kế hoạch mà sẽ chỉ tiết lộ vào đúng lúc khi đã thành công.”

Kẻ vận động hành lang người Đức, cũng là chủ nhà của bác sĩ Lecter đã trang bị căn nhà với một bộ ti vi Grundig to tướng và cố gắng hòa hợp nó với đồ trang trí bằng cách đặt một trong những bức tượng đồng nhỏ Leda và Thiên nga lên trên cái kệ ti vi cực kỳ tối tân.

Bác sĩ Lecter đang xem bộ phim *Lược sử thời gian*, nói về nhà vật lý học thiên thể vĩ đại Stephen Hawking và những nghiên cứu của ông. Hắn đã xem phim này nhiều lần. Đây là đoạn hắn thích, lúc cái tách trà rơi khỏi bàn và vỡ thành từng mảnh trên sàn nhà.

Hawking vận người trên ghế, nói bằng giọng của máy tính:

“Sự khác biệt giữa quá khứ và tương lai từ đâu mà ra? Định luật khoa học không phân biệt giữa quá khứ và tương lai. Nhưng lại có một sự khác biệt lớn giữa quá khứ và tương lai trong đời sống bình thường.”

Bạn có thể nhìn thấy một tách trà rơi khỏi bàn và bể thành từng mảnh trên sàn nhà. Nhưng bạn không thể thấy được cái tách tự thu gom lại những mảnh vỡ rồi nhảy lại lên bàn.”

Đoạn phim chạy ngược chiếu cảnh cái tách tự nhảy lại lên bàn. Hawking tiếp tục:

“Sự gia tăng tính vô trật tự hay entropy là thứ phân biệt quá khứ và tương lai, giúp xác định hướng của thời gian.”*

Bác sĩ Lecter rất hâm mộ nghiên cứu của Hawking và theo dõi kỹ càng hết mức trong tạp chí toán học. Hẳn biết là Hawking đã từng tin rằng vũ trụ sẽ ngừng giãn nở và sẽ thu nhỏ lại lần nữa, entropy có thể đi từ cao xuống thấp. Sau đó Hawking phát biểu rằng ông đã lầm lẫn.

Lecter khá giỏi trong lĩnh vực toán cao cấp nhưng Stephen Hawking lại ở trên một chiếc máy bay hoàn toàn khác so với những người còn lại. Trong nhiều năm, Lecter đã từng đặt niềm tin vào câu đố này, tha thiết muốn niềm tin ban đầu của Hawking đúng để quá trình giãn nở vũ trụ ngừng lại, để entropy tự chỉnh sửa và để Mischa đã bị ăn thịt trở lại nguyên vẹn.

Thời gian. Bác sĩ Lecter ngừng cuộn phim và bật qua tin tức.

Truyền hình và sự kiện tin tức xung quanh FBI được liệt kê mỗi ngày trên trang web công của FBI. Ngày nào bác sĩ Lecter cũng ghé vào trang web để chắc chắn rằng họ vẫn còn dùng tấm hình cũ của hắn trong mười lệnh truy nã khẩn cấp nhất. Và hắn đã thuộc lòng ngày thành lập của FBI nên vào đó xem. Hắn ngồi trên chiếc ghế bành, mặc áo khoác, đeo cà vạt màu khói và theo dõi những lời nói dối của Krendler. Hắn theo dõi Krendler với đôi mắt nhắm hờ, tay cầm ly Brandy sát mũi và nhẹ nhàng hớp

một ngum. Hắn đã không nhìn thấy khuôn mặt nhợt nhạt đó từ khi Krendler đứng ngoài buồng giam của hắn ở Memphis bảy năm trước ngay trước lúc hắn đào tẩu.

Ở phần tin tức trong nước từ Washington, hắn nhìn thấy Starling nhận một tờ biên phạt giao thông, micrô gắn vào cửa sổ chiếc Mustang của cô. Vào lúc này, tin tức truyền hình đăng tin Starling “bị cáo buộc vi phạm bảo mật nước Mỹ” trong vụ án Lecter.

Hai con mắt màu hạt dẻ của bác sĩ Lecter mở to trước hình ảnh của cô và sâu trong đồng tử của hắn là những tia sáng chờn vờn quanh hình ảnh gương mặt cô. Hắn giữ cả khuôn mặt hoàn hảo của cô trong đầu một lúc lâu sau khi cô đã biến mất khỏi màn ảnh. Và hắn ém nó cùng với một hình ảnh khác, Mischa, ép chúng lại với nhau cho đến khi từ cái nhân plasma màu đỏ của hỗn hợp đó, tia sáng bay vụt lên mang theo hình ảnh tách rời của họ về phía Đông vào bầu trời đêm lượn vòng cùng những vì sao trên biển.

Giờ đây, nếu vũ trụ thu nhỏ lại, nếu thời gian trở lại quá khứ và những mảnh vỡ của tách trà ráp lại với nhau, một chỗ có thể được tạo ra cho Mischa trong vũ trụ. Chỗ xứng đáng nhất mà bác sĩ Lecter biết: chỗ của Starling. Mischa có thể đã lấy chỗ của Starling trong vũ trụ. Nếu có thể như vậy, nếu lúc đó quay lại lần nữa, cái chết của Starling sẽ để lại cho Mischa một chỗ sáng loáng và sạch sẽ như chiếc bồn tắm bằng đồng trong vườn.

CHƯƠNG 74

BÁC SĨ Lecter đậu chiếc xe bán tải cách Bệnh viện Maryland-Misericordia một dãy nhà. Hắn lau đồng hai lần xu rồi bỏ lên đồng hồ xe. Mặc bộ áo liền quần lót bông của công nhân để chống lạnh, đội mũ lưỡi chai dài để tránh máy quay an ninh, hắn đi vào cổng chính.

Đã hơn mười lăm năm trôi từ khi bác sĩ Lecter ở Bệnh viện Maryland-Misericordia nhưng bố cục cơ bản vẫn không thay đổi. Việc nhìn lại nơi hắn bắt đầu hành nghề y khoa chẳng có ý nghĩa gì với hắn. Cái chỗ an toàn của hắn trên lầu đã được nâng cấp lại bề ngoài nhưng chắc vẫn như lúc hắn còn làm ở đây, theo như bản thiết kế của Sở Công trình.

Thẻ thăm bệnh từ quầy tiếp tân cho phép hắn lên được tầng bệnh nhân. Hắn đi dọc hành lang đọc tên bệnh nhân và bác sĩ trên cửa phòng. Đây là khu hồi sức hậu phẫu nơi bệnh nhân chuyển đến khi ra khỏi phòng chăm sóc đặc biệt sau phẫu thuật sọ hay tim mạch.

Nhìn bác sĩ Lecter đi trong hành lang, hắn bạn sẽ nghĩ hắn đọc rất chậm vì môi của hắn di chuyển không tiếng động và thi thoảng hắn lại gãi đầu như một thằng đàn. Rồi hắn ngồi xuống ở phòng chờ để trông ra được hành lang. Hắn chờ một tiếng rưỡi giữa những người đàn bà đang kể lại bi kịch gia đình mình và

chịu đựng chương trình *Giá cả Hợp lý* trên ti vi. Cuối cùng hắn nhìn thấy điều hắn đang chờ đợi: một bác sĩ vẫn còn mặc đồ phẫu thuật màu xanh đang đi một mình. Đây là... bác sĩ phẫu thuật đến thăm bệnh nhân của... bác sĩ Silverman. Bác sĩ Lecter đứng dậy và gãi đầu. Nhặt một tờ báo cũ mềm từ cái bàn nhỏ, hắn bước ra khỏi phòng chờ. Một căn phòng nữa của bệnh nhân của Silverman cách đó hai phòng. Bác sĩ Lecter lên vào trong. Căn phòng tranh tối tranh sáng, bệnh nhân đang ngủ ngon lành, đầu và một bên mặt băng kín. Trên màn hình theo dõi, một đường sáng nhấp nhô đều đặn.

Bác sĩ Lecter nhanh chóng cởi bỏ lớp ngoài lót bông để lộ bộ đồ giải phẫu màu xanh lá. Hắn đeo bao giày, nón, mặt nạ và găng tay vào. Từ trong túi, hắn lấy ra một túi rác màu trắng rồi mở ra.

Bác sĩ Silverman đi vào và ngoái lại nói với ai đó trong hành lang. *Một y tá sẽ vào cùng hắn chẳng?* Không.

Lưng quay ra phía cửa, bác sĩ Lecter nhặt thùng rác lên đổ hết vào túi rác của hắn.

“Xin lỗi bác sĩ. Tôi sẽ tránh đường ngay đây,” bác sĩ Lecter nói.

“Được rồi mà,” bác sĩ Silverman nói và cầm bìa kẹp điểm danh ở chân giường lên. “Cứ làm việc anh cần làm đi.”

“Cảm ơn,” nói dứt lời bác sĩ Lecter liền vụt dùi cui bao da vào gáy vị bác sĩ, phải nói là chỉ với một cái vẩy tay, đoạn hắn ôm quanh ngực ông trong khi ông sụm người xuống. Chứng kiến bác sĩ Lecter nhắc một người bao giờ người ta cũng phải ngạc nhiên; nếu đem hình thể ra làm quy chiếu thì phải nói hắn

mạnh như một con kiến. Bác sĩ Lecter khiêng bác sĩ Silverman vào phòng tắm bệnh nhân rồi kéo quần xuống. Hắn đặt bác sĩ Silverman lên bồn cầu.

Vị bác sĩ ngồi đó đầu gục vào đầu gối. Bác sĩ Lecter nhắc ông lên đủ lâu để nhìn thấy đồng tử của ông đoạn lột mấy bảng tên cài trước bộ áo phẫu thuật màu xanh lá.

Hắn thay bảng tên của vị bác sĩ bằng thẻ thăm bệnh nhân của mình, lộn ngược thẻ lại. Hắn đeo ống nghe lên quanh cổ theo một quãng khăn đang thịnh hành, đẩy cái kính phẫu thuật phóng to phức tạp lên trên đầu, rồi nhét cây dùi cui da vào ống tay áo.

Giờ đây hắn đã sẵn sàng thâm nhập vào vị trí trung tâm của Maryland-Misericordia.

Bệnh viện tuân thủ chặt chẽ chỉ dẫn của liên bang về việc quản lý dược phẩm gây mê. Trên tầng bệnh nhân, tủ thuốc ở mỗi bàn y tá đều bị khóa. Cần phải có hai chìa khóa do y tá trực và người trợ lý thứ nhất giữ mới mở được. Ai lấy, lấy gì, lấy bao nhiêu, đều được ghi chép lại cẩn thận.

Tại phòng phẫu thuật, nơi an toàn nhất trong bệnh viện, mỗi phòng đều được sắp thuốc cho ca kế tiếp vài phút trước khi đem bệnh nhân vào. Thuốc cho bác sĩ gây mê được đặt gần bàn mổ, trong cái tủ có một ngăn lạnh và một ngăn cùng nhiệt độ phòng.

Thuốc dự trữ được giữ trong phòng phát thuốc phẫu thuật gần phòng rửa tay. Ở đó chứa rất nhiều thuốc không thể tìm thấy ở những phòng phát thuốc tổng hợp dưới lầu, thuốc mê và loại thuốc mê-thôi miên quý hiếm có thể dùng cho phẫu thuật

tim mở và phẫu thuật não trên bệnh nhân còn tỉnh và phản ứng.

Lúc nào cũng có người trông coi phòng thuốc vào giờ làm việc ban ngày và khi có dược sĩ trong phòng thì tủ không bao giờ khóa cả. Không có thời gian để lục tìm chìa khóa trong trường hợp phẫu thuật tim khẩn cấp. Đeo mặt nạ phẫu thuật, bác sĩ Lecter đẩy cửa bước vào phòng phẫu thuật.

Để cố tạo không khí vui vẻ, phòng phẫu thuật được sơn bằng nhiều màu chói kết hợp với nhau mà ngay cả một người hấp hối cũng phải thấy bức bối. Vài bác sĩ đến trước bác sĩ Lecter đã ký tên điểm danh ở bàn và đang tiến vào phòng rửa tay. Bác sĩ Lecter cầm bìa kẹp điểm danh lên và di chuyển bút trên giấy mà không hề viết lách gì cả.

Trên lịch ghi một ca mổ u não trong phòng B sẽ bắt đầu trong hai mươi phút nữa, ca đầu tiên của ngày. Trong phòng rửa tay, hẩn tháo găng tay, cho vào túi rồi rửa thật kỹ lên tận cùi chỏ, sau đó lau khô, xoa bột và mang găng lại. Giờ thì ra hành lang. Phòng thuốc sẽ là phòng kế tiếp bên tay phải. Không. Một cánh cửa màu mơ đề bảng MÁY PHÁT ĐIỆN KHẨN CẤP và đằng trước là cánh cửa phòng B. Một y tá dừng lại ngay khuỷu tay hẩn.

“Xin chào bác sĩ.”

Bác sĩ Lecter ho lên đằng sau lớp mặt nạ rồi lẩm bẩm câu chào. Hẩn quay lại phòng rửa tay, miệng lẩm bẩm như thể hẩn đã bỏ quên thứ gì. Người y tá nhìn theo hẩn một lát rồi đi tiếp vào phòng phẫu thuật. Bác sĩ Lecter lột găng tay vứt phắt vào thùng rác. Không ai chú ý. Hẩn lấy một đôi khác. Thân xác đang ở trong phòng rửa tay nhưng thực ra hẩn đang chạy khắp hành

lang của cung điện ký ức, vượt qua bộ ngực của bức tượng Pliny lên cầu thang vào phòng kiến trúc. Trong khu vực sáng trưng đầy những mô hình nhà thờ St Paul của Christopher Wren, bản sơ đồ thiết kế bệnh viện đang chờ đợi trên bàn vẽ. Sơ đồ các phòng phẫu thuật của Maryland-Misericordia được Sở Công trình Baltimore thiết kế từng đường kẻ một. Hắn đang ở đây. Phòng thuốc ở đó. Không. Bản vẽ bị sai. Sơ đồ có lẽ đã thay đổi sau khi bản thiết kế được lưu lại. Phòng phát điện nằm đối diện hành lang dẫn tới phòng A. Có lẽ bảng tên phòng đã bị đổi lại. Ất là thế. Hắn không đủ thời gian tìm lòng vòng.

Ra khỏi phòng rửa tay, bác sĩ Lecter đi xuống hành lang dẫn tới phòng A. Cửa bên tay trái. Đèn bảng MRI*. Đi tiếp. Kế đó là phòng thuốc. Chỗ trên sơ đồ đã được chia ra thành một phòng chụp cộng hưởng từ và một khu riêng chứa thuốc.

Cánh cửa nặng trịch của phòng thuốc đang mở, được giữ bằng cái chặn cửa. Lăn nhanh vào trong phòng, bác sĩ Lecter kéo cánh cửa đóng lại sau lưng.

Một anh chàng dược sĩ béo lùn đang ngồi xếp thứ gì đó lên cái kệ thấp.

“Tôi có thể giúp gì bác sĩ không?”

“Vâng, phiền anh chút.”

Người thanh niên chuẩn bị đứng dậy nhưng không thể được nữa. Một cú dùi cui đập mạnh và anh dược sĩ đánh rầm một cái lúc đổ ập xuống sàn.

Lột áo phẫu thuật ra, bác sĩ Lecter nhét vào sau tạp dề đang mặc.

Cúi xuống đứng lên thật nhanh qua những cái kệ, đọc nhãn bằng tốc độ ánh sáng: *Ambien, amobarbital, Amytal, chloral hydrate, Dalmane, flurazepam, Halcion* và vơ một đồng ống thuốc vào trong túi. Rồi hẩn vào phòng giữ lạnh, vừa đọc vừa gạt vào túi *midazolam, Noctec, scopolamine, Pentothal, quazepam, solzidem*. Trong vòng không đến bốn mươi giây, bác sĩ Lecter đã trở lại hành lang, đóng sập cánh cửa phòng thuốc phía sau hẩn.

Hẩn vào lại phòng rửa tay để soi gương xem trên người có bị sưng không. Không vội vã, hẩn trở lại cánh cửa đưa qua đưa lại, và với bảng tên cổ tình xoay ngược, mặt nạ đeo vào và kính kéo xuống mắt, ống nhòm đưa lên, nhịp tim bảy mươi hai, hẩn chào hỏi cộc lốc với những bác sĩ khác. Xuống thang cuốn, xuống và xuống nữa, vẫn đeo mặt nạ và nhìn vào bìa kẹp hồ sơ hẩn đã nhặt đại ở đâu đó.

Có lẽ khách vào bệnh viện thấy kỳ quặc vì hẩn vẫn đeo mặt nạ phẫu thuật dù đã xuống hết các bậc thang và ra khỏi tầm máy quay an ninh. Hẩn mấy kẻ rồi hơi trên phố sẽ thắc mắc tại sao một bác sĩ lại lái một chiếc xe tải cũ kỹ ọp ẹp như thế.

Trở lại phòng phẫu thuật, một bác sĩ gây mê sau khi sốt ruột gõ cửa phòng thuốc đã tìm thấy dược sĩ bị bất tỉnh và thêm mười lăm phút nữa mới biết thuốc đã bị mất.

Khi tỉnh lại, bác sĩ Silverman gục xuống cửa bên cạnh bồn cầu, quần bị tụt. Ông hoàn toàn không nhớ mình đã vào đây và không hề biết mình đang ở đâu. Ông nghĩ rằng có lẽ mình đã bị một chứng tai biến, có thể là tiểu đột quỵ xảy ra do rặn khi đi cầu. Ông cử động một cách cẩn trọng vì sợ làm dịch chuyển cục

máu ghen. Ông nằm yên trên sàn cho đến khi giờ được tay ra ngoài hành lang. Kiểm tra cho thấy ông bị một chấn động nhẹ.

Bác sĩ Lecter dừng lại ở hai nơi rồi mới về nhà. Hắn dừng lại chỗ thùng bỏ thư ở ngoại ô Baltimore đủ lâu để lấy một gói hàng đặt trên mạng của một công ty cung cấp đồ tang lễ. Đó là một bộ lễ phục có áo sơ mi, đeo sẵn cà vạt và xẻ hết sau lưng.

Tất cả những gì hắn cần là rượu, một thứ thật sự, thật sự lễ lạc. Cái đó thì hắn phải đến Annapolis. Nếu được lái chiếc Jaguar tới đó thì khoái chừng nào.

CHƯƠNG 75

KRENDLER đang mặc đồ chạy bộ mùa lạnh và phải mở khóa áo ra cho khỏi nóng lúc Eric Pickford gọi hắn từ nhà ở Georgetown.

“Eric, hãy đến quán cà phê gọi điện thoại công cộng cho tôi.”
“Xin lỗi, tôi chưa hiểu...”

“Cứ làm như tôi bảo.”

Krendler cởi băng đô giữ tóc và găng tay để trên cây đàn dương cầm trong phòng khách. Bằng một ngón tay, hắn mỗ lên phím bài nhạc trong phim *Dragnet* tới khi cuộc đối thoại tiếp tục: “Starling thừa thông thạo về công nghệ đó Eric. Biết đâu cô ta có gài điện thoại của cô ta. Chúng ta phải giữ bảo mật trong công việc chính phủ chứ.”

“Vâng thưa ngài.”

“Starling gọi cho tôi, ông Krendler. Cô ta muốn lấy mấy cái cây và đồ đạc của cô ta - cái con chim ngu xuẩn uống nước từ cái ly đó. Tuy nhiên, cô ta nói với tôi một điều rất hữu ích. Cô ta nói bỏ số cuối cùng trên các mã bưu điện của địa chỉ đặt mua tạp chí khả nghi nếu như hiệu của chúng nhỏ hơn hoặc bằng ba. Cô ta nói bác sĩ Lecter có thể đã dùng một vài thùng thư mã 435 gần nhau cho thuận tiện.”

“Và?”

“Tôi nảy ra ý nghĩ từ đó. *Tạp chí Bệnh học Thần kinh* chuyển đến một mã số bưu điện, tờ *Physica Scripta* và *ICARUS* đến một mã khác. Chúng cách nhau khoảng mười dặm. Đơn đặt báo dưới tên khác nhau và trả bằng chi phiếu.

“*ICARUS* là báo gì?”

“Đó là một tờ tạp chí quốc tế về nghiên cứu hệ thống năng lượng mặt trời. Hai mươi năm trước, hần là người đặt báo theo hợp đồng. Thùng nhận thư ở Baltimore. Báo thường được giao và ngày mười hằng tháng. Còn điều này nữa, mới phút trước một chai Château được bán ra, là gì nhỉ, *Yuckum* phải không nhỉ?”

“Đúng rồi, hình như đọc là EEE-Kim. Thế thì sao?”

“Đó là cửa hàng rượu cao cấp ở Annapolis. Tôi nhập món hàng vào và nó trùng khớp với danh sách những ngày nhạy cảm mà Starling đã nhập. Chương trình cho ra kết quả khớp với năm sinh của Starling. Đó là năm người ta chế ra rượu này, năm sinh của cô ta. Đối tượng đã trả ba trăm hai mươi lăm đô la tiền mặt cho nó và...”

“Chuyện này xảy ra trước hay sau khi anh nói chuyện với Starling?”

“Chỉ vừa sau đó, một phút trước...”

“Vậy là cô ta không biết.”

“Không, tôi nên gọi...”

“Anh nói là người bán hàng gọi cho anh về chai rượu bán lẻ đó à?”

“Vâng thưa sếp. Cô ta có ghi lại ở đây, chỉ có ba chai như thế ở bờ Đông. Cô ta đã thông báo cho cả ba nơi. Thật là hâm mộ.”

“Ai đã mua vậy? Hắn trông như thế nào?”

“Một người đàn ông da trắng, cao trung bình có râu. Hắn mặc đồ ấm.”

“Cửa hàng rượu có máy quay không?”

“Có thưa sếp, đó là câu đầu tiên tôi hỏi. Tôi nói sẽ cử người đến lấy cuộn băng. Tôi vẫn chưa làm. Người bán hàng không đọc bản cáo thị nhưng anh ta đã báo với chủ tiệm vì đó là một món hàng bất thường. Người chủ tiệm chạy ra ngoài vừa đúng lúc thấy mục tiêu - ông ta nghĩ mục tiêu lái xe đi trong chiếc xe bán tải cũ. Màu xám có một cái ê tô phía sau. Nếu đó là Lecter, ông có nghĩ hắn sẽ cố giao cho Starling không? Tốt hơn chúng ta nên cảnh báo cô ta.”

“Đừng,” Krendler ngăn. “Đừng nói với cô ta.”

“Tôi có thể báo cho VICAP bảng tin và hồ sơ của Lecter không?”

“*Không*,” Krendler đáp sau khi nghĩ thật nhanh. “Anh có nhận được câu trả lời từ Questura về máy tính của Lecter không?”

“Không thưa sếp.”

“Vậy thì chừng nào chúng ta chắc chắn không phải đích thân Lecter đọc nó, anh mới có thể báo cho VICAP. Có lẽ hắn có mã truy cập của Pazzi. Hoặc là Starling đang đọc và mách nước cho hắn như cô ta đã làm ở Florence.”

“Ồ, *đúng* rồi. Tôi biết rồi. Cơ quan ở Annapolis có thể lấy cuộn băng.”

“Cứ để đó tôi lo hết cho.”

Pickford đọc địa chỉ của cửa hàng rượu.

“Hãy tiếp tục theo dõi đơn đặt báo,” Krendler chỉ thị. “Khi nào Crawford đi làm lại, anh có thể báo cho ông ta về vụ đặt báo. Ông ta sẽ tổ chức đưa tin về những thùng nhận thư sau ngày mười.”

Krendler gọi vào số của Mason, và bắt đầu chạy thật nhanh từ nhà ở thị trấn Georgetown đến công viên Thung lũng đá.

Trong khung cảnh âm đạm chỉ nhìn thấy cái băng đô Nike trắng, đôi giày Nike trắng và cái sọc trắng dọc bên hông bộ đồ chạy của hắn như thể không còn có thương hiệu nào khác.

Đó là một buổi chạy ngắn chừng nửa tiếng đồng hồ. Hắn nghe thấy tiếng cánh quạt máy bay trực thăng vừa lúc thấy sân bay gần sở thú. Hắn có thể hụp xuống dưới cánh quạt và tới được bậc thang mà không cần phải giảm tốc độ. Chiếc trực thăng nâng độ cao làm cho hắn thấy phấn khích, thành phố, những tòa nhà sáng rực lùi ra xa khi chiếc máy bay chở hắn lên tới độ cao xứng tầm với hắn để đi đến Annapolis lấy cuộn băng rồi tới chỗ Mason.

CHƯƠNG 76

“ANH phải chỉnh mấy thứ mà mẹ đó đi chứ Cordell?” Giọng như tiếng radio trầm đục không thể nói được phụ âm môi của Mason làm cho chữ *phải* và *mà mẹ* nghe như là *ải* và *ả ẹ*.

Krendler đứng cạnh Mason trong góc tối của căn phòng để nhìn cho rõ màn hình đặt trên cao. Trong cái nóng bức của căn phòng, hắn cởi chiếc áo chạy trẻ trung ra buộc hai ống tay quanh bụng để lộ áo thun Princeton. Cái băng đô và đôi giày sáng bóng dưới ánh sáng từ bể cá.

Margot cho rằng Krendler có đôi vai của một con gà. Khi hắn đến, cả hai gần như không thèm chào nhau.

Không có bộ đếm băng hay ghi giờ trên máy quay an ninh của tiệm bán rượu và việc buôn bán trong mùa Giáng sinh rất bận rộn. Cordell phải tua từ khách này qua khách khác trong rất nhiều giao dịch. Mason để thời gian qua một cách khó chịu.

“Anh đã nói gì khi vào tiệm rượu trong bộ đồ chạy bộ và khoe tiền ra hả Krendler? Anh nói là anh đang tham gia cuộc thi Olympic đặc biệt hả?” Mason không còn tỏ ra tôn trọng lắm kể từ khi Krendler ký gửi chi phiếu vào ngân hàng.

Krendler không thấy bị xúc phạm khi lợi ích của hắn bị đe dọa. “Tôi nói tôi đang nguy trang. Ông đã đưa những tin gì về Starling rồi?”

“Margot, nói với hắn đi.” Có vẻ như Mason muốn để dành hơi sức ít ỏi của hắn để nói những lời miệt thị.

“Chúng tôi đã huy động mười hai người trong lực lượng bảo vệ của chúng tôi ở Chicago. Họ đang ở Washington. Có ba đội, mỗi đội có một thành viên được phân công ở bang Illinois. Nếu cảnh sát bắt quả tang họ đang giữ bác sĩ Lecter, họ sẽ khai là họ nhận ra hắn nên đã thi hành nghĩa vụ công dân và vân vân. Đội nào bắt được hắn sẽ giao hắn cho Carlo. Bọn họ sẽ về lại Chicago và đó là tất cả những gì họ biết được về vụ này.”

Cuộn phim vẫn đang chạy.

“Chờ một chút Cordell, quay lại ba mươi giây trước xem nào,” Mason nói. “Nhìn đây này.”

Máy quay ở cửa hàng rượu ghi hình khu vực từ cửa trước đến quầy tính tiền.

Trên hình ảnh mờ của đoạn phim không tiếng, một người đàn ông bước vào, đội mũ lưỡi chai, mặc bộ đồ giữ nhiệt tuềnh toàng và mang găng tay. Hắn có ria mép dài và đeo kính râm. Quay lưng về phía máy quay, hắn cẩn thận đóng cánh cửa sau lưng.

Mất một phút người mua hàng mới giải thích được với người bán hàng hắn cần gì rồi theo người thanh niên đi khuất vào chỗ mấy kệ rượu.

Ba phút trôi qua. Cuối cùng họ trở ra trong tầm máy quay. Người nhân viên lau bụi trên cái chai rồi bọc miếng đệm xung quanh trước khi bỏ vào túi. Người khách chỉ bỏ găng tay phải ra lấy tiền mặt thanh toán. Miệng người nhân viên di chuyển khi

anh nói “cảm ơn” với cái lưng của gã đàn ông lúc hắn đang rời khỏi.

Ngừng lại vài giây và người nhân viên gọi ai đó không có trên hình. Một người nặng nề bước vào khung hình và chạy ra khỏi cửa.

“Người chủ tiệm đã trông thấy cái xe,” Krendler nói.

“Cordell, anh có thể chép đoạn phim này và phóng to cái đầu tên khách hàng không?”

“Một giây thừa ông Verger. Nó sẽ hơi mờ đấy.”

“Cứ làm đi.”

“Hắn vẫn mang găng trái,” Mason nói. “Có lẽ tôi đã bị lừa về cái phim X-quang đã mua.”

“Pazzi nói hắn đã sửa lại tay đúng không? Cắt ngón thừa đi,” Krendler nói.

“Có thể Pazzi đã nói dối. Tôi không biết phải tin ai. Margot, cô thấy hắn rồi đấy, cô nghĩ thế nào? Có phải đó là Lecter không?”

“Đã mười tám năm rồi,” Margot đáp. “Tôi chỉ gặp hắn có ba lần và lần nào hắn cũng đứng sau bàn lúc tôi bước vào. Hắn không đi lòng vòng. Hắn đứng im như tượng. Tôi nhớ rõ giọng nói của hắn hơn tất cả những thứ khác.”

Tiếng của Cordell vang lên trong máy bộ đàm. “Ông Verger, Carlo đã đến.”

Carlo có mùi của lũ lợn và nhiều mùi khác nữa. Hắn bước vào phòng, giữ nón ngay ngực và mùi xúc xích lợn thối tỏa ra từ đầu hắn làm cho Krendler phải xì mũi. Để tỏ ra lễ phép, kẻ bắt cóc người Sardinia ngậm hết cái răng nai đang nhai trong mồm.

“Carlo xem đây này. Cordell hãy quay lại đoạn hấn từ cửa vào lần nữa đi.”

“Thằng *khốn kiếp*” Carlo chửi trước khi mục tiêu trên màn hình rảo bước. “Mới có thêm bộ râu nhưng đó là cách hấn ngụy trang để đi lại.”

“Anh đã thấy bàn tay của hấn ở *Firenze* đó Carlo.”

“Đúng.”

“Bên trái có năm hay sáu ngón?”

“... Năm.”

“Anh đáp ngập ngừng quá.”

“Chỉ để nghĩ xem *số năm* trong tiếng Anh là gì thôi. Đúng là năm. Tôi chắc chắn.”

Mason mở hai hàm răng nhô ra ngoài thành một nụ cười. “Tôi thích rồi đó. Hấn mang găng tay để người ta tưởng hấn vẫn có sáu ngón như trong miêu tả,” hấn nói.

Có lẽ mùi của Carlo đã bay vào bể cá qua cái bơm khí. Con lươn bò ra nhìn và vẫn ở ngoài, uốn éo, uốn éo thành hình số tám vô cùng, chìa răng ra khi thở.

“Carlo, tôi nghĩ chúng ta sẽ kết thúc vụ này sớm thôi,” Mason nói. “Anh cùng Piero và Tommaso là đội đầu tiên của tôi. Tôi có niềm tin vào các anh mặc dù hấn đã đánh bại anh ở Florence. Tôi muốn theo dõi Clarice Starling vào ngày trước sinh nhật cô ta, ngày sinh nhật và một ngày sau đó. Anh sẽ được nghỉ khi cô ta đang ngủ trong nhà. Tôi sẽ điều cho anh một tài xế và xe tải.”

“*Padrone*”* Carlo nói.

“Sao?”

“Tôi muốn có thời gian riêng với tên *dottore* vì chuyện Matteo em tôi. Ông đã bảo tôi được phép làm thế.” Carlo làm dấu thánh khi nhắc đến tên người chết.

“Tôi hiểu rõ cảm giác của anh, Carlo. Tôi thông cảm sâu sắc với anh. Carlo, tôi muốn bác sĩ Lecter bị ăn thịt hai bữa. Tối đầu tiên, tôi muốn lũ lợn gặm chân hắn và cho hắn nhìn thấy qua song sắt. Tôi muốn hắn nguyên vẹn để làm việc đó. Anh nộp hắn nguyên vẹn cho tôi. Không dập đầu, không gãy xương, không hỏng mắt. Rồi hắn sẽ chờ suốt đêm không có chân cho đến khi bày lợn kết liễu hắn vào ngày hôm sau. Tôi sẽ nói chuyện với hắn một chút, sau đó anh nói với hắn một tiếng trước bữa cuối cùng. Tôi sẽ yêu cầu anh để lại một mắt cho hắn và để hắn tỉnh táo mà nhìn thấy lũ lợn nhào vô. Tôi muốn hắn nhìn thấy mặt chúng khi chúng ăn mắt hắn. Anh có muốn cắt chim hắn hay không thì tùy anh thôi nhưng tôi sẽ để Cordell ở đó cầm máu. Tôi muốn quay phim lại.”

“Nếu như hắn chảy máu đến chết ngay lúc bị gặm chân trong chuồng thì sao?”

“Không thể nào. Hắn cũng sẽ không chết vào đêm đó đâu. Hắn sẽ phải chờ suốt đêm với đôi chân đã bị ăn mất. Cordell sẽ coi sóc việc đó và truyền dịch cho hắn. Tôi nghĩ hắn cần truyền suốt đêm, có lẽ là hai bình.”

“Hoặc nếu cần thì bốn bình,” tiếng Cordell vang lên trong loa mà không thấy người đâu. “Tôi có thể tĩa sạch chân hắn.”

“Anh có thể nhỏ nước bọt hay đái vào dịch của hắn trước khi lăn hắn vào chuồng.” Mason nói với Carlo bằng cái giọng cảm thông nhất. “Hoặc là cứ xịt tinh dịch vào hắn nếu anh thích.”

Mặt Carlo sáng lên với ý nghĩ đó rồi hắn nhớ ra *signorina** lực lưỡng với cái liếc mắt tội lỗi. “*Grazie mille, padrone**. Ông có đến xem hắn chết không?”

“Tôi chưa biết được Carlo. Bụi trong chuồng ngựa làm cho tôi khó chịu. Có thể tôi sẽ xem qua phim thôi. Anh đem một con lợn đến cho tôi được không? Tôi muốn tự tay sờ một con.”

“Đến phòng này hả *padrone*?”

“Không, họ có thể đem tôi xuống nhà một lát nếu dùng bộ cấp điện.”

“Tôi sẽ phải chích thuốc mê cho nó ngủ thừa *padrone*,” Carlo nói về nghi ngờ.

“Chích một con nai ấy. Đem nó đến bãi cỏ bên ngoài thang máy. Anh có thể chạy xe nâng hàng trên bãi cỏ.”

“Ông nghĩ là nên dùng xe tải hay xe tải và xe hơi bị tông?” Krendler hỏi.

“Carlo?”

“Xe tải là đủ rồi. Hãy cho tôi một trợ lý lái xe.”

“Tôi có một thứ khác cho anh,” Krendler nói. “Cho xin chút ánh sáng được không?”

Margot bật cái biển trở và Krendler đặt ba lô của hắn lên bàn bên cạnh tô trái cây. Mang găng tay vải vào, hắn lôi ra một vật trông như cái màn hình nhỏ với một ăng ten và khung gắn lên tường cùng một ổ cứng ngoài và một túi pin sạc.

“Rất khó theo dõi Starling vì cô ta sống trong một hẻm cụt không có chỗ nào để trốn. Nhưng cô ta phải ra ngoài - cô ta là một con nghiện thể thao,” Krendler nói. “Cô ta phải tham gia

một phòng thể dục tư vì không thể dùng phòng của FBI nữa. Chúng tôi bắt gặp cô ta đậu xe ở phòng tập vào thứ Năm và đặt máy theo dõi dưới xe của cô ta. Nó là pin Ni-Cad và sẽ được sạc khi máy chạy nên cô ta sẽ không phát hiện ra dựa vào hiện tượng hụt pin. Phần mềm hoạt động trên năm bang kế nhau. Ai sẽ làm việc này?”

“Cordell vào đây đi,” Mason nói.

Cordell và Margot quỳ bên cạnh Krendler và Carlo đứng bên cạnh, nón của hấn ngay tầm lỗ mũi họ.

“Nhìn đây.”

Krendler bật màn hình lên. “Ngoại trừ việc sẽ chỉ ra xe của Starling đang ở đâu thì nó giống như một thiết bị định hướng.” Toàn cảnh thành phố Washington hiện lên trên màn hình. “Phóng lớn chỗ này, di chuyển khu vực bằng mũi tên, hiểu không? Rồi, nó không thu tín hiệu gì. Một tín hiệu từ máy theo dõi trên xe Starling sẽ làm sáng cái này và anh sẽ nghe thấy một tiếng bíp. Sau đó, anh có thể tìm được nơi phát tín hiệu qua toàn cảnh và cận cảnh. Tiếng bíp nhanh hơn khi anh lại gần hơn. Đây là khu vực xung quanh Starling ở trên bản đồ. Anh không thấy đốm sáng nào trên xe cô ta vì chúng ta đang ở ngoài tầm bao phủ. Ở bất cứ đâu trong thành phố Washington hay Arlington anh sẽ thấy được. Tôi thu được nó khi máy bay trực thăng bay ra. Đây là bộ chuyển đổi cho ổ cắm điện xoay chiều trong xe tải của anh. Một việc nữa. Anh phải đảm bảo với tôi là cái này không bao giờ rơi vào tay kẻ nào khác. Nếu như anh biết thì cái này vẫn chưa có trong mấy cửa hàng bán thiết bị theo dõi. Hoặc là tôi lấy lại nó hoặc nó phải ở dưới đáy sông Potomac. Anh hiểu chứ?”

“Cô hiểu không Margot?” Mason nói. “Cô và Cordell? Hãy gọi Mogli lái xe và hướng dẫn ngăn gọn mọi thứ cho anh ta.”



V

MỘT CÂN THỊT

CHƯƠNG 77

CÁI HAY của súng hơi là nó có thể bắn trong khi họng súng vẫn còn trong xe mà không làm điếc tai mọi người xung quanh - không cần thò họng súng ra ngoài cửa sổ để mọi người thấy.

Cửa sổ gương sẽ mở vài phân và một cây súng phóng kim tiêm sẽ bay ra mang theo một khối lượng lớn acepromazine đi vào khối cơ lưng hay mông của bác sĩ Lecter.

Sẽ chỉ có một tiếng rắc giống như một cành cây gãy. Không có tiếng nổ cũng không có tiếng đường đạn từ đạn giảm thanh thu hút chú ý.

Bọn họ đã diễn tập, khi bác sĩ Lecter bắt đầu gục xuống, Piero và Tommaso mặc đồ trắng sẽ “giúp” hắn vào trong xe, vô vẻ bất kỳ người qua đường nào rằng bọn họ đang đưa hắn đến nhà thương. Tiếng Anh của Tommaso khá nhất vì hắn đã học ở trường dòng nhưng âm V trong chữ “bệnh viện” vẫn làm cho hắn lúng túng.

Mason đã đúng khi ngay từ đầu đã giao cho những tên người Ý bắt bác sĩ Lecter. Mặc dù đã thất bại ở Florence, cho tới bây giờ chúng vẫn là những kẻ có khả năng nhất để bắt cóc người và sẽ có khả năng cao nhất bắt sống bác sĩ Lecter.

Mason chỉ cho phép dùng một khẩu súng để thực hiện nhiệm vụ nhưng không phải là khẩu súng gây mê của tên tài xế Johnny

Mogli, phó cảnh sát trưởng đang trong thời gian nghỉ ở Illinois. Từ lâu hắn đã là một tay sai của gia đình Verger. Khi lớn lên, Mogli nói chuyện bằng tiếng Ý lúc ở nhà. Hắn thuộc dạng người đồng tình với mọi thứ nạn nhân nói ra trước khi giết anh ta.

Carlo cùng anh em Piero và Tommaso mang theo lưới, súng túi đậu, bình xịt hơi cay và rất nhiều vật dụng khổng chế khác. Sẽ rất nhiều.

Cả bọn vào vị trí lúc trời còn sáng, cách nhà Starling ở Arlington năm dặm nhà, đậu xe ở chỗ dành cho người tàn tật trong một khu phố buôn bán.

Chiếc xe được dán bảng XE CẤP cứu NGƯỜI CAO TUỔI. Một thẻ người tàn tật treo trên kính xe và một biển số xe tàn tật giả mào trên bửng xe. Trong ngăn để đồ có một biên nhận của cửa hàng về việc thay bửng gần đây - bọn họ có thể đổ cho chuyện lẫn lộn ở cửa hàng sửa xe và tạm thời làm rối lên nếu như biển số bị nghi vấn. Giấy tờ và giấy đăng ký xe đều hợp lệ. Và cả xấp một trăm đô la gấp trong đó để hối lộ nữa.

Cái màn hình được cột vào đồng hồ xe và chạy bằng ổ mồi thuốc lá sáng lên với hình ảnh bản đồ khu phố của Starling. Một vệ tinh định vị toàn cầu cùng kiểu giờ đang định vị vị trí chiếc xe tải cũng cho thấy xe của Starling, một chấm sáng trước nhà của cô.

Lúc chín giờ sáng, Carlo cho phép Piero ăn một chút. Mười rưỡi, Tommaso có thể ăn. Hắn không muốn cả hai đều no ễnh bụng cùng một lúc phòng trường hợp phải rượt đuổi một đoạn dài. Bữa chiều cũng được xếp xen kẽ. Giữa chiều, Tommaso

đang lục lọi hộp giữ lạnh để lấy bánh mì thì cả bọn nghe thấy tiếng bíp.

Cái đầu hôi thối của Carlo lao đến màn hình.

“Cô ta đang di chuyển,” Mogli nói. Hắn khởi động xe.

Tommaso đóng nắp hộp giữ lạnh lại.

“Đi thôi. Đi thôi... Cô ta đang đi lên đường Tindal ra đường chính.” Mogli lao vào dòng xe. Hắn có lợi thế lớn là ở sau ba dãy nhà nên Starling không thể thấy hắn.

Và Mogli cũng không thấy được chiếc xe bán tải xám cũ hòa vào dòng xe cách Starling một dãy nhà, một cây thông Giáng sinh treo ở cửa sau xe.

Lái chiếc Mustang là một trong số ít những thú vui mà Starling có thể trông chờ. Chiếc xe mạnh mẽ không có hệ thống chống khóa phanh và kiểm soát độ bám rất khó chịu trên đường trơn trượt gần cả mùa đông. Lúc đường vắng thì rất dễ chịu khi khê lách chiếc xe tám xi lanh bằng số hai và lắng nghe tiếng ống bô.

Mapp, một kẻ chuyên dùng phiếu khuyến mãi đẳng cấp quốc tế đã đưa cho Starling một xấp phiếu giảm giá và ghim vào danh sách mua hàng. Cô và Starling sẽ nấu thịt giảm bông, bò kho và hai nồi thịt hầm. Những người khác sẽ mang gà tây đến.

Một bữa tối của kỳ nghỉ lễ trùng ngày sinh nhật là điều Starling chẳng hề quan tâm tới. Cô phải chiều theo vì Mapp và một số lượng đáng ngạc nhiên các đặc vụ nữ mà vài người trong số đó cô chỉ biết sơ sơ và cũng không yêu quý đặc biệt gì đã quay sang ủng hộ cô trong thời gian đau buồn.

Jack Crawford đè nặng lên tâm trí cô. Cô không thể thăm ông ở phòng chăm sóc đặc biệt, cũng không thể gọi cho ông. Cô đã để lại lời nhắn cho ông ở bàn y tá, hình những chú chó với những lời nhắn nhẹ nhàng nhất cô nghĩ ra được.

Starling tự làm bản thân sao nhãng khỏi đau khổ bằng cách chơi với chiếc Mustang, nhả số kép và xuống số, sử dụng sức nén để chạy chậm lại rồi rẽ vào chỗ đậu xe của siêu thị Safeway. Cô chỉ dừng tới thẳng để nhả đèn thắng xe cho những tài xế phía sau biết.

Phải chạy bốn vòng trong bãi đậu xe Starling mới tìm được chỗ trống vì chỗ đó có người bỏ lại chiếc xe đẩy siêu thị. Cô bước ra, kéo cái xe đẩy ra chỗ khác. Khi cô đậu xe xong thì một người mua hàng khác đã lấy mất chiếc xe đẩy.

Tìm thấy một cái khác gần cửa, cô liền đẩy vào siêu thị.

Trên màn hình theo dõi, Mogli thấy cô quẹo vào rồi dừng lại và từ xa hần nhìn thấy siêu thị Safeway to đùng bên tay phải.

“Cô ta đi siêu thị.” Hần rẽ vào bãi đậu xe. Mất một lát mới nhìn ra xe của cô. Hần thấy cô gái trẻ đẩy xe hàng tới cổng vào.

Carlo đưa ống nhòm lên ngắm cô. “Đó là Starling. Trông cô ta giống trong hình.” Hần đưa ống nhòm cho Piero.

“Tôi muốn chụp hình cô ta,” Piero nói. “Tôi có ống kính ở đây rồi.”

Có một chỗ đậu xe cho người tàn tật phía bên kia làn xe của cô. Mogli dừng xe lại ở đó trước một chiếc Lincoln lớn với biển số người tàn tật. Người tài xế bóp còi giận dữ.

Giờ đây họ đang nhìn vào đuôi xe của Starling qua cửa sổ sau xe.

Có lẽ đã quen nhìn xe hơi của Mỹ, Mogli phát hiện chiếc xe tải cũ trước tiên, chiếc xe đậu mãi rìa bãi xe. Hắn chỉ thấy được cửa sau xám xịt của chiếc xe bán tải.

Hắn chỉ cho Carlo chiếc xe. “Có phải hắn có một cái ê tô trên cửa sau xe không? Thứ mà cái tên ở tiệm rượu nói ấy. Ngắm ống nhòm xem, tại cái cây khốn kiếp nên tôi không thấy được. *Carlo, c’è una morsa sul camione?**”

“Đúng rồi. Đúng nó ở đó, cái ê tô ấy. Không có đĩa nào trong đó hết.”

“Chúng ta có nên vào cửa hàng theo dõi cô ta không?” Tommaso không hay hỏi Carlo.

“Không, nếu hành động, hắn sẽ hành động tại đây,” Carlo nói.

Bơ sữa là chọn lựa đầu tiên. Starling nhìn vào phiếu giảm giá, chọn pho mát cho nôi thịt hầm và ít nem cuốn ăn liền. *Thật điên nếu tự làm nem cho từng ấy người ăn.* Khi nhận ra mình quên mất bơ thì cô đã đến quầy thịt. Cô để xe đẩy ở đó đoạn quay trở lại lấy bơ.

Khi cô trở về gian bán thịt thì cái xe đã biến mất. Ai đó đã bỏ mấy món hàng của cô lên kệ gần đó. Họ giữ luôn cả mớ phiếu giảm giá và danh sách mua hàng.

“Mẹ kiếp,” Starling nói, đủ to để mấy người mua hàng ngay đó nghe thấy. Cô nhìn xung quanh. Không thấy ai có một xấp phiếu giảm giá. Cô hít mấy hơi thật sâu. Cô có thể nấp bên cạnh

quầy tính tiền và cố nhận ra danh sách của mình nếu nó vẫn còn được kẹp vào mở phiếu giảm giá. Khốn kiếp thật, chỉ có vài đồng. Đừng có để nó phá hỏng cả ngày.

Không có xe đẩy trống nào gần quầy tính tiền. Starling đi ra bãi đậu xe tìm một cái khác.

*“Ecco!”** Carlo nhìn thấy hần tiến lại giữa mấy chiếc xe, sải bước nhẹ nhàng và nhanh nhẹn. Bác sĩ Hannibal Lecter mặc áo khoác lông lạc đà và đội nón phớt, cầm theo một món quà với cử chỉ kỳ quặc không để đâu cho hết. “Mẹ ơi! Hần đang lại xe cô ta.” Máu thợ săn trong người Carlo trào dậy khiến hần bắt đầu điều chỉnh hơi thở, chuẩn bị bắn. Cái răng nai hần đang nhai thời ra môi một chút .

Cửa sổ sau của chiếc xe không kéo xuống.

*“Metti in moto!”** Lùi lại tiếp cận phía bên hần,” Carlo nói.

Dừng lại bên phía ghế phụ của chiếc Mustang, bác sĩ Lecter bỗng thay đổi ý định liền đi sang chỗ tài xế, xem chừng tính người cái bánh lái.

Hần nhìn xung quanh rồi tuồn cây mở khóa ra khỏi ống tay áo.

Chiếc xe tải giờ đã hướng hông về phía hần. Carlo sẵn sàng với khẩu súng. Hần chạm vào nút điện cửa sổ. Không có gì xảy ra.

Giọng của Carlo, bình tĩnh một cách bất bình thường giờ đã cất lên. *“Mogli, il finestrino!”**

Mogli sờ soạng tìm, chắc là cái khóa trẻ em.

Bác sĩ Lecter nhét cây mở khóa vào kẽ hở bên cạnh cửa sổ và mở khóa cửa xe Starling. Hắn bắt đầu bước vào.

Carlo nguyên rủa một tiếng rồi kéo cánh cửa hông xe, mở hé và giơ súng lên. Piero tránh ra khỏi tầm của hắn, chiếc xe tải lắc lên khi súng bắn rắc một tiếng.

Mũi kim lóe lên trong ánh sáng mặt trời và búp một tiếng xuyên qua cổ áo hồ cứng đâm vào cổ bác sĩ Lecter. Thuốc tác dụng nhanh, một liều lớn ngay chỗ hiểm. Hắn cố gượng dậy nhưng đầu gối khụy xuống. Gói quà trong tay rơi ra lăn xuống dưới gầm xe. Hắn gắng sức lấy con dao khỏi túi và mở nó ra trong lúc người sụm xuống ngay cửa xe. Thuốc mê làm cho tay chân hắn nhũn ra. “Mischa,” hắn thốt lên khi không còn nhìn thấy nữa.

Piero và Tommaso lao vào như những con báo, ghì hắn xuống giữa hai chiếc xe cho đến khi chắc rằng hắn đã yếu đi.

Đang đẩy xe hàng thứ hai trong ngày băng qua bãi đậu xe thì Starling nghe thấy một tiếng nổ và nhận ra ngay đó là tiếng súng. Theo phản xạ, cô khom người xuống trong khi những người xung quanh đang lê bước không hề biết gì. Thật khó xác định tiếng súng phát ra từ đâu. Nhìn theo hướng xe mình, trông thấy hai chân của một người đàn ông biến mất vào trong một chiếc xe tải nhỏ, cô liền nghĩ rằng đó là một vụ cướp.

Cô vồ vào bên hông nơi không còn cây súng nữa và bắt đầu chạy, lách qua những chiếc ô tô về phía xe tải.

Tay tài xế già trên chiếc Lincoln ở phía sau đang bóp còi inh ỏi đòi vào chỗ đậu xe cho người tàn tật đang bị chiếc xe tải chặn lại. Đuối hơi, Starling la lên.

“Đứng im! Dừng lại! FBI đây! Dừng lại không tôi bắn!” Có lẽ cô có thể nhìn qua biển số xe.

Nhìn thấy cô lại gần, Piero di chuyển thật nhanh, cắt đầu van bánh trước xe Starling phía bên ghế tài xế bằng con dao của bác sĩ Lecter rồi biến vào trong chiếc xe tải nhỏ. Chiếc xe xóc long sòng sọc trên đường phân cách chạy về phía lối ra. Nhìn được biển số xe, cô liền lấy ngón tay viết lên lớp bụi trên nóc một chiếc xe.

Starling móc chìa khóa ra. Khi tiến lại gần xe mình, cô nghe thấy tiếng xì hơi ở đầu van. Cô thấy nóc xe tải khi nó chạy về hướng lối ra.

Cô gõ lên cửa sổ chiếc Lincoln đang bóp còi. “Ông có điện thoại di động không? FBI, làm ơn, ông có điện thoại di động không?”

“Chạy tiếp đi Noel,” người phụ nữ trong xe vừa nói vừa thúc vào chân người tài xế và véo một cái. “Chỉ thêm rắc rối thôi, trò lừa đảo đấy. Đừng có dính vào.” Chiếc Lincoln lái đi mất.

Starling chạy đến trạm điện thoại công cộng gọi 911.

Phó cảnh sát Mogli chạy bằng tốc độ giới hạn qua mười lăm dãy nhà.

Carlo rút mũi kim khỏi cổ bác sĩ Lecter và thở phào khi thấy vết cắm không phun máu ra. Có một khối máu tụ khoảng bằng đồng hai lăm xu bên dưới da hằn. Mũi thuốc đáng lẽ phải khuếch tán ra một khối cơ lớn. Có thể tên khốn sẽ chết trước khi bày lộn giết hằn.

Trong xe không ai nói gì, chỉ có tiếng thở mạnh của những tên đàn ông và tiếng quàng quạc của máy quét vô tuyến dưới

đồng hồ xe. Bác sĩ Lecter nằm trên sàn xe tải trong tấm áo khoác ngoài cao cấp của hắn, chiếc nón lặn khỏi cái đầu bóng mượt, một vết máu tươi trên cổ áo, thanh tú như một con chim trĩ trong lồng của tên đồ tể.

Mogli lái vào trong một nhà đậu xe rồi hướng thẳng lên tầng ba, chỉ dừng lại đủ thời gian để lột bảng hiệu ra khỏi hông xe và thay biển số.

Hắn không phải lo lắng. Hắn cười to với chính mình khi máy quét vô tuyến nhận được thông cáo. Người trực tổng đài 911 rõ ràng đã hiểu lầm miêu tả của Starling về một “chiếc xe tải con màu xám hay xe buýt loại nhỏ”, nên đã ra thông cáo tìm một chiếc xe buýt Greyhound* ở tất cả các điểm. Và phải kể đến việc tổng đài 911 đã lấy được đúng số của biển số xe giả chỉ trừ một con số.

“Giống như Illinois,” Mogli nói.

“Tôi thấy con dao, tôi sợ rằng hắn sẽ tự sát để thoát khỏi những chuyện sắp đến,” Carlo nói với Piero và Tommaso. “Hắn sẽ ước rằng phải chỉ mình đã cắt cổ.”

Khi kiểm tra các bánh xe khác, Starling thấy cái gói bên dưới gầm xe.

Một chai Chateau d'Yquem giá ba trăm đô la và lời nhắn viết bằng nét chữ quen thuộc: *Chúc mừng sinh nhật, Clarice.*

Chỉ đến lúc đó cô mới hiểu được những gì mình đã thấy.

CHƯƠNG 78

STARLING có những con số cô cần đến trong đầu. Lái xe qua mười dãy nhà để về nhà lấy điện thoại ư? Không, cô trở lại chỗ điện thoại công cộng, chộp lấy cái ống nghe nhộp nháp từ một cô gái trẻ, xin lỗi, bỏ vào hai trăm xu, cô gái liền gọi bảo vệ siêu thị.

Starling gọi cho đội phản ứng ở văn phòng Washington, Điểm Điều Hâu.

Biết rõ về Starling trong đội mà cô đã phục vụ rất lâu, họ liền chuyển máy cho cô đến văn phòng của Clint Pearsall. Cô lục thêm được đồng hai trăm xu và đối phó với người bảo vệ siêu thị cùng một lúc. Người bảo vệ nhất định đòi giấy tờ tùy thân.

Cuối cùng giọng nói quen thuộc của Pearsall cất lên trong điện thoại.

“Ông Pearsall, tôi nhìn thấy ba người đàn ông, có lẽ là bốn, bắt cóc Hannibal Lecter trong bãi đậu xe siêu thị Safeway khoảng năm phút trước. Chúng cắt bánh xe tôi rồi, tôi không thể rượt theo.”

“Có phải là cái xe buýt không, như thông cáo tổng thể của cảnh sát ấy?”

“Tôi không biết xe buýt nào hết. Đây là một chiếc xe tải con màu xám, biển số người khuyết tật.” Starling đọc số xe.

“Sao cô biết đó là Lecter?”

“Hắn... để lại cho tôi một món quà. Nó ở dưới gầm xe tôi.”

“À tôi hiểu...” Pearsall ngừng lại và Starling rơi vào khoảng im lặng.

“Ông Pearsall, ông biết thừa là Mason Verger đứng đằng sau vụ này. Ất vậy. Không còn ai khác làm thế. Hắn là chúa thích mấy trò hung bạo, hắn sẽ tra tấn bác sĩ Lecter tới chết và hắn muốn xem điều đó. Chúng ta phải phát cảnh báo về tất cả xe của Verger và xin Tổng Chương lý Mỹ ở Baltimore lệnh xét nhà hắn.”

“Starling... Chúa ơi, Starling. Xem này, tôi hỏi cô lần này thôi. Cô có chắc về những gì mình thấy không? Nghĩ lại một giây đi. Nghĩ về mọi việc tốt đẹp cô đã từng làm ở đây. Nghĩ về những gì cô đã tuyên thệ. Không thể quay lại từ đây nữa. Cô đã thấy gì?”

Mình phải nói gì đây? - Tôi không phải kẻ mắc chứng cuồng loạn ư? Đó là câu đầu tiên một kẻ cuồng loạn sẽ nói. Ngay tức khắc, cô thấy Pearsall đã mất lòng tin vào mình đến mức nào và lòng tin của ông ta được tạo bởi những chất liệu rẻ tiền đến cỡ nào.

“Tôi thấy ba gã đàn ông, có lẽ là bốn, bắt cóc một người đàn ông ở bãi đậu xe ở Safeway. Tại hiện trường tôi tìm thấy một món quà của bác sĩ Hannibal Lecter, một chai rượu Château d'Yquem sản xuất vào năm sinh của tôi cùng một lời nhắn toàn chữ viết tay của hắn. Tôi đã miêu tả chiếc xe. Tôi đang báo cáo với ông, Clint Pearsall, SAC* Điểm Điều Hâu.”

“Tôi sẽ tiếp tục theo nó như một vụ bắt cóc, Starling.”

“Tôi sẽ đến đó. Tôi có thể làm đại diện và đi cùng đội phản ứng.”

“Đừng tới đây, tôi không thể để cô vào.”

Tệ vô cùng là Starling đã không đi khỏi trước khi cảnh sát Arlington đến bãi đậu xe. Mất mười lăm phút để sửa lại bản thông cáo tổng thể về chiếc xe. Một nữ cảnh sát to béo mang giày da bóng nặng nề lấy lời khai của Starling. Quyền vé phạt và bộ đàm, bình xịt hơi cay, súng và còng tay của bà ta thò ra từ cái mông to còn đường xẻ áo khoác thì ngoác rộng. Viên cảnh sát không thể quyết định được sẽ ghi nơi làm việc của Starling là FBI hay ghi “Không có”. Khi Starling chọc tức bà ta bằng cách đoán trước câu hỏi của bà ta, viên cảnh sát bớt nghiêm nghị hơn. Khi Starling chỉ ra vết bánh xe kiểu chạy trên bùn và tuyết ở chỗ chiếc xe tải con đã chạy trên đường phân cách, không ai có máy chụp hình. Cô chỉ cho cảnh sát cách dùng máy của cô.

Hết lần này tới lần khác, cô lặp lại câu trả lời của mình trong đầu. Starling tự nói với mình: lẽ ra mình phải rượt theo. Lẽ ra mình phải rượt theo. Lẽ ra mình phải lôi cổ tên đó ra khỏi chiếc Lincoln và rượt theo.

CHƯƠNG 79

KRENDER nắm được thông tin đầu tiên của vụ bắt cóc. Hắn gọi lòng vòng tới những đầu dây của hắn rồi gọi cho Mason bằng một đường dây an toàn.

“Starling thấy vụ bắt cóc, chúng tôi vẫn chưa tin vào điều đó. Cô ta đang làm âm lên ở Sở Cảnh sát Washington. Đề nghị lệnh xét nhà ông.”

“Krendler...”

Mason chờ hơi thở hay có lẽ hắn đang nổi điên lên, Krendler không biết được. “Tôi đã gửi đơn khiếu nại tới chính quyền địa phương, cảnh sát trưởng và Văn phòng Chương lý Mỹ là Starling đang quấy nhiễu tôi, gọi điện thoại vào đêm khuya nói những lời đe dọa lảm nhảm.”

“Cô ta làm thế à?”

“Dĩ nhiên là không nhưng cô ta không thể chứng minh là mình không làm, ta cứ phải để mọi thứ rối tinh rối mù lên thế chứ. Bây giờ tôi có thể chặn đứng lệnh xét nhà trong địa hạt và bang này. Nhưng tôi muốn ông gọi cho Chương lý Mỹ từ đây và nhắc ông ta rằng con khốn cuồng loạn này đang đuổi theo tôi. Tôi có thể tự lo trong khu vực, tin tôi đi.”

CHƯƠNG 80

CUỐI CÙNG cũng được thả ra khỏi đám cảnh sát, Starling thay lớp xe xong liền lái về nhà dùng điện thoại và máy tính. Cô nhớ vô cùng cái di động FBI của mình và vẫn chưa mua cái nào khác cả.

Có một tin nhắn của Mapp trên máy trả lời tự động: “Starling, ướp thịt bò kho rồi bỏ vào nồi áp suất nhé. *Đừng* bỏ rau củ vào. Có nhớ chuyện lần trước không. Tổ phải dự một phiên tòa trực xuất chết tiệt đến khoảng năm giờ.”

Starling bật máy tính lên và cố gắng truy cập vào hồ sơ của Lecter tại VICAP nhưng chẳng những không được VICAP chấp nhận, cô còn bị toàn bộ mạng lưới của FBI từ chối. Cô còn không có được mấy quyền thâm nhập như một tên cớm ở vùng quê mùa nhất của Mỹ.

Điện thoại đổ chuông.

Là Clint Pearsall. “Starling, cô có quấy nhiễu Mason Verger qua điện thoại không?”

“Không bao giờ, tôi thề đấy.”

“Hắn khai là cô đã làm thế. Hắn mời cảnh sát trưởng lại đó tham quan nhà cửa của hắn, phải nói là yêu cầu ông ta đến tham quan, và bọn họ đang trên đường đến đó xem xét tình hình. Vì vậy sẽ không có lệnh khám nhà bây giờ hay trong thời

gian tới. Chúng tôi không tìm được ai khác làm nhân chứng cho vụ bắt cóc. Chỉ mỗi mình cô thôi.”

“Có chiếc Lincoln màu trắng chở một đôi vợ chồng già. Ông Pearsall, hay là kiểm tra danh mục mua hàng bằng thẻ tín dụng ở Safeway ngay trước lúc xảy ra vụ án. Hàng hóa bán ra ở đó đều có đóng dấu thời gian.”

“Chúng tôi sẽ làm thế, nhưng việc đó sẽ...”

“... sẽ tốn thời gian,” Starling kết thúc câu.

“Starling?”

“Vâng thưa sếp?”

“Chỉ hai ta biết thôi, tôi sẽ báo cho cô những biến chuyển lớn. Nhưng cô phải đứng ngoài cuộc. Cô không phải là nhân viên hành pháp trong khi đang bị đình chỉ và đáng lẽ ra cô không được biết thông tin. Hiện cô là dân thường.”

“Vâng thưa sếp, tôi hiểu.”

Bạn nhìn vào cái gì khi sắp đưa ra quyết định? Văn hóa của chúng ta không phải là văn hóa phản tỉnh. Chúng ta không nhướng mắt lên đời. Phần lớn chúng ta quyết định những điều quan trọng khi đang nhìn vào miếng lát sàn nhà của một hành lang trong cơ quan hay đang thăm thì vội vã trong phòng chờ có một cái ti vi đang la lối om sòm những thứ vớ vẩn.

Starling, đang tìm kiếm thứ gì đó, bất cứ thứ gì, băng qua gian bếp vào trong không gian yên tĩnh và ngăn nắp của Mapp trong căn hộ kép. Cô nhìn vào bức hình người bà nhỏ bé dữ dằn của Mapp, một người ủ trà. Cô nhìn vào hợp đồng bảo hiểm của

bà ngoại Mapp đóng khung trên tường. Chỗ của Mapp trông như là Mapp đang ở đó.

Starling quay về chỗ mình, nó trông như không có ai sống ở đó. Cô đã có những gì đóng khung? Văn bằng của cô ở Học viện FBI. Không có tấm hình nào của cha mẹ cô lúc sinh thời. Cô đã không ở cùng họ rất lâu rồi và họ chỉ tồn tại trong tâm trí cô. Thỉnh thoảng, trong hương vị của bữa sáng hay trong một mùi hương, trong những mẩu đối thoại hay những biểu lộ tình cảm gia đình nghe lỏm được, cô có cảm giác bàn tay của họ nắm lấy tay cô. Cảm giác đó mãnh liệt nhất trong lương tri của cô.

Cô là ai? Ai đã từng thừa nhận cô?

Cô là một chiến binh, Clarice. Cô có thể mạnh mẽ như cô muốn.

Starling có thể hiểu được mong muốn giết chết Hannibal Lecter của Mason. Dù là hẳn tự tay làm hay thuê người làm, cô đều hiểu được; Mason có một nỗi đau.

Tuy nhiên cô không thể chịu được ý nghĩ bác sĩ Lecter bị tra tấn đến chết. Cô né tránh điều đó như đã từng làm đối với kẻ tàn sát những con cừu và ngựa rất lâu trước đây.

Cô là một chiến binh, Clarice.

Việc đó cũng tồi tệ như chính thực tế là Mason làm việc đó cùng thỏa thuận ngầm với những kẻ đã tuyên thệ sẽ giữ vững luật pháp. Đó là thế giới này.

Nghĩ vậy, cô đã đưa ra quyết định đơn giản: thế giới sẽ không như thế trong tầm tay của cô.

Cô thấy mình trong tủ áo, đứng trên ghế, với lên cao.

Cô lấy xuống một cái hộp mà luật sư của John Brigham đã chuyển đến cho cô vào mùa thu. Có vẻ như đã từ rất lâu rồi.

Có rất nhiều truyền thuyết và chuyện thần bí trong việc truyền lại vũ khí cá nhân cho một đồng sự còn sống trong lực lượng. Nó liên quan đến việc tiếp nối những giá trị xuyên suốt cả cái chết của một người.

Những ai sống trong thời buổi sự an toàn của mình là do kẻ khác tạo ra thì khó mà hiểu được.

Hộp súng của John Brigham cũng chính là một món quà. Có lẽ anh đã mua ở Orient khi còn trong hải quân. Một cái hộp bằng gỗ gụ có nắp khảm trai. Mấy cây súng cho thấy một Brigham thuần khiết, xài rất kỹ, giữ gìn cẩn thận và sạch bóng. Một khẩu côn M1911A1, nòng .45 và một khẩu Safari Arms phiên bản thu gọn của khẩu nòng .45 để giấu trong mình, một con dao găm lưỡi có răng cưa. Starling có bao da của cô. Huy hiệu FBI cũ của John Brigham được treo lên một tấm thẻ bằng gỗ gụ. Huy hiệu DEA của anh để ở trong hộp.

Starling cạy cái huy hiệu FBI khỏi tấm thẻ, bỏ vào túi. Khẩu côn .45 đút vào bao súng Yaqui sau hông, che lại bằng áo khoác.

Khẩu .45 ngán đút vào một bên mắt cá chân, con dao ở mắt cá bên kia bên trong đôi boot. Cô lấy tấm bằng FBI ra khỏi khung rồi gấp lại cho vào túi. Trong bóng tối, người ta có thể nhầm nó là lệnh xét nhà. Lúc gấp tấm giấy cứng lại, cô biết rằng cô đang hành động không giống chính mình lắm và thấy vui vì điều đó.

Thêm ba phút nữa với máy tính. Từ trang mạng Mapquest, cô in ra một bản đồ cỡ lớn của trang trại Muskrat và khu rừng quốc gia bao quanh nó. Cô nhìn vào vương quốc thịt của Mason một lúc và lấy ngón tay rà theo biên giới của nó.

Ống bô lớn của chiếc Mustang thối đăm cỏ chết bẹp gì lúc cô
rồ máy dong xe khỏi lối ra để đến thăm Mason Verger.

CHƯƠNG 81

SỰ IM LẶNG của trang trại Muskrat giống như cái tĩnh lặng của ngày lễ Sabbath xưa. Mason phấn chấn và tự hào kinh khủng rằng hắn có thể đạt được điều này. Tự hắn ví von thành tích này với việc phát hiện ra nguyên tố radium.

Cuốn sách khoa học minh họa bằng tranh của Mason là cuốn sách giáo khoa hắn nhớ rõ nhất. Đó là cuốn duy nhất đủ cao để cho hắn thủ dâm trong lớp. Hắn hay nhìn vào bức hình của bà Curie trong lúc làm việc đó. Giờ hắn đang nghĩ đến bà và một đồng những khoáng chất bà đun nấu để tạo ra radium. Hắn đã nỗ lực giống bà, hắn nghĩ vậy.

Mason tưởng tượng ra bác sĩ Lecter, kết quả của những cuộc tìm kiếm và chi tiền của hắn, phát sáng trong bóng tối như cái lọ trong phòng thí nghiệm của bà Curie. Hắn hình dung bày lợn sẽ ăn thịt tên bác sĩ sau đó đi ngủ trong rừng, những cái bụng của chúng sẽ phát sáng như bóng đèn.

Đó là tối thứ Sáu, trời gần như đã tối đen. Đội tu sửa đã về. Không công nhân nào thấy chiếc xe tải con đến vì nó không vào bằng cửa chính mà đi theo con đường băng qua rừng quốc gia, con đường phụ trợ của Mason. Cảnh sát trưởng và đội của ông đã kết thúc cuộc tìm kiếm chớp nhoáng và đã đi rất xa trước khi

chiếc xe tải con đến chuồng ngựa. Giờ thì công chính đang được canh gác và chỉ có lực lượng nòng cốt tin cậy còn ở lại Muskrat:

Cordell đang ở bàn của gã trong phòng đồ chơi. Người thay ca cho Cordell sẽ tới vào nửa đêm. Margot và phó cảnh sát Mogli vẫn còn đeo huy hiệu cảnh sát trưởng giả ở với Mason trong khi nhóm bắt cóc chuyên nghiệp đang bận bịu trong chuồng ngựa.

Mọi việc sẽ xong xuôi trong ngày Chủ nhật. Chứng cứ sẽ bị thiêu cháy hay khuấy đục trong bao tử của mười sáu con lợn. Mason nghĩ hẳn có lẽ sẽ cho con lợn vài miếng gì mềm của bác sĩ Lecter, là mũi của hắn chẳng hạn. Và rồi trong nhiều năm tới, Mason có thể xem cái dây ruy băng hung bạo luôn luôn cuộn tròn thành hình số tám và biết rằng dấu vô cùng nó tạo thành tượng trưng cho cái chết mãi mãi, chết mãi mãi của Lecter.

Cùng lúc, Mason biết rằng phải rất mạo hiểm mới đạt được chính xác những gì mình muốn. Hắn sẽ làm gì sau khi đã giết chết bác sĩ Lecter? Hắn có thể phá hoại mấy gia đình nhận con nuôi và giày vò mấy đứa trẻ. Nhưng cái thú vui cốt lõi sẽ là gì?

Thật là ngốc nghếch nếu vì nỗi sợ hãi về tương lai mà làm lãng thời khắc mê ly này. Hắn chờ được xẹt mắt, chờ cho mắt rõ lại rồi thở phào vào một cái ống. Bất kỳ khi nào muốn, hắn có thể bật màn hình phim lên và xem niềm tự hào của mình...

CHƯƠNG 82

MÙI than hoa cháy trong phòng chứa đồ của chuồng ngựa nhà Mason và mùi thú trộn lẫn mùi người. Ánh lửa trên cái sọ dài của con ngựa đua nước kiệu Bóng Lướt, trống rỗng như Thượng đế, đang theo dõi tất cả qua hai tấm da che mắt.

Than đỏ trong lò đóng móng ngựa bùng lên rực sáng với tiếng xì của ống bễ khi Carlo nung một thanh sắt đã đỏ rực màu anh đào.

Bác sĩ Hannibal Lecter bị treo trên tường bên dưới cái sọ ngựa như một kiệt tác nghệ thuật kinh khủng. Hai cánh tay hằn dang ra hai bên thẳng tắp với vai, bị dây thừng trói chặt vào một cây thập tự gỗ sồi dày cộp lấy từ càng xe ngựa. Cây thập tự gác qua lưng tay bác sĩ như cái ách và bắt chặt vào tường bằng một cái cùm do Carlo chế ra. Chân hắn không chạm đất. Hai chân bị cột qua lớp vải quần như người ta buộc nhiều vòng dây cách quãng nhau quanh tảng thịt nướng, mỗi vòng lại có một nút thắt. Không có xiềng xích hay còng tay nào được sử dụng, không có kim loại nào làm hư răng của bày lợn và khiến cho chúng chùn bước.

Khi thanh sắt trong lò đạt tới nhiệt độ nóng trắng, Carlo lấy kẹp kẹp nó đem đến chỗ cái đe và vùng búa nện cho thanh sắt sáng rực thành ra một cái cùm. Những tia lửa đỏ bay trong

tranh tối tranh sáng, nảy ra khỏi ngực hần hắt lên trên hình dáng đang treo lủng lẳng của bác sĩ Hannibal Lecter.

Giữa đồng dụng cụ cũ rích, máy quay phim của Mason nom thật kỳ quặc, ngắm vào bác sĩ Lecter từ cái chân đế kim loại dài như cẳng nhện. Trên bàn thợ là một màn hình giờ đang tối đen.

Carlo nung cái cùm lần nữa rồi vội cầm ra ngoài gắn vào xe nâng hàng trong lúc nó hãy còn đỏ rực và dễ uốn. Tiếng búa của hần vang lên trên chiều cao vời vợi của chuồng ngựa, tiếng đập và tiếng vang của nó, *BANG-bang, BANG-bang*.

Trên gác có tiếng xèo xèo khi Piero dò thấy chương trình bóng đá phát lại trên sóng ngắn. Đội Cagliari của hần đang đấu với kẻ thù Juventus ở Rome.

Tommaso ngồi trên ghế mây. Cây súng thuốc mê dựng vào bức tường bên cạnh. Đôi mắt cha xứ màu tối của hần không hề rời khỏi khuôn mặt bác sĩ Lecter.

Tommaso nhận ra một thay đổi trong sự im lìm của cái gã bị trói. Nó là một thay đổi thật nhỏ, từ bất tỉnh đến tự khống chế một cách không tự nhiên, có lẽ không hơn gì một sự khác biệt trong tiếng thở của hần.

Tommaso đứng dậy khỏi ghế, gọi vào chuồng ngựa.

*“Si sta svegliando.”**

Carlo trở lại phòng chứa đồ, cái răng nai thò ra thụt vào trong miệng. Gã đang mang một cái quần nhồi trái cây, rau xanh và thịt gà. Gã chà nó vào người và nách bác sĩ Lecter.

Cẩn thận giữ tay cách xa mặt hần, gã nắm lấy tóc của Lecter dựng đầu hần lên.

*“Buona sera dottore.”**

Tiếng rắc từ chiếc loa trên màn hình ti vi. Màn hình bật sáng và khuôn mặt Mason xuất hiện...

“Bật đèn bên trên máy quay lên,” Mason nói. “Xin chào bác sĩ Lecter.”

Tay bác sĩ mở mắt lần đầu tiên.

Carlo nghĩ rằng có tia lửa lóe lên từ sau cặp mắt con quỷ, nhưng có lẽ đó chỉ là hình ảnh phản chiếu của ngọn lửa. Hắn làm dấu thánh chống lại Con mắt Quỷ.

“Mason,” tay bác sĩ nói vào máy quay. Phía sau Mason, Lecter thấy bóng đen của Margot in lên bể cá. “Xin chào, Margot,” giọng hắn giờ đã lịch sự. “Rất vui gặp lại các người.” Nói năng rành mạch như vậy khiến bác sĩ Lecter đã thức được một lúc rồi.

“Bác sĩ Lecter,” cái giọng khàn của Margot vang lên.

Tommaso tìm thấy một cái đèn rọi trên máy quay và bật lên.

Ánh đèn mạnh làm lóa mắt cả bọn trong một giây.

Mason nói bằng cái giọng đặc sệt máy phát thanh: “Bác sĩ, trong khoảng hai mươi phút nữa chúng tôi sẽ cho bày lợn thưởng thức món đầu tiên của chúng, là hai bàn chân của ông. Sau đó chúng ta sẽ có bữa tiệc nhỏ mặc đồ pyjama, tôi với ông. Khi đó ông có thể mặc quần đùi. Cordell sẽ giữ cho ông còn sống trong một thời gian dài...”

Mason đang nói thêm gì đó, Margot chồm về trước để thấy cảnh tượng trong chuồng ngựa.

Bác sĩ Lecter nhìn vào màn hình để chắc là Margot đang theo dõi hắn. Rồi hắn thì thầm với Carlo, cái giọng rồn rang của hắn gấp rút trong tai bắt cóc:

“Em trai anh, Matteo chắc phải thôi hơn anh bây giờ. Hắn đã ị ra quần khi tôi cắt hắn.”

Carlo lần túi sau lấy ra cái roi điện quất gia súc. Trong ánh sáng rực của máy quay phim, hắn quất vào một bên thái dương của Lecter. Một tay nắm tóc tay bác sĩ, hắn nhấn nút trên tay cầm, giơ cái roi sát mặt Lecter khi dòng điện cao thế uốn vòng thành một đường hung hãn giữa hai điện cực ở đầu roi.

“Mẹ kiếp mày,” gã nói và vút nó thành hình vòng cung vào mắt bác sĩ Lecter.

Bác sĩ Lecter không gây ra tiếng động nào - tiếng động phát ra từ cái loa. Mason rống lên hết mức hơi thở của hắn cho phép còn Tommaso ôm lấy Carlo kéo ra. Piero từ trên gác chạy xuống giúp một tay. Bọn họ dúm Carlo ngồi xuống cái ghế mây và giữ chặt hắn.

“Làm cho hắn mù là sẽ không có tiền đâu!” bọn họ hét vào cả hai tai hắn cùng một lúc.

Bác sĩ Lecter chỉnh lại bóng râm trong cung điện ký ức của hắn để làm dịu đi ánh mắt chói lóa khủng khiếp. Aaaaaaa. Hắn dựa mặt vào cái hông bằng đá cẩm thạch mát rượi của thần Vệ nữ.

Bác sĩ Lecter quay nguyên mặt về phía máy quay và nói rõ ràng: “Tôi sẽ không lấy sô cô la đâu Mason.”

“Thằng khốn đó điên rồi. À, chúng tôi đã biết là hắn điên,” phó cảnh sát Mogli nói. “Nhưng Carlo cũng điên rồi.”

“Hãy xuống đó can chúng lại,” Mason ra lệnh.

“Ông chắc là bọn chúng không có súng chứ?” Mogli nói.

“Anh được mượn để làm những việc khó đúng không? Không.

“Chỉ có súng gây mê thôi.”

“Để tôi,” Margot nói. “Tôi sẽ ngăn mấy trò đàn ông tào lao giữa bọn chúng. Mấy tên người Ý kính trọng mẹ chúng. Và Carlo biết rằng tôi cầm tiền.”

“Đem cái máy quay ra ngoài cho tôi xem bày lộn,” Mason nói. “Bữa tối lúc tám giờ!”

“Tôi sẽ không phải ở lại để xem cái màn đó,” Margot nói.

“Ồ, có chứ, cô phải ở lại,” Mason khẳng định.

CHƯƠNG 83

MARGOT hít một hơi sâu bên ngoài chuồng ngựa. Nếu sẵn lòng giết hắn, ả phải sẵn lòng nhìn vào hắn. ả có thể ngửi thấy mùi Carlo trước khi mở cửa vào phòng chứa đồ. Piero và Tommaso đứng ở hai bên Lecter. Chúng đối mặt với Carlo, hắn đang ngồi trên ghế.

“Buona sera, signori,”* Margot lên tiếng. “Các bạn anh đúng đó, Carlo. Bây giờ mà anh hủy hoại hắn thì không có tiền đâu. Mà anh đã theo vụ này rất lâu và làm rất tốt.”

Hai mắt Carlo không hề rời khỏi khuôn mặt bác sĩ Lecter.

Margot rút di động trong túi ra. ả nhấn nút trên bàn phím sáng đoạn chìa ra cho Carlo. “Nghe đi.” ả dí nó tận mắt cho Carol thấy. “Đọc đi.”

Chương trình quay số tự động đọc lên BANCO STEUBEN.

“Đó là ngân hàng của anh ở Cagliari, signore Deogracias. Sáng mai, khi chuyện này xong xuôi, khi anh đã bắt hắn phải trả mạng cho người em trai can đảm của anh, tôi sẽ gọi số này nói cho giám đốc ngân hàng của anh mã số của tôi và bảo họ, ‘Hãy đưa cho ngài Deogracias số tiền còn lại ông giữ cho anh ta.’ Giám đốc ngân hàng của anh sẽ xác nhận với anh qua điện thoại. Tối mai, anh sẽ lên máy bay về nhà thành một người giàu có. Gia đình của Matteo cũng sẽ giàu có. Anh có thể đem cho họ

hòn dái tên bác sĩ đựng trong túi khóa nhựa để an ủi họ. Nhưng nếu bác sĩ Lecter không thể nhìn thấy cái chết của chính hắn, nếu hắn không thể nhìn thấy bày lợn tiến lại ăn khuôn mặt hắn, anh sẽ không được gì cả. Hãy là một người đàn ông, Carlo. Đi lấy mấy con lợn của anh đi. Tôi sẽ ngồi lại với tên khốn này. Trong nửa tiếng nữa anh sẽ được nghe tiếng hắn gào thét khi chúng đang ăn hai chân hắn.”

*Carlo nhòm đầu dậy và hít một hơi sâu. “Piero, andiamo! Tu, Tommaso, rimani.”**

Tommaso ngồi xuống ghế mây cạnh cửa.

“Tôi đã dàn xếp được rồi Mason,” Margot nói vào máy quay.

“Tôi muốn đem cái mũi của hắn vào nhà với tôi. Nói với Carlo thế,” Mason nói. Màn hình tối lại. Ra khỏi phòng là cả một nỗ lực lớn của Mason và những người xung quanh hắn, việc đó đòi hỏi phải cắm lại mấy cái ống vào bình chứa trên cái băng ca của hắn và đổi máy hô hấp cố định sang xài pin.

Margot nhìn vào khuôn mặt bác sĩ Lecter.

Con mắt bị thương của hắn sưng lên giữa những vết cháy đen mà hai điện cực đã để lại ở hai đầu lông mày.

Bác sĩ Lecter mở con mắt lành ra. Hắn có thể giữ cảm giác mát lạnh của cái eo bằng đá cẩm thạch của thần Vệ nữ trên mặt hắn.

“Tôi thích cái mùi dầu xoa bóp đó. Mùi chanh mát lạnh,” bác sĩ Lecter nói. “Cảm ơn vì đã đến, Margot.”

“Ông đã nói thế với tôi khi bà quản lý bệnh viện đem tôi vào văn phòng của ông ngày đầu tiên. Khi bọn họ đang điều tra trước khi kết án Mason lần đầu tiên.”

“Tôi đã nói thế sao?” Vừa mới trở về từ cung điện ký ức nơi hắn đã nhắm lại buổi nói chuyện riêng của hắn với Margot, hắn biết đúng là như vậy.

“Đúng, tôi đang khóc, đang rất sợ khi kể với ông về Mason và tôi. Tôi cũng sợ phải ngồi xuống nữa. Nhưng ông không bảo tôi ngồi xuống - ông biết là tôi bị khau đúng không? Chúng ta đi trong vườn. Ông có nhớ đã nói gì với tôi không?”

“Cô không còn có lỗi vì những chuyện đã xảy ra với cô...”

“... cũng như cô không có lỗi nếu tôi bị một con chó điên cắn ở đằng sau, đó là những gì ông đã nói. Ông đã làm cho mọi thứ trở nên dễ dàng với tôi lúc đó, và những cuộc nói chuyện tiếp theo, và tôi từng có thời gian biết ơn vì điều đó.”

“Tôi còn nói với cô điều gì nữa?”

“Ông nói là ông còn kỳ quặc hơn tôi nữa,” ả nói. “Ông bảo rằng làm người kỳ quặc cũng bình thường thôi.”

“Nếu cố gắng, cô có thể nhớ lại tất cả những gì chúng ta từng nói. Nhớ lại đi...”

“Làm ơn đừng có van xin tôi bây giờ.” Câu ấy vọt ra khỏi miệng và ả không định nói vậy.

Bác sĩ Lecter tựa nhẹ và dây thừng cột kệt.

Tommaso đứng dậy tiến lại kiểm tra các đầu nút. “*Attenzione alia bocca, Signorina**. Cần thận cái mồm.”

Ả không hiểu Tommaso có ý nói là miệng của bác sĩ Lecter hay những lời nói của hắn.

“Margot, cái hồi tôi chữa cho cô cũng đã lâu lắm rồi, nhưng tôi muốn nói với cô về hồ sơ bệnh án của cô, chỉ một phút thôi,

một cách riêng tư.” Hắn đưa con mắt còn lạnh lặn về phía Tommaso.

Margot suy nghĩ một lát. “Tommaso, anh có thể cho chúng tôi một phút được không.”

“Không được, tôi xin lỗi thưa cô, nhưng tôi sẽ đứng bên ngoài và để cửa mở.” Tommaso cầm súng ra ngoài chuồng ngựa và theo dõi bác sĩ Lecter từ xa.

“Tôi sẽ không bao giờ làm cho cô không thoải mái bằng cách van nài, Margot. Tôi rất thích thú muốn biết *tại sao* cô lại làm việc này. Cô nói cho tôi được không? Có phải cô đã bắt đầu ăn sô cô la, như Mason vẫn thích nói thế, sau khi cô đã đấu tranh với hắn rất lâu không? Chúng ta không cần phải giả bộ là cô đang trả thù cho khuôn mặt của Mason.”

Ả đã nói với hắn. Về Judy, về mong muốn có một em bé. Trong vòng chưa đầy ba phút, ả thấy ngạc nhiên rằng tóm tắt những khúc mắc của ả thật dễ dàng làm sao.

Một tiếng ồn từ xa, một tiếng kêu thất thanh và một nửa tiếng hét. Ngoài chuồng ngựa, dựa vào hàng rào gỗ đã dựng lên ngang qua cửa chuồng mở, Carlo đang nghịch nghịch cuộn băng ghi âm của hắn, chuẩn bị gọi bày lợn từ bãi cỏ trong rừng với những tiếng hét giận dữ được thu lại từ những nạn nhân đã được chuộc hay đã chết từ lâu.

Nếu như bác sĩ Lecter có nghe thấy, hắn cũng không biểu lộ ra. “Margot, cô nghĩ Mason sẽ *cho* cô thứ hắn đã hứa sao? Cô đang van xin Mason. Van xin có giúp cô không khi hắn xé nát cô? Giống như lấy sô cô la của hắn và làm theo ý muốn của hắn.

Nhưng hắn sẽ bắt Judy ăn pho mát. Và cô ấy không quen với món đó.”

Ả không trả lời nhưng ả đã nhất quyết.

“Cô có biết chuyện gì sẽ xảy ra nếu như, thay vì bò dưới chân Mason, cô kích thích tuyến tiền liệt của hắn bằng cái roi gia súc của Carlo không? Nhìn xem nó có trên bàn thợ đằng kia không?”

Margot đứng dậy.

“*Hãy nghe tôi,*” tay bác sĩ rít lên. “Mason sẽ từ chối cô. Cô biết thừa là cô sẽ phải giết hắn, cô đã biết điều đó hai mươi năm nay rồi. Cô biết điều đó. Cô đã biết từ khi tôi bảo cô cắn gối và đừng có gây ồn quá.”

“Ông đang nói là ông làm điều đó *cho* tôi ư? Tôi không bao giờ tin ông được.”

“Không, dĩ nhiên là không. Nhưng cô có thể tin rằng tôi *không bao giờ phủ nhận việc tôi đã làm*. Nếu tự tay cô giết hắn ta thì bệnh của cô sẽ mau lành hơn đấy. Cô sẽ nhớ lại là tôi đã đề nghị với cô điều đó từ lúc cô còn nhỏ.”

“‘Chờ đến khi cô có thể thoát khỏi điều đó’, ông đã nói thế và tôi lấy đó làm lời an ủi.”

“Theo chuyên môn mà nói thì nó kiểu như sự thanh tẩy mà tôi phải đề xuất cho cô. Giờ cô đã đủ lớn. Và có gì khác biệt đâu nếu như tôi có bị kết thêm tội giết người nữa? Cô biết là cô sẽ phải giết hắn. Và một khi cô làm thế, luật pháp sẽ theo chân tiền bạc mà đến ngay với cô và đưa trẻ mới chào đời. Margot, tôi là kẻ tình nghi khác duy nhất mà cô có. *Nếu như tôi chết trước Mason, thì kẻ tình nghi sẽ là ai?* Cô có thể làm thế khi thời cơ chín

muồi và tôi sẽ viết cho cô một lá thư kể lể hả hê về chuyện tôi đã thích thú khi giết chết hắn như thế nào.”

“Không, bác sĩ Lecter, tôi xin lỗi. Quá trễ rồi. Tôi đã có sắp xếp của tôi.” À nhìn vào mặt hắn với đôi mắt xanh đồ tể rục rục sáng. “Tôi có thể làm thế rồi đi ngủ, và ông biết là tôi có thể.”

“Vâng, tôi biết cô có thể. Tôi luôn luôn thích điều đó ở cô. Cô thú vị hơn nhiều và... có khả năng hơn hẳn anh cô.”

À đứng dậy bỏ đi. “Dù thế nào thì tôi cũng phải nói lời xin lỗi, bác sĩ Lecter.”

Trước khi ả đi đến cửa, hắn nói, “Margot, chừng nào Judy sẽ rụng trứng lần nữa?”

“Cái gì? Trong vòng hai ngày nữa, tôi nghĩ thế.”

“Cô có mọi thứ cần thiết chưa? Thuốc bảo quản tinh trùng, thiết bị làm đông lạnh nhanh?”

“Tôi đã có mọi phương tiện của một bệnh viện thụ tinh.”

“Hãy làm cho tôi một việc.”

“Sao?”

“Nếu như cô không phiền, hãy nguyên rửa tôi và giật một sợi tóc của tôi, giật về hướng sau đường chân tóc. Lấy một ít da. Giữ trong tay và đi về. Tính chuyện bỏ nó lên tay Mason. Sau khi hắn chết.

Lúc nào về tới nhà, hãy đề nghị với Mason những gì cô muốn. Xem hắn nói gì. Cô đã giao nộp tôi, phần của cô trong cuộc thương lượng đã xong. Giữ sợi tóc trong tay và đòi hỏi thứ cô muốn. Xem hắn nói gì. Nếu hắn cười vào mặt cô thì hãy quay về đây. Tất cả những gì cô cần làm là lấy cây súng gây mê và bắn

cái gã đằng sau cô. Hay đánh hắn bằng cây búa. Hắn có một con dao bỏ túi. Chỉ cần cắt dây thừng trên một tay rồi đưa con dao cho tôi. Và rời khỏi đây. Tôi có thể làm nốt việc còn lại.”

“Không.”

“Margot này...”

Ả để tay lên cánh cửa, ráng hết sức chống lại lời cầu khẩn.

“Cô còn bẻ được hạt óc chó không?”

Ả cho tay vào túi lấy ra hai hạt óc chó. Cơ căng tay của ả chụm lại và hạt liền vỡ ra.

Tay bác sĩ cười khúc khích. “Hết sảy. Với tất cả sức mạnh đó, hạt óc chó. Cô có thể cho Judy hạt óc chó để giúp cô ấy vượt qua sở thích của Mason.”

Margot tiến lại phía hắn, mặt nghiêm nghị. Ả tát vào mặt hắn rồi giật một nắm tóc sát đỉnh đầu của hắn. Thật khó mà hiểu được ả muốn gì.

Ả nghe hắn huýt sáo khi rời khỏi gian phòng.

Khi Margot đi về phía gian nhà sáng đèn, mảng da đầu nhỏ cùng với máu dính vào tay ả, tóc lủng lẳng trên tay ả và ả không cần phải nắm ngón tay để giữ nhúm tóc.

Cordell đi ngang qua ả trong chiếc xe gôn chất đầy thiết bị chuẩn bị cho bệnh nhân.

CHƯƠNG 84

TỪ cầu vượt trên đường cao tốc về hướng Bắc tại dốc ra 30, Starling thấy chòi gác sáng đèn cách đó nửa dặm, tiền đồn ở xa của trang trại Muskrat. Starling quyết định lái đến Maryland: cô sẽ đi ngỗ sau. Nếu đi tới cổng trước mà không có giấy ủy nhiệm hay lệnh khám xét nào, cô sẽ bị cảnh sát trưởng hộ tống ra khỏi địa hạt hoặc tới nhà tù của hạt. Cho tới lúc cô thoát được lần nữa thì mọi chuyện đã xong.

Mặc kệ giấy phép. Cô lái lên dốc ra 29, vượt qua trang trại Muskrat và vòng về bằng đường phụ trợ. Con đường nhựa có vẻ rất tối sau khi qua đường cao tốc có đèn. Bên phải là đường cao tốc còn bên trái là một cái hào và một hàng rào lưới cao phân cách con đường với rừng quốc gia tối đen. Bản đồ của Starling cho thấy có một đường cứu hỏa rải sỏi giao với đường nhựa tầm hơn một cây số nữa và nằm ngoài tầm nhìn của chòi gác. Đó là nơi cô đã dừng nhằm vào lần đầu tiên ghé qua. Theo bản đồ, con đường cứu hỏa sẽ băng qua rừng quốc gia đến trang trại Muskrat. Cô đang tính bằng đồng hồ đo đường. Chiếc Mustang có vẻ ồn ào hơn thường lệ, chạy chỉ nhanh hơn ngồi yên một chỗ, nổ bành bịch vào những tán cây.

Và chính là nó, ngay trong ánh đèn pha của cô, một cánh cổng nặng nề hàn từ những ống kim loại, bên trên là dây kẽm

gai. Tầm biển CỔNG VÀO PHỤ cô nhìn thấy trong lần đầu tiên đến giờ đã biến mất. Cỏ dại mọc cao trước cổng, trên hào nước có ống cống.

Trong ánh đèn pha cô có thể thấy là cỏ vừa bị đè xuống mới đây. Ở chỗ đá mặt nhỏ và cát bị quét khỏi mặt đường tạo thành một doi cát, cô thấy dấu lốp xe chạy bùn tuyết. Có phải nó là vết bánh chiếc xe tải con cô nhìn thấy ở giữa bãi đậu của Safeway không? Cô không chắc hai dấu vết này hoàn toàn giống nhau nhưng có thể là giống.

Một ổ khóa bằng crôm và dây xích khóa cánh cổng. Không hề gì. Starling nhìn lên xuống con đường. Không có ai đang đi tới cả. *Hơi mang tình đột nhập bất hợp pháp ở đây.* Cảm giác như là tội phạm vậy. Cô kiểm tra cột cổng xem có dây cảm ứng không. Không có. Làm việc với hai tay và giữ đèn chiếu bằng răng, cô mất chưa đến mười lăm giây đã mở được khóa. Lái vào cổng xong, cô tiếp tục tiến vào tận bên trong những tán cây trước khi quay lại đóng cổng. Cô quàng sợi xích vào cánh cổng, cho ổ khóa quay ra bên ngoài. Đứng xa một chút nhìn không có gì khác bình thường. Cô quay hai đầu xích vào trong để nếu bắt buộc phải tông xe vào là nó mở được ra dễ hơn.

Đo ngón tay cái trên bản đồ thì còn khoảng hơn ba ki lô mét băng qua rừng mới đến được trang trại. Cô lái xe xuyên qua con đường cứu hỏa tối đen. Đôi lúc bầu trời đêm lộ ra trên đầu, đôi lúc lại không vì bị những tán cây che mất. Chỉ bằng đèn đậu xe, cô thông thả đi bằng số hai chỉ nhanh hơn đứng yên một chút cố gắng giữ cho chiếc Mustang im lặng hết mức, cỏ dại khô quét vào gầm xe. Khi đồng hồ đo đường chỉ 2,9 ki lô mét, cô dừng lại.

Lúc tắt máy, cô nghe thấy tiếng quạ kêu trong đêm. Con quạ đang giận dữ điều gì đó. Cô cầu Chúa đó là một con quạ.

CHƯƠNG 85

CORDELL bước vào phòng chứa đồ nhanh nhẹn như một tên hành quyết treo cổ, chai dịch truyền dưới nách, ống dây lúc lắc. “Bác sĩ Hannibal Lecter!” hắn nói. “Tôi muốn có cái mặt nạ của ông cho câu lạc bộ của chúng tôi ở Baltimore quá trời quá đất. Bạn gái tôi và tôi có cả một *hầm* những thứ đó, kiểu như mặt nạ Jay-O và da ấy.”

Để đồ xuống đế đê, hắn đẩy que còi than vào lò để lửa bùng lên.

“Có cả tin tốt và tin xấu,” Cordell nói bằng giọng y tá vui vẻ pha chút giọng Thụy Sĩ. “Mason đã kể với ông về buổi thực tập chưa? Buổi thực tập sẽ bắt đầu chốc lát nữa thôi trong khi tôi đem Mason xuống đây và bày lợn sẽ ăn chân ông. Sau đó ông sẽ chờ cả đêm, ngày mai Carlo và anh em hắn sẽ cho chúng ăn thịt ông qua chấn song, đầu xoay ra trước để cho bọn lợn có thể ăn mặt ông như lũ chó đã ăn mặt Mason. Tôi sẽ duy trì mạng sống cho ông bằng dịch truyền và băng garô cho đến phút cuối. Ông thực sự sẽ bị kết liễu, ông biết đấy. Đó là tin xấu.”

Cordell liếc vào máy quay phim để chắc là nó đã tắt. “Tin *tốt* là chuyện đó không tệ hơn chuyện đi nha sĩ đâu. Thử cái này đi *bác sĩ*.” Cordell giơ một ống tiêm dưới da có kim tiêm dài trước mặt bác sĩ Lecter. “Hãy nói chuyện như hai y sĩ với nhau. Tôi có

thể ra đằng sau ông chích vào xương sống để ông *không* còn cảm thấy gì bên dưới đó nữa. Ông có thể chỉ nhắm mắt và cố không nghe thấy gì. Ông sẽ chỉ cảm thấy những cú húc và xé. Và một khi Mason đã làm xong những việc điên rồ của hắn vào buổi tối rồi trở về nhà, tôi sẽ tiêm cho ông vài thứ làm ngưng nhịp tim của ông. Muốn xem không?” Cordell xò ra một lọ thuốc Pavulon và giơ sát con mắt còn mở của bác sĩ Lecter nhưng không gần đến mức có thể bị cắn.

Ánh lửa lò nhảy nhót ở một bên khuôn mặt thêm thường của Cordell, đôi mắt hắn nóng bỏng và sung sướng. “Ông có rất nhiều tiền, bác sĩ Lecter. Mọi người bảo thế. Tôi hiểu việc này - tôi cũng để tiền ở khắp nơi. Rút nó ra, chuyển nó đi và làm nó *nhặng xị* lên.

Tôi có thể chuyển tiền của tôi qua điện thoại và tôi cá là ông cũng làm được.”

Cordell lấy di động trong túi ra. “Chúng ta sẽ gọi cho giám đốc ngân hàng của ông, ông nói mật mã với ông ấy rồi ông ta xác nhận với tôi và tôi sẽ sửa soạn cho ông ngay.” Hắn giơ ống thuốc chuẩn bị tiêm vào cột sống. “Hãy nói chuyện với tôi.”

Bác sĩ Lecter làm bầm, đầu cúi xuống. “Va li” và “két khóa” là tất cả những gì Cordell có thể nghe thấy.

“Nói đi nào, bác sĩ, nói rồi ông chỉ cần ngủ thôi. Nói đi.”

“Những tờ một trăm không đánh dấu,” bác sĩ Lecter nói và tiếng của hắn lịm đi.

Cordell cúi gằm hơn, bác sĩ Lecter liền đập đầu vào cổ hắn, cắn lấy lông mày hắn bằng hàm răng nhỏ sắc bén và xé ra một

mảng lớn khi hắn lùi lại. Bác sĩ Lecter phun cái lông mày như phun mẫu vỏ trái nho vào mặt hắn.

Cordell lau vết thương rồi dán băng keo xéo hình bướm lên đó làm cho hắn trông thật buồn cười.

Hắn cất ống xi lanh. “Tất cả mấy thứ giảm đau đó đã bị uống phí,” hắn nói. “Ông sẽ thay đổi quan điểm trước khi trời sáng thôi. Ông biết đấy, tôi có những chất kích thích làm cho ông bị ngược lại. Và tôi sẽ làm cho ông phải chờ.”

Hắn lấy que cời ra khỏi lò.

“Tôi sẽ phục vụ ông bây giờ,” Cordell nói. “Cứ mỗi lần ông chống cự tôi sẽ đốt ông. Cảm giác này như vậy đấy.”

Hắn chọc đầu đang cháy của que cời vào ngực bác sĩ Lecter và rán cái núm vú của tay bác sĩ qua lớp áo sơ mi. Hắn phải đập vòng lửa lan rộng trên ngực áo của tay bác sĩ.

Bác sĩ Lecter không kêu một tiếng nào.

Carlo lùi xe nâng hàng vào trong phòng chứa đồ. Piero và Carlo cùng nâng, Tommaso lúc nào cũng sẵn sàng súng gây mê, chúng chuyển bác sĩ Lecter lên thanh nâng hai nhánh giống như cái đĩa hai răng và cột cây thập tự vào trước xe. Hắn được để ngồi trên đó, tay trói vào cây thập tự, chân duỗi ra, mỗi chân cột vào một nhánh của thanh nâng.

Cordell chích một ống kim cánh bướm dịch truyền vào mỗi mu bàn tay của bác sĩ Lecter. Hắn phải đứng trên một đồng cỏ khô để treo mấy chai huyết thanh lên mỗi bên của tay bác sĩ. Cordell đứng lùi lại, thấy ngưỡng mộ thành phẩm của mình. Thật kỳ quái khi nhìn thấy bác sĩ Lecter dang rộng tứ chi ở đó với ống dịch truyền trên mỗi bàn tay, giống như một tác phẩm

nhại lại cái gì đó Cordell không tài nào nhớ ra. Cordell buộc garô có thể điều chỉnh lỏng chặt ngay trên mỗi bên đầu gối tay bác sĩ, sao cho dây có thể kéo được ra sau hàng rào để tay bác sĩ không chảy máu mà chết. Bây giờ chưa thể buộc chặt được. Mason sẽ nổi điên nếu Lecter bị tê chân.

Tới lúc đem Mason xuống lầu và cho hắn lên xe tải con. Chiếc xe đậu đằng sau chuồng ngựa lạnh ngắt. Một tên người Sardinia đã bỏ bữa trưa của chúng lại ở đó. Cordell chửi thề và ném hộp giữ lạnh của chúng ra đất. Trong nhà hắn đã phải hút bụi thứ chó chết đó rồi. Lại còn phải cọ rửa cho nó sạch sẽ nữa. Một thằng Sardinia khốn kiếp cũng đã hút thuốc ở đây mặc dù hắn đã cấm không được hút. Chúng đã thay ổ mồi thuốc lá và bỏ lại sợi dây điện của màn hình theo dõi đung đưa toong teng từ bảng đồng hồ xe.

CHƯƠNG 86

STARLING tắt đèn trong của chiếc Mustang rồi kéo cốp lên trước khi mở cửa xe.

Nếu bác sĩ Lecter ở đây, nếu bắt được hắn, có lẽ cô sẽ còng tay chân hắn trong cốp xe rồi lái đến tận nhà tù của hạt. Cô có bốn bộ còng và đủ dây để trói gô lại không cho hắn đá lung tung. Tốt hơn là không nên nghĩ đến việc hắn khỏe đến cỡ nào.

Có sương trên sỏi khi cô bước ra ngoài. Chiếc xe cũ rên rĩ khi sức nặng của cô nhắc lên khỏi các lò xo.

“Cứ phải càu nhàu thì mới yên hả đồ già khú,” cô vừa thở hển hển vừa nói với chiếc xe. Tự nhiên cô nhớ lại cuộc nói chuyện với Hannah, nhớ đến con ngựa cô đã cưỡi để thoát khỏi tên giết mổ cừu. Cô không đóng kín cửa xe lại. Chìa khóa nhét vào túi quần chặt cho nó khỏi leng keng.

Đêm quang đang dưới ánh trăng khuyết và cô có thể đi bộ không cần đèn pin miễn là có khoảng trời rộng mở. Thử đi ở mép con đường rải sỏi, cô thấy sỏi chưa được lèn chặt và không bằng phẳng. Sẽ im hơn nếu đi theo vết bánh xe lún trên con đường rải sỏi, nhìn về phía trước để xác định hình thể con đường qua khóe mắt, đầu cô hơi nghiêng về một bên. Cứ như là lội vào trong bóng đêm êm đềm, cô nghe được cả tiếng chân mình nghiêng trên sỏi nhưng không thể nhìn thấy mặt đất.

Thời khắc khó khăn là lúc, mặc dù đã ra khỏi tầm nhìn chiếc Mustang, cô vẫn còn cảm thấy cái bóng lơ mờ của nó đằng sau. Cô không muốn bỏ nó lại.

Cô bỗng nhiên trở thành một phụ nữ ba mươi ba tuổi, đơn thương độc mã với một sự nghiệp công chức đã bị hủy hoại, không có súng ngắn, phải đứng giữa rừng lúc đêm hôm. Cô nhìn thấy mình thật rõ ràng, thấy những nếp nhăn bắt đầu hiện trên đuôi mắt. Cô tha thiết muốn quay trở lại xe. Bước chân của cô chậm dần, cô dừng lại thì nghe thấy tiếng thở của mình.

Con quạ kêu lên, ngọn gió xào xạc qua tán cây trụi trên đầu cô và rồi một tiếng thét xé màn đêm. Một tiếng thét kinh khủng và tuyệt vọng, lên đến đỉnh điểm rồi hạ xuống, kết thúc trong một lời van nài xin chết, bằng một cái giọng thật suy sụp có thể là của bất kỳ ai. *“Uccidimi!”** Và tiếng thét lại vang lên lần nữa.

Tiếng đầu tiên làm Starling cứng người lại, tiếng thứ hai làm cho cô phải phi thật nhanh, tức tốc băng qua bóng đêm, khẩu .45 vẫn còn đeo ở thắt lưng, một tay cầm đèn pin, tay kia dang ra màn đêm trước mặt cô. *Không, ông không được làm thế, Mason. Không, không được. Nhanh lên. Nhanh lên.* Cô có thể theo vết lún của xe bằng cách nghe tiếng chân và cảm giác mặt sỏi lạo xạo ở hai bên. Con đường rẽ rồi chạy dọc một hàng rào. Một hàng rào kiên cố, hàng rào bằng ống, cao hơn mét tám.

Tiếng nước nổ sệt van nài, tiếng thét lại lớn lên phía trước Starling, sau hàng rào, cô thấy có chuyển động băng qua bụi cây, chuyển động vỡ ra thành chạy nước kiệu, nhẹ hơn tiếng vó

ngựa song nhịp điệu nhanh hơn. Cô nghe thấy tiếng ụt ịt mà cô nhận ra được.

Tiếng thét giận dữ gần hơn, rõ ràng là tiếng người nhưng bị méo mó đi, có một tiếng ré lên trong một giây nổi lên trên tiếng thét và Starling biết rằng cô đang nghe thấy hoặc là tiếng thu âm hoặc là một giọng nói được khuếch đại hồi tiếp qua micrô. Ánh sáng xuyên qua cây cối và cái bóng mờ mờ của chuồng ngựa hiện ra. Starling áp đầu vào thanh sắt lạnh để nhìn qua hàng rào. Những hình dạng đen thui đang chạy, hông dài và cao. Hơn ba mươi mét phía bên kia khu đất trống là cổng sau chuồng ngựa với cánh cửa lớn mở toang, ngang qua mặt sau chuồng là một hàng rào trên đó, có một cánh cổng Hà Lan, một cái gương hoa hòe hoa sói treo trên cánh cổng, cái gương phản chiếu ánh sáng của chuồng ngựa thành một mảng sáng trưng lên mặt đất. Đứng ở bãi cỏ trống bên ngoài là một gã chắc nịch với một chiếc máy hát đĩa. Hắn lấy tay che một tai khi một chuỗi những tiếng rú và khóc lóc phát ra từ cái máy.

Xuất hiện từ trong bụi rậm là lũ lợn rừng với những bộ mặt hung hãn, chạy nhanh như sói, chân dài, ngực nở, lông nhọn tua tủa.

Carlo lao lại đóng cánh cổng Hà Lan khi chúng vẫn còn cách hắn gần ba mươi mét. Chúng dừng lại thành hình bán cung chờ đợi, những chiếc răng nanh lớn và cong giữ mõm chúng há ra trong tràng gầm gừ không dứt. Như những trọng tài biên đoán đường chuyền bóng, chúng lao lên, dừng lại, chen lấn nhau, gầm gừ, nhấp nhấp hai hàm răng.

Starling đã từng thấy thú nuôi nhưng chưa có loài nào như lũ lợn này. Có một nét đẹp khủng khiếp ở chúng, sự duyên dáng và

tốc độ. Chúng theo dõi lối vào cửa, xô lẫn nhau, lao về phía trước rồi lùi lại, luôn quay mặt về phía hàng rào chắn ngang phía chuồng ngựa để mở.

Carlo ngoái lại nói gì đó rồi biến mất vào bên trong chuồng ngựa.

Chiếc xe tải con xuất hiện trở lại trong chuồng ngựa. Ngay tức khắc Starling nhận ra chiếc xe xám. Nó dừng lại ở một góc gần hàng rào. Cordell bước ra rồi mở cánh cửa trượt. Trước khi hắt tắt đèn trần, Starling đã trông thấy Mason bên trong với cái máy hô hấp cố định, dựa vào gối, tóc cuộn lại trên ngực. Một chỗ ngồi ngay hàng đầu. Ánh đèn chiếu tỏa ra khắp lối vào.

Từ dưới đất bên cạnh hắt, Carlo nhặt lên một vật mà lúc đầu Starling không nhận ra được. Trông như hai chân hay phần thân dưới của ai đó. Nếu đó là thân dưới của người thì Carlo phải rất khỏe. Trong thoáng chốc, Starling sợ rằng đó chính là phần còn lại của bác sĩ Lecter, nhưng hai chân gập lại không giống bình thường vì khớp xương không cho phép chân gập như thế.

Đó chỉ có thể là chân của Lecter nếu hắt ngồi xe lăn hay bị bẻ chân, cô nghĩ trong một phút tồi tệ. Carlo gọi vào trong chuồng ngựa đằng sau hắt. Starling nghe thấy tiếng động cơ nổ.

Chiếc xe nâng hàng xuất hiện trong tầm nhìn của Starling, Piero đang lái xe. Bác sĩ Lecter được thanh nâng nhấc lên cao, hai cánh tay dang ra trên cây thập tự và những chai dịch truyền lúc lắc trên bàn tay hắt do chuyển động của xe. Nâng lên cao để hắt thấy được lũ lợn đang thềm thường, thấy được những gì sắp đến.

Chiếc xe nâng hàng chạy với tốc độ chẳng khác nào trong đám rước. Carlo đi một bên còn bên kia Johnny Mogli mang theo súng.

Starling nhìn chăm chú vào cái huy hiệu phó cảnh sát của Mogli một hồi. Một ngôi sao, không giống như huy hiệu tại địa phương. Tóc trắng, áo sơ mi trắng giống như tên tài xế của chiếc xe tải bắt cóc.

Tiếng Mason trầm đục vọng ra từ chiếc xe tải. Hắn huyết sáo bài *Pomp and Circumstance* rồi cười khùng khục.

Bầy lợn ồn ào ngẩng lên, không có vẻ gì sợ chiếc xe. Xem ra chúng đang chào đón nó.

Chiếc xe nâng hàng dừng lại gần hàng rào. Mason nói gì đó với bác sĩ Lecter mà Starling không nghe được. Bác sĩ Lecter không hề nhúc nhích đầu hay có dấu hiệu nào là hắn nghe thấy. Hắn được nâng cao hơn cả Piero ở trong khoang điều khiển. Có phải hắn nhìn về hướng Starling? Cô không hề biết vì còn đang chạy rất nhanh dọc theo hàng rào, dọc theo sườn chuồng ngựa và tìm thấy cánh cửa nơi chiếc xe tải lùi vào trong.

Carlo ném cái quần nhồi vào trong chuồng. Mấy con lợn lao vào một lượt, hai con ở mỗi bên chân, hất mấy con kia sang một bên. Xé, gầm gừ, giằng và giật ra ngấu nghiến, mấy con gà chết bên trong ống quần bị xé ra thành mảnh nhỏ, lũ lợn lắc đầu qua lại miệng ngậm những dải lòng gà lòng thòng. Một bãi lổn nhổn toàn lưng lợn đầy lông.

Carlo chỉ cung cấp bữa khai vị nhẹ nhất, chỉ có ba con gà và một chút rau. Lát sau, cái quần đã bị xé nát và mấy con lợn đầy

nước dãi quay những con mắt tí xiu thèm thường trở lại hàng rào.

Piero hạ thấp thanh nâng gần sát mặt đất. Phần trên của cánh cổng Hà Lan tạm thời sẽ ngăn lũ lợn không thể lại gần phủ tạng của bác sĩ Lecter. Carlo cởi giày và vớ của tay bác sĩ.

“Con lợn nhỏ này cứ kêu ENG ÉC ENG ÉC suốt đường về nhà,” Mason ra từ chiếc xe tải nói vọng.

Starling đang tiến lại đằng sau bọn họ. Tất cả đều đang quay về hướng khác, đối diện mấy con lợn. Cô băng qua cửa phòng chứa đồ và đi ra giữa chuồng ngựa.

“Giờ thì dừng để cho hần chảy máu,” Cordell nói từ chiếc xe tải. “Sẵn sàng để lát nữa tôi kêu các anh buộc chặt garô nhé.” Hần đang lau kính cho Mason bằng một miếng vải.

“Có gì nói không bác sĩ Lecter?” cái giọng trầm đục của Mason lại vang lên.

Khẩu .45 nổ đùng đùng trong chuồng ngựa và không át được giọng Starling: *“Giờ tay lên, đứng im. Tắt máy đi.”*

Piero có vẻ như không hiểu.

“Tắt máy đi,” bác sĩ Lecter nói giúp.

Giờ chỉ có tiếng eng éc sốt ruột của bầy lợn.

Cô thấy một khẩu súng bên hông gã đàn ông tóc trắng đeo sao. Bao súng có dây giữ. *Hạ gã này trước.*

Cordell lướt nhanh đến sau bánh lái, chiếc xe tải con chuyển động. Mason đang mắng hần. Starling nhảy theo xe tải thì liếc thấy gã tóc trắng đang di chuyển, cô liền nhảy lại chỗ hần đứng

lúc hắn lôi súng ra định giết cô; gã la lớn “Cảnh sát”, và cô bắn liền hai phát vào ngực hắn, phát súng kếp nhanh gọn.

Khẩu .357 của hắn bắn phát đạn sáu mươi phân vào mặt đất, gã lùi nửa bước rồi khụy gối, nhìn xuống người mình. Huy hiệu của hắn bị đầu đạn to của khẩu .45 chọc thủng và găm vào tim hắn.

Mogli lùi lại nằm bất động.

Trong phòng chứa đồ, Tommaso nghe thấy tiếng súng. Hắn chụp cây súng hơi rồi trèo lên đồng cỏ khô, quỳ lên đồng cỏ đoạn bò sang một bên để nhìn xuống chuồng ngựa.

“Kế tiếp,” Starling nói bằng cái giọng cô chưa nghe thấy bao giờ. Phải làm thật nhanh trong khi cái chết của Mogli vẫn còn làm cho chúng sửng sốt. “Nằm xuống đất, quay đầu vào tường. *Các người* nằm xuống, đầu quay hướng này. Hướng *này*.”

“Quay theo hướng khác nhau,” bác sĩ Lecter giải thích từ trên xe nâng hàng.

Nhìn lên Starling, Carlo đoán rằng cô sẽ giết hắn nên cứ nằm im. Bằng một tay, cô cùm tay chúng thật nhanh, để đầu chúng hướng về phía ngược nhau, cổ tay Carlo bị cùm vào mắt cá Piero còn mắt cá Piero còng vào cổ tay Carlo. Khẩu .45 sẵn sàng nổ, cò luôn chĩa vào sau tai một trong hai gã.

Cô rút con dao trong giày ra và đi vòng qua xe nâng đến chỗ tay bác sĩ.

“Xin chào Clarice,” hắn nói khi đã nhìn thấy cô.

“Ông đi được không, chân ông còn đi lại được chứ?”

“Được.”

“Ông có thấy đường không?”

“Có.”

“Tôi sẽ cắt dây cho ông. Và xin thưa để ông rõ, bác sĩ, nếu ông lộn xộn với tôi, tôi sẽ bắn ông chết ngay ở đây và ngay bây giờ. Ông có hiểu không?”

“Tuyệt đối hiểu.”

“Hãy cư xử cho đúng rồi ông sẽ sống sót qua chuyện này.”

“Nói như người theo Tin Lành vậy.”

Cô làm luôn tay. Con dao trong giày rất bén. Cô thấy lưỡi dao răng cưa cắt nhanh hơn trên dây thừng mới còn trơn.

Cánh tay phải của hắn đã tự do.

“Tôi có thể cắt những dây còn lại nếu cô đưa dao cho tôi.”

Cô ngập ngừng. Trở lại với cánh tay hắn rồi đưa cho hắn con dao ngắn. “Xe tôi đậu cách đây vài trăm mét dưới đường cứu hỏa.” Cô phải theo dõi hắn và mấy gã đàn ông nằm trên mặt đất.

Hắn đã tháo được một chân. Hắn đang tháo chân còn lại vì phải cắt rời mấy vòng dây ra. Bác sĩ Lecter không thể nhìn thấy đằng sau hắn Carlo và Piero đang nằm úp mặt xuống.

“Cởi trói xong rồi ông cũng đừng cố chạy mà làm gì. Ông sẽ không ra tới cửa được đâu. Tôi sẽ đưa cho ông hai cặp còng,” Starling nói. “Có hai gã bị còng dưới đất đằng sau ông. Bắt chúng bò tới xe nâng hàng và còng chúng vào đó để chúng không gọi điện thoại được. Xong thì ông tự còng ông lại.”

“Hai gã hả?” hắn nói. “Coi chừng, đáng lẽ phải có ba gã.”

Vừa lúc hắn nói thì mũi kim từ súng của Tommaso bay ra, một vệt màu bạc dưới ánh đèn chiếu cắm vào giữa lưng

Starling. Cô quay mòng, cảm giác chóng mặt ngay lập tức và chỉ thấy toàn màu đen. Ráng sức nhận mặt mục tiêu, cô nhìn thấy nòng súng ở cạnh đồng hồ liên bắn, bắn, bắn, bắn. Tommaso lăn khỏi mép gác xép, những mảnh đạn làm cho hắn đau nhói, khói súng màu xanh bay lên trên ánh đèn. Starling bắn thêm một lần nữa khi đã không còn nhìn thấy đường, cô với tay ra sau hông định lấy ổ đạn ngay cả khi đầu gối đã đầu hàng.

Tiếng ồn dường như càng làm bày lộn phần khích và chúng nhìn thấy những gã đàn ông ở vị trí mời gọi trên mặt đất. Chúng kêu eng éc, gầm gừ và tông vào hàng rào.

Starling ngã lăn ra úp mặt xuống đất, cây súng hết đạn văng ra, cái khóa nòng đang bị khóa liên bật mở. Carlo và Piero ngẩng đầu lên nhìn rồi bò đi, bò cùng một lúc trông thật kỳ quặc giống như doi bò về phía cái xác của Mogli cùng cây súng của hắn và chìa khóa còng tay. Tiếng Tommaso bắn súng gây mê trên gác. Hắn còn một mũi kim. Giờ thì hắn đã đứng dậy tiến về phía mép đồng hồ, nhìn vào nòng súng và ngắm bắn bác sĩ Lecter phía bên kia xe nâng hàng.

Tommaso đi dọc theo mép gác xép, không còn chỗ nào để núp.

Bác sĩ Lecter đỡ Starling trong tay và lùi về phía cánh cổng Hà Lan sao cho xe nâng ở giữa hắn và Tommaso, cản trở tiến tới, quan sát bước chân kẻ địch ở mép gác xép. Tommaso bắn và mũi kim định nhắm vào ngực Lecter thì lại cắm vào xương ống quyển Starling. Bác sĩ Lecter kéo chốt cánh cổng Hà Lan ra.

Piero điên loạn chụp lấy chùm chìa khóa của Mogli. Carlo trườn tới khẩu súng trong khi bày lộn lao đến bữa ăn của chúng

mà lúc này đang cố gắng đứng dậy. Carlo cố bắn khẩu .357 một phát và một con lợn gục xuống. Những con khác trèo lên trên con lợn bị chết và lên cả người Carlo, Piero, lên cả cái xác của Mogli. Thêm nhiều con nữa lao qua chuồng ngựa vào trong bóng đêm.

Bác sĩ Lecter ôm lấy Starling đang ở sau cánh cổng khi bầy lợn lao qua.

Từ trên gác xép, Tommaso thấy mặt em hấn úp xuống trong cái đám nhốn nháo đó và rồi chỉ còn là một bữa ăn đầy máu. Hấn đánh rơi khẩu súng xuống đám cỏ khô. Bác sĩ Lecter đứng lên như một vũ công, bế Starling trên tay từ sau cánh cửa bước ra. Hấn đi chân không ra khỏi chuồng ngựa, băng qua bầy lợn. Bác sĩ Lecter lội qua cả một biển những cái lưng đung đưa và máu xối trong chuồng. Vài con lợn to trong đó có con lợn nái đang đối mặt với hấn, cúi đầu xuống chuẩn bị tấn công.

Thấy hấn đối mặt với chúng mà chúng vẫn không hề ngừng thấy mùi sợ hãi, chúng bèn chạy trở lại chỗ thịt vụn để ăn trên mặt đất.

Bác sĩ Lecter không thấy tiếp viện nào từ phía ngôi nhà. Rồi khi đến dưới tán cây của con đường cứu hỏa, hấn dừng lại kéo mũi kim ra khỏi người Starling và mút vết thương. Mũi kim bị cong đi khi đâm vào xương cẳng chân cô.

Lũ lợn lao vào bụi gần đó.

Hấn tháo đôi bốt của Starling mang vào hai bàn chân không của mình. Hơi chật một chút. Hấn đặt khẩu .45 trên mắt cá chân của cô để khi bế cô hấn vẫn với được nó.

Mười phút sau, tên canh chòi gác chính rời mắt khỏi tờ báo nhìn về phía tiếng động ở xa. Một tiếng ồn xé lên như tiếng máy bay chiến đấu dùng động cơ đốt trong trên bãi oanh tạc. Đó là tiếng chiếc Mustang năm lít chuyển tốc độ năm nghìn tám trăm vòng một phút qua cầu vượt liên bang.

CHƯƠNG 87

TRÊN đường về phòng, Mason rên rỉ la khóc, hết như hắn từng la khóc khi mấy đứa con trai con gái nhỏ hơn đánh hắn tại kỳ cắm trại và tìm cách thoi được mấy cú trước khi hắn đè bẹp chúng dưới sức nặng của mình.

Margot và Cordell đưa hắn lên bằng thang máy ở chái nhà của hắn và cho hắn nằm cố định trên giường, nối với nguồn năng lượng thường trực của hắn.

Margot chưa bao giờ thấy Mason tức giận đến thế. Những mạch máu giật giật trên xương mặt trơ ra của hắn.

“Tốt hơn tôi nên cho ông ấy uống thuốc,” Cordell nói khi họ ở ngoài phòng đồ chơi.

“Chưa đâu. Anh ấy phải suy nghĩ một lát đã. Đưa tôi chìa khóa chiếc Honda của anh.”

“Để làm gì?”

“Phải xuống dưới đó xem có ai còn sống sót không chứ. Anh có muốn đi không?”

“Không, nhưng...”

“Tôi sẽ lái xe của anh vào phòng chứa đồ, chiếc xe tải không thể đi lọt qua cửa. Nào đưa cho tôi cái chìa khóa chết tiệt đi.”

Giờ xuống cầu thang, ra ngoài đường xe chạy. Từ trong rừng, Tommaso đang tiến lại phía bên kia cánh đồng, chạy rất nhanh, nhìn về phía sau. *Động nào đi Margot. Ắ nhìn đồng hồ đeo tay. Tám giờ hai mươi. Vào nửa đêm, người thay ca cho Cordell sẽ đến. Phải có thời gian đem người từ Washington đến bằng trực thăng để lau dọn. Ắ lái băng qua cỏ về phía Tommaso.*

“Tôi cố rượt theo bọn họ, một con lợn tấn công tôi. Hẳn...” - Tommaso làm điệu bộ bác sĩ Lecter bế Starling - “người phụ nữ. Bọn họ chạy đi trên một chiếc xe ồn ào. Cô ta bị *hai*” - hẳn giờ hai ngón tay - “*freccette*”*. Hẳn chỉ vào lưng và chân. *Freccette. Darti.**

Trúng. Chuồng ngựa. “*Hai freccette.*” Hẳn làm điệu bộ bắn.

“Mũi kim,” Margot nói.

“Mũi kim, có lẽ nhiều *narcotico** quá. Có lẽ cô ta chết rồi.”

“Lên xe đi,” Margot nói. “Chúng ta phải ra xem sao.”

Margot lái vào trong cánh cửa hông lối Starling đột nhập vào chuồng ngựa. Tiếng eng éc, gầm gừ và những cái lưng đầy lông lắc la lắc lư. Margot lái tới, bóp còi đuổi lũ lợn lui lại đủ để nhìn thấy có ba thi hài. Không cái nào có thể nhận dạng được nữa.

Bọn họ lái vào trong phòng chứa đồ rồi đóng cửa sau lưng lại.

Margot tính rằng không kể Cordell thì chỉ còn Tommaso là người đã nhìn thấy ắ ở chuồng ngựa còn sống sót.

Tommaso hẳn cũng có chung suy nghĩ. Hẳn đứng cách ắ một khoảng dè chừng. Đôi mắt đen lạnh lợi theo dõi gương mặt ắ. Có nước mắt trên má hẳn.

Suy nghĩ đi Margot. Cô không muốn bị rắc rối với những thằng Sardinia đâu. Chúng biết là cô nắm tiền. Chúng sẽ bán rẻ cô trong một giây.

Mắt Tommaso dõi theo tay ả đút vào trong túi.

Điện thoại di động. Ả bấm tới Sardinia, giám đốc ngân hàng Steuben đang ở nhà lúc hai rưỡi sáng. Ả nói ngắn gọn với ông ta rồi đưa điện thoại cho Tommaso. Hắn gật đầu, trả lời điện thoại, gật đầu lần nữa rồi đưa lại cho ả. Tiền đã là của hắn. Hắn lục lọi góc xép thì thấy cái cặp của mình cùng với áo khoác và nón của bác sĩ Lecter. Trong khi hắn đang lấy đồ, Margot nhặt cái roi gia súc lên, kiểm tra dòng điện đoạn nhét vào tay áo. Ả cũng lấy cả búa đóng móng ngựa.

CHƯƠNG 88

TOMMASO lái xe hơi của Cordell, thả Margot xuống nhà. Hắn sẽ để chiếc Honda lại chỗ đậu xe dài hạn ở sân bay quốc tế Dulles. Margot hứa với hắn là sẽ chôn những gì còn lại của Piero và Carlo chu đáo.

Có điều hắn cảm thấy cần nói với ả và hắn cố trấn tĩnh ráp lại mấy chữ tiếng Anh của mình. “Thưa cô, bày lộn. Cô phải biết là, bày lộn giúp cho tên *dottore*. Chúng lùi lại trước hắn, bao quanh hắn. Chúng giết chết em tôi, giết Carlo nhưng chúng lùi lại trước bác sĩ Lecter. Tôi nghĩ là chúng thờ phụng hắn.” Tommaso làm dấu thánh. “Cô không nên đuổi theo hắn nữa.”

Và suốt cả cuộc đời dài của hắn ở Sardinia, Tommaso sẽ kể lại như thế. Vào lúc hắn sáu mươi tuổi, hắn sẽ kể lại rằng bác sĩ Lecter bế một phụ nữ rời khỏi chuồng ngựa trước mắt một bày lộn.

Sau khi chiếc xe biến mất dưới đường cứu hỏa, Margot đứng lại một lúc lâu nhìn lên cửa sổ sáng đèn của Mason. ả nhìn thấy bóng Cordell di động trên tường khi hắn đang rớt rít quanh Mason, thay thế màn hình theo dõi nhịp thở và nhịp mạch của ông anh ả.

ả nhét cán búa đóng móng ngựa vào sau quần và che cái đuôi áo lên trên.

Khi Margot ra khỏi thang máy thì Cordell bước ra khỏi phòng Mason với mấy cái gối.

“Cordell, làm cho anh ấy một ly martini.”

“Tôi không biết...”

“Tôi biết. Làm cho anh ấy một ly martini.”

Cordell để gối xuống ghế xô pha đôi và quỳ xuống trước tủ lạnh nhỏ.

“Có nước trái cây gì trong đó không?” Margot hỏi, tiến sát phía sau hắn. Ả vung cây búa đóng móng giáng thật mạnh vào gáy hắn và nghe thấy một tiếng bụp. Đầu hắn đập mạnh vào tủ lạnh, ngửa ra, rồi hắn ngã vật xuống nhìn lên trần, đôi mắt mở to, một đồng tử dần ra, đồng tử kia thì không. Ả dịch đầu hắn sang một bên cho dựa vào cánh cửa và gõ búa lên, đập thái dương hắn hôm xuống chừng ba phân. Máu đặc sệt tuôn ra từ tai hắn.

Ả không cảm thấy gì.

Nghe thấy cánh cửa phòng mở ra, Mason liền đảo con mắt mang kính. Hắn đã ngủ được vài phút, ánh sáng thật dịu. Con lươn cũng đang ngủ bên dưới tảng đá của nó.

Thân hình lực lưỡng của Margot che lối vào. Ả đóng cửa sau lưng lại.

“Xin chào, Mason.”

“Chuyện gì xảy ra bên dưới đó? Cô làm cái gì mà lâu kinh thế?”

“Bọn họ đã chết hết dưới đó rồi Mason.”

Margot tới bên giường của Mason, giật dây ra khỏi điện thoại của hắn đoạn thả xuống sàn.

“Piero, Carlo và Johnny Mogli đã chết rồi. Bác sĩ Lecter chạy thoát và hắn bế theo người phụ nữ tên Starling.”

Bọt mép sùi ra giữa hai hàm răng của Mason lúc hắn rửa xả.

“Tôi cho Tommaso về nhà với tiền của hắn.”

“Cô làm gì cơ???? Cô là con ngu, giờ thì nghe đây, chúng ta sẽ thu dọn vụ này và bắt đầu lại. Chúng ta có ngày cuối tuần. Chúng ta không phải lo về những gì Starling thấy. Nếu Lecter bắt được cô ta, cô ta chỉ có nước chết.”

Margot nhún vai. “Cô ta không thấy *tôi*.”

“Hãy gọi tới Washington kêu bốn thằng khốn lên đây. Cho trực thăng tới. Chỉ cho chúng cái máy xúc - chỉ cho chúng - Cordell! Vào đây.” Mason thối khèn. Margot đẩy cái khèn sang một bên và cúi xuống để nhìn cho rõ mặt hắn.

“Cordell không tới đâu. Cordell chết rồi.”

“Cái gì?”

“Tôi đã giết hắn trong phòng đồ chơi. Giờ thì Mason, anh phải cho tôi thứ anh nợ tôi.” Ả dựng thanh chắn bên mép giường hắn và nhấc những cuộn tóc bím lên, lột tấm vải che người hắn. Hai cẳng chân tí xiu của hắn không lớn hơn mấy cuộn bánh cuộn. Bàn tay hắn, cái chi duy nhất có thể cử động thì run rẩy trên điện thoại. Chiếc máy hô hấp cố định của hắn phập phồng lên xuống theo nhịp thường ngày.

Từ trong túi, Margot lấy một bao cao su không có chất diệt tinh trùng ra giơ lên cho hắn thấy. Ả rút cái roi gia súc trong tay

áo ra.

“Còn nhớ không Mason. Anh đã từng nhổ nước bọt lên dương vật anh thế nào để bơi trơn? Nghĩ xem anh có thể nhổ một miếng không? Không à? Có lẽ tôi làm được đấy.”

Mason rống lên khi nhịp thở của hắn cho phép, một chuỗi tiếng be be giống con lừa, nhưng sau nửa phút thì nó dứt và dứt ngay tắp lự.

“Cô chết đi, Margot.” Nghe giống “Nargot” hơn.

“Ô Mason, tất cả chúng ta đều sẽ chết. Anh không biết à? Nhưng những cái này thì không,” ả nói và cho chiếc bao âm ẩm cẩn thận trong lớp áo ngoài. “Chúng ngộ nguậy. Tôi sẽ cho anh thấy như thế nào. Tôi sẽ cho anh thấy chúng ngộ nguậy như thế nào - có minh họa hẳn hoi.”

Margot nhặt cái găng tay bắt cá có gai bên cạnh bể cá.

“Tôi có thể nhận nuôi Judy,” Mason nói. “Cô ta sẽ là người thừa kế của tôi và chúng ta có thể lập một di chúc sống.”

“Chắc chắn chúng ta có thể,” Margot nói và nhắc một con cá ra khỏi bể. ả khiêng ghế từ chỗ tiếp khách tới rồi đứng lên đó, mở nắp bể cá to ra. “Nhưng chúng ta sẽ không làm thế.”

Cúi xuống bể, ả thọc cánh tay lực lưỡng vào nước. ả túm đuôi con cá chép đang lặn xuống gần tới cái hang, và khi con lươn lòi ra, ả nắm lấy chỗ gáy nó bằng bàn tay mạnh mẽ rồi nhắc bổng khỏi mặt nước, giơ cao trên đầu. Con lươn to lớn quẫy mạnh, dài bằng Margot và mập mạp. Da nó lấp lánh. ả nắm con lươn bằng cả tay kia và khi nó quẫy thì tất cả những gì ả làm được là ấn chặt cái găng tay bắt cá có gai vào lớp da của nó.

Cẩn thận bước xuống khỏi ghế, ả tiến lại chỗ Mason, cầm theo con lươn đang cong người, đầu nó có hình như một cây kềm cắt khóa, răng lách cách đánh vào nhau như tiếng bàn phím máy điện báo, hàm răng cong ra sau không để con cá nào trốn thoát. ả thả con lươn lên ngực hắn và lên máy hô hấp. Một tay giữ con lươn, ả quất đuôi bím tóc của hắn xung quanh nó.

“Ngộ nguậy đi, ngộ nguậy đi, Mason,” ả nói.

Ả giữ gáy con lươn bằng một tay còn tay kia cố bóp hàm Mason xuống, bóp xuống, lấy cả sức lực đè lên cằm hắn. Hắn hết sức căng người ra, và rồi kết, rắc, miệng hắn há ra.

“Lê ra anh nên ăn sô cô la mới phải,” Margot nói và nhét mồm con lươn vào miệng Mason. Bằng hàm răng sắc như dao lam, nó cắn lấy lưỡi hắn như cắn một con cá và không nhả ra, không bao giờ nhả. Mình nó quấy quấy, cuộn vào trong bím tóc của Mason. Máu tuôn ra từ lỗ mũi Mason khiến hắn bị ngộp thở.

Margot để cả ba lại với nhau, Mason và con lươn, con cá chép lượn vòng một mình trong bể. ả ngồi ở bàn Cordell, tìm cách trấn tĩnh lại và theo dõi màn hình cho đến khi trên đó chỉ còn những đường thẳng bằng.

Con lươn vẫn đang quấy khi ả trở lại phòng Mason. Máy hô hấp phập phồng thổi cái bong bóng của con lươn trong khi nó bơm bọt máu ra khỏi phổi của Mason. Margot rửa roi gia súc trong bể cá rồi bỏ vào túi.

Từ một bọc trong túi, Margot lấy ra chút da đầu và lọn tóc của bác sĩ Lecter. ả dùng móng tay của Mason cào mảnh da đầu cho chảy máu, run run vì con lươn vẫn còn chuyển động và

cuộn tóc vào trong ngón tay hẳn. Sau cùng, ả nhét một cọng tóc vào một chiếc găng tay bắt cá.

Margot đi ra mà không thèm nhìn xác chết của Cordell. ả về nhà với Judy cùng một chiến lợi phẩm ảm áp đút vào chỗ nó sẽ luôn ảm áp.



VI

MỘT CÁI MUỖNG DÀI

Vì vậy cần có một cái muỗng thật dài
Dùng để ăn với kẻ thù.

- Geoffrey Chaucer

*TRÍCH TRUYỆN KỂ Ở CANTERBURY,
“TRUYỆN CỦA NHỮNG LÁI BUÔN”*

CHƯƠNG 89

CLARICE STARLING nằm bất tỉnh trên chiếc giường lớn dưới lớp trải giường bằng vải lanh và chăn bông. Cánh tay cô ở trong tay áo bộ pyjama lụa bị cột bằng khăn lụa chỉ vừa đủ chặt để giữ tay cô tránh khỏi mặt và giữ yên chiếc kim truyền nước hình bướm ở mu bàn tay.

Có ba điểm sáng trong phòng: cái đèn ngủ có chụp thấp và hai đốm sáng đỏ ở tâm đồng tử của bác sĩ Lecter trong lúc hẩn quan sát cô.

Hắn đang ngồi trên ghế bành, tay chống cằm. Sau một lúc, hắn đứng dậy đo huyết áp cho cô. Hắn lấy đèn pin nhỏ kiểm tra đồng tử cô. Hắn tìm bàn chân cô dưới lớp chăn, kéo ra nhìn thật gần, dùng đầu chìa khóa kích thích lòng bàn chân. Hắn đứng một lúc, rõ ràng là đang chìm đắm trong suy nghĩ, cầm lấy bàn chân cô nhẹ nhàng như thể đó là một con thú nhỏ trong tay hắn.

Từ tên nhà sản xuất mũi thuốc mê, hắn biết được thành phần của nó. Vì mũi thứ hai bắn trúng xương ống quyển của Starling, hắn tin rằng cô chưa dính đủ hai liều. Hắn đang tìm biện pháp đối phó với chất thuốc bằng sự quan tâm vô hạn.

Giữa những lần chăm sóc cho Starling, hắn ngồi trên ghế bành với một cuốn sổ lớn mà tính toán toán. Những trang

giấy đầy các ký hiệu của cả vật lý thiên thể lẫn vật lý hạt. Có rất nhiều bài nháp lặp đi lặp lại với các ký hiệu của lý thuyết dây. Số ít nhà toán học có thể theo được hắn có lẽ sẽ nói các phương trình của hắn bắt đầu rất xuất chúng nhưng sau đó lại tẻ đi, thất bại vì đó chỉ là ao ước: bác sĩ Lecter muốn thời gian quay ngược lại - entropy tăng sẽ không biểu thị cho hướng thời gian nữa. Hắn muốn chứng minh trật tự tăng theo chiều tiến của thời gian. Hắn muốn hàm rằng em bé của Mischa trở ra khỏi hố phân. Đằng sau những tính toán gấp gáp của hắn là ước muốn tuyệt vọng tạo nên một chỗ cho Mischa trong vũ trụ, cái chỗ mà giờ có lẽ đã bị Clarice Starling chiếm lấy.

CHƯƠNG 90

TRỜI SÁNG, ánh mặt trời vàng rực chiếu vào phòng đồ chơi ở trang trại Muskrat. Đám thú nhồi bông to với những đôi mắt bằng khuy đang nhìn cái xác của Cordell giờ đã bị phủ lại.

Ngay giữa mùa đông mà một con nhặng xanh vẫn tìm thấy cái xác và đang bò trên tấm phủ đã đầm máu.

Nếu biết trước sự căng thẳng mệt mỏi báo chí gây ra cho những kẻ có liên quan trong vụ giết người, có lẽ Margot Verger đã không bao giờ nhét con lươn xuống cổ họng ông anh mình.

Quyết định của ả - không cố lau dọn mớ lộn xộn ở trang trại Muskrat và chỉ lặn mất tăm cho tới khi cơn bão qua đi - là một quyết định khôn ngoan. Không ai còn sống mà thấy ả ở trang trại Muskrat khi Mason và những kẻ khác bị giết.

Câu chuyện ả kể là: cuộc gọi điên cuồng của người y tá thay ca nửa đêm đã đánh thức ả khi ả đang ngủ trong nhà mình cùng với Judy. ả nhanh chân tới hiện trường chỉ sau những viên cảnh sát đầu tiên.

Chánh thanh tra sở cảnh sát, Clarence Franks còn khá trẻ, hai mắt hơi gần nhau quá nhưng anh không ngốc như Margot vẫn tưởng.

“Không phải ai cũng có thể lên đây bằng thang máy, cần phải có chìa khóa đúng không?” Franks hỏi ả. Viên thanh tra và

Margot ngồi hơi gượng gạo kế bên nhau trên chiếc xô pha đôi.

“Tôi nghĩ thế, ấy là nếu chúng lên bằng đường đó.”

“ ‘Chúng’ hả cô Verger? Cô nghĩ có thể là có hơn hai người sao?”

“Tôi không biết, ông Franks ạ.”

À thấy xác của anh mình vẫn còn dính với con lươn được phủ một miếng vải. Ai đó đã rút dây máy hô hấp. Các nhân viên tội phạm học đang lấy mẫu nước bể cá và mẫu máu trên sàn. À thấy trong tay Mason là mảnh da đầu của bác sĩ Lecter. Họ vẫn chưa tìm ra nó. Margot thấy đám nhân viên tội phạm học chẳng khác nào hai nhân vật Tweedledum và Tweedledee, giống nhau như đúc.

Thanh tra Franks đang bận ghi ghi chép chép.

“Thế họ có biết những kẻ đáng thương khác là ai không?” Margot nói. “Bọn họ có gia đình không?”

“Chúng tôi đang điều tra,” Franks đáp. “Có ba vũ khí chúng tôi có thể lần theo dấu.”

Thực ra, sở cảnh sát không chắc có bao nhiêu người chết trong chuồng ngựa vì bày lộn đã biến mất vào rừng sâu kéo theo những mảnh vụn còn lại để dành cho bữa sau.

“Trong quá trình điều tra có lẽ chúng tôi sẽ yêu cầu cô và *người bạn đồng hành lâu năm* của cô làm trắc nghiệm, đó là máy phát hiện nói dối. Cô có đồng ý không cô Verger?”

“Ông Franks, tôi sẽ làm bất cứ điều gì để bắt những kẻ này. Cụ thể, để trả lời cho câu hỏi của ông, cứ gọi tôi và Judy khi ông cần chúng tôi. Tôi có nên nói chuyện với luật sư gia đình không?”

“Không, nếu như cô không có gì phải giấu giếm, cô Verger.”

“Giấu giếm ư?” Margot vờ khóc.

“Làm ơn thưa cô, tôi phải làm việc này, cô Verger.” Franks đặt tay lên bờ vai lực lưỡng của ả và nghĩ kỹ hơn về ả.

CHƯƠNG 91

STARLING tỉnh dậy trong tranh tối tranh sáng và ngửi thấy mùi tươi mát. Cô biết chủ yếu là do mình đang ở gần biển. Cô khẽ cựa trên giường. Cảm thấy đau buốt khắp cả người, cô lại bất tỉnh lần nữa. Khi cô tỉnh dậy lần kế tiếp, một giọng nói đang thủ thỉ với cô đưa cho cô một ly nước ấm. Cô uống, thấy vị giống như trà thảo mộc bà của Mapp đã gửi cho cô.

Ngày rồi lại đêm, có mùi hoa tươi trong nhà và có một lần là một mũi chích nhẹ. Như tiếng bích và lớp bóp của pháo bông ở đằng xa, những mẩu sót lại của cơn đau đớn và sợ hãi nổ tung ở đường chân trời nhưng không lại gần, không bao giờ tiến đến gần. Cô đang trong khu vườn của mắt bão.

“Dậy. Dậy đi, bình tĩnh nào. Tỉnh dậy trong một căn phòng dễ chịu,” một giọng nói giục giã. Cô nghe thấy tiếng nhạc thánh phòng rất khẽ.

Cô cảm thấy rất sạch sẽ và da của cô có mùi bạc hà, một thứ dầu mang đến cảm giác ấm áp vỗ về.

Starling mở to mắt.

Bác sĩ Lecter đứng cách cô một khoảng, hoàn toàn bất động như khi hắn đứng trong buồng giam lần đầu tiên cô gặp hắn. Giờ đây, chúng ta đã quen với việc nhìn hắn lúc được tự do.

Không còn gì phải sốc nữa khi nhìn thấy hắn ở ngoài đường với một người khác.

“Chào buổi tối, Clarice.”

“Chào buổi tối, Lecter,” cô đáp, trả lời theo kiểu không hề biết giờ giấc gì.

“Nếu cô thấy khó chịu thì chỉ là do những vết bầm tím vì cô bị ngã thôi. Cô sẽ ổn thôi. Tôi chỉ muốn chắc chắn một chuyện, cô nhìn vào cái đèn này được không?” Hắn lại gần cô với một cái đèn pin nhỏ. Bác sĩ Lecter có mùi len thơm tho.

Cô cố giữ cho mắt mở trong lúc hắn kiểm tra đồng tử, rồi hắn lùi ra xa.

“Cảm ơn. Có phòng tắm rất thoải mái ngay chỗ đó. Có muốn thử hai chân cô không? Dép ngay bên cạnh giường ấy. Tôi e là tôi đã phải mượn đỡ đôi giày của cô.”

Cô đã tỉnh mà lại như không tỉnh. Phòng tắm thật sự rất dễ chịu, được trang bị mọi thứ. Những ngày tiếp theo, cô khoan khoái được tắm lâu trong đó. Tuy nhiên cô chẳng màng đến bóng mình trong gương, cô đang rất xa chính bản thân mình.

CHƯƠNG 92

CÓ những ngày trò chuyện, thi thoảng cô lại nghe thấy chính mình và tự hỏi ai đang nói chuyện mà có những suy nghĩ giống hệt mình đến vậy. Những ngày chỉ có ngủ, xúp đặc và trứng ốp la.

Và một ngày nọ bác sĩ Lecter nói, “Clarice, chắc là cô đã mệt mỏi với áo tắm và pyjama. Trong tủ quần áo có vài thứ chắc cô sẽ thích đấy, chỉ là nếu như cô muốn mặc.” Và bằng một giọng y như thế, “Tôi để mấy đồ cá nhân của cô, túi, súng và ví trong ngăn kéo trên cùng của cái tủ, nếu như cô cần thứ nào.”

“Cảm ơn bác sĩ Lecter.”

Trong tủ có rất nhiều quần áo, váy vóc, quần, com lê, một cái váy dài lấp lánh có phần thân đính cườm. Có quần vải cashmere và áo thun chui đầu mà cô thích. Cô chọn quần cashmere màu nâu nhạt và giày da.

Trong ngăn kéo là thắt lưng của cô và bao súng Yaqui rỗng vì đã mất khẩu .45 nhưng cái bao đeo ở mắt cá chân vẫn còn kẹt bên túi xách của cô và trong đó là khẩu .45 thu nhỏ tự động. Kẹp đạn còn đầy đạn, không có gì trong ổ đạn, đó là cách cô đeo súng ở chân. Con dao trong giày của cô vẫn nằm đó, còn trong bao. Chìa khóa xe ở trong túi xách.

Starling là chính cô mà dường như lại không phải. Khi cô thắc mắc về chuyện xảy ra thì cứ như cô nhìn thấy nó từ ngoài, nhìn thấy chính bản thân mình từ một khoảng cách xa.

Cô hạnh phúc lúc nhìn thấy chiếc xe của mình trong ga ra khi bác sĩ Lecter dẫn cô ra đó. Cô nhìn cái gạt nước và quyết định thay nó.

“Clarice, cô nghĩ bọn Mason theo chúng ta đến siêu thị như thế nào?”

Cô nhìn lên trần nhà xe suy nghĩ một lúc.

Chưa đầy hai phút, cô đã tìm thấy cái ăng ten chạy giữa ghế và kệ để đồ phía sau. Cô lần theo dây ăng ten đến chỗ máy theo dõi.

Tắt cái máy đi, cô cầm dây ăng ten vào trong nhà như thể xách đuôi một con chuột.

“Rất tốt,” cô nói. “Rất mới. Chương trình cài đặt cũng xịn nữa. Tôi dám chắc thế nào cũng có dấu tay của ông Krendler trên đó. Đưa tôi cái túi nhựa được không?”

“Họ có thể tìm kiếm nó bằng máy bay không?”

“Nó tắt rồi. Bọn họ không thể tìm bằng máy bay trừ phi Krendler thừa nhận hắn đã dùng nó. Mà ông biết là hắn không làm thế. Mason có thể rà bằng trực thăng của hắn.”

“Mason chết rồi.”

“Ừm,” Starling nói. “Ông có đứng về phía tôi không?”

CHƯƠNG 93

PAUL KRENDLER bị treo lủng lẳng giữa sự chán ngắt và nỗi sợ hãi dâng lên trong những ngày đầu sau khi mấy vụ giết người diễn ra. Hắn thảo những bản báo cáo trực tiếp từ văn phòng FBI địa phương ở Maryland.

Hắn cảm thấy khá an toàn nếu sổ sách của Mason có bị kiểm tra vì lượng tiền từ Mason tới tài khoản đánh số của hắn đã được rửa ở đảo Cayman. Nhưng khi Mason đã chết đi, hắn có những kế hoạch lớn mà không có tài trợ. Margot Verger biết về số tiền của hắn, và ả biết hắn đã gây tổn hại đến việc bảo mật hồ sơ của FBI về Lecter. Margot phải ngậm miệng lại.

Màn hình theo dõi xe Starling làm cho hắn lo lắng. Hắn đã lấy thứ đó ra khỏi tòa nhà cơ khí ở Quantico mà không ký nhận mượn đồ, nhưng việc hắn vào tòa nhà ngày hôm đó đã bị lưu lại.

Tiến sĩ Doemling và người y tá to con, Barney đã nhìn thấy hắn ở Muskrat nhưng là trong một vai trò hợp pháp: nói chuyện với Mason Verger về việc làm thế nào để bắt Hannibal Lecter.

Vào chiều ngày thứ tư sau vụ giết người, sự an tâm mới đến với mọi người khi Margot Verger có thể bật cho các thanh tra cảnh sát nghe một tin nhắn mới thu lại trong máy trả lời điện thoại tự động.

Mấy cảnh sát đứng chăm chú trong phòng ngủ, nhìn chăm chăm cái giường của ả với Judy và lắng nghe giọng nói của kẻ thù. Bác sĩ Lecter hả hê nói về cái chết của Mason và cam đoan với Margot rằng nó cực kỳ đau đớn và dai dẳng. ả ôm mặt khóc nức nở và Judy giữ lấy ả. Cuối cùng Franks dẫn ả ra khỏi phòng và nói, “Cô không cần nghe lại điều đó lần nữa.”

Vì Krendler hồi thúc, cuộn băng trong máy trả lời điện thoại được gửi tới Washington và giọng nói được xác nhận là của bác sĩ Lecter.

Tuy nhiên Krendler chỉ cảm thấy an tâm sau khi nghe một cuộc gọi vào tối ngày thứ tư.

Người gọi không ai khác là Nghị sĩ Mỹ Parton Vellmore của bang Illinois.

Krendler mới chỉ nói chuyện với viên nghị sĩ được vài lần nhưng giọng ông ta rất quen thuộc trên truyền hình. Thực sự cú điện thoại đã làm cho hắn yên lòng. Vellmore ở trong Tiểu ban Tư pháp Hạ viện và là một kẻ độc ác có tiếng. Hắn sẽ bay khỏi Krendler trong một giây nếu như Krendler bị truy nã.

“Ông Krendler, tôi biết ông khá thân với Mason Verger.”

“Vâng thưa ông.”

“Thật là một điều đáng tiếc kinh khủng. Cái tên khốn tàn bạo đó đã hủy hoại cuộc đời Mason, làm cho ông ta tàn tật rồi lại trở về giết ông ấy. Tôi không rõ là ông có biết không nhưng một người trong khu vực của tôi cũng bị chết trong thảm họa đó. Johnny Mogli, nhiều năm đã phục vụ người dân ở Illinois trong việc thi hành pháp luật.”

“Không thưa ông. Tôi không hề biết. Tôi rất tiếc.”

“Vấn đề là Krendler, chúng ta phải tiếp tục. Sự nhân từ của nhà Verger vẫn còn tiếp tục và mối quan tâm của họ vào chính sách cộng đồng vẫn sẽ tiếp diễn. Điều đó còn quan trọng hơn cái chết của một người. Tôi đã nói chuyện với vài người trong quận Hai Bảy và với người nhà Verger. Margot Verger đã cho tôi biết sự hứng thú của ông với việc phục vụ quần chúng. Một phụ nữ phi thường. Có một mặt rất thực tế. Chúng tôi sẽ gặp nhau sớm thôi, thật sự thân thiện lắng nghe và nói về những gì chúng ta có thể làm vào tháng Mười một năm sau. Chúng tôi muốn ông cùng tham gia. Ông có thể tới cùng chúng tôi được không?”

“Được, nghị sĩ. Chắc chắn rồi.”

“Margot sẽ gọi cho ông để thông báo chi tiết hơn, chúng ta sẽ gặp nhau trong vài ngày tới.”

Krendler để điện thoại xuống và đi tắm với tinh thần nhẹ nhõm.

Việc phát hiện khẩu Colt .45 dưới tên đăng ký của cựu cảnh sát John Brigham, và giờ được biết là thuộc sở hữu của Clarice Starling, trong chuồng ngựa là một sự mất mặt đáng kể đối với FBI.

Starling được liệt vào diện mất tích nhưng không phải bị bắt cóc vì không có nhân chứng sống nào thấy cô bị bắt. Cô cũng không phải một đặc vụ mất tích trong lúc thi hành công vụ. Starling là một đặc vụ đang bị đình chỉ công tác và không biết ở đâu. Một cáo thị được phát ra để tìm chiếc xe của cô cung cấp số khung và biển số xe nhưng không có nhấn mạnh đặc biệt gì về đặc điểm nhận dạng chủ nhân của nó.

Bắt cóc đòi hỏi nhiều nỗ lực từ phía cảnh sát hơn là những người mất tích. Sự phân định này làm cho Ardelia Mapp giận dữ tới nỗi cô viết thư từ chức gửi tới FBI, nhưng rồi nghĩ lại rằng tốt hơn cô nên chờ và làm tay trong. Nhiều lần, Mapp thấy chính mình đi qua phòng Starling ở căn hộ đôi để tìm cô.

Mapp nhận ra hồ sơ VICAP của Lecter và hồ sơ từ Trung tâm Thông tin Tội phạm Quốc gia không thay đổi đến độ phát khùng lên được, với những thông tin thêm nhảm nhí: cảnh sát Ý cuối cùng đã tìm được máy tính của bác sĩ Lecter - đội Carabinieri đang chơi trò Super Mario trên máy trong phòng giải trí. Máy đã tự xóa hết chương trình vào lúc các điều tra viên ấn phím đầu tiên.

Từ khi Starling mất tích, Mapp quấy rầy từng người có ảnh hưởng mà cô có thể liên lạc được tại Cục.

Những cuộc gọi liên tục của cô tới nhà Jack Crawford không được ai trả lời.

Cô gọi tới ban Khoa học Hành vi thì được cho biết Crawford vẫn còn trong Bệnh viện Tưởng niệm Jefferson vì bị đau tim.

Cô không gọi tới đó. Trong Cục, ông là thiên thần hộ mạng cuối cùng của Starling.

CHƯƠNG 94

STARLING không có chút ý thức nào về thời gian. Suốt ngày đêm là những cuộc trò chuyện. Cô nghe thấy chính mình nói chuyện rất lâu và cô lắng nghe.

Thỉnh thoảng cô cười lớn với chính mình, nghe được những lời thổ lộ chân chất mà bình thường sẽ làm cho cô xấu hổ. Những chuyện cô kể với bác sĩ Lecter hay làm cho cô ngạc nhiên, đôi lúc thật ghê sợ đối với người bình thường, nhưng luôn luôn là sự thật. Và bác sĩ Lecter cũng nói. Bằng giọng thấp, đều đều. Hẳn tỏ ra quan tâm và khuyến khích nhưng không bao giờ ngạc nhiên hay phê bình gì.

Hắn kể với cô về thời thơ ấu của hắn, về Mischa.

Có lúc họ cùng nhau ngắm một vật sáng duy nhất để bắt đầu câu chuyện. Gần như lúc nào cũng chỉ có duy nhất một nguồn sáng trong phòng. Ngày qua ngày, vật sáng thay đổi.

Hôm nay, họ bắt đầu với một điểm nổi bật ở mặt bên của ấm trà, nhưng, họ càng nói chuyện, bác sĩ Lecter dường như càng cảm nhận được họ đã tiến đến một đường hầm chưa khai phá trong tâm trí cô. Có lẽ hắn nghe được những người khổng lồ đánh nhau ở phía bên kia bức tường. Hắn thay ấm trà bằng một cái chốt dây đai lưng bằng bạc.

“Đó là của cha tôi,” Starling nói. Cô vỗ tay như một đứa trẻ.

“Đúng,” bác sĩ Lecter nói. “Clarice, cô có muốn nói chuyện với cha cô không? Cha cô đang ở đây. Cô có muốn nói chuyện với ông ấy không?”

“Cha tôi đang ở đây à! Hê! Được thôi!”

Bác sĩ Lecter đặt tay lên hai bên đầu Starling, ngay trên thái dương. Điều đó có thể cho cô tất cả những gì của người cha mà cô từng mong muốn. Hắn nhìn thật sâu, thật sâu vào mắt cô.

“Tôi biết cô muốn nói chuyện riêng. Tôi sẽ đi bây giờ. Cô cứ ngắt cái khóa, rồi mấy phút nữa cô sẽ nghe thấy ông ấy gõ cửa. Được không?”

“Được! Tuyệt vời!”

“Tốt. Cô chỉ phải đợi vài phút thôi.”

Cảm giác nhói chút xiu của một cây kim thật nhỏ - Starling cũng chẳng nhìn xuống - và bác sĩ Lecter rời khỏi phòng.

Cô ngắt cái khóa cho đến khi có tiếng gõ cửa, hai tiếng gõ dứt khoát, rồi cha cô bước vào như cô vẫn nhớ về ông, cao lớn ở lối vào, cầm cái nón, tóc nhều nước khi ông tiến lại bàn ăn.

“Này, bé con! Mấy giờ rồi mà còn ăn ở đây?”

Ông đã không ôm cô trong hai mươi lăm năm kể từ khi ông chết, nhưng khi ông ôm lấy cô, ngực áo ông vẫn mang lại cảm giác y như vậy. Ông có mùi xà phòng sục nức lẫn mùi thuốc lá, và cô cảm nhận được chúng khi áp vào trái tim bao la của ông.

“Này, bé con. Này, bé con. Con có té không?” Giống hệt như lần ông đỡ cô dậy trong sân sau khi cô cố cưỡi con dê lớn vì đã trượt đánh cược. “Lúc nó chưa lắc móng nhanh quá thì con làm khá lắm. Vào trong bếp xem chúng ta sẽ tìm được gì nào.”

Hai thứ trong căn bếp trống của ngôi nhà thời thơ ấu của cô, một gói giấy bóng kính bánh SNO BALLS và một túi cam.

Cha Starling mở con dao gấp Barlow gây mũi để gọt vỏ cam, vỏ cam xoắn lại trên khăn trải bàn phủ dầu lạnh chống ướt. Họ ngồi trên ghế, lưng ghế có thanh ngang như chiếc thang, ông chia cam ra làm bốn và cứ ăn một miếng xong lại đưa cho Starling một miếng. Cô nhả hạt vào bàn tay rồi để trên đùi. Khi ngồi trên ghế trông ông rất cao, y như John Brigham.

Cha cô nhai nhiều ở một bên hơn bên kia, và một răng cửa bên của ông bật kim loại trắng theo kiểu nha sĩ quân đội những năm 1940. Nó sáng lên mỗi lúc ông cười. Họ ăn hai trái cam và mỗi người một cái bánh SNO BALLS rồi chơi trò “ai gọi đấy”. Starling đã quên cái cảm giác tuyệt vời đến quận đau của lớp kem dẻo dưới lớp dừa. Gian bếp tan biến và họ đang nói chuyện khi đã là những người trưởng thành.

“Con sao rồi bé yêu?” Đó là một câu hỏi nghiêm túc.

“Hơi thất bại trong công việc.”

“Điều đó thì cha biết. Đó là mấy đám Tư pháp thôi, con yêu. Hối tiếc không bao giờ, không bao giờ có thể cứu vãn được sự đã rồi. Con sẽ không bao giờ bắn ai nếu không buộc phải làm như thế.”

“Con tin vào điều đó. Còn những chuyện khác nữa.”

“Con không bao giờ nói dối về điều đó.”

“Không thưa cha.”

“Con đã cứu sống đứa bé đó.”

“Nó ổn rồi.”

“Cha tự hào vì điều đó.”

“Cảm ơn cha.”

“Con yêu, cha phải đi đây. Chúng ta sẽ nói chuyện sau nhé.”

“Cha không ở lại à.”

Ông đặt tay lên đầu cô. “Chúng ta không bao giờ có thể ở lại, bé con. Không ai có thể ở lại như họ muốn đúng không.”

Ông hôn lên trán cô rồi đi ra khỏi phòng. Cô có thể thấy lỗ đạn trên nón ông khi ông vẫy tay với cô, thân hình cao lớn trong khung cửa.

CHƯƠNG 95

RÕ RÀNG Starling yêu thương cha mình không ít hơn chúng ta yêu thương bất kỳ ai. Và cô sẽ đấu tranh ngay tức khắc với những lời gièm pha về ông. Tuy nhiên, trong khi nói chuyện với bác sĩ Lecter, dưới ảnh hưởng của thuốc ngủ mạnh và bị thôi miên sâu, cô đã nói thế này: “Thực tình tôi bực ông ấy lắm. Nghĩ mà xem, tại sao ông ấy phải ở đằng sau cái tiệm thuốc chết tiệt đó giữa đêm hôm khuya khoắt để rồi đụng độ với hai tên nhãi nhép đã giết ông ấy vậy chứ? Ông ấy đã không kéo hết cò cây súng ngắn cũ kỹ đó và bọn chúng đã hạ được ông ấy. Bọn chúng chẳng là cái thá gì vậy mà vẫn giết được ông ấy. Ông ấy chả biết ông ấy đang làm gì. Ông ấy chả bao giờ biết được gì hết.”

Cô sẽ tát vào mặt bất kỳ ai nói vậy.

Gã quái vật ngả ra sau ghế một micrômét. A, cuối cùng cũng tới lúc này đây. Những hồi ức trẻ con này đang trở nên chán ngấy.

Starling cố ngồi đung đưa chân như một đứa trẻ nhưng chân cô quá dài. “Thấy đó, ông ấy phải làm việc đó. Ông đi làm những gì được giao, đi lòng vòng với cái đồng hồ bấm giờ và rồi ông chết. Và mẹ rửa sạch máu trên nón ông rồi chôn nó cùng ông. Có ai đến nhà thăm chúng tôi không? Không ai cả. Tôi phải nói với ông rằng sau đó chẳng có mấy bánh SNO BALLS. Mẹ và tôi, suốt ngày lau dọn phòng trọ. Người ta ở lại một đêm rồi bỏ lại

những bao cao su ướt nhẹp. Ông ấy bị giết bỏ lại mẹ con tôi vì ông ấy thật ngu xuẩn. Lẽ ra ông ấy phải bảo mấy tên đàn độn tỉnh lẻ đó dẹp hết mọi chuyện đi.”

Những điều cô lẽ ra không bao giờ nói, những điều bị cấm bởi phần não cao hơn của cô.

Từ lúc đầu quen biết, bác sĩ Lecter đã đem cha cô ra để chọc tức cô, gọi ông là người gác đêm. Giờ đây hẳn thành Lecter Người bảo vệ ký ức của cha cô.

“Clarice, ông ấy không bao giờ ước ao gì hơn là hạnh phúc và sức khỏe của cô.”

“Ước muốn một đấng và cắt một đấng, rồi ngồi xem xem bên nào đầy lệ hơn,” Starling nói. Câu châm ngôn của nhà trẻ mồ côi đáng lẽ ra phải đặc biệt ghê tởm khi phát ra từ khuôn mặt hấp dẫn nhường ấy, nhưng bác sĩ Lecter có vẻ rất thích thú, được kích lệ tinh thần là khác.

“Clarice, tôi muốn cô đi cùng tôi sang phòng khác,” bác sĩ Lecter nói. “Cha cô đã ghé thăm cô, đã cố hết sức. Cô thấy rồi đấy, dù cô có tha thiết giữ ông lại thì ông cũng không thể ở. Ông ấy đã thăm cô. Giờ là lúc cô ghé thăm ông ấy.”

Đi men xuống hành lang đến một phòng nghỉ cho khách. Cửa đóng.

“Chờ một chút, Clarice.”

Hắn đi vào trong.

Cô đứng ở hành lang tay đặt lên nắm cửa và nghe tiếng quẹt diêm.

Bác sĩ Lecter mở cửa.

“Clarice, cô biết cha cô chết rồi. Cô biết rõ điều đó hơn ai khác.”

“Vâng.”

“Vào trong mà gặp ông ấy đi.”

Xương của cha cô được sắp xếp trên một chiếc giường đôi. Những cái xương dài và lồng ngực được phủ lại. Khung xương hằn lên bên dưới lớp vải phủ màu trắng, như thiên thần tuyết của trẻ con.

Sọ của cha cô đã bị đám sinh vật biển ăn xác nhỏ xíu từ bãi biển của bác sĩ Lecter rửa sạch. Sau nó được lau khô và tẩy trắng, rồi đặt lên gối.

“Ngôi sao của ông ấy đâu Clarice?”

“Thành phố đã lấy lại rồi. Họ nói nó trị giá bảy đô la.”

“Đây là ông ấy, đây là tất cả ông ấy bây giờ. Thời gian đã làm cho ông ấy giờ chỉ còn thế này thôi.”

Starling nhìn bộ hài cốt. Cô quay người và nhanh chóng rời khỏi phòng. Không phải cô bỏ đi nên Lecter không đuổi theo. Hắn đợi trong gian phòng tranh tối tranh sáng. Hắn không sợ. Tuy nhiên hắn nghe thấy cô quay về bằng lỗ tai thính như tai con dê bị buộc vào cọc. Có vật kim loại gì đó sáng lên trong tay cô. Một huy hiệu, cái khiên của John Brigham. Cô đặt lên tấm vải phủ.

“Một cái huy hiệu có ý nghĩa gì với cô, Clarice? Cô đã bắn thủng một cái trong chuồng ngựa còn gì.”

“Nó là tất cả đối với ông ấy. Đó là những gì ông ấy biết đượccccc.” Từ cuối cùng bị lạc đi và miệng cô méo xệch. Cô cầm

cái sọ của cha lên và ngồi lên giường bên kia, nước mắt nóng hổi trào ra lăn xuống má.

Như một đứa bé, cô kéo gấu áo thun lên má và nức nở. Những giọt nước mắt đặng ngắt rớt xuống vòm sọ cha cô đang để trên đùi tạo thành tiếng tóc tóc rỗng hoác. Cái răng bịt sáng loáng. “Tôi rất yêu cha tôi. Cha tôi tốt với tôi hết mức. Đời tôi chưa khi nào hạnh phúc bằng khi được ở với cha.” Và đó là sự thật, thật không kém gì trước khi cô để cơn giận bộc phát.

Khi bác sĩ Lecter đưa khăn giấy cho cô, cô chỉ nắm trong tay nên hấn bèn tự mình lau mặt cho cô. “Clarice, tôi sẽ để cô lại đây với thi hài này. Thi hài, Clarice. Hãy thét lên nỗi tuyệt vọng của cô vào trong hốc mắt của ông ấy, rồi sẽ không có ai đáp lại.”

Hấn đặt tay lên hai bên đầu cô. “Những gì cô cần ở cha cô đang ở đây, trong đầu cô và tùy thuộc vào phán đoán của cô, không phải của ông ấy. Tôi sẽ đi bây giờ. Cô cần đèn cầy không?”

“Xin để đấy cho tôi.”

“Lúc nào ra hãy đem theo những gì cô cần.”

Hấn chờ đợi trước lò sưởi phòng khách. Hấn giết thời gian bằng cách chơi đàn theremin, dịch chuyển hai bàn tay không trong điện trường của nó để tạo nên tiếng nhạc, dịch chuyển bàn tay hấn đã đặt lên đầu Starling như thể hấn đang là nhạc trưởng dàn nhạc. Hấn biết Starling đứng phía sau hấn đã một lúc trước khi hấn kết thúc khúc nhạc.

Khi hấn quay lại phía cô, nụ cười của cô nhẹ nhàng mà buồn bã và hai tay cô không có gì.

Như mọi khi, tên bác sĩ tìm kiếm khuôn mẫu.

Hắn biết rằng, như mọi động vật có tri giác, Starling tạo ra từ trải nghiệm đầu đời của mình những ma trận, những khuôn khổ mà dựa vào đó cô thấu hiểu những gì linh hội được sau này.

Nói chuyện với cô qua song sắt trại giam nhiều năm về trước, hắn đã tìm thấy một cái quan trọng cho Starling, công việc giết mổ cừu và ngựa trên trang trại nhà người họ hàng mà cô đã sống nhờ. Số phận tuyệt vọng của chúng in vết hằn lên cô.

Cuộc săn đuổi Jame Gumb, đầy ám ảnh và thành công của cô được thôi thúc bởi số phận của con tin hắn bắt giữ.

Cô đã cứu hắn khỏi bị tra tấn vì cùng một lý do.

Tốt. Hành vi khuôn mẫu.

Khi tìm kiếm những tập hợp tình huống, bác sĩ Lecter tin rằng Starling nhìn thấy ở John Brigham những phẩm chất tốt của cha cô - và cho dù có những đức tính của cha cô, Brigham bất hạnh cũng bị gắn mác điều cấm kỵ mang tính loạn luân. Brigham, và có lẽ Crawford nữa, có những phẩm chất của cha cô. Vậy những tính xấu thì ở đâu?

Bác sĩ Lecter tìm kiếm phần còn lại của cái ma trận chia nhỏ này. Sử dụng thuốc mê và kỹ thuật thôi miên đã bị cải biến nhiều so với phương pháp trị liệu được tòa cho phép, hắn tìm thấy ở tính cách của Starling những điểm máu rần ròi và cứng đầu, như những mắt gỗ, và những nỗi căm hận xưa cũ vẫn còn có thể cháy hừng hực như nhựa thông.

Hắn thấy được những hoạt cảnh sáng chói tàn nhẫn, tuy đã lâu rồi nhưng vẫn không bị lãng quên và rất chi tiết, nó tạo nên

cơ phần nộ trên rìa não xoẹt qua não của Starling như tia chớp trên đỉnh mây đông.

Hầu hết những hình ảnh đó có liên quan đến Paul Krendler. Nỗi căm phẫn vì sự bất công rất thực mà cô đã phải chịu đựng khi nằm trong tay Krendler là nguyên do cho cơn giận cha mà cô không bao giờ, không đời nào, chịu thừa nhận. Cô không thể tha thứ cho cha cô vì ông đã chết. Ông đã rời bỏ gia đình, ông đã không còn gọt vỏ cam trong bếp. Ông đã bắt mẹ cô phải đựng tay vào xô và cây chà bàn cầu. Ông đã không còn ôm Starling, trái tim vĩ đại của ông không còn đập như trái tim của Hannah khi họ cưỡi con ngựa vào đêm tối.

Krendler là biểu tượng của thất bại và phá hoại. Có thể đổ lỗi cho hắn. Nhưng có chống lại được hắn không? Hay là Krendler, cũng như mọi thế lực và cấm kỵ khác, được quyền đóng Starling vào trong một cuộc đời mà theo Lecter thấy là không ngóc đầu lên nổi.

Có một dấu hiệu đầy hy vọng đối với hắn: mặc dù cô bị ám ảnh bởi cái huy hiệu, cô vẫn có thể bắn thủng nó để giết kẻ đang đeo nó. Tại sao vậy? Vì cô đã kiên quyết hành động, nhận ra kẻ đeo nó là tội phạm và phán đoán thật sớm, bỏ qua biểu tượng ngôi sao dập trên đó. Tổ chất linh hoạt tiềm tàng. Những quy tắc của vỏ não. Có phải đó đồng nghĩa với việc trong con người Starling có chỗ cho Mischa không? Hay đó đơn giản chỉ là một phẩm chất nữa của cái chỗ mà Starling phải bỏ trống?

CHƯƠNG 96

BARNEY trở về căn hộ của anh ở Baltimore, trở về với vòng xoay công việc ở Misericordia, ca làm việc từ ba đến mười một giờ. Anh dừng lại ăn một tô xúp trên đường về nhà. Khi anh bước vào căn hộ của mình và bật đèn lên thì đã gần nửa đêm.

Ardelia Mapp ngồi ở bàn ăn trong bếp. Cô đang chìa một khẩu súng ngắn bán tự động màu đen vào giữa mặt anh. Từ kích cỡ hòng súng, Barney đoán đó là một khẩu .40.

“Ngồi xuống thẳng y tá,” Mapp nói. Giọng cô khàn khàn và xung quanh đồng tử màu đen mắt cô có màu cam. “Kéo ghế lại đằng kia và ngồi dựa vào tường.”

Thứ làm cho anh sợ hơn cái chương ngại lớn trên tay cô là một khẩu súng ngắn khác trên tấm khăn lót trước mặt cô. Đó là một khẩu Colt Woodsman .22 với chai nhựa gắn vào miệng súng để giảm thanh.

Cái ghế rên lên dưới sức nặng của Barney. “Nếu chân ghế bị gãy thì đừng có bắn tôi. Tôi đâu thể làm gì được,” anh nói.

“Anh biết gì về Clarice Starling không?”

“Không.”

Mapp cầm khẩu súng nòng nhỏ lên. “Tôi không có giỡn mặt với anh, Barney. Khi tôi nghĩ là anh đang nói dối, tên y tá kia, thì

tôi sẽ bắn anh, anh tin không?”

“Tin.” Barney biết đó là sự thật.

“Tôi hỏi anh lần nữa. Anh có biết gì có thể giúp tôi tìm Clarice Starling không? Bưu điện nói anh đã nhờ gửi chuyển tiếp thư từ đến chỗ Mason Verger trong một tháng. Chuyện chó chết gì đây Barney?”

“Tôi đã làm việc trên đó. Tôi chăm sóc Mason Verger và hẳn hỏi tôi mọi thứ về Lecter. Tôi không thích trên đó nên tôi đã nghỉ việc. Mason thật là một tên khốn.”

“Starling biến mất rồi.”

“Tôi biết.”

“Có thể Lecter bắt cô ấy mà cũng có thể là bọn lợn đã bắt cô ấy. Nếu hẳn bắt cô ấy hẳn sẽ làm gì với cô ấy?”

“Tôi đang rất thành thật với cô đây - tôi không biết. Tôi sẽ giúp Starling nếu tôi có thể. Tại sao tôi lại không giúp chứ? Tôi thích cô ấy và cô ấy đã xóa tên tôi khỏi danh sách. Hãy xem những báo cáo hay ghi chép của cô ấy hay...”

“Tôi xem rồi. Tôi muốn anh hiểu điều này, Barney. Chỉ nói một lần thôi. Nếu biết điều gì tốt hơn anh nên nói với tôi bây giờ. Nếu sau này, dù có lâu đến thế nào đi nữa, tôi mà biết được anh đã giấu điều gì có lẽ sẽ giúp được thì tôi sẽ trở lại đây và cây súng này là vật cuối cùng anh có thể thấy. Tôi sẽ giết cái tên to xác nhà anh. Anh tin không?”

“Tin.”

“Anh có biết gì không?”

“Không.” Sự im lặng lâu nhất theo như anh nhớ.

“Cứ ngồi im đó đến khi tôi đi khỏi.”

Barney phải mất một tiếng rưỡi mới ngủ được. Anh nằm trên giường nhìn lên trần nhà, cặp lông mày sâu róm lúc thì đầy mồ hôi lúc lại khô ran. Barney nghĩ về những kẻ sẽ viếng thăm. Ngay trước khi tắt đèn, anh vào phòng tắm lấy trong túi đồ cá nhân ra một cái gương cạo râu bằng thép không gỉ của Thủy quân Lục chiến.

Anh bước vào bếp, mở hộp công tắc điện trên tường và dán cái gương vào phía trong cửa hộp.

Đó là tất cả những gì anh có thể làm. Anh bị co giật trong giấc ngủ như một con chó.

Sau ca làm việc kế tiếp, anh đem về bộ thu thập chứng cứ cưỡng hiếp từ bệnh viện.

CHƯƠNG 97

CÓ rất nhiều thứ bác sĩ Lecter có thể làm với căn nhà của ông chủ người Đức mà vẫn giữ nguyên nội thất. Chỉ cần hoa và lẵng hoa làm bình phong là đã có thể làm được. Rất thú vị khi nhìn thấy màu sắc tương phản với những đồ đạc công kênh và bóng tối thăm thẳm. Nó tương phản theo lối cổ xưa và đầy hấp dẫn, như một cánh bướm phát sáng trên năm đấm thép.

Người chủ nhà vắng mặt của hắn rõ ràng là một kẻ đam mê Leda và Thiên nga. Có ít nhất bốn bức tượng đồng chất lượng khác nhau thể hiện cặp đôi khác loài đó, đẹp nhất là tác phẩm mô phỏng của Donatello, ngoài ra còn tám bức tranh nữa. Một bức đã làm cho bác sĩ Lecter rất thích thú, bức của Anne Shingleton với sự chính xác thiên tài về giải phẫu học và chút nóng bỏng như thật của chi tiết làm tình. Những bức khác hắn đều bao lại. Bộ sưu tập thú săn mồi bằng đồng khủng khiếp, hắn cũng bao lại.

Vào sáng sớm bác sĩ Lecter dọn bàn ăn chu đáo cho ba người và ngắm nghía nó từ những góc độ khác nhau, đầu ngón tay đặt bên mũi. Hắn thay nệm hai lần và thay mấy tấm khăn lót Damask bằng một mảnh khăn trải bàn, để cho cái bàn ăn hình oval trông nhỏ gọn hơn.

Cái tủ bát gồm guốc màu đen nhìn đỡ giống chiến hạm hơn khi có những bộ đồ ăn cao cấp và nồi hâm thức ăn bằng đồng sáng bóng đặt lên trên. Thực ra, bác sĩ Lecter đã kéo mấy ngăn kéo ra và để hoa vào trong, để tạo thành một thứ vườn treo.

Hắn có thể nhận ra có quá nhiều hoa trong phòng và phải thêm nữa để nhìn cho vừa mắt. Quá nhiều là quá nhiều nhưng quá quá nhiều lại trở nên vừa mắt. Hắn hì hụi cắm hoa trên bàn ăn: mẫu đơn cắm thấp trong đĩa bạc, trắng như bánh SNO BALLS, còn lại là hoa chuông Ái Nhĩ Lan, diên vĩ Hà Lan, lan, tulip cam cắm cao che hết một phần bàn và tạo không gian thân mật.

Một chiếc ly pha lê nhỏ để ở trước đĩa ăn. Tuy nhiên bộ đồ ăn thì ở trong nồi hâm và sẽ được dọn ra vào phút cuối.

Món đầu tiên được chuẩn bị ngay tại bàn nên hắn đã xếp sẵn bếp còn cùng với nồi đồng, xoong, chảo chiên, gia vị và cửa tử thi.

Hắn có thể mua thêm hoa khi hắn ra ngoài. Clarice Starling không hề bận tâm khi hắn nói với cô hắn ra ngoài. Hắn đề nghị cô chớp mắt một lúc.

CHƯƠNG 98

VÀO buổi chiều ngày thứ năm sau những vụ giết người, Barney đã cạo râu xong và đang vỗ còn lên má thì nghe thấy tiếng chân trên cầu thang. Đã gần tới giờ anh đi làm.

Một tiếng gõ cửa dứt khoát. Margot Verger đứng ngay cửa. ả cầm một túi xách to và một túi đeo vai nhỏ.

“Xin chào, Barney.” Trông ả thật mệt mỏi.

“Xin chào Margot. Vào đi.”

Anh mời ả ngồi ở bàn bếp. “Uống coca không?” Rồi anh nhớ lại cái đầu của Cordell bị nhét vào tủ lạnh và hối tiếc vì lời mời.

“Không, cảm ơn,” ả nói.

Anh ngồi xuống đối diện ả. ả nhìn cánh tay anh như nhìn một đối thủ thể hình và rồi nhìn trở lại gương mặt anh.

“Cô ổn chứ, Margot?”

“Tôi nghĩ thế,” ả nói.

“Có vẻ như cô không lo lắng mấy. Ý tôi là tôi thấy thế.”

“Thỉnh thoảng tôi nghĩ về cuộc nói chuyện của chúng ta. Tôi nghĩ là anh sẽ gọi cho tôi một lúc nào đấy.”

Anh tự hỏi không biết ả cất cây búa trong túi xách hay túi đeo vai.

“Tôi có gọi cho cô lúc nào đó thì có lẽ chỉ để biết cô ra sao, nếu như được. Không bao giờ yêu cầu gì. Margot, cô chẳng có gì phải lo lắng về tôi.”

“Chỉ là, anh biết đấy, anh cứ hay lo lắng về những khó khăn nhỏ còn tồn tại. Không phải là tôi có điều gì giấu giếm đâu.”

Thế là anh biết ả đã có được tinh dịch. Nếu họ thụ thai thành công thì khi cái thai được thông báo, ả sẽ lo lắng về Barney.

“Ý tôi là, đó là ý Chúa, cái chết của hắn ta ấy, về điều đó tôi sẽ không nói dối.”

Tốc độ của ả nói cho Barney biết là ả đang lấy đà.

“Có lẽ tôi muốn uống coca,” ả nói.

“Trước khi tôi lấy coca, để tôi cho cô xem cái này tôi dành cho cô. Tin tôi đi, tôi có thể để cô yên trí mà không tốn gì của cô cả. Một giây thôi. Chờ chút.”

Anh lấy tuốc vít trong hộp đồ nghề trên kệ. Anh có thể làm thế trong khi đứng xoay sườn về Margot.

Trên tường bếp giống như có hai hộp cầu dao. Thực ra một hộp đã thay cho hộp khác của tòa nhà cũ, chỉ có hộp bên phải còn hoạt động.

Ở chỗ hộp điện, Barney phải quay lưng về phía Margot. Anh nhanh chóng mở hộp bên trái. Giờ thì anh có thể theo dõi ả qua gương dán bên trong hộp công tắc. ả bỏ tay vào trong chiếc ví to. Bỏ tay vào và không rút ra.

Tháo đi bốn con ốc, anh có thể nhấc bảng cầu dao ra. Sau cái bảng là một chỗ trống trong tường.

Thò tay cẩn thận vào trong, Barney lấy ra một túi nhựa.

Anh nghe thấy một tiếng giật trong hơi thở của Margot khi anh lấy món đồ trong túi ra. Đó là bộ mặt tàn bạo nổi tiếng, mặt nạ mà tay bác sĩ bị bắt phải đeo trong Bệnh viện Tội phạm Tâm thần Baltimore để ngăn không cho hắn cắn người. Đó là vật cuối cùng và quý giá nhất trong bộ lưu trữ kỷ vật của Lecter mà anh có.

“Ôi!” Margot thốt lên.

Barney đặt úp mặt nạ lên bàn trên một miếng giấy sáp dưới ánh đèn bếp sáng rực. Anh biết bác sĩ Lecter không bao giờ cho phép lau chùi chiếc mặt nạ. Nước bọt khô còn dính trong chỗ miệng mở ra. Chỗ dây đeo gắn vào mặt nạ có ba sợi tóc, chúng mắc vào cái chốt và bị giật ra đến tận chân.

Liếc nhìn Margot, anh biết lúc này ả đã ổn.

Barney lấy trong tủ bếp ra bộ thu thập chứng cứ cưỡng hiếp. Cái hộp nhựa nhỏ đựng tăm bông, nước vô trùng, mẫu vải và hộp thuốc sạch.

Anh cẩn trọng thấm mẫu nước bọt bằng một cái tăm bông ẩm. Đoạn anh bỏ tăm bông vào một hộp thuốc. Mấy sợi tóc anh lôi ra khỏi mặt nạ rồi bỏ vào một hộp khác.

Anh chạm ngón cái vào mặt dính của hai miếng băng keo, mỗi lần lại để lại một dấu tay rõ ràng, và lấy băng keo đó dán nắp lên hộp. Anh đưa hai chiếc hộp đựng trong một túi nhỏ cho Margot.

“Nếu tôi có gặp chuyện bất trắc, tôi mất trí và cố tố cáo cô - tức là tôi cố kể tội cô với cảnh sát để thoát tội - thì cô có cái đó làm chứng cứ rằng tôi ít nhất cũng là đồng lõa trong cái chết của

Mason Verger, mà cũng có thể tôi đã tự mình làm tất cả. Ít nhất là tôi đã cung cấp cho cô ADN.”

“Anh sẽ được miễn tố mà không cần phải chỉ điểm tôi.”

“Nếu là âm mưu thì có thể, nhưng nhúng tay vào một vụ giết người có đông đảo công chúng biết đến thì không đâu. Họ sẽ hứa tôi được đặc miễn truy tố nếu đó chỉ là âm mưu, nhưng rồi sẽ lật lọng khi họ biết là tôi giúp đỡ. Tôi sẽ bị lừa suốt đời. Nó ngay trong tay cô đấy.”

Barney không chắc về điều này, nhưng anh nghĩ nó nghe có vẻ thật hay ho.

Ả cũng có thể gài ADN của Lecter lên người Barney bất cứ lúc nào ả cần, và cả hai đều hiểu thế.

Ả nhìn hắn có vẻ rất lâu với đôi mắt đồ tể màu xanh sáng.

Ả đặt túi lên bàn. “Rất nhiều tiền trong đây,” ả nói. “Đủ để thấy tất cả tác phẩm của Vermeer trên thế giới. Một lần.” Ả có vẻ có chút choáng váng và vui sướng đến kỳ quặc. “Tôi mang con mèo của Franklin trong xe. Tôi phải đi đây. Franklin, mẹ kế của nó và chị nó Shirley và cái gã nào đó tên Stringbean và Chúa mới biết là có ai nữa đang đến thăm Muskrat trong khi Franklin ra viện. Tôi đã tốn năm chục đô để có được con mèo chết tiệt đó. Nó ở cạnh nhà cũ của Franklin.”

Ả không bỏ túi nhựa vào túi xách. Ả cầm nó bằng tay còn rảnh. Barney đoán là ả không muốn cho Barney thấy lựa chọn kia của ả ở trong túi xách.

Nơi cửa anh nói, “Cô thấy tôi hôn cô một cái được không?”

Ả kiễng chân hôn cái một cái thật nhanh lên môi.

“Như vậy ắt là được chứ,” ả nói nghiêm túc. Cầu thang kéo kẹt dưới sức nặng của ả lúc ả đi xuống.

Barney khóa cửa rồi đứng áp trán vào tủ lạnh mát rượi một lúc.

CHƯƠNG 99

STARLING tỉnh dậy trong tiếng nhạc thánh phòng vắng vắng và mùi thơm của đồ ăn. Cô cảm thấy tỉnh táo tuyệt vời và đói cồn cào. Có tiếng gõ cửa, bác sĩ Lecter bước vào phòng trong áo sơ mi trắng thắt cà vạt và quần màu tối. Hắn mang cho cô một túi bọc áo dài và một ly cà phê sữa.

“Cô ngủ ngon không?”

“Tuyệt vời, cảm ơn ông.”

“Đầu bếp bảo tôi tiếng rưỡi nữa chúng ta sẽ ăn tối. Một tiếng nữa thì uống cốc tai được chứ? Tôi nghĩ cô sẽ thích cái này - xem nó có hợp với cô không.” Hắn treo cái túi vào tủ áo rồi bỏ đi không nói thêm lời nào.

Cô tắm thật lâu rồi mới nhìn vào tủ áo, và khi đó cô cảm thấy hài lòng. Cô thấy một chiếc váy dạ hội dài bằng lụa màu kem, cổ xẻ một đường sâu bên dưới một áo khoác ngoài đính hạt trang nhã.

Trên bàn trang điểm có một đôi hoa tai ngọc lục bảo tròn. Cặp đá chiếu sáng lấp lánh mặc dù được cắt tròn.

Tóc cô lúc nào cũng đơn giản. Thân thể cô cảm thấy rất thoải mái trong bộ đồ này. Ngay cả khi không quen mặc trang phục như thế, cô cũng không ngăm kỹ mình trong gương mà chỉ nhìn qua để xem mọi cái đã ổn chưa.

Chủ nhà người Đức xây lò sưởi cái nào cũng to quá khổ. Trong phòng khách, Starling thấy một súc gỗ to đang cháy sáng. Cô tiến lại gần lò sưởi ấm áp trong tiếng thềm thì của lùa.

Có tiếng nhạc từ chiếc đàn clavico trong góc. Ngồi ở đó là bác sĩ Lecter áo thắt cà vạt trắng.

Hắn nhìn lên, trông thấy cô thì hơi thở ngừng lại ở họng. Đôi tay hắn cũng ngừng lại nhưng vẫn để trên phím. Tiếng đàn clavico không vang và, trong yên lặng bất chợt của phòng khách, cả hai đều nghe thấy hơi thở kế tiếp của hắn.

Trước lò sưởi là hai ly đồ uống. Hắn bận rộn chuẩn bị rượu. Rượu Lillet với một lát cam, bác sĩ Lecter trao một ly cho Clarice Starling.

“Nếu tôi được thấy cô mỗi ngày, mãi mãi, tôi sẽ nhớ giây phút này.” Đôi mắt đen của hắn ôm trọn lấy cô.

“Ông đã nhìn tôi bao nhiêu lần mà tôi không biết?”

“Chỉ ba lần.”

“Nhưng ở đây...”

“Thời gian không hiện hữu, và những gì tôi có thể thấy khi chăm sóc cô không ảnh hưởng đến sự riêng tư của cô. Nó được giữ riêng một chỗ cùng bệnh án của cô. Tôi phải thú nhận là nhìn cô ngủ rất dễ chịu. Cô rất đẹp, Clarice.”

“Bề ngoài chỉ là ngẫu nhiên mà có, bác sĩ Lecter.”

“Nếu vẻ đẹp mà phải gắng công mới được thì cô cũng vẫn xinh đẹp.”

“Cảm ơn.”

“Đừng nói ‘Cảm ơn.’” Đầu hắn chỉ hơi nghiêng một cái là cũng đủ đập tan nỗi khó chịu trong hắn như ném cái ly vào lò sưởi.

“Tôi nói những gì tôi nghĩ,” Starling nói. “Ông có thích hơn không nếu tôi nói ‘Tôi rất vui khi ông thấy tôi như vậy.’ Nghe có vẻ thích hơn nhưng nghĩa có khác gì nhau đâu.”

Cô nâng cốc lên dưới ánh nhìn kiên định, không chịu thua.

Chính lúc đó bác sĩ Lecter nhận thấy rằng, với tất cả hiểu biết, tất cả xâm nhập của mình, hắn vẫn sẽ không bao giờ hoàn toàn đoán trước được cô, hay sở hữu cô. Hắn có thể cho con sâu bướm ăn, hắn có thể thì thầm qua con nhộng, nhưng vật nở ra lại theo lẽ tự nhiên của giống loài nó chứ không phụ thuộc vào hắn. Hắn tự hỏi không biết cô có đeo khẩu .45 nơi chân trong lớp váy kia không.

Khi đó Clarice Starling mỉm cười với hắn. Hai viên ngọc tròn đón lấy ánh sáng từ lò sưởi và gã quái vật như lạc trong niềm đứng đưng đặc ý về cái gu tinh tế cũng như sự xảo trá của mình.

“Clarice, bữa tối kích thích vị giác và khứu giác, hai giác quan cổ xưa nhất và gần trung tâm trí óc nhất. Trong não, vị giác và khứu giác nằm ở những nơi đứng trước cả lòng trắc ẩn, và lòng trắc ẩn thì không có chỗ trên bàn ăn của tôi. Cùng lúc đó, những nghi thức, những cảnh tượng và những trao đổi trong bữa ăn lung linh ở vòm vỏ não như những phép màu sáng ngời trên nóc nhà thờ. Nó còn lôi cuốn hơn cả một vở kịch.” Hắn đưa mặt lại gần cô, đọc đôi mắt cô. “Tôi muốn cô biết cô đã mang đến cho bữa tối những điều tốt đẹp gì, Clarice, và cô được quyền làm những gì. Clarice, gần đây cô có ngắm mình trong gương

không? Tôi nghĩ là không. Tôi nghĩ là cô chưa từng soi gương. Giờ hãy đi vào sảnh, đứng trước chiếc gương dài đi nào.”

Bác sĩ Lecter đem theo một cây chúc dài lấy từ mặt lò sưởi.

Tám gương dài là một trong những đồ cổ đẹp của thế kỷ mười tám nhưng hơi ám khói và rạn. Nó được mang ra từ lâu đài Vaux-le-Vicomte và chỉ có Chúa biết nó đã chứng kiến những gì.

“Nhìn đây Clarice. Hình ảnh xinh đẹp này là cô đấy. Tối nay cô sẽ nhìn mình từ đằng xa một lát. Cô sẽ nhìn thấy những gì là đúng, cô sẽ nói những gì là sự thật. Cô không bao giờ thiếu dũng khí nói lên những điều mình nghĩ, nhưng cô bị nhiều ràng buộc cản trở. Tôi sẽ nói với cô lần nữa, không có chỗ cho lòng trắc ẩn ở cái bàn này.

“Nếu những lời nhận xét nói ra nhất thời gây khó chịu thì cô sẽ thấy là ngữ cảnh có thể làm cho chúng trở thành một thứ lưỡng lự giữa tức cười và hết sức buồn cười. Nếu những điều nói ra thật đến đau lòng thì nó cũng chỉ là sự thật thoáng qua và sẽ thay đổi.” Hắn nhấp một ngụm rượu. “Nếu cô thấy đau khổ nảy nở trong lòng, nó sẽ sớm bùng nổ thành sự nhẹ nhõm. Cô có hiểu tôi không?”

“Không, bác sĩ Lecter, nhưng tôi nhớ những gì ông nói. Một đồng toản những thứ tự thân tiến bộ. Tôi muốn một bữa tối vui vẻ.”

“Tôi hứa với cô điều đó.” Hắn cười, nụ cười làm cho một số người phải kinh hãi.

Cả hai đều không nhìn vào hình ảnh phản chiếu của cô trên tấm kính mờ. Họ nhìn nhau qua những ngọn nến đang cháy trên cây chúc dài và cái gương đang theo dõi họ.

“Nhìn đây, Clarice.”

Cô nhìn những tia màu đỏ xoẹt lên sâu trong mắt hấn và cảm thấy niềm phấn chấn của một đứa trẻ đang tiến lại gần một hội chợ xa.

Từ trong túi áo khoác, bác sĩ Lecter lấy ra một ống tiêm, đầu kim mảnh như một sợi tóc và, không hề nhìn mà chỉ định hướng bằng cảm giác, hấn tiêm mũi kim vào cánh tay cô. Khi hấn rút ra, vết thương nhỏ xíu không hề chảy máu.

“Ông đang chơi bài gì khi tôi bước vào?”

“Nếu tình yêu lên ngôi.”

“Nó cũ lắm rồi hả?”

“Henry VIII sáng tác vào khoảng năm 1510.”

“Ông chơi cho tôi được không?” cô nói. “Giờ ông chơi nốt được không?”

CHƯƠNG 100

NGỌN GIÓ khi họ bước vào phòng ăn khuấy động ngọn lửa của những cây nến và bếp hâm thức ăn. Starling chỉ mới thoáng thấy phòng ăn và thật sự tuyệt vời khi nhìn thấy căn phòng hoàn toàn biến đổi. Rực rỡ, mời gọi. Những đồ pha lê cao phản chiếu ánh nến trên khăn bàn màu kem nơi chỗ họ. Không gian được thu nhỏ thân mật với lẵng hoa che đi phần còn lại của cái bàn.

Bác sĩ Lecter đem bộ đồ ăn trong bếp hâm thức ăn lại vào phút cuối. Khi Starling đang xem xét bộ đồ ăn bày cho mình, cô cảm thấy cán dao nóng hằm hập như lên cơn sốt.

Bác sĩ Lecter rót rượu và chỉ đưa cho cô một chút xíu món ăn để khai vị, một con hào Belon và một mẫu xúc xích, vì hắn phải ngồi nhấm nháp nửa ly rượu và chiêm ngưỡng cô trong cảnh trí của chiếc bàn ăn do hắn bày biện.

Độ cao của chúc đài vừa chính xác. Ngọn lửa chiếu vào rãnh ngực sâu của cô và hắn không phải cảnh giác tay áo của cô.

“Chúng ta ăn gì đây?”

Hắn giơ ngón tay lên môi. “Đừng bao giờ hỏi, thế còn gì là ngạc nhiên nữa.”

Họ nói về việc vật lông quạ và hiệu quả của ống lông quạ đối với tiếng đàn clavico, và trong giây lát cô nhớ lại một con quạ đã

cướp xe thức ăn của mẹ cô trong một ban công khách sạn đã lâu lắm rồi. Từ xa cô xét thấy ký ức đó không phù hợp trong lúc vui vẻ này nên cố ý gạt nó đi.

“Đói chứ?”

“Vâng!”

“Vậy thì chúng ta sẽ dùng món đầu tiên.”

Bác sĩ Lecter bưng một khay từ tủ bát đặt lên bàn bên cạnh chỗ hắn và lặn xe thức ăn tới mép bàn. Và đây, chảo của hắn, bếp còn và gia vị trong những chén pha lê nhỏ xíu.

Hắn đốt lửa lên và bắt đầu thả miếng bơ Charante lớn vào nồi đồng. Hắn khuấy bơ chảy và để hơi cháy thành bơ nâu. Khi nó có màu nâu hạt dẻ, hắn bắc nồi bơ lên một cái kiềng ba.

Hắn mỉm cười với Starling, hàm răng hắn rất trắng.

“Clarice, cô có nhớ những gì chúng ta nói về những lời nhận xét dễ chịu và khó chịu và những chuyện rất buồn cười trong ngữ cảnh của nó không?”

“Mùi bơ thật tuyệt. Vâng, tôi nhớ.”

“Và cô có nhớ cô nhìn thấy ai trong gương, cô ta xinh đẹp thế nào không?”

“Bác sĩ Lecter, nếu ông không ngại thì tôi xin thưa là những cái này bắt đầu lặp đi lặp lại như chuyện con nít rồi đấy. Tôi nhớ rất rõ ràng.”

“Tốt. Ông Krendler sẽ ăn với chúng ta món đầu tiên.”

Bác sĩ Lecter dời lẵng hoa lớn trên bàn sang tủ bát.

Phó Trợ lý Tổng Thanh tra Paul Krendler bằng xương bằng thịt đang ngồi ở bàn trên ghế bành bằng gỗ sồi chắc chắn.

Krendler mở to mắt nhìn xung quanh. Hắn đeo băng đô chạy bộ và mặc chiếc tuxedo tang lễ rất đẹp với sơ mi và cà vạt đồng bộ. Bộ đồ bị xẻ ở sau lưng để bác sĩ Lecter có thể dèm kín quanh người hắn, che đi những thước băng keo dán hắn vào ghế.

Mi mắt Starling có lẽ đã hạ xuống một chút và môi cô mím nhẹ như lúc nhắm mắt.

Giờ đây bác sĩ Lecter lấy cái kẹp bạc từ tủ bát để lột băng keo dán miệng Krendler.

“Xin chào lần nữa ông Krendler.”

“Xin chào.” Krendler có vẻ không giống hắn lắm. Chỗ của hắn xếp một cái liên nhỏ.

“Ông có muốn chào Starling không?”

“Xin chào Starling.” Mặt hắn có vẻ sáng lên. “Tôi luôn muốn nhìn cô ăn.”

Starling nhìn hắn từ xa như thể cô là cái gương dài lâu đời uyên bác đang theo dõi hắn. “Xin chào ông Krendler.” Cô ngang mặt nhìn bác sĩ Lecter đang bận bịu với mớ xoong chảo. “Ông làm sao mà bắt hắn được thế?”

“Ông Krendler đang trên đường tới một hội nghị quan trọng về tương lai của mình trong chính trị,” bác sĩ Lecter nói. “Margot Verger mời hắn giúp tôi. Kiểu như *quid pro quo* - trao đổi ấy mà. Ông Krendler chạy bộ lên sân bay trong công viên Thung lũng đá để đón trực thăng của Verger. Nhưng thay vì thế ông ta đã bắt được xe của tôi. Ông có muốn cầu nguyện trước khi ăn không ông Krendler. Ông Krendler?”

“Cầu nguyện? Có.”

Krendler nhắm mắt. “Thưa Cha, chúng con tạ ơn Người vì phúc lành chúng con sắp sửa nhận và chúng con nguyện dâng hiến nó để phụng sự Người. Starling là một cô gái can đảm dám làm tình với cả cha cô ta dù rằng cô ta là người miền Nam. Xin hãy tha thứ cho cô ta vì điều đó và đem cô ta đến phụng sự con. Nhân danh Chúa, amen.”

Starling nhận thấy bác sĩ Lecter vẫn nhắm mắt một cách thuần thành suốt trong khi cầu nguyện.

Cô cảm thấy tỉnh táo và bình tĩnh. “Paul, tôi phải nói với ông là kể cả Tông đồ Paul cũng không thể làm tốt hơn. Ông ta cũng căm ghét phụ nữ nữa. Ông ta phải tên là Đáng Sợ* mới phải.”

“Cô đã để tuột mất cơ hội rồi, Starling. Cô sẽ không bao giờ được phục chức nữa.”

“Đây có phải là một lời mời làm việc mà ông biến thành phúc lành không? Tôi chưa bao giờ thấy ai tài như vậy đấy.”

“Tôi sắp vào Nghị viện.”

Krendler cười khó chịu. “Hãy đến trụ sở vận động tranh cử, tôi sẽ kiểm gì cho cô làm. Cô có thể làm việc văn phòng. Cô có biết đánh chữ và xếp hồ sơ không?”

“Tất nhiên.”

“Cô có nghe ghi được không?”

“Tôi dùng phần mềm nhận dạng giọng nói,” Starling nói. Cô tiếp tục với giọng sáng suốt. “Xin lỗi nếu tôi bàn chuyện công việc tại bàn ăn, nhưng ông không đủ nhanh nhẹn để ăn cắp trong Nghị viện. Ông không thể chỉ dùng trò chơi bắn để bù vào trí thông minh hạng hai. Nếu làm chân chạy việc cho các chính trị gia thì ông sẽ tồn tại lâu hơn đấy.”

“Đừng đợi chúng tôi, Krendler,” bác sĩ Lecter giục. “Hãy ăn chút xúp khi còn nóng này.” Hắn nâng liền xúp và đưa ống hút vào miệng Krendler.

Krendler nhăn mặt. “Xúp này không ngon lắm.”

“Thật ra nó là nước sắc mùi tây và cỏ xạ hương,” gã bác sĩ nói, “và có lợi cho chúng tôi hơn là cho ông. Uống vài ngụm nữa đi rồi để nó ngấm.”

Starling hình như đang cân nhắc điều gì đó, cô dùng hai lòng bàn tay như cái Cân Công lý. “Ông biết không ông Krendler, mỗi lần ông nhìn tôi bằng ánh mắt đều cáng, tôi lại có cảm giác khó chịu là tôi đã làm gì đó để đáng bị vậy.” Cô đưa lòng bàn tay lên xuống một cách có suy xét, giống như đang chơi trò Slinky. “Tôi không đáng bị vậy. Mỗi lần ông viết một điều tiêu cực vào hồ sơ công chức của tôi, tôi rất phẫn nộ. Tuy nhiên tôi vẫn xét lại mình, tôi tự vấn một lúc rồi cố xóa bỏ cảm giác khó chịu khi phải chấp nhận quan niệm bố là người biết rõ nhất.”

“Ông không phải là người biết rõ nhất, ông Krendler. Thực ra ông chả biết gì cả.” Starling nhắm một ngụm rượu vang trắng Burgundy ngon tuyệt rồi nói với bác sĩ Lecter, “Tôi thích chuyện này. Nhưng tôi nghĩ chúng ta nên thẳng thắn.” Cô xoay lại như một nữ chủ nhân ân cần với khách. “Ông luôn là một... một kẻ đàn độn, chả ai thèm để ý,” cô nói với giọng hài lòng. “Và vậy là đã nói đủ về ông tại bàn ăn đẹp đẽ này. Vì ông là khách của bác sĩ Lecter, tôi hy vọng ông thích bữa ăn.”

“Thật ra thì cô là ai?” Krendler nói. “Cô không phải Starling. Cô có nốt ruồi ở mặt nhưng cô không phải Starling.”

Bác sĩ Lecter cho hành vào bơ nâu nóng và khi hành phi dậy mùi thơm phức, hắn cho ngay bạch hoa xay nhỏ vào. Hắn bắc xoong xuống rồi đưa chảo chiên lên bếp. Hắn lấy trong tủ bát một tô pha lê đựng nước đá cùng một khay bạc rồi đặt cạnh Paul Krendler.

“Tôi có vài kế hoạch cho con nhỏ hay chỗ mồm đó,” Krendler nói, “nhưng giờ thì tôi sẽ vĩnh viễn không mướn cô. Thật ra ai đã bổ nhiệm cô?”

“Tôi không hy vọng ông có thể thay đổi thái độ hoàn toàn như Tông đồ Paul đã làm, ông Krendler,” bác sĩ Lecter nói. “Ông không phải đang trên đường tới Damascus, và cũng không trên đường tới trục thẳng của Verger.”

Bác sĩ Lecter gỡ băng đô khỏi đầu Krendler như ta gỡ vòng dây thun khỏi hộp trứng cá muối.

“Tất cả những gì chúng tôi cần là ông hãy để đầu óc rộng mở.” Cẩn thận dùng cả hai tay, bác sĩ Lecter nhắc phần đỉnh đầu Krendler ra, để trên khay bạc rồi cắt vào tủ bát. Chẳng có lấy một giọt máu rơi ra từ vết cắt. Những mạch máu chính đã được thắt lại, những mạch còn lại được bịt gọn ghẽ bằng cách gây tê cục bộ, và được chừa vòng quanh trong nhà bếp khoảng nửa tiếng trước bữa ăn.

Cách bác sĩ Lecter cắt phần đỉnh sọ Krendler đã có từ lâu đời như nền y học Ai Cập, ngoại trừ việc hắn thuận lợi hơn nhờ có cửa chuyên mổ xác dùng lưỡi dao mổ sọ, khóa sọ, và có thuốc tê tốt hơn. Vậy nên bộ não không cảm thấy đau đớn.

Phần não hình vòm xám hồng của Krendler nhô ra khỏi cái sọ bị cắt lửng.

Đứng khom người trên Krendler với dụng cụ như muỗng cắt amidan, bác sĩ Lecter cắt một miếng thùy trước trán Krendler, rồi lại cắt đến khi hấn có bốn miếng. Mắt Krendler ngược lên nhìn như thể hấn đang theo dõi chuyện đang xảy ra. Bác sĩ Lecter đặt bốn miếng thùy vào tô nước đá có pha thêm nước cốt chanh để làm chúng cứng lại.

“Bạn có muốn ngồi đung đưa trên một ngôi sao,” Krendler bất chợt hát. “Mang ánh trăng về nhà trong lọ.”

Trong nghệ thuật nấu ăn cổ điển, não được ngâm rồi ép và để lạnh qua đêm cho cứng lại. Muốn não tuyệt đối tươi, thử thách chính là không được để nó rã ra thành một mớ bầy nhầy.

Với sự khéo léo tuyệt vời, gã bác sĩ để những lát não cứng lên một cái đĩa, rắc lên một chút bột mì trộn hương liệu, rồi một chút vụn bánh mì tròn còn tươi.

Hấn thái một cái nấm cục đen vào sốt rồi vắt chút nước chanh, thế là nước sốt đã xong.

Hấn nhanh nhẹn ram những lát não cho vừa vàng tới ở hai mặt.

“Thơm quá!” Krendler nói.

Bác sĩ Lecter đặt mấy miếng não ram vàng sém lên bánh mì nướng bày trên những cái đĩa ấm, rồi rưới lên nước sốt có nấm cục thái mỏng. Trang trí bằng mùi tây và quả bạch hoa còn nguyên cuống, cùng một hoa sen cạn đặt trên xà lách xoong để đĩa thức ăn trông cao hơn, thế là màn bày biện của hấn hoàn tất.

“Nó thế nào?” Krendler hỏi, một lần nữa bị khuất sau lẵng hoa và nói to thái quá như những người bị phẫu thuật thùy não

hay nói.

“Phải nói là tuyệt vời,” Starling nói. “Cả đời giờ tôi mới được ăn bạch hoa đấy.”

Bác sĩ Lecter cảm thấy nước xốt bơ bóng trên môi cô gây xúc động lạ kỳ.

Krendler hát sau lăng hoa, toàn là bài hát trong nhà trẻ, và hẳn mời khán giả đưa ra yêu cầu.

Không thêm để ý tới hẳn, bác sĩ Lecter và Starling nói chuyện về Mischa. Starling biết số phận em gái gã bác sĩ qua những cuộc nói chuyện về sự mất mát, nhưng lúc này gã nói về chuyện em bé có thể sẽ quay lại với giọng đầy hy vọng. Và tối nay Starling thấy không đến nỗi vô lý nếu Mischa có thể trở lại.

Cô bày tỏ hy vọng được gặp Mischa.

“Cô sẽ chẳng bao giờ được nghe điện thoại trong văn phòng của tôi. Giọng cô như một con nhà quê,” Krendler hét lên qua những bông hoa.

“Không biết tôi có giống Oliver Twist không nếu tôi muốn ăn THÊM,” Starling trả lời làm bác sĩ Lecter không kiềm chế nổi niềm hân hoan trong lòng.

Phần ăn thứ hai dùng gần hết thùy trước trán, gần chạm vào phần vỏ não tiền vận động. Krendler giờ chỉ biết nói nhăng nhít về những gì hắn thấy trực tiếp và đọc một đoạn thơ đậm dặt dài dòng chẳng ra vần điệu tên “Shine” sau lăng hoa.

Mãi nói chuyện nên Starling và Lecter cũng chỉ thấy giống như đang phải nghe hát chúc mừng sinh nhật ở bàn bên cạnh trong nhà hàng, nhưng khi giọng của Krendler trở nên quá sức chịu đựng, bác sĩ Lecter với lấy cái nỏ trong góc tường.

“Tôi muốn cô nghe âm thanh của nhạc cụ dây này, Clarice.”

Hắn đợi một khoảnh khắc yên lặng của Krendler và bắn một mũi tên xéo qua bàn xuyên qua lẵng hoa cao.

“Tần số rung động đặc thù của dây nỏ, nếu cô có nghe được lần nữa trong bất cứ hoàn cảnh nào, sẽ chỉ có nghĩa là cô được tự do hòa bình và độc lập tuyệt đối,” bác sĩ Lecter nói.

Túm lông chim và một phần mũi tên vẫn ở phía có thể quan sát được của lẵng hoa, nó ít nhiều rung với tốc độ của cây đu chỉ huy nhịp đập của tim. Tiếng Krendler im bật và cây đu chỉ huy cũng rung vài nhịp rồi dừng hẳn.

“Khoảng D dưới C trung đúng không?” Starling nói.

“Chính xác.”

Một lát sau Krendler phát ra tiếng ùng ục sau lẵng hoa. Đó chỉ là cơn co giật trong thanh quản do độ axit máu tăng cao, hắn vừa chết.

“Chuyển sang món tiếp theo thôi,” gã bác sĩ nói, “một chút kem chanh để tráng mồm tráng miệng trước khi dùng món chim cút. Không, không phải đứng lên đâu. Ông Krendler sẽ giúp tôi dọn dẹp, nếu cô không trách ông ấy.”

Mọi thứ được làm chóng vánh. Sau lẵng hoa, bác sĩ Lecter gạt thức ăn thừa trong đĩa vào hộp sọ của Krendler rồi dúi mở đĩa vào lòng ông ta. Hắn lấy chóp hộp sọ đập lại, nhặt sợi thừng buộc vào con búp bê dưới ghế Krendler để lôi ông ta vào bếp.

Bác sĩ Lecter sặc lại nỏ trong bếp. Thật tiện khi chiếc nỏ dùng cùng bộ pin với máy cưa xác của hắn.

Da chim cú được rán giòn và nhồi gan ngỗng béo. Bác sĩ nói về Henry VIII trong vai trò nhà soạn nhạc, còn Starling nói về việc sử dụng CAD - thiết kế bằng máy tính - để thiết kế âm thanh động cơ, tái tạo lại những tần số êm tai.

Bữa tối sẽ diễn ra trong phòng khách, bác sĩ Lecter thông báo thế.

CHƯƠNG 101

MỘT chiếc bánh souffle và những ly rượu Château d'Yquem trước lò sưởi trong phòng khách, cà phê sẵn sàng trên cái bàn ngay cùi chỏ Starling.

Ngọn lửa nhảy múa trong rượu vàng óng, mùi lửa bao trùm tiếng củi cháy trầm đục.

Họ nói về những tách trà, về thời gian và quy luật của cái vô trật tự.

“Và vì thế tôi tin là,” bác sĩ Lecter đang nói, “phải có một nơi cho Mischa trên thế giới này, một chỗ hoàn hảo chứa trống cho nó và tôi đi đến suy nghĩ, Clarice ạ, rằng cái nơi tuyệt nhất trên thế giới này là chỗ của cô.”

Ánh lửa không rọi thẳng được vào bộ ngực khoét sâu của cô như ánh nến, nhưng thật tuyệt vời khi đùa nghịch trên gương mặt cô.

Cô ngẫm nghĩ một lúc. “Cho tôi hỏi ông điều này, bác sĩ Lecter. Nếu một chỗ hoàn hảo trên thế giới này cần thiết cho Mischa, tôi không có ý là nó không cần thiết, thì chuyện gì xảy ra với chỗ của ông? Nó đã bị chiếm giữ hoàn toàn và tôi biết ông không bao giờ từ chối cô ấy. Cô ấy và tôi có thể như chị em. Và nếu, như ông nói, trong tôi có chỗ cho cha tôi thì tại sao trong ông không có chỗ cho Mischa?”

Bác sĩ Lecter có vẻ rất hài lòng, nhưng không thể biết là hài lòng với suy nghĩ kia hay với khả năng ứng đối của Starling. Có lẽ hẳn là anh cảm thấy lo ngại rằng hẳn đã xây dựng tốt hơn là hẳn tưởng.

Khi để lại cái ly lên bàn bên cạnh, cô đẩy tách cà phê làm nó vỡ tan trên nền lò sưởi. Cô không nhìn xuống.

Bác sĩ Lecter nhìn những mảnh vỡ, chúng nằm bất động.

“Tôi không nghĩ ông phải quyết định ngay lúc này,” Starling nói. Mắt cô và đôi hoa tai lục ngọc sáng lên trong ánh lửa. Một cái hà hơi từ lò sưởi, hơi lửa ấm xuyên qua lớp váy của cô, và một ký ức đã qua đến với Starling - *rất lâu về trước bác sĩ Lecter đã hỏi Thượng Nghị sĩ Martin là bà có cho con gái bà bú không*. Starling bỗng trở nên bình tĩnh lạ thường: Trong giây lát rất nhiều cánh cửa sổ trong tâm trí cô xếp thẳng hàng và cô nhìn xuyên suốt những gì đã trải qua. Cô nói, “Hannibal Lecter, mẹ ông có cho ông bú không?”

“Có.”

“Ông có bao giờ cảm thấy ông phải từ bỏ bầu sữa mẹ cho Mischa? Ông có bao giờ cảm thấy ông bị bắt phải nhường nó cho cô ấy?”

Im lặng một khắc. “Tôi không nhớ nữa, Clarice. Nếu như tôi nhường thì tôi đã nhường một cách vui vẻ.”

Clarice Starling luồn bàn tay khum khum vào cổ váy khoét sâu để giải phóng bộ ngực, và nó nhanh chóng căng cứng lên. “Ông không phải nhường cái này,” cô nói. Cô nhìn chăm chăm vào mắt hẳn, ngón tay khô gọi quét rượu Chateau d’Yquem ấm

áp trên miệng và một giọt rượu ngọt ngào đặc sánh vương trên nhũ hoa như viên ngọc vàng óng run rẩy theo hơi thở của cô.

Hắn đi nhanh tới chỗ cô, quỳ một gối trước ghế cô, cúi mái đầu đen bóng xuống đầu nhũ hoa hồng hào trên làn váy màu kem của cô trong ánh lửa.

CHƯƠNG 102

BUENOS AIRES, Argentina, ba năm sau:

Barney và Lillian Hersh đi dạo gần Obelisk trên Đại lộ 9 de Julio khi trời vừa tối. Cô Hersh là giảng viên Đại học London đang nghỉ phép. Cô và Barney gặp gỡ trong một bảo tàng nhân chủng học ở Mexico City. Họ quý mến nhau và đã cùng nhau đi du lịch hai tuần, thử một ngày mỗi lần và thấy việc đó ngày càng vui. Họ không thấy chán nhau.

Bọn họ đến Buenos Aires quá trễ vào buổi chiều nên không đi được Bảo tàng Quốc gia, chỗ đang mượn một bức tranh của Vermeer. Sứ mệnh đi xem tất cả các kiệt tác của Vermeer trên thế giới của Barney làm cho Lillian Hersh thấy thích thú và nó không cản trở những thời khắc tốt đẹp. Anh đã thấy được một phần tư những kiệt tác của Vermeer và vẫn còn nhiều tác phẩm để xem tiếp.

Họ đang tìm một quán cà phê xinh đẹp để dùng bữa ngoài trời.

Những chiếc Limousine đang de lại Teatro Colon, nhà hát opera tráng lệ của Buenos Aires. Họ dừng lại để ngắm những người yêu nhạc kịch đi vào.

Một dàn diễn viên xuất sắc sắp diễn vở *Tamerlane* và đám đông về đêm ở ngoài trời Buenos Aires rất đáng để xem.

“Barney, anh có muốn xem nhạc kịch không? Tôi nghĩ anh sẽ thích đấy. Tôi chủ chi.”

Cô dùng tiếng lóng của Mỹ làm cho anh thấy hay hay. “Nếu cô dắt tôi len qua được đám đông này, tôi sẽ chủ chi,” Barney nói. “Cô có nghĩ họ sẽ để cho chúng ta vào không?”

Ngay lúc đó, một chiếc Mercedes Maybach màu xanh biển đậm và bạc rít bánh nhẹ bên vệ đường. Một người gác cửa vội vàng mở cửa xe.

Một người đàn ông mảnh dẻ lịch lãm thắt cà vạt trắng bước ra và đưa tay cho một phụ nữ. Sự xuất hiện của cô làm cho đám đông trầm trồ xôn xao nơi cửa vào. Cô có mái tóc ngắn màu bạch kim ôm gọn khuôn mặt và mặc váy bó mềm mại màu cam san hô có lớp tuyn phủ ngoài. Những viên ngọc lục bảo sáng rực rỡ ở cổ cô. Barney chỉ thoáng thấy cô qua những cái đầu trong đám đông. Cô và người đàn ông lịch lãm của cô nhanh chóng bị cuốn vào trong.

Barney nhìn rõ người đàn ông hơn. Đầu ông ta bóng như một con rái cá và mũi khoằm y như mũi Peron. Đáng đi làm cho ông ta cao hơn thực tế.

“Barney? Ô, Barney,” Lillian nói, “khi anh trấn tĩnh lại, nếu anh có đang mất tỉnh táo, thì nói cho tôi biết anh muốn vào xem nhạc kịch không nhé. Nếu bọn họ để chúng ta mặc quần áo bình thường vào. Phải, tôi nói vậy đấy, dù không hẳn chính xác. Bao giờ tôi cũng muốn nói mình đang mặc quần áo thường.”

Khi Barney không hỏi “thường” là sao, cô liếc sang bên anh. Anh luôn luôn hỏi mọi thứ.

“Vâng,” Barney nói lơ đãng. “Tôi sẽ chủ chi.” Barney có rất nhiều tiền. Anh cẩn trọng với tiền bạc nhưng không bủn xỉn. Tuy nhiên chỉ còn lại vé ở tầng mái giữa đám học trò.

Đoán trước được độ cao của chỗ ngồi, anh thuê ống nhòm ở hành lang.

Nhà hát khổng lồ là sự kết hợp của nét Phục hưng Ý, Hy Lạp và Pháp thật xa hoa với đồng thau, vàng mạ và nhung đỏ. Trang sức lấp lánh trong đám đông như những bóng đèn trong trận đấu bóng.

Lillian giải thích cốt truyện trước khi khúc mở màn bắt đầu. Cô nói thật khẽ vào tai anh.

Ngay trước khi đèn tắt, đảo mắt qua khán phòng từ dãy ghế ngồi rẻ tiền, Barney đã thấy họ, người phụ nữ tóc bạch kim và người đồng hành của cô. Họ vừa đi qua những tấm rèm vàng để vào trong lô ghế có trang hoàng lộng lẫy bên cạnh sân khấu. Những viên lục ngọc trên cổ cô lấp lánh trong ánh đèn rực rỡ của nhà hát khi cô ngồi xuống.

Barney chỉ thoáng thấy mặt bên phải của cô khi cô vào trong nhà hát. Giờ đây anh có thể thấy cả bên trái.

Đám học trò xung quanh họ, các cựu binh ngồi chỗ cao đem vào đủ các thứ dụng cụ hỗ trợ nhìn từ xa. Một cậu học trò có cái ống nhòm xịn dài đến nỗi đựng cả vào tóc người đằng trước. Barney đổi ống nhòm với cậu ta để nhìn tới lô ở xa. Thật khó tìm lại lô ghế đó vì ống dài của ống nhòm làm giới hạn tầm nhìn, nhưng lúc anh tìm thấy, đôi trai gái ngồi sát nhau đến ngạc nhiên.

Má cô gái có một nốt ruồi duyên ngay chỗ người Pháp gọi là “Dũng cảm”. Mắt cô quét qua khán phòng, qua khu vực của anh và chuyển sang chỗ khác. Cô có vẻ đầy sức sống và điều khiển cái miệng màu san hô của mình rất điệu nghệ. Cô ngả sang phía người đi cùng nói gì đó rồi họ cùng cười với nhau. Cô đặt tay vào tay ông ta và giữ ngón cái của ông ta.

“Starling,” Barney nói trong hơi thở.

“Cái gì?” Lillian thăm thì.

Barney thấy thật khó theo dõi màn đầu của vở nhạc kịch. Ngay khi đèn sáng lên trong đợt nghỉ giải lao đầu tiên, anh giờ ống nhòm tới lô ghế lần nữa. Người đàn ông lấy một ly rượu sâm banh từ khay của người phục vụ đưa cho người phụ nữ, rồi lấy tiếp một ly cho mình. Barney phóng to khuôn mặt nhìn nghiêng của ông ta, hình thù tai của ông ta.

Anh dõi theo cánh tay trần của của người phụ nữ. Cánh tay lộ ra không có tí vết và săn chắc theo như con mắt chuyên nghiệp của anh.

Khi Barney đang theo dõi, người đàn ông quay đầu lại như thể bắt được tiếng động từ xa và hướng về phía Barney. Người đàn ông giờ ống nhòm lên mắt. Barney có thể thề rằng ống nhòm nhắm về phía anh. Anh cầm tờ chương trình che mặt mình và sụm xuống trong chỗ ngồi để cố làm ra bộ mình có chiều cao trung bình.

“Lillian,” anh nói. “Tôi muốn nhờ cô giúp một ơn huệ to lớn.”

“Ờ,” cô nói. “Nếu cũng giống như những chuyện khác thì tốt hơn tôi nên nghe xem là chuyện gì trước đã.”

“Khi đèn tắt thì chúng ta sẽ rời khỏi đây. Bay với tôi đi Rio tối nay. Đừng hỏi gì.”

Kiệt tác Vermeer ở Buenos Aires là tác phẩm duy nhất Barney không bao giờ thấy.

CHƯƠNG 103

THEO DÔI đôi trai gái xinh đẹp từ nhà hát? Được thôi, nhưng phải rất cẩn thận...

Vào thời hoàng kim, tango là hơi thở của Buenos Aires và đêm ở đây cũng rộn ràng mạch sống. Chiếc Mercedes mở cửa sổ để cho tiếng nhạc vũ trường lọt vào. Chiếc xe lăn bánh vo vo xuyên qua quận Recoleta tới Đại lộ Alvear rồi mất hút vào trong sân của một tòa nhà trang nhã theo kiến trúc Beaux Arts gần đại sứ quán Pháp.

Không khí thật nhẹ nhàng và một bữa ăn khuya trễ được dọn sẵn ở tầng thượng, song những người phục vụ đã đi khỏi.

Người phục vụ trong nhà này có ý chí tinh thần cao nhưng giữa họ có một kỷ luật sắt. Họ bị cấm lên tầng thượng của tòa nhà trước buổi trưa hay sau khi phục vụ món đầu tiên cho bữa tối.

Bác sĩ Lecter và Clarice Starling hay nói chuyện vào bữa tối bằng thứ ngôn ngữ không phải là tiếng Anh mẹ đẻ của Starling. Hồi còn đi học, cô đã học căn bản tiếng Pháp và Tây Ban Nha nên có thể tiếp tục phát triển lên thêm, và cô nhận ra mình có đôi tai rất tốt. Họ nói tiếng Ý rất nhiều trong giờ ăn. Cô tìm thấy sự phóng khoáng lạ lẫm trong sắc thái đầy hình tượng của ngôn ngữ này.

Thỉnh thoảng đôi uyên ương của chúng ta khiêu vũ vào giờ ăn tối. Thỉnh thoảng họ không ăn hết bữa tối.

Mối quan hệ của họ có liên quan lớn đến sự thâm nhập vào cơ thể Clarice Starling mà cô rất khao khát đón nhận và khuyến khích. Nó liên quan nhiều đến sự bao bọc Hannibal Lecter, vượt xa bên bờ trải nghiệm của hắn. Có khả năng Clarice Starling có thể làm hắn sợ. Tình dục là một kết cấu đẹp đẽ mà họ bổ sung thêm mỗi ngày.

Cung điện ký ức của Clarice Starling cũng đang được xây dựng. Nó có chung một vài chỗ với cung điện ký ức của chính bác sĩ Lecter. Hắn có vài lần phát hiện ra cô trong đó, nhưng cung điện của cô cũng tự nó phát triển. Nó đầy ắp những mối mẻ. Cô có thể ghé thăm cha cô ở đó. Hannah ở trên bãi cỏ trong đó. Jack Crawford ở đó khi cô muốn thấy ông cúi xuống bàn làm việc của ông - sau khi Crawford ở viện về được một tháng thì cơn đau tim trở lại trong đêm đó. Thay vì gọi xe cấp cứu và trải qua chuyện đó lần nữa, ông chọn cách lăn sang bên giường của người vợ quá cố để tìm vòng tay an ủi.

Starling biết về cái chết của Crawford trong một lần bác sĩ Lecter ghé vào trang web công khai của FBI như lệ thường để xuýt xoa về sự giống nhau của hắn với mười tên tội phạm truy nã hàng đầu. Tấm hình của bác sĩ Lecter mà Cục điều tra đang sử dụng vẫn là tấm hình an toàn của khuôn mặt hắn trước khi thay đổi hai lần.

Sau khi Starling đọc cáo phó của Jack Crawford, cô đi dạo một mình gần hết một ngày và cô rất vui khi trở về nhà vào buổi tối.

Một năm trước, cô đã nhờ gắn một viên lục ngọc của mình lên một chiếc nhẫn. Bên trong khắc chữ AM-CS. Ardelia Mapp nhận được nó trong một cái gói không có tên người gửi với một lời nhắn. *Ardelia thân yêu, tớ vẫn ổn và còn hơn cả ổn nữa. Đừng có tìm tớ. Tớ xin lỗi đã làm cậu sợ. Đốt cái này đi. Starling.*

Mapp đem chiếc nhẫn đến bờ sông Shenandoah nơi Starling từng chạy bộ. Cô nắm chặt chiếc nhẫn trong tay và cứ thế đi hết một đoạn đường dài, cơn giận làm mắt cô nóng lên. Cô sẵn sàng quăng cái nhẫn xuống nước, tưởng tượng ra nó lóa sáng trong không trung và tiếng tòm nhỏ xíu. Song cuối cùng cô đeo nhẫn vào ngón tay và dứt nắm đấm vào trong túi. Mapp không khóc nhiều. Cô đi một quãng dài đến khi tâm tĩnh lại. Khi cô trở về xe thì trời đã tối.

Thật khó mà biết được Starling nhớ những gì về cuộc đời khi xưa của cô, những gì cô chọn giữ lại. Liều thuốc đã khống chế cô trong những ngày đầu tiên từ lâu đã không còn ảnh hưởng tới cuộc sống của họ. Cả những cuộc nói chuyện dài với một nguồn ánh sáng duy nhất trong căn phòng.

Thỉnh thoảng, bác sĩ Lecter cố tình làm rơi một tách trà để nó vỡ tan trên sàn nhà. Hẳn hài lòng khi nó không tự ráp lại. Đã rất nhiều tháng nay hẳn không còn thấy Mischa trong giấc mơ.

Một ngày nào đó có lẽ một cái tách sẽ tự ráp lại. Hoặc ở đâu đó Starling bị đánh thức bởi tiếng dây nổ, nếu như cô thật sự ngủ.

Chúng ta nên lùi thôi, trong khi họ đang khiêu vũ trên sân thượng thì Barney khôn ngoan đã rời khỏi thị trấn và chúng ta

phải theo gương anh. Vì nếu một ai trong họ nhận ra chúng ta thì cũng sẽ chết người.

Chúng ta chỉ có thể học rất nhiều điều mà sống.